

KINH ĐẠI BÁT NIẾT-BÀN

大般涅槃經

TẬP VII (QUYỂN 37 - QUYỂN 42)

TAM TẠNG PHÁP SƯ ĐÀM VÔ SẮM Hán dịch (Quyển 37-40)

NHÃ-NA -BẠT-ĐÀ-LA - HỘI NINH Hán dịch (Quyển 41-42)

ĐOÀN TRUNG CÒN - NGUYỄN MINH TIẾN Việt dịch và chú giải

NGUYỄN MINH HIỂN hiệu đính Hán văn

TÁI BẢN CÓ CHỈNH SỬA VÀ BỔ SUNG

NHÀ XUẤT BẢN TÔN GIÁO

願
解
如
來
真
實
義

我
今
見
聞
得
受
持



無
上
甚
深
微
妙
法

百
千
萬
劫
難
遭
遇

NAM MÔ BỔN SƯ THÍCH-CA MÂU-NI PHẬT

Kinh Phật dạy rằng: “Thấy kinh như thấy Phật.”

Kinh điển Đại thừa hiện ở nơi đây, tức mười phương chư Phật đều hiện hữu nơi đây, chư Bồ Tát hộ pháp cũng tụ hội quanh đây. Người đọc kinh này nếu muốn hiểu được ý nghĩa nhiệm mầu sâu xa trong văn kinh, trước hết phải có lòng tin sâu như vậy, sau đó nên chí thành phát lời nguyện rằng:

“Chánh pháp Như Lai nhiệm mầu sâu xa không gì hơn được, dù trải qua trăm ngàn muôn kiếp tìm cầu cũng không dễ gặp. Nay con đã nhận được Kinh điển Đại thừa Đại Bát Niết-bàn này để tu tập hành trì, nguyện khai mở trí tuệ để thấu hiểu nghĩa lý sâu xa chân thật trong từng lời thuyết giảng của đức Như Lai.”

Nam-mô Bổn sư Thích-ca Mâu-ni Phật

大般涅槃經

卷第三十七

迦葉菩薩品

第十二之五

迦葉菩薩言。世尊。如佛所說眾生佛性猶如虛空。云何名為如虛空耶。

善男子。虛空之性非過去非未來非現在。佛性亦爾。

善男子。虛空非過去。何以故無現在故。法若現在可說過去。以無現在故無過去亦無現在。何以故。無未來故。法若未來可說現在。以無未來故無現在亦無未來。何以故。無現在過去故。若有現在過去則有未來。以無過去現在故則無未來。以是義故。虛空之性非三世攝。

善男子。以虛空無故無有三世。不以有故無三世也。如虛空花非是有故無有三世。虛空亦爾非是有故無有三世。

善男子。無物者。即是虛空佛性亦爾。

善男子。虛空無故非三世攝。佛性常故非三世攝。

ĐẠI BÁT NIẾT-BÀN KINH

QUYỂN ĐỆ TAM THẬP THẤT

CA-DIỆP BỒ TÁT PHẨM

ĐỆ THẬP NHỊ CHI NGŨ

Ca-diếp Bồ Tát ngôn: Thế Tôn! Như Phật sở thuyết, chúng sanh Phật tánh, do như hư không. Vân hà danh vi như hư không da?

Thiện nam tử! Hư không chi tánh, phi quá khứ, phi vị lai, phi hiện tại. Phật tánh diệc nhĩ.

Thiện nam tử! Hư không phi quá khứ. Hà dĩ cố? Vô hiện tại cố. Pháp nhược hiện tại, khả thuyết quá khứ. Dĩ vô hiện tại, cố vô quá khứ. Diệc vô hiện tại. Hà dĩ cố? Vô vị lai cố. Pháp nhược vị lai, khả thuyết hiện tại. Dĩ vô vị lai, cố vô hiện tại. Diệc vô vị lai. Hà dĩ cố? Vô hiện tại, quá khứ cố. Nhược hữu hiện tại, quá khứ, tắc hữu vị lai. Dĩ vô quá khứ, hiện tại cố, tắc vô vị lai. Dĩ thị nghĩa cố, hư không chi tánh, phi tam thế nhiếp.

Thiện nam tử! Dĩ hư không vô cố, vô hữu tam thế. Bát dĩ hữu cố, vô tam thế dã. Như hư không hoa, phi thị hữu cố, vô hữu tam thế. Hư không diệc nhĩ; phi thị hữu cố, vô hữu tam thế.

Thiện nam tử! Vô vật giả, tức thị hư không. Phật tánh diệc nhĩ.

Thiện nam tử! Hư không vô cố, phi tam thế nhiếp. Phật tánh thường cố, phi tam thế nhiếp.

善男子。如來已得阿耨多羅三藐三菩提。所有佛性一切佛法常無變易。以是義故。無有三世猶如虛空。

善男子。虛空無故非內非外。佛性常故非內非外。故說佛性猶如虛空。

善男子。如世間中無罣礙處名為虛空。如來得阿耨多羅三藐三菩提已於一切佛法無有罣礙。故言佛性猶如虛空。

以是因緣我說佛性猶如虛空。

迦葉菩薩白佛言。世尊。如來佛性涅槃非三世攝而名為有。虛空亦非三世所攝。何故不得名為有耶。

佛言。善男子。為非涅槃名為涅槃。為非如來名為如來。為非佛性名為佛性。

云何名為非涅槃也。所謂一切煩惱有為之法。為破如是有為煩惱。是名涅槃。

非如來者。謂一闍提至辟支佛。為破如是一闍提等至辟支佛。是名如來。

非佛性者。所謂一切墻壁瓦石無情之物。離如是等無情之物。是名佛性。

善男子。一切世間無非虛空對於虛空。

Thiện nam tử! Như Lai dĩ đắc A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề, sở hữu Phật tánh, nhất thiết Phật pháp, thường vô biến dịch. Dĩ thị nghĩa cố, vô hữu tam thế, do như hư không.

Thiện nam tử! Hư không vô cố, phi nội, phi ngoại. Phật tánh thường cố, phi nội, phi ngoại. Cố thuyết Phật tánh, do như hư không.

Thiện nam tử! Như thế gian trung, vô quái ngại xứ, danh vi hư không. Như Lai đắc A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề dĩ, ư nhất thiết Phật pháp, vô hữu quái ngại. Cố ngôn: Phật tánh, do như hư không.

Dĩ thị nhân duyên, ngã thuyết Phật tánh, do như hư không.

Ca-diếp Bồ Tát bạch Phật ngôn: Thế Tôn! Như Lai Phật tánh Niết-bàn, phi tam thế nhiếp, nhi danh vi hữu. Hư không diệc phi tam thế sở nhiếp, hà cố bất đắc danh vi hữu da?

Phật ngôn: Thiện nam tử! Vi phi Niết-bàn, danh vi Niết-bàn. Vi phi Như Lai, danh vi Như Lai. Vi phi Phật tánh, danh vi Phật tánh.

Vân hà danh vi phi Niết-bàn dã? Sở vi nhất thiết phiền não hữu vi chi Pháp. Vị phá như thị hữu vi phiền não, thị danh Niết-bàn.

Phi Như Lai giả, vị Nhất-xiển-đề chí Bích-chi Phật. Vị phá như thị nhất-xiển-đề đẳng chí Bích-chi Phật, thị danh Như Lai.

Phi Phật tánh giả, sở vi nhất thiết tường bích, ngổa thạch, vô tình chi vật. Ly như thị đẳng vô tình chi vật, thị danh Phật tánh.

Thiện nam tử! Nhất thiết thế gian, vô phi hư không, đối ư hư không.

迦葉菩薩白佛言。世尊。世間亦無非四大對。而猶得名四大是有。虛空無對何故不得名之為有。

佛言。善男子。若言涅槃非三世攝虛空亦爾者。是義不然。何以故。涅槃是有，可見，可證，是色，足跡，章句，是有，是相，是緣，是歸依處寂靜光明安隱彼岸。是故得名非三世攝。虛空之性無如是法是故名無。若有離於如是等法。更有法者應三世攝。虛空若同是有法者。不得非是三世所攝。

善男子。如世人說虛空名為無色無對不可睹見。若無色無對不可見者。即心數法。虛空若同心數法者。不得不是三世所攝。若三世攝即是四陰。是故離四陰已無有虛空。

復次善男子。諸外道言。夫虛空者即是光明。若是光明即是色法。虛空若爾是色法者即是無常。是無常故三世所攝。云何外道說非三世。若三世攝則非虛空。亦何說言虛空是常。

善男子。復有人言虛空者即是住處。若有住處即是色法。而一切處皆是無常三世所攝。虛空亦常非三世攝。若說處者知無虛空。

復有說言虛空者即是次第。若是次第即是數法。若是可數即三世攝。若三世攝云何言常。

Ca-diếp Bồ Tát bạch Phật ngôn: Thế Tôn! Thế gian diệc vô phi tứ đại đối, nhi do đắc danh tứ đại thị hữu. Hư không vô đối, hà cố bất đắc danh chi vi hữu?

Phật ngôn: Thiện nam tử! Nhược ngôn: Niết-bàn phi tam thế nhiếp, hư không diệc nhĩ giả, thị nghĩa bất nhiên. Hà dĩ cố? Niết-bàn thị hữu, khả kiến, khả chứng, thị sắc tức tích, chương cú, thị hữu, thị tướng, thị duyên, thị quy y xứ, tịch tĩnh, quang minh, an ổn bỉ ngạn. Thị cố đắc danh phi tam thế nhiếp. Hư không chi tánh vô như thị pháp. Thị cố danh vô. Nhược hữu ly ư như thị đẳng pháp, cánh hữu pháp giả, ưng tam thế nhiếp. Hư không nhược đồng thị hữu pháp giả, bất đắc phi thị tam thế sở nhiếp.

Thiện nam tử! Như thế nhân thuyết: Hư không danh vi vô sắc, vô đối, bất khả đở kiến. Nhược vô sắc, vô đối, bất khả kiến giả, tức tâm số pháp. Hư không nhược đồng tâm số pháp giả, bất đắc bất thị tam thế sở nhiếp. Nhược tam thế nhiếp, tức thị tứ âm. Thị cố ly tứ âm dĩ, vô hữu hư không.

Phục thứ, thiện nam tử! Chư ngoại đạo ngôn: Phù hư không giả, tức thị quang minh. Nhược thị quang minh, tức thị sắc pháp. Hư không nhược nhĩ thị sắc pháp giả, tức thị vô thường. Thị vô thường cố, tam thế sở nhiếp. Vân hà ngoại đạo thuyết phi tam thế? Nhược tam thế nhiếp, tắc phi hư không. Diệc hà thuyết ngôn hư không thị thường?

Thiện nam tử! Phục hữu nhân ngôn: Hư không giả, tức thị trụ xứ. Nhược hữu trụ xứ, tức thị sắc pháp. Nhi nhất thiết xứ giai thị vô thường, tam thế sở nhiếp. Hư không diệc thường, phi tam thế nhiếp. Nhược thuyết xứ giả, tri vô hư không.

Phục hữu thuyết ngôn: Hư không giả, tức thị thứ đệ. Nhược thị thứ đệ, tức thị số pháp. Nhược thị khả số, tức tam thế nhiếp. Nhược tam thế nhiếp, vân hà ngôn thường?

善男子。若復說言夫虛空者不⁽¹⁾離三法。一者空。二者實。三者空,實。若言空是,當知虛空是無常法。何以故。實處無故。若言實是,當知虛空亦是無常。何以故。空處無故。若空,實是,當知虛空亦是無常。何以故。二處無故。是故虛空名之為無。

善男子。如說虛空是可作法。如說去樹去舍而作虛空,平作虛空。覆於虛空,上於虛空。盡虛空色如大海水。是故虛空是可作法。一切作法皆是無常猶如瓦瓶。虛空若爾應是無常。

善男子。世間人說一切法中無罣礙處名虛空者。是無礙處於一切法。為具足有為分有耶。若具足有。當知餘處則無虛空。若分有者。則是彼此可數之法。若是可數當知無常。

善男子。若有人說虛空無礙與有并合。又復說言虛空在物如器中果。二俱不然。

何以故。若言并合則有三種。一異業共合。如飛鳥集樹。二共業合。如兩羊相觸。三已合共合。如二雙指合在一處。

若言。異業共合異則有二。一是物業。二虛空

¹ Bản chữ Vạn khắc chữ (知) tri, chắc là nhầm.

Thiện nam tử! Nhược phục thuyết ngôn: Phù hư không giả, bất ly tam pháp: nhất giả không, nhị giả thật, tam giả không thật. Nhược ngôn không thị, đương tri hư không thị vô thường pháp. Hà dĩ cố? Thật xứ vô cố. Nhược ngôn thật thị, đương tri hư không diệt thị vô thường. Hà dĩ cố? Không xứ vô cố. Nhược không thật thị, đương tri hư không diệt thị vô thường. Hà dĩ cố? Nhị xứ vô cố. Thị cố hư không, danh chi vi vô.

Thiện nam tử! Như thuyết: Hư không thị khả tác pháp. Như thuyết: khử thọ, khử xả, nhi tác hư không; bình tác hư không, phúc ư hư không, thượng ư hư không, tận hư không sắc như đại hải thủy. Thị cố hư không thị khả tác pháp. Nhất thiết tác pháp giai thị vô thường, do như ngôa bình. Hư không nhược nhĩ, ưng thị vô thường.

Thiện nam tử! Thế gian nhân thuyết: Nhất thiết pháp trung, vô quái ngại xứ danh hư không giả. Thị vô ngại xứ ư nhất thiết pháp, vi cụ túc hữu, vi phần hữu da? Nhược cụ túc hữu, đương tri dư xứ, tác vô hư không! Nhược phần hữu giả, tác thị bỉ thử khả số chi pháp! Nhược thị khả số, đương tri vô thường.

Thiện nam tử! Nhược hữu nhân thuyết: Hư không vô ngại, dĩ hữu tinh hiệp. Hựu phục thuyết ngôn: Hư không tại vật, như khí trung quả. Nhị câu bất nhiên.

Hà dĩ cố? Nhược ngôn tinh hiệp, tác hữu tam chủng: Nhất dị nghiệp cộng hiệp, như phi điều tập thọ. Nhị cộng nghiệp hiệp, như lưỡng dương tương xúc. Tam dĩ hiệp cộng hiệp, như nhị song chỉ hiệp tại nhất xứ.

Nhược ngôn: dị nghiệp cộng hiệp, dị tác hữu nhị: nhất thị vật nghiệp, nhị hư không nghiệp. Nhược không nghiệp hiệp vật, không tác vô thường. Nhược vật nghiệp hiệp không, vật

業。若空業合物空則無常。若物業合空物則不遍。如其不遍是亦無常。若言虛空是常。其性不動與動物合者。是義不然。何以故。虛空若常物亦應常。物若無常空亦無常。若言虛空亦常無常無有是處。

若共業合，是義不然。何以故。虛空名遍。若與業合業亦應遍。若是遍者應一切遍。若一切遍應一切合。不應說有合與不合。

若言。已合共合如二雙指合。是義不然。何以故。先無有合後方合故。先無後有是無常法。是故不得說言虛空已合共合。如世間法先無後有是物無常。虛空若爾亦應無常。

若言。虛空在物如器中果。是義不然。何以故。如是虛空，先無器時在何處住。若有住處，虛空則多。如其多者，云何言常，言一，言遍。若使虛空離空有住。有物亦應離虛空住。是故當知無有虛空。

善男子。若有說言指住之處名為虛空。當知虛空是無常法。何以故。指有四方若有四方。當知虛空亦有四方。一切常法都無方所。以有方故虛空無常。若是無常不離五陰。要離五陰是無所有。

善男子。有法若從因緣住者。當知是法名為無常。

tác bất biến. Như kỳ bất biến, thị diệc vô thường. Nhược ngôn: Hư không thị thường, kỳ tánh bất động, dĩ động vật hiệp giả, thị nghĩa bất nhiên. Hà dĩ cố? Hư không nhược thường, vật diệc ưng thường. Vật nhược vô thường, không diệc vô thường. Nhược ngôn: Hư không diệc thường, vô thường, vô hữu thị xứ.

Nhược cộng nghiệp hiệp, thị nghĩa bất nhiên. Hà dĩ cố? Hư không danh biến. Nhược dĩ nghiệp hiệp, nghiệp diệc ưng biến. Nhược thị biến giả, ưng nhất thiết biến. Nhược nhất thiết biến, ưng nhất thiết hiệp. Bất ưng thuyết: hữu hiệp dĩ bất hiệp.

Nhược ngôn: dĩ hiệp cộng hiệp, như nhị song chỉ hiệp, thị nghĩa bất nhiên. Hà dĩ cố? Tiên vô hữu hiệp, hậu phương hiệp cố. Tiên vô hậu hữu, thị vô thường Pháp. Thị cố bất đắc thuyết ngôn: Hư không dĩ hiệp cộng hiệp. Như thế gian pháp, tiên vô hậu hữu, thị vật vô thường. Hư không nhược nhĩ, diệc ưng vô thường.

Nhược ngôn: Hư không tại vật, như khí trung quả, thị nghĩa bất nhiên. Hà dĩ cố? Như thị hư không, tiên vô khí thời, tại hà xứ trụ? Nhược hữu trụ xứ, hư không tác đa. Như kỳ đa giả, vân hà ngôn thường, ngôn nhất, ngôn biến? Nhược sử hư không ly không hữu trụ, hữu vật diệc ưng ly hư không trụ. Thị cố đương tri vô hữu hư không.

Thiện nam tử! Nhược hữu thuyết ngôn: Chỉ trụ chi xứ, danh vi hư không. Đương tri hư không thị vô thường pháp. Hà dĩ cố? Chỉ hữu tứ phương. Nhược hữu tứ phương, đương tri hư không diệc hữu tứ phương. Nhất thiết thường pháp đô vô phương sở. Dĩ hữu phương cố, hư không vô thường. Nhược thị vô thường, bất ly ngũ ấm. Yếu ly ngũ ấm thị vô sở hữu.

Thiện nam tử! Hữu pháp nhược tùng nhân duyên trụ giả, đương tri thị pháp danh vi vô thường.

善男子。譬如一切眾生樹木因地而住。地無常故因地之物次第無常。

善男子。如地因水水無常故地亦無常。如水因風風無常故水亦無常。風依虛空。空無常故風亦無常。若無常者云何說言虛空是常遍一切處。

虛空無故非是過去未來現在。亦如兔角是無物故。非是過去未來現在。是故我說佛性常故非三世攝。虛空無故非三世攝。

善男子。我終不與世間共諍。何以故。智者說有我亦說有。智者說無我亦說無。

迦葉菩薩言。世尊。菩薩摩訶薩具足幾法不與世諍。不為世法之所沾污。

佛言。善男子。菩薩摩訶薩具足十法不與世諍。不為世法之所沾污。何等為十。一者信心。二者有戒。三者親近善友。四者內善思惟。五者具足精進。六者具足正念。七者具足智慧。八者具足正語。九者樂於正法。十者憐愍眾生。

善男子。菩薩具足如是十法不與世諍。不為世法之所沾污如優鉢羅花。

迦葉菩薩白佛言。世尊。如佛所說世智說有，我亦說有。世智說無，我亦說無。何等名為世智有無。

Thiện nam tử! Thí như nhất thiết chúng sanh, thọ mộc, nhân địa nhi trụ. Địa vô thường cố, nhân địa chi vật thứ đệ vô thường.

Thiện nam tử! Như địa nhân thủy. Thủy vô thường cố, địa diệc vô thường. Như thủy nhân phong, phong vô thường cố, thủy diệc vô thường. Phong y hư không. Không vô thường cố, phong diệc vô thường. Nhược vô thường giả, vân hà thuyết ngôn: hư không thị thường, biến nhất thiết xứ.

Hư không vô cố, phi thị quá khứ, vị lai, hiện tại. Diệc như thổ giác; thị vô vật cố, phi thị quá khứ, vị lai, hiện tại. Thị cố ngã thuyết: Phật tánh thường cố, phi tam thế nhiếp. Hư không vô cố, phi tam thế nhiếp.

Thiện nam tử! Ngã chung bát dũ thế gian cộng tranh. Hà dĩ cố? Trí giả thuyết hữu, ngã diệc thuyết hữu. Trí giả thuyết vô, ngã diệc thuyết vô.

Ca-diếp Bồ Tát ngôn: Thế Tôn! Bồ Tát ma-ha-tát cụ túc kỳ pháp, bát dũ thế tranh, bất vi thế pháp chi sở triêm ô?

Phật ngôn: Thiện nam tử! Bồ Tát ma-ha-tát cụ túc thập Pháp, bát dũ thế tranh, bất vi thế Pháp chi sở triêm ô. Hà đẳng vi thập? Nhất giả tín tâm, nhị giả hữu giới, tam giả thân cận thiện hữu, tứ giả nội thiện tư duy, ngũ giả cụ túc tinh tấn, lục giả cụ túc Chánh niệm, thất giả cụ túc trí tuệ, bát giả cụ túc Chánh ngữ, cửu giả lạc ư Chánh Pháp, thập giả lân mẫn chúng sanh.

Thiện nam tử! Bồ Tát cụ túc như thị thập pháp, bát dũ thế tranh, bất vi thế pháp chi sở triêm ô, như ưu-bát-la hoa.

Ca-diếp Bồ Tát bạch Phật ngôn: Thế Tôn! Như Phật sở thuyết: Thế trí thuyết hữu, ngã diệc thuyết hữu. Thế trí thuyết vô, ngã diệc thuyết vô. Hà đẳng danh vi thế trí hữu, vô?

佛言。善男子。世智若說色是無常苦空無我。乃至識亦如是。善男子。是名世間智者說有。我亦說有。

善男子。世間智者說色無有常樂我淨。受想行識亦復如是。善男子。是名世間智者說無。我亦說無。

迦葉菩薩白佛言。世尊。世間智者。即佛菩薩一切聖人。若諸聖人色是無常，苦，空，無我。云何如來說佛色身常恆無變。世間智者所說無法。云何如來說言是有。如來世尊作如是說。云何復言不與世爭。不為世法之所沾污。如來已離種三顛倒。所謂想倒心倒見倒。應說佛色實是無常今乃說常。云何得名遠離顛倒不與世爭。

佛言。善男子。凡夫之色從煩惱生。是故智說色是無常苦空無我。如來色者遠離煩惱。是故說是常恆無變。

迦葉菩薩言。世尊。云何為色從煩惱生。

善男子。煩惱三種。所謂欲漏，有漏，無明漏。智者應當觀是三漏所有罪過。所以者何。知罪過已，則能遠離。譬如醫師，先診病脈。知病所在，然後授藥。

善男子。如人將盲至棘林中，捨之而還。盲人於

Phật ngôn: Thiện nam tử! Thế trí nhược thuyết: sắc thị: vô thường, khổ, không, vô ngã; nãi chí thức diệc như thị. Thiện nam tử! Thị danh thế gian trí giả thuyết hữu. Ngã diệc thuyết hữu.

Thiện nam tử! Thế gian trí giả thuyết sắc vô hữu: thường, lạc, ngã, tịnh; thọ, tưởng, hành, thức diệc phục như thị. Thiện nam tử! Thị danh thế gian trí giả thuyết vô. Ngã diệc thuyết vô.

Ca-diếp Bồ Tát bạch Phật ngôn: Thế Tôn! Thế gian trí giả, tức Phật, Bồ Tát, nhất thiết thánh nhân. Nhược chư thánh nhân, sắc thị vô thường, khổ, không, vô ngã, vân hà Như Lai thuyết Phật sắc thân thường hằng vô biến? Thế gian trí giả sở thuyết vô pháp, vân hà Như Lai thuyết ngôn thị hữu? Như Lai Thế Tôn tác như thị thuyết, vân hà phục ngôn bất dĩ thế tranh, bất vi thế pháp chi sở triêm ô? Như Lai dĩ ly tam chủng điên đảo, sở vị: tướng đảo, tâm đảo, kiến đảo, ưng thuyết Phật sắc thật thị vô thường. Kim nãi thuyết thường. Vân hà đắc danh viễn ly điên đảo, bất dĩ thế tranh?

Phật ngôn: Thiện nam tử! Phạm phu chi sắc, tùng phiền não sanh. Thị cố trí thuyết: Sắc thị vô thường, khổ, không, vô ngã. Như Lai sắc giả, viễn ly phiền não. Thị cố thuyết thị thường hằng vô biến.

Ca-diếp Bồ Tát ngôn: Thế Tôn! Vân hà vi sắc tùng phiền não sanh?

Thiện nam tử! Phiền não tam chủng, sở vị: dục lậu, hữu lậu, vô minh lậu. Trí giả ứng đương quán thị tam lậu sở hữu tội quá. Sở dĩ giả hà? Tri tội quá dĩ, tác năng viễn ly. Thí như y sư, tiên chẩn bệnh mạch; tri bệnh sở tại, nhiên hậu thọ dược.

Thiện nam tử! Như nhân tương manh chí cực lâm trung, xả chi nhi hoàn. Manh nhân ư hậu, thậm nan đắc xuất. Thiết đắc

後甚難得出。設得出者，身體壞盡。世間凡夫亦復如是。不能知見三漏過患，則隨逐行。如其見者，則能遠離。知罪過已，雖受果報，果報輕微。

善男子。有四種人。一作業時重，受報時輕。二作業時輕，受報時重。三作業時重，受報亦重。四作業時輕，受報亦輕。

善男子。若人能觀煩惱罪過，是人作業，受果俱輕。

善男子。有智之人作如是念。我應遠離如是等漏。又復不應作如是等鄙惡之事。何以故。我今未得脫於地獄，餓鬼，畜生，人天報故。我若修道，當因是力破壞諸苦。

是人觀已貪欲，瞋恚，愚癡微弱。既見貪欲瞋癡輕已，其心歡喜。復作是念。我今如是，皆由修道因緣力故，令我得離不善之法，親近善法。是故現在得見正道，應當勤加而修習之。是人因是勤修道力，遠離無量諸惡煩惱，及離地獄，餓鬼，畜生，人，天果報。

是故我於契經中說。當觀一切有漏煩惱及有漏因。何以故。有智之人，若但觀漏，不觀漏因，則不能斷諸煩惱也。何以故。智者觀漏從是因生，我今斷因，漏則不生。

善男子。如彼醫師，先斷病因，病則不生。智者

xuất giả, thân thể hoại tận. Thế gian phạm phu diệt phục như thị; bất năng tri kiến Tam lậu quá hoạn, tác tùy trực hành. Như kỳ kiến giả, tác năng viễn ly. Tri tội quá dĩ, tuy thọ quả báo, quả báo khinh vi.

Thiện nam tử! Hữu tứ chủng nhân: Nhất tác nghiệp thời trọng, thọ báo thời khinh. Nhị tác nghiệp thời khinh, thọ báo thời trọng. Tam tác nghiệp thời trọng, thọ báo diệt trọng. Tứ tác nghiệp thời khinh, thọ báo diệt khinh.

Thiện nam tử! Nhược nhân năng quán phiền não tội quá, thị nhân tác nghiệp, thọ quả, câu khinh.

Thiện nam tử! Hữu trí chi nhân tác như thị niệm: Ngã ưng viễn ly như thị đẳng lậu. Hựu phục bất ưng tác như thị đẳng bỉ ác chi sự. Hà dĩ cố? Ngã kim vị đắc thoát ư địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh, nhân, Thiên báo cố. Ngã nhược tu đạo, đương nhân thị lực, phá hoại chư khổ.

Thị nhân quán dĩ, tham dục, sân khuể, ngu si vi nhược. Kỳ kiến tham dục, sân, si khinh dĩ, kỳ tâm hoan hỷ. Phục tác thị ngôn: Ngã kim như thị, giai do tu đạo nhân duyên lực cố; linh ngã đắc ly bất thiện chi pháp, thân cận thiện pháp. Thị cố hiện tại đắc kiến Chánh đạo, ưng đương cần gia nhi tu tập chi. Thị nhân nhân thị cần tu đạo lực; viễn ly vô lượng chư ác phiền não, cập ly địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh, nhân, thiên quả báo.

Thị cố ngã ư Khế kinh trung thuyết: đương quán nhất thiết hữu lậu phiền não cập hữu lậu nhân. Hà dĩ cố? Hữu trí chi nhân nhược dẫn quán lậu, bất quán lậu nhân, tác bất năng đoạn chư phiền não dã. Hà dĩ cố? Trí giả quán lậu, tùng thị nhân sanh. Ngã kim đoạn nhân, lậu tác bất sanh.

Thiện nam tử! Như bỉ y sư, tiên đoạn bệnh nhân, bệnh tác

先斷煩惱因者，亦復如是。有智之人先當觀因，次觀果報。知從善因生於善果。知從惡因生於惡果。觀果報已，遠離惡因。

觀果報已，復當次觀煩惱輕重。觀輕重已，先離重者。既離重已，輕者自去。

善男子。智者若知煩惱，煩惱因，煩惱果報，煩惱輕重。是人爾時精勤修道，不息，不悔，親近善友，至心聽法，為滅如是諸煩惱故。

善男子。譬如病者，自知病輕必可除瘥。雖得苦藥，服之不悔。有智之人亦復如是。勤修聖道，歡喜不愁，不息，不悔。

善男子。若人能知煩惱，煩惱因，煩惱果報，煩惱輕重。為除煩惱故勤修聖道。是不從煩惱生色。受，想，行，識亦復如是。

若不能知煩惱。煩惱因，煩惱果報，煩惱輕重，不勤修道。是人則從煩惱生色。受，想，行，識亦復如是。

善男子。知煩惱。煩惱因，煩惱果報，煩惱輕重。為斷煩惱修行道者，即是如來。以是因緣，如來色常乃至識常。

善男子。不知煩惱，煩惱因，煩惱果報，煩惱輕

bất sanh. Trí giả tiên đoạn phiền não nhân giả, diệt phục như thị. Hữu trí chi nhân tiên đương quán nhân, thứ quán quả báo: tri tòng thiện nhân, sanh ư thiện quả; tri tòng ác nhân, sanh ư ác quả. Quán quả báo dĩ, viễn ly ác nhân.

Quán quả báo dĩ, phục đương thứ quán phiền não khinh trọng. Quán khinh trọng dĩ, tiên ly trọng giả. Ký ly trọng dĩ, khinh giả tự khứ.

Thiện nam tử! Trí giả nhược tri phiền não: phiền não nhân, phiền não quả báo, phiền não khinh trọng; thị nhân nhĩ thời tinh cần tu đạo, bất tức, bất hối, thân cận thiện hữu, chí tâm thính pháp. Vị diệt như thị chư phiền não cố.

Thiện nam tử! Thí như bệnh giả, tự trị bệnh khinh, tất khả trừ sái. Tuy đắc khổ dược, phục chi bất hối. Hữu trí chi nhân diệt phục như thị; cần tu Thánh đạo, hoan hỷ bất sâu, bất tức, bất hối.

Thiện nam tử! Nhược nhân năng tri phiền não: phiền não nhân, phiền não quả báo, phiền não khinh trọng; vị trừ phiền não cố, cần tu Thánh đạo. Thị nhân bất tòng phiền não, sanh sắc. Thọ, tưởng, hành, thức, diệt phục như thị.

Nhược bất năng tri phiền não, phiền não nhân, phiền não quả báo, phiền não khinh trọng; bất cần tu tập, thị nhân tác tòng phiền não sanh sắc. Thọ, tưởng, hành, thức, diệt phục như thị.

Thiện nam tử! Tri phiền não, phiền não nhân, phiền não quả báo, phiền não khinh trọng, vị đoạn phiền não, tu hành đạo giả, tức thị Như Lai. Dĩ thị nhân duyên, Như Lai sắc thường, nãi chí thức thường.

Thiện nam tử! Bất tri phiền não, phiền não nhân, phiền não quả báo, phiền não khinh trọng; bất năng tu đạo, tức thị

重,不能修道,即是凡夫。是故凡夫色是無常。受,想,行,識悉是無常。

善男子。世間智者,一切聖人,菩薩,諸佛說是二義。我亦如是說是二義。是故我說。不與世間智者共諍,不為世法之所沾污。

迦葉菩薩復白佛言。世尊。如佛所說三有漏者。云何名為欲漏,有漏,無明漏耶。

佛言。善男子。欲漏者。內惡覺觀,因於外緣生於欲漏。是故我昔在王舍城告阿難言。阿難。汝今受此女人所說偈頌。是偈乃是過去諸佛之所宣說。是故一切內惡覺觀,外諸因緣。名之為欲。是名欲漏。

有漏者。色無色界內諸惡法外諸因緣。除欲界中外諸因緣內諸覺觀。是名有漏。

無明漏者。不能了知我及我所。不別內外。名無明漏。

善男子。無明即是一切諸漏根本。何以故。一切眾生無明因緣於陰入界,憶想作想。名為眾生。是名想倒,心倒,見倒。以是因緣生一切漏。是故我於十二部經說。無明者,即是貪因,瞋因,癡因。

迦葉菩薩言。世尊。如來昔於十二部經說言。不善思惟因緣生於貪欲,瞋,癡。今何因緣乃說無明。

phàm phu. Thị cố phàm phu sắc thị vô thường; thọ, tưởng, hành, thức, tất thị vô thường.

Thiện nam tử! Thế gian trí giả, nhất thiết thánh nhân, Bồ Tát, chư Phật thuyết thị nhị nghĩa. Ngã diệc như thị, thuyết thị nhị nghĩa. Thị cố ngã thuyết: bất dũ thế gian trí giả cộng tranh, bất vi thế pháp chi sở triêm ô.

Ca-diếp Bồ Tát phục bạch Phật ngôn: Thế Tôn! Như Phật sở thuyết tam hữu lậu giả, vân hà danh vi dục lậu, hữu lậu, vô minh lậu da?

Phật ngôn: Thiện nam tử! Dục lậu giả: nội ác giác quan, nhân ư ngoại duyên, sanh ư dục lậu. Thị cố ngã tích tại Vương Xá thành, cáo A-nan ngôn: A-nan! Nhữ kim thọ thử nữ nhân sở thuyết kệ tụng. Thị kệ nãi thị quá khứ chư Phật chi sở tuyên thuyết. Thị cố nhất thiết nội ác giác quan, ngoại chư nhân duyên, danh chi vi dục. Thị danh dục lậu.

Hữu lậu giả: Sắc, Vô sắc giới, nội chư ác pháp, ngoại chư nhân duyên, trừ Dục giới trung, ngoại chư nhân duyên, nội chư giác quan. Thị danh hữu lậu.

Vô minh lậu giả, bất năng liễu tri ngã cập ngã sở; bất biệt nội, ngoại, danh vô minh lậu.

Thiện nam tử! Vô minh, tức thị nhất thiết chư lậu căn bản. Hà dĩ cố? Nhất thiết chúng sanh, vô minh nhân duyên, ư ấm, nhập, giới, ức tưởng tác tưởng, danh vi chúng sanh. Thị danh tưởng đảo, tâm đảo, kiến đảo. Dĩ thị nhân duyên, sanh nhất thiết lậu. Thị cố ngã ư Thập nhị bộ kinh thuyết: Vô minh giả, tức thị tham nhân, sân nhân, si nhân.

Ca-diếp Bồ Tát ngôn: Thế Tôn! Như Lai tích ư Thập nhị bộ kinh, thuyết ngôn: Bất thiện tư duy: Nhân duyên sanh ư tham dục, sân si. Kim hà nhân duyên nãi thuyết vô minh?

善男子。如是二法互為因果，互相增長。不善思惟生於無明。無明因緣生不善思惟。

善男子。其能生長諸煩惱者，皆悉名為煩惱因緣。親近如是煩惱因緣。名為無明。不善思惟如子生芽。子是近因，四大遠因。煩惱亦爾。

迦葉菩薩白佛言。世尊。如佛所說無明即漏。云何復言。因無明故生於諸漏。

佛言。善男子。如我所說無明漏者。是內無明，因於無明生諸漏者，是內外因。若說無明漏是名內倒。不識無常，苦，空，無我。若說一切煩惱因緣。是名不知外我，我所。若說無明漏，是名無始無終。從無明生陰入界等。

迦葉菩薩白佛言。世尊。如佛所說。有智之人知於漏因。云何名為知於漏因。

善男子。智者當觀。何因緣故生是煩惱。造作何行生此煩惱。於何時中生此煩惱。共誰住時生此煩惱。何處止住生此煩惱。觀何事已生於煩惱。受誰房舍臥具飲食衣服湯藥而生煩惱。何因緣故。轉下作中轉中作上。下業作中中業作上。

Thiện nam tử! Như thị nhị pháp hỗ vi nhân, quả; hỗ tương tăng trưởng. Bất thiện tư duy sanh ư vô minh; vô minh nhân duyên sanh bất thiện tư duy.

Thiện nam tử! Kỳ năng sanh trưởng chư phiền não giả, giai tất danh vi phiền não nhân duyên. Thân cận như thị phiền não nhân duyên, danh vi vô minh. Bất thiện tư duy, như tử sanh nha. Tử thị cận nhân, tứ đại viễn nhân. Phiền não diệt nhĩ.

Ca-diếp Bồ Tát bạch Phật ngôn: Thế Tôn! Như Phật sở thuyết: Vô minh tức lậu. Vân hà phục ngôn: Nhân vô minh cố, sanh ư chư lậu?

Phật ngôn: Thiện nam tử! Như ngã sở thuyết vô minh lậu giả, thị nội vô minh, nhân ư vô minh sanh chư lậu giả, thị nội ngoại nhân. Nhược thuyết vô minh lậu, thị danh nội đảo, bất thức vô thường, khổ, không, vô ngã. Nhược thuyết nhất thiết phiền não nhân duyên, thị danh bất tri ngoại ngã, ngã sở. Nhược thuyết vô minh lậu, thị danh vô thủy vô chung. Tùng vô minh, sanh ấm, nhập, giới đẳng.

Ca-diếp Bồ Tát bạch Phật ngôn: Thế Tôn! Như Phật sở thuyết: hữu trí chi nhân tri ư lậu nhân. Vân hà danh vi tri ư lậu nhân?

Thiện nam tử! Trí giả đương quán: Hà nhân duyên cố, sanh thị phiền não? Tạo tác hà hạnh, sanh thử phiền não? Ư hà thời trung, sanh thử phiền não? Cộng thù trụ thời, sanh thử phiền não? Hà xứ chỉ trụ, sanh thử phiền não? Quán hà sự dĩ, sanh ư phiền não? Thọ thù phòng xá ngoại cụ, ẩm thực, y phục, thang dược, nhi sanh phiền não? Hà nhân duyên cố, chuyển hạ tác trung, chuyển trung tác thượng, hạ nghiệp tác trung, trung nghiệp tác thượng?

菩薩摩訶薩作是觀時則得遠離生漏因緣。如是觀時未生煩惱遮令不生。已生煩惱便得除滅。是故我於契經中說。智者當觀生煩惱因。

迦葉菩薩白佛言。世尊。眾生一身云何能起種種煩惱。

佛言。善男子。如一器中有種種子。得水雨已各各自生。眾生亦爾。器雖是一。愛因緣故而能生長種種煩惱。

迦葉菩薩言。世尊。智者云何觀於果報。

善男子。智者當觀。諸漏因緣能生地獄餓鬼畜生。是漏因緣得人天身。即是無常苦空無我。是身器中得三種苦三種無常。是漏因緣能令眾生作五逆罪受諸惡報。能斷善根犯四重禁誹謗三寶。智者當觀。我既受得如是之身。不應生起如是煩惱受諸惡果。

迦葉菩薩言。世尊。有無漏果。復言智者斷諸果報。無漏果報在斷中不。諸得道人有無漏果。如其智者求無漏果。云何佛說一切智者應斷果報。若其斷者。今諸聖人云何得有。

善男子。如來或時因中說果中說因。如世間

Bồ Tát ma-ha-tát tác thị quán thời, tác đắc viễn ly sanh lậu nhân duyên. Như thị quán thời, vị sanh phiền não, già linh bất sanh. Dĩ sanh phiền não, tiện đắc trừ diệt. Thị cố ngã ư Khế kinh trung thuyết: Trí giả đương quán sanh phiền não nhân.

Ca-diếp Bồ Tát bạch Phật ngôn: Thế Tôn! Chúng sanh nhất thân, vân hà năng khởi chủng chủng phiền não?

Phật ngôn: Thiện nam tử! Như nhất khí trung, hữu chủng chủng tử. Đắc thủy, vũ dĩ, các các tự sanh. Chúng sanh diệt nhĩ; khí tuy thị nhất, ái nhân duyên cố, nhi năng sanh trưởng chủng chủng phiền não.

Ca-diếp Bồ Tát ngôn: Thế Tôn! Trí giả vân hà quán ư quả báo?

Thiện nam tử! Trí giả đương quán: Chư lậu nhân duyên, năng sanh địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh. Thị lậu nhân duyên, đắc nhân, thiên thân, tức thị vô thường, khổ, không, vô ngã. Thị thân khí trung, đắc tam chủng khổ, tam chủng vô thường. Thị lậu nhân duyên, năng linh chúng sanh tác ngũ nghịch tội, thọ chư ác báo, năng đoạn thiện căn, phạm tứ trọng cấm, phỉ báng Tam bảo. Trí giả đương quán: Ngã ký thọ đắc như thị chi thân; bất ưng sanh khởi như thị phiền não, thọ chư ác quả.

Ca-diếp Bồ Tát ngôn: Thế Tôn! Hữu vô lậu quả. Phục ngôn: Trí giả đoạn chư quả báo. Vô lậu quả báo, tại đoạn trung phủ? Chư đắc đạo nhân hữu vô lậu quả. Như kỳ trí giả cầu vô lậu quả, vân hà Phật thuyết nhất thiết trí giả ưng đoạn quả báo? Nhược kỳ đoạn giả, kim chư thánh nhân vân hà đắc hữu?

Thiện nam tử! Như Lai hoặc thời nhân trung thuyết quả; quả trung thuyết nhân. Như thế gian nhân thuyết nê tức thị

人說泥即是瓶縷即是衣。是名因中說果。果中說因者。牛即水草人即是食。

我亦如是。因中說果。先於經中作是說言。我從心身(因心運身故名心身)至梵天邊。是名因中說果。果中說因。此六入者名過去業。是名果中說因。

善男子。一切聖人真實無有無漏果報。一切聖人修道,果報更不生漏,是故名為無漏果報。

善男子。有智之人如是觀時。即得永滅煩惱果報。善男子。智者觀已。為斷如是煩惱果報修習聖道。聖道者即空無相無願。修是道已。能滅一切煩惱果報。

迦葉菩薩白佛言。世尊。一切眾生皆從煩惱而得果報。言煩惱者所謂惡也。從惡煩惱所生煩惱亦名為惡。如是煩惱則有二種。一因二果。因惡故果惡。果惡故子惡。如絰婆果。其子苦故花果莖葉一切皆苦。猶如毒樹。其子毒故果亦是毒。因亦眾生,果亦眾生。因亦煩惱,果亦煩惱。煩惱因果即是眾生。眾生即是煩惱因果。若從是義。云何如來先喻雪山亦有毒草微妙藥王。若言煩惱即是眾生,眾生即是煩惱,云何而言眾生身中有妙藥王。

bình; lữ tức thị y. Thị danh nhân trung thuyết quả. Quả trung thuyết nhân giả: ngư tức thủy, thảo; nhân tức thị thực.

Ngã diệc như thị, nhân trung thuyết quả. Tiên ư kinh trung tác thị thuyết ngôn: Ngã tùng tâm thân (nhân tâm vận thân, cố danh tâm thân), chí Phạm thiên biên. Thị danh nhân trung thuyết quả. Quả trung thuyết nhân: thủ lục nhập giả, danh quá khứ nghiệp. Thị danh quả trung thuyết nhân.

Thiện nam tử! Nhất thiết thánh nhân, chân thật vô hữu vô lậu quả báo. Nhất thiết thánh nhân tu đạo, quả báo cánh bất sanh lậu. Thị cố danh vi vô lậu quả báo.

Thiện nam tử! Hữu trí chi nhân, như thị quán thời, tức đắc vĩnh diệt phiền não quả báo. Thiện nam tử! Trí giả quán dĩ, vị đoạn như thị phiền não quả báo, tu tập Thánh đạo. Thánh đạo giả, tức không, vô tướng, vô nguyện. Tu thị đạo dĩ, năng diệt nhất thiết phiền não quả báo.

Ca-diếp Bồ Tát bạch Phật ngôn: Thế Tôn! Nhất thiết chúng sanh giai tùng phiền não nhi đắc quả báo. Ngôn phiền não giả, sở vị ác dã. Tùng ác phiền não, sở sanh phiền não, diệc danh vi ác. Như thị phiền não tắc hữu nhị chủng: nhất nhân, nhị quả. Nhân ác, cố quả ác; quả ác, cố tử ác. Như nhâm bà quả, kỳ tử khổ cố, hoa, quả, hành, diệp, nhất thiết giai khổ. Do như độc thọ, kỳ tử độc cố, quả diệc thị độc. Nhân diệc chúng sanh, quả diệc chúng sanh; nhân diệc phiền não, quả diệc phiền não. Phiền não nhân quả, tức thị chúng sanh; chúng sanh, tức thị phiền não nhân quả. Nhược tùng thị nghĩa, vân hà Như Lai tiên dụ Tuyết sơn diệc hữu độc thảo, vi diệu dược vương? Nhược ngôn phiền não tức thị chúng sanh; chúng sanh tức thị phiền não, vân hà nhi ngôn: Chúng sanh thân trung, hữu diệu dược vương?

佛言。善哉善哉。善男子。無量眾生咸同此疑。汝今能為啟請求解。我亦能斷。諦聽諦聽善思念之。今當為汝分別解說。

善男子。雪山喻者即是眾生。言毒草者即是煩惱。妙藥王者即淨梵行。

善男子。若有眾生。能修如是清淨梵行。是名身中有妙藥王。

迦葉菩薩白佛言。世尊。云何眾生有清淨梵行。

善男子。猶如世間從子生果。是果有能與子作因。有不能者有能作者。是名果子。若不能作。唯得名果不得名子。一切眾生亦復如是。皆有二種。一者有煩惱果是煩惱因。二者有煩惱果非煩惱因。是煩惱果非煩惱因。是則名為清淨梵行。

善男子。眾生觀受，知是一切漏之近因。所謂內外漏。受因緣故。不能斷絕一切諸漏。亦不能出三界牢獄。眾生因受著我我所。生於心倒想倒見倒。是故眾生先當觀受。如是受者為一切愛而作近因。是故智者欲斷愛者當先觀受。

善男子。一切眾生十二因緣，所作善惡皆因受時。是故我為阿難說言。阿難。一切眾生所作善惡皆是受時。是故智者先當觀受。既觀受已復當更觀

Phật ngôn: Thiện tai! Thiện tai! Thiện nam tử! Vô lượng chúng sanh hàm đồng thử nghi. Nhữ kim năng vị khải thỉnh cầu giải; ngã diệc năng đoạn. Đế thính! Đế thính! Thiện tu niệm chi. Kim đương vị nhữ phân biệt giải thuyết.

Thiện nam tử! Tuyết sơn dụ giả, tức thị chúng sanh. Ngôn độc thảo giả, tức thị phiền não. Diệu dược vương giả, tức tịnh Phạm hạnh.

Thiện nam tử! Nhược hữu chúng sanh năng tu như thị thanh tịnh Phạm hạnh, thị danh thân trung hữu diệu dược vương.

Ca-diếp Bồ Tát bạch Phật ngôn: Thế Tôn! Vân hà chúng sanh hữu thanh tịnh Phạm hạnh?

Thiện nam tử! Do như thế gian, từng tử sanh quả. Thị quả, hữu năng dữ tử tác nhân; hữu bất năng giả. Hữu năng tác giả, thị danh quả tử; nhược bất năng tác, duy đắc danh quả, bất đắc danh tử. Nhất thiết chúng sanh diệc phục như thị; giai hữu nhị chủng: nhất giả hữu phiền não quả thị phiền não nhân, nhị giả hữu phiền não quả phi phiền não nhân. Thị phiền não quả phi phiền não nhân, thị tác danh vi thanh tịnh Phạm hạnh.

Thiện nam tử! Chúng sanh quán thọ, tri thị nhất thiết lậu chi cận nhân, sở vị nội ngoại lậu. Thọ nhân duyên cố, bất năng đoạn tuyệt nhất thiết chư lậu, diệc bất năng xuất tam giới lao ngục. Chúng sanh nhân thọ, trước ngã, ngã sở; sanh ư tâm đảo, tưởng đảo, kiến đảo. Thị cố chúng sanh tiên đương quán thọ. Như thị thọ giả, vị nhất thiết ái, nhi tác cận nhân. Thị cố trí giả dục đoạn ái giả, đương tiên quán thọ.

Thiện nam tử! Nhất thiết chúng sanh Thập nhị nhân duyên, sở tác thiện ác, giai nhân thọ thời. Thị cố ngã vị A-nan thuyết ngôn: A-nan! Nhất thiết chúng sanh sở tác thiện ác, giai nhân thọ thời. Thị cố trí giả tiên đương quán thọ. Ký quán

如是受者何因緣生。若因緣生如是因緣復從何生。若無因生，無因何故不生無受。

復觀是受不因自在天生。不因士夫生。不因微塵生。非時節生。不因想生。不因性生。不從自生，不從他生。非自他生。非無因生。是受皆從緣合而生。因緣者即是愛也。是和合中非有受非無受。是故我當斷是和合。斷和合故則不生受。

善男子。智者觀因已次觀果報。眾生因受，受於地獄，餓鬼，畜生乃至三界無量苦惱。受因緣故受無常樂。受因緣故斷於善根。受因緣故獲得解脫。作是觀時不作受因。云何名為不作受因。謂分別受。何等受能作愛因。何等愛能作受因。

善男子。眾生若能如是深觀愛因受因。則便能斷我及我所。

善男子。若人能作如是等觀。則應分別愛之與受在何處滅。即見愛受有少滅處。當知亦應有畢竟滅。爾時即於解脫生信心。生信心已，是解脫處何由而得。知從八正道即便修習。

云何名為八正道耶。是道觀受有三種相一者苦。二者樂。三者不苦不樂。如是三種俱能增長身之與心。何因緣故能增長耶。觸因緣也。是觸三種。一者無明觸。二者明觸。三者非明無明觸。言

thọ dĩ, phục đương cánh quán: Như thị thọ giả, hà nhân duyên sanh? Nhược nhân duyên sanh, như thị nhân duyên phục tùng hà sanh? Nhược vô nhân sanh, vô nhân hà cố bất sanh vô thọ?

Phục quán: Thị thọ, bất nhân Tự tại thiên sanh; bất nhân sĩ phu sanh; bất nhân vi trần sanh; phi thời tiết sanh; bất nhân tưởng sanh; bất nhân tánh sanh; bất tùng tự sanh; bất tùng tha sanh; phi tự tha sanh; phi vô nhân sanh. Thị thọ, giai tùng duyên hiệp nhi sanh. Nhân duyên giả, tức thị ái dĩ. Thị hòa hiệp trung, phi hữu thọ, phi vô thọ. Thị cố ngã đương đoạn thị hòa hiệp. Đoạn hòa hiệp cố, tắc bất sanh thọ.

Thiện nam tử! Trí giả quán nhân dĩ, thứ quán quả báo. Chúng sanh nhân thọ, thọ ư địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh, nãi chí Tam giới vô lượng khổ não. Thọ nhân duyên cố, thọ vô thường lạc. Thọ nhân duyên cố, đoạn ư thiện căn. Thọ nhân duyên cố, hoạch đắc giải thoát. Tác thị quán thời, bất tác thọ nhân. Vân hà danh vi bất tác thọ nhân? Vị phân biệt thọ. Hà đẳng thọ năng tác ái nhân? Hà đẳng ái năng tác thọ nhân?

Thiện nam tử! Chúng sanh nhược năng như thị thâm quán ái nhân, thọ nhân, tắc tiện năng đoạn ngã cập ngã sở.

Thiện nam tử! Nhược nhân năng tác như thị đẳng quán, tắc ưng phân biệt ái chi dĩ thọ tại hà xứ diệt. Tức kiến ái, thọ hữu thiểu diệt xứ. Đương tri diệt ưng hữu tất cánh diệt. Nhĩ thời, tức ư giải thoát, sanh tín tâm. Sanh tín tâm dĩ, thị giải thoát xứ, hà do nhi đắc? Tri tùng Bát Chánh đạo, tức tiện tu tập.

Vân hà danh vi Bát Chánh đạo da? Thị đạo, quán thọ hữu tam chủng tướng: nhất giả khổ, nhị giả lạc; tam giả bất khổ, bất lạc. Như thị tam chủng, câu năng tăng trưởng thân chi dĩ tâm. Hà nhân duyên cố năng tăng trưởng da? Xúc: nhân duyên dã. Thị xúc tam chủng: nhất giả vô minh xúc; nhị giả minh xúc; tam giả phi minh, phi vô minh xúc. Ngôn minh xúc

明觸者即八正道。其餘二觸增長身心及三種受。是故我應斷二種觸。因緣觸斷。故不生三受。

善男子。如是受者亦名為因亦名為果。智者當觀亦因亦果。云何為因。因受生愛名之為因。云何名果。因觸生故名之為果。是故此受亦因亦果。

智者如是觀是受已。次復觀愛。受果報故名之為愛。智者觀愛復有二種。一者雜食。二者無食。雜食愛者。因生老病死一切諸有。無食愛者。斷生老病死一切諸有。貪無漏道。智者復當作如是念。我若生是雜食之愛。則不能斷生老病死。我今雖貪無漏之道不斷受因。則不能得無漏道果。是故應當先斷是觸。觸既斷已受則自滅。受既滅已愛亦隨滅。是名八正道。

善男子。若有眾生能如是觀。雖有毒身其中亦有微妙藥王。如雪山中雖有毒草亦有妙藥。

善男子。如是眾生雖從煩惱而得果報。而是果報更不復為煩惱作因。是則名為清淨梵行。

復次善男子。智者當觀受愛二事，何因緣生。知因想生。何以故。眾生見色亦不生貪。及觀受時亦不生貪。若於色中生顛倒想。謂色即是常樂我淨。受是常恒無有變易。因是倒想生貪恚癡。是故智者

giả, tức Bát Chánh đạo. Kỳ dư nhị xúc tăng trưởng thân tâm cập tam chủng thọ. Thị cố ngã ưng đoạn nhị chủng xúc. Nhân duyên xúc đoạn, cố bất sanh tam thọ.

Thiện nam tử! Như thị thọ giả, diệt danh vi nhân; diệt danh vi quả. Trí giả đương quán: diệt nhân, diệt quả. Vân hà vi nhân? Nhân thọ sanh ái, danh chi vi nhân. Vân hà danh quả? Nhân xúc sanh cố, danh chi vi quả. Thị cố thử thọ diệt nhân, diệt quả.

Trí giả như thị quán thị thọ dĩ, thứ phục quán ái. Thọ quả báo cố, danh chi vi ái. Trí giả quán ái, phục hữu nhị chủng: nhất giả tạp thực, nhị giả vô thực. Tạp thực ái giả, nhân sanh, lão, bệnh, tử, nhất thiết chư hữu. Vô thực ái giả, đoạn sanh, lão, bệnh, tử, nhất thiết chư hữu, tham vô lậu đạo. Trí giả phục đương tác như thị niệm: Ngã nhược sanh thị tạp thực chi ái, tác bất năng đoạn sanh, lão, bệnh, tử. Ngã kim tuy tham vô lậu chi đạo, bất đoạn thọ nhân, tác bất năng đắc vô lậu đạo quả. Thị cố ưng đương tiên đoạn thị xúc. Xúc ký đoạn dĩ, thọ tác tự diệt. Thọ ký diệt dĩ, ái diệt tùy diệt. Thị danh Bát Chánh đạo.

Thiện nam tử! Nhược hữu chúng sanh năng như thị quán, tuy hữu độc thân, kỳ trung diệt hữu vi diệu dục vương; như Tuyết sơn trung, tuy hữu độc thảo, diệt hữu diệu dục.

Thiện nam tử! Như thị chúng sanh tuy từng phiền não, nhi đắc quả báo, nhi thị quả báo cánh bất phục vị phiền não tác nhân. Thị tác danh vi thanh tịnh Phạm hạnh.

Phục thứ, thiện nam tử! Trí giả đương quán thọ, ái nhị sự, hà nhân duyên sanh? Tri nhân tướng sanh. Hà dĩ cố? Chúng sanh kiến sắc, diệt bất sanh tham; cập quán thọ thời, diệt bất sanh tham. Nhược ư sắc trung, sanh điên đảo tưởng, vị sắc tức thường, lạc, ngã, tịnh; thọ thị thường hằng, vô hữu biến dịch; nhân thị đảo tưởng, sanh tham, nhuế, si. Thị cố trí giả ưng

應當觀想。云何觀想。當作是念。一切眾生未得正道皆有倒想。云何倒想。於非常中生於常想。於非樂中生於樂想。於非淨中生於淨想。於空法中生於我想。於非男女大小晝夜歲月衣服房舍臥具。生於男女至臥具想。

是想三種。一者小。二者大。三者無量。小因緣故生於小想。大因緣故生於大想。無量緣故生無量想。復有小想。謂未入定。復有大想。謂已入定。復有無量想。謂十一切入。復有小想。所謂欲界一切想等。復有大想。所謂色界一切想等。復有無量想。謂無色界一切想等。三想滅故受則自滅。想受滅故名為解脫。

迦葉菩薩言。世尊。滅一切法名為解脫。如來云何說想受滅名解脫耶。

佛言。善男子。如來或時因眾生說法，聞者解法。或時因法說於眾生，聞者亦解說於眾生。

云何名為因眾生說聞者解法。如我先為大迦葉說。迦葉。眾生滅時善法則滅。是名因眾生說。聞者解法。

云何因法說於眾生。聞者亦解說於眾生。如我

đương quán tưởng. Vân hà quán tưởng? Đương tác thị niệm: nhất thiết chúng sanh vị đắc Chánh đạo, giai hữu đảo tưởng. Vân hà đảo tưởng? Ư phi thường trung, sanh ư thường tưởng. Ư phi lạc trung, sanh ư lạc tưởng. Ư phi tịnh trung, sanh ư tịnh tưởng. Ư không pháp trung, sanh ư ngã tưởng. Ư phi nam, nữ, đại, tiểu, trú, dạ, tuế, nguyệt, y phục, phòng xá, ngọa cụ, sanh ư nam, nữ, chí ngọa cụ tưởng.

Thị tưởng tam chủng: nhất giả tiểu, nhị giả đại, tam giả vô lượng. Tiểu nhân duyên cố, sanh ư tiểu tưởng. Đại nhân duyên cố, sanh ư đại tưởng. Vô lượng duyên cố, sanh vô lượng tưởng. Phục hữu tiểu tưởng, vị vị nhập định. Phục hữu đại tưởng, vị dĩ nhập định. Phục hữu vô lượng tưởng, vị thập nhất thiết nhập. Phục hữu tiểu tưởng, sở vị Dục giới nhất thiết tưởng đẳng. Phục hữu đại tưởng, sở vị: Sắc giới nhất thiết tưởng đẳng. Phục hữu vô lượng tưởng, vị Vô sắc giới nhất thiết tưởng đẳng. Tam tưởng diệt cố, thọ tác tự diệt. Tưởng thọ diệt cố, danh vi giải thoát.

Ca-diếp Bồ Tát ngôn: Thế Tôn! Diệt nhất thiết pháp danh vi giải thoát. Như Lai vân hà thuyết tưởng, thọ diệt danh giải thoát da?

Phật ngôn: Thiện nam tử! Như Lai hoặc thời, nhân chúng sanh thuyết pháp, văn giả giải pháp. Hoặc thời, nhân pháp thuyết ư chúng sanh; văn giả diệt giải thuyết ư chúng sanh.

Vân hà danh vi: nhân chúng sanh thuyết; văn giả giải pháp? Như ngã tiên vị Đại Ca-diếp thuyết: Ca-diếp! Chúng sanh diệt thời, thiện pháp tác diệt. Thị danh nhân chúng sanh thuyết; văn giả giải pháp.

Vân hà: nhân pháp thuyết ư chúng sanh; văn giả diệt giải thuyết ư chúng sanh? Như ngã tiên vị A-nan thuyết ngôn:

先為阿難說言。我亦不說親近一切法。亦復不說不親近一切法。若法近已。善法衰羸不善熾盛。如是法者不應親近。若法近已。不善衰滅善法增長。如是法者是應親近。是名因法說於眾生。聞者亦解說於眾生。

善男子。如來雖說想受二滅，則已總說一切可斷。

智者既觀如是想已。次觀想因。是無量想因何而生。知因觸生。是觸二種。一者因煩惱觸。二者因解脫觸。因無明生名煩惱觸。因明生者名解脫觸。因煩惱觸生於倒想。因解脫觸生不倒想。觀想因已。次觀果報。

迦葉菩薩白佛言。世尊。若以因此煩惱之想生於倒想。一切聖人實有倒想而無煩惱。是義云何。

佛言。善男子。云何聖人而有倒想。

迦葉菩薩言。世尊。一切聖人牛作牛想亦說是牛。馬作馬想亦說是馬。男女大小舍宅車乘去來亦爾。是名倒想。

善男子。一切凡夫有二種想。一者世流布想。二者著想。一切聖人唯有世流布想無有著想。一切凡夫惡覺觀故。於世流布生於著想。一切聖人善覺

Ngã diệc bất thuyết: thân cận nhất thiết pháp. Diệc phục bất thuyết: bất thân cận nhất thiết pháp. Nhược pháp cận dĩ, thiện pháp suy luy, bất thiện xí thịnh. Như thị pháp giả, bất ưng thân cận. Nhược pháp cận dĩ, bất thiện suy diệt, thiện pháp tăng trưởng. Như thị pháp giả, thị ưng thân cận. Thị danh nhân pháp thuyết ư chúng sanh; văn giả diệc giải thuyết ư chúng sanh.

Thiện nam tử! Như Lai tuy thuyết tướng, thọ nhị diệt, tác dĩ tổng thuyết nhất thiết khả đoạn.

Trí giả ký quán như thị tướng dĩ, thứ quán tướng nhân. Thị vô lượng tướng, nhân hà nhi sanh? Tri nhân xúc sanh. Thị xúc nhị chủng: nhất giả nhân phiền não xúc, nhị giả nhân giải thoát xúc. Nhân vô minh sanh, danh phiền não xúc; nhân minh sanh giả, danh giải thoát xúc. Nhân phiền não xúc, sanh ư đảo tướng; nhân giải thoát xúc, sanh bất đảo tướng. Quán tướng nhân dĩ, thứ quán quả báo.

Ca-diếp Bồ Tát bạch Phật ngôn: Thế Tôn! Nhược dĩ nhân thủ phiền não chi tướng, sanh ư đảo tướng, nhất thiết thánh nhân thật hữu đảo tướng, nhi vô phiền não. Thị nghĩa vân hà?

Phật ngôn: Thiện nam tử! Vân hà thánh nhân nhi hữu đảo tướng?

Ca-diếp Bồ Tát ngôn: Thế Tôn! Nhất thiết thánh nhân, ngư tác ngư tướng, diệc thuyết thị ngư. Mã tác mã tướng, diệc thuyết thị mã. Nam, nữ, đại, tiểu, xá trạch, xa thặng, khứ lai diệc nhĩ. Thị danh đảo tướng.

Thiện nam tử! Nhất thiết phàm phu hữu nhị chủng tướng: nhất giả thế lưu bố tướng, nhị giả trước tướng. Nhất thiết thánh nhân duy hữu thế lưu bố tướng, vô hữu trước tướng.

觀故。於世流布不生著想。是故凡夫名為倒想。聖人雖知不名倒想。

智者如是觀想因已。次觀果報。是惡想果在於地獄餓鬼畜生人天中受。如我因斷惡覺觀故。無明觸斷是故想斷。因想斷故果報亦斷。智者為斷如是想因修八正道。

善男子。若有能作如是等觀。則得名為清淨梵行。善男子。是名眾生毒身之中有妙藥王。如雪山中雖有毒草亦有妙藥。

復次善男子。智者觀欲。欲者即是色聲香味觸。善男子。即是如來因中說果。從此五事生於欲耳。實非欲也。

善男子。愚癡之人貪求受故。於是色中生顛倒想。乃至觸中亦生倒想。倒想因緣便生於受。是故世間說因倒想生十種想。

欲因緣故，在於世間受惡果報。以惡加於父母沙門婆羅門等。所不應作而故作之不惜身命。是故智者觀是惡想因緣故生欲心。智者如是觀欲因已。次觀果報。

是欲多有諸惡果報。所謂地獄餓鬼畜生人中天

Nhất thiết phàm phu, ác giác quan cố, ư thế lưu bố, sanh ư trước tướng. Nhất thiết thánh nhân, thiện giác quán cố, ư thế lưu bố, bất sanh trước tướng. Thị cố phàm phu, danh vi đảo tướng. Thánh nhân tuy tri bất danh đảo tướng.

Trí giả như thị quán tướng nhân dĩ, thứ quán quả báo. Thị ác tướng quả, tại ư địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh, nhân, thiên trung thọ. Như ngã nhân đoạn ác giác quan cố, vô minh xúc đoạn; thị cố tướng đoạn. Nhân tướng đoạn cố, quả báo diệt đoạn. Trí giả vị đoạn như thị tướng nhân, tu Bát Chánh đạo.

Thiện nam tử! Nhược hữu năng tác như thị đẳng quán, tác đắc danh vi thanh tịnh Phạm hạnh. Thiện nam tử! Thị danh chúng sanh độc thân chi trung, hữu diệu dục vương; như Tuyết sơn trung, tuy hữu độc thảo, diệt hữu diệu dục.

Phục thứ, thiện nam tử! Trí giả quán dục. Dục giả tức thị sắc, thanh, hương, vị, xúc. Thiện nam tử! Tức thị Như Lai, nhân trung thuyết quả. Tòng thủ ngũ sự, sanh ư dục nhĩ. Thật phi dục dã.

Thiện nam tử! Ngu si chi nhân, tham cầu thọ cố, ư thị sắc trung, sanh diên đảo tướng; nãi chí xúc trung, diệt sanh đảo tướng. Đảo tướng nhân duyên, tiện sanh ư thọ. Thị cố thế gian thuyết: nhân đảo tướng, sanh thập chủng tướng.

Dục nhân duyên cố, tại ư thế gian, thọ ác quả báo. Dĩ ác gia ư phụ mẫu, sa-môn, bà-la-môn đẳng; sở bất ưng tác, nhi cố tác chi, bất tích thân mạng. Thị cố trí giả quán thị ác tướng nhân duyên, cố sanh dục tâm. Trí giả như thị quán dục nhân dĩ, thứ quán quả báo.

Thị dục đa hữu chư ác quả báo, sở vị: địa ngục ngạ quỷ, súc sanh, nhân trung, thiên thượng. Thị danh quán quả báo.

上。是名觀果報。若是惡想得除滅者。終不生於此欲心也。無欲心故不受惡受。無惡受故則無惡果。是故我應先斷惡想。斷惡想已。如是等法自然而滅。是故智者為滅惡想修八正。道是則名為清淨梵行。是名眾生毒身之中有妙藥王。如雪山中雖有毒草亦有妙藥。

復次善男子。智者如是觀是欲已。次當觀業。何以故。有智之人當作是念。受想觸欲即是煩惱。是煩惱者。能作生業不作受業。如是煩惱與業共行。則有二種。一作生業。二作受業。是故智者當觀於業。是業三種。謂身口意。

善男子。身口二業亦名為業亦名業果。意唯名業不名為果。以業因故則名為業。

善男子。身口二業名為外業。意業名內。是三種業共煩惱行故作二種業。一者生業，二者受業。

善男子。正業者即意業也。期業者謂身口業。先發故名意業。從意業生名身口業。是故意業得名為正。

智者觀業已。次觀業因。業因者即無明觸。因無明觸眾生求有。求有因緣即是愛也。愛因緣故。造作三種身口意業。

Nhược thị ác tướng đắc trừ diệt giả, chung bất sanh ư thủ dục tâm dã. Vô dục tâm cố, bất thọ ác thọ. Vô ác thọ cố, tác vô ác quả. Thị cố ngã ưng tiên đoạn ác tướng. Đoạn ác tướng dĩ, như thị đẳng pháp tự nhiên nhi diệt. Thị cố trí giả vị diệt ác tướng, tu Bát chánh đạo. Thị tác danh vi thanh tịnh Phạm hạnh. Thị danh chúng sanh độc thân chi trung, hữu diệu dục vương; như Tuyết sơn trung, tuy hữu độc thảo, diệt hữu diệu dục.

Phục thứ, thiện nam tử! Trí giả như thị quán thị dục dĩ, thứ đương quán nghiệp. Hà dĩ cố? Hữu trí chi nhân đương tác thị niệm: thọ, tướng, xúc, dục tức thị phiền não. Thị phiền não giả năng tác sanh nghiệp, bất tác thọ nghiệp. Như thị phiền não dĩ nghiệp cộng hành, tác hữu nhị chủng: nhất tác sanh nghiệp, nhị tác thọ nghiệp. Thị cố trí giả đương quán ư nghiệp. Thị nghiệp tam chủng, vị: thân, khẩu, ý.

Thiện nam tử! Thân, khẩu nhị nghiệp diệt danh vi nghiệp, diệt danh nghiệp quả. Ý duy danh nghiệp, bất danh vi quả. Dĩ nghiệp nhân cố, tác danh vi nghiệp.

Thiện nam tử! Thân, khẩu nhị nghiệp, danh vi ngoại nghiệp. Ý nghiệp danh nội. Thị tam chủng nghiệp cộng phiền não hành cố tác nhị chủng nghiệp: nhất giả sanh nghiệp, nhị giả thọ nghiệp.

Thiện nam tử! Chánh nghiệp giả, tức ý nghiệp dã. Kỳ nghiệp giả, vị thân, khẩu nghiệp. Tiên phát, cố danh ý nghiệp. Tòng ý nghiệp sanh, danh thân, khẩu nghiệp. Thị cố ý nghiệp đắc danh vi chánh.

Trí giả quán nghiệp dĩ, thứ quán nghiệp nhân. Nghiệp nhân giả, tức vô minh xúc. Nhân vô minh xúc, chúng sanh cầu hữu. Cầu hữu nhân duyên, tức thị ái dã. Ái nhân duyên cố, tạo tác tam chủng thân, khẩu, ý nghiệp.

善男子。智者如是觀業因已。次觀果報。果報有四。一者黑黑果報。二者白白果報。三者雜雜果報。四者不黑不白果報。黑黑果報者。作業時垢，果報亦垢。白白果報者。作業時淨果報亦淨。雜雜果報者。作業時雜果報亦雜。不黑不白果報者。名無漏業。

迦葉菩薩白佛言。世尊。先說無漏無有果報。今云何言不黑不白果報耶。

佛言。善男子。是義有二。一者亦果亦報。二者唯果非報。黑黑果報亦名為果亦名為報。黑因生故得名為果。能作因故復名為報。淨雜亦爾。無漏果者因有漏生，故名為果。不作他因不名為報。是故名果不名為報。

迦葉菩薩白佛言。世尊。是無漏業非是黑法。何因緣故不名為白。

善男子。無有報故不名為白。對治黑故故名為白。我今乃說受果報者名為黑白。是無漏業不受報故。不名為白名為寂靜。如是業者有定受報處。如十惡法定在地獄餓鬼畜生。十善之業定在人天。

十不善法有上，中，下。上因緣故受地獄身。中因緣故受畜生身。下因緣故受餓鬼身。

Thiện nam tử! Trí giả như thị quán nghiệp nhân dĩ, thú quả quả báo. Quả báo hữu tứ: nhất giả Hắc hắc quả báo, nhị giả Bạch bạch quả báo, tam giả Tạp tạp quả báo, tứ giả Bất hắc bất bạch quả báo. Hắc hắc quả báo giả, tác nghiệp thời cấu, quả báo diệc cấu. Bạch bạch quả báo giả, tác nghiệp thời tịnh, quả báo diệc tịnh. Tạp tạp quả báo giả, tác nghiệp thời tạp, quả báo diệc tạp. Bất hắc bất bạch quả báo giả, danh vô lậu nghiệp.

Ca-diếp Bồ Tát bạch Phật ngôn: Thế Tôn! Tiên thuyết vô lậu vô hữu quả báo, kim vân hà ngôn Bất hắc bất bạch quả báo da?

Phật ngôn: Thiện nam tử! Thị nghĩa hữu nhị: nhất giả diệc quả diệc báo, nhị giả duy quả phi báo. Hắc hắc quả báo diệc danh vi quả, diệc danh vi báo. Hắc nhân sanh cố, đắc danh vi quả; năng tác nhân cố, phục danh vi báo. Tịnh, tạp diệc nhĩ. Vô lậu quả giả, nhân hữu lậu sanh, cố danh vi quả; bất tác tha nhân, bất danh vi báo; thị cố danh quả, bất danh vi báo.

Ca-diếp Bồ Tát bạch Phật ngôn: Thế Tôn! Thị vô lậu nghiệp phi thị hắc pháp, hà nhân duyên cố bất danh vi bạch?

Thiện nam tử! Vô hữu báo cố, bất danh vi bạch; đối trị hắc cố, cố danh vi bạch. Ngã kim nãi thuyết: thọ quả báo giả, danh vi hắc bạch. Thị vô lậu nghiệp bất thọ báo cố, bất danh vi bạch, danh vi tịch tĩnh.

Như thị nghiệp giả hữu định thọ báo xứ: như thập ác pháp định tại địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh; thập thiện chi nghiệp định tại nhân, thiên.

Thập bất thiện pháp hữu thượng, trung, hạ. Thượng nhân duyên cố, thọ địa ngục thân. Trung nhân duyên cố, thọ súc sanh thân. Hạ nhân duyên cố, thọ ngạ quỷ thân.

人業十善復有四種。一者下。二者中。三者上。四者上上下下因緣故生鬱單越。中因緣故生弗婆提。上因緣故生瞿陀尼。上上因緣生閻浮提。

有智之人作是觀已。即作是念我當云何斷是果報。復作是念。是業因緣無明觸生。我若斷除無明與觸。如是業果則滅不生。是故智者為斷無明觸因緣故修八正道。是則名為清淨梵行。

善男子。是名眾生毒身之中有妙藥王。如雪山中雖有毒草亦有妙藥。

復次善男子。智者觀業，觀煩惱已。次觀是二所得果報。是二果報即是苦也。既知是苦則能捨離一切受生。

智者復觀。煩惱因緣生於煩惱。業因緣故亦生煩惱。煩惱因緣復生於業。業因緣生苦。苦因緣故生於煩惱。煩惱因緣生有。有因緣生苦。有因緣生有。有因緣生業。業因緣生煩惱。煩惱因緣生苦。苦因緣生苦⁽²⁾。

善男子。智者若能作如是觀，當知是人能觀業苦。何以故。如上所觀即是生死十二因緣。若人能觀如是生死十二因緣。當知是人造新業，能壞故業。

² Bản Càn Long và bản viết tay chúng tôi có đều là chữ 業, nhưng tất cả các bản số giải và bản Đại chánh tạng đều là chữ 苦.

Nhân nghiệp thập thiện, phục hữu tứ chủng: nhất giả hạ, nhị giả trung, tam giả thượng, tứ giả thượng thượng. Hạ nhân duyên cố, sanh Uất-đan-việt. Trung nhân duyên cố, sanh Phát-bà-đề. Thượng nhân duyên cố, sanh Cù-đà-ni. Thượng thượng nhân duyên sanh Diêm-phù-đề.

Hữu trí chi nhân, tác thị quán dĩ, tức tác thị niệm: Ngã đương vân hà đoạn thị quả báo? Phục tác thị niệm: Thị nghiệp nhân duyên, vô minh xúc sanh. Ngã nhược đoạn trừ vô minh dĩ xúc, như thị nghiệp quả tắc diệt bất sanh. Thị cố trí giả vị đoạn vô minh, xúc nhân duyên cố, tu Bát Chánh đạo. Thị tác danh vi thanh tịnh Phạm hạnh.

Thiện nam tử! Thị danh chúng sanh độc thân chi trung, hữu diệu dược vương; như Tuyết sơn trung, tuy hữu độc thảo, diệt hữu diệu dược.

Phục thứ, thiện nam tử! Trí giả quán nghiệp, quán phiền não dĩ, thứ quán thị nhị sở đắc quả báo. Thị nhị quả báo tức thị khổ dã. Kỳ tri thị khổ, tắc năng xả ly nhất thiết thọ sanh.

Trí giả phục quán: Phiền não nhân duyên sanh ư phiền não; nghiệp nhân duyên cố, diệt sanh phiền não; phiền não nhân duyên phục sanh ư nghiệp; nghiệp nhân duyên sanh khổ; khổ nhân duyên cố, sanh ư phiền não; phiền não nhân duyên sanh hữu; hữu nhân duyên sanh khổ; hữu nhân duyên sanh hữu; hữu nhân duyên sanh nghiệp, nghiệp nhân duyên sanh phiền não; phiền não nhân duyên sanh khổ; khổ nhân duyên sanh khổ.

Thiện nam tử! Trí giả nhược năng tác như thị quán, đương tri thị nhân năng quán nghiệp khổ. Hà dĩ cố? Như thượng sở quán, tức thị sanh tử thập nhị nhân duyên. Nhược nhân năng quán như thị sanh tử thập nhị nhân duyên, đương tri thị nhân bất tạo tân nghiệp, năng hoại cố nghiệp.

善男子。有智之人觀地獄苦。觀一地獄乃至一百三十六所。一一地獄有種種苦。皆是煩惱業因緣生。

觀地獄已。次觀餓鬼畜生等苦。作是觀已。復觀人天所有諸苦。如是眾苦皆從煩惱業因緣生。

善男子。天上雖無大苦惱事。然其身體柔軟細滑。現五相時極受大苦，如地獄苦等無差別。

善男子。智者深觀三界諸苦。皆從煩惱業因緣生。

善男子。譬如坏器即易破壞。眾生受身亦復如是。既受身已是眾苦器。譬如大樹花果繁茂眾鳥能壞。如多乾草小火能焚。眾生受身為苦所壞亦復如是。

善男子。智者若能觀苦八種如聖行中。當知是人能斷眾苦。

善男子。智者深觀是八苦已次觀苦因。苦因者即愛無明。是愛無明則有二種。一者求身。二者求財。求身求財二俱是苦。是故當知愛無明者即是苦因。

善男子。是愛無明則有二種。一者內。二者外。內能作業外能增長。又復內能作業外作業果。斷內愛已業則得斷。斷外愛已果則得斷。內愛能生未來世苦。外愛能生現在世苦。智者觀愛即是苦因。

Thiện nam tử! Hữu trí chi nhân, quán địa ngục khổ, quán nhất địa ngục nãi chí nhất bá tam thập lục sở. Nhất nhất địa ngục, hữu chủng chủng khổ, giai thị phiền não, nghiệp nhân duyên sanh.

Quán địa ngục dĩ, thứ quán ngạ quỷ, súc sanh đẳng khổ. Tác thị quán dĩ, phục quán nhân, thiên sở hữu chư khổ. Như thị chúng khổ, giai tùng phiền não, nghiệp, nhân duyên sanh.

Thiện nam tử! Thiên thượng tuy vô đại khổ não sự, nhiên kỳ thân thể nhu nhuyễn tế hoạt; hiện ngũ tướng thời, cực thọ đại khổ; như địa ngục khổ, đẳng vô sai biệt.

Thiện nam tử! Trí giả thâm quán tam giới chư khổ, giai tùng phiền não, nghiệp, nhân duyên sanh.

Thiện nam tử! Thí như phôi khí, tác dị phá hoại. Chúng sanh thọ thân diệt phục như thị; ký thọ thân dĩ, thị chúng khổ khí. Thí như đại thọ, hoa quả phiền mậu, chúng điều năng hoại. Như đa càn thảo, tiểu hỏa năng phân. Chúng sanh thọ thân vi khổ sở hoại, diệt phục như thị.

Thiện nam tử! Trí giả nhược năng quán khổ Bát chủng, như Thánh hạnh trung, đương tri thị nhân năng đoạn chúng khổ.

Thiện nam tử! Trí giả thâm quán thị Bát khổ dĩ, thứ quán khổ nhân. Khổ nhân giả, tức ái, Vô minh. Thị ái, Vô minh, tác hữu nhị chủng: nhất giả cầu thân, nhị giả cầu tài. Cầu thân, cầu tài, nhị câu thị khổ. Thị cố đương tri ái, vô minh giả, tức thị khổ nhân.

Thiện nam tử! Thị ái vô minh, tác hữu nhị chủng: nhất giả nội, nhị giả ngoại. Nội năng tác nghiệp; ngoại năng tăng trưởng. Hựu phục nội năng tác nghiệp; ngoại tác nghiệp quả. Đoạn nội ái dĩ, nghiệp tác đắc đoạn; đoạn ngoại ái dĩ, quả tác đắc đoạn. Nội ái năng sanh vị lai thế khổ; ngoại ái năng sanh hiện tại thế khổ. Trí giả quán ái, tức thị khổ nhân.

既觀因已。次觀果報。苦果報者即是取也。愛果名取。是取因緣即內外愛，則有愛苦。

善男子。智者當觀愛因緣取，取因緣愛。若我能斷愛取二事。則不造業受於眾苦。是故智者為斷愛苦修八正道。

善男子。若有人能如是觀者。是則名為清淨梵行。是名眾生毒身之中有妙藥王。如雪山中雖有毒草亦有妙藥。

大般涅槃經卷第三十七
終

Ký quán nhân dĩ, thứ quán quả báo. Khổ quả báo giả, tức thị thủ dã. Ái quả danh thủ. Thị thủ nhân duyên, tức nội ngoại ái, tác hữu ái khổ.

Thiện nam tử! Trí giả đương quán: Ái nhân duyên thủ; thủ nhân duyên ái. Nhược ngã năng đoạn ái, thủ nhị sự, tác bất tạo nghiệp thọ ư chúng khổ. Thị cố trí giả vị đoạn ái khổ, tu Bát Chánh đạo.

Thiện nam tử! Nhược hữu nhân năng như thị quán giả, thị tác danh vi thanh tịnh Phạm hạnh. Thị danh chúng sanh độc thân chi trung, hữu diệu dược vương; như Tuyết sơn trung, tuy hữu độc thảo, diệt hữu diệu dược.

Đại Bát Niết-bàn Kinh quyển đệ tam thập thất

Chung

KINH ĐẠI BÁT NIẾT-BÀN

QUYỂN BA MƯƠI BẢY

PHẨM BỔ TÁT CA-DIỆP

Phẩm thứ mười hai - Phần năm

Bồ Tát Ca-diếp bạch: “Thế Tôn! Theo như Phật dạy thì tánh Phật của chúng sanh như hư không. Thế nào gọi là như hư không?”

Phật dạy: “Thiện nam tử! Tánh của hư không chẳng phải quá khứ, chẳng phải vị lai, chẳng phải hiện tại. Tánh Phật cũng thế.

“Thiện nam tử! Hư không chẳng phải quá khứ. Vì sao vậy? Vì không có hiện tại. Nếu có pháp hiện tại [để so sánh] mới có thể nói đến quá khứ, vì không có hiện tại nên không có quá khứ. [Hư không] cũng không có hiện tại. Vì sao vậy? Vì không có vị lai. Nếu có pháp vị lai [để so sánh] mới có thể nói đến hiện tại, vì không có vị lai nên không có hiện tại. [Hư không] cũng không có vị lai. Vì sao vậy? Vì không có hiện tại và quá khứ. Nếu có hiện tại và quá khứ ắt phải có vị lai. Vì không có quá khứ và hiện tại nên không có vị lai. Vì nghĩa ấy nên tánh của hư không chẳng thuộc về ba đời.

“Thiện nam tử! Vì hư không là không nên không có ba đời, chẳng phải vì có mà không có ba đời. Như hoa đốm⁽¹⁾ [được nhìn thấy] giữa hư không, vì không phải có nên không có ba đời. Hư không cũng thế, vì không phải có nên không có ba đời.

“Thiện nam tử! Không có một vật gì cả, tức là hư không. Tánh Phật cũng thế.

“Thiện nam tử! Vì hư không là không nên không thuộc về ba đời. Vì tánh Phật là thường nên không thuộc về ba đời.

“Thiện nam tử! Như Lai đã chứng đắc A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề, tánh Phật của Như Lai và hết thảy pháp Phật đều là thường trụ, không biến đổi. Vì nghĩa ấy nên [tánh Phật] không có ba đời, cũng như hư không.

“Thiện nam tử! Vì hư không là không nên chẳng phải trong, chẳng phải ngoài. Vì tánh Phật là thường nên chẳng phải trong, chẳng phải ngoài. Vì thế nên nói rằng tánh Phật cũng giống như hư không.

“Thiện nam tử! Như ở thế gian, nơi nào trống rỗng không ngăn ngại thì gọi là hư không. Như Lai đã chứng đắc A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề, đối với tất cả pháp Phật không có gì ngăn ngại, nên nói rằng tánh Phật cũng giống như hư không.

“Vì những nhân duyên như thế nên ta dạy rằng tánh Phật giống như hư không.”

Bồ Tát Ca-diếp bạch Phật: “Thế Tôn! Như Lai, tánh Phật và Niết-bàn đều không thuộc về ba đời nhưng được gọi là có. Hư không cũng không thuộc về ba đời, vì sao không thể gọi là có?”

Phật dạy: “Thiện nam tử! Vì không phải Niết-bàn nên gọi là Niết-bàn; vì không phải Như Lai nên gọi là Như Lai; vì không phải tánh Phật nên gọi là tánh Phật.

“Thế nào gọi là không phải Niết-bàn? Đó là nói tất cả các pháp hữu vi phiền não. Vì phá trừ hết thảy những phiền não hữu vi như thế nên gọi là Niết-bàn.

“Không phải Như Lai là nói từ hạng nhất-xiển-đề lên đến các vị Phật Bích-chi. Vì phá bỏ hết từ nhất-xiển-đề cho đến Phật Bích-chi nên gọi là Như Lai.

“Không phải tánh Phật là nói tất cả các vật vô tình như tường vách, ngói gạch, sỏi đá... Lìa khỏi [tất cả] những vật vô tình như thế gọi là tánh Phật.

“Thiện nam tử! Hết thảy thế gian không có gì là chẳng phải hư không, đối lại với hư không.”

Bồ Tát Ca-diếp bạch Phật: “Thế Tôn! Trong thế gian cũng không có gì đối lại với bốn đại, mà vẫn có thể gọi bốn đại là có. Hư không không có gì đối lại, vì sao không thể gọi là có?”

Phật dạy: “Thiện nam tử! Nếu nói rằng: ‘Niết-bàn không thuộc về ba đời, hư không cũng vậy.’ Nghĩa ấy không đúng. Vì sao vậy? Niết-bàn là có, có thể thấy, có thể chứng đắc. Đó là dấu vết của hình sắc, ngôn ngữ văn tự; là hình tướng, là duyên, là chỗ nương về, vắng lặng an tĩnh, soi chiếu sáng tỏ, là bờ bên kia an ổn. Vì thế nên gọi là không thuộc về ba đời. Tánh của hư không chẳng có những pháp như vậy, nên gọi là không. Nếu lìa khỏi những pháp như vậy mà còn có pháp nào khác, ắt phải thuộc về ba đời. Hư không nếu đồng với những pháp có này thì không thể không thuộc về ba đời.

“Thiện nam tử! Như người đời nói rằng: ‘Hư không gọi là không có hình sắc, không có gì đối lại, không thể nhìn thấy.’ Nếu là không có hình sắc, không gì đối lại, không thể nhìn thấy, tức là [thuộc về] các pháp đối tượng của

tâm. Nếu hư không đồng với các pháp đối tượng của tâm thì không thể không thuộc về ba đời. Nếu là thuộc về ba đời tức là bốn âm.⁽²⁾ Vì thế, lìa khỏi bốn âm rồi thì không có hư không.

“Lại nữa, thiện nam tử! Ngoại đạo nói rằng: ‘Hư không là ánh sáng.’ Nếu là ánh sáng tức là pháp [thuộc về] hình sắc. Nếu hư không là pháp hình sắc như thế tức là vô thường. Vì là vô thường nên phải thuộc về ba đời. Làm sao ngoại đạo nói rằng [hư không] chẳng thuộc về ba đời? Nếu thuộc về ba đời ắt chẳng phải là hư không. Vì sao nói rằng hư không là thường?”

“Thiện nam tử! Lại có người nói: ‘Hư không là chỗ trụ [của các pháp].’ Nếu có chỗ trụ tức là pháp [thuộc về] hình sắc. Nhưng hết thảy nơi chốn đều là vô thường, thuộc về ba đời. Hư không cũng là thường, không thuộc về ba đời. Nếu nói đến nơi chốn thì biết là chẳng có hư không.

“Lại có người nói rằng: ‘Hư không tức là trật tự sắp xếp.’ Nếu là trật tự sắp xếp, tức là pháp có số lượng. Nếu là pháp [có số lượng] đếm được, tức là thuộc về ba đời. Nếu thuộc về ba đời, vì sao gọi là thường?”

“Thiện nam tử! Nếu lại nói rằng: ‘Hư không là không lìa ba pháp: một là không, hai là thật, ba là cả không và thật.’ Nếu nói rằng không là [hư không], nên biết rằng hư không đó là pháp vô thường. Vì sao vậy? Vì không có chỗ thật. Nếu nói rằng thật là [hư không], nên biết rằng hư không đó cũng là vô thường. Vì sao vậy? Vì không có chỗ không. Nếu nói cả không và thật là [hư không], nên biết rằng hư không đó cũng là vô thường. Vì sao vậy? Vì không có cả hai chỗ ấy. [Vì hư không lìa cả ba pháp ấy] nên hư không mới gọi là không.

“Thiện nam tử! Nếu nói rằng: ‘Hư không là pháp có thể tạo thành.’ Như nói: ‘Dẹp bỏ [hết] cây cối, nhà cửa tạo thành hư không; san bằng thành hư không; che khuất [được] hư không, [bay] lên hư không, [nhìn] khắp hư không màu sắc giống như nước biển cả. Vì thế nên hư không là pháp có thể tạo thành.’ Tất cả các pháp được tạo thành đều là vô thường, [chẳng hạn] như bình sành... Nếu hư không là như thế, lẽ ra phải là vô thường.

“Thiện nam tử! Người thế gian nói rằng: ‘Đối với tất cả các pháp không có chỗ ngăn ngại thì gọi là hư không.’ Chỗ không ngăn ngại đó, đối với tất cả các pháp là trọn vẹn hay chỉ một phần? Nếu là trọn vẹn, thì nên biết rằng ngoài ra chỗ khác không có hư không! Nếu là một phần, ắt có sự phân biệt chỗ này với chỗ kia, có thể tính đếm. Nếu là pháp có thể tính đếm thì nên biết là vô thường.

“Thiện nam tử! Như có người nói: ‘Hư không là không ngăn ngại, cùng hợp với các pháp hiện hữu.’ Lại có người nói: ‘Hư không ở nơi sự vật, cũng như trái cây đặt ở trong bát.’ Hai lẽ ấy đều không đúng.

“Vì sao vậy? Nếu nói cùng hợp lại ắt có ba trường hợp. Một là nghiệp khác nhau hợp lại, như [nhiều thứ] chim bay đến tụ tập trên cây. Hai là cùng chung một nghiệp hợp lại, như hai con dê chạm nhau. Ba là đã hợp rồi cùng hợp, như hai ngón tay sóng đôi hợp tại một nơi.

“Nếu nói [hư không và vật là có] nghiệp khác nhau hợp lại, thì chỗ khác nhau ắt phải chia hai, một là nghiệp của vật, hai là nghiệp của hư không. Nếu nghiệp của hư không hợp với vật, thì hư không là vô thường. Nếu nghiệp của vật hợp với hư không, thì vật không [hiện hữu] cùng khắp. Nếu không cùng khắp thì cũng là vô thường.

“Nếu nói hư không là thường, tánh vốn không động, hợp với vật [có tánh] động thì nghĩa ấy không đúng. Vì sao vậy? Nếu hư không là thường, lẽ ra vật cũng là thường. Nếu vật là vô thường, hư không cũng là vô thường. Nếu nói hư không vừa thường vừa vô thường thì không hợp lý.

“Nếu nói [hư không và vật là có] cùng chung một nghiệp hợp lại, nghĩa ấy không đúng. Vì sao vậy? Hư không gọi là cùng khắp [mọi nơi]. Nếu hư không hợp với nghiệp, lẽ ra nghiệp cũng là cùng khắp. Nếu là cùng khắp thì mọi nơi đều cùng khắp. Nếu mọi nơi đều cùng khắp thì lẽ ra phải hợp với tất cả, không thể nói là có hợp cùng không hợp.

“Nếu nói đã hợp rồi cùng hợp, như hai ngón tay sóng đôi hợp tại một nơi. Nghĩa ấy không đúng. Vì sao vậy? Vì trước không hợp, sau đó mới hợp lại. Nếu trước không sau có thì là pháp vô thường, nên không thể nói là hư không đã hợp rồi cùng hợp. Như những pháp thế gian, trước không sau có đều là vật vô thường. Hư không nếu là như thế thì lẽ ra cũng là vô thường!

“Nếu nói: ‘Hư không ở nơi sự vật, như trái cây đặt trong bát.’ Nghĩa ấy không đúng. Vì sao vậy? Khi chưa có vật chứa thì hư không đó ở đâu? Nếu có chỗ ở, ắt phải có nhiều hư không. Nếu là nhiều, sao có thể nói rằng hư không là thường, là duy nhất, là khắp cả? Nếu cho rằng hư không lìa ngoài cái không mà có chỗ trụ, thì sự vật lẽ ra cũng có thể lìa ngoài hư không mà có chỗ trụ! Vì thế nên biết rằng [theo lập luận này thì] không có hư không.

“Thiện nam tử! Như có người nói: ‘Chỗ ngón tay [chỉ đến] gọi là hư không.’ Nên biết rằng hư không [như thế thì] là pháp vô thường. Vì sao vậy? Chỉ là [chỉ về] bốn

phương. Nếu có bốn phương, nên biết rằng hư không [như vậy] cũng có bốn phương. Tất cả các pháp thường đều không có phương hướng. Vì có phương hướng nên hư không [như vậy phải] là vô thường. Nếu là vô thường thì không lìa khỏi năm ấm. Phải lìa khỏi năm ấm mới là không chỗ có.

“Thiện nam tử! Nếu có pháp do nhân duyên mà tồn tại, nên biết rằng những pháp ấy là vô thường.

“Thiện nam tử! Ví như tất cả chúng sanh, cây cối đều nhân nơi đất mà tồn tại. Vì đất là vô thường, cho nên mọi thứ nhân nơi đất cũng lần lượt đều là vô thường.

“Thiện nam tử! Như đất nhân nơi nước, vì nước là vô thường nên đất cũng vô thường. Như nước nhân nơi gió, vì gió là vô thường nên nước cũng vô thường. Như gió nương vào hư không, cái không là vô thường nên gió cũng là vô thường.⁽³⁾ Nếu là vô thường, vì sao nói rằng hư không là thường, là cùng khắp mọi nơi?

“Vì hư không là không nên chẳng phải quá khứ, vị lai, hiện tại; cũng như sừng thỏ, vì không phải vật [thật] có nên không phải quá khứ, vị lai, hiện tại.

“Vì thế ta nói [sự khác biệt] rằng: ‘Tánh Phật là thường nên không thuộc về ba đời; hư không là không nên không thuộc về ba đời.’

“Thiện nam tử! Ta chẳng bao giờ tranh biện với thế gian. Vì sao vậy? Người trí nói có, ta cũng nói có; người trí nói không, ta cũng nói không.”

Bồ Tát Ca-diếp bạch: “Thế Tôn! Bồ Tát ma-ha-tát [tu tập] có đủ bao nhiêu pháp thì không tranh với thế gian, không bị thế gian làm ô nhiễm?”

Phật dạy: “Thiện nam tử! Bồ Tát ma-ha-tát [tu tập] có đủ mười pháp thì không tranh với thế gian, chẳng bị thế gian làm ô nhiễm. Những gì là mười? Một là đức tin, hai là trì giới, ba là gần gũi bạn tốt hiền thiện, bốn là khéo suy xét nội tâm, năm là đầy đủ tinh tấn, sáu là đầy đủ chánh niệm, bảy là đầy đủ trí tuệ, tám là đầy đủ chánh ngữ, chín là ưa thích chánh pháp, mười là thương xót chúng sanh.

“Thiện nam tử! Bồ Tát ma-ha-tát có đủ mười pháp ấy thì không tranh với thế gian, không bị thế gian làm ô nhiễm, như hoa ưu-bát-la.”⁽⁴⁾

Bồ Tát Ca-diếp bạch Phật: “Thế Tôn! Như lời Phật dạy: ‘Người trí nói có, ta cũng nói có; người trí nói không, ta cũng nói không.’ [Vậy] những gì gọi là có, không của người trí ở thế gian?”

Phật dạy: “Thiện nam tử! Nếu người trí ở thế gian nói: ‘Sắc là vô thường, khổ, không, vô ngã... cho đến thức lại cũng như vậy.’⁽⁵⁾ Thiện nam tử! Đó gọi là người trí ở thế gian nói có, ta cũng nói có.

“Thiện nam tử! Nếu người trí ở thế gian nói: ‘Sắc không có thường, lạc, ngã, tịnh; thọ, tưởng, hành, thức lại cũng [không có] như vậy.’ Thiện nam tử! Đó gọi là người trí ở thế gian nói không, ta cũng nói không.”

Bồ Tát Ca-diếp bạch Phật: “Thế Tôn! Người trí ở thế gian tức chư Phật, Bồ Tát, tất cả thánh nhân. Nếu sắc của tất cả thánh nhân là vô thường, khổ, không, vô ngã, vì sao Như Lai nói rằng sắc thân của Phật là thường hằng, không biến đổi? Người trí ở thế gian nói pháp ấy là không, vì sao Như Lai lại nói là có? Như Lai Thế Tôn đã nói như vậy, sao lại nói rằng không tranh biện với thế gian, không bị pháp thế gian làm ô nhiễm?”

“Như Lai đã lìa ba sự điên đảo là tướng đảo, tâm đảo, kiến đảo;⁽⁶⁾ lẽ ra phải nói rằng sắc của Phật thật là vô thường. Nhưng nay Phật lại nói là thường, làm sao có thể gọi là xa lìa điên đảo, không tranh biện với thế gian?”

Phật dạy: “Thiện nam tử! Sắc của phàm phu do phiền não mà sanh, cho nên người trí nói: ‘Sắc là vô thường, khổ, không, vô ngã.’ Sắc của Như Lai lìa xa mọi phiền não, nên ta nói sắc ấy là thường hằng, không biến đổi.”

Bồ Tát Ca-diếp bạch Phật: “Thế Tôn! Thế nào là sắc [ám] do phiền não khởi sanh?”

Phật dạy: “Thiện nam tử! Có ba loại phiền não là dục lậu, hữu lậu và vô minh lậu. Người có trí nên quán xét sự sai lầm tai hại của ba loại phiền não ấy. Vì sao vậy? Vì khi biết được sự sai lầm tai hại của chúng rồi, ắt có thể lìa xa. Ví như vị lương y, trước phải chẩn mạch biết bệnh ở đâu, rồi sau mới kê đơn thuốc để trị.

“Thiện nam tử! Ví như có người đưa một người mù vào giữa rừng gai góc, bỏ đó mà về. Người mù sau đó rất khó thoát ra khỏi nơi ấy. Ví như có ra khỏi được, thân thể cũng phải thương tổn nặng nề. Kẻ phàm phu thế gian cũng [như người mù kia] vậy, không thể thấy biết sự tội lỗi nguy hại của ba loại phiền não, nên mãi chạy theo chúng. Nếu thấy rõ được, ắt có thể lìa xa. Khi rõ biết được sự sai lầm tai hại [của phiền não] rồi, tuy có chịu quả báo cũng chỉ là [quả báo] nhẹ.

“Thiện nam tử! Có bốn hạng người: Hạng thứ nhất khi tạo nghiệp thì nặng, lúc chịu quả báo thì nhẹ; hạng thứ hai khi tạo nghiệp thì nhẹ, khi chịu quả báo thì nặng; hạng thứ ba khi tạo nghiệp thì nặng, khi chịu quả báo cũng nặng; hạng thứ tư khi tạo nghiệp thì nhẹ, khi chịu quả báo cũng nhẹ.

“Thiện nam tử! Như ai biết quán xét sự sai lầm tai hại của phiền não thì sự tạo nghiệp và chịu quả báo đều nhẹ.

“Thiện nam tử! Người có trí suy xét rằng: ‘Ta nên lìa xa những phiền não như vậy. Ta cũng không nên tạo những nghiệp xấu xa độc ác như vậy. Vì sao? Vì nay ta chưa thoát khỏi những quả báo trong các cõi địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh, trời, người. Nếu tu học đạo, ta sẽ nhờ sức tu tập mà phá trừ được các nỗi khổ.’

“Người ấy quán xét như vậy rồi, [những tâm niệm] tham dục, sân khuể, ngu si liền trở nên yếu ớt. Khi thấy [những tâm niệm] tham, sân, si đã yếu ớt rồi, lòng người ấy rất hoan hỷ. Người ấy lại quán xét rằng: ‘Nay ta được như thế này là nhờ sức nhân duyên tu tập Chánh đạo, giúp ta có thể lìa xa những pháp bất thiện, gần gũi các pháp lành. Cho nên, hiện tại ta đã gặp được Chánh đạo, phải chuyên cần gắng sức hơn nữa để tu tập.’

“Người ấy nhờ sức chuyên cần tu tập nên lìa xa vô lượng phiền não và lìa xa những quả báo nơi các cõi địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh, cõi trời, cõi người.

“Cho nên, trong kinh ta có dạy rằng: ‘Nên quán xét tất cả phiền não [hữu lậu] và nguyên nhân của phiền não [hữu lậu]. Vì sao vậy? Người có trí nếu chỉ quán xét các phiền não mà không quán xét nguyên nhân của phiền não thì không thể đoạn trừ. Vì sao vậy? Người có trí quán xét rằng: ‘Phiền não do những nguyên nhân này mà sanh, nay nếu ta trừ dứt nguyên nhân thì phiền não sẽ không sanh khởi.’

“Thiện nam tử! Như vị lương y, nếu trừ được nguyên nhân gây bệnh từ trước thì bệnh không sanh ra. Người trí cũng vậy, trước tiên phải trừ dứt nguyên nhân của phiền não.

“Người có trí trước nên quán xét nhân, sau đó quán xét quả; nhờ đó rõ biết được rằng: nhân lành sanh ra quả lành, nhân xấu ác sanh ra quả xấu ác. Quán xét quả báo như vậy rồi, liền lìa xa các nhân xấu ác.

“Sau khi quán xét quả báo, lại nên quán xét đến các phiền não nhẹ và nặng. Quán xét rõ [các phiền não] nhẹ và nặng rồi, trước tiên phải lìa xa các phiền não sâu nặng. Lìa xa được các phiền não sâu nặng rồi, các phiền não nhẹ sẽ tự nhiên dứt mất.

“Thiện nam tử! Nếu người có trí rõ biết được về phiền não như: nguyên nhân sanh phiền não, quả báo của phiền não, [phân biệt được] phiền não nhẹ và nặng, khi ấy sẽ tinh tấn chuyên cần tu tập, không ngưng nghỉ, không chán ngán, thường gần gũi bạn lành, hết lòng nghe pháp. Đó là vì muốn trừ diệt hết thảy những phiền não như vậy.

“Thiện nam tử! Ví như người bệnh, tự biết bệnh nhẹ ắt có thể khỏi. Tuy gặp thuốc đắng vẫn uống vào không ngán. Người trí cũng vậy, siêng năng tu tập Thánh đạo, hoan hỷ không buồn, không ngưng nghỉ, không hối tiếc.

“Thiện nam tử! Nếu ai rõ biết được về phiền não như: nguyên nhân sanh ra phiền não, quả báo của phiền não, [phân biệt được] phiền não nhẹ và nặng, người ấy vì muốn dứt trừ phiền não liền siêng năng tu tập Thánh đạo. Người ấy không nương theo phiền não mà khởi sanh sắc [ám]. Đối với [các ám] thọ, tưởng, hành, thức cũng vậy.

“Nếu ai không rõ biết được về phiền não như: nguyên nhân sanh ra phiền não, quả báo của phiền não, [không phân biệt được] phiền não nhẹ và nặng, người ấy sẽ không siêng năng tu tập, liền nương theo phiền não mà

khởi sanh sắc [ám]. Đối với [các ám] thọ, tưởng, hành, thức cũng vậy.

“Thiện nam tử! [Người nào] rõ biết được [những điều] về phiền não như: nguyên nhân sanh ra phiền não, quả báo của phiền não, [phân biệt được] phiền não nhẹ và nặng, vì dứt trừ phiền não nên tu hành đạo, [người] đó chính là Như Lai. Vì nhân duyên ấy, sắc [ám] của Như Lai là thường tồn, cho đến thức [ám] cũng là thường tồn.⁽⁷⁾

“Thiện nam tử! [Người nào] không rõ biết được [những điều] về phiền não như: nguyên nhân sanh ra phiền não, quả báo của phiền não, [không phân biệt được] phiền não nhẹ và nặng, không thể tu tập đạo, [người] đó chính là phàm phu. Cho nên sắc [ám] của phàm phu là vô thường, cho đến [các ám] thọ, tưởng, hành, thức cũng đều là vô thường.

“Thiện nam tử! Người có trí ở thế gian cùng tất cả thánh nhân, Bồ Tát, chư Phật đều nói hai nghĩa ấy.⁽⁸⁾ Ta cũng nói hai nghĩa ấy. Cho nên ta nói là Như Lai không tranh [biện] với hàng trí giả thế gian, Như Lai không bị pháp thế tục làm nhiễm ô.”

Bồ Tát Ca-diếp bạch Phật: “Thế Tôn! Như Phật vừa dạy về ba thứ [phiền não] lậu [hoặc], thế nào là dục lậu, hữu lậu và vô minh lậu?”

Phật dạy: “Thiện nam tử! Dục lậu, đó là những tư tưởng xấu ác trong tâm, từ thô thiển đến tinh tế.⁽⁹⁾ Do nơi các duyên bên ngoài mà sanh ra dục lậu.

“Cho nên lúc trước tại thành Vương Xá ta có bảo A-nan rằng: ‘A-nan! Nay ông thọ nhận bài kệ tụng do người phụ nữ kia nói ra, mà bài kệ ấy vốn thật là do chư Phật quá khứ đã từng tuyên thuyết.’⁽¹⁰⁾

“Cho nên, hết thảy những tư tưởng xấu ác trong tâm [khởi lên do] nhân duyên bên ngoài đều gọi là dục. Đó là dục lậu.

“Hữu lậu là chỉ chung tất cả các pháp xấu ác trong tâm và các nhân duyên bên ngoài ở Sắc giới và Vô sắc giới, trừ những những tư tưởng xấu ác bên trong và nhân duyên bên ngoài ở Dục giới. Đó là hữu lậu.

“Vô minh lậu là [sự si mê] không rõ biết đúng thật về ngã và ngã sở, không phân biệt được [các pháp] bên trong và bên ngoài. Đó là vô minh lậu.

“Thiện nam tử! Vô minh chính là cội nguồn của tất cả các phiền não. Vì sao vậy? Tất cả chúng sanh do nhân là vô minh, duyên với [năm] ấm, [mười hai] nhập, [mười tám] giới mà sanh ra [mọi sự] nhớ nghĩ suy tưởng, nên gọi là chúng sanh. Đó gọi là điên đảo về tư tưởng, điên đảo về tâm ý, điên đảo về thấy biết. Vì những nhân duyên ấy mà sanh ra tất cả các phiền não.

“Cho nên, trong Mười hai bộ kinh Phật có dạy: ‘Vô minh chính là nguyên nhân của tham lam, nguyên nhân của sân hận và nguyên nhân của si mê.’”

Bồ Tát Ca-diếp lại thưa hỏi: “Bạch Thế Tôn! Lúc trước, trong Mười hai bộ kinh Như Lai có dạy rằng: ‘Những tư tưởng bất thiện là nhân duyên sanh ra tham dục, sân hận và si mê.’ Nay vì duyên có gì lại nói rằng [nhân duyên ấy] là vô minh?”

Phật dạy: “Thiện nam tử! Hai pháp ấy là nhân, quả cho nhau, làm tăng trưởng lẫn nhau. Những tư tưởng bất thiện sanh ra vô minh; vô minh lại là nhân duyên sanh ra những tư tưởng bất thiện.

“Thiện nam tử! Những gì có thể làm khởi sanh và phát triển các phiền não đều gọi chung là nhân duyên phiền não. Gần gũi với các nhân duyên phiền não ấy gọi là vô minh. Những tư tưởng bất thiện ví như hạt giống sanh ra mầm cây. Hạt giống là nguyên nhân trực tiếp, các yếu tố vật chất [như bốn đại] là nguyên nhân gián tiếp. [Vô minh sanh ra] phiền não cũng giống như vậy.”

Bồ Tát Ca-diếp lại thưa hỏi: “Bạch Thế Tôn! Như Phật đã dạy: ‘Vô minh chính là lậu hoặc.’ Tại sao nay lại dạy rằng: ‘Nhân nơi vô minh mà sanh ra các lậu hoặc?’”

Phật dạy: “Thiện nam tử! Như ta nói vô minh lậu, đó là vô minh trong tâm, [vô minh này chính là các lậu hoặc]. [Còn] nhân nơi vô minh sanh ra các [phiền não] lậu hoặc, đó là các nhân ở cả bên trong và bên ngoài.

“Nếu nói vô minh là các lậu hoặc, đó là [chỉ đến sự] điên đảo trong lòng, không nhận thức được những lẽ vô thường, khổ, không, vô ngã. Nếu nói [vô minh là] tất cả nhân duyên phiền não, đó là [chỉ đến trường hợp] không rõ biết những gì bên ngoài ngã và ngã sở.

“Nếu nói vô minh là các lậu, đó là [nói sự si mê đã có từ] vô thủy đến vô chung. [Còn nói vô minh sanh các lậu hoặc là ý nghĩa] từ nơi vô minh mà sanh ra [các] ấm, nhập, giới... [hợp thành chúng sanh]”

Bồ Tát Ca-diếp bạch Phật: “Thế Tôn! Như lời Phật dạy: ‘Người có trí rõ biết nguyên nhân các phiền não.’ Sao gọi là rõ biết nguyên nhân của phiền não?”

Phật dạy: “Thiện nam tử! Người có trí nên quán xét: ‘Do nhân duyên gì sanh ra phiền não như vậy? Tạo tác những hành vi nào sanh ra phiền não? Vào những thời điểm nào sanh ra phiền não? Sống chung với ai sanh ra

phiền não? Bám chấp vào nơi nào sanh ra phiền não? Quán xét những việc gì sanh ra phiền não? Thọ nhận những chỗ ở, chỗ nằm ngồi, y phục, thuốc men... của ai sanh ra phiền não? Do những nhân duyên gì [có thể từ] bậc thấp kém chuyển lên bậc trung bình, từ bậc trung bình chuyển lên bậc cao quý; [có thể từ] nghiệp thấp kém trở thành nghiệp trung bình, từ nghiệp trung bình trở thành nghiệp cao thượng?”

“Khi Bồ Tát ma-ha-tát quán xét như vậy liền được lìa xa các nhân duyên sanh ra phiền não. Khi quán xét như vậy liền ngăn chặn những phiền não chưa sanh, khiến cho không thể sanh khởi; đối với những phiền não đã sanh khởi liền có thể dứt trừ. Vì thế, trong Kinh ta dạy rằng: ‘Người có trí nên quán xét các nhân duyên sanh ra phiền não.’”

Bồ Tát Ca-diếp bạch Phật: “Thế Tôn! Trong một thân của chúng sanh làm sao có thể sanh khởi đủ mọi thứ phiền não?”

Phật dạy: “Thiện nam tử! Như trong một vật chứa có đủ mọi thứ hạt giống, nếu được tưới nước hoặc có mưa, mỗi thứ [hạt giống ấy] đều tự sanh. Chúng sanh cũng thế, tuy chỉ một vật chứa [là cái thân], do nhân duyên là ái dục nên sanh trưởng mọi thứ phiền não.”

Bồ Tát Ca-diếp lại thưa hỏi: “Bạch Thế Tôn! Người có trí quán xét quả báo như thế nào?”

Phật dạy: “Thiện nam tử! Người có trí nên quán xét rằng: ‘Do nhân duyên phiền não có thể sanh vào các cõi địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh. Do nhân duyên phiền não sanh làm thân người, thân chư thiên, chính là vô thường, khổ, không, vô ngã. Thân này là vật chứa, bên

trong có ba loại khổ,⁽¹¹⁾ ba loại vô thường.⁽¹²⁾ Các phiền não là nhân duyên khiến chúng sanh tạo tác năm tội nghịch, thọ các quả báo xấu ác, có thể làm dứt mất căn lành, phạm vào bốn trọng cấm, phỉ báng Tam bảo.’

“Người có trí lại nên quán xét rằng: ‘Ta đã được thọ thân thể này, thật không nên sanh khởi các phiền não như vậy [để rồi phải] nhận chịu những quả báo xấu ác.’”

Bồ Tát Ca-diếp lại thưa hỏi: “Bạch Thế Tôn! [Ngoài quả báo hữu lậu còn] có quả báo vô lậu. Phật lại dạy rằng: ‘Người có trí dứt trừ các quả báo.’ Vậy quả báo vô lậu có nằm trong số bị dứt trừ đó chăng? Những người [tu tập] đạt đạo đều có quả vô lậu. Nếu những người có trí cầu được quả vô lậu, vì sao Phật dạy rằng tất cả những người có trí nên dứt trừ hết quả báo? Nếu đã dứt trừ hết, thì nay các bậc thánh nhân vì sao lại có [quả báo]?”

Phật dạy: “Thiện nam tử! Đức Như Lai có khi ở trong nhân mà nói quả, có khi ở trong quả mà nói nhân.

“Như người thế gian nói đất sét là bình, sợi chỉ là áo; đó gọi là trong nhân mà nói quả. Như chỉ con bò bảo đó là nước, là cỏ; chỉ con người bảo đó là các món đã ăn vào; như vậy là trong quả mà nói nhân.

“Ta cũng như vậy, [có khi] trong nhân mà nói quả; như trước đây trong kinh ta có dạy: ‘Ta dùng [sức của] tâm mà chuyển thân đến bên Phạm thiên.’ Đó gọi là trong nhân mà nói quả.⁽¹³⁾ Còn như [ta có] nói sáu nhập là nghiệp quá khứ, đó là trong quả mà nói nhân.⁽¹⁴⁾”

“Thiện nam tử! Tất cả thánh nhân thật ra không hề có quả báo vô lậu. Tất cả thánh nhân tu tập Chánh đạo, quả báo [của họ là] không còn sanh khởi phiền não, cho nên gọi là quả báo vô lậu.

“Thiện nam tử! Người có trí quán xét như vậy rồi liền dứt trừ mãi mãi quả báo phiền não.

“Thiện nam tử! Người có trí quán xét rồi, vì muốn dứt trừ quả báo phiền não như vậy nên tu tập Thánh đạo. Thánh đạo tức là [các pháp môn] không, vô tướng, vô nguyện. Tu tập Thánh đạo ấy rồi có thể dứt trừ tất cả quả báo phiền não.”⁽¹⁵⁾

Bồ Tát Ca-diếp lại bạch Phật: “Thế Tôn! Tất cả chúng sanh đều do nơi phiền não mà chịu quả báo. Nói phiền não ở đây là nói sự xấu ác. Do nơi phiền não xấu ác mà sanh khởi các phiền não [khác] cũng gọi là xấu ác. Những phiền não như vậy ắt có hai loại, một là nhân, hai là quả. Vì nhân xấu ác nên sanh quả cũng xấu ác, vì quả xấu ác nên hạt giống cũng xấu ác.

“Ví như trái nhâm-bà, vì hạt giống đắng nên hoa, trái, thân cây... tất cả đều đắng. Lại ví như cây độc, vì hạt giống độc nên sanh quả cũng độc.

“[Nếu] nhân là chúng sanh [thì] quả cũng là chúng sanh; [nếu] nhân là phiền não [thì] quả cũng là phiền não. Nhân và quả của phiền não chính là chúng sanh; chúng sanh chính là nhân và quả của phiền não. Nếu theo nghĩa này thì tại sao trước đây Như Lai có đưa ra ví dụ là nơi Tuyết sơn có cỏ độc nhưng cũng có vị thuốc hay nhất?”

“Nếu nói phiền não tức là chúng sanh, chúng sanh tức là phiền não, làm sao có thể nói trong thân chúng sanh [là phiền não đó] có vị thuốc hay nhất?”

Phật dạy: “Lành thay, lành thay! Thiện nam tử, vô lượng chúng sanh đều có cùng mối nghi như vậy. Nay ông đã có thể vì họ mà thưa thỉnh, mong được giảng

giải, [vậy] ta cũng sẽ [giải đáp đễ] dứt trừ mối nghi ấy. Hãy nghe cho kỹ, hãy lắng nghe cho kỹ và khéo suy xét, nay ta sẽ vì ông mà phân biệt giảng nói.

“Thiện nam tử! Đưa ra ví dụ Tuyết sơn là nói chúng sanh; cỏ độc tức là phiền não; còn vị thuốc hay nhất tức là Phạm hạnh thanh tịnh.

“Thiện nam tử! Những chúng sanh nào có thể tu tập Phạm hạnh thanh tịnh thì gọi là trong thân có vị thuốc hay nhất.”

Bồ Tát Ca-diếp bạch Phật: “Thế Tôn! Thế nào là chúng sanh có [tu tập được] Phạm hạnh thanh tịnh?”

Phật dạy: “Thiện nam tử! Như ở thế gian, từ nơi hạt giống mà sanh ra quả. Quả ấy lại có loại có hạt, có loại không hạt. Quả có hạt thì gọi là quả hạt; những quả không hạt thì chỉ gọi là quả, không gọi là quả hạt.

“Tất cả chúng sanh cũng giống như vậy, cũng phân làm hai loại. Một là những người có quả phiền não [tạo ra] nhân phiền não, hai là những người có quả phiền não nhưng không [tạo ra] nhân phiền não. Những ai có quả phiền não nhưng không [tạo ra] nhân phiền não gọi là Phạm hạnh thanh tịnh.

“Thiện nam tử! Chúng sanh quán xét cảm thọ,⁽¹⁶⁾ biết rằng đây là nguyên nhân trực tiếp của tất cả phiền não. [Nói tất cả tức là] hết thảy mọi phiền não cả bên trong và bên ngoài. Do nhân duyên là cảm thọ nên [chúng sanh] không thể dứt trừ hết tất cả phiền não, cũng không thể thoát ra khỏi chốn tù ngục là Ba cõi. Chúng sanh do cảm thọ nên vướng chấp nơi ngã và ngã sở, [từ đó] khởi sanh tâm ý điên đảo, tư tưởng điên đảo và sự thấy biết điên đảo.

“Vì thế, chúng sanh trước hết phải quán xét cảm thọ. Cảm thọ ấy là nguyên nhân trực tiếp của tất cả tham ái. [Vì vậy,] người có trí muốn dứt trừ tham ái thì trước hết phải quán xét cảm thọ.

“Thiện nam tử! Mười hai nhân duyên cùng với hết thảy những hành vi thiện ác của chúng sanh đều nhân nơi lúc [khởi sanh] cảm thọ. Cho nên ta từng bảo A-nan rằng: ‘A-nan! Mọi hành vi thiện ác của tất cả chúng sanh đều [khởi sinh] vào lúc có cảm thọ.’ Cho nên người có trí trước hết phải quán xét cảm thọ.

“Sau khi quán xét cảm thọ rồi, lại phải tiếp tục quán xét cảm thọ ấy do nhân duyên gì sanh ra? Nếu đã là do nhân duyên sanh, vậy nhân duyên ấy lại do đâu mà sanh ra? Còn nếu không do nhân mà sanh, tại sao sự không nhân ấy lại chẳng sanh ra [trạng thái] không cảm thọ?

“Lại quán xét rằng: ‘Cảm thọ này không nhân nơi vị trời Tự tại sanh ra, không nhân nơi thần thức [hay linh hồn]⁽¹⁷⁾ mà sanh ra, không nhân nơi bụi bặm sanh ra, không nhân nơi thời tiết sanh ra, không nhân nơi tư tưởng sanh ra, không nhân nơi bản tánh sanh ra; không phải tự thân nó sanh ra, không riêng do [các điều kiện] bên ngoài sanh ra, cũng không phải do tự thân hợp với [các điều kiện] bên ngoài sanh ra; lại không phải không có nguyên nhân mà [tự nhiên] sanh ra. Mọi cảm thọ đều do [đầy đủ] các duyên hợp lại mà sanh ra. Các duyên đó chính là tham ái. Trong sự hòa hợp đó chẳng phải có cảm thọ, cũng chẳng phải không có cảm thọ. Cho nên ta phải dứt trừ ngay từ sự hòa hợp [các duyên] như vậy.’ Vì dứt trừ [ngay từ] sự hòa hợp [của các duyên] nên không còn sanh ra cảm thọ.

“Thiện nam tử! Người có trí quán xét nguyên nhân [của cảm thọ] rồi, tiếp đó lại quán xét đến quả báo. Chúng sanh nhân nơi cảm thọ mà phải nhận chịu các cảnh giới địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh, cho đến vô lượng khổ não trong Ba cõi. Do nhân duyên cảm thọ nên thọ nhận những khoái lạc [giả tạm,] không thường tồn. Do nhân duyên cảm thọ nên dứt mất căn lành. [Nhưng cũng] do nhân duyên cảm thọ mà đạt được giải thoát. Trong khi quán xét như vậy thì không còn tạo ra nhân của cảm thọ.

“Thế nào gọi là không tạo ra nhân của cảm thọ? Đó là nói sự phân biệt các cảm thọ, những cảm thọ nào có thể là nguyên nhân của tham ái, và những tham ái nào có thể là nguyên nhân của cảm thọ.

“Thiện nam tử! Nếu chúng sanh có thể quán xét sâu xa nguyên nhân của tham ái, nguyên nhân của cảm thọ, ắt có thể dứt trừ [những kiến chấp về] ngã và ngã sở.

“Thiện nam tử! Như người có thể thực hành các pháp quán xét như trên, ắt nên phân biệt tham ái và cảm thọ diệt mất nơi đâu. [Khi phân biệt như vậy] liền thấy được tham ái và cảm thọ [thật] có chỗ diệt mất ít nhiều, do đó biết rằng cũng có thể [dần dần] diệt sạch rốt ráo. Bấy giờ liền sanh khởi lòng tin đối với sự giải thoát. Sanh lòng tin rồi [liền suy nghĩ]: ‘Sự giải thoát này do đâu có thể đạt được?’ Nhân đó liền biết rằng nhờ Tám Chánh đạo [mà được giải thoát], liền tu tập [theo đúng] Tám Chánh đạo.

“Thế nào gọi là Tám Chánh đạo? Theo đạo này mà quán xét cảm thọ thì thấy có ba tướng trạng, một là [cảm thọ] khổ, hai là [cảm thọ] vui, ba là [cảm thọ]

không khổ không vui. Ba loại cảm thọ này đều có thể làm tăng trưởng thân và tâm.

“Do nhân duyên gì mà [ba loại cảm thọ ấy] có thể làm tăng trưởng [thân và tâm]? Do nhân duyên là xúc chạm. Xúc chạm có ba loại, một là xúc chạm vô minh, hai là xúc chạm sáng suốt, ba là xúc chạm không phải vô minh, không phải sáng suốt.

“Nói xúc chạm sáng suốt tức là Tám Chánh đạo. [Trừ loại xúc chạm này ra,] còn hai loại xúc chạm kia đều làm tăng trưởng thân tâm và ba loại cảm thọ. Vì thế nên phải dứt trừ hai loại xúc chạm ấy. Khi nhân duyên xúc chạm đã dứt rồi thì không còn sanh ra ba loại cảm thọ nữa.

“Thiện nam tử! Cảm thọ như thế cũng gọi là nhân, cũng gọi là quả. Người có trí nên quán xét rằng [cảm thọ] vừa là nhân, vừa là quả. Sao gọi là nhân? Nhân nơi cảm thọ sanh ra tham ái, nên gọi [cảm thọ] là nhân. Sao gọi là quả? Nhân nơi sự xúc chạm sanh ra cảm thọ, nên gọi [cảm thọ] là quả. Vì thế, cảm thọ vừa là nhân, cũng vừa là quả.

“Người có trí quán xét cảm thọ như vậy rồi, tiếp đó quán xét tham ái. Quả báo của cảm thọ là tham ái. Người có trí quán xét tham ái có hai loại, một là tạp thực, hai là vô thực. Tham ái tạp thực là nhân của sanh, già, bệnh, chết cùng tất cả các cảnh giới hiện hữu. Tham ái vô thực dứt hết sanh, già, bệnh, chết cùng tất cả các cảnh giới hiện hữu, [chỉ] ham muốn tu đạo vô lậu.

“Người có trí lại nên suy xét rằng: ‘Nếu ta sanh khởi tham ái tạp thực, ắt không thể dứt trừ sanh, già, bệnh, chết. Tuy nay ta ham muốn đạo vô lậu, nhưng nếu

không trừ dứt nguyên nhân của cảm thọ thì không thể đạt được đạo quả vô lậu. Vì thế, trước hết phải dứt trừ mọi xúc chạm. Xúc chạm đã dứt trừ rồi thì cảm thọ tự nhiên diệt mất. Cảm thọ đã diệt mất rồi thì tham ái cũng theo đó mà diệt.’

“[Tu tập quán xét như trên] gọi là [tu tập theo đúng] Tám Chánh đạo.

“Thiện nam tử! Nếu chúng sanh nào có thể quán xét như vậy, tuy mang thân độc hại nhưng trong thân đó cũng có vị thuốc diệu kỳ; cũng như nơi Tuyết sơn, tuy có cỏ độc nhưng cũng có vị thuốc hay.

“Thiện nam tử! Những chúng sanh ấy tuy do phiền não mà nhận chịu quả báo, nhưng quả báo này không tiếp tục làm nhân sanh ra phiền não. Đó gọi là Phạm hạnh thanh tịnh.

“Lại nữa, thiện nam tử! Người có trí nên quán xét cảm thọ và tham ái do nhân duyên gì sanh ra? [Quán xét như vậy rồi liền] biết rằng [cảm thọ và tham ái] đều do vọng tưởng sanh ra. Vì sao vậy? Chúng sanh trong khi thấy hình sắc không sanh tham muốn, trong khi quán xét cảm thọ cũng không sanh tham muốn, chỉ khi đối với những hình sắc [ấy] khởi sanh vọng tưởng điên đảo, cho rằng đó là thường, lạc, ngã, tịnh; rằng cảm thọ [đối với hình sắc đó] là thường còn, không biến đổi; [thì] nhân nơi tư tưởng điên đảo ấy mới khởi sanh [các tâm] tham lam, sân khuể và si mê. Vì thế nên người có trí phải biết quán xét [vọng] tưởng.

“Thế nào là quán xét [vọng] tưởng? Nên suy xét rằng: ‘Tất cả chúng sanh khi chưa đạt được Chánh đạo đều có những tư tưởng điên đảo. Thế nào là tư tưởng điên đảo?’

Đối với việc không thường còn mà khởi sanh tư tưởng [cho đó là] thường còn; đối với việc không phải vui mà khởi sanh tư tưởng [cho đó là] vui; đối với việc chẳng phải thanh tịnh mà khởi sanh tư tưởng [cho đó là] thanh tịnh; đối với các pháp [vốn thật là] không mà khởi sanh tư tưởng [cho đó là] có ngã; đối với [các đối tượng thật] không phải là nam, nữ, lớn, nhỏ, ngày, đêm, năm, tháng, y phục, nhà cửa, chỗ ngồi nằm... mà khởi sanh tư tưởng [cho đó là] nam, nữ... cho đến chỗ ngồi nằm...

“Tưởng có ba loại, một là nhỏ, hai là lớn, ba là vô lượng. Do nhân duyên nhỏ nên sanh ra tưởng nhỏ; do nhân duyên lớn nên sanh ra tưởng lớn; do nhân duyên vô lượng nên sanh ra tưởng vô lượng.

“Lại có [cách phân loại] tưởng nhỏ là khi chưa nhập định; tưởng lớn là khi đã nhập định; tưởng vô lượng là khi đạt đến Mười nhất thiết nhập.⁽¹⁸⁾

“Lại có [cách phân loại] tưởng nhỏ là tất cả [vọng] tưởng trong Dục giới, tưởng lớn là tất cả [vọng] tưởng trong Sắc giới, tưởng vô lượng là tất cả [vọng] tưởng trong Vô sắc giới.

“Nếu ba loại tưởng [phân biệt như trên] đều diệt cả rồi, ắt cảm thọ cũng tự nhiên diệt mất. Vì tưởng và cảm thọ đều diệt hết nên gọi là giải thoát.”

Bồ Tát Ca-diếp lại thưa hỏi: “Bạch Thế Tôn! Diệt tất cả pháp gọi là giải thoát, vì sao Như Lai dạy rằng tưởng và cảm thọ diệt hết gọi là giải thoát?”

Phật dạy: “Thiện nam tử! Như Lai có lúc nhân nơi chúng sanh mà thuyết pháp, [khiến] người nghe hiểu được pháp; cũng có lúc lại nhân nơi pháp mà thuyết về chúng sanh, cũng khiến người nghe hiểu được chúng sanh.

“Thế nào gọi là nhân nơi chúng sanh mà thuyết pháp, khiến người nghe hiểu được pháp? Như trước đây ta vì Đại Ca-diếp⁽¹⁹⁾ mà dạy rằng: ‘Ca-diếp! Khi chúng sanh diệt ắt pháp lành cũng diệt.’ Đó gọi là nhân nơi chúng sanh mà thuyết pháp, khiến người nghe hiểu được pháp.

“Thế nào gọi là nhân nơi pháp mà thuyết về chúng sanh, cũng khiến người nghe hiểu được chúng sanh? Như trước đây ta vì A-nan mà dạy rằng: ‘Ta không nói việc gần gũi với tất cả pháp, cũng không nói việc không gần gũi với tất cả pháp. Nếu có những pháp mà khi gần gũi thì pháp lành phải suy yếu, pháp xấu ác trở nên mạnh mẽ, thì không nên gần gũi với những pháp như vậy. Nếu có những pháp mà khi gần gũi rồi thì pháp xấu ác suy yếu diệt mất, pháp lành tăng trưởng, thì nên gần gũi với những pháp như vậy.’ Đó gọi là nhân nơi pháp mà thuyết về chúng sanh, cũng khiến người nghe hiểu được chúng sanh.⁽²⁰⁾

“Thiện nam tử! Tuy Như Lai chỉ nói đến [hai pháp là] tưởng và cảm thọ diệt mất, nhưng theo đó có thể hiểu là nói chung tất cả [các pháp] đều diệt mất.

“Người có trí đã quán xét về tưởng như trên rồi, tiếp đó lại quán xét về nguyên nhân của tưởng. Như tưởng vô lượng do nhân gì mà sanh ra? [Quán xét rồi] liền biết được rằng do nhân là xúc chạm mà sanh ra.

“Xúc chạm có hai loại, một là có nguyên nhân nơi phiền não, hai là có nguyên nhân nơi giải thoát. Nhân nơi vô minh sanh ra xúc chạm gọi là phiền não xúc; nhân sự sáng suốt sanh ra xúc chạm gọi là giải thoát xúc.

“Nhân nơi phiền não xúc mà sanh ra tư tưởng điên đảo, nhân giải thoát xúc mà sanh ra tư tưởng không

điên đảo. Sau khi quán xét nguyên nhân của tướng [như vậy] rồi, tiếp đó sẽ quán xét quả báo [của tướng].”

Bồ Tát Ca-diếp bạch Phật: “Thế Tôn! Nếu do tướng có nhân là phiền não [xúc] mà sanh ra tư tưởng điên đảo, thì tất cả thánh nhân thật ra đều có tư tưởng điên đảo, nhưng không có phiền não, nghĩa ấy là thế nào?”

Phật hỏi Bồ Tát Ca-diếp: “Thiện nam tử! Vì sao [nói rằng] thánh nhân lại có tư tưởng điên đảo?”

Bồ Tát Ca-diếp thưa: “Bạch Thế Tôn! Tất cả thánh nhân, khi nhìn thấy con bò, con ngựa, [tuy thật không phải là bò, là ngựa, nhưng lại khởi sanh tư] tưởng [cho đó] là con bò, con ngựa; cũng nói rằng đó là con bò, con ngựa. Đối với [tất cả các đối tượng khái niệm như] nam, nữ, lớn, nhỏ, nhà cửa, xe cộ, đi lại... cũng đều như vậy. Đó gọi là tư tưởng điên đảo.”

Phật dạy: “Thiện nam tử! Tất cả phàm phu có hai loại tư tưởng, một là tư tưởng thuận theo quy ước chung của thế gian, hai là tư tưởng tự mình vướng chấp. Tất cả thánh nhân chỉ có tư tưởng thuận theo quy ước chung của thế gian mà thôi, không hề có tư tưởng tự mình vướng chấp.

“Tất cả phàm phu do [trong lòng mang] tư tưởng xấu ác nên đối với những tư tưởng thuận theo quy ước chung của thế gian lại sanh ra tư tưởng vướng chấp. Tất cả thánh nhân do [trong lòng có] tư tưởng hiền thiện nên đối với những tư tưởng thuận theo quy ước chung của thế gian không sanh ra tư tưởng vướng chấp. Vì thế nên [tư tưởng của] phàm phu gọi là tư tưởng điên đảo, thánh nhân tuy rõ biết [tất cả các pháp thuận theo quy ước thế gian] nhưng không thể gọi đó là tư tưởng điên đảo.

“Người có trí quán xét nguyên nhân của tướng [như vậy] rồi, tiếp đó lại quán xét quả báo [của tướng]. [Quán xét rồi liền nhận biết rằng:] Quả báo của tư tưởng xấu ác này là phải nhận chịu [khổ não trong] các cảnh giới địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh, cõi trời, cõi người. Nếu nhân nơi sự dứt trừ những tư tưởng xấu ác thì có thể dứt trừ sự xúc chạm [sanh ra bởi] vô minh, [tức phiền não xúc], do đó mà dứt trừ được tướng. Do tướng đã dứt mất nên quả báo cũng dứt mất.

“Người có trí muốn dứt trừ nguyên nhân của tướng như thế, phải tu tập [theo đúng] Tám Chánh đạo.

“Thiện nam tử! Nếu ai có thể tu tập các pháp quán như trên thì gọi là Phạm hạnh thanh tịnh. Thiện nam tử! Đó gọi là trong thân độc hại của chúng sanh có vị thuốc hay nhất, cũng như nơi Tuyết sơn tuy có cỏ độc nhưng cũng có vị thuốc hay.

“Lại nữa, thiện nam tử! Người có trí quán xét về tham dục, [thấy rằng] tham dục tức là hình sắc, âm thanh, mùi hương, vị nếm, sự xúc chạm. Thiện nam tử! Đó chính là Như Lai trong nhân nói quả, vì do nơi năm pháp ấy mà sanh ra tham dục, chứ [tự thân] chúng thật không phải là tham dục.

“Thiện nam tử! Những kẻ ngu si vì tham muốn cảm thọ nên đối với hình sắc khởi sanh tư tưởng điên đảo, cho đến đối với âm thanh, mùi hương, vị nếm, sự xúc chạm, cũng đều sanh tư tưởng điên đảo. Do nhân duyên là tư tưởng điên đảo mà sanh ra các cảm thọ. Cho nên người thế gian nói rằng: ‘Do tư tưởng điên đảo mà sanh ra mười loại tư tưởng.’

“Do nhân duyên tham dục nên [chúng sanh] phải lưu chuyển trong thế gian, nhận chịu các quả báo xấu ác,

lại làm cả những việc ác đối với cha mẹ, sa-môn, bà-la-môn... Những việc không nên làm vẫn cố sức làm, chẳng tiếc thân mạng. Vì thế, người có trí quán xét rằng: ‘Do nhân duyên là các tư tưởng xấu ác nên sanh ra tâm tham dục.’ Người có trí quán xét nguyên nhân của tham dục như vậy rồi, tiếp đó liền quán xét quả báo [của tham dục].

“Tham dục có nhiều quả báo xấu ác như địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh, hoặc trong cõi người, cõi trời. Đó gọi là quán xét quả báo. [Người có trí quán xét rằng:] ‘Nếu tư tưởng xấu ác bị trừ dứt thì không sanh ra tâm tham dục. Vì không có tâm tham dục nên không nhận các cảm thọ xấu ác. Vì không có cảm thọ xấu ác nên không có quả báo xấu ác. Vì thế, trước hết ta phải dứt trừ tư tưởng xấu ác. Dứt trừ mọi tư tưởng xấu ác rồi thì tất cả những pháp [theo sau] như vậy cũng tự nhiên dứt hết.’

“Do đó, người có trí muốn dứt trừ tư tưởng xấu ác liền tu tập Tám Chánh đạo, như thế gọi là Phạm hạnh thanh tịnh. Đó gọi là trong thân độc hại của chúng sanh cũng có vị thuốc hay nhất, cũng như nơi Tuyết sơn tuy có cỏ độc nhưng cũng có vị thuốc kỳ diệu.

“Lại nữa, thiện nam tử! Người có trí quán xét tham dục như vậy rồi, sau đó sẽ quán xét về nghiệp. Vì sao vậy? Người có trí nên suy xét rằng: ‘Cảm thọ, tư tưởng, xúc chạm, tham dục chính là phiền não. Phiền não này có thể tạo thành sanh nghiệp⁽²¹⁾ nhưng không tạo thành thọ nghiệp.⁽²²⁾ [Nhưng khi] phiền não đi cùng với nghiệp [đã tạo] ắt có hai loại, một là tạo thành sanh nghiệp, hai là tạo thành thọ nghiệp.⁽²³⁾ Vì thế, người có trí cần phải quán xét về nghiệp. [Quán xét rồi liền thấy rằng] nghiệp như vậy có ba loại là: nghiệp của thân, nghiệp của miệng và nghiệp của ý.

“Thiện nam tử! Hai nghiệp của thân và của miệng vừa là nghiệp, vừa là quả của nghiệp. Riêng nghiệp của ý chỉ là nghiệp, không thể gọi là quả; vì có nhân là nghiệp nên mới gọi là nghiệp.

“Thiện nam tử! Hai nghiệp của thân và của miệng gọi là nghiệp bên ngoài; nghiệp của ý gọi là nghiệp bên trong.

“Ba nghiệp này [nếu] đi cùng với phiền não [có thể] tạo thành sanh nghiệp và thọ nghiệp.

“Thiện nam tử! Nghiệp của ý là nghiệp [giữ vai trò] chính. Nghiệp của thân và miệng là nghiệp có hạn kỳ [phát sanh]. Cho nên nghiệp của ý phát sanh trước nhất, rồi nương theo nghiệp của ý mới phát sanh các nghiệp của thân và của miệng. Vì thế mà nghiệp của ý được gọi là nghiệp [giữ vai trò] chính.

“Người có trí quán xét nghiệp [như vậy] rồi, tiếp đó quán xét nguyên nhân của nghiệp. [Quán xét rồi liền rõ biết] nguyên nhân của nghiệp chính là sự xúc chạm [sanh ra bởi] vô minh, [tức là phiền não xúc]. Nhân nơi sự xúc chạm sanh ra bởi vô minh mà chúng sanh tham cầu sự hiện hữu, [nên] nhân duyên tham cầu hiện hữu chính là tham ái. Do nhân duyên là tham ái [nên chúng sanh] tạo tác các nghiệp của thân, của miệng và của ý.

“Thiện nam tử! Người có trí quán xét nguyên nhân của nghiệp như vậy rồi, tiếp đó liền quán xét quả báo. [Quán xét rồi liền rõ biết] có bốn loại quả báo: một là quả báo thuần xấu ác, hai là quả báo thuần thiện, ba là quả báo hỗn tạp và bốn là quả báo không thiện không ác.

“Quả báo thuần xấu ác là khi tạo nghiệp thì ô nhiễm, quả báo nhận lấy cũng ô nhiễm. Quả báo thuần thiện là khi tạo nghiệp thì trong sạch, quả báo nhận lấy cũng

trong sạch. Quả báo hỗn tạp là khi tạo nghiệp thì lẫn lộn [có thiện có ác], quả báo nhận lấy cũng lẫn lộn [có tốt có xấu]. Quả báo không thiện không ác gọi là nghiệp vô lậu.”

Bồ Tát Ca-diếp bạch Phật: “Thế Tôn! Trước đây Phật dạy rằng nghiệp vô lậu không có quả báo, sao nay lại dạy rằng quả báo không thiện không ác là của nghiệp vô lậu?”

Phật dạy: “Thiện nam tử! [Tuy nói quả báo nhưng] thật có hai nghĩa. Một là có quả, có báo; hai là chỉ có quả mà không có báo.

“Quả báo thuần xấu ác là có quả, có báo. Do nhân duyên xấu ác sanh ra nên gọi là quả; [quả ấy] có thể làm nhân [sanh ra quả khác] nên gọi là báo. Quả báo thuần thiện và quả báo hỗn tạp cũng giống như vậy. Riêng quả vô lậu do nhân hữu lậu sanh ra nên gọi là quả, [nhưng] không làm nhân [cho quả] khác nên không gọi là báo. Vì thế nên [quả vô lậu chỉ] gọi là quả, không gọi là báo.”

Bồ Tát Ca-diếp lại thưa hỏi: “Bạch Thế Tôn! Nghiệp vô lậu không phải là pháp xấu ác, do nhân duyên gì lại không gọi đó là [thuần] thiện?”

Phật dạy: “Thiện nam tử! Vì không có báo nên không gọi là thiện. Vì đối lại với xấu ác nên mới gọi là thiện. Cho nên ta có dạy rằng: ‘Vì có thọ nhận quả báo nên [phân chia] gọi là thiện, ác.’ Nghiệp vô lậu không thọ báo nên không gọi là thiện, mà gọi là vắng lặng, an tĩnh.

“Những nghiệp nói trên được xác định có nơi thọ báo, như [nghiệp của] Mười điều bất thiện nhất định [phải thọ quả báo] nơi các cõi địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh; nghiệp của Mười điều thiện nhất định [thọ quả báo] nơi cõi trời, cõi người.

“Mười điều bất thiện lại chia thành ba hạng: hạng nặng, hạng vừa và hạng nhẹ. Do nhân duyên [thuộc hạng] nặng nên thọ thân nơi địa ngục. Do nhân duyên hạng vừa nên thọ thân làm súc sanh. Do nhân duyên hạng nhẹ nên thọ thân ngạ quỷ.

“Nghiệp của Mười điều thiện lại có bốn hạng: hạng thấp, hạng vừa, hạng cao và hạng cao nhất. Do nhân duyên thuộc hạng thấp nên sanh ở châu Uất-đan-việt. Do nhân duyên hạng vừa nên sanh ở châu Phát-bà-đề. Do nhân duyên hạng cao nên sanh ở châu Cù-đà-ni. Do nhân duyên hạng cao nhất nên sanh ở châu Diêm-phù-đề.

“Người có trí sau khi quán xét như vậy rồi liền suy nghĩ rằng: ‘Nay ta phải làm sao để dứt trừ quả báo này?’ Rồi lại nghĩ rằng: ‘Nhân duyên sanh ra nghiệp này là sự xúc chạm [sanh ra bởi] vô minh, [tức phiền não xúc]. Nếu ta dứt trừ sự xúc chạm [sanh ra bởi] vô minh thì quả của nghiệp này phải dứt hẳn không còn sanh ra.’ Vì thế, người có trí vì muốn dứt trừ nhân duyên là sự xúc chạm [sanh ra bởi] vô minh nên tu tập Tám Chánh đạo. Đó gọi là Phạm hạnh thanh tịnh.

“Thiện nam tử! Đó gọi là trong thân độc hại của chúng sanh có vị thuốc hay nhất, cũng như nơi Tuyết sơn tuy có cỏ độc nhưng cũng có thuốc quý.

“Lại nữa, thiện nam tử! Người có trí quán xét nghiệp, quán xét phiền não [như trên] rồi, tiếp đó quán xét quả báo của nghiệp và phiền não. Quả báo của hai thứ ấy chính là khổ não. Đã biết rõ là khổ ắt có thể buông bỏ lìa xa tất cả mọi sự thọ sanh.

“Người có trí lại quán xét rằng: ‘Phiền não là nhân duyên sanh ra phiền não, nghiệp cũng là nhân duyên sanh ra phiền não.’

“Phiền não lại là nhân duyên sanh ra nghiệp, nghiệp là nhân duyên sanh ra khổ.”

“Khổ là nhân duyên sanh ra phiền não, phiền não là nhân duyên sanh ra sự hiện hữu.”

“Sự hiện hữu là nhân duyên sanh ra khổ, sự hiện hữu [cũng] là nhân duyên sanh ra sự hiện hữu [tiếp nối].⁽²⁴⁾”

“Sự hiện hữu là nhân duyên sanh ra nghiệp, nghiệp là nhân duyên sanh ra phiền não.”

“Phiền não là nhân duyên sanh ra khổ, khổ là nhân duyên sanh ra sự khổ [tiếp nối].”

“Thiện nam tử! Nếu người trí có thể quán xét như vậy, nên biết rằng người ấy có thể quán xét sự khổ của [việc thọ] nghiệp. Vì sao vậy? Quán xét như trên tức là mười hai nhân duyên của sanh tử. Nếu ai có thể quán xét mười hai nhân duyên ấy của sanh tử, nên biết rằng người ấy sẽ không tạo tác nghiệp mới và có thể phá trừ nghiệp cũ.”

“Thiện nam tử! Người có trí khi quán xét sự khổ nơi địa ngục, quán xét từ một địa ngục cho đến đủ một trăm ba mươi sáu nơi [địa ngục]. Mỗi một địa ngục có đủ mọi thứ khổ, đều do nhân duyên là phiền não và nghiệp sanh ra.”

“Quán xét [sự khổ nơi] địa ngục rồi, tiếp đó lại quán xét mọi nỗi khổ của [các cảnh giới] ngạ quỷ, súc sanh. Quán xét như vậy rồi, lại quán xét đến những nỗi khổ của cõi người, cõi trời. [Liên rõ biết được rằng] hết thảy những nỗi khổ như vậy đều do nơi nhân duyên là phiền não và nghiệp sanh ra.”

“Thiện nam tử! Các cõi trời tuy không có sự khổ não lớn lao [như các cõi khác], nhưng thân thể mềm mại,

trơn láng của chư thiên khi có năm tướng suy⁽²⁵⁾ hiện ra thì cũng chịu sự khổ não ghê gớm, không khác gì so với nỗi khổ ở địa ngục.”

“Thiện nam tử! Người trí quán xét sâu xa các nỗi khổ trong Ba cõi, [thấy rằng tất cả] đều do nhân duyên là phiền não và nghiệp sanh ra.”

“Thiện nam tử! Ví như món đồ [gốm] khi chưa nung rất dễ vỡ, cái thân mà chúng sanh thọ nhận cũng vậy; khi đã thọ thân rồi thì thân ấy trở thành vật chứa đựng mọi thứ khổ não. Ví như cây lớn, hoa quả sai oằn thì các loài chim có thể đến phá hoại. Như củ khô chất lại nhiều, chỉ một chút lửa cũng đủ để thiêu rụi. Thân của chúng sanh bị các nỗi khổ làm cho hư hoại cũng giống như vậy.”

“Thiện nam tử! Nếu người trí quán xét được tám loại khổ não [như trong phẩm] Thánh hạnh [đã giảng],⁽²⁶⁾ thì nên biết rằng người ấy có thể đoạn trừ mọi nỗi khổ.”

“Thiện nam tử! Người có trí sau khi đã quán xét sâu xa tám loại khổ ấy rồi, tiếp đó quán xét nguyên nhân của khổ. [Quán xét như vậy rồi liền biết được] nguyên nhân của khổ chính là tham ái [sanh ra từ] vô minh. Tham ái [sanh ra từ] vô minh có hai loại, một là tham cầu thân mạng, hai là tham cầu tài vật. Tham cầu thân mạng và tham cầu tài vật, cả hai đều là khổ. Vì thế nên biết rằng tham ái [sanh ra từ] vô minh chính là nguyên nhân của khổ.”

“Thiện nam tử! Tham ái [sanh ra từ] vô minh lại có hai loại, một là [hướng vào] bên trong, hai là [hướng về] bên ngoài. Tham ái bên trong có thể tạo thành nghiệp, tham ái bên ngoài có thể làm cho tăng trưởng [nghiệp ấy].”

“Lại nữa, tham ái bên trong có thể tạo thành nghiệp, tham ái bên ngoài có thể tạo thành quả của nghiệp. Khi dứt trừ tham ái bên trong thì dứt được nghiệp; khi dứt trừ tham ái bên ngoài thì dứt được quả [của nghiệp].

“Tham ái bên trong có thể sanh ra khổ não đời vị lai; tham ái bên ngoài có thể sanh ra khổ não trong đời hiện tại. Người có trí quán xét tham ái chính là nguyên nhân của khổ.

“Sau khi quán xét nguyên nhân rồi, tiếp đó lại quán xét quả báo [của khổ]. [Quán xét rồi liền biết được] quả báo của khổ chính là sự chấp thủ.⁽²⁷⁾ [Vì] quả của tham ái là chấp thủ; do nhân duyên chấp thủ này [liên khởi sanh] tham ái bên trong và bên ngoài, ắt phải có sự khổ não vì tham ái.

“Thiện nam tử! Người có trí nên quán xét rằng: ‘Tham ái là nhân duyên của chấp thủ; chấp thủ là nhân duyên của tham ái. Nếu ta có thể dứt trừ cả tham ái và chấp thủ ắt sẽ không tạo ra nghiệp phải nhận chịu các nỗi khổ.’ Cho nên, người có trí vì muốn dứt trừ sự khổ do tham ái mà tu tập Tám Chánh đạo.

“Thiện nam tử! Nếu ai có thể quán xét như trên tức là Phạm hạnh thanh tịnh. Đó gọi là trong thân độc hại của chúng sanh có vị thuốc hay nhất, cũng như nơi Tuyết sơn tuy có cỏ độc nhưng cũng có vị thuốc kỳ diệu.”

KINH ĐẠI BÁT NIẾT-BÀN

HẾT QUYỂN BA MƯƠI BẢY

CHÚ GIẢI

1. Hoa đốm: chỉ ảo giác nhìn thấy rất nhiều đốm sáng giữa hư không mà thật ra không có gì cả. Thuật ngữ này được dịch từ Phạn ngữ là *khapuṣpa*, kinh văn chữ Hán thường dùng không hoa (空花) hay hư không hoa (虛空花).
2. Đây chỉ bốn ấm: thọ ấm, tưởng ấm, hành ấm và thức ấm; trừ ra sắc ấm vì ấm này thuộc về hình sắc.
3. Các khái niệm đất, nước, gió... trong đoạn này được dùng theo ý nghĩa là các yếu tố thuộc về bốn đại: đất, nước, gió, lửa (địa thủy, hỏa, phong).
4. Ưu-bát-la (utpala), cũng đọc là ưu-bát-lạt hay ô-bát-la, là một loại hoa sen quý, màu xanh. Vì mọc lên từ bùn vẫn thanh khiết nên nói không bị nhiễm ô.
5. Câu này nói tóm ý cả năm ấm: sắc, thọ, tưởng, hành, thức đều là như vậy.
6. Ba sự điên đảo: Tưởng đảo là đối với sáu trần ngoại cảnh sanh khởi những tư tưởng không hợp lý; kiến đảo là đối với sự lý của các pháp nhận hiểu sai lầm, mong cầu điên đảo, cũng gọi là tà kiến; tâm đảo là chạy theo vọng tâm nhận thức sai lệch về sự vật. Ba điên đảo nay là căn bản của tất cả những sự điên đảo khác.
7. Câu này nói tóm ý từ sắc cho đến thức, tức gồm cả năm uẩn: sắc, thọ, tưởng, hành và thức.
8. Tức hai nghĩa thường và vô thường.
9. Nguyên bản Hán văn dùng giác quán (覺觀), là cách dịch cũ của tâm tứ (尋伺), chỉ chung tất cả các tư tưởng thô (tâm) và vi tế (tứ). Vì thế chúng tôi dịch rõ nghĩa như trên thay vì để nguyên từ giác quán như các bản trước đây.
10. Theo Đại Bát Niết-bàn kinh sơ thì bài kệ được nhắc đến ở đây là trong Xuất diệu kinh (出曜經). Nếu đúng vậy thì kinh này thuộc Đại tạng kinh (bản Đại chánh tạng) quyển 4, kinh số 212. Nhưng chúng tôi hiện không tìm được bài kệ này trong nguyên bản. Nay tạm dẫn theo bản sơ giải này thì bài kệ có xuất xứ như sau: “Một hôm đức Phật cùng ngài A-nan đang đi trên đường thì gặp một phụ nữ bế con đi lấy nước. Người phụ nữ này nhìn thấy một người đàn ông liền khởi tâm ham muốn, nhìn ngắm mãi không thôi. Khi đi đến giếng lấy nước, cúi nhìn xuống mặt nước giếng thấy hình đứa con hiện ra, cô liền hồi tâm, đọc kệ tự trách và nhắc nhở mình rằng:

Dục, dục!	欲, 欲。	Này, này, các ham muốn,
Ngã tri nhữ căn bản,	我知汝根本,	Ta đã rõ cội nguồn,
Ý dĩ tư tưởng sanh.	意以思想生。	Đều từ tư tưởng sinh.
Ngã bất tư tưởng nhữ,	我不思想汝,	Ta không tư tưởng đến,
Tắc nhữ bất đắc sanh.	則汝不得生。	Người không thể khởi sinh.

(Bản Việt dịch của chúng tôi.)

11. Ba loại khổ (tam chủng khổ hay tam chủng sở sanh khổ): một là hội hiệp sở sanh khổ, do sự hội hợp các pháp với nhau mà sanh ra khổ; hai là quai ly sở sanh khổ, do sự chống nghịch, chia lìa nhau của các pháp mà sanh ra khổ; ba là bình đẳng tương tục [sở sanh] khổ, do sự sanh diệt nối nhau không dứt của các pháp sanh ra khổ. Luận Du-già quyển 14, từ 3 cho rằng nói đến ba loại khổ này là bao trùm được hết mọi nỗi khổ của chúng sanh.
12. Ba loại vô thường (tam chủng vô thường): Một là niệm niệm hoại diệt vô thường, nghĩa là tất cả các pháp nối nhau sanh diệt trong từng niệm tưởng; hai là hòa hợp ly tán vô thường, nghĩa là tất cả các pháp đều do nhân duyên hòa hợp, duyên hết thì tan rã, không có bản chất thật; ba là tất cánh vô thường, nghĩa là khi cứu xét đến chỗ rốt ráo thì tất cả các pháp đều là sanh diệt theo nhân duyên, liên tục thay đổi, không có gì là thường tồn.
13. Nguyên bản Hán văn là “tùng tâm thân” (do nơi tâm và thân), nhưng có 8 chữ nhỏ để giải thích chữ thân ở đây là “nhân tâm vận thân, cố danh tâm thân”. Vì thế chúng tôi theo sát ý mà dịch như trên. Niết-bàn kinh sơ giải giải thích đoạn này rằng: Nói thân do nơi tâm mà đến được bên cạnh Phạm thiên là trong nhân mà nói quả, vì thân này ở cõi Sắc giới do định lực đạt đến Sơ thiên mà có được, tâm định đó là nghiệp của ý. Chỉ do tâm mà có được, vì trong cõi Sắc giới thân ấy là do tâm sanh ra, đó là tâm định; tâm thật không phải thân, chỉ vì có thể do tâm mà đạt được thân nên gọi là thân. Đó chính là trong nhân mà nói quả.
14. Sáu nhập là hiện có, qua đó mà chỉ ra nghiệp đã tạo trong quá khứ, chính là nhân dẫn đến quả hiện nay. Cho nên nói là trong quả mà nói nhân.
15. Theo Nam bản thì từ đây hết quyển 33, bắt đầu quyển 34, phẩm Bồ Tát Ca-diếp phẩm thứ tư (Ca-diếp Bồ Tát phẩm chi tứ).
16. Cảm thọ: cảm giác nhận biết phân biệt khởi sinh do sự tiếp xúc giữa tâm và cảnh. Tùy theo tính chất của sự tiếp xúc đó mà có cảm thọ vui sướng (lạc thọ), đau khổ (khổ thọ) hoặc không vui không khổ. Ở đây chỉ chung cả 3 loại cảm thọ này.
17. Nguyên bản dùng chữ sĩ phu (士夫), được dịch từ tiếng Phạn là *puruṣa*, phiên âm là bổ-lô-sa (補盧沙), với nghĩa chỉ phần tinh thần của con người, hoàn toàn không liên quan đến nghĩa của chữ sĩ phu thường được hiểu trong chữ Hán (người có học, nho sĩ...). Có nơi cũng dịch chữ này là linh hồn. Huyền ứng âm nghĩa quyển 22 viết: “補盧沙, 舊言富樓沙, 此云士夫。 - Bổ-lô-sa, cựu ngôn phú-lâu-sa, thử văn sĩ phu.” (Chữ bổ-lô-sa (*puruṣa*) trước đây dịch âm là phú-lâu-sa, dịch nghĩa sang chữ Hán là ‘sĩ phu’.) Tra ngược về các tự điển Phạn-Hán thì thấy chữ *puruṣa* tuy có nhiều nghĩa, trong đó có cả nghĩa ‘sĩ phu’, nhưng nghĩa thích hợp nhất là “cá nhân sanh mạng lực đích tinh thần, linh hồn; cá nhân bản thể...” (năng lực tinh thần của mỗi cá nhân, hay linh hồn; bản thể của cá nhân...) Trong rất nhiều bản dịch kinh luận trước đây chúng tôi đều thấy để nguyên hai từ “sĩ phu”. Như vậy tuy là không dịch nhưng cũng xem như dịch sai, vì khiến cho người đọc hiểu sai theo nghĩa thông dụng của từ này trong chữ Hán.

18. Mười nhất thiết nhập (Thập nhất thiết nhập) chỉ cảnh giới của hành giả khi tư tưởng có thể biến hiện khắp mọi cảnh giới. Nếu kể chi tiết thì bao gồm Địa nhất thiết nhập xứ, Thủy nhất thiết nhập xứ, Hỏa nhất thiết nhập xứ, Phong nhất thiết nhập xứ, Thanh nhất thiết nhập xứ, Hoàng nhất thiết nhập xứ, Xích nhất thiết nhập xứ, Bạch nhất thiết nhập xứ, Không nhất thiết nhập xứ và Thức nhất thiết nhập xứ. Tuy nhiên, nói khái quát thì có thể hiểu là do một tư tưởng có thể biến hiện khắp nơi, không phân biệt phương hướng nên gọi là nhất thiết nhập xứ.
19. Đại Ca-diếp (tức Ma-ha Ca-diếp): là vị đệ tử trong hàng Thanh văn, khác với Bồ Tát Ca-diếp đang thừa hồi Phật.
20. Nhân chúng sanh thuyết pháp, là lấy chúng sanh làm nhân, nên Phật dạy Đại Ca-diếp rằng: “Chúng sanh diệt, pháp lành diệt.” Vì pháp theo với chúng sanh, nếu chúng sanh không tu tập thì pháp cũng không thể được hoằng truyền. Theo nghĩa này, Phật vì chúng sanh mà thuyết các pháp thiện ác phân biệt, khiến người nghe nhân đó tu tập được giải thoát. Nhân pháp thuyết chúng sanh là lấy pháp làm nhân, chỉ rõ các pháp nên gần gũi để tăng trưởng pháp lành, các pháp nên lìa xa để hạn chế pháp xấu ác; người nghe theo đó tu tập để được giải thoát.
21. Sanh nghiệp: nghiệp lực tương tục tạo thành đời sống của chúng sanh nên gọi là sanh nghiệp.
22. Thọ nghiệp: nghiệp tạo thành do các cảm thọ khác biệt như khổ, vui, không khổ không vui. Nghiệp này không do phiền não tạo thành.
23. Do nghiệp lực nên có thể khởi sanh sự phân biệt ưa ghét, khi ấy liền có khả năng tạo thành thọ nghiệp.
24. Theo bản khắc đời Minh thì câu này là “hữu nhân duyên sanh khổ”, nhưng ngoài bản Đại chánh tạng đã sửa lại là “hữu nhân duyên sanh hữu” thì các bản số giải cũng đều viết tương tự là “hữu nhân duyên sanh hữu”.
25. Năm tướng suy (Ngũ suy tướng): năm tướng hiện ra khi chư thiên ở các cõi trời đã hưởng hết phước đức, sắp phải xả thân để sanh về một cảnh giới khác. Năm tướng suy đó là: 1. Y phục thường dơ bẩn; 2. Đầu tóc rối bời, hoa trên đầu tàn tạ; 3. Thân thể hôi hám và nhơ nhớp; 4. Dưới nách thường ra mồ hôi; 5. Không thấy ưa thích ngại vị, chỗ ngồi của mình.
26. Xem lại phẩm Thánh hạnh trong quyển 13.
27. Chấp thủ: trạng thái tâm thức cho rằng đối tượng đang nhận thức là của mình, thuộc về mình và do đó luôn muốn ôm giữ, bám víu vào đó.

大般涅槃經

卷第三十八

迦葉菩薩品

第十二之六

迦葉菩薩白佛言。世尊。云何名為清淨梵行。

佛言。善男子。一切法是。

迦葉菩薩言。世尊。一切法者義不決定。何以故。如來或說是善不善。或時說為四念處觀。或說是十二入。或說是善知識。或說是十二因緣。或說是眾生。或說是正見邪見。或說十二部經。或說即是二諦。如來今乃說一切法為清淨梵行，悉是何等一切法耶。

佛言。善哉善哉。善男子。如是微妙大涅槃經乃是一切法中寶藏。譬如大海是眾寶藏。是涅槃經亦復如是。即是一切字義祕藏。

善男子。如須彌山眾藥根本。是經亦爾，即是菩薩戒之根本。

善男子。譬如虛空是一切物之所住處。是經亦爾。即是一切善法住處。

ĐẠI BÁT NIẾT-BÀN KINH

QUYỂN ĐỆ TAM THẬP BÁT

CA-DIỆP BỒ TÁT PHẨM

ĐỆ THẬP NHỊ CHI LỤC

Ca-diếp Bồ Tát bạch Phật ngôn: Thế Tôn! Vân hà danh vi thanh tịnh Phạm hạnh?

Phật ngôn: Thiện nam tử! Nhất thiết pháp thị.

Ca-diếp Bồ Tát ngôn: Thế Tôn! Nhất thiết pháp giả, nghĩa bất quyết định. Hà dĩ cố? Như Lai hoặc thuyết thị thiện, bất thiện. Hoặc thời thuyết vi Tứ niệm xứ quán. Hoặc thuyết thị thập nhị nhập. Hoặc thuyết thị thiện tri thức. Hoặc thuyết thị Thập nhị nhân duyên. Hoặc thuyết thị chúng sanh. Hoặc thuyết thị chánh kiến, tà kiến. Hoặc thuyết Thập nhị bộ kinh. Hoặc thuyết túc thị Nhị đế. Như Lai kim nãi thuyết nhất thiết pháp vi thanh tịnh Phạm hạnh, tất thị hà đẳng nhất thiết pháp da?

Phật ngôn: Thiện tai! Thiện tai! Thiện nam tử! Như thị vi diệu Đại Niết-bàn kinh nãi thị nhất thiết pháp trung bảo tạng. Thí như đại hải thị chúng bảo tạng, thị Niết-bàn kinh diệc phục như thị, túc thị nhất thiết tự nghĩa bí tạng.

Thiện nam tử! Như Tu-di sơn, chúng dục căn bản. Thị kinh diệc nhĩ, túc thị Bồ Tát giới chi căn bản.

Thiện nam tử! Thí như hư không thị nhất thiết vật chi sở trụ xứ. Thị kinh diệc nhĩ, túc thị nhất thiết thiện pháp trụ xứ.

善男子。譬如猛風無能繫縛。一切菩薩行是經者亦復如是，不為一切煩惱惡法之所繫縛。

善男子。譬如金剛無能壞者。是經亦爾。雖有外道惡邪之人不能破壞。

善男子。如恒河沙無能數者。如是經義亦復如是。無能數者。

善男子。是經典者為諸菩薩而作法幢如帝釋幢。

善男子。是經即是趣涅槃城之商主也。如大導師引諸商人趣向大海。

善男子。是經能為諸菩薩等作法光明。如世日月能破諸闇。

善男子。是經能為病苦眾生作大良藥。如雪山中微妙藥王能治眾病。

善男子。是經能為一闍提杖。猶如羸人因之得起。

善男子。是經能為一切惡人而作橋梁。猶如世橋能渡一切。

善男子。是經能為行二十五有者。遇煩惱熱而作陰涼。如世間蓋遮覆暑熱。

善男子。是經即是大無畏王。能壞一切煩惱惡魔。如師子王降伏眾獸。

Thiện nam tử! Thí như mãnh phong, vô năng hệ phục. Nhất thiết Bồ Tát hành thị kinh giả, diệc phục như thị; bất vi nhất thiết phiền não ác pháp chi sở hệ phục.

Thiện nam tử! Thí như kim cang, vô năng hoại giả. Thị kinh diệc nhĩ; tuy hữu ngoại đạo ác tà chi nhân, bất năng phá hoại.

Thiện nam tử! Như Hằng hà sa, vô năng số giả. Như thị kinh nghĩa diệc phục như thị; vô năng số giả.

Thiện nam tử! Thị kinh điển giả, vị chư Bồ Tát nhi tác pháp tràng, như Đế-thích tràng.

Thiện nam tử! Thị kinh tức thị thú Niết-bàn thành chi thương chủ dã, như đại đạo sư dẫn chư thương nhân thú hướng đại hải.

Thiện nam tử! Thị kinh năng vị chư Bồ Tát đẳng, tác pháp quang minh; như thế nhật nguyệt năng phá chư ám.

Thiện nam tử! Thị kinh năng vị bệnh khổ chúng sanh, tác đại lương dược: như Tuyết sơn trung, vi diệu Dược vương năng trị chúng bệnh.

Thiện nam tử! Thị kinh năng vi nhất-xiển-đề trượng; do như luy nhân, nhân chi đắc khởi.

Thiện nam tử! Thị kinh năng vị nhất thiết ác nhân nhi tác kiều lương, do như thế kiều năng độ nhất thiết.

Thiện nam tử! Thị kinh năng vị hành Nhị thập ngũ hữu giả, ngộ phiền não nhiệt, nhi tác âm lương; như thế gian cái già phúc thử nhiệt.

Thiện nam tử! Thị kinh tức thị đại vô úy vương, năng hoại nhất thiết phiền não ác ma; như sư tử vương, hàng phục chúng thú.

善男子。是經即是大神咒師。能壞一切煩惱惡鬼。如世咒師能去魍魎。

善男子。是經即是無上霜電。能壞一切生死果報。如世電雨壞諸果實。

善男子。是經能為壞戒目者作大良藥。猶如世間安闍那藥善療眼痛。

善男子。是經能住一切善法。如世間地能住眾物。

善男子。是經即是毀戒眾生之明鏡也。如世明鏡見諸色像。

善男子。是經能為無慚愧者而作衣服。如世衣裳障蔽形體。

善男子。是經能為貧善法者作大財寶。如功德天利益貧者。

善男子。是經能為渴法眾生作甘露漿。如八味水充足渴者。

善男子。是經能為煩惱之人而作法牀。如世之人遇安隱牀。

善男子。是經能為初地菩薩至十住菩薩。而作瓔珞香花塗香末香燒香。清淨種性具足之乘。過於一切六波羅蜜受妙樂處。如忉利天波利質多羅樹。

善男子。是經即是剛利智斧能伐一切煩惱大

Thiện nam tử! Thị kinh tức thị đại thần chú sư, năng hoại nhất thiết phiền não ác quỷ; như thế chú sư năng khử vông lọng.

Thiện nam tử! Thị kinh, tức thị vô thượng sương bạc, năng hoại nhất thiết sanh tử quả báo; như thế bạc vũ, hoại chũ quả thật.

Thiện nam tử! Thị kinh năng vị hoại giới mục giả, tác đại lương dược, do như thế gian, an-xà-na dược, thiện liệu nhân thống.

Thiện nam tử! Thị kinh năng trụ nhất thiết thiện pháp; như thế gian địa, năng trụ chúng vật.

Thiện nam tử! Thị kinh, tức thị hủy giới chúng sanh chi minh kính dã; như thế minh kính, kiến chũ sắc tượng.

Thiện nam tử! Thị kinh năng vị vô tà quý giả, nhi tác y phục, như thế y thường, chũng tế hình thể.

Thiện nam tử! Thị kinh năng vị bản thiện pháp giả, tác đại tài bảo; như công đức thiên, lợi ích bản giả.

Thiện nam tử! Thị kinh năng vị khát pháp chúng sanh, tác cam lộ tương; như bát vị thủy, sung túc khát giả.

Thiện nam tử! Thị kinh năng vị phiền não chi nhân, nhi tác pháp sàng; như thế chi nhân ngộ an ổn sàng.

Thiện nam tử! Thị kinh năng vị Sơ địa Bồ Tát chí Thập địa Bồ Tát nhi tác anh lạc, hương hoa, đồ hương, mật hương, thiêu hương, thanh tịnh chũng tánh cụ túc chi thừa; quá ư nhất thiết Lục Ba-la-mật thọ diệu lạc xứ, như Đào-lợi thiên ba-lợi-chất-đa-la thọ.

Thiện nam tử! Thị kinh tức thị cương lợi trí phủ, năng phạt nhất thiết phiền não đại thọ; tức thị lợi đao, năng cát tập khí; tức thị đồng kiện, năng tồi ma oán; tức thị trí hoá, phân

樹。即是利刀能割習氣。即是勇健能摧魔怨。即是智火焚煩惱薪。即因緣藏出辟支佛。即是聲聞藏生聲聞人。即是一切諸天之眼。即是一切人之正道。即是一切畜生依處。即是餓鬼解脫之處。即是地獄無上之尊。即是一切十方眾生無上之器。即是十方過去未來現在諸佛之父母也。

善男子。是故此經攝一切法。

如我先說此經雖攝一切諸法。我說梵行即是三十七助道之法。

善男子。若離如是三十七品。終不能得聲聞正果乃至阿耨多羅三藐三菩提果。不見佛性及佛性果。以是因緣梵行即是三十七品。何以故。三十七品性非顛倒能壞顛倒。性非惡見能壞惡見。性非怖畏能壞怖畏。性是淨行能令眾生畢竟造作清淨梵行。

迦葉菩薩白佛言。世尊。有漏之法亦復能作無漏法因。如來何故不說有漏為清淨梵行。

善男子。一切有漏即是顛倒。是故有漏不得名為清淨梵行。

迦葉菩薩白佛言。世尊。世第一法為是有漏是無漏耶。

佛言。善男子。是有漏也。

phiên não tâm; tức nhân duyên tạng, xuất Bích-chi Phật; tức thị Thanh văn tạng, sanh Thanh văn nhân; tức thị nhất thiết chư thiên chi nhân; tức thị nhất thiết nhân chi Chánh đạo; tức thị nhất thiết súc sanh y xứ, tức thị ngạ quỷ giải thoát chi xứ; tức thị địa ngục vô thượng chi tôn; tức thị nhất thiết Thập phương chúng sanh vô thượng chi khí; tức thị Thập phương quá khứ, vị lai, hiện tại chư Phật chi phụ mẫu dã.

Thiện nam tử! Thị cố thủ kinh nhiếp nhất thiết pháp.

Như ngã tiên thuyết thủ kinh tuy nhiếp nhất thiết chư pháp, ngã thuyết Phạm hạnh tức thị Tam thập thất trợ đạo chi pháp.

Thiện nam tử! Nhược ly như thị Tam thập thất phẩm, chung bất năng đắc Thanh văn Chánh quả nãi chí A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề quả; bất kiến Phật tánh cập Phật tánh quả. Dĩ thị nhân duyên Phạm hạnh tức thị Tam thập thất phẩm. Hà dĩ cố? Tam thập thất phẩm, tánh phi điên đảo, năng hoại điên đảo; tánh phi ác kiến, năng hoại ác kiến; tánh phi bố úy, năng hoại bố úy; tánh thị tịnh hạnh, năng linh chúng sanh tất cánh tạo tác thanh tịnh Phạm hạnh.

Ca-diếp Bồ Tát bạch Phật ngôn: Thế Tôn! Hữu lậu chi pháp diệt phục năng tác vô lậu pháp nhân, Như Lai hà cố bất thuyết hữu lậu vi thanh tịnh Phạm hạnh?

Thiện nam tử! Nhất thiết hữu lậu tức thị điên đảo. Thị cố hữu lậu bất đắc danh vi thanh tịnh Phạm hạnh.

Ca-diếp Bồ Tát bạch Phật ngôn: Thế Tôn! Thế đệ nhất pháp vi thị hữu lậu, thị vô lậu da?

Phật ngôn: Thiện nam tử! Thị hữu lậu dã.

世尊。雖是有漏性非顛倒。何故不名清淨梵行。

善男子。世第一法無漏因故似於無漏。向無漏故不名顛倒。

善男子。清淨梵行發心相續乃至畢竟。世第一法唯是一念。是故不得名淨梵行。

迦葉菩薩白佛言。世尊。眾生五識亦是有漏，非是顛倒復非一念。何故不名清淨梵行。

善男子。眾生五識雖非一念。然是有漏復是顛倒。增諸漏故名為有漏。體非真實著想故倒。云何名為體非真實著想故倒。非男女中生男女想。乃至舍宅車乘瓶衣亦復如是。是名顛倒。

善男子。三十七品性無顛倒。是故得名清淨梵行。

善男子。若有菩薩於三十七品。知根，知因，知攝，知增，知主，知導，知勝，知實，知畢竟者。如是菩薩則得名為清淨梵行。

迦葉菩薩白佛言。世尊。云何名為知根乃至知畢竟耶。

佛言。善男子。善哉善哉。菩薩發問為於二事。一者為自知故。二者為他知故。汝今已知但為無量眾生未解啟請是事。是故我今重讚歎汝。善哉善哉。

Thế Tôn! Tuy thị hữu lậu, tánh phi diên đảo, hà cố bất danh thanh tịnh Phạm hạnh?

Thiện nam tử! Thế đệ nhất pháp, vô lậu nhân cố, tự ư vô lậu, hướng vô lậu cố, bất danh diên đảo.

Thiện nam tử! Thanh tịnh Phạm hạnh phát tâm tương tục nãi chí tất cánh. Thế đệ nhất Pháp, duy thị nhất niệm; cố bất đắc danh tịnh Phạm hạnh.

Ca-diếp Bồ Tát bạch Phật ngôn: Thế Tôn! Chúng sanh ngũ thức diệc thị hữu lậu, phi thị diên đảo, phục phi nhất niệm, hà cố bất danh thanh tịnh Phạm hạnh?

Thiện nam tử! Chúng sanh ngũ thức, tuy phi nhất niệm, nhiên thị hữu lậu, phục thị diên đảo. Tăng chư lậu cố, danh vi hữu lậu. Thế phi chân thật, trước tướng cố đảo. Vân hà danh vi thể phi chân thật, trước tướng cố đảo? Phi nam, nữ trung, sanh nam, nữ tướng; nãi chí xá trạch, xa thặng, bình y, diệc phục như thị; thị danh diên đảo.

Thiện nam tử! Tam thập thất phẩm, tánh vô diên đảo; thị cố đắc danh thanh tịnh Phạm hạnh.

Thiện nam tử! Nhược hữu Bồ Tát, ư Tam thập thất phẩm, tri căn, tri nhân, tri nhiếp, tri tăng, tri chủ, tri đạo, tri thắng, tri thật, tri tất cánh giả, như thị Bồ Tát tác đắc danh vi thanh tịnh Phạm hạnh.

Ca-diếp Bồ Tát bạch Phật ngôn: Thế Tôn! Vân hà danh vi tri căn nãi chí tri tất cánh da?

Phật ngôn: Thiện nam tử! Thiện tai! Thiện tai! Bồ Tát phát vấn, vị ư nhị sự: nhất giả vị tự tri cố, nhị giả vị tha tri cố. Nhữ kim dĩ tri, đản vị vô lượng chúng sanh vị giải, khả thỉnh thị sự. Thị cố ngã kim trùng tán thán nhữ: Thiện tai! Thiện tai!

善男子。三十七品根本是欲。因名明觸。攝取名受。增名善思。主名為念。導名為定。勝名智慧。實名解脫。畢竟名為大般涅槃。

善男子。善欲即是初發道心。乃至阿耨多羅三藐三菩提之根本也。是故我說欲為根本。

善男子。如世間說。一切苦惱愛為根本。一切疾病宿食為本。一切斷事鬥爭為本。一切惡事虛妄為本。

迦葉菩薩白佛言。世尊。如來先於此經中說。一切善法不放逸為本。今乃說欲。是義云何。

佛言。善男子。若言生因，善欲是也。若言了因，不放逸是。如世間說。一切果者子為其因。或復有說。子為生因，地為了因。是義亦爾。

迦葉菩薩言。世尊。如來先於餘經中說。三十七品佛是根本。是義云何。

善男子。如來先說眾生初知三十七品佛是根本。若自證得欲為根本。

世尊。云何明觸。名之為因。

善男子。如來或時說明為慧，或說為信。

善男子。信因緣故親近善友。是名為觸。親近因緣得聞正法。是名為觸。因聞正法身口意淨。是

Thiện nam tử! Tam thập thất phẩm, căn bản thị dục; nhân, danh minh xúc; nhiếp thủ, danh thọ; tăng, danh thiện tư; chủ, danh vi niệm; đạo, danh vi định; thắng, danh trí tuệ; thật, danh giải thoát; tất cánh, danh vi Đại Bát Niết-bàn.

Thiện nam tử! Thiện dục tức thị sơ phát đạo tâm nãi chí A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề chi căn bản dã. Thị cố ngã thuyết dục vi căn bản.

Thiện nam tử! Như thế gian thuyết: nhất thiết khổ não, ái vi căn bản. Nhất thiết tật bệnh, tức thực vi bản. Nhất thiết đoán sự, đấu tranh vi bản. Nhất thiết ác sự, hư vọng vi bản.

Ca-diếp Bồ Tát bạch Phật ngôn: Thế Tôn! Như Lai tiên ư thủ kinh trung, thuyết: nhất thiết thiện pháp, bất phóng dật vi bản. Kim nãi thuyết dục. Thị nghĩa vân hà?

Phật ngôn: Thiện nam tử! Nhược ngôn sanh nhân, thiện dục thị dã. Nhược ngôn liễu nhân, bất phóng dật thị. Như thế gian thuyết: nhất thiết quả giả, tử vi kỳ nhân. Hoặc phục hữu thuyết: tử vi sanh nhân, địa vi liễu nhân. Thị nghĩa diệc nhĩ.

Ca-diếp Bồ Tát ngôn: Thế Tôn! Như Lai tiên ư dư kinh trung thuyết: Tam thập thất phẩm: Phật thị căn bản. Thị nghĩa vân hà?

Thiện nam tử! Như Lai tiên thuyết: chúng sanh sơ tri Tam thập thất phẩm, Phật thị căn bản. Nhược tự chứng đắc, dục vi căn bản.

Thế Tôn! Vân hà minh xúc, danh chi vi nhân?

Thiện nam tử! Như Lai hoặc thời thuyết minh vi tuệ; hoặc thuyết vi tín.

Thiện nam tử! Tín nhân duyên cố, thân cận thiện hữu, thị danh vi xúc. Thân cận nhân duyên, đắc văn Chánh pháp, thị danh vi xúc. Nhân văn Chánh pháp, thân khẩu ý tịnh, thị

名為觸。因三業淨獲得正命。是名為觸。因正命故得淨根戒。因淨根戒樂寂靜處。因樂寂靜能善思惟。因善思惟得如法住。因如法住得三十七品。能壞無量諸惡煩惱。是名為觸。

善男子。受名攝取。眾生受時能作善惡。是故名受為攝取也。

善男子。受因緣故生諸煩惱。三十七品能破壞之。是故以受為攝取也。

因善思惟能破煩惱。是故名增。何以故。勤修習故。得如是等三十七品。

若觀能破諸惡煩惱要賴專念。是故以念為主。如世間中一切四兵隨主將意。三十七品亦復如是。皆隨念主。

善男子。既入定已。三十七品能善分別一切法相。是故以定為導。

是三十七品分別法相。智為最勝。是故以慧為勝。如是智慧知煩惱已。智慧力故煩惱消滅。如世間中四兵壞怨。或一或二勇健者能。三十七品亦復如是。智慧力故能壞煩惱。是故以慧為勝。

善男子。雖因修習三十七品獲得四禪神通安樂。亦不名實。若壞煩惱證解脫時。乃名為實。

danh vi xúc. Nhân tam nghiệp tịnh, hoạch đắc chánh mạng, thị danh vi xúc. Nhân chánh mạng cố, đắc tịnh căn giới. Nhân tịnh căn giới, nhạo tịch tĩnh xứ. Nhân nhạo tịch tĩnh, năng thiện tư duy. Nhân thiện tư duy, đắc như pháp trụ. Nhân như pháp trụ, đắc tam thập thất phẩm, năng hoại vô lượng chư ác phiền não, thị danh vi xúc.

Thiện nam tử! Thọ danh nhiếp thủ. Chúng sanh thọ thời, năng tác thiện, ác. Thị cố danh thọ vi nhiếp thủ dã.

Thiện nam tử! Thọ nhân duyên cố, sanh chư phiền não. Tam thập thất phẩm năng phá hoại chi. Thị cố dĩ thọ vi nhiếp thủ dã.

Nhân thiện tư duy năng phá phiền não, thị cố danh tăng. Hà dĩ cố? Cần tu tập cố, đắc như thị đẳng Tam thập thất phẩm.

Nhược quán năng phá chư ác phiền não, yếu tại chuyên niệm. Thị cố dĩ niệm vi chủ. Như thế gian trung, nhất thiết tứ binh tùy chủ tướng ý. Tam thập thất phẩm diệt phục như thị; giai tùy niệm chủ.

Thiện nam tử! Ký nhập định dĩ, Tam thập thất phẩm năng thiện phân biệt nhất thiết pháp tướng. Thị cố dĩ định vi đạo.

Thị Tam thập thất phẩm phân biệt pháp tướng, trí vị tối thắng. Thị cố dĩ tuệ vi thắng. Như thị trí tuệ tri phiền não dĩ; trí tuệ lực cố, phiền não tiêu diệt. Như thế gian trung, tứ binh hoại oán; hoặc nhất hoặc nhị dũng kiện giả năng. Tam thập thất phẩm diệt phục như thị; trí tuệ lực cố, năng hoại phiền não. Thị cố dĩ tuệ vi thắng.

Thiện nam tử! Tuy nhân tu tập Tam thập thất phẩm, hoạch đắc tứ thiên, thần thông an lạc, diệt bất danh thật. Nhược hoại phiền não, chúng giải thoát thời, nãi danh vi thật.

是三十七品發心修道。雖得世樂及出世樂四沙門果及以解脫。亦不得名為畢竟也。若能斷除三十七品所行之事。是名涅槃。是故我說畢竟者即大涅槃。

復次善男子。善愛念心即是欲也。因善愛念親近善友。故名為觸。是名為因。因近善友故名為受。是名攝取。因近善友能善思惟。故名為增。因是四法能生長道。所謂欲念定智。是即名為主導勝也。因是三法得二解脫。除斷愛故心得解脫。斷無明故慧得解脫。是名為實。如是八法畢竟得果名為涅槃。故名畢竟。

復次善男子。欲者即是發心出家。觸者即是白四羯磨。是名為因。攝者即是受二種戒。一者波羅提木叉戒。二者淨根戒。是名為受。是名攝取。增者即是修習四禪。主者即是須陀洹果斯陀含果。導者即是阿那含果。勝者即是阿羅漢果。實者即是辟支佛果。畢竟者即是阿耨多羅三藐三菩提果。

復次善男子。欲名為識。觸名六入。攝名為受。增名無明。主名名色。導名為愛。勝名為取。實名為有。畢竟者名生老病死。

迦葉菩薩言。世尊。根本因增。如是三法云何有異。

Thị Tam thập thất phẩm phát tâm tu đạo, tuy đắc thế lạc cập xuất thế lạc, tứ sa-môn quả cập dĩ giải thoát, diệt bất đắc danh vi tất cánh dã. Nhược năng đoạn trừ Tam thập thất phẩm sở hành chi sự, thị danh Niết-bàn. Thị cố ngã thuyết tất cánh giả, tức Đại Niết-bàn.

Phục thứ, thiện nam tử! Thiện ái niệm tâm, tức thị dục dã. Nhân thiện ái niệm, thân cận Thiện hữu, cố danh vi xúc; thị danh vi nhân. Nhân cận thiện hữu, cố danh vi thọ; thị danh nhiếp thủ. Nhân cận thiện hữu, năng thiện tư duy, cố danh vi tăng. Nhân thị tứ Pháp, năng sanh trưởng đạo, sở vi: dục, niệm, định, trí. Thị tức danh vi chủ, đạo, thắng dã. Nhân thị tam pháp, đắc nhị giải thoát: Trừ đoạn ái cố, tâm đắc giải thoát; đoạn vô minh cố, tuệ đắc giải thoát. Thị danh vi thật. Như thị bát pháp, tất cánh đắc quả danh vi Niết-bàn; cố danh tất cánh.

Phục thứ, thiện nam tử! Dục giả, tức thị phát tâm xuất gia. Xúc giả, tức thị bạch tứ kết ma; thị danh vi nhân. Nhiếp giả tức thị thọ nhị chủng giới: nhất giả Ba-la-đề-mộc-xoa giới, nhị giả Tịnh căn giới. Thị danh vi thọ; thị danh nhiếp thủ. Tăng giả tức thị tu tập tứ thiền. Chủ giả, tức thị Tu-đà-hoàn quả, Tư-đà-hàm quả. Đạo giả, tức thị A-na-hàm quả. Thắng giả, tức thị A-la-hán quả. Thật giả, tức thị Bích-chi Phật quả. Tất cánh giả, tức thị A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề quả.

Phục thứ, thiện nam tử! Dục danh vi thức. Xúc, danh lục nhập. Nhiếp, danh vi thọ. Tăng, danh vô minh. Chủ, danh danh sắc đạo, danh vi ái thắng, danh vi thủ. Thật, danh vi hữu. Tất cánh giả, danh sanh, lão, bệnh, tử.

Ca-diếp Bồ Tát ngôn: Thế Tôn! Căn bản, nhân, tăng, như thị tam pháp, vân hà hữu dị?

善男子。所言根者即是初發。因者即是相似不斷。增者即是滅相似已，能生相似。

復次善男子。根即是作，因即是果，增即可用。善男子。未來之世雖有果報，以未受故名之為因，及其受時是名為增。

復次善男子。根即是求，得即是因，用即是增。

善男子。是經中根即是見道，因即修道，增者即是無學道也。

復次善男子。根即正因，因即方便因。從是正因獲得果報，名為增長。

迦葉菩薩言。世尊。如佛所說。畢竟者即是涅槃。如是涅槃云何可得。

善男子。若菩薩摩訶薩，若比丘，比丘尼，優婆塞，優婆夷，能修十想。當知是人能得涅槃。云何為十。一者無常想。二者苦想。三者無我想。四者厭離食想。五者一切世間不可樂想。六者死想。七者多過罪想。八者離想。九者滅想。十者無愛想。

善男子。菩薩摩訶薩比丘比丘尼優婆塞優婆夷。修習如是十種想者。是人畢竟定得涅槃。不隨他心自能分別善不善等。是名真實。稱比丘義。乃至得稱優婆夷義。

Thiện nam tử! Sở ngôn căn giả, tức thị sơ phát. Nhân giả, tức thị tương tự bất đoạn. Tăng giả, tức thị diệt tương tự dĩ, năng sanh tương tự.

Phục thứ, thiện nam tử! Căn tức thị tác; nhân tức thị quả; tăng, tức khả dụng. Thiện nam tử! Vị lai chi thế, tuy hữu quả báo, dĩ vị thọ cố, danh chi vi nhân; cập kỳ thọ thời, thị danh vi tăng.

Phục thứ, thiện nam tử! Căn, tức thị cầu. Đắc, tức thị nhân. Dụng, tức thị tăng.

Thiện nam tử! Thị kinh trung, căn, tức thị kiến đạo. Nhân tức thị tu đạo. Tăng giả, tức thị vô học đạo dã.

Phục thứ, thiện nam tử! Căn, tức chánh nhân. Nhân, tức phương tiện nhân. Tăng thị chánh nhân, hoạch đắc quả báo, danh vi tăng trưởng.

Ca-diếp Bồ Tát ngôn: Thế Tôn! Như Phật sở thuyết, Tất cánh giả, tức thị Niết-bàn. Như thị Niết-bàn, vân hà khả đắc?

Thiện nam tử! Nhược Bồ Tát ma-ha-tát, nhược tỳ-kheo, tỳ-kheo ni, ưu-bà-tắc, ưu-bà-di năng tu thập tưởng, đương tri thị nhân năng đắc Niết-bàn. Vân hà vi thập? Nhất giả vô thường tưởng, nhị giả khổ tưởng, tam giả vô ngã tưởng, tứ giả yếm ly thực tưởng, ngũ giả nhất thiết thế gian bất khả nhạo tưởng, lục giả tử tưởng, thất giả đa quá tội tưởng, bát giả ly tưởng, cửu giả diệt tưởng, thập giả vô ái tưởng.

Thiện nam tử! Bồ Tát ma-ha-tát, tỳ-kheo, tỳ-kheo ni, ưu-bà-tắc, ưu-bà-di tu tập như thị thập chủng tưởng giả, thị nhân tất cánh định đắc Niết-bàn. Bất tùy tha tâm, tự năng phân biệt thiện, bất thiện đẳng; thị danh chân thật xưng tỳ-kheo nghĩa, nãi chí đắc xưng ưu-bà-di nghĩa.

迦葉菩薩言。世尊。云何名為菩薩乃至優婆夷等修無常想。

善男子。菩薩二種。一初發心。二已行道。無常想者亦復二種。一麤二細。

初心菩薩觀無常想時作是思惟。世間之物凡有二種。一內二外。如是內物無常變異。我見生時小時大時壯時老時死時。是諸時節各各不同。是故當知內物無常。

復作是念。我見眾生。或有肥鮮具足色力去來進止自在無礙。或見病苦。色力毀悴顏貌羸損不得自在。或見財富庫藏盈溢。或見貧窮觸事乏。或見成就無量功德。或見具足無量惡法。是故定知內法無常。

復觀外法。子時芽時莖時葉時花時果時。如是諸時各各不同。如是外法。或有具足或不具足。是故當知。一切外物定是無常。

既觀見法是無常已。復觀聞法。我聞諸天具足成就極妙快樂神通自在。亦有五相。是故當知即是無常。

復聞劫初有諸眾生。各各具足上妙功德。身光自照不假日月。無常力故光滅德損。

Ca-diếp Bồ Tát ngôn: Thế Tôn! Vân hà danh vi Bồ Tát nãi chí ưu-bà-di đẳng tu vô thường tưởng?

Thiện nam tử! Bồ Tát nhị chủng: Nhất sơ phát tâm, nhị dĩ hành đạo. Vô thường tưởng giả, diệc phục nhị chủng: Nhất thô, nhị tế.

Sơ tâm Bồ Tát, quán vô thường tưởng thời, tác thị tư duy: thế gian chi vật, phàm hữu nhị chủng: nhất nội, nhị ngoại. Như thị nội vật, vô thường biến dị. Ngã kiến sanh thời, tiểu thời, đại thời, tráng thời, lão thời, tử thời. Thị chư thời tiết các các bất đồng. Thị cố đương tri nội vật vô thường.

Phục tác thị niệm: Ngã kiến chúng sanh, hoặc hữu phì tiên cụ túc sắc lực; khứ lai tấn chỉ, tự tại vô ngại. Hoặc kiến bệnh khổ, sắc lực hủy tụy, nhan mạo luy tổn, bất đắc tự tại. Hoặc kiến tài phú, khố tàng, doanh dật. Hoặc kiến bản cùng, xúc sự tiền pháp. Hoặc kiến thành tựu vô lượng công đức. Hoặc kiến cụ túc vô lượng ác pháp. Thị cố định tri nội pháp vô thường.

Phục quán ngoại pháp: Tử thời, nha thời, hành thời, diệp thời, hoa thời, quả thời. Như thị chư thời, các các bất đồng. Như thị ngoại pháp, hoặc hữu cụ túc, hoặc bất cụ túc. Thị cố đương tri nhất thiết ngoại vật định thị vô thường.

Ký quán kiến pháp thị vô thường dĩ, phục quán văn pháp. Ngã văn chư thiên cụ túc thành tựu cực diệu khoái lạc, thần thông tự tại; diệc hữu ngũ tướng. Thị cố đương tri túc thị vô thường.

Phục văn Kiếp sơ, hữu chư chúng sanh, các các cụ túc thượng diệu công đức; thân quang tự chiếu, bất giả nhật nguyệt. Vô thường lực cố, quang diệt, đức tổn.

復聞昔有轉輪聖王統四天下。成就七寶得大自在。而不能壞無常之相。

復觀大地。往昔之時安處布置無量眾生。間無空處如車輪許。具足生長一切妙藥。叢林樹木果實滋茂。眾生薄福令此大地無復勢力。所生之物遂成虛耗。是故當知。內外之法一切無常。是則名為麤無常也。

既觀麤已次觀細者。云何名細。菩薩摩訶薩觀於一切內外之物乃至微塵。在未來時已是無常。何以故。具足成就破壞相故。若未來色非無常者。不得言色。有十時差別。云何十時。一者膜時。二者泡時。三者炮時。四者肉團時。五者肢時。六者嬰孩時。七者童子時。八者少年時。九者盛壯時。十者衰老時。

菩薩觀膜若非無常不應至泡。乃至盛壯，若非無常者終不至老。若是諸時非念念滅終不漸長。應當一時成長具足。無是事故。是故當知。定有念念。微細無常。

復見有人諸根具足顏色暎暎。後見枯悴。復作是念。是人定有念念無常。復觀四大及四威儀。復觀內外各二苦因，飢渴寒熱。復觀是四，若無念念微

Phục văn tích hữu Chuyển luân Thánh vương, thống Tứ thiên hạ thành tựu thất bảo, đắc đại tự tại, nhi bất năng hoại vô thường chi tướng.

Phục quán: Đại địa, vãng tích chi thời, an xử bố trí vô lượng chúng sanh, gian vô không xứ, như xa luân hứa. Cụ túc sanh trưởng nhất thiết diệu dục; từng lâm thọ mộc quả thật tứ mậu. Chúng sanh bạc phúc, linh thử đại địa vô phục thế lực, sở sanh chi vật toại thành hư hao. Thị cố đương tri Nội, Ngoại chi pháp, nhất thiết Vô thường. Thị tác danh vi thô vô thường dã.

Ký quán thô dĩ, thứ quán Tế giả. Vân hà danh tế? Bồ Tát ma-ha-tát, quán ư nhất thiết nội, ngoại chi vật, nãi chí vi trần, tại vị lai thời, dĩ thị vô thường. Hà dĩ cố? Cụ túc thành tựu phá hoại tướng cố. Nhược vị lai sắc phi vô thường giả, bất đắc ngôn sắc hữu thập thời sai biệt. Vân hà thập thời? Nhất giả mạc thời, nhị giả bào thời, tam giả báo thời, tứ giả nhục đoàn thời, ngũ giả chi thời, lục giả anh hài thời, thất giả đồng tử thời, bát giả thiếu niên thời, cửu giả thanh tráng thời, thập giả suy lão thời.

Bồ Tát quán mạc, nhược phi vô thường, bất ưng chí bào, nãi chí thanh tráng; nhược phi vô thường giả, chung bất chí lão. Nhược thị chư thời, phi niệm niệm diệt, chung bất tiệm trưởng, duy đương nhất thời thành trưởng cụ túc. Vô thị sự cố, thị cố đương tri định hữu niệm niệm vi tế vô thường.

Phục kiến hữu nhân, chư căn cụ túc, nhan sắc dĩ diệp. Hậu kiến khô tụy, phục tác thị niệm: Thị nhân định hữu niệm niệm vô thường. Phục quán tứ đại cập tứ oai nghi. Phục quán nội, ngoại, các nhị khổ nhân. Cơ, khát, hàn, nhiệt, phục quán thị tứ. Nhược vô niệm niệm vi tế vô thường, diệt bất đắc thuyết

細無常。亦不得說如是四苦。若有菩薩能作是念。是名菩薩觀細無常。

如內外色心法亦爾。何以故。行六處故。行六處時。或生喜心或生瞋心。或生愛心或生念心。展轉異生不得一種。是故當知。一切色法及非色法悉是無常。

善男子。菩薩若能於一念中。見一切法生滅無常。是名菩薩具無常想。

善男子。智者修習無常想已，遠離常慢，常倒，想倒。

次修苦想。何因緣故有如是苦。深知是苦因於無常。因無常故受生老病死。生老病死因緣故名為無常。無常因緣故。受內外苦飢渴寒熱鞭打罵辱。如是等苦皆因無常。

復次智者深觀此身，即無常器。是器即苦。以器苦故。所受盛法亦復是苦。

善男子。智者復觀。生即是苦，滅即是苦。苦生滅故，即是無常。非我，我所，修無我想。

智者復觀苦即無常無常即苦。若苦，無常，智者云何說言有我。苦非是我無常亦爾。如是五陰亦苦無常。眾生云何說言有我。

như thị tứ khổ. Nhược hữu Bồ Tát năng tác thị niệm, thị danh Bồ Tát quán tế vô thường.

Như nội, ngoại sắc, tâm pháp diệt nhĩ. Hà dĩ cố? Hành lục xứ cố. Hành lục xứ thời, hoặc sanh hỷ tâm, hoặc sanh sân tâm, hoặc sanh ái tâm, hoặc sanh niệm tâm; triển chuyển dị sanh, bất đắc nhất chủng. Thị cố đương tri nhất thiết sắc pháp cập phi sắc pháp, tất thị vô thường.

Thiện nam tử! Bồ Tát nhược năng ư nhất niệm trung, kiến nhất thiết pháp sanh diệt vô thường, thị danh Bồ Tát cụ vô thường tưởng.

Thiện nam tử! Trí giả tu tập vô thường tưởng dĩ, viễn ly thường mạn, thường đảo, tưởng đảo.

Thứ tu khổ tưởng. Hà nhân duyên cố hữu như thị khổ? Thâm tri thị khổ, nhân ư vô thường. Nhân vô thường cố, thọ sanh, lão, bệnh, tử. Sanh, lão, bệnh, tử nhân duyên cố, danh vi vô thường. Vô thường nhân duyên cố, thọ nội, ngoại khổ: cơ, khát, hàn, nhiệt, tiên đã, mạ nhục. Như thị đẳng khổ, giai nhân vô thường.

Phục thứ, trí giả thâm quán: Thủ thân, tức vô thường khí. Thị khí tức khổ. Dĩ khí khổ cố, sở thọ thịnh pháp diệt phục thị khổ.

Thiện nam tử! Trí giả phục quán: Sanh tức thị khổ, diệt tức thị khổ; khổ sanh diệt cố, tức thị vô thường, phi ngã, ngã sở, tu vô ngã tưởng.

Trí giả phục quán: Khổ tức vô thường, vô thường tức khổ. Nhược khổ, vô thường, trí giả vân hà thuyết ngôn hữu ngã? Khổ phi thị ngã, vô thường diệt nhĩ. Như thị ngũ ấm diệt khổ, vô thường. Chúng sanh vân hà thuyết ngôn hữu ngã?

復次觀。一切法有異和合。不從一和合生一切法。亦非一法是一切和合果。一切和合皆無自性。亦無一性亦無異性。亦無物性亦無自在。諸法若有如是等相。智者云何說言有我。

復作是念。一切法中無有一法能為作者。若使一法不能作者。眾法和合亦不能作。一切諸法性終不能獨生獨滅。和合故滅和合故生。是法生已眾生倒想，言是和合。從和合生眾生想倒，無有真實。云何而有真實我耶。是故智者觀於無我。

又復諦觀何因緣故眾生說我。是我若有應一應多。我若一者。云何而有刹利婆羅門毘舍首陀。人天地獄餓鬼畜生大小老壯。是故知我非是一也。我若多者。云何說言眾生我者是一是遍無有邊際。若一若多二俱無我。

智者如是觀無我已。次復觀於厭離食想。作是念言。若一切法無常，苦，空，無我，云何為食起身口意三種惡業。若有眾生為貪食故。起身口意三種惡業。所得財物眾皆共之。後受苦果無共分者。

善男子。智者復觀。一切眾生為飲食故身心受苦。若從眾苦而得食者。我當云何於是食中而生貪著。是故於食不生貪心。

Phục thứ, quán nhất thiết pháp hữu dị hòa hiệp, bất tùng nhất hòa hiệp sanh nhất thiết pháp. Diệc phi nhất pháp thị nhất thiết hòa hiệp quả. Nhất thiết hòa hiệp giai vô tự tánh; diệc vô nhất tánh; diệc vô dị tánh; diệc vô vật tánh; diệc vô tự tại. Chư pháp nhược hữu như thị đẳng tướng, trí giả vân hà thuyết ngôn hữu ngã?

Phục tác thị niệm: Nhất thiết pháp trung, vô hữu nhất pháp năng vi tác giả. Nhược sử nhất pháp bất năng tác giả, chúng pháp hòa hiệp diệc bất năng tác. Nhất thiết chư pháp tánh chung bất năng độc sanh, độc diệt; hòa hiệp cố diệt, hòa hiệp cố sanh. Thị pháp sanh dĩ, chúng sanh đảo tướng, ngôn thị hòa hiệp. Tùng hòa hiệp sanh chúng sanh tướng đảo, vô hữu chân thật. Vân hà nhi hữu chân thật ngã da? Thị cố trí giả quán ư vô ngã.

Hựu phục đế quán: Hà nhân duyên cố chúng sanh thuyết ngã? Thị ngã nhược hữu, ưng nhất, ưng đa? Ngã nhược nhất giả, vân hà nhi hữu sát-lợi, bà-la-môn, tỳ-xá, thủ-đà, nhân, thiên, địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh, đại, tiểu, lão, tráng? Thị cố tri ngã phi thị nhất dã. Ngã nhược đa giả, vân hà thuyết ngôn chúng sanh ngã giả thị nhất, thị biến, vô hữu biên tế? Nhược nhất, nhược đa, nhị câu vô ngã.

Trí giả như thị quán vô ngã dĩ, thứ phục quán ư yếm ly thực tướng. Tác thị niệm ngôn: Nhược nhất thiết pháp vô thường, khổ, không, vô ngã, vân hà vị thực khởi thân, khẩu, ý tam chủng ác nghiệp? Nhược hữu chúng sanh, vị tham thực cố, khởi thân, khẩu, ý tam chủng ác nghiệp, sở đắc tài vật, chúng giai cộng chi. Hậu thọ khổ quả, vô cộng phân giả.

Thiện nam tử! Trí giả phục quán: Nhất thiết chúng sanh, vị ẩm thực cố, thân tâm thọ khổ. Nhược tùng chúng khổ nhi đắc thực giả, ngã đương vân hà ư thị thực trung nhi sanh tham trước? Thị cố ư thực bất sanh tham tâm.

復次智者當觀身因。因於飲食身得增長。我今出家受戒修道。為欲捨身。今貪此食云何當得捨此身耶。如是觀已。雖復受食。猶如曠野食其子肉。其心厭惡都不甘樂。深觀搏食有如是過。

次觀觸食。如被剝牛為無量蟲之所啖食。

次觀思食如大火聚。

識食猶如三百鑽矛。

善男子。智者如是觀四食已。於食終不生貪樂想。若猶生貪當觀不淨。何以故。為離食愛故。於一切食。善能分別不淨之想。隨諸不淨令與相似。如是觀已。若得好食及以惡食。受時猶如塗癰瘡藥。終不生於貪愛之心。

善男子。智者若能如是觀者。是名成就厭離食想。

迦葉菩薩言。世尊。智者觀食，作不淨想，為是實觀，虛解觀耶。若是實觀。所觀之食實非不淨。若是虛解。是法云何名為善想。

佛言。善男子。如是想者。亦是實觀亦是虛解。能壞貪食故名為實。非虫見虫故名虛解。

善男子。一切有漏皆名為虛。亦能得實。

善男子。若有比丘發心乞食預作是念。我當乞

Phục thứ, trí giả đương quán thân nhân: Nhân ư ẩm thực, thân đắc tăng trưởng. Ngã kim xuất gia, thọ giới tu đạo, vị dục xả thân. Kim tham thủ thực, vân hà đương đắc xả thủ thân da? Như thị quán dĩ, tuy phục thọ thực, do như khoáng dã thực kỳ tử nhục, kỳ tâm yếm ố, đô bất cam lạc. Thâm quán đoàn thực, hữu như thị quá.

Thứ quán xúc thực, như bị bác ngư, vi vô lượng trùng chi sở xiếp thực.

Thứ quán tư thực, như đại hỏa tụ.

Thức thực, do như tam bá toàn mâu.

Thiện nam tử! Trí giả như thị quán tứ thực dĩ, ư thực, chung bất sanh tham nhạo tưởng. Nhược do sanh tham, đương quán bất tịnh. Hà dĩ cố? Vị ly thực ái cố, ư nhất thiết thực, thiện năng phân biệt bất tịnh chi tướng. Tùy chư bất tịnh, linh dã tương tự. Như thị quán dĩ, nhược đắc hảo thực cập dĩ ác thực, thọ thời do như đồ ung sang dục, chung bất sanh ư tham ái chi tâm.

Thiện nam tử! Trí giả nhược năng như thị quán giả, thị danh thành tựu yếm ly thực tưởng.

Ca-diếp Bồ Tát ngôn: Thế Tôn! Trí giả quán thực, tác bất tịnh tướng, vi thị thật quán, hư giải quán da? Nhược thị thật quán, sở quán chi thực, thật phi bất tịnh. Nhược thị hư giải, thị pháp vân hà danh vi thiện tướng?

Phật ngôn: Thiện nam tử! Như thị tướng giả diệc thị thật quán, diệc thị hư giải. Năng hoại tham thực, cố danh vi thật; phi trùng kiến trùng, cố danh hư giải.

Thiện nam tử! Nhất thiết hữu lậu giai danh vi hư, diệc năng đắc thật.

Thiện nam tử! Nhược hữu tỳ-kheo phát tâm khát thực, dự tác thị niệm: Ngã đương khát thực, nguyện đắc hảo giả;

食願得好者莫得麤惡。願必多得莫令尠少。亦願速得莫令遲晚。如是比丘不名於食得厭離想。所修善法日夜衰耗。不善之法漸當增長。

善男子。若有比丘欲乞食時。先當願言。令諸乞者悉得飽滿。其施食者得無量福。我若得食為療毒身。修習善法利益施主。作是願時所修善法日夜增長。不善之法漸當消滅。

善男子。若有比丘能如是修。當知是人空食於國中信施。

善男子。智者具足如是四想。能修世間不可樂想。作是念言。一切世間無處不有生老病死。而我此身無處不生。若世間中無有一處當得離於生老病死。我當云何樂於世間。

一切世間無有進得而非退失。是故世間定是無常。若是無常云何智人而樂於世。

一一眾生周遍經歷一切世間具受苦樂。雖復得受梵天之身乃至非想非非想天。命終還墮三惡道中。雖為四王乃至他化自在天身。命終生於畜生道中。或為師子虎兕豺狼象馬牛驢。

次觀轉輪聖王統四天下，豪貴自在，福盡貧困，衣食不供。智者深觀如是事已。生於世間不可樂想。

mạc đắc thô ác. Nguyên tất đa đắc; mạc linh tiển thiểu. Diệc nguyên tốc đắc; mạc linh trì vãn. Như thị tỳ-kheo, bất danh ư thực, đắc yếm ly tưởng. Sở tu thiện pháp, nhật dạ suy hao; bất thiện chi pháp, tiệm đương tăng trưởng.

Thiện nam tử! Nhược hữu tỳ-kheo, dục khát thực thời, tiên đương nguyện ngôn: Linh chư khát giả tất đắc bảo mãn; kỳ thí thực giả đắc vô lượng phước. Ngã nhược đắc thực, vị liệu độc thân; tu tập thiện pháp, lợi ích thí chủ. Tác thị nguyện thời, sở tu thiện pháp, nhật dạ tăng trưởng; Bất thiện chi pháp, tiệm đương tiêu diệt.

Thiện nam tử! Nhược hữu tỳ-kheo năng như thị tu, đương tri thị nhân bất không thực ư quốc trung tín thí.

Thiện nam tử! Trí giả cụ túc như thị tứ tưởng, năng tu thế gian bất khả nhạo tưởng. Tác thị niệm ngôn: Nhất thiết thế gian vô xứ bất hữu sanh, lão, bệnh, tử. Nhi ngã thủ thân, vô xứ bất sanh. Nhược thế gian trung, vô hữu nhất xứ đương đắc ly ư sanh, lão, bệnh, tử, ngã đương vân hà nhạo ư thế gian?

Nhất thiết thế gian, vô hữu tán đắc nhi phi thối thất; thị cố thế gian định thị vô thường. Nhược thị vô thường, vân hà trí nhân nhi nhạo ư thế?

Nhất nhất chúng sanh, châu biến kinh lịch nhất thiết thế gian, cụ thọ khổ, lạc. Tuy phục đắc thọ Phạm thiên chi thân, nãi chí Phi tưởng phi phi tưởng thiên, mạng chung hoàn đọa tam ác đạo trung. Tuy vi Tứ vương, nãi chí Tha hóa tự tại thiên thân, mạng chung sanh ư súc sanh đạo trung, hoặc vi sư tử, hổ, hủ, sài, lang, tượng, mã ngư, lư.

Phục quán Chuyển luân Thánh vương, thống Tứ thiên hạ, hào quý tự tại; phước tận bản khôn, y thực bất cung. Trí giả thâm quán như thị sự dĩ, sanh ư thế gian bất khả nhạo tưởng.

智者復觀世間有法。所謂舍宅衣服飲食臥具醫藥。香花瓔珞種種伎樂財物寶貨。如是等事皆為離苦。而是等物體即是苦。云何以苦欲離於苦。

善男子。智者如是觀已。於世間物不生愛樂而作樂想。

善男子。譬如有人身嬰重病。雖有種種音樂倡伎香花瓔珞。終不於中生貪愛樂。智者觀已亦復如是。

善男子。智者深觀一切世間。非歸依處。非解脫處。非寂靜處。非可愛處。非彼岸處。非是常樂我淨之法。若我貪樂如是世間。我當云何得離是法。如人不樂處闇而求光明還復歸闇。闇即世間明即出世。若我樂世增長黑闇遠離光明。闇即無明光即智明。是智明因即是世間不可樂想。一切貪結雖是繫縛，然我今者貪於智明不貪世間。

智者深觀如是法已。具是世間不可樂想。

善男子。有智之人已修世間不可樂想。次修死想。觀是壽命常為無量怨讎所繞。念念損滅無有增長。猶山瀑水不得停住。亦如朝露勢不久停。如囚趣市步步近死。如牽牛羊詣於屠所。

Trí giả phục quán: Thế gian hữu pháp, sở vị: xá trạch, y phục ẩm thực, ngọa cụ, y dược, hương hoa, anh lạc, chủng chủng kỹ nhạc, tài vật bảo hóa. Như thị đẳng sự, giai vị ly khổ; như thị đẳng vật, thể tức thị khổ. Vân hà dĩ khổ, dục ly ư khổ?

Thiện nam tử! Trí giả như thị quán dĩ, ư thế gian vật, bất sanh ái nhạo nhi tác lạc tưởng.

Thiện nam tử! Thí như hữu nhân, thân anh trọng bệnh. Tuy hữu chủng chủng âm nhạc xướng kỹ, hương hoa anh lạc, chung bất ư trung, sanh tham ái nhạo. Trí giả quán dĩ, diệc phục như thị.

Thiện nam tử! Trí giả thâm quán. Nhất thiết thế gian phi quy y xứ, phi giải thoát xứ, phi tịch tĩnh xứ, phi khả ái xứ, phi bỉ ngạn xứ, phi thị thường, lạc, ngã, tịnh chi pháp. Nhược ngã tham nhạo như thị thế gian, ngã đương vân hà đắc ly thị pháp? Như nhân bất nhạo xử ám, nhi cầu quang minh, hoàn phục quy ám! Ám, tức thế gian; minh tức xuất thế. Nhược ngã nhạo thế, tăng trưởng hắc ám, viễn ly quang minh. Ám, tức vô minh; quang, tức trí minh. Thị trí minh nhân, tức thị thế gian bất khả nhạo tưởng. Nhất thiết tham kết tuy thị hệ phục, nhiên ngã kim giả tham ư trí minh, bất tham thế gian.

Trí giả thâm quán như thị pháp dĩ, cụ thị thế gian bất khả nhạo tưởng.

Thiện nam tử! Hữu trí chi nhân, dĩ tu thế gian bất khả nhạo tưởng, thứ tu tử tưởng. Quán thị thọ mạng thường vi vô lượng oán thù sở nhiễu, niệm niệm tổn diệt, vô hữu tăng trưởng. Do sơn bạo thủy, bất đắc đình trụ. Diệc như triều lộ, thể bất cửu đình. Như tù thú thị, bộ bộ cận tử. Như khiên ngư dương, nghệ ư đồ sở.

迦葉菩薩言。世尊。云何智者觀念念滅。

善男子。譬如四人皆善射術聚在一處。各射一方俱作是念。我等四箭俱發俱墮。復有一人作是念言。如是四箭及其未墮。我能一時以手接取。

善男子。如是之人可說疾不。

迦葉菩薩言。如是世尊。

佛言。善男子。地行鬼疾復速是人。有飛行鬼復速地行。四天王疾復速飛行。日月神天復速四王。行堅疾天復速日月。眾生壽命復速堅疾。

善男子。一息一瞬眾生壽命四百生滅。智者若能觀命如是。是名能觀念念滅也。

善男子。智者觀命繫屬死王。我若能離如是死王。則得永斷無常壽命。

復次智者觀是壽命猶如河岸臨峻大樹。亦如有人作大逆罪。及其受戮無憐愍者。如師子王大飢困時。亦如毒蛇吸大風時。猶如渴馬護惜水時。如大惡鬼瞋恚發時。眾生死王亦復如是。

善男子。智者若能作如是觀。是則名為修習死想。

善男子。智者復觀。我今出家設得壽命七日七夜。我當於中精勤修道護持禁戒。說法教化利益眾生。是名智者修於死想。

Ca-diếp Bồ Tát ngôn: Thế Tôn! Vân hà trí giả quán niệm niệm diệt?

Thiện nam tử! Thí như tứ nhân, giai thiện xạ thuật; tụ tại nhất xứ, các xạ nhất phương. Câu tác thị niệm: Ngã đẳng tứ tiền câu phát, câu đọa. Phục hữu nhất nhân tác thị niệm ngôn: Như thị tứ tiền, cập kỳ vị đọa, ngã năng nhất thời dĩ thủ tiếp thủ.

Thiện nam tử! Như thị chi nhân, khả thuyết tật phủ?

Ca-diếp Bồ Tát ngôn: Như thị, Thế Tôn!

Phật ngôn: Thiện nam tử! Địa hành quỷ tật, phục tốc thị nhân. Hữu phi hành quỷ, phục tốc địa hành. Tứ thiên vương tật, phục tốc phi hành. Nhật nguyệt thân thiên, phục tốc Tứ vương. Hành kiên tật thiên, phục tốc nhật nguyệt. Chúng sanh thọ mạng, phục tốc kiên tật.

Thiện nam tử! Nhất tức, nhất thuấn, chúng sanh thọ mạng, tứ bá sanh diệt. Trí giả nhược năng quán mạng như thị, thị danh năng quán niệm niệm diệt dã.

Thiện nam tử! Trí giả quán mạng, hệ thuộc tử vương. Ngã nhược năng ly như thị tử vương, tắc đắc vĩnh đoạn vô thường thọ mạng.

Phục thứ, trí giả quán: Thị thọ mạng, do như hà ngạn lâm tuấn đại thọ. Diệt như hữu nhân tác đại nghịch tội, cập kỳ thọ lục, vô lân miễn giả. Như sư tử vương, đại cơ khốn thời. Diệt như độc xà, hấp đại phong thời. Do như khát mã, hộ tích thủy thời. Như đại ác quỷ, sân khuể phát thời. Chúng sanh tử vương, diệt phục như thị.

Thiện nam tử! Trí giả nhược năng tác như thị quán, thị tắc danh vi tu tập tử tưởng.

Thiện nam tử! Trí giả phục quán: Ngã kim xuất gia thiết đắc thọ mạng thất nhật thất dạ, ngã đương ư trung, tinh cần tu đạo, hộ trì cấm giới, thuyết pháp giáo hóa, lợi ích chúng sanh. Thị danh trí giả tu ư tử tưởng.

復以七日七夜為多。若得六日，五日，四日，三日，二，一日，一時，乃至出息入息之頃，我當於中精勤修道護持禁戒，說法教化，利益眾生。是名智者善修死想。

智者具足如上六想即七想因。何等名七。一者常修想。二者樂修想。三者無瞋想。四者無妒想。五者善願想。六者無慢想。七者三昧自在想。

善男子。若有比丘具是七想。是名沙門名婆羅門。是名寂靜。是名淨潔。是名解脫。是名智者。是名正見。名到彼岸。名大醫王。是大商主。是名善解如來祕密。亦知諸佛七種之語。名正見知斷七種語中所生疑網。

善男子。若人具足如上六想。當知是人能呵三界。遠離三界滅除三界。於三界中不生愛著。是名智者具足十想。若有比丘具是十想。則得稱可沙門之相。

爾時迦葉菩薩。即於佛前以偈讚佛。

憐愍世間大醫王
身及智慧俱寂靜
無我法中有真我
是故敬禮無上尊

Phục dĩ thất nhật thất dạ vi đa; nhược đắc lục nhật, ngũ nhật, tứ nhật, tam nhật, nhị nhật, nhất nhật, nhất thời, nãi chí xuất tức nhập tức chi khoảnh, ngã đương ư trung tinh cần tu Đạo, hộ trì cấm giới, thuyết pháp giáo hóa, lợi ích chúng sanh. Thị danh Trí giả thiện tu tử tưởng.

Trí giả cụ túc như thượng lục tưởng, tức thất tưởng nhân. Hà đẳng danh thất? Nhất giả thường tu tưởng, nhị giả nhạo tu tưởng, tam giả vô sân tưởng, tứ giả vô đố tưởng, ngũ giả thiện nguyện tưởng, lục giả vô mạn tưởng, thất giả Tam-muội tự tại tưởng.

Thiện nam tử! Nhược hữu tỳ-kheo cụ thị thất tưởng, thị danh sa-môn, danh bà-la-môn, thị danh tịch tĩnh, thị danh tịnh khiết, thị danh Giải thoát, thị danh Trí giả, thị danh Chánh kiến, danh đạo bỉ ngạn, danh Đại Y Vương, thị Đại Thương chủ, thị danh thiện giải Như Lai bí mật, diệt trừ chư Phật thất chủng chi ngũ, danh Chánh kiến tri, đoạn thất chủng ngũ trung sở sanh nghi võng.

Thiện nam tử! Nhược nhân cụ túc như thượng lục tưởng, đương tri thị nhân năng ha Tam giới, viễn ly Tam Giới, diệt trừ Tam Giới; ư Tam Giới trung, bất sanh ái trước. Thị danh trí giả cụ túc thập tưởng. Nhược hữu tỳ-kheo cụ thị thập tưởng, tác đắc xưng khả sa-môn chi tướng.

Nhĩ thời, Ca-diếp Bồ Tát tức ư Phật tiền, dĩ kệ tán Phật:

Lân mẫn thế gian, Đại y vương,
Thân cập trí tuệ, câu tịch tĩnh;
Vô ngã pháp trung, hữu chân ngã,
Thị cố kính lễ Vô thượng tôn.

發心畢竟二不別
如是二心先心難
自未得度先度他
是故我禮初發心

初發已為人天師
勝出聲聞及緣覺
如是發心過三界
是故得名最無上

世救要求然後得
如來無請而為歸
佛隨世間如犢子
是故得名大悲牛
如來功德滿十方
凡下無智不能讚
我今讚歎慈悲心
為報身口二種業

世間常樂自利益
如來終不為是事
能斷眾生世界報
是故我禮自他利

Phát tâm, tất cánh: nhị bất biệt,
Như thị nhị tâm, tiên tâm nan;
Tự vị đắc độ, tiên độ tha,
Thị cố ngã lễ sơ phát tâm.

Sơ phát dĩ vi nhân thiên sư,
Thắng xuất Thanh văn cập Duyên giác;
Như thị phát tâm quá Tam giới,
Thị cố đắc danh Tối Vô thượng.

Thế cứu yếu cầu, nhiên hậu đắc,
Như Lai vô thỉnh, nhi vi quy;
Phật tùy thế gian như độ tử,
Thị cố đắc danh: Đại bi ngưu.
Như Lai công đức mãn Thập phương,
Phàm hạ vô trí bất năng tán;
Ngã kim tán thán Từ bi tâm,
Vị báo thân, khẩu: nhị chủng nghiệp.

Thế gian thường nhạo tự lợi ích,
Như Lai chung bất vi thị sự;
Năng đoạn chúng sanh thế quả báo,
Thị cố ngã lễ tự, tha lợi.

世間逐親作益厚
如來利益無怨親
佛無是相如世人
是故其心等無二

世間說異作業異
如來如說業無差
凡所修行斷諸行
是故得名為如來

先已了知煩惱過
示現處之為眾生
久於世間得解脫
樂處生死慈悲故

雖現天身及人身
慈悲隨逐如犢子
如來即是眾生母
慈心即是小犢子

自受眾苦念眾生
悲愍念時心不悔

Thế gian trực thân, tác ích hậu,
Như Lai lợi ích, vô oán, thân;
Phật vô thị tướng như thế nhân,
Thị cố kỳ tâm: đẳng vô nhị.

Thế gian thuyết dị, tác nghiệp dị,
Như Lai như thuyết, nghiệp vô sai.
Phàm sở tu hành, đoạn chư hạnh,
Thị cố đắc danh vi Như Lai.

Tiên dĩ liễu tri phiền não quá,
Thị hiện xử chi, vị chúng sanh.
Cứu ư thế gian đắc giải thoát,
Nhạo xử sanh tử, từ bi cố.

Tuy hiện thiên thân cập nhân thân,
Từ bi tùy trực như độc tử,
Như Lai tức thị chúng sanh mẫu,
Từ tâm tức thị tiểu độc tử.

Tự thọ chúng khổ, niệm chúng sanh,
Bi mãn niệm thời, tâm bất hối.

憐愍心盛不覺苦
故我稽首拔苦者

如來雖作無量福
身口意業恒清淨
常為眾生不為己
是故我禮清淨業

如來受苦不覺苦
見眾受苦如己苦
雖為眾生處地獄
不生苦想及悔心

一切眾生受異苦
悉是如來一人苦
覺已其心轉堅固
故能勤修無上道

佛具一味大慈心
愍念眾生如子想
眾生不知佛能救
故謗如來及法僧

Lân mẫn tâm thanh bất giác khổ,
Cố ngã khể thủ Bạt khổ giả.

Như Lai tuy tác vô lượng phước,
Thân, khẩu, ý nghiệp hằng thanh tịnh.
Thường vị chúng sanh, bất vị kỷ,
Thị cố ngã lễ Thanh tịnh nghiệp.

Như Lai thọ khổ, bất giác khổ,
Kiến chúng thọ khổ, như kỷ khổ.
Tuy vị chúng sanh, xử địa ngục,
Bất sanh khổ tưởng cập hối tâm.

Nhất thiết chúng sanh thọ dị khổ,
Tất thị Như Lai nhất nhân khổ.
Giác dĩ, kỳ tâm chuyển kiên cố,
Cố năng cần tu Vô thượng đạo.

Phật cụ nhất vị, đại từ tâm,
Mẫn niệm chúng sanh như tử tử tướng
Chúng sanh bất tri Phật năng cứu,
Cố báng Như Lai cập Pháp, Tăng.

世間雖具眾煩惱
亦有無量諸過惡
如是眾結及罪過
佛初發心已能壞

唯有諸佛能讚佛
除佛無能讚歎者
我今唯以一法讚
所謂慈心遊世間

如來慈是大法聚
是慈亦能度眾生
即是無上真解脫
解脫即是大涅槃。

大般涅槃經卷第三十八

終

Thế gian tuy cụ chúng phiền não,
Diệt hữu vô lượng chư quá ác.
Như thị chúng kết cật tội quá,
Phật sơ phát tâm, dĩ năng hoại.

Duy hữu chư Phật năng tán Phật,
Trừ Phật, vô năng tán thán giả;
Ngã kim duy dĩ nhất pháp tán,
Sở vị từ tâm du thế gian.

Như Lai từ thị đại pháp tụ,
Thị Từ diệt năng độ chúng sanh;
Túc thị Vô thượng Chân Giải thoát,
Giải thoát túc thị Đại Niết-bàn.

Đại Bát Niết-bàn Kinh quyển đệ tam thập bát

Chung

KINH ĐẠI BÁT NIẾT-BÀN

QUYỂN BA MƯƠI TÁM

PHẨM BỒ TÁT CA-DIỆP

Phẩm thứ mười hai - Phần sáu

Bồ Tát Ca-diếp lại thưa hỏi: “Bạch Thế Tôn! Thế nào gọi là Phạm hạnh thanh tịnh?”

Phật dạy: “Thiện nam tử! Tất cả các pháp [đều là Phạm hạnh thanh tịnh].”

Bồ Tát Ca-diếp bạch Phật: “Thế Tôn! [Nói] tất cả các pháp [như vậy thì] ý nghĩa không xác định. Vì sao vậy? Như Lai có lúc dạy rằng [tất cả các pháp] là thiện và bất thiện; hoặc có khi dạy là quán Bốn niệm xứ; hoặc dạy là Mười hai nhập; hoặc dạy là thiện tri thức; hoặc dạy là Mười hai nhân duyên; hoặc dạy là chúng sanh; hoặc dạy là chánh kiến và tà kiến; hoặc dạy là Mười hai bộ kinh; hoặc dạy là Nhị đế. Nay Như Lai nói rằng tất cả các pháp là Phạm hạnh thanh tịnh, không biết là nói đến ý nghĩa nào?”

Phật dạy: “Lành thay, lành thay! Thiện nam tử! Kinh Đại Niết-bàn vi diệu này mới chính là kho báu trong tất cả các pháp. Ví như biển cả là kho chứa [tất cả] các loại châu báu, kinh Niết-bàn này cũng vậy, là kho tàng sâu kín chứa đựng tất cả ý nghĩa của văn tự.

“Thiện nam tử! Như núi Tu-di là nguồn gốc của mọi thứ cây thuốc; kinh này cũng vậy, chính là căn bản của giới hạnh Bồ Tát.

“Thiện nam tử! Ví như hư không là nơi dung chứa hết thảy mọi vật thể; kinh này cũng vậy, là nơi quy tụ của hết thảy mọi pháp lành.

“Thiện nam tử! Ví như cơn gió mạnh, không gì có thể trói buộc được; tất cả Bồ Tát tu hành kinh này cũng vậy, không bị tất cả các pháp xấu ác phiền não trói buộc.

“Thiện nam tử! Ví như chất kim cương, [rắn chắc] không gì phá hoại được; kinh này cũng thế, dù có những kẻ ngoại đạo xấu ác tà kiến cũng không thể phá hoại.

“Thiện nam tử! Ví như cát sông Hằng, không ai có thể đếm được; ý nghĩa kinh này cũng vậy, không ai có thể tính đếm.

“Thiện nam tử! Kinh điển này vì các vị Bồ Tát mà làm ngọn cờ Chánh pháp, như ngọn cờ của vị vua trời Đế-thích.

“Thiện nam tử! Kinh này là vị thương chủ dẫn dắt đoàn khách buôn hướng đến thành thị Niết-bàn, cũng giống như vị thầy dẫn đường giỏi nhất đưa những người đi buôn hướng về biển cả.

“Thiện nam tử! Kinh này có thể vì các vị Bồ Tát mà chiếu tỏa ánh sáng Chánh pháp, như mặt trời, mặt trăng [có thể] phá tan mọi sự tối tăm u ám ở thế gian.

“Thiện nam tử! Kinh này có thể vì những chúng sanh bệnh khổ mà làm vị thuốc quý, cũng như nơi Tuyết sơn có vị thuốc kỳ diệu trị được tất cả các bệnh.

“Thiện nam tử! Kinh này có thể làm cây gậy chống cho những kẻ nhất-xiển-đề; cũng như những kẻ suy nhược yếu ớt nhờ có cây gậy để chống mà đứng lên được.

“Thiện nam tử! Kinh này có thể làm cây cầu [vượt qua sự khổ] cho tất cả những kẻ xấu ác, cũng như cây cầu ở thế gian giúp cho mọi người đều có thể đi qua sông.

“Thiện nam tử! Kinh này có thể làm bóng râm che mát cho những kẻ lang thang trong hai mươi lăm cảnh giới hiện hữu khi gặp phải cơn nóng nực phiền não; cũng như dù lọng ở thế gian che được nắng nóng.

“Thiện nam tử! Kinh này như vị vua dũng mãnh không sợ sệt, có thể phá trừ tất cả quỷ ác phiền não; cũng như chúa sư tử hàng phục tất cả các loài thú.

“Thiện nam tử! Kinh này như vị thầy tinh thông thần chú, có thể phá trừ tất cả ác quỷ phiền não; cũng như vị chú sư ở thế gian có thể trừ khử loài yêu quái sống trong gỗ đá.

“Thiện nam tử! Kinh này như trận mưa đá mạnh mẽ nhất, có thể phá hoại quả báo sanh tử; cũng như mưa đá ở thế gian phá hoại các loại cây trái.

“Thiện nam tử! Kinh này có thể làm vị thuốc hay cho người bị hư hoại con mắt giới thể; cũng như vị thuốc an-xà-na⁽¹⁾ ở thế gian có thể trị lành bệnh đau mắt.

“Thiện nam tử! Kinh này có thể làm chỗ dựa vững chắc cho hết thảy các pháp lành; cũng như mặt đất ở thế gian có thể làm chỗ đứng vững cho mọi vật.

“Thiện nam tử! Kinh này là tấm gương sáng cho những chúng sanh hủy phạm giới luật [soi vào]; cũng như gương sáng ở thế gian [nhìn vào có thể] thấy được các hình sắc, ảnh tượng.

“Thiện nam tử! Kinh này có thể vì những kẻ không biết hổ thẹn mà làm y phục; cũng như quần áo ở thế gian che kín thân thể [cho những người biết hổ thẹn].

“Thiện nam tử! Kinh này có thể làm tài vật quý báu cho những kẻ nghèo thiếu pháp lành; cũng như vị Công Đức Thiên⁽²⁾ làm lợi ích cho những người nghèo khó.

“Thiện nam tử! Kinh này có thể làm nước cam lộ cho chúng sanh khao khát Chánh pháp; cũng như nước có đủ tám vị [ở thế gian] giúp cho người giải trừ cơn khát.

“Thiện nam tử! Kinh này có thể làm giường Chánh pháp cho kẻ phiền não [nghỉ ngơi]; cũng như người ở thế gian gặp được giường nằm yên ổn.

“Thiện nam tử! Kinh này có thể làm cỗ xe thanh tịnh trang nghiêm đầy đủ các thứ chuỗi ngọc, hương hoa, hương phết, hương bột, hương đốt... dành cho hàng Bồ Tát từ Sơ địa đến Thập địa, hơn cả chỗ thọ nhận niềm vui vi diệu của tất cả sáu pháp Ba-la-mật, giống như [được ở] dưới cội cây ba-lợi-chất-đa-la trên cõi trời Đao-lợi.⁽³⁾

“Thiện nam tử! Kinh này là lưới riu trí tuệ sắc bén rắn chắc, có thể đốn ngã hết thảy những cây lớn phiền não; là lưỡi dao bén có thể cắt đứt mọi tập khí;⁽⁴⁾ là dũng sĩ mạnh mẽ có thể dẹp tan bọn oán tặc ma; là lửa trí tuệ đốt cháy củi phiền não; là kho chứa nhân duyên xuất sanh chư Phật Bích-chi; là kho chứa Thanh văn sanh ra các vị Thanh văn; là mắt nhìn của tất cả chư thiên; là con đường chân chánh của tất cả loài người; là chỗ nương dựa của tất cả súc sanh; là chỗ giải thoát của loài ngựa quý; là nơi đáng tôn kính nhất trong cõi địa ngục; là món khí cụ cao quý nhất của tất cả chúng sanh trong mười phương; là cha mẹ của chư Phật mười phương trong cả quá khứ, hiện tại và vị lai.

“Thiện nam tử! Cho nên kinh này thâm nhiếp tất cả các pháp.

“Như trước ta đã nói, tuy kinh này thâm nhiếp tất cả các pháp, nhưng ta cũng dạy rằng Phạm hạnh chính là Ba mươi bảy phẩm trợ đạo.

“Thiện nam tử! Nếu lìa khỏi Ba mươi bảy phẩm trợ đạo này thì không bao giờ có thể đạt được Chánh quả Thanh văn cho đến quả A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề, không thể thấy được tánh Phật cùng quả của tánh Phật. Vì nhân duyên ấy nên Phạm hạnh chính là Ba mươi bảy phẩm trợ đạo.

“Vì sao vậy? Tánh của Ba mươi bảy phẩm trợ đạo ấy là không điên đảo, có thể phá hoại sự điên đảo; là không thấy biết [theo cách] xấu ác, có thể phá hoại sự thấy biết xấu ác; là không sợ sệt, có thể phá hoại sự sợ sệt; là hạnh thanh tịnh, có thể khiến cho chúng sanh cuối cùng rồi sẽ thực hành đạt được Phạm hạnh thanh tịnh.”

Bồ Tát Ca-diếp bạch Phật: “Thế Tôn! Pháp hữu lậu cũng có thể làm nhân cho pháp vô lậu, vì sao Như Lai không dạy rằng [các pháp] hữu lậu là Phạm hạnh thanh tịnh?”

Phật dạy: “Thiện nam tử! Tất cả [các pháp] hữu lậu đều là điên đảo, nên không gọi là Phạm hạnh thanh tịnh.”

Bồ Tát Ca-diếp thưa hỏi: “Bạch Thế Tôn! Pháp đệ nhất trong thế gian⁽⁵⁾ là hữu lậu hay vô lậu?”

Phật dạy: “Thiện nam tử! Đó [cũng] là hữu lậu.”

Bồ Tát Ca-diếp lại hỏi: “Bạch Thế Tôn! Tuy pháp đệ nhất trong thế gian là hữu lậu, nhưng tánh của nó không điên đảo, vì sao không gọi là Phạm hạnh thanh tịnh?”

Phật dạy: “Thiện nam tử! Pháp đệ nhất trong thế

gian là nhân của [pháp] vô lậu nên tương tự với vô lậu; vì hướng về vô lậu nên không gọi là điên đảo.

“Thiện nam tử! Nhưng sự phát tâm của Phạm hạnh thanh tịnh là tiếp nối mãi cho đến lúc rốt ráo, còn pháp đệ nhất trong thế gian chỉ là trong một niệm, nên không gọi là Phạm hạnh thanh tịnh.”

Bồ Tát Ca-diếp bạch Phật: “Thế Tôn! Năm thức⁽⁶⁾ của chúng sanh cũng là hữu lậu, không phải điên đảo, lại không phải trong một niệm, vì sao không gọi là Phạm hạnh thanh tịnh?”

Phật dạy: “Thiện nam tử! Năm thức của chúng sanh tuy không phải một niệm, nhưng là hữu lậu, lại là điên đảo. Vì năm thức ấy làm tăng trưởng các lậu, nên gọi là hữu lậu. Vì thể của chúng không chân thật, vướng mắc vọng tưởng nên là điên đảo.

“Sao gọi là [thể của năm thức] không chân thật, vướng mắc vọng tưởng nên là điên đảo? Đối với những vật thật không phải nam, nữ... mà khởi sanh tư tưởng cho đó là nam, là nữ; cho đến các thứ nhà cửa, xe cộ, bình bát, y phục... cũng đều như vậy. Đó gọi là điên đảo.

“Thiện nam tử! Tánh của Ba mươi bảy phẩm trợ đạo là không điên đảo, nên gọi là Phạm hạnh thanh tịnh.

“Thiện nam tử! Nếu Bồ Tát đối với Ba mươi bảy phẩm trợ đạo rõ biết chỗ căn bản, rõ biết nguyên nhân, rõ biết chỗ thâm nhiếp, rõ biết chỗ tăng trưởng, rõ biết [pháp] làm chủ, rõ biết [pháp] dẫn dắt, rõ biết [pháp] trôi thẳng, rõ biết [pháp] chân thật, rõ biết chỗ rốt ráo, thì Bồ Tát ấy gọi là Phạm hạnh thanh tịnh.”

Bồ Tát Ca-diếp bạch Phật: “Thế Tôn! Sao gọi là rõ biết chỗ căn bản... cho đến rõ biết chỗ rốt ráo?”

Phật dạy: “Thiện nam tử! Lành thay, lành thay! Bồ Tát khởi lên sự thưa hỏi là vì hai việc. Một là tự mình muốn biết, hai là vì muốn cho người khác biết. Nay ông đã rõ biết, chỉ vì vô lượng chúng sanh chưa hiểu nên thưa hỏi việc này. Vì thế nay ta ngợi khen ông lần nữa: Lành thay, lành thay!

“Thiện nam tử! Căn bản của Ba mươi bảy phẩm trợ đạo là sự ham muốn [chân chánh tốt lành]; nguyên nhân [của chúng] là sự xúc chạm sáng suốt, [tức là giải thoát xúc]; chỗ thâm nhiếp [của chúng] là cảm thọ; chỗ tăng trưởng [của chúng] là sự khéo suy xét; [pháp] làm chủ là niệm; [pháp] dẫn dắt là định; [pháp] trỗi thẳng là trí tuệ; [pháp] chân thật là giải thoát; chỗ rốt ráo là Đại Bát Niết-bàn.

“Thiện nam tử! Sự ham muốn chân chánh tốt lành là căn bản [của người tu tập] từ khi mới bắt đầu phát khởi tâm đạo cho đến lúc đạt được quả A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề. Cho nên ta nói rằng sự ham muốn [chân chánh tốt lành] là căn bản.

“Thiện nam tử! Như người thế gian nói rằng tham ái là nguồn gốc của tất cả khổ não; việc ăn ban đêm là nguồn gốc của tất cả bệnh tật; sự tranh giành là nguồn gốc của tất cả những việc kiện tụng; sự hư dối là nguồn gốc của tất cả những việc xấu ác.”

Bồ Tát Ca-diếp bạch Phật: “Thế Tôn! Trước đây trong kinh này Như Lai có dạy: ‘Không buông thả lưỡi nhác là căn bản của tất cả pháp lành’; nay lại dạy rằng sự ham muốn [chân chánh tốt lành] là căn bản. Nghĩa [khác biệt] ấy là thế nào?”

Phật dạy: “Thiện nam tử! Nếu nói về nhân sanh ra thì sự ham muốn chân chánh tốt lành là căn bản; nếu

nói về nhân thành tựu thì không buông thả lưỡi nhác là căn bản. Cũng như người thế gian nói hạt giống là nhân của các loại trái cây; lại nói rằng hạt là nhân sanh ra, đất... là nhân thành tựu. Nghĩa ấy cũng giống như thế.”

Bồ Tát Ca-diếp bạch: “Thế Tôn! Trước đây trong các kinh khác, Như Lai có dạy rằng Phật là căn bản của Ba mươi bảy phẩm. Nghĩa ấy thế nào?”

Phật dạy: “Thiện nam tử! Trước đây Như Lai có nói: Chúng sanh khi vừa mới nhận biết thì Phật là căn bản của Ba mươi bảy phẩm, nhưng nếu tự chúng đắc thì sự ham muốn [chân chánh tốt lành] là căn bản.”

Bồ Tát Ca-diếp lại thưa hỏi: “Bạch Thế Tôn! Vì sao sự xúc chạm sáng suốt, [tức giải thoát xúc,] được xem là nguyên nhân [của Ba mươi bảy phẩm trợ đạo]?”

Phật dạy: “Thiện nam tử! Như Lai có khi dạy rằng sự sáng suốt là trí tuệ, có khi dạy rằng đó là đức tin, [nên giải thoát xúc cũng được hiểu là sự tiếp xúc phát khởi từ lòng tin].

“Thiện nam tử! Do nhân duyên là đức tin nên gần gũi những người bạn lành, đó gọi là [giải thoát] xúc. Do nhân duyên gần gũi [bạn lành] mà được nghe Chánh pháp, đó gọi là [giải thoát] xúc. Do nhân duyên được nghe Chánh pháp nên thân, miệng, ý trở nên thanh tịnh, đó gọi là [giải thoát] xúc. Do nhân duyên ba nghiệp [thân, miệng, ý] thanh tịnh mà đạt được sự mưu sanh chân chánh, đó gọi là [giải thoát] xúc. Do nhân duyên mưu sanh chân chánh nên được giới làm thanh tịnh các căn. Do nhân giới làm thanh tịnh các căn nên vui thích ở nơi vắng vẻ yên tĩnh. Do nhân duyên vui thích ở nơi vắng vẻ yên tĩnh nên có thể khéo suy xét. Do nhân duyên

khéo suy xét nên sống đúng theo Chánh pháp. Do nhân duyên sống theo Chánh pháp nên đạt được Ba mươi bảy phẩm trợ đạo, có thể phá trừ vô lượng phiền não xấu ác. Vì thế nên [giải thoát] xúc [được xem là nguyên nhân của Ba mươi bảy phẩm trợ đạo].

“Thiện nam tử! Cảm thọ được xem là chỗ thâm nhiếp. Khi chúng sanh cảm thọ có thể làm ra các việc thiện, ác; cho nên cảm thọ gọi là chỗ thâm nhiếp [mọi hành vi].

“Thiện nam tử! Do nhân duyên là cảm thọ mà sanh ra các phiền não, Ba mươi bảy phẩm [trợ đạo] có thể phá trừ các phiền não ấy. Cho nên gọi cảm thọ là chỗ thâm nhiếp.

“Do nhân duyên là khéo suy xét nên có thể phá trừ phiền não. Vì thế, khéo suy xét được gọi là chỗ tăng trưởng [của Ba mươi bảy phẩm trợ đạo]. Vì sao vậy? Nhờ siêng năng tu tập mà đạt được Ba mươi bảy phẩm ấy.

“Nếu quán xét thì có thể phá trừ các phiền não xấu ác, nhưng cần phải nhờ ở sự chuyên tâm niệm tưởng. Cho nên lấy niệm [là pháp] làm chủ. Cũng như ở thế gian, tất cả bốn loại quân binh đều tuân theo ý chủ tướng. Ba mươi bảy phẩm cũng vậy, đều tuân theo vị chủ tướng là niệm.

“Thiện nam tử! Khi đã nhập định thì Ba mươi bảy phẩm có thể phân biệt rõ ràng tướng trạng của tất cả các pháp. Cho nên lấy định làm pháp dẫn dắt.

“Ba mươi bảy phẩm này phân biệt tướng trạng các pháp, trí tuệ là hơn hết. Cho nên lấy tuệ làm pháp trỗi thẳng. Nhờ trí tuệ này mà rõ biết các phiền não, nhờ sức của trí tuệ mà phá trừ phiền não. Cũng như ở thế gian, bốn loại quân binh phá trừ quân thù địch; hoặc có

một, hai dũng tướng có thể làm được việc ấy; Ba mươi bảy phẩm cũng giống như vậy. Nhờ sức của trí tuệ mà phá trừ được phiền não, cho nên lấy trí tuệ làm pháp trỗi thẳng.

“Thiện nam tử! Tuy nhân nơi sự tu tập Ba mươi bảy phẩm mà đạt được Bốn thiên, các thần thông, sự an vui, nhưng cũng không phải là chân thật. Chỉ khi phá trừ được [tất cả] phiền não, chúng đắc giải thoát rồi mới gọi là chân thật.

Bồ Tát Ca-diếp bạch Phật: “Thế Tôn! [Theo lời Phật dạy] ba pháp căn bản, nguyên nhân và tăng trưởng đó có gì khác nhau?”

Phật dạy: “Thiện nam tử! Nói căn bản tức là vừa mới phát tâm, [nói] nguyên nhân là sự tương tợ chẳng dứt, [nói] tăng trưởng là diệt sự tương tợ này rồi có thể sanh ra sự tương tợ khác.

“Lại nữa, thiện nam tử! Căn bản tức là tạo tác, nguyên nhân là kết quả [của sự tạo tác], tăng trưởng là chỗ có thể vận dụng. Thiện nam tử! Tuy [sự tạo tác] có quả báo về đời vị lai, nhưng vì chưa thọ nhận nên gọi là nhân, đến khi thọ nhận thì gọi là tăng trưởng.

“Lại nữa, thiện nam tử! Căn bản là sự mong cầu, nguyên nhân là sự đạt được, tăng trưởng là sự vận dụng.

“Thiện nam tử! Trong kinh này thì căn bản là sự nhận biết Chánh đạo, nguyên nhân là sự tu tập Chánh đạo, tăng trưởng là thánh đạo Vô học.

“Lại nữa, thiện nam tử! Căn bản tức là nhân chánh, nguyên nhân tức là nhân phương tiện. Do nơi nhân chánh này mà đạt được quả báo, đó gọi là tăng trưởng.”

Bồ Tát Ca-diếp lại thưa hỏi: “Bạch Thế Tôn! Như Phật dạy rằng chỗ rốt ráo là Niết-bàn. Niết-bàn như thế làm sao có thể chứng đắc?”

Phật dạy: “Thiện nam tử! Nếu vị Bồ Tát ma-ha-tát, tỳ-kheo, tỳ-kheo ni, ưu-bà-tắc, ưu-bà-di nào có thể tu tập mười pháp quán tưởng thì nên biết rằng những người ấy có thể chứng đắc Niết-bàn. Những gì là mười? Một là quán tưởng về vô thường, hai là quán tưởng về khổ, ba là quán tưởng về vô ngã, bốn là quán tưởng chán lìa sự ăn uống, năm là quán tưởng về hết thảy mọi việc trong thế gian đều không thể ưa thích, sáu là quán tưởng về sự chết, bảy là quán tưởng [các cảnh giới hiện hữu] có nhiều lỗi lầm tai hại, tám là quán tưởng sự xa lìa [các cảnh giới hiện hữu], chín là quán tưởng sự diệt mất [của các cảnh giới hiện hữu], mười là quán tưởng sự không tham ái vướng mắc [đối với các cảnh giới hiện hữu].

“Thiện nam tử! Vị Bồ Tát ma-ha-tát, tỳ-kheo, tỳ-kheo ni, ưu-bà-tắc, ưu-bà-di nào tu tập mười pháp quán tưởng như vậy thì rốt ráo nhất định chứng đắc Niết-bàn. [Người như vậy] không chạy theo tâm ý người khác, tự mình có thể phân biệt thiện ác. Đó là những vị tỳ-kheo chân thật đúng nghĩa, cho đến chân thật đúng nghĩa là những tỳ-kheo ni, ưu-bà-tắc, ưu-bà-di.”

Bồ Tát Ca-diếp lại thưa hỏi: “Bạch Thế Tôn! Thế nào gọi là Bồ Tát, tỳ-kheo, tỳ-kheo ni, ưu-bà-tắc, ưu-bà-di tu tập pháp quán tưởng về vô thường?”

Phật dạy: “Thiện nam tử! Bồ Tát có hai hạng, một là vừa mới phát tâm, hai là đã thực hành đạo pháp. Pháp quán tưởng vô thường cũng có hai loại, một là [ở mức độ] thô, hai là [mức độ] vi tế.

“Vị Bồ Tát mới phát tâm, trong khi quán tưởng về sự

vô thường có suy xét thế này: ‘Những sự vật thế gian có hai loại, một là trong thân, hai là bên ngoài. Những sự vật trong thân là vô thường, biến đổi. Như lúc sanh ra, thơ ấu, lớn lên, trưởng thành, già yếu, chết đi. Những điều kiện [trong các giai đoạn] ấy đều không giống nhau. Cho nên biết rằng sự vật trong thân là vô thường.’

“Lại quán xét rằng: ‘Ta nhìn thấy chúng sanh có những người mập mạnh, đầy đủ hình sắc sức lực, đi đứng, tới lui tùy ý không trở ngại. Lại thấy có những kẻ bệnh khổ, hình sắc sức lực hư hao yếu ớt, dung nhan hình mạo đều suy tổn, không thể [vận động] tùy ý. Lại thấy những người giàu có, kho chứa tràn đầy; lại có những kẻ nghèo khó, gặp việc luôn thiếu thốn, túng quẫn. Lại thấy [có những người] thành tựu vô lượng công đức; lại thấy có những kẻ phạm vào vô số việc xấu ác. Cho nên biết chắc chắn rằng sự vật trong thân là vô thường.’

“Vị Bồ Tát ấy lại quán xét các pháp bên ngoài rằng: ‘Từ khi là hạt giống, đến lúc nảy mầm, mọc lên thành cây, phát triển cành lá, cho đến ra hoa, kết quả... Các thời kỳ ấy đều không giống nhau. Những pháp bên ngoài như vậy, có khi đầy đủ, có khi chẳng đầy đủ. Cho nên biết chắc chắn rằng tất cả sự vật bên ngoài đều là vô thường.’

“Sau khi quán xét những pháp nhìn thấy đều là vô thường, Bồ Tát lại quán xét về những pháp được nghe biết, nghĩ rằng: ‘Ta từng nghe chư thiên thành tựu đầy đủ sự khoái lạc tột cùng, thần thông tự tại, nhưng cũng có năm tướng suy. Vậy nên biết rằng đó là vô thường. Ta lại nghe rằng vào thuở Kiếp sơ có những chúng sanh đầy đủ công đức nhiệm mầu tốt đẹp, hào quang nơi thân thể tự nhiên chiếu sáng, không cần nhờ tới ánh sáng mặt

trời, mặt trăng. Nhưng bởi sự vô thường nên hào quang kia rồi cũng dứt mất, phước đức cũng suy tổn. Ta lại nghe rằng, thuở xưa có những vị Chuyển luân Thánh vương thống trị Bốn cõi thiên hạ, thành tựu Bảy món báu, được sức đại tự tại, nhưng cũng không thể phá trừ được tướng vô thường.’

“Rồi lại quán xét rằng: ‘Trên cõi đất rộng lớn này, từ thuở xa xưa từng có vô số chúng sanh sống yên ổn khắp nơi, không còn khoảng trống, như cái bánh xe đang chạy. Khi ấy, tất cả những cây thuốc quý mọc lên đầy đủ; rừng xanh tươi tốt, cây trái sum suê. Nhưng vì chúng sanh ít phước, khiến cho cõi đất này chẳng còn sức [nuôi dưỡng], nên những vật từ đất sanh ra đều trở thành hư hao. Vậy nên biết rằng, các pháp trong thân và bên ngoài thay đều vô thường.’ Đó gọi là [quán xét] vô thường ở mức độ thô.

“Vị Bồ Tát ấy sau khi đã quán xét [mức độ] thô rồi, tiếp đó lại quán xét [vô thường ở mức độ] vi tế. Sao gọi là vi tế? Bồ Tát ma-ha-tát quán xét tất cả mọi sự vật trong thân và bên ngoài, cho đến từng hạt bụi nhỏ, trong tương lai đều sẽ là vô thường. Vì sao vậy? Vì mọi sự vật ấy đều có đủ các tướng hư hoại. Nếu hình sắc trong tương lai không phải vô thường thì không thể nói rằng hình sắc có mười thời kỳ sai biệt.

“Thế nào là mười thời kỳ? Thứ nhất là thời kỳ [hình thành] màng [tế bào], thứ hai là thời kỳ [hình thành tế bào] dạng bọc, thứ ba là thời kỳ [hình thành] dạng khối nhỏ, thứ tư là thời kỳ [hình thành] khối thịt tròn, thứ năm là thời kỳ [hình thành] tay chân, thứ sáu là thời kỳ hài nhi, thứ bảy là thời kỳ thơ ấu, thứ tám là thời kỳ

niên thiếu, thứ chín là thời kỳ thanh niên cường tráng, thứ mười là thời kỳ già yếu.

“Vị Bồ Tát ấy quán xét [hình thức ban sơ là] màng [tế bào], nếu không phải vô thường thì lẽ ra không trở thành [tế bào] dạng bọc... [rồi tiếp tục tiến triển] cho đến thành thanh niên cường tráng, nếu không phải vô thường thì [lẽ ra] chẳng bao giờ già yếu. Nếu [tất cả] những thời kỳ ấy không phải là [liên tục] diệt mất trong từng sát-na thì không thể dần dần tăng trưởng, mà lẽ ra phải tức thời trưởng thành đầy đủ! Vì không có sự trưởng thành tức thời, nên biết chắc rằng có sự vô thường [biến chuyển] rất nhỏ nhặt tinh tế trong từng sát-na.

“[Bồ Tát] lại thấy có người đầy đủ các căn, nhan sắc tươi đẹp, rồi về sau lại thấy người ấy khô héo, tiêu tụy, liền suy xét rằng: ‘Người này chắc chắn có sự vô thường [thay đổi liên tục] trong từng sát-na.’

“Bồ Tát lại quán xét bốn đại [là đất, nước, gió, lửa] và bốn oai nghi [đi, đứng, nằm, ngồi]. Rồi [Bồ Tát] lại quán xét nguyên nhân của các sự khổ trong thân và bên ngoài. Bồ Tát lại quán xét bốn nỗi khổ là đói, khát, lạnh, nóng. Nếu không có sự vô thường tinh tế [biến đổi] trong từng sát-na thì cũng không thể nói đến bốn nỗi khổ như thế.

“Nếu vị Bồ Tát nào có thể suy xét những điều như trên, đó gọi là Bồ Tát quán xét vô thường ở mức độ vi tế.

“Như các pháp hình sắc bên trong, các pháp hình sắc bên ngoài và tâm pháp cũng đều như thế. Vì sao vậy? Vì đều hướng theo sáu chỗ.⁽⁷⁾ Trong khi chạy theo sáu trần, hoặc sanh tâm vui mừng, hoặc sanh tâm sân hận,

hoặc sanh tâm tham ái, hoặc sanh tâm nhớ nghĩ... lần lượt khởi sanh những tâm khác nhau, không chỉ một loại. Vậy nên biết rằng tất cả các pháp thuộc về hình sắc thể chất và không phải hình sắc thể chất cũng đều là vô thường.

“Thiện nam tử! Nếu ngay trong một niệm tưởng Bồ Tát có thể thấy được sự sanh diệt vô thường của tất cả các pháp, đó gọi là Bồ Tát quán tưởng [trọn vẹn] lẽ vô thường.

“Thiện nam tử! Người có trí tu tập pháp quán tưởng vô thường rồi liền lìa xa những tư tưởng điên đảo và kiêu mạn do sự chấp thường.

“Tiếp đó, Bồ Tát tu tập pháp quán tưởng về sự khổ. [Bồ Tát tự hỏi rằng:] ‘Do nhân duyên gì mà có những nỗi khổ như thế này?’ [Quán xét rồi liền] rõ biết sâu xa rằng những nỗi khổ này đều do nơi vô thường.

“Nhân nơi vô thường mà phải thọ nhận sanh, già, bệnh, chết; lại do nhân duyên có sanh, già, bệnh, chết nên gọi là vô thường. Vì nhân duyên vô thường nên phải thọ lãnh những nỗi khổ bên trong và bên ngoài, như đói, khát, lạnh, nóng, bị đánh đập, mạ nhục... Những nỗi khổ như vậy đều có nguyên nhân nơi vô thường.

“Lại nữa, người có trí quán xét sâu xa rằng: ‘Thân này chính là món đồ vật chứa đựng sự vô thường. Món vật chứa này là khổ; vì là khổ nên những pháp mà nó chứa đựng cũng đều là khổ.’

“Thiện nam tử! Người có trí lại quán xét rằng: ‘Sanh ra tức là khổ, diệt mất tức là khổ. Vì khổ có sanh diệt nên là vô thường, không phải ngã, không phải ngã sở, [do đó] nên tu tập pháp quán tưởng vô ngã.’

“Người có trí lại quán xét rằng: ‘Khổ tức là vô thường, vô thường tức là khổ. Nếu là khổ và vô thường, người trí sao có thể nói rằng có ngã? Khổ không phải là ngã, vô thường cũng vậy. Tương tự, năm ấm [hợp thành thân] này là khổ, là vô thường, chúng sanh sao có thể nói rằng có ngã?’

“Tiếp đó, [người có trí] lại quán xét rằng: ‘Hết thấy các pháp đều có sự hòa hợp khác nhau, không do một sự hòa hợp mà sanh ra tất cả các pháp. Cũng không phải một pháp [có thể] là kết quả của tất cả những sự hòa hợp. Tất cả mọi sự hòa hợp đều không có tự tánh, cũng không có một tánh [duy nhất], cũng không có nhiều tánh khác nhau, cũng không có tánh [riêng] của sự vật, cũng không thể tùy ý tồn tại. Nếu các pháp có những tướng trạng như vậy, người có trí sao có thể nói rằng có ngã?’

“Người có trí lại quán xét rằng: ‘Trong tất cả pháp, không một pháp nào có thể [là chủ thể] tạo tác. Nếu mỗi một pháp không thể [là chủ thể] tạo tác, thì nhiều pháp hòa hợp cũng không thể [là chủ thể] tạo tác. Tánh của hết thấy các pháp thấy đều không hề sanh ra đơn độc, diệt mất đơn độc, đều do sự hòa hợp mà diệt mất, do sự hòa hợp mà sanh ra. Khi một pháp sanh ra rồi, chúng sanh vì suy tưởng điên đảo nên cho đó là sự hòa hợp. Tư tưởng điên đảo của chúng sanh [lại cũng] do sự hòa hợp sanh ra, không hề chân thật. Làm sao có thể có một cái ngã chân thật? Vì thế nên người có trí quán xét là không có ngã.’

“[Người có trí] lại quán xét kỹ rằng: ‘Do nhân duyên gì mà chúng sanh nói [là có] ngã? Ví như có ngã thì phải là một [ngã] hay là nhiều [ngã]? Nếu ngã chỉ là một, vì sao lại có [sự phân ra thành] sát-lợi, bà-la-môn, tỳ-xá, thủ-

đà, người, trời, địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh, lớn, nhỏ, già, trẻ...? Vậy nên biết rằng ngã ấy không phải là một. Nếu ngã là nhiều, vì sao lại nói rằng cái ngã của chúng sanh là một, là khắp cả, không có giới hạn? Dù là một hay là nhiều, cả hai trường hợp ấy đều là không có ngã.

“Người có trí quán xét lẽ vô ngã như vậy rồi, tiếp đó lại quán tưởng chán lìa sự ăn uống. Vị ấy suy nghĩ rằng: ‘Nếu tất cả các pháp là vô thường, khổ, không, vô ngã, thì sao lại vì sự ăn uống mà khởi lên ba thứ nghiệp xấu ác của thân, miệng và ý? Nếu chúng sanh vì tham ăn mà khởi lên ba thứ nghiệp xấu ác của thân, miệng và ý, thì khi có được tài vật, mọi người [chung quanh] cũng đều chung hưởng, nhưng về sau khi lãnh chịu quả báo khổ đau thì không ai có thể chia sẻ với họ cả.’

“Thiện nam tử! Người có trí lại quán xét rằng: ‘Tất cả chúng sanh vì sự ăn uống nên thân và tâm phải chịu khổ. Nếu từ những sự khổ não mà có được món ăn, thì sao ta có thể sanh lòng tham lam vướng mắc đối với những món ăn ấy? Vì thế nên đối với món ăn không sanh lòng tham.’

“Lại nữa, người có trí nên quán xét nguyên nhân [tạo thành] thân mạng: ‘Nhân nơi sự ăn uống mà thân này được tăng trưởng. Nay ta đã xuất gia, thọ giới tu hành là vì muốn xả bỏ thân [mạng thế tục]. Nếu ta tham đắm các món ăn uống, làm sao có thể xả bỏ thân này?’ Sau khi quán xét như vậy rồi thì tuy vẫn thọ nhận thức ăn nhưng [trong lòng đau đớn] dường như quý khoáng đã ăn thịt con mình, sanh ra chán ghét, không hề thấy có chút gì là ngon ngọt, ưa thích.

“Người có trí quán xét sâu xa về sự ăn uống [bằng cách] nhai nuốt,⁽⁸⁾ thấy có những sự sai trái lỗi lầm như vậy.

“Tiếp đó lại quán xét về sự ăn uống [bằng] cảm xúc, thấy chẳng khác nào con bò bị lột da, vô số ruồi nhặng bâu vào rúc rĩa.

“Sau đó lại quán xét về sự ăn uống [bằng cách] nghĩ tưởng, thấy như một đám lửa lớn [thieu đốt mình].

“Cuối cùng quán xét về sự nuôi sống bằng thức,⁽⁹⁾ thấy như ba trăm mũi khoan nhọn [khoan sâu vào thân mình].

“Thiện nam tử! Người có trí quán xét bốn cách ăn uống nuôi sống như vậy rồi, đối với thức ăn không còn sanh ra tư tưởng tham muốn, ưa thích. Nếu còn sanh lòng tham muốn thì nên quán tưởng sự bất tịnh. Vì sao vậy? Vì muốn lìa khỏi tâm tham muốn thức ăn nên đối với tất cả các món ăn có thể khéo phân biệt [khởi sanh] những tư tưởng bất tịnh. Tùy theo những sự bất tịnh mà [hình dung sự] tương tự [với loại thức ăn đang tiếp xúc].

“Quán tưởng như vậy rồi, dù có được món ăn ngon hay dở, khi ăn cũng xem đó chỉ như món thuốc dùng bôi chỗ ghẻ lở mà thôi, không hề sanh tâm tham muốn, ưa thích.

“Thiện nam tử! Nếu người có trí có thể quán tưởng được như vậy thì gọi là thành tựu pháp quán tưởng chán lìa thức ăn.”

Bồ Tát Ca-diếp bạch Phật: “Thế Tôn! Người có trí [khi] quán xét thức ăn thực hành pháp quán tưởng bất tịnh, vậy pháp quán đó là chân thật hay diễn giải một cách hư dối? Nếu là pháp quán chân thật, thì những món ăn được quán đó thật không phải bất tịnh [sao lại thấy là bất tịnh?] Nếu là diễn giải một cách hư dối thì sao có thể gọi là pháp quán tưởng hiền thiện?”

Phật dạy: “Thiện nam tử! Pháp quán tưởng như vậy là pháp quán chân thật, lại cũng là diễn giải một cách hư dối. Vì có thể [dùng để] phá trừ sự tham ăn nên gọi là chân thật; vì không phải trùng mà thấy [thức ăn đó] là trùng,⁽¹⁰⁾ nên gọi là diễn giải một cách hư dối.

“Thiện nam tử! Tất cả những pháp hữu lậu đều là hư dối, nhưng cũng được xem là chân thật.

“Thiện nam tử! Nếu vị tỳ-kheo nào vừa khởi tâm đi khát thực liền có suy nghĩ trước rằng: ‘Tôi sắp đi khát thực, nguyện xin được đồ ăn thơm ngon, không gặp các món ăn dở. Nguyện cho xin được nhiều, đừng quá ít ỏi. Cũng nguyện cho mau xin được, đừng [phải chờ đợi] lâu.’ Thầy tỳ-kheo như thế không thành tựu pháp quán chán lìa đối với thức ăn. Chỗ tu tập pháp lành của người này ngày đêm suy tổn, các pháp bất thiện ngày càng tăng trưởng.

“Thiện nam tử! Nếu thầy tỳ-kheo muốn đi khát thực, trước nên nguyện rằng: ‘Cầu cho những ai khát thực đều được no đủ! Cầu cho những người thí thực đều được vô lượng phước lành! Nếu ta nhận được món ăn, đó là để chữa bệnh của thân có độc, nhằm tu tập pháp lành, làm lợi ích cho người thí thực.’ Trong khi cầu nguyện như vậy, chỗ tu tập pháp lành của vị này được ngày đêm tăng trưởng, các pháp bất tịnh dần dần diệt mất.

“Thiện nam tử! Nếu thầy tỳ-kheo nào có thể tu tập [quán niệm] như vậy, nên biết rằng vị ấy chẳng hề ăn luống của những người tín thí khắp nơi.

“Thiện nam tử! Người có trí [sau khi] thành tựu trọn vẹn cả bốn pháp quán tưởng như trên, có thể [bắt đầu] tu tập pháp quán tưởng hết thấy mọi việc trong thế

gian đều không thể ưa thích. Người ấy suy xét rằng: ‘Trong khắp thế gian không nơi nào không có sanh, già, bệnh, chết; nhưng thân này của ta thì không một nơi nào không [thể] sanh vào. Nếu trong khắp thế gian không một nơi nào có thể lìa khỏi sanh, già, bệnh, chết, vậy sao ta có thể ưa thích thế gian này?’

“Trong khắp thế gian không hề có sự tiến lên, đạt được hay thối lui, bỏ mất; vì thế nên thế gian chắc chắn là vô thường. Nếu là vô thường, sao người có trí lại có thể ưa thích thế gian?’

“Mỗi một chúng sanh đều luân chuyển trải qua khắp cả thế gian, thọ nhận đủ mọi sự khổ não và khoái lạc; cho dù có được làm thân Phạm thiên, cho đến thân ở cõi trời Phi tướng phi phi tướng, nhưng khi mạng chung cũng trở lại đọa vào ba đường ác; cho dù làm thân Tứ thiên vương, cho đến thân cõi trời Tha hóa tự tại, nhưng đến lúc mạng chung cũng [có thể phải] sanh vào trong loài súc sanh, hoặc làm sư tử, cọp, tê giác, lang sói, voi, ngựa, bò, lừa...

“Người có trí lại quán xét rằng: ‘Như vị Chuyển luân Thánh vương cai trị cả Bốn cõi thiên hạ, giàu sang cao quý muốn gì được nấy, nhưng khi phước đức đã hết cũng phải chịu cảnh nghèo túng, không đủ cơm ăn áo mặc.’

“Người có trí quán xét sâu xa những việc như vậy rồi, liền sanh tư tưởng không thể ưa thích [mọi việc] thế gian.

“Người có trí lại quán xét rằng: ‘Thế gian có những sự vật như là nhà cửa, áo quần, món ăn vật uống, giường chiếu, mừng mên, thuốc thang, hương hoa, chuỗi ngọc, mọi thứ kỹ nhạc, của cải, đồ quý báu... Những sự vật như vậy đều [được người ta] dùng để xa lìa sự khổ,

nhưng bản chất của chúng vốn đều là khổ. Làm sao có thể dùng khổ để xa lìa được khổ?

“Thiện nam tử! Người có trí quán xét như vậy rồi, đối với mọi sự vật trong thế gian không còn sanh lòng ham muốn mà có tư tưởng ưa thích nữa.

“Thiện nam tử! Ví như có người thân mang bệnh nặng, dù cho có đủ mọi thứ âm nhạc ca múa, hương thơm, hoa đẹp, chuỗi ngọc... cũng chẳng hề sanh lòng ham muốn. Người có trí quán xét [như trên] rồi, cũng [không còn sanh lòng ham muốn thế gian] giống như người ấy.

“Thiện nam tử! Người có trí quán xét sâu xa rằng: ‘Khắp cả trong thế gian đều không phải chỗ để quay về nương dựa, không phải chỗ giải thoát, không phải chỗ vắng vẻ yên tĩnh, không phải chỗ đáng ưa thích, không phải chỗ vượt qua sanh tử, không phải pháp thường, lạc, ngã, tịnh. Nếu ta ham thích thế gian như vậy, làm sao có thể lìa khỏi thế gian? Khác nào như người không thích chỗ tối, muốn tìm cầu ánh sáng, nhưng rồi lại quay trở về chỗ tối! Chỗ tối tức là thế gian, chỗ sáng là xuất thế gian. Nếu ta ưa thích thế gian ắt phải tăng thêm sự tăm tối, lìa xa ánh sáng. Tăm tối tức là vô minh, ánh sáng là trí tuệ sáng suốt. Nguyên nhân tạo thành trí tuệ sáng suốt này là pháp quán tưởng hết thấy mọi việc trong thế gian đều không thể ưa thích. Tuy rằng tất cả tham muốn vướng mắc đều là trói buộc, nhưng nay ta [tạm thời] chỉ tham được trí tuệ sáng suốt mà không tham muốn thế gian.’

“Người có trí quán xét sâu xa những pháp như vậy rồi, liền thành tựu trọn vẹn pháp quán tưởng hết thấy mọi việc trong thế gian đều không thể ưa thích.

“Thiện nam tử! Người có trí, sau khi tu tập pháp quán tưởng hết thấy mọi việc trong thế gian đều không thể ưa thích, tiếp đó liền tu tập pháp quán tưởng về sự chết. Người ấy quán xét rằng: ‘Mạng sống này [của ta] thường bị vô số sự thù nghịch vây quanh, suy tổn diệt mất trong từng niệm tưởng, không hề có sự tăng trưởng; như dòng nước mạnh trên núi cao [chảy xuống], không thể dừng lại; lại như giọt sương mai, chẳng tồn tại được lâu; lại như [kẻ tử] tù bị đưa ra chợ [xử tử], mỗi bước đi càng đến gần cái chết; như con bò, con dê bị lôi đi đến lò mổ.’

Bồ Tát Ca-diếp thưa hỏi: “Bạch Thế Tôn! Thế nào là người có trí quán xét về sự hoại diệt [liên tục không ngừng] trong từng niệm tưởng?”

Phật dạy: “Thiện nam tử! Như có bốn người rất giỏi bắn cung, cùng họp nhau một chỗ, bắn tên về một hướng. Họ cùng nghĩ rằng: ‘Bốn mũi tên của bọn ta cùng bắn ra sẽ cùng rơi xuống.’ Lại có một người khác [không thuộc nhóm ấy] nghĩ rằng: ‘Bốn mũi tên [đã bắn ra] ấy, trong khi còn chưa rơi xuống đất ta có thể cùng lúc đưa tay bắt lấy tất cả.’

“Thiện nam tử! Người như vậy có thể gọi là nhanh lẹ hay chăng?”

Bồ Tát Ca-diếp thưa: “Bạch Thế Tôn! Quả thật rất nhanh lẹ.”

Phật dạy: “Thiện nam tử! Loài quỷ địa hành còn nhanh lẹ hơn cả người ấy nữa. Loài quỷ phi hành lại mau lẹ hơn cả quỷ địa hành. Các vị Tứ thiên vương lại mau lẹ hơn cả quỷ phi hành. Nhật nguyệt thân thiên còn mau lẹ hơn cả Tứ thiên vương. Hành kiên tậ thiên

còn mau lẹ hơn cả Nhật nguyệt [thần thiên]. Mạng sống của chúng sanh lại còn mau lẹ hơn cả Kiên tột!

“Thiện nam tử! Trong mỗi một hơi thở, một cái nháy mắt, mạng sống của chúng sanh đã trải qua bốn trăm lần sanh diệt. Nếu người trí có thể quán xét về mạng sống như vậy, đó gọi là có thể quán xét sự hoại diệt [liên tục không ngừng] trong từng niệm tưởng.

“Thiện nam tử! Người có trí quán xét rằng: ‘Mạng sống trói buộc với vị vua là cái chết, nếu ta có thể lìa khỏi ông vua của sự chết này, ắt có thể mãi mãi dứt trừ sự vô thường của mạng sống.

“Lại nữa, người có trí quán xét rằng: ‘Mạng sống này [mong manh] như cây cao lớn đứng cheo leo ven bờ sông. [Mạng sống này chắc chắn phải dứt mất,] như người đã phạm tội đại nghịch, khi bị hành hình không một ai thương xót [muốn giữ lại]. Ông vua sự chết của chúng sanh lại [cực kỳ hung mãnh,] như chúa sớ tử trong cơn đói mỗi đã lâu, như rắn độc đang khi [phùng mang] hít gió, như con ngựa khát quyết giữ chút nước uống, như con quỷ lớn hung ác đang cơn tức giận.’

“Thiện nam tử! Nếu người trí thực hành phép quán như vậy thì có thể gọi là tu tập pháp quán tưởng về sự chết.

“Thiện nam tử! Người có trí lại quán xét rằng: ‘Nay ta đã xuất gia, nếu mạng sống ta chỉ còn trong bảy ngày bảy đêm, ta sẽ dành trọn thời gian ấy mà tinh cần tu tập Chánh đạo, hộ trì cấm giới, thuyết pháp giáo hóa, làm lợi ích chúng sanh.’ Đó gọi là người có trí tu tập pháp quán tưởng về sự chết.

“[Người ấy] lại quán xét rằng: ‘Bảy ngày bảy đêm như vậy cũng là nhiều, cho dù ta chỉ được sống sáu ngày hay

năm ngày, bốn ngày, ba ngày, hai ngày, một ngày, một giờ, cho đến chỉ trong khoảng một hơi thở ra thở vào, ta cũng sẽ dùng trọn thời gian ấy mà tinh cần tu tập Chánh đạo, hộ trì cấm giới, thuyết pháp giáo hóa, làm lợi ích chúng sanh. Đó gọi là người trí khéo tu tập pháp quán tưởng về sự chết.

“Người có trí sau khi tu tập đầy đủ sáu pháp quán tưởng như trên, [từ quán tưởng sự vô thường cho đến quán tưởng về sự chết,] tức là [đã tạo] nhân cho bảy pháp quán tưởng.

“Những gì là bảy? Một là pháp quán tưởng thường tu tập, hai là pháp quán tưởng ưa thích tu tập, ba là pháp quán tưởng không sân hận, bốn là pháp quán tưởng không đố kỵ, năm là pháp quán tưởng các nguyện lành, sáu là pháp quán tưởng không kiêu mạn, bảy là pháp quán tưởng Tam-muội không trói buộc. Thiện nam tử! Nếu vị tỳ-kheo nào [tu tập] trọn vẹn bảy pháp quán tưởng này thì gọi là sa-môn, là bà-la-môn, là Bạc vắng lặng yên tĩnh, là Bạc thanh tịnh cao khiết, là Bạc giải thoát, là Bạc trí tuệ, là Bạc chánh kiến, là Bạc đã vượt sanh tử, là Bạc Đại y vương, là vị Đại thương chủ, là người khéo giảng giải được bí mật của Như Lai, cũng hiểu rõ được bảy cách giảng nói của chư Phật, gọi là thấy biết chân chánh, đoạn trừ được mọi sự nghi ngờ khỏi sanh trong bảy cách giảng nói.

“Thiện nam tử! Nếu người nào tu tập trọn vẹn sáu pháp quán tưởng đã nói như trên, [từ quán tưởng sự vô thường cho đến quán tưởng về sự chết,] nên biết rằng người ấy có thể chê trách Ba cõi [vì quán tưởng trong Ba cõi có nhiều lỗi lầm tai hại; có thể quán tưởng sự] xa lìa Ba cõi; [có thể quán tưởng sự] diệt mất [của] Ba cõi; có

thể [quán tưởng] không sanh lòng tham ái vương mắc đối với Ba cõi.

“Đó gọi là người có trí tu tập trọn vẹn mười pháp quán tưởng. Nếu vị tỳ-kheo nào tu tập trọn vẹn mười pháp quán tưởng ấy, có thể nói là hình tướng sa-môn chân thật.”

Bấy giờ, Bồ Tát Ca-diếp đối trước Phật đọc kệ ngợi khen rằng:

*“Đại Y vương thương xót thế gian,
Thân và trí tuệ đều tịch tĩnh;
Trong pháp vô ngã, có chân ngã,
Nên con kính lễ Đấng Vô thượng.*

*Phát tâm, rốt ráo, chẳng khác biệt,
Nhưng tâm vừa phát thật khó thay!
Dù chưa tự cứu, trước cứu người,
Nên con kính lễ Sơ phát tâm.*

*Phát tâm đã dạy khắp trời, người,
Vượt hẳn Thanh văn và Duyên giác;
Phát tâm như vậy vượt Ba cõi,
Nên được xưng Bậc Cao cả nhất.*

*Người đời mong cầu, sau mới được,
Như Lai không thỉnh, làm chỗ quy;
Tùy thế, như ghé con theo mẹ,
Nên tôn xưng Phật: Bậc Đại bi.*

*Công đức Như Lai khắp mười phương,
Phàm phu vô trí không thể khen;
Nay con tán thán tâm từ bi,
Vì báo đáp hai nghiệp thân, miệng.*

*Người đời tham muốn lợi về mình,
Như Lai chẳng hề giống như thế.
Dứt trừ quả báo của chúng sanh,
Nên lễ Bậc Tự lợi, lợi tha.*

*Người đời cầu lợi người thân yêu,
Như Lai làm lợi không oán, thân;
Phật không các tướng như thế tục,
Nên tâm bình đẳng, không phân biệt.*

*Người đời nói khác, việc làm khác,
Như Lai như thuyết, việc không sai;
Trong sự tu hành, dứt các hạnh,
Nên được xưng là Đấng Như Lai.*

*Đã biết tội lỗi các phiền não,
Nhưng vì chúng sanh thị hiện vào;
Từ lâu đã thoát khỏi thế gian,
Vì từ bi vào chốn sanh tử.*

*Tuy hiện thân trong cõi trời, người,
Luôn giữ lòng từ bi không bỏ;
Nên Như Lai ví như bò mẹ,
Lòng từ bi ấy là ghé con.*

*Chịu bao nỗi khổ, vì chúng sanh,
Thương xót nhớ nghĩ, lòng chẳng hối;
Vì quá thương xót không thấy khổ,
Nên con kính lễ Đấng Cứu khổ.*

*Như Lai tuy tạo vô lượng phước,
Nghiệp thân, miệng, ý thường thanh tịnh.
Thường vì chúng sanh, chẳng vì mình,
Nên con lễ Bậc Thanh tịnh nghiệp.*

*Phật chịu khổ, không cho là khổ,
Thấy người chịu khổ, như mình khổ;
Tuy vì chúng sanh, vào địa ngục,
Không nghĩ đến khổ, lòng không hối.*

*Chúng sanh chịu bao khổ sai khác,
Thấy đều như khổ Phật gánh chịu;
Biết rồi, tâm trở nên kiên cố,
Chuyên cần tu chứng Vô thượng đạo.*

*Phật chỉ một lòng từ trái khắp,
Lòng thương chúng sanh như thương con;
Phật, Pháp, Tăng cứu độ chúng sanh,
Phàm ngu không biết nên phỉ báng.*

*Thế gian tuy đủ mọi phiền não,
Cùng vô số tội lỗi xấu ác,
Nhưng tất cả phiền não, tội lỗi,
Phật vừa phát tâm đã trừ sạch.*

*Chỉ Phật đủ sức ngợi khen Phật,
Ngoài Phật, không ai đủ sức ấy!
Nay con chỉ xưng tán một việc:
Lòng từ trái khắp cả thế gian!*

*Lòng từ Như Lai gồm mọi pháp,
Với lòng từ này độ chúng sanh,
Là chân thật Giải thoát vô thượng,
Giải thoát chính là Đại Niết-bàn.”⁽¹¹⁾*

KINH ĐẠI BÁT NIẾT-BÀN

HẾT QUYỂN BA MƯƠI TÁM

CHÚ GIẢI

1. An-xà-na, tên một loại thuốc trị bệnh về mắt, phiên âm từ Phạn ngữ là adjana, cũng đọc là an-xà-dà hay an-đà.
2. Xem lại câu chuyện về Công Đức Thiên được kể trong quyển 12 (phẩm Thánh hạnh).
3. Cây ba-lợi-chất-đa-la hay ba-lợi-chất-đa là cây lớn đặc biệt ở cõi trời Đao-lợi (hay cõi trời Ba mươi ba) là nơi chư thiên cõi trời ấy thọ hưởng mọi dục lạc. Cây này được đề cập đến trong quyển 29, phẩm Bồ Tát Sư Tử Hống.
4. Tập khí: những tập quán, thói quen xấu được tích lũy qua một thời gian dài, thậm chí là trong rất nhiều đời nhiều kiếp quá khứ, nên thường rất khó nhận ra.
5. Pháp đệ nhất trong thế gian (Thế đệ nhất pháp): chỉ trí tuệ hữu lậu cao nhất trong thế gian, là trí tuệ của hành giả khi tu tập Vô gián định phát khởi Thượng phẩm như thật trí, quán chiếu rằng sở thủ và năng thủ đều là không, trực nhập được địa vị Kiến đạo.
6. Năm thức: chỉ nhãn thức, nhĩ thức, tỷ thức, thiệt thức và thân thức. Đây chỉ đến năng lực nhận biết đơn thuần của thức này đối với đối tượng. Dựa trên sự nhận biết này mà ý thức mới bắt đầu khởi sanh các vọng tưởng phân biệt. Vì thế, Bồ Tát Ca-diếp cho rằng sự điên đảo không nằm ở năm thức này mà ở nơi ý thức.
7. Sáu chỗ (lục xứ): chỉ sáu căn duyên theo sáu trần: hình sắc, âm thanh, mùi hương, vị nếm, sự xúc chạm và các pháp.
8. Ăn uống bằng cách nhai nuốt (chuyên thực, cũng gọi là đoàn thực): chỉ chung cách ăn uống của chúng sanh Dục giới, dùng sự nhai nuốt để tiêu hóa thức ăn, để phân biệt với ba cách ăn khác, hợp thành bốn cách ăn (tứ thực) là: chuyên thực, xúc thực, tư thực và thức thực.
9. Nuôi sống bằng thức (thức thực): chúng sanh ở Vô sắc giới và địa ngục không có 3 cách ăn uống vừa kể trên, chỉ dùng thức để duy trì sự sống nên gọi là thức thực.
10. Không phải trùng mà thấy là trùng: vì muốn tạo ra sự nhầm chán đối với thức ăn nên hành giả quán tưởng thức ăn như các loại côn trùng, sâu bọ ghê tởm.
11. Theo Nam bản thì từ đây hết quyển 34, bắt đầu quyển 35, phẩm Kiều-trần-như thứ 25, phần thứ nhất (Kiều-trần-như phẩm đệ nhị thập ngũ chi nhất).

大般涅槃經

卷第三十九

憍陳如品

第十三之一

爾時世尊告憍陳如。色是無常。因滅是色。獲得解脫常住之色。受想行識亦是無常。因滅是識。獲得解脫常住之識。

憍陳如。色即是苦。因滅是色。獲得解脫安樂之色。受想行識亦復如是。

憍陳如。色即是空。因滅空色。獲得解脫非空之色。受想行識亦復如是。

憍陳如。色是無我。因滅是色。獲得解脫真我之色。受想行識亦復如是。

憍陳如。色是不淨。因滅是色。獲得解脫清淨之色。受想行識亦復如是。

憍陳如。色是生老病死之相。因滅是色。獲得解脫非生老病死相之色。受想行識亦復如是。

ĐẠI BÁT NIẾT-BÀN KINH

QUYỂN ĐỆ TAM THẬP CỬU

KIỀU-TRẦN-NHƯ PHẨM

ĐỆ THẬP TAM CHI NHẤT

Nhĩ thời Thế Tôn cáo Kiều-trần-như: Sắc thị vô thường. Nhân diệt thị sắc, hoạch đắc giải thoát thường trụ chi sắc. Thọ, tưởng, hành, thức diệt thị vô thường. Nhân diệt thị thức, hoạch đắc giải thoát thường trụ chi thức.

Kiều-trần-như! Sắc tức thị khổ. Nhân diệt thị sắc hoạch đắc giải thoát an lạc chi sắc. Thọ, tưởng, hành, thức diệt phục như thị.

Kiều-trần-như! Sắc tức thị không. Nhân diệt không sắc, hoạch đắc giải thoát phi không chi sắc. Thọ, tưởng, hành, thức diệt phục như thị.

Kiều-trần-như! Sắc thị vô ngã; Nhân diệt thị sắc, hoạch đắc giải thoát chân ngã chi sắc. Thọ, tưởng, hành, thức diệt phục như thị.

Kiều-trần-như! Sắc thị bất tịnh. Nhân diệt thị sắc, hoạch đắc giải thoát thanh tịnh chi sắc. Thọ, tưởng, hành, thức diệt phục như thị.

Kiều-trần-như! Sắc thị sanh, lão, bệnh, tử chi tướng; nhân diệt thị sắc, hoạch đắc giải thoát phi sanh, lão, bệnh, tử tướng chi sắc. Thọ, tưởng, hành, thức diệt phục như thị.

憍陳如。色是無明因。因滅是色。獲得解脫非無明因色。受想行識亦復如是。

憍陳如。乃至色是生因。因滅是色。獲得解脫非生因色。受想行識亦復如是。

憍陳如。色者即是四顛倒因。因滅顛倒色。獲得解脫非四倒因色。受想行識亦復如是。

憍陳如。色是無量惡法之因。所謂男女等身食愛欲愛。貪瞋嫉妒惡心慳心。搏食識食思食觸食。卵生胎生濕生化生五欲五蓋。如是等法皆因於色。因滅色故。獲得解脫無如是等無量惡色。受想行識亦復如是。

憍陳如。色即是縛。因滅縛色。獲得解脫無縛之色。受想行識亦復如是。

憍陳如。色即是流。因滅流色。獲得解脫非流之色。受想行識亦復如是。

憍陳如。色非歸依。因滅是色。獲得解脫歸依之色。受想行識亦復如是。

憍陳如。色是瘡疣。因滅是色。獲得解脫無瘡疣色。受想行識亦復如是。

憍陳如。色非寂靜。因滅是色。獲得涅槃寂靜之色。受想行識亦復如是。

Kiêu-trần-như! Sắc thị vô minh nhân, nhân diệt thị sắc hoạch đắc giải thoát phi vô minh nhân sắc. Thọ, tưởng, hành, thức diệt phục như thị.

Kiêu-trần-như! Nãi chí sắc thị sanh nhân. Nhân diệt thị sắc, hoạch đắc giải thoát phi sanh nhân sắc. Thọ, tưởng, hành, thức diệt phục như thị.

Kiêu-trần-như! Sắc giả, tức thị tứ điên đảo nhân. Nhân diệt điên đảo sắc, hoạch đắc giải thoát phi tứ đảo nhân sắc. Thọ, tưởng, hành, thức diệt phục như thị.

Kiêu-trần-như! Sắc thị Vô lượng ác pháp chi nhân, sở vị nam nữ đẳng thân, thực ái dục ái, tham, sân, tật đố, ác tâm, khan tâm, đoàn thực, thức thực, tư thực, xúc thực, noãn sanh, thai sanh, thấp sanh, hóa sanh, ngũ dục, ngũ cái. Như thị đẳng pháp giai nhân ư sắc. Nhân diệt sắc cố, hoạch đắc giải thoát, vô như thị đẳng vô lượng ác sắc. Thọ, tưởng, hành, thức diệt phục như thị.

Kiêu-trần-như! Sắc tức thị phược. Nhân diệt phược sắc, hoạch đắc giải thoát vô phược chi sắc. Thọ, tưởng, hành, thức diệt phục như thị.

Kiêu-trần-như! Sắc tức thị lưu. Nhân diệt lưu sắc, hoạch đắc giải thoát phi lưu chi sắc. Thọ, tưởng, hành, thức diệt phục như thị.

Kiêu-trần-như! Sắc phi quy y. Nhân diệt thị sắc, hoạch đắc giải thoát quy y chi sắc. Thọ, tưởng, hành, thức diệt phục như thị.

Kiêu-trần-như! Sắc thị sang vưu. Nhân diệt thị sắc, hoạch đắc giải thoát vô sang vưu sắc. Thọ, tưởng, hành, thức diệt phục như thị.

Kiêu-trần-như! Sắc phi tịch tĩnh. Nhân diệt thị sắc, hoạch đắc Niết-bàn tịch tĩnh chi sắc. Thọ, tưởng, hành, thức diệt phục như thị.

憍陳如。若有人能如是知者。是名沙門名婆羅門。具足沙門婆羅門法。

憍陳如。若離佛法無有沙門及婆羅門。亦無沙門婆羅門法。一切外道虛假詐稱都無實行。雖復作相言有是二。實無是處。何以故。若無沙門婆羅門法。云何而言有沙門婆羅門。

我常於此大眾之中作師子吼。汝等亦當在大眾中作師子吼。

爾時外道有無量人。聞是語已心生瞋恚。瞿曇。今說我等眾中無有沙門及婆羅門。亦無沙門婆羅門法。我當云何廣設方便語瞿曇言。我等眾中亦有沙門有沙門法，有婆羅門有婆羅門法。

時彼眾中有一梵志。唱如是言。諸仁者。瞿曇之言如狂無異何可檢校。世間狂人或歌或舞或哭或笑或罵或讚。於怨親所不能分別。沙門瞿曇亦復如是。或說我生淨飯王家或言不生。或說生已行至七步或說不行。或說從小習學世事。或說我是一切智人。或時處宮受樂生子。或時厭患呵責惡賤。或時親修苦行六年。或時呵責外道苦行。或言從彼鬱頭藍弗阿羅邏等稟承未聞。或時說其無所知曉。或時說言菩提樹下得阿耨多羅三藐三菩提。或時說言我

Kiêu-trần-như! Nhược hữu nhân năng như thị tri giả, thị danh sa-môn, danh bà-la-môn; cụ túc sa-môn, bà-la-môn pháp.

Kiêu-trần-như! Nhược ly Phật pháp, vô hữu sa-môn cập bà-la-môn; diệc vô sa-môn, bà-la-môn pháp. Nhất thiết ngoại đạo hư giả trá xưng, đô vô thật hạnh. Tuy phục tác tướng, ngôn hữu thị nhị, thật vô thị xú. Hà dĩ cố? Nhược vô sa-môn, bà-la-môn pháp, vân hà nhi ngôn hữu sa-môn, bà-la-môn?

Ngã thường ư thử đại chúng chi trung, tác sư tử hống; nhữ đẳng diệc đương tại đại chúng trung tác sư tử hống.

Nhĩ thời, ngoại đạo hữu vô lượng nhân, văn thị ngữ dĩ, tâm sanh sân khuê: Cồ-đàm kim thuyết ngã đẳng chúng trung vô hữu sa-môn cập bà-la-môn, diệc vô sa-môn, bà-la-môn pháp. Ngã đương vân hà quảng thiết phương tiện, ngữ Cồ-đàm ngôn ngã đẳng chúng trung, diệc hữu sa-môn, hữu sa-môn pháp; hữu bà-la-môn, hữu bà-la-môn pháp?

Thời, bỉ chúng trung, hữu nhất Phạm Chí, xướng như thị ngôn: Chư nhân giả! Cồ-đàm chi ngôn như cuồng vô dị; hà khả kiêm giáo? Thế gian cuồng nhân hoặc ca, hoặc vũ, hoặc khóc, hoặc tiếu, hoặc mạ, hoặc tán; ư oán, thân sở, bất năng phân biệt. Sa-môn Cồ-đàm diệc phục như thị. Hoặc thuyết: Ngã sanh Tịnh Phạn vương gia; hoặc ngôn: bất sanh. Hoặc thuyết: Sanh dĩ, hành chí thất bộ; hoặc thuyết: Bất hành. Hoặc thuyết: Tùng tiếu, tập học thế sự; hoặc thuyết: Ngã thị nhất thiết trí nhân. Hoặc thời xử cung, thọ lạc sanh tử; hoặc thời yếm hoạn, ha trách ác tiện. Hoặc thời thân tu khổ hạnh lục niên; hoặc thời ha trách ngoại đạo khổ hạnh. Hoặc ngôn: Tùng bỉ Uất đầu-lam-phát, A-la-la đẳng, bảm thừa vị văn; hoặc thời thuyết: Kỳ vô sở tri hiểu. Hoặc thời thuyết ngôn: Bô-đề thọ hạ, đắc A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề; hoặc thời

不至樹無所剋獲。或時說言我今此身即是涅槃。或言身滅乃是涅槃。瞿曇所說如狂無異。何故以此而愁憤耶。

諸婆羅門即便答言。大士。我等今者何得不愁。沙門瞿曇先出家已。說無常苦空無我不淨。我諸弟子聞生恐怖。云何眾生無常苦空無我不淨不受其語。今者瞿曇復來至此娑羅林中。為諸大眾說有常樂我淨之法。我諸弟子聞是語已悉捨或去受瞿曇語。以是因緣生大愁苦。

爾時復有一婆羅門作如是言。諸仁者。諦聽諦聽。瞿曇沙門名修慈悲。是言虛妄非真實也。若有慈悲云何教我諸弟子等自受其法。慈悲果者隨順他意。今違我願云何言有。

若有說言沙門瞿曇不為世間八法所染是亦虛妄。若言瞿曇少欲知足。今者云何奪我等利。

若言種姓是上族者是亦虛妄。何以故。從昔已來不見不聞大師子王殘害小鼠。若使瞿曇是上種姓。如何今者惱亂我等。

若言瞿曇具大勢力是亦虛妄。何以故。從昔已來亦不見聞金翅鳥王與鳥共爭。若言力大復以何事與我共鬥。

thuyết ngôn: Ngã bất chí thọ, vô sở khắc hoạch. Hoặc thời thuyết ngôn: Ngã kim thủ thân, tức thị Niết-bàn; hoặc ngôn: Thân diệt, nãi thị Niết-bàn. Cồ-đàm sở thuyết, như cuồng vô dị. Hà cố dĩ thủ nhi sâu hội da?

Chư bà-la-môn tức tiện đáp ngôn: Đại sĩ! Ngã đẳng kim giả hà đắc bất sâu? Sa-môn Cồ-đàm, tiên xuất gia dĩ, thuyết vô thường, khổ, không, vô ngã, bất tịnh. Ngã chư đệ tử, văn sanh khủng bố: Văn hà chúng sanh vô thường, khổ, không, vô ngã, bất tịnh? Bất thọ kỳ ngữ. Kim giả Cồ-đàm phục lai chí thủ sa-la lâm trung, vị chư đại chúng thuyết hữu thường, lạc, ngã, tịnh chi pháp. Ngã chư đệ tử, văn thị ngữ dĩ, tất xả hoặc khú, thọ Cồ-đàm ngữ. Dĩ thị nhân duyên, sanh đại sâu khổ.

Nhĩ thời, phục hữu nhất bà-la-môn tác như thị ngôn: Chư nhân giả! Đế thính! Đế thính! Cồ-đàm sa-môn, danh tu từ bi, thị ngôn hư vọng, phi chân thật dã. Nhược hữu từ bi, văn hà giáo ngã chư đệ tử đẳng tự thọ kỳ pháp? Từ bi quả giả, tùy thuận tha ý; kim vi ngã nguyện, văn hà ngôn hữu?

Nhược hữu thuyết ngôn sa-môn Cồ-đàm bất vi thế gian bát pháp sở nhiễm, thị diệt hư vọng. Nhược ngôn Cồ-đàm thiếu dục tri túc, kim giả văn hà đoạt ngã đẳng lợi?

Nhược ngôn chúng tánh thị thượng tộc giả, thị diệt hư vọng. Hà dĩ cố? Tùng tích dĩ lai, bất kiến bất văn đại sư tử vương tàn hại tiểu thủ. Nhược sử Cồ-đàm thị thượng chúng tánh, như hà kim giả nào loạn ngã đẳng.

Nhược ngôn Cồ-đàm cụ đại thế lực, thị diệt hư vọng. Hà dĩ cố? Tùng tích dĩ lai, diệt bất kiến văn kim sí diểu vương dữ ô cộng tranh. Nhược ngôn lực đại, phục dĩ hà sự dữ ngã cộng đấu?

若言瞿曇具他心智是亦虛妄。何以故。若具此智以何因緣不知我心。

諸仁者。我昔曾從先舊智人聞說是事。過百年已世間當有一妖幻出。即是瞿曇如是妖惑。今於此處娑羅林中將滅不久。汝等今者不應愁惱。

爾時復有一尼犍子答言。仁者。我今愁苦不為自身弟子供養。但為世間癡闇無眼不識福田及非福田。棄捨先舊智婆羅門。供養年少以為愁耳。

瞿曇沙門大知咒術。因咒術力能令一身作無量身。令無量身還作一身。或以自身作男女像牛羊象馬。我力能滅如是咒術。瞿曇沙門咒術既滅。汝等當還多得供養受於安樂。

爾時復有一婆羅門。作如是言。諸仁者。瞿曇沙門成就具足無量功德。是故汝等不應與爭。

大眾答言。癡人。云何說言沙門瞿曇具大功德。其生七日母便命終。是可得名福德相耶。

婆羅門言。罵時不瞋打時不報。當知即是大福德相。其身具足三十二相八十種好無量神通。是故當知是福德相。心無憍慢，先意問訊。言語柔軟初無麤獷。年志俱盛心不卒暴。王國多財無所愛戀。

Nhược ngôn Cồ-đàm cụ tha tâm trí thị diệt hư vọng. Hà dĩ cố? Nhược cụ thủ trí, dĩ hà nhân duyên bất tri ngã tâm?

Chư nhân giả! Ngã tích tăng tòng tiên cụ trí nhân, văn thuyết thị sự: Quá bá niên dĩ, thế gian đương hữu nhất yêu huyễn xuất. Tức thị Cồ-đàm. Như thị yêu hoặc, kim ư thủ xứ sa-la lâm trung, tương diệt bất cứu. Nhữ đẳng kim giả bất ưng sầu não.

Nhĩ thời, phục hữu nhất ni-kiên tử đáp ngôn: Nhân giả! Ngã kim sâu khổ, bất vị tự thân đệ tử cúng dường; đản vị thế gian si ám vô nhân, bất thức phước điền cập phi phước điền; khí xả tiên cụ trí bà-la-môn, cúng dường niên thiếu; dĩ vi sầu nhĩ!

Cồ-đàm Sa-môn đại tri chú thuật. Nhân chú thuật lực, năng linh nhất thân tác vô lượng thân, linh vô lượng thân hoàn tác nhất thân. Hoặc dĩ tự thân tác nam nữ tượng, ngư, dương, tượng, mã. Ngã lực năng diệt như thị chú thuật. Cồ-đàm Sa-môn Chú thuật ký diệt, nhữ đẳng đương hoàn đa đắc cúng dường, thọ ư an lạc.

Nhĩ thời, phục hữu nhất bà-la-môn tác như thị ngôn: Chư Nhân giả! Cồ-đàm Sa-môn thành tựu cụ túc vô lượng công đức. Thị cố nhữ đẳng bất ưng dĩ tranh.

Đại chúng đáp ngôn: Si nhân! Vân hà thuyết ngôn Sa-môn Cồ-đàm cụ đại công đức? Kỳ sanh thất nhật, mẫu tiện mạng chung. Thị khả đắc danh phước đức tướng da?

Bà-la-môn ngôn: Mạ thời bất sân, đả thời bất báo; đương tri tức thị đại phước đức tướng. Kỳ thân cụ túc tam thập nhị tướng, bát thập chủng hảo, vô lượng thân thông; thị cố đương tri thị phước đức tướng. Tâm vô kiêu mạn, tiên ý vấn tẩn, ngôn ngữ nhu nhuyễn sơ vô thô khoáng; niên, chí câu thanh, tâm bất thốt bạo; vương quốc đa tài, vô sở ái luyến, xả chi xuất gia,

捨之出家如棄涕唾。是故我說沙門瞿曇成就具足無量功德。

大眾答言。善哉仁者。瞿曇沙門實如所說。成就無量神通變化。我不與彼掬試是事。瞿曇沙門受性柔軟不堪苦行。生長深宮不綜外事唯可軟語。不知伎藝書籍論議。請共詳辯正法之要。彼若勝我我當給事。我若勝彼彼當事我。

爾時多有無量外道。和合共往摩伽陀王阿闍世所。王見便問。諸仁者。汝等各各修習聖道。是出家人捨離財貨及在家事。我國人民皆共供養敬心瞻視無相犯觸。何故和合而來至此。

諸仁者。汝等各受異法異戒出家不同。亦復各自隨戒法出家修道。何世緣故今者一心而共和合。猶如葉落旋風所吹聚在一處。說何因緣而來至此。我常擁護出家之人。乃至不惜身之與命。

爾時一切諸外道眾咸作是言。大王諦聽。大王今者是大法橋，是大法礪，是大法稱。即是一切功德之器。一切功德真實之性。正法道路。即是種子之良田也。一切國土之根本也。一切國土之明鏡也。一切諸天之形像也。一切國人之父母也。

như khí thể thóa. Thị cố ngã thuyết Sa-môn Cồ-đàm thành tựu cụ túc vô lượng công đức.

Đại chúng đáp ngôn: Thiện tai! Nhân giả! Cồ-đàm Sa-môn thật như sở thuyết; thành tựu vô lượng thân thông biến hóa. Ngã bất dĩ bỉ giác thí thị sự. Cồ-đàm sa-môn thọ tánh nhu nhuyễn, bất kham khổ hạnh, sanh trưởng thâm cung, bất tổng ngoại sự. Duy khả nhuyễn ngữ, bất tri kỹ nghệ, thư tịch, luận nghị. Thỉnh cộng tường biện chánh pháp chi yếu. Bỉ nhược thắng ngã, ngã đương cấp sự; ngã nhược thắng bỉ, bỉ đương sự ngã.

Nhĩ thời, đa hữu vô lượng ngoại đạo, hòa hiệp cộng vãng Ma-già-đà vương, A-xà-thế sở. Vương kiến tiện vấn: Chư nhân giả! Nhữ đẳng các các tu tập Thánh đạo, thị xuất gia nhân, xả ly tài hóa cập tại gia sự. Ngã quốc nhân dân giai cộng cúng dường, kính tâm chiêm thị, vô tương phạm xúc. Hà cố hòa hiệp nhi lai chí thử?

Chư nhân giả! Nhữ đẳng các thọ dị pháp, dị giới, xuất gia bất đồng; diệp phục các các tự tùy giới pháp, xuất gia tu đạo. Hà thế duyên cố, kim giả nhất tâm nhi cộng hòa hiệp, do như diệp lạc, triển phong sở xuy, tụ tại nhất xứ? Thuyết hà nhân duyên nhi lai chí thử? Ngã thường ủng hộ xuất gia chi nhân, nãi chí bất tích thân chi dĩ mạng.

Nhĩ thời, nhất thiết chư ngoại đạo chúng hàm tác thị ngôn: Đại vương! Đế thính! Đại vương kim giả thị đại pháp kiều; thị đại pháp lệ; thị đại pháp xưng, tức thị nhất thiết công đức chi khí, nhất thiết công đức chân thật chi tánh, chánh pháp đạo lộ. Tức thị chủng tử chi lương điền dã, nhất thiết quốc độ chi căn bản dã, nhất thiết quốc độ chi minh kính dã, nhất thiết chư thiên chi hình tượng dã, nhất thiết quốc nhân chi phụ mẫu dã.

大王。一切世間功德寶藏即是王身。何以故，名功德藏。王斷國事不擇怨親。其心平等如地水火風。是故名王為功德藏。

大王。現在眾生雖復壽短。王之功德如昔長壽安樂時王。亦如頂生，善見，忍辱，那睺沙王，耶耶帝王，尸毘王，一叉鳩王。如是等王具足善法。大王今者亦復如是。

大王。以王因緣國土安樂人民熾盛。是故一切出家之人慕樂此國。持戒精勤修習正道。

大王。我經中說若出家人隨所住國。持戒精進勤修正道其王亦有修善之分。

大王。一切盜賊王已整理。出家之人都無畏懼。今者唯有一大惡人瞿曇沙門。王未檢校我等甚畏。其人自恃豪族種姓身色具足。又因過去布施之報多得供養。恃此眾事生大憍慢。或因咒術而生憍慢。以是因緣不能苦行。受畜細軟衣服臥具。是故一切世間惡人。為利養故往集其所。而為眷屬不能苦行。咒術力故調伏迦葉及舍利弗目犍連等。今復來至我所住處娑羅林中。宣說是身常樂我淨誘我弟子。

大王。瞿曇先說無常無樂無我無淨我能忍之。

Đại vương! Nhất thiết thế gian công đức bảo tạng, tức thị vương thân. Hà dĩ cố danh công đức tạng? Vương đoán quốc sự, bất trạch oán thân; kỳ tâm bình đẳng, như địa, thủy, hỏa, phong. Thị cố danh vương vì công đức tạng.

Đại vương! Hiện tại chúng sanh tuy phục thọ đoản, vương chi công đức như tích trường thọ an lạc thời vương; diệt như Đỉnh Sanh, Thiện Kiến Nhãn Nhục Na-hầu-sa vương, Da-da-đế vương, Thi-tỳ vương, Nhất-xoa-cưu vương. Như thị đẳng vương cụ túc thiện pháp. Đại vương kim giả diệt phục như thị.

Đại vương! Dĩ vương nhân duyên, quốc thổ an lạc, nhân dân xí thịnh, thị cố nhất thiết xuất gia chi nhân mộ nhạo thủ quốc, trì giới tinh cần, tu tập chánh đạo.

Đại vương! Ngã kinh trung thuyết: Nhược xuất gia nhân, tùy sở trụ quốc, trì giới tinh tấn, cần tu Chánh đạo, kỳ vương diệt hữu tu thiện chi phần.

Đại Vương! Nhất thiết đạo tặc, vương dĩ chỉnh lý; xuất gia chi nhân, đô vô úy cụ. Kim giả duy hữu nhất đại ác nhân: Cồ-đàm sa-môn. Vương vị kiểm giáo, ngã đẳng thậm úy. Kỳ nhân tự thị hào tộc chủng tánh, thân sắc cụ túc. Hựu nhân quá khứ bố thí chi báo, đa đắc cúng dường; thị thủ chúng sự, sanh đại kiêu mạn. Hoặc nhân chú thuật, nhi sanh kiêu mạn. Dĩ thị nhân duyên, bất năng khổ hạnh, thọ súc tế nhuyễn y phục, ngọa cụ. Thị cố nhất thiết thế gian ác nhân, vị lợi dưỡng cố, vãng tập kỳ sở; nhi vì quyền thuộc, bất năng khổ hạnh. Chú thuật lực cố, điều phục Ca-diếp cập Xá-lợi-phất, Mục-kiền-liên đẳng. Kim phục lai chí ngã sở trụ xứ sa-la lâm trung, tuyên thuyết thị thân thường, lạc, ngã, tịnh, dụ ngã đệ tử.

Đại vương! Cồ-đàm tiên thuyết vô thường, vô lạc, vô ngã, vô tịnh; ngã năng nhẫn chi. Kim nãi tuyên thuyết thường, lạc,

今乃宣說常樂我淨我實不忍。惟願大王。聽我與彼瞿曇論議。

王即答言。諸大士。汝等今者為誰教導而令其心狂亂不定。如水濤波旋火之輪猿猴擲樹是事可恥。智人若聞即生憐愍。愚人聞之即生嗤笑。汝等所說非出家相。汝若病風黃水患者。吾悉有藥能療治之。如其鬼病家咒者婆善能去之。汝等今者欲以手爪掬須彌山，欲以口齒齧金剛。

諸大士。譬如愚人見師子王飢時睡眠而欲覺之。如人以指置毒蛇口。如欲以手觸灰覆火。汝等今者亦復如是。

善男子。譬如野狐作師子吼。猶如蚊子共金翅鳥掬行遲疾。如兔渡海欲盡其底。汝等今者亦復如是。汝若夢見勝瞿曇者。是夢狂惑未足可信。

諸大士。汝等今者興建是意。猶如飛蛾投大火聚。汝隨我語不須更說。汝雖讚我平等如稱。勿令外人復聞此語。

爾時外道復作是言。大王。瞿曇沙門所作幻術到汝邊耶。乃令大王心疑不信是等聖人。大王。不應輕蔑如是大士。

大王。是月增減大海鹹味摩羅延山。如是等事誰之所作。豈非我等婆羅門耶。大王不聞阿竭多仙

ngã, tịnh; ngã thật bất nhẫn. Duy nguyện đại vương thính ngã dữ bỉ Cồ-đàm luận nghị.

Vương tức đáp ngôn: Chư Đại sĩ! Nhữ đẳng kim giả, vị thùy giới đạo, nhi linh kỳ tâm cuồng loạn bất định, như thủy đào ba, triền hỏa chi luân, viên hầu trịch thọ? Thị sự khả sĩ. Trí nhân nhược văn tác sanh lân mẫn; ngu nhân văn chi, tác sanh xuy tiếu. Nhữ đẳng sở thuyết, phi xuất gia tướng. Nhữ nhược bệnh phong, hoàng thủy hoạn giả, ngô tất hữu dược năng liệu trị chi. Như kỳ quý bệnh, gia chú kỳ-bà thiện năng khứ chi. Nhữ đẳng kim giả dục dĩ thủ trảo phẩu Tu-di sơn; dục dĩ khẩu xỉ trạch niết kim cang!

Chư đại sĩ! Thí như ngu nhân, kiến sư tử vương, cơ thời thụy miên, nhi dục giác chi; như nhân dĩ chỉ trí độc xà khẩu, như dục dĩ thủ xúc hôi phúc hỏa. Nhữ đẳng kim giả diệc phục như thị.

Thiện nam tử! Thí như dã hồ tác sư tử hống; do như mân tử cộng kim sí điểu, giác hành trì tậ; như thổ độ hải, dục tận kỳ đế. Nhữ đẳng kim giả diệc phục như thị. Nhữ nhược mộng kiến thắng Cồ-đàm giả, thị mộng cuồng hoặc, vị túc khả tín.

Chư Đại sĩ! Nhữ đẳng kim giả hưng kiến thị ý, do như phi nga đầu đại hỏa tụ. Nhữ tùy ngã ngữ, bất tu cánh thuyết. Nhữ tuy tán ngã bình đẳng như xúng, vật linh ngoại nhân phục văn thủ ngữ.

Nhĩ thời, ngoại đạo phục tác thị ngôn: Đại vương! Cồ-đàm Sa-môn sở tác huyền thuật đáo nhữ biên da? Nãi linh đại vương tâm nghi bất tín thị đẳng Thánh nhân. Đại vương bất ưng khinh miệt như thị đại sĩ.

Đại Vương! Thị nguyệt tăng giảm, đại hải hàm vị, Ma-la-diên sơn, như thị đẳng sự, thùy chi sở tác? Khởi phi ngã đẳng bà-la-môn da? Đại vương bất văn A-kiệt-đa tiên, thập nhị

十二年中恒河之水停耳中耶。大王不聞瞿曇仙人大現神通。十二年中變作釋身。并令釋身作羝羊形。作千女根在釋身耶。大王。不聞耆菟仙人一日之中飲四海水令大地乾耶。大王。不聞婆藪仙人為自在天作三眼耶。大王不聞阿羅邏仙人變迦羅富城作鹵土耶。

大王。婆羅門中有如是等大力諸仙現可檢校。大王。云何見輕蔑耶。

王言。諸仁者。若不見信故欲為者。如來正覺今者近在娑羅林中。汝等可往隨意問難。如來亦當為汝分別稱汝意答。

爾時阿闍世王與諸外道徒眾眷屬往至佛所。頭面作禮右遶三匝。修敬已畢卻住一面。白佛言。世尊。是諸外道欲隨意問難。唯願如來隨意答之。

佛言。大王且止。我自知時。

爾時眾中有婆羅門名闍提首那。作如是言。瞿曇。汝說涅槃是常法耶。

如是如是。大婆羅門。

婆羅門言。瞿曇。若說涅槃常者，是義不然。何以故。世間之法從子生果，相續不斷，如從泥出瓶，從縷得衣。

niên trung, Hằng hà chi thủy, đình nhĩ trung da? Đại Vương bát văn Cô-đàm tiên nhân, đại hiện thần thông, thập nhị niên trung, biến tác Thích thân; tịnh linh Thích thân tác dê dương hình, tác thiên nữ căn tại Thích thân da? Đại vương bát văn Kỳ-nậu tiên nhân, nhất nhật chi trung ẩm tứ hải thủy linh đại địa càn da? Đại Vương bát văn Bà-tẩu tiên nhân vị Tự tại thiên tác tam nhãn da? Đại Vương bát văn A-la-rá tiên nhân biến Ca-la-phú thành, tác lỗ thổ da?

Đại Vương! Bà-la-môn trung, hữu như thị đẳng đại lực chư tiên, hiện khả kiểm giáo. Đại vương vân hà kiến kinh miệt da?

Vương ngôn: Chư nhân giả! Nhược bát kiến tín, cố dục vi giả. Như Lai Chánh giác kim giả cận tại sa-la lâm trung. Như đẳng khả vãng, tùy ý vấn nạn. Như Lai diệc đương vị nhữ phân biệt, xứng nhữ ý đáp.

Nhĩ thời, A-xà-thế vương dĩ chư ngoại đạo, đồ chúng quyền thuộc, vãng chí Phật sở. Đầu diện tác lễ, hữu nhiều tam táp, tu kính dĩ tất, khước trụ nhất diện, bạch Phật ngôn: Thế Tôn! Thị chư ngoại đạo dục tùy ý vấn nạn. Duy nguyện Như Lai tùy ý đáp chi.

Phật ngôn: Đại Vương thả chi. Ngã tự tri thời.

Nhĩ thời, chúng trung hữu bà-la-môn danh Xà-đề-thủ-na, tác như thị ngôn: Cô-đàm! Nhữ thuyết Niết-bàn thị thường pháp da?

Như thị, như thị, Đại bà-la-môn!

Bà-la-môn ngôn: Cô-đàm! Nhược thuyết Niết-bàn thường giả thị nghĩa bất nhiên. Hà dĩ cố? Thế gian chi pháp, tùng tử sanh quả, tương tục bất đoạn, như tùng nê xuất bình, tùng lữ đắc y.

瞿曇常說。修無常想，獲得涅槃。因是無常，果云何常。

瞿曇又說。解脫欲貪，即是涅槃。解脫色貪，及無色貪，即是涅槃。滅無明等一切煩惱，即是涅槃。從欲乃至無明，煩惱，皆是無常。因是無常，所得涅槃亦應無常。

瞿曇又說。從因故生天，從因故墮地獄，從因得解脫。是故諸法皆從因生。若從因故得解脫者，云何言常。

瞿曇亦說。色從緣生故名無常。受想行識亦復如是。如是解脫若是色者，當知無常。受想行識亦復如是。若離五陰有解脫者，當知解脫即是虛空。若是虛空，不得說言從因緣生。何以故。是常是一遍一切處。

瞿曇亦說。從因生者即是苦也。若是苦者，云何復說解脫是樂。

瞿曇又說。無常即苦，苦即無我。若是無常，苦，無我者，即是不淨。一切從因所生諸法皆無常，苦，無我，不淨。云何復說涅槃即是常樂我淨。

若瞿曇說亦常無常，亦苦亦樂，亦我無我，亦淨不

Cồ-đàm thường thuyết: Tu Vô thường tưởng hoạch đắc Niết-bàn. Nhân thị vô thường, quả vân hà thường?

Cồ-đàm hựu thuyết: Giải thoát dục tham tức thị Niết-bàn. Giải thoát sắc tham cập vô sắc tham, tức thị Niết-bàn. Diệt vô minh đẳng nhất thiết phiền não, tức thị Niết-bàn. Tòng dục nãi chí vô minh phiền não, giai thị vô thường. Nhân thị vô thường, sở đắc Niết-bàn diệt ưng vô thường.

Cồ-đàm hựu thuyết: tòng nhân cố sanh thiên; tòng nhân cố đọa địa ngục; tòng nhân đắc giải thoát; thị cố chư pháp giai tòng nhân sanh. Nhược tòng nhân sanh cố đắc giải thoát giả, vân hà ngôn thường?

Cồ-đàm diệt thuyết: Sắc tòng duyên sanh, cố danh vô thường. Thọ, tưởng, hành, thức diệt phục như thị. Như thị giải thoát, nhược thị sắc giả, đương tri vô thường. Thọ, tưởng, hành, thức diệt phục như thị. Nhược ly ngũ ấm hữu giải thoát giả, đương tri giải thoát tức thị hư không. Nhược thị hư không, bất đắc thuyết ngôn: tòng nhân duyên sanh. Hà dĩ cố? Thị thường thị nhất, biến nhất thiết xứ.

Cồ-đàm diệt thuyết: Tòng nhân sanh giả, tức thị khổ dã. Nhược thị khổ giả, vân hà phục thuyết: Giải thoát thị lạc?

Cồ-đàm hựu thuyết: Vô thường tức khổ, khổ tức vô ngã. Nhược thị vô thường, khổ, vô ngã giả, tức thị bất tịnh. Nhất thiết tòng nhân sở sanh chư pháp giai vô thường, khổ, vô ngã, bất tịnh. Vân hà phục thuyết: Niết-bàn tức thị thường, lạc, ngã, tịnh?

Nhược Cồ-đàm thuyết: Diệt thường, vô thường; diệt khổ, diệt lạc; diệt ngã, vô ngã; diệt tịnh, bất tịnh. Như thị khởi phi thị nhị ngữ da? Ngã diệt tăng tòng tiên cự trí nhân, văn

淨，如是豈非是二語耶。我亦曾從先舊智人聞說是語。佛若出世言則無二。瞿曇今者說於二語。

復言佛即我身是也。是義云何。

佛言。婆羅門。如汝所說，我今問汝隨汝意答。

婆羅門言。善哉。瞿曇。

佛言。婆羅門。汝性常耶是無常乎。

婆羅門言。我性是常。

婆羅門。是性能作一切內外法之因耶。

如是。瞿曇。

佛言。婆羅門。云何作因。

瞿曇。從性生大，從大生慢。從慢生十六法。所謂地，水，火，風，空。五知根。眼，耳，鼻，舌，身。五業根。手，腳，口，聲，男女二根。心平等根。是十六法。從五法生色，聲，香，味，觸。是二十一法。根本有三。一者染。二者麤。三者黑。染者名愛。麤者名瞋。黑名無明。

瞿曇。是二十五法皆因性生。

婆羅門。是大等法常無常耶。

瞿曇。我法性常。大等諸法悉是無常。

婆羅門。如汝法中因常果無常。然我法中因雖無常果是常者有何等過。

thuyết thị ngữ: Phật nhược xuất thế, ngôn tác vô nhị. Cô-đàm kim giả thuyết ư nhị ngữ.

Phục ngôn: Phật tức ngã thân thị dã. Thị nghĩa vân hà?

Phật ngôn: Bà-la-môn! Như nữ sở thuyết, ngã kim vấn nữ, tùy nữ ý đáp.

Bà-la-môn ngôn: Thiện tai! Cô-đàm!

Phật ngôn: Bà-la-môn! Nữ tánh thường da? Thị vô thường hồ?

Bà-la-môn ngôn: Ngã tánh thị thường.

Bà-la-môn! Thị tánh năng tác nhất thiết nội ngoại pháp chi nhân da?

Như thị, Cô-đàm!

Phật ngôn: Bà-la-môn! Vân hà tác nhân?

Cô-đàm! Tùng tánh sanh đại. Tùng đại sanh mạn. Tùng mạn sanh thập lục pháp, sở vị: địa, thủy, hỏa, phong, không, ngũ tri căn: nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ngũ nghiệp căn: thủ, cước, khẩu, tinh, nam, nữ, nhị căn, tâm bình đẳng căn. Thị thập lục pháp tùng ngũ pháp sanh: sắc, tinh, hương, vị, xúc. Thị nhị thập nhất pháp, căn bản hữu tam: nhất giả nhiễm, nhị giả thô, tam giả hắc. Nhiễm giả danh ái. Thô giả danh sân. Hắc giả danh vô minh.

Cô-đàm! Thị nhị thập ngũ pháp, giai nhân tánh sanh.

Bà-la-môn! Thị đại đẳng pháp, thường, vô thường da?

Cô-đàm! Ngã pháp, tánh thường. Đại đẳng chư pháp tất thị vô thường.

Bà-la-môn! Như nữ pháp trung, nhân thường, quả vô thường. Nhiên ngã pháp trung, nhân tuy vô thường, quả thị thường giả. Hữu hà đẳng quá?

婆羅門。汝等法中有二因不。

答言有。

佛言。云何有二。

婆羅門言。一者生因。二者了因。

佛言。云何生因。云何了因。

婆羅門言。生因者如泥出瓶。了因者如燈照物。

佛言。是二種因因性是一。若是一者可令生因作於了因。可令了因作生因不。

不也。瞿曇。

佛言。若使生因不作了因。了因不作生因。可得說言是因相不。

婆羅門言。雖不相作故有因相。

婆羅門。了因所了即同了不。

不也。瞿曇。

佛言。我法雖從無常獲得涅槃而非無常。

婆羅門。從了因得故常樂我淨。從生因得故無常無樂無我無淨。是故如來所說有二。如是二語無有二也。是故如來名無二語。

如汝所說曾從先舊智人邊聞。佛出於世無有二語。是言善哉。一切十方三世諸佛所說無差。是故

Bà-la-môn! Nhữ đẳng pháp trung, hữu nhị nhân phủ?

Đáp ngôn: Hữu.

Phật ngôn: Vân hà hữu nhị?

Bà-la-môn ngôn: Nhất giả sanh nhân, nhị giả liễu nhân.

Phật ngôn: Vân hà sanh nhân? Vân hà liễu nhân?

Bà-la-môn ngôn: Sanh nhân giả, như nê xuất bình. Liễu nhân giả, như đăng chiếu vật.

Phật ngôn: Thị nhị chủng nhân, nhân tánh thị nhất. Nhược thị nhất giả, khả linh sanh nhân tác ư liễu nhân, khả linh liễu nhân tác sanh nhân phủ?

Phất dã, Cồ-đàm!

Phật ngôn: Nhược sử sanh nhân bất tác liễu nhân, liễu nhân bất tác sanh nhân, khả đắc thuyết ngôn thị nhân tướng phủ?

Bà-la-môn ngôn: Tuy bất tương tác, cố hữu nhân tướng.

Bà-la-môn! Liễu nhân, sở liễu, tức đồng liễu phủ?

Phất dã, Cồ-đàm!

Phật ngôn: Ngã pháp, tuy tùng vô thường, hoạch đắc Niết-bàn, nhi phi vô thường.

Bà-la-môn! Tùng liễu nhân đắc, cố thường, lạc, ngã, tịnh. Tùng sanh nhân đắc, cố vô thường, vô lạc, vô ngã, vô tịnh. Thị cố Như Lai sở thuyết hữu nhị. Như thị nhị ngữ, vô hữu nhị dã. Thị cố Như Lai, danh vô nhị ngữ.

Như nhữ sở thuyết, tăng tùng tiên cựu trí nhân biên, văn: Phật xuất ư thế, vô hữu nhị ngữ. Thị ngôn thiện tai! Nhất thiết thập phương tam thế chư Phật, sở thuyết vô sai. Thị cố thuyết

說言佛無二語。云何無差。有同說有無同說無故名一義。

婆羅門。如來世尊雖名二語，為了一語故。云何二語了於一語。如眼色二語生識一語。乃至意法亦復如是。

婆羅門言。瞿曇。善能分別如是語義。我今未解所出二語了於一語。

爾時世尊即為宣說四真諦法。

婆羅門。言苦諦者亦二亦一。乃至道諦亦二亦一。

婆羅門言。世尊。我已知已。

佛言。善男子。云何知已。

婆羅門言。世尊。苦諦一切凡夫二是聖人一。乃至道諦亦復如是。

佛言。善哉已解。

婆羅門言。世尊。我今聞法已得正見。今當歸依佛法僧寶。唯願大慈聽我出家。

爾時世尊告憍陳如。汝當為是闍提首那。剃除鬚髮聽其出家。

時憍陳如即受佛敕為其剃髮。即下手時有二種落。一者鬚髮。二者煩惱。即於坐處得阿羅漢果。

復有梵志姓婆私吒復作是言。瞿曇說涅槃常耶。

ngôn: Phật vô nhị ngữ. Vân hà vô sai? Hữu, đồng thuyết hữu; Vô, đồng thuyết vô. Cố danh nhất nghĩa.

Bà-la-môn! Như Lai Thế Tôn tuy danh nhị ngữ, vị liễu nhất ngữ cố. Vân hà nhị ngữ liễu ư nhất ngữ? Như nhãn, sắc: nhị ngữ sanh thức: nhất ngữ. Nãi chí ý, pháp, diệc phục như thị.

Bà-la-môn ngôn: Cô-dàm thiện năng phân biệt như thị ngữ nghĩa. Ngã kim vị giải sở xuất nhị ngữ liễu ư nhất ngữ.

Nhĩ thời, Thế Tôn tức vị tuyên thuyết Tứ chân đế pháp.

Bà-la-môn! Ngôn Khổ đế giả, diệc nhị, diệc nhất. Nãi chí Đạo đế, diệc nhị, diệc nhất.

Bà-la-môn ngôn: Thế Tôn! Ngã dĩ tri dĩ.

Phật ngôn: Thiện nam tử! Vân hà tri dĩ?

Bà-la-môn ngôn: Thế Tôn! Khổ đế, nhất thiết Phàm phu nhị, thị Thánh nhân nhất. Nãi chí Đạo đế, diệc phục như thị.

Phật ngôn: Thiện tai! Dĩ giải.

Bà-la-môn ngôn: Thế Tôn, ngã kim văn pháp, dĩ đắc chánh kiến. Kim đương quy y Phật, Pháp, Tăng bảo. Duy nguyện đại từ thỉnh ngã xuất gia.

Nhĩ thời, Thế Tôn cáo Kiều-trần-như: Nhữ đương vị thị Xà-dê-thủ-na, thế trừ tu phát, thỉnh kỳ xuất gia.

Thời, Kiều-trần-như tức thọ Phật sắc, vị kỳ thế phát. Tức há thủ thời, hữu nhị chủng lạc: Nhất giả tu phát, nhị giả phiền não. Tức ư tọa xứ, đắc A-la-hán quả.

Phục hữu Phạm chí, tánh Bà-tư-trá phục tác thị ngôn: Cô-dàm sở thuyết, Niết-bàn thường da?

如是梵志。

婆私吒言。瞿曇。將不說無煩惱為涅槃耶。

如是梵志。

婆私吒言。瞿曇。世間四種名之為無。

一者未出之法名之為無。如瓶未出泥時名為無瓶。

二者已滅之法名之為無。如瓶壞已名為無瓶。

三者異相互無名之為無。如牛中無馬馬中無牛。

四者畢竟無故名之為無。如龜毛兔角。

瞿曇。若以除煩惱已名涅槃者。涅槃即無。若是無者。云何言有常樂我淨。

佛言。善男子。如是涅槃非是先無同泥時瓶。亦非滅無同瓶壞無。亦非畢竟無如龜毛兔角同於異無。

善男子。如汝所言雖牛中無馬。不可說言牛亦是無。雖馬中無牛。亦不可說馬亦是無涅槃亦爾。煩惱中無涅槃。涅槃中無煩惱。是故名為異相互無。

婆私吒言。瞿曇若以異無為涅槃者。是異無者，無常樂我淨。瞿曇。云何說言涅槃常樂我淨。

佛言。善男子如汝所說是異無者。有三種無。

Như thị, Phạm chí!

Bà-tư-trá ngôn: Cồ-đàm! Tương bất thuyết vô phiền não vi Niết-bàn da?

Như thị, Phạm chí.

Bà-tư-trá ngôn: Cồ-đàm! Thế gian tứ chủng, danh chi vi vô:

Nhất giả vị xuất chi pháp, danh chi vi vô. Như bình vị xuất nê thời, danh vi vô bình.

Nhị giả dĩ diệt chi pháp, danh chi vi vô; như bình hoại dĩ, danh vi vô bình.

Tam giả dị tướng hồ vô, danh chi vi vô; như ngư trung, vô mã; mã trung, vô ngư.

Tứ giả tất cánh vô cố, danh chi vi vô; như quy mao, thố giác.

Cồ-đàm! Nhược dĩ trừ phiền não dĩ, danh Niết-bàn giả, Niết-bàn tức vô. Nhược thị vô giả, vân hà ngôn hữu thường, lạc, ngã, tịnh?

Phật ngôn: Thiện nam tử! Như thị Niết-bàn, phi thị tiên vô, đồng nê thời bình. Diệt phi diệt vô, đồng bình hoại vô. Diệt phi tất cánh vô, như quy mao, thố giác. Đồng ư dị vô.

Thiện nam tử! Như nhữ sở ngôn, tuy ngư trung, vô mã, bất khả thuyết ngôn: ngư diệt thị vô. Tuy mã trung, vô ngư, diệt bất khả thuyết: mã diệt thị vô. Niết-bàn diệt nhĩ: Phiền não trung, vô Niết-bàn. Niết-bàn trung, vô phiền não. Thị cố danh vi dị tướng hồ vô.

Bà-tư-trá ngôn: Cồ-đàm! Nhược dĩ dị vô vi Niết-bàn giả, thị dị vô giả, vô: thường, lạc, ngã, tịnh. Cồ-đàm vân hà thuyết ngôn: Niết-bàn: thường, lạc, ngã, tịnh?

Phật ngôn: Thiện nam tử! Như nhữ sở thuyết, thị dị vô giả, hữu tam chủng vô: ngư, mã tất thị tiên vô hậu hữu, thị danh

牛馬悉是先無後有。是名先無。已有還無是名壞無。異相無相。如汝所說。

善男子。是三種無涅槃中無。是故涅槃常樂我淨。如世病人。一者熱病。二者風病。三者冷病。是三種病三藥能治。有熱病者，酥能治之。有風病者，油能治之。有冷病者，蜜能治之。是三種藥能治如是三種惡病。

善男子。熱中無酥，酥中無熱。風中無油，油中無風。乃至蜜中無冷，冷中無蜜。是故能治。

一切眾生亦復如是。有三種病。一者貪二者瞋。三者癡。如是三病有三種藥。不淨觀者能為貪藥。慈心觀者能為瞋藥。觀因緣智能為癡藥。

善男子。為除貪故作非貪觀。為除瞋故作非瞋觀。為除癡故作非癡觀。三種病中無三種藥。三種藥中無三種病。

善男子。三種病中無三藥故。無常無我無樂無淨。三種藥中無三種病。是故得稱常樂我淨。

婆私吒言。世尊。如來為我說常無常。云何為常。云何無常。

佛言。善男子。色是無常解脫色常。乃至識是無常解脫識常。

tiên vô. Dĩ hữu hoàn vô, thị danh hoại vô. Dĩ tướng, vô tướng, như nhữ sở thuyết.

Thiện nam tử! Thị tam chủng vô, Niết-bàn trung vô. Thị cố Niết-bàn thường, lạc, ngã, tịnh. Như thế bệnh nhân, nhất giả nhiệt bệnh, nhị giả phong bệnh, tam giả lãnh bệnh. Thị tam chủng bệnh, tam dược năng trị. Hữu nhiệt bệnh giả, tô năng trị chi. Hữu phong bệnh giả, du năng trị chi. Hữu lãnh bệnh giả, mật năng trị chi. Thị tam chủng dược năng trị như thị tam chủng ác bệnh.

Thiện nam tử! Nhiệt trung vô tô; tô trung vô nhiệt. Phong trung vô du; du trung vô phong. Nãi chí mật trung vô lãnh; lãnh trung vô mật. Thị cố năng trị.

Nhất thiết chúng sanh, diệc phục như thị; hữu tam chủng bệnh: nhất giả tham, nhị giả sân, tam giả si. Như thị tam bệnh, hữu tam chủng dược. Bất tịnh quán giả, năng vi tham dược. Từ tâm quán giả, năng vi sân dược. Quán nhân duyên trí, năng vi si dược.

Thiện nam tử! Vị trừ tham cố, tác phi tham quán. Vị trừ sân cố, tác phi sân quán. Vị trừ si cố, tác phi si quán. Tam chủng bệnh trung, vô tam chủng dược; tam chủng dược trung, vô tam chủng bệnh.

Thiện nam tử! Tam chủng bệnh trung, vô tam dược cố, vô thường, vô ngã, vô lạc, vô tịnh. Tam chủng dược trung, vô tam chủng bệnh, thị cố đắc xưng thường, lạc, ngã, tịnh.

Bà-tư-trá ngôn: Thế Tôn! Như Lai vị ngã thuyết thường, vô thường. Vân hà vi thường? Vân hà vô thường?

Phật ngôn: Thiện nam tử! Sắc thị vô thường; giải thoát sắc: thường. Nãi chí thức thị vô thường; giải thoát thức: thường.

善男子。若有善男子，善女人能觀色乃至識是無常者。當知是人獲得常法。

婆私吒言。世尊。我今已知常無常法。

佛言。善男子。汝云何知常無常法。

婆私吒言。世尊。我今知我色是無常，得解脫常。乃至識亦如是。

佛言。善男子。汝今善哉，已報是身。

告憍陳如。是婆私吒。已證阿羅漢果。汝可施其三衣鉢器。

時憍陳如如佛所敕施其衣鉢。

時婆私吒受衣鉢已作如是言。大德憍陳如。我今因是弊惡之身得善果報。唯願大德。為我屈意至世尊所具宣我心。我既惡人觸犯如來憍瞿曇姓。唯願為我懺悔此罪。我亦不能久住毒身今入涅槃。

時憍陳如即往佛所作如是言。世尊。婆私吒比丘生慚愧心，自言頑嚚觸犯如來稱瞿曇姓不能久住是毒蛇身今欲滅身寄我懺悔。

佛言。憍陳如。婆私吒比丘已於過去無量佛所成就善根。今受我語如法而住。如法住故獲得正果。汝等應當供養其身。

爾時憍陳如從佛聞已。還其身所而設供養。

Thiện nam tử! Nhược hữu thiện nam tử, thiện nữ nhân năng quán sắc nãi chí thức thị vô thường giả, đương tri thị nhân hoạch đắc thường pháp.

Bà-tư-trá ngôn: Thế Tôn! Ngã kim dĩ tri thường, vô thường pháp.

Phật ngôn: Thiện nam tử! Nhữ vân hà tri thường, vô thường pháp?

Bà-tư-trá ngôn: Thế Tôn! Ngã kim tri ngã sắc thị vô thường; đắc giải thoát thường. Nãi chí thức, diệc như thị.

Phật ngôn: Thiện nam tử! Nhữ kim thiện tai, dĩ báo thị thân.

Cáo Kiều-trần-như: Thị Bà-tư-trá dĩ chứng A-la-hán quả, nhữ khả thí kỳ tam y, bát khí.

Thời Kiều-trần-như, như Phật sở sắc, thí kỳ y bát.

Thời Bà-tư-trá, thọ y bát dĩ, tác như thị ngôn: Đại đức Kiều-trần-như! Ngã kim nhân thị tặc ác chi thân, đắc thiện quả báo. Duy nguyện Đại đức, vị ngã khuất ý, chí Thế Tôn sở, cụ tuyên ngã tâm. Ngã ký ác nhân, xúc phạm Như Lai, nhĩ Cô-đàm tánh. Duy nguyện vị ngã, sám hối thử tội. Ngã diệc bất năng cứu trụ độc thân, kim nhập Niết-bàn.

Thời, Kiều-trần-như tức vãng Phật sở, tác như thị ngôn: Thế Tôn! Bà-tư-trá tỳ-kheo, sanh tầm quý tâm, tự ngôn ngoan ngôn, xúc phạm Như Lai, xưng Cô-đàm tánh. Bất năng cứu trụ thị độc xà thân; kim dục diệt thân, ký ngã sám hối.

Phật ngôn: Kiều-trần-như! Bà-tư-trá tỳ-kheo dĩ ư quá khứ vô lượng Phật sở, thành tựu thiện căn. Kim thọ ngã ngũ, như pháp nhi trụ. Như pháp trụ cố, hoạch đắc chánh quả. Nhữ đẳng ưng đương cúng dường kỳ thân.

Nhĩ thời, Kiều-trần-như tùng Phật văn dĩ, hoàn kỳ thân sở, nhi thiết cúng dường.

時婆私吒於焚身時。作種種神足。諸外道輩見是事已高聲唱言。是婆私吒已得瞿曇沙門咒術。是人不久復當勝彼瞿曇沙門。

爾時眾中復有梵志名曰先尼。復作是言。瞿曇有我耶。如來默然。

瞿曇無我耶。如來默然。第二第三亦如是言。佛皆默然。

先尼言。瞿曇若一切眾生有我遍一切處是一作者。瞿曇何故默然不答。

佛言。先尼。汝說是我遍一切處耶。

先尼答言。瞿曇。不但我說。一切智人亦如是說。

佛言。善男子。若我周遍一切處者。應當五道一時受報。若有五道一時受報。汝等梵志。何因緣故不造眾惡為遮地獄。修諸善法為受天身。

先尼言。瞿曇。我法中我則有二種。一作身我。二者常身我。為作身我修離惡法不入地獄。修諸善法生於天上。

佛言。善男子。如汝說我遍一切處。如是我者。若作身中當知無常。若作身無云何言遍。

瞿曇。我所立我亦在作中亦是常法。

瞿曇。如人失火燒舍宅時其主出去。不可說言

Thời Bà-tư-trá, ư phần thân thời, tác chủng chủng thần túc. Chư ngoại đạo bô, kiến thị sự dĩ, cao thanh xướng ngôn: Thị Bà-tư-trá dĩ đắc Cô-đàm sa-môn chú thuật. Thị nhân bất cử, phục đương thắng bỉ Cô-đàm sa-môn.

Nhĩ thời chúng trung phục hữu Phạm chí, danh viết Tiên-ni. Phục tác thị ngôn: Cô-đàm! Hữu ngã da? Như Lai mặc nhiên.

Cô-đàm! Vô ngã da? Như Lai mặc nhiên. Đệ nhị, đệ tam, diệc như thị ngôn. Phật giai mặc nhiên.

Tiên-ni ngôn: Cô-đàm! Nhược nhất thiết chúng sanh hữu ngã, biến nhất thiết xứ, thị nhất tác giả, Cô-đàm hà cố mặc nhiên bất đáp?

Phật ngôn: Tiên-ni! Nhữ thuyết thị ngã biến nhất thiết xứ da?

Tiên-ni đáp ngôn: Cô-đàm! Bất dẫn ngã thuyết, nhất thiết trí nhân diệc như thị thuyết.

Phật ngôn: Thiện nam tử! Nhược ngã châu biến nhất thiết xứ giả, ưng đương ngũ đạo nhất thời thọ báo. Nhược hữu ngũ đạo nhất thời thọ báo, nhữ đẳng Phạm chí, hà nhân duyên cố, bất tạo chúng ác, vị già địa ngục; tu chư thiện pháp, vị thọ thiên thân?

Tiên-ni ngôn: Cô-đàm! Ngã pháp trung ngã tác hữu nhị chủng: nhất tác thân ngã, nhị giả thường thân ngã. Vị tác thân ngã, tu ly ác pháp, bất nhập địa ngục; tu chư thiện pháp, sanh ư thiên thượng.

Phật ngôn: Thiện nam tử! Như nhữ sở thuyết, ngã biến nhất thiết xứ. Như thị ngã giả, nhược tác thân trung, đương tri vô thường. Nhược tác thân vô, vân hà ngôn biến?

Cô-đàm! Ngã sở lập ngã, diệc tại tác trung, diệc thị thường pháp.

Cô-đàm! Như nhân thất hỏa, thiêu xá trạch thời, kỳ chủ xuất khứ. Bất khả thuyết ngôn xá trạch bị thiêu, chủ diệc bị thiêu. Ngã pháp diệc nhĩ. Nhi thủ tác thân, tuy thị vô thường,

舍宅被燒主亦被燒。我法亦爾。而此作身雖是無常。當無常時我則出去。是故我亦遍亦常。

佛言。善男子。如汝說我亦遍亦常。是義不然。何以故。遍有二種。一者常。二者無常。復有二種。一色，二無色。是故若言一切有者。亦常亦無常。亦色亦無色。

若言舍主得出不名無常。是義不然。何以故。舍不名主主不名舍。異燒異出故得如是。我則不爾。何以故。我即是色色即是我。無色即我我即無色。云何而言色無常時我則得出。

善男子。汝意若謂一切眾生同一我者。如是則違世，出世法。何以故。世間法名父子母女。若我是一。父即是子子即是父。母即是女女即是母。怨即是親親即是怨。此即是彼彼即是此。是故若說一切眾生同一我者。是即違背世出世法。

先尼言。我亦不說一切眾生同於一我。乃說一人各有一我。

佛言。善男子。若言一人各有一我是為多我。是義不然。何以故。如汝先說我遍一切。若遍一切，一切眾生業根應同。天得見時，佛得亦見。天得作時佛得亦作。天得聞時佛得亦聞。一切諸法皆亦如是。若天得見非佛得見者。不應說我遍一切處。若不遍者是則無常。

đương vô thường thời, ngã tác xuất khứ. Thị cố ngã ngã diệc biến, diệc thường.

Phật ngôn: Thiện nam tử! Như nữ thuyết: Ngã diệc biến, diệc thường, thị nghĩa bất nhiên. Hà dĩ cố? Biến hữu nhị chủng: nhất giả Thường, nhị giả Vô thường. Phục hữu nhị chủng: nhất sắc, nhị vô sắc. Thị cố nhược ngôn: nhất thiết hữu giả, diệc thường, diệc vô thường; diệc sắc, diệc vô sắc.

Nhược ngôn: Xá chủ đắc xuất, bất danh vô thường, thị nghĩa bất nhiên. Hà dĩ cố? Xá bất danh chủ; chủ bất danh xá; dị thiêu, dị xuất; cố đắc như thị. Ngã tác bất nhĩ. Hà dĩ cố? Ngã tức thị sắc, sắc tức thị ngã; vô sắc tức ngã, ngã tức vô sắc. Vân hà nhi ngôn: Sắc vô thường thời, ngã tác đắc xuất?

Thiện nam tử! Nữ ý nhược vị: nhất thiết chúng sanh đồng nhất ngã giả; như thị tác vi thế, xuất thế pháp. Hà dĩ cố? Thế gian pháp, danh: phụ, tử, mẫu, nữ. Nhược ngã thị nhất, phụ tức thị tử, tử tức thị phụ; mẫu tức thị nữ, nữ tức thị mẫu; oán tức thị thân, thân tức thị oán, tử tức thị bỉ, bỉ tức thị tử! Thị cố nhược thuyết: nhất thiết chúng sanh đồng nhất ngã giả, thị tức vi bội thế, xuất thế pháp.

Tiên-ni ngôn: Ngã diệc bất thuyết: nhất thiết chúng sanh đồng ư nhất ngã. Nãi thuyết: nhất nhân các hữu nhất ngã.

Phật ngôn: Thiện nam tử! Nhược ngôn: nhất nhân các hữu nhất ngã, thị vi đa ngã, thị nghĩa bất nhiên. Hà dĩ cố? Như nữ tiên thuyết: Ngã biến nhất thiết. Nhược biến nhất thiết, nhất thiết chúng sanh, nghiệp căn ứng đồng: thiên đắc kiến thời, Phật đắc diệc kiến; thiên đắc tác thời, Phật đắc diệc tác; thiên đắc văn thời, Phật đắc diệc văn. Nhất thiết chư pháp, giai diệc như thị. Nhược thiên đắc kiến, phi Phật đắc kiến giả, bất ứng thuyết: Ngã biến nhất thiết xứ. Nhược bất biến giả, thị tác vô thường.

先尼言。瞿曇。一切眾生我遍一切。法與非法不遍一切。以是義故。佛得作異天得作異。是故瞿曇。不應說言佛得見時天得應見。佛得聞時天得應聞。

佛言。善男子。法與非法非業作耶。

先尼言。瞿曇。是業所作。

佛言。善男子。若法非法是業作者。即是同法云何言異。何以故。佛得業處有天得我。天得業處有佛得我。是故佛得作時天得亦作。法與非法亦應如是。

善男子。是故一切眾生法與非法若如是者。所得果報亦應不異。

善男子。從子出果是子終不思惟分別。我唯當作婆羅門果。不與刹利毘舍首陀而作果也。何以故。從子出果終不罣礙如是四姓。法與非法亦復如是。不能分別我唯當與。佛得作果。不與天得作果。作天得果不作佛得果。何以故。業平等故。

先尼言。瞿曇。譬如一室有百千燈。炷雖有異明則無差。燈炷別異喻法，非法。其明無差喻眾生我。

佛言。善男子。汝說燈明以喻我者。是義不然。何以故。室異燈異。是燈光明亦在炷邊亦遍室中。汝所言我若如是者。法非法邊俱應有我。我中亦應有法非法。若法非法無有我者。不得說言遍一切處。若俱有者何得復以炷明為喻。

Tiên-ni ngôn: Cồ-đàm! Nhất thiết chúng sanh ngã biến nhất thiết; pháp dữ phi pháp bất biến nhất thiết. Dĩ thị nghĩa cố, Phật đắc tác dị, thiên đắc tác dị. Thị cố Cồ-đàm bất ưng thuyết ngôn: Phật đắc kiến thời, thiên đắc ưng kiến; Phật đắc văn thời, thiên đắc ưng văn.

Phật ngôn: Thiện nam tử! Pháp dữ phi pháp, phi nghiệp tác da?

Tiên-ni ngôn: Cồ-đàm! Thị nghiệp sở tác.

Phật ngôn: Thiện nam tử! Nhược pháp, phi pháp, thị nghiệp tác giả, tức thị đồng pháp, vân hà ngôn dị? Hà dĩ cố? Phật đắc nghiệp xứ, hữu thiên đắc ngã; thiên đắc nghiệp xứ, hữu Phật đắc ngã. Thị cố Phật đắc tác thời, thiên đắc diệc tác. Pháp dữ phi pháp, diệc ưng như thị.

Thiện nam tử! Thị cố nhất thiết chúng sanh, pháp dữ phi pháp nhược như thị giả, sở đắc quả báo diệc ưng bất dị.

Thiện nam tử! Tùng tử xuất quả. Thị tử chung bất tư duy phân biệt: Ngã duy đương tác bà-la-môn quả; bất dữ sát-lợi, tỳ-xá, thủ-đà nhi tác quả dã. Hà dĩ cố? Tùng tử xuất quả, chung bất quái ngại như thị tứ tánh. Pháp dữ phi pháp diệc phục như thị; bất năng phân biệt: Ngã duy đương dữ Phật đắc tác quả, bất dữ thiên đắc tác quả, tác thiên đắc quả, bất tác Phật đắc quả. Hà dĩ cố? Nghiệp bình đẳng cố.

Tiên-ni ngôn: Cồ-đàm! Thí như nhất thất, hữu bá thiên đăng: chú tuy hữu dị, minh tắc vô sai. Đăng chú biệt dị, dụ pháp, phi pháp. Kỳ minh vô sai, dụ chúng sanh ngã.

Phật ngôn: Thiện nam tử! Nhữ thuyết đăng minh, dĩ dụ ngã giả, thị nghĩa bất nhiên. Hà dĩ cố? Thất dị, đăng dị. Thị đăng quang minh diệc tại chú biên, diệc biến thất trung. Nhữ sở ngôn ngã nhược như thị giả, pháp, phi pháp biên, câu ưng hữu ngã; ngã trung, diệc ưng hữu pháp, phi pháp. Nhược pháp, phi pháp, vô hữu ngã giả, bất đắc thuyết ngôn biến nhất thiết xứ. Nhược câu hữu giả, hà đắc phục dĩ chú, minh vi dụ?

善男子。汝意若謂炷之與明真實別異。何因緣故。炷增明盛炷枯明滅。是故不應以法非法喻於燈炷。光明無差喻於我也。何以故。法非法我三事即一。

先尼言。瞿曇。汝引燈喻是事不吉。何以故。燈喻若吉，我已先引。如其不吉何故復說。

善男子。我所引喻都亦不作吉以不吉隨汝意說。是喻亦說離炷有明即炷有明。汝心不等故說。燈炷喻法非法明則喻我。是故責汝。炷即是明離炷有明。法即有我我即有法。非法即我我即非法。汝今何故但受一邊不受一邊。如是喻者於汝不吉。是故我今還以教汝。

善男子。如是喻者即是非喻。是非喻故於我則吉於汝不吉。

善男子。汝意若謂若我不吉汝亦不吉。是義不然。何以故。見世間人自力自害自作他用。汝所引喻亦復如是。於我則吉於汝不吉。

先尼言。瞿曇。汝先責我心不平等。今汝所說亦不平等。何以故。瞿曇。今者以吉向己不吉向我。以是推之真是不平。

佛言。善男子。如我不平能破汝不平，是故汝平。我之不平即是吉也。我之不平破汝不平。令汝得平即是我平。何以故。同諸聖人得平等故。

Thiện nam tử! Nhữ ý nhược vị: chú chi dĩ minh, chân thật biệt dị. Hà nhân duyên cố chú tăng minh tịnh, chú khô minh diệt? Thị cố bất ưng dĩ pháp, phi pháp, dụ ư đăng, chú; quang minh vô sai, dụ ư ngã dã. Hà dĩ cố? Pháp, phi pháp, ngã, tam sự tức nhất.

Tiên-ni ngôn: Cô-đàm! Nhữ dẫn đăng dụ, thị sự bất kiết. Hà dĩ cố? Đăng dụ nhược kiết, ngã dĩ tiên dẫn. Như kỳ bất kiết, hà cố phục thuyết?

Thiện nam tử! Ngã sở dẫn dụ, đô diệt bất tác kiết, dĩ bất kiết. Tùy nhữ ý thuyết. Thị dụ diệt thuyết: ly chú hữu minh, tức chú hữu minh. Nhữ tâm bất đẳng, cố thuyết: đăng, chú, dụ pháp, phi pháp; minh, tác dụ ngã. Thị cố trách nhữ. Chú tức thị minh, ly chú hữu minh. Pháp tức hữu ngã, ngã tức hữu pháp; phi pháp tức ngã, ngã tức phi pháp. Nhữ kim hà cố đăn thọ nhất biên, bất thọ nhất biên? Như thị dụ giả, ư nhữ bất kiết. Thị cố ngã kim hoàn dĩ giáo nhữ.

Thiện nam tử! Như thị dụ giả, tức thị phi dụ. Thị phi dụ cố, ư ngã tác kiết; ư nhữ bất kiết.

Thiện nam tử! Nhữ ý nhược vị: Nhược ngã bất kiết, nhữ diệt bất kiết. Thị nghĩa bất nhiên. Hà dĩ cố? Kiến thể gian nhân, tự lực tự hại; tự tác tha dụng. Nhữ sở dẫn dụ, diệt phục như thị; ư ngã tác kiết, ư nhữ bất kiết.

Tiên-ni ngôn: Cô-đàm! Nhữ tiên trách ngã, tâm bất bình đẳng. Kim nhữ sở thuyết diệt bất bình đẳng. Hà dĩ cố? Cô-đàm kim giả dĩ kiết hướng kỹ, bất kiết hướng ngã. Dĩ thị suy chi, chân thị bất bình.

Phật ngôn: Thiện nam tử! Như ngã bất bình năng phá nhữ bất bình, thị cố nhữ bình. Ngã chi bất bình tức thị kiết dã. Ngã chi bất bình phá nhữ bất bình, linh nhữ đắc bình, tức thị ngã bình. Hà dĩ cố? Đồng chư thánh nhân, đắc bình đẳng cố.

先尼言。瞿曇。我常是平。汝云何言壞我不平。一切眾生平等有我。云何言我是不平耶。

善男子。汝亦說言。當受地獄當受餓鬼當受畜生當受人天。我若先遍五道中者。云何方言當受諸趣。汝亦說言父母和合然後生子。若子先有云何復言和合已有。是故一人有五趣身。若是五處先有身者。何因緣故為身造業。是故不平。

善男子。汝意若謂我是作者。是義不然。何以故。若我作者。何因緣故自作苦事然今眾生實有受苦。是故當知我非作者。

若言是苦非我所作，不從因生。一切諸法亦當如是不從因生。何因緣故說我作耶。

善男子。眾生苦樂實從因緣。如是苦樂能作憂喜。憂時無喜，喜時無憂，或喜，或憂。智人云何說是常耶。

善男子。汝說我常。若是常者，云何說有十時別異。常法不應有歌羅邏時乃至老時。虛空常法尚無一時況有十時。

善男子。我者非是歌羅邏時，乃至老時。云何說有十時別異。

善男子。若我作者。是我亦有盛時衰時。眾生亦有盛時衰時。若我爾者云何是常。

Tiên-ni ngôn: Cồ-đàm! Ngã thường thị bình. Nhữ vân hà ngôn hoại ngã bất bình? Nhất thiết chúng sanh, bình đẳng hữu ngã. Vân hà ngôn ngã thị bất bình da?

Thiện nam tử! Nhữ diệc thuyết ngôn đương thọ địa ngục, đương thọ nạ quý, đương thọ súc sanh, đương thọ nhân, thiên. Ngã nhược tiên biến ngũ đạo trung giả, vân hà phương ngôn đương thọ chư thú? Nhữ diệc thuyết ngôn: phụ mẫu hòa hiệp, nhiên hậu sanh tử. Nhược tử tiên hữu, vân hà phục ngôn: hòa hiệp dĩ hữu? Thị cố nhất nhân hữu ngũ thú thân. Nhược thị ngũ xứ, tiên hữu thân giả, hà nhân duyên cố vị thân tạo nghiệp? Thị cố bất bình.

Thiện nam tử! Nhữ ý nhược vị: Ngã thị tác giả, thị nghĩa bất nhiên. Hà dĩ cố? Nhược ngã tác giả, hà nhân duyên cố tự tác khổ sự? Nhiên kim chúng sanh, thật hữu thọ khổ. Thị cố đương tri: ngã phi tác giả.

Nhược ngôn: thị khổ phi ngã sở tác, bất tùng nhân sanh. Nhất thiết chư pháp diệc đương như thị, bất tùng nhân sanh, hà nhân duyên cố thuyết: ngã tác da?

Thiện nam tử! Chúng sanh khổ, lạc, thật tùng nhân duyên. Như thị khổ, lạc năng tác ưu, hỷ. Ưu thời, vô hỷ; hỷ thời, vô ưu. Hoặc hỷ, hoặc ưu, trí nhân vân hà thuyết thị Thường da?

Thiện nam tử! Nhữ thuyết: ngã thường. Nhược thị thường giả, vân hà thuyết hữu thập thời biệt dị? Thường pháp bất ứng hữu ca-la-rá thời nãi chí lão thời. Hư không thường pháp, thượng vô nhất thời, huống hữu thập thời?

Thiện nam tử! Ngã giả, phi thị ca-la-rá thời nãi chí lão thời; vân hà thuyết hữu thập thời biệt dị?

Thiện nam tử! Nhược ngã tác giả, thị ngã diệc hữu thanh thời, suy thời; chúng sanh diệc hữu thanh thời, suy thời. Nhược ngã nhĩ giả, vân hà thị thường?

善男子。我若作者。云何一人有利有鈍。

善男子。我若作者。是我能作身業口業。身業口業若是我所作者。云何口說無有我耶。云何自疑有耶無耶。

善男子。汝意若謂離眼有見。是義不然。何以故。若離眼已別有見者何須此眼。乃至身根亦復如是。

汝意若謂我雖能見要因眼見。是亦不然。何以故。如有人言須曼那花能燒大村。云何能燒因火能燒。汝立我見亦復如是。

先尼言。瞿曇。如人執鎌則能刈草。我因五根見聞至觸亦復如是。

善男子。鎌人各異是故執鎌能有所作。離根之外更無別我。云何說言我因諸根能有所作。

善男子。汝意若謂執鎌能刈。我亦如是。我有手耶為無手乎。若有手者何不自執。若無手者云何說言我是作者。

善男子。能刈草者，即是鎌也。非我，非人。若我人能何故因鎌。

善男子。人有二業。一則執草。二則執鎌。是鎌唯有能斷之功。眾生見法亦復如是。眼能見色從和合生。若從因緣和合見者。智人云何說言有我。

Thiện nam tử! Ngã nhược tác giả, vân hà nhất nhân hữu lợi, hữu độn?

Thiện nam tử! Ngã nhược tác giả, thị ngã năng tác thân nghiệp, khẩu nghiệp. Thân nghiệp, khẩu nghiệp nhược thị ngã sở tác giả, vân hà khẩu thuyết vô hữu ngã da? Vân hà tự nghi hữu da, vô da?

Thiện nam tử! Nhữ ý nhược vị: ly nhãn hữu kiến, thị nghĩa bất nhiên. Hà dĩ cố? Nhược ly nhãn dĩ, biệt hữu kiến giả, hà tu thử nhãn? Nãi chí thân căn, diệc phục như thị.

Nhữ ý nhược vị: ngã tuy năng kiến, yếu nhân nhãn kiến, thị diệc bất nhiên. Hà dĩ cố? Như hữu nhân ngôn: Tu-man-na hoa năng thiêu đại thôn. Vân hà năng thiêu? Nhân hỏa năng thiêu. Nhữ lập ngã kiến, diệc phục như thị.

Tiên-ni ngôn: Cồ-đàm! Như nhân chấp liêm, tác năng ngải thảo. Ngã nhân ngũ căn, kiến, văn chí xúc, diệc phục như thị.

Thiện nam tử! Liêm, nhân, các dị. Thị cố chấp liêm, năng hữu sở tác. Ly căn chi ngoại, cánh vô biệt ngã, vân hà thuyết ngôn: Ngã nhân chư căn, năng hữu sở tác?

Thiện nam tử! Nhữ ý nhược vị: chấp liêm năng ngải, ngã diệc như thị. Ngã hữu thủ da, vi vô thủ hồ? Nhược hữu thủ giả, hà bất tự chấp? Nhược vô thủ giả, vân hà thuyết ngôn: Ngã thị tác giả?

Thiện nam tử! Năng ngải thảo giả, tức thị liêm dã; phi ngã, phi nhân. Nhược ngã, nhân năng, hà cố nhân liêm?

Thiện nam tử! Nhân hữu nhị nghiệp: nhất tác chấp thảo, nhị tác chấp liêm. Thị liêm duy hữu năng đoạn chi công. Chúng sanh kiến pháp, diệc phục như thị. Nhãn năng kiến sắc, tùng hòa hiệp sanh. Nhược tùng nhân duyên hòa hiệp kiến giả, trí nhân vân hà thuyết ngôn: hữu ngã?

善男子。汝意若謂身作我受。是義不然。何以故。世間不見天得作業佛得受果。

若言不是身作，我非因受。汝等何故從於因緣求解脫耶。汝先是身非因緣生。得解脫已亦應非因而更生身。如身，一切煩惱亦應如是。

先尼言。瞿曇。我有二種。一者有知。二者無知。無知之我能得於身。有知之我能捨離身。猶如坏瓶，既被燒已，失於本色，更不復生。智者煩惱亦復如是，既滅壞已終不更生。

佛言。善男子。所言知者。智能知耶我能知乎。若智能知何故說言我是知耶。若我知者何故方便更求於智。

汝意若謂我因智知同花喻壞。

善男子。譬如刺樹性自能刺。不得說言樹執刺刺。智亦如是，智自能知，云何說言我執智知。

善男子。如汝法中我得解脫。無知我得，知我得耶。若無知得當知猶故具足煩惱。若知得者當知已有五情諸根。何以故。離根之外別更無知。若具諸根云何復名得解脫耶。若言是我其性清淨離於五根。云何說言遍五道有。以何因緣為解脫故修諸善法。

善男子。譬如有人拔虛空刺。汝亦如是。我若清淨。云何復言斷諸煩惱。汝意若謂不從因緣獲得解脫。一切眾生何故不得。

Thiện nam tử! Nhữ ý nhược vị: Thân tác, ngã thọ, thị nghĩa bất nhiên. Hà dĩ cố? Thế gian bất kiến thiên đắc tác nghiệp, Phật đắc thọ quả.

Nhược ngôn: bất thị thân tác, ngã phi nhân thọ, nữ đẳng hà cố tòng ư nhân duyên, cầu giải thoát da? Nhữ tiên thị thân, phi nhân duyên sanh, đắc giải thoát dĩ, diệc ưng phi nhân, nhi cánh sanh thân. Như thân, nhất thiết phiền não, diệc ưng như thị.

Tiên-ni ngôn: Cồ-đàm! Ngã hữu nhị chủng: nhất giả hữu tri, nhị giả vô tri. Vô tri chi ngã năng đắc ư thân. Hữu tri chi ngã năng xả ly thân. Do như phôi bình, ký bị thiêu dĩ, thất ư bốn sắc, cánh bất phục sanh. Trí giả phiền não diệc phục như thị; ký diệt hoại dĩ, chung bất cánh sanh.

Phật ngôn: Thiện nam tử! Sở ngôn tri giả, trí năng tri da, ngã năng tri hồ? Nhược trí năng tri, hà cố thuyết ngôn ngã thị tri da? Nhược ngã tri giả, hà cố phương tiện cánh cầu ư trí?

Nhữ ý nhược vị: Ngã nhân trí tri, đồng hoa dụ hoại.

Thiện nam tử! Thí như thích thọ, tánh tự năng thích. Bất đắc thuyết ngôn: thọ chấp thích thích. Trí diệc như thị; trí tự năng tri, vân hà thuyết ngôn: ngã chấp trí tri?

Thiện nam tử! Như nữ pháp trung, ngã đắc giải thoát, vô tri ngã đắc, tri ngã đắc da? Nhược vô tri đắc, đương tri do cố cụ túc phiền não. Nhược tri đắc giả, đương tri dĩ hữu ngũ tình chư căn. Hà dĩ cố? Ly căn chi ngoại, biệt cánh vô tri. Nhược cụ chư căn, vân hà phục danh đắc giải thoát da? Nhược ngôn: thị ngã kỳ tánh thanh tịnh, ly ư ngũ căn. Vân hà thuyết ngôn: biến ngũ đạo hữu? Dĩ hà nhân duyên, vị giải thoát cố, tu chư thiện pháp?

Thiện nam tử! Thí như hữu nhân, bạt hư không thích. Nữ diệc như thị. Ngã nhược thanh tịnh, vân hà phục ngôn: đoạn chư phiền não? Nhữ ý nhược vị: bất tòng nhân duyên, hoạch đắc giải thoát. Nhất thiết chúng sanh hà cố bất đắc?

先尼言。瞿曇。若無我者誰能憶念。

佛告先尼。若有我者何緣復忘。

善男子。若念是我者。何因緣故。念於惡念念所不念不念所念。

先尼復言。瞿曇。若無我者誰見誰聞。

佛言。善男子。內有六入外有六塵。內外和合生六種識。是六種識因緣得名。

善男子。譬如一火因木得故名為木火。因草得故名為草火。因糠得故名為糠火。因牛糞得名牛糞火。眾生意識亦復如是。因眼因色因明因欲名為眼識。

善男子。如是眼識不在眼中乃至欲中。四事和合故生是識。乃至意識亦復如是。若是因緣和合故生，智不應說見即是我，乃至觸即是我。

善男子。是故我說眼識乃至意識。一切諸法即是幻也。云何如幻。本無今有已有還無。

善男子。譬如酥，麵，蜜，薑，胡椒，華芰，蒲¹萄，胡桃，石榴，桜子，如是和合名歡喜丸。離是和合無歡喜丸。內外六入是名眾生我人士夫。離內外入無別眾生我人士夫。

¹ Chúng tôi theo bản khắc gỗ, nay thường dùng chữ 葡萄 hơn.

Tiên-ni ngôn: Cồ-đàm! Nhược vô ngã giả, thù năng ức niệm?

Phật cáo Tiên-ni: Nhược hữu ngã giả, hà duyên phục vong?

Thiện nam tử! Nhược niệm thị ngã giả, hà nhân duyên cố, niệm ư ác niệm, niệm sở bất niệm, bất niệm sở niệm?

Tiên-ni phục ngôn: Cồ-đàm! Nhược vô ngã giả, thù kiến thù văn?

Phật ngôn: Thiện nam tử! Nội hữu lục nhập, ngoại hữu lục trần; nội, ngoại hòa hiệp, sanh lục chủng thức. Thị lục chủng thức, nhân duyên đắc danh.

Thiện nam tử! Thí như nhất hỏa. Nhân mộc đắc cố, danh vi mộc hỏa; nhân thảo đắc cố, danh vi thảo hỏa; nhân kang đắc cố, danh vi kang hỏa; nhân ngư phân đắc, danh ngư phân hỏa. Chúng sanh ý thức, diệc phục như thị; nhân nhãn, nhân sắc, nhân minh, nhân dục, danh vi nhãn thức.

Thiện nam tử! Như thị nhãn thức bất tại nhãn trung nãi chí dục trung. Tứ sự hòa hiệp, cố sanh thị thức. Nãi chí ý thức, diệc phục như thị. Nhược thị nhân duyên hòa hiệp cố sanh, trí bất ưng thuyết: kiến tức thị ngã; nãi chí xúc tức thị ngã.

Thiện nam tử! Thị cố ngã thuyết: Nhãn thức nãi chí ý thức, nhất thiết chư pháp, tức thị huyễn dã. Vân hà như huyễn? Bôn vô kim hữu, dĩ hữu hoàn vô.

Thiện nam tử! Thí như tô, miến, mật, khương, hồ tiêu, tát bạt, bồ đào, hồ đào, thạch lựu, tuy tử. Như thị hòa hiệp, danh hoan hỷ hoàn. Ly thị hòa hiệp, vô hoan hỷ hoàn. Nội ngoại lục nhập, thị danh chúng sanh, ngã, nhân, sĩ phu. Ly nội ngoại nhập, vô biệt chúng sanh, ngã, nhân, sĩ phu.

先尼言。瞿曇。若無我者。云何說言我見我聞我苦我樂我憂我喜。

佛言。善男子。若言我見我聞名有我者。何因緣故世間復言。汝所作罪非我見聞。

善男子。譬如四兵和合名軍。如是四兵不名為一。而亦說言我軍勇健我軍勝彼。是內外入和合所作亦復如是。雖不是一亦得說言我作我受我見我聞我苦我樂。

先尼言。瞿曇。如汝所言內外和合。誰出聲言我作,我受。

佛言。先尼從愛無明因緣生業。從業生有從有出生無量心數。心生覺觀,覺觀動風。風隨心觸喉舌齒脣。眾生想倒聲出說言。我作我受我見我聞。

善男子。如幢頭鈴。風因緣故便出音聲。風大聲大風小聲小無有作者。

善男子。譬如熱鐵投之水中出種種聲。是中真實無有作者。

善男子。凡夫不能思惟分別如是事故。說言有我及有我所我作我受。

先尼言。如瞿曇說無我,無我所。何緣復說常樂我淨。

Tiên-ni ngôn: Cồ-đàm! Nhược vô ngã giả, vân hà thuyết ngôn: ngã kiến, ngã văn, ngã khổ, ngã lạc, ngã ưu, ngã hỷ?

Phật ngôn: Thiện nam tử! Nhược ngôn: ngã kiến, ngã văn... danh hữu ngã giả, hà nhân duyên cố thế gian phục ngôn: Nhữ sở tác tội, phi ngã kiến văn.

Thiện nam tử! Thí như tứ binh, hòa hiệp danh quân. Như thị tứ binh, bất danh vi nhất, nhi diệt thuyết ngôn: Ngã quân đồng kiến, ngã quân thắng bỉ. Thị nội, ngoại nhập hòa hiệp sở tác, diệt phục như thị. Tuy bất thị nhất, diệt đắc thuyết ngôn: ngã tác, ngã thọ, ngã kiến, ngã văn, ngã khổ, ngã lạc.

Tiên-ni ngôn: Cồ-đàm! Như nhữ sở ngôn: Nội ngoại hòa hiệp, thù xuất thính ngôn: ngã tác, ngã thọ?

Phật ngôn: Tiễn-ni! Tùng ái, vô minh nhân duyên, sanh nghiệp; tùng nghiệp, sanh hữu; tùng hữu, xuất sanh vô lượng tâm số. Tâm, sanh giác quan; giác quan, động phong; phong, tùy tâm xúc, hầu, thiết, xỉ, thân. Chúng sanh tưởng đảo, thính xuất thuyết ngôn: ngã tác, ngã thọ, ngã kiến, ngã văn.

Thiện nam tử! Như tràng đầu linh, phong nhân duyên cố, tiện xuất âm thính: phong đại, thính đại; phong tiểu, thính tiểu. Vô hữu tác giả.

Thiện nam tử! Thí như nhiệt thiết, đầu chi thủy trung, xuất chủng chủng thính. Thị trung chân thật vô hữu tác giả.

Thiện nam tử! Phạm phu bất năng tư duy phân biệt như thị sự cố, thuyết ngôn: hữu ngã cập hữu ngã sở; ngã tác, ngã thọ.

Tiên-ni ngôn: Như Cồ-đàm thuyết: vô ngã, vô ngã sở, hà duyên phục thuyết: thường, lạc, ngã, tịnh?

佛言。善男子。我亦不說內外六入及六識意常樂我淨。我乃宣說滅內外入所生六識。名之為常。以是常故名之為我。有常我故名之為樂。常我樂故名之為淨。

善男子。眾生厭苦斷是苦因。自在遠離是名無我。以是因緣我今實說常樂我淨。

先尼言。世尊。唯願大慈為我宣說。我當云何獲得如是常樂我淨。

佛言。善男子。一切世間從本已來具足大慢能增長慢。亦復造作慢因慢業。是故今者受慢果報。不能遠離一切煩惱得常樂我淨。若諸眾生欲得遠離一切煩惱先常離慢。

先尼言。世尊。如是如是誠如聖教。我先有慢因慢因緣故稱如來僮瞿曇姓。我今已離如是大慢。是故誠心啟請求法。云何當得常樂我淨。

佛言。善男子。諦聽諦聽吾當為汝分別解說。善男子。若能非自非他非眾生者遠離是法。

先尼言。世尊。我已知解，得正法眼。

佛言。善男子。汝云何言已知解已得正法眼。

Phật ngôn: Thiện nam tử! Ngã diệc bát thuyết: Nội, ngoại lục nhập cập lục ý thức: thường, lạc, ngã, tịnh. Ngã nãi tuyên thuyết: Diệt nội, ngoại nhập sở sanh lục thức, danh chi vi thường. Dĩ thị thường cố, danh chi vi ngã. Hữu thường, ngã cố, danh chi vi lạc. Thường, ngã, lạc cố, danh chi vi tịnh.

Thiện nam tử! Chúng sanh yếm khổ, đoạn thị khổ nhân, tự tại viễn ly, thị danh vô ngã. Dĩ thị nhân duyên, ngã kim thật thuyết: thường, lạc, ngã, tịnh.

Tiên-ni ngôn: Thế Tôn! Duy nguyện Đại từ vị ngã tuyên thuyết. Ngã đương vân hà hoạch đắc như thị thường, lạc, ngã, tịnh?

Phật ngôn: Thiện nam tử! Nhất thiết thế gian, tùng bốn dĩ lai, cụ túc đại mạn, năng tăng trưởng mạn, diệc phục tạo tác mạn nhân, mạn nghiệp. Thị cố kim giả thọ mạn quả báo; bất năng viễn ly nhất thiết phiền não, đắc thường, lạc, ngã, tịnh. Nhược chư chúng sanh dục đắc viễn ly nhất thiết phiền não, tiên thường ly mạn.

Tiên-ni ngôn: Thế Tôn! Như thị, như thị, thành như Thánh giáo. Ngã tiên hữu mạn. Nhân mạn nhân duyên, cố xưng Như Lai, nhĩ Cô-đàm tánh. Ngã kim dĩ ly như thị đại mạn, thị cố thành tâm, khả thỉnh câu pháp: Vân hà đương đắc thường, lạc, ngã, tịnh?

Phật ngôn: Thiện nam tử! Đế thính! Đế thính! Ngô đương vị nhữ, phân biệt giải thuyết. Thiện nam tử! Nhược năng phi tự, phi tha, phi chúng sanh giả, viễn ly thị pháp.

Tiên-ni ngôn: Thế Tôn! Ngã dĩ tri giải, đắc chánh pháp nhãn.

Phật ngôn: Thiện nam tử! Nhữ vân hà ngôn: tri dĩ, giải dĩ, đắc chánh pháp nhãn?

世尊。所言色者。非自非他非諸眾生。乃至識亦復如是。我如是觀得正法眼。

世尊。我今甚樂出家修道願見聽許。

佛言。善來比丘。

即時具足清淨梵行證阿羅漢果。

外道眾中復有梵志姓迦葉氏。復作是言。瞿曇。身即是命身異命異。

如來默然。第二第三亦復如是。

梵志復言。瞿曇。若人捨身未得後身。於其中間豈可不名。身異命異。若是異者。瞿曇。何故默然不答。

善男子。我說身命皆從因緣非不因緣。如身命一切法亦如是。

梵志復言。瞿曇。我見世間有法不從因緣。

佛言。梵志。汝云何見世間有法不從因緣。

梵志言。我見大火焚燒榛木。風吹絕焰墮在餘處。是豈不名無因緣耶。

佛言。善男子。我說是火亦從因生非不從因。

梵志言。瞿曇。絕焰去時不因薪炭。云何而言因於因緣。

Thế Tôn! Sở ngôn sắc giả, phi tự, phi tha, phi chư chúng sanh. Nãi chí thức, diệc phục như thị. Ngã như thị quán, đắc Chánh Pháp nhãn.

Thế Tôn! Ngã kim thậm nhạo xuất gia tu đạo. Nguyên kiến thính hứa.

Phật ngôn: Thiện lai, tỳ-kheo!

Túc thời cụ túc thanh tịnh Phạm hạnh; chúng A-la-hán quả.

Ngoại đạo chúng trung, phục hữu Phạm chí, tánh Ca-diếp thị, phục tác thị ngôn: Cồ-đàm! Thân, túc thị mạng; thân dị, mạng dị?

Như Lai mặc nhiên. Đệ nhị, đệ tam, diệc phục như thị.

Phạm chí phục ngôn: Cồ-đàm! Nhược nhân xả thân, vị đắc hậu thân; ư kỳ trung gian, khởi khả bất danh thân dị, mạng dị? Nhược thị dị giả, Cồ-đàm hà cố mặc nhiên bất đáp?

Thiện nam tử! Ngã thuyết: thân, mạng giai tùng nhân duyên, phi bất nhân duyên. Như thân, mạng, nhất thiết pháp diệc như thị.

Phạm chí phục ngôn: Cồ-đàm! Ngã kiến thế gian, hữu pháp bất tùng nhân duyên.

Phật ngôn: Phạm chí! Nhữ vân hà kiến thế gian hữu pháp bất tùng nhân duyên.

Phạm chí ngôn: Ngã kiến đại hỏa, phần thiêu trần mộc; phong xuy tuyết diệm, đọa tại dư xứ. Thị khởi bất danh vô nhân duyên da?

Phật ngôn: Thiện nam tử! Ngã thuyết: thị hỏa diệc tùng nhân sanh; phi bất tùng nhân.

Phạm chí ngôn: Cồ-đàm! Tuyết diệm khứ thời, bất nhân tân thân; vân hà nhi ngôn: nhân ư nhân duyên?

佛言。善男子。雖無薪炭因風而去。風因緣故其焰不滅。

瞿曇。若人捨身未得後身。中間壽命誰為因緣。

佛言。梵志。無明與愛而為因緣。是無明愛二因緣故壽命得住。

善男子。有因緣故身即是命命即是身。有因緣故身異命異。智者不應一向而說身異命異。

梵志言。世尊。唯願為我分別解說。令我了了得知因果。

佛言。梵志。因即五陰果亦五陰。善男子。若有眾生不然火者是則無煙。

梵志言。世尊。我已知已我已解已。

佛言。善男子。汝云何知汝云何解。

世尊。火即煩惱能於地獄餓鬼畜生人天燒然。煙者即是煩惱果報。無常不淨臭穢可惡，是故名煙。若有眾生不作煩惱。是人則無煩惱果報。是故如來說不然火則無有煙。

世尊。我已正見唯願慈矜聽我出家。

爾時世尊告憍陳如。聽是梵志出家受戒。

時憍陳如受佛敕已。和合眾僧聽其出家受具足戒。經五日已得阿羅漢果。

Phật ngôn: Thiện nam tử! Tuy vô tân thán, nhân phong nhi khứ. Phong nhân duyên cố, kỳ diệm bất diệt.

Cồ-đàm! Nhược nhân xả thân, vị đắc hậu thân; trung gian thọ mạng, thù vi nhân duyên?

Phật ngôn: Phạm chí! Vô minh dữ ái nhi vi nhân duyên. Thị vô minh, ái, nhị nhân duyên cố, thọ mạng đắc trụ.

Thiện nam tử! Hữu nhân duyên cố, thân tức thị mạng, mạng tức thị thân. Hữu nhân duyên cố, thân dị, mạng dị. Trí giả bất ưng nhất hướng nhi thuyết: thân dị, mạng dị.

Phạm chí ngôn: Thế Tôn! Duy nguyện vị ngã, phân biệt giải thuyết, linh ngã liễu liễu đắc tri nhân quả.

Phật ngôn: Phạm chí! Nhân tức ngũ âm; quả diệt ngũ âm. Thiện nam tử! Nhược hữu chúng sanh bất nhiên hỏa giả, thị tắc vô yên.

Phạm chí ngôn: Thế Tôn! Ngã dĩ tri dĩ, ngã dĩ giải dĩ.

Phật ngôn: Thiện nam tử! Nhữ vân hà tri, nhữ vân hà giải?

Thế Tôn! Hỏa, tức phiền não, năng ư địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh, nhân, thiên, thiêu nhiên. Yên giả, tức thị phiền não quả báo. Vô thường, bất tịnh, xú uế khả ố thị cố danh yên. Nhược hữu chúng sanh bất tác phiền não, thị nhân tắc vô phiền não quả báo. Thị cố Như Lai thuyết: bất nhiên hỏa, tắc vô hữu yên.

Thế Tôn! Ngã dĩ Chánh kiến, duy nguyện từ cang thính ngã xuất gia.

Nhĩ thời, Thế Tôn cáo Kiều-trần-như: Thính thị Phạm chí xuất gia thọ giới.

Thời, Kiều-trần-như thọ Phật sắc dĩ, hòa hiệp chúng tăng, thính kỳ xuất gia, thọ cụ túc giới. Kinh ngũ nhật dĩ, đắc A-la-hán quả.

外道眾中復有梵志名曰富那。復作是言。瞿曇。汝見世間是常法已，說言常耶。如是義者實耶，虛耶。常，無常。亦常，無常。非常，非無常。有邊，無邊。亦有邊，亦無邊。非有邊，非無邊。是身是命。身異，命異。如來滅後如去，不如去。亦如去，亦不如去。非如去，非不如去。

佛言。富那。我不說世間常虛實。無常亦常無常非常非無常。有邊無邊亦有邊無邊非有邊非無邊。是身是命身異命異。如來滅後如去不如去。亦如去亦不如去。非如去非不如去。

富那復言。瞿曇。今者見何罪過不作是說。

佛言。富那。若有人說世間是常。唯此為實餘妄語者是名為見。見所見處是名見行。是名見業。是名見著。是名見縛。是名見苦。是名見取。是名見怖。是名見熱。是名見纏。

富那。凡夫之人為見所纏。不能遠離生老病死。迴流六趣受無量苦。乃至非如去非不如去亦復如是。

富那。我見是見有如是過。是故不著不為人說。

瞿曇。若見如是罪過不著不說。瞿曇。今者何見何著何所宣說。

Ngoại đạo chúng trung, phục hữu Phạm chí, danh viết Phú-na, phục tác thị ngôn: Cô-đàm! Nhữ kiến thế gian thị thường pháp dĩ, thuyết ngôn thường da? Như thị nghĩa giả, thật da, hư da? Thường, vô thường? Diệc thường, vô thường? Phi thường, phi vô thường? Hữu biên, vô biên? Diệc hữu biên, diệc vô biên? Phi hữu biên, phi vô biên? Thị thân, thị mạng? Thân dị, mạng dị? Như Lai diệt hậu; như khứ, bất như khứ? Diệc như khứ, diệc bất như khứ? Phi như khứ, phi bất như khứ?

Phật ngôn: Phú-na! Ngã bất thuyết: thế gian thường, hư, thật, vô thường; diệc thường, vô thường; phi thường, phi vô thường; hữu biên, vô biên; diệc hữu biên, diệc vô biên; phi hữu biên, phi vô biên? Thị thân, thị mạng; thân dị, mạng dị? Như Lai diệt hậu; như khứ, bất như khứ; diệc như khứ, diệc bất như khứ; phi như khứ, phi bất như khứ?

Phú-na phục ngôn: Cô-đàm! Kim giả kiến hà tội quá, bất tác thị thuyết?

Phật ngôn: Phú-na! Nhược hữu nhân thuyết: Thế gian thị thường; duy thủ vi thật; dư vọng ngữ giả. Thị danh vi kiến. Kiến sở kiến xứ, thị danh kiến hành; thị danh kiến nghiệp; thị danh kiến trước; thị danh kiến phục; thị danh kiến khổ; thị danh kiến thủ; thị danh kiến bố; thị danh kiến nhiệt; thị danh kiến triền.

Phú-na! Phàm phu chi nhân, vị kiến sở triền, bất năng viễn ly sanh, lão, bệnh, tử; hồi lưu lục thú, thọ vô lượng khổ. Nãi chí phi như khứ, phi bất như khứ, diệc phục như thị.

Phú-na! Ngã kiến thị kiến hữu như thị quá. Thị cố bất trước, bất vị nhân thuyết.

Cô-đàm! Nhược kiến như thị tội quá, bất trước, bất thuyết, Cô-đàm kim giả hà kiến, hà trước, hà sở tuyên thuyết.

佛言。善男子。夫見著者名生死法。如來已離生死法故。是故不著。

善男子。如來名為能見能說。不名為著。

瞿曇。云何能見云何能說。

佛言。善男子。我能明見苦集滅道。分別宣說如是四諦。我見如是故能遠離一切見一切愛一切流一切慢。是故我具清淨梵行無上寂靜獲得常身。是身亦非東西南北。

富那言。瞿曇。何因緣故。常身非是東西南北。

佛言。善男子。我今問汝隨汝意答。於意云何善男子。如於汝前然大火聚。當其然時汝知然不。

如是瞿曇。

是火滅時汝知滅不。

如是瞿曇。

富那。若有人問。汝前火聚，然從何來，滅何所至。當云何答。

瞿曇。若有問者我當答言。是火生時賴於眾緣。本緣已盡新緣未至是火則滅。

若復有問是火滅已至何方面。復云何答。

Phật ngôn: Thiện nam tử! Phù kiến trước giả, danh sanh tử pháp. Như Lai dĩ ly sanh tử pháp cố, thị cố bất trước.

Thiện nam tử! Như Lai danh vi năng kiến, năng thuyết, bất danh vi trước.

Cồ-đàm! Vân hà năng kiến? Vân hà năng thuyết?

Phật ngôn: Thiện nam tử! Ngã năng minh kiến: khổ, tập, diệt, đạo; phân biệt tuyên thuyết như thị Tứ đế. Ngã kiến như thị, cố năng viễn ly nhất thiết kiến, nhất thiết ái, nhất thiết lưu, nhất thiết mạn. Thị cố ngã cụ thanh tịnh Phạm hạnh, vô thượng tịch tĩnh, hoạch đắc thường thân; thị thân diệt phi đông, tây, nam, bắc.

Phú-na ngôn: Cồ-đàm! Hà nhân duyên cố thường thân phi thị đông, tây, nam, bắc.

Phật ngôn: Thiện nam tử! Ngã kim vấn nữ, tùy nữ ý đáp. Ư ý vân hà? Thiện nam tử! Như ư nữ tiền, nhiên đại hỏa tụ; đương kỳ nhiên thời, nữ tri nhiên phủ?

Như thị Cồ-đàm!

Thị hỏa diệt thời, nữ tri diệt phủ?

Như thị Cồ-đàm.

Phú-na! Nhược hữu nhân vấn: Nữ tiền hỏa tụ, nhiên tùng hà lai, diệt hà sở chí, đương vân hà đáp?

Cồ-đàm! Nhược hữu vấn giả, ngã đương đáp ngôn: thị hỏa sanh thời, lại ư chúng duyên. Bản duyên dĩ tận, tân duyên vị chí, thị hỏa tắc diệt.

Nhược phục hữu vấn: Thị hỏa diệt dĩ, chí hà phương diện? Phục vân hà đáp?

瞿曇。我當答言。緣盡故滅不至方所。

善男子。如來亦爾若有無常色乃至無常識因愛故然。然者即受二十五有。是故然時可說是火東西南北。現在愛滅二十五有果報不然。以不然故不可說有東西南北。

善男子。如來已滅無常之色至無常識，是故身常。身若是常不得說有東西南北。

富那言。請說一喻。唯願聽採。

佛言。善哉善哉隨意說之。

世尊。如大村外有娑羅林。中有一樹先林而生足一百年。是時林主灌之以水隨時修治。其樹陳朽皮膚枝葉悉皆脫落唯真實在。如來亦爾所有陳故悉已除盡。唯有一切真實法在。

世尊。我今甚樂出家修道。

佛言。善來比丘。說是語已。即時出家漏盡證得阿羅漢果。

復有梵志名曰清淨。作如是言。瞿曇。一切眾生不知何法。見世間常無常亦常無常非有常非無常。乃至非如去非不如去。

佛言。善男子。不知色故乃至不知識故。見世間常乃至非如去非不如去。

Cồ-đàm! Ngã đương đáp ngôn: Duyên tận cố diệt, bất chí phương sở.

Thiện nam tử! Như Lai diệt nhĩ. Nhược hữu vô thường sắc, nãi chí vô thường thức, nhân ái cố nhiên. Nhiên giả, tức thọ nhị thập ngũ hữu. Thị cố nhiên thời, khả thuyết thị hỏa: đông, tây, nam, bắc. Hiện tại ái diệt, nhị thập ngũ hữu quả bất nhiên. Dĩ bất nhiên cố, bất khả thuyết hữu đông, tây, nam, bắc.

Thiện nam tử! Như Lai dĩ diệt vô thường chi sắc chí vô thường thức; thị cố thân thường. Thân nhược thị thường, bất đắc thuyết hữu đông, tây, nam, bắc.

Phú-na ngôn: Thỉnh thuyết nhất dụ; duy nguyện thỉnh thái.

Phật ngôn: Thiện tai, thiện tai! Tùy ý thuyết chi.

Thế Tôn! Như đại thôn ngoại, hữu sa-la lâm, trung hữu nhất thọ, tiên lâm nhi sanh tức nhất bá niên. Thị thời, lâm chủ quán chi dĩ thủy, tùy thời tu trị. Kỳ thọ trần hủ; bì phu, chi diệt tất giai thoát lạc; duy chân thật tại. Như Lai diệt nhĩ; sở hữu trần cố, tất dĩ trừ tận; duy hữu nhất thiết chân thật pháp tại.

Thế Tôn! Ngã kim thậm nhạo xuất gia tu đạo.

Phật ngôn: Thiện lai, tỳ-kheo!

Thuyết thị ngũ dĩ, tức thời xuất gia, lậu tận, chứng đắc A-la-hán quả.

Phục hữu Phạm chí, danh viết Thanh Tịnh, tác như thị ngôn: Cồ-đàm! Nhất thiết chúng sanh, bất tri hà pháp, kiến thế gian thường, vô thường; diệt thường, vô thường; phi hữu thường, phi vô thường; nãi chí phi như khứ, phi bất như khứ?

Phật ngôn: Thiện nam tử! Bất tri sắc cố, nãi chí bất tri thức cố, kiến thế gian thường, nãi chí phi như khứ, phi bất như khứ.

梵志言。瞿曇。眾生知何法故。不見世間常乃至非如去非不如去。

佛言。善男子。知色故乃至知識故。見世間常乃至非如去非不如去。

梵志言。世尊。唯願為我分別解說世間常無常。

佛言。善男子。若人捨故不造新業。是人能知常與無常。

梵志言。世尊。我已知解。

佛言。善男子。汝云何見汝云何知。

世尊。故名無明與愛。新名取有。若人遠離是無明愛不作取有。是人真實知常無常。我今已得正法淨眼歸依三寶。唯願如來聽我出家。

佛告憍陳如。聽是梵志出家受戒。

時憍陳如受佛敕已。將至僧中為作羯磨令得出家。十五日後諸漏永盡得阿羅漢果。

大般涅槃經卷第三十九

終

Phạm chí ngôn: Cô-đàm! Chúng sanh tri hà pháp cố, bất kiến thế gian thường, nãi chí phi như khứ, phi bất như khứ?

Phật ngôn: Thiện nam tử! Tri sắc cố, nãi chí tri thức cố, kiến thế gian thường, nãi chí phi như khứ, phi bất như khứ.

Phạm chí ngôn: Thế Tôn! Duy nguyện vị ngã, phân biệt giải thuyết thế gian thường, vô thường.

Phật ngôn: Thiện nam tử! Nhược nhân xả cố, bất tạo tân nghiệp, thị nhân năng tri thường dữ vô thường.

Phạm chí ngôn: Thế Tôn! Ngã dĩ tri giải.

Phật ngôn: Thiện nam tử! Nhữ vân hà kiến? Nhữ vân hà tri?

Thế Tôn! Cố, danh vô minh dữ ái; tân; danh thủ, hữu. Nhược nhân viễn ly thị vô minh, ái, bất tác thủ, hữu, thị nhân chân thật tri thường, vô thường. Ngã kim dĩ đắc Chánh pháp tịnh nhãn, quy y Tam bảo. Duy nguyện Như Lai thỉnh ngã xuất gia.

Phật cáo Kiều-trần-như: Thỉnh thị Phạm chí xuất gia thọ giới.

Thời, Kiều-trần-như thọ Phật sắc dĩ, tương chí Tăng trung, vị tác kiết-ma, linh đắc xuất gia. Thập ngũ nhật hậu, chư lậu vĩnh tận, đắc A-la-hán quả.

Đại Bát Niết-bàn Kinh quyển đệ tam thập cửu

Chung

KINH ĐẠI BÁT NIẾT-BÀN

QUYỂN BA MƯƠI CHÍN

PHẨM KIỀU-TRẦN-NHU

Phẩm thứ mười ba - Phần một

Khi ấy, đức Thế Tôn bảo ông Kiều-trần-như rằng: “Sắc [âm] là vô thường. Nhờ phá trừ sắc [vô thường] này mà đạt được sắc giải thoát, thường còn. Thọ, tưởng, hành, thức cũng là vô thường. Nhờ phá trừ [những thọ, tưởng, hành] thức [vô thường] này mà đạt được [thọ, tưởng, hành] thức giải thoát, thường còn.

“Kiều-trần-như! Sắc tức là khổ. Nhờ phá trừ cái sắc [là khổ] này mà đạt được cái sắc giải thoát, an vui. Đối với thọ, tưởng, hành, thức cũng đều như vậy.

“Kiều-trần-như! Sắc tức là không. Nhờ phá trừ cái sắc [là không] này mà đạt được cái sắc giải thoát, chẳng phải không. Đối với thọ, tưởng, hành, thức cũng đều như vậy.

“Kiều-trần-như! Sắc là vô ngã. Nhờ phá trừ cái sắc [vô ngã] này mà đạt được cái sắc giải thoát, chân ngã. Đối với thọ, tưởng, hành, thức cũng đều như vậy.

“Kiều-trần-như! Sắc là bất tịnh. Nhờ phá trừ cái sắc [bất tịnh] này mà đạt được cái sắc giải thoát, thanh tịnh. Đối với thọ, tưởng, hành, thức cũng đều như vậy.

“Kiều-trần-như! Sắc là tướng của sanh, già, bệnh, chết. Nhờ phá trừ cái sắc [là tướng của sanh, già, bệnh, chết] này mà đạt được cái sắc giải thoát, chẳng phải

tướng của sanh, già, bệnh, chết. Đối với thọ, tưởng, hành, thức cũng đều như vậy.

“Kiều-trần-như! Sắc là nhân của vô minh cho đến sanh.⁽¹⁾ Nhờ phá trừ cái sắc [là nhân của vô minh cho đến sanh] này mà đạt được cái sắc giải thoát, chẳng phải nhân của vô minh [cho đến sanh]. Đối với thọ, tưởng, hành, thức cũng đều như vậy.

“Kiều-trần-như! Sắc là nguyên nhân của bốn sự điên đảo.⁽²⁾ Nhờ phá trừ cái sắc [điên đảo] này mà đạt được cái sắc giải thoát, chẳng phải nguyên nhân của bốn sự điên đảo. Đối với thọ, tưởng, hành, thức cũng đều như vậy.

“Kiều-trần-như! Sắc là nguyên nhân của vô số pháp xấu ác như thân nam, thân nữ, ham muốn sự ăn uống, ái dục, tham lam, sân hận, tật đố, tâm xấu ác, tâm keo kiệt bủn xỉn... những sự ăn uống [nuôi sống] bằng cách nhai nuốt, [nuôi sống] bằng thức, [nuôi sống] bằng tư tưởng, [nuôi sống] bằng cảm xúc; sự sanh ra bằng trứng, bằng bào thai, bằng sự ẩm ướt, bằng cách biến hóa... cho đến năm món dục lạc, năm sự ngăn che... Những pháp như vậy đều có nguyên nhân từ sắc. Nhờ phá trừ sắc này mà đạt được cái sắc giải thoát, không có vô số sự xấu ác như vậy. Đối với thọ, tưởng, hành, thức cũng đều như vậy.

“Kiều-trần-như! Sắc là trói buộc. Nhờ phá trừ cái sắc trói buộc mà đạt được cái sắc giải thoát, không trói buộc. Đối với thọ, tưởng, hành, thức cũng đều như vậy.

“Kiều-trần-như! Sắc là sự lưu chuyển. Nhờ phá trừ cái sắc lưu chuyển mà đạt được cái sắc giải thoát, không lưu chuyển. Đối với thọ, tưởng, hành, thức cũng đều như vậy.

“Kiều-trần-nhu! Sắc chẳng phải nơi quay về nương dựa. Nhờ phá trừ cái sắc này mà đạt được cái sắc giải thoát, là nơi quay về nương dựa. Đối với thọ, tưởng, hành, thức cũng đều như vậy.

“Kiều-trần-nhu! Sắc là ung nhọt [đau đớn đáng ghê tởm]. Nhờ phá trừ cái sắc [như ung nhọt] này mà đạt được cái sắc giải thoát, không phải ung nhọt. Đối với thọ, tưởng, hành, thức cũng đều như vậy.

“Kiều-trần-nhu! Sắc không phải vắng lặng yên tĩnh. Nhờ phá trừ cái sắc [không vắng lặng yên tĩnh] này mà đạt được cái sắc Niết-bàn, vắng lặng yên tĩnh. Đối với thọ, tưởng, hành, thức cũng đều như vậy.

“Kiều-trần-nhu! Nếu ai rõ biết những điều như trên, người ấy đáng gọi là sa-môn, bà-la-môn, thành tựu trọn vẹn các pháp của sa-môn, bà-la-môn.

“Kiều-trần-nhu! Nếu lìa pháp Phật thì không hề có sa-môn, bà-la-môn, cũng không có các pháp của sa-môn, bà-la-môn. Tất cả ngoại đạo chỉ tự xưng một cách giả dối, không hề có đạo hạnh chân thật. Tuy họ khởi sanh tư tưởng rằng [trong nhóm của họ] có sa-môn và bà-la-môn, nhưng thật không thể có. Vì sao vậy? Nếu không có các pháp sa môn, bà-la-môn, làm sao nói là có sa-môn, bà-la-môn?

“Ta thường ở giữa đại chúng này lên tiếng [thuyết giảng Chánh pháp rền vang như tiếng] sư tử rống; các ông cũng nên ở giữa đại chúng lên tiếng [thuyết giảng Chánh pháp rền vang như tiếng] sư tử rống.”

Bấy giờ, có vô số ngoại đạo nghe những lời ấy rồi sanh lòng giận dữ, nghĩ rằng: “Nay ông Cồ-đàm nói rằng trong chúng ta không có sa-môn và bà-la-môn, cũng

không có các pháp sa-môn và bà-la-môn. Chúng ta phải làm sao tìm mọi cách thích hợp để nói với ông Cồ-đàm rằng trong số chúng ta cũng có sa-môn và có pháp sa-môn, cũng có bà-la-môn và có pháp bà-la-môn.”

Lúc ấy, trong chúng [ngoại đạo] có một Phạm chí đứng lên nói rằng: “Thưa các vị, lời nói của ông Cồ-đàm chẳng khác nào lời của người điên, làm sao có thể khảo xét? Những người điên ở thế gian khi thì ca hát, nhảy múa, lúc lại khóc lóc, cười đùa, hoặc chưởi mắng, hoặc ngợi khen, đối với kẻ oán người thân đều không thể phân biệt. Sa-môn Cồ-đàm cũng giống như vậy. Hoặc có khi nói là sanh trong gia đình vua Tịnh Phạn, có khi lại nói là không sanh; có khi nói là sanh ra rồi liền đi bảy bước, có khi lại nói là không đi; có khi nói là thuở nhỏ học tập các môn học thế gian, có khi lại nói là người [tự mình] rõ biết tất cả; có khi ở trong cung điện thọ hưởng khoái lạc, sanh ra con trai, có khi lại chán ngán, chê trách đó là xấu xa hèn hạ; có khi chính mình tu tập khổ hạnh sáu năm, có khi lại quở trách sự khổ hạnh của các đạo khác; có khi nói là theo học với các ông Uất-đầu-lam-phát, A-la-la⁽³⁾... được nghe nhận những điều chưa biết, có khi lại nói rằng các ông ấy không hiểu biết chi cả; có khi nói là chứng đắc A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề dưới gốc cây bồ-đề, có khi lại nói là không có đến chỗ cây ấy, không có chứng đắc gì cả; có khi nói rằng thân này của ta tức là Niết-bàn, có khi lại nói thân này diệt mất rồi mới là Niết-bàn. Những lời Cồ-đàm nói ra [như vậy] thật không khác gì lời của người điên, sao các vị lại vì đó mà ưu sầu, bối rối?”

Những người bà-la-môn liền đáp rằng: “Thưa ông! Chúng tôi hôm nay làm sao có thể không ưu sầu? Trước

kia, sau khi xuất gia, sa-môn Cồ-đàm thuyết dạy những lẽ vô thường, khổ, không, vô ngã, bất tịnh. Những đệ tử của chúng tôi nghe vậy lấy làm sợ sệt: ‘Làm sao chúng sanh lại là vô thường, khổ, không, vô ngã, bất tịnh?’ Nên họ chẳng tin theo lời ấy. Nay ông Cồ-đàm lại đến rừng Sa-la này, vì đại chúng mà thuyết dạy rằng có những pháp thường, lạc, ngã, tịnh. Những đệ tử của chúng tôi nghe được lời này rồi, ắt sẽ bỏ chúng tôi mà đi, tin theo lời dạy của Cồ-đàm. Vì nhân duyên ấy mà chúng tôi vô cùng sầu khổ.”

Bấy giờ lại có một vị bà-la-môn nói rằng: “Này các vị! Hãy lắng nghe cho kỹ lời tôi nói đây! Sa-môn Cồ-đàm xưng là người tu hạnh từ bi, lời nói ấy là hư dối, không chân thật. Nếu có lòng từ bi, sao lại dạy các đệ tử của chúng ta thọ nhận giáo pháp của ông ấy? Kết quả của [sự tu hạnh] từ bi là thuận theo ý người khác, nay ông ấy làm trái ý nguyện của chúng ta, sao có thể nói là từ bi?”

“Nếu nói rằng sa-môn Cồ-đàm không bị tám pháp của thế gian đắm nhiễm, cũng là lời hư dối. Nếu nói Cồ-đàm có ít ham muốn, lòng tự biết đủ, vì sao hôm nay lại cướp mất những lợi ích của chúng ta?”

“Nếu nói rằng Cồ-đàm thuộc dòng họ cao quý, đó cũng là lời hư dối. Vì sao vậy? Xưa nay chưa từng nghe thấy việc chúa sư tử lớn tàn hại loài chuột nhỏ. Nếu Cồ-đàm thuộc dòng họ cao quý, sao hôm nay lại gây rối loạn phiền não cho chúng ta?”

“Nếu nói rằng Cồ-đàm có đầy đủ thể lực mạnh mẽ, đó cũng là lời hư dối. Vì sao vậy? Xưa nay chưa từng nghe thấy việc chim chúa kim sí đi tranh giành với chim quạ. Nếu nói [Cồ-đàm thật] có sức mạnh thì việc gì lại cùng chúng ta tranh đấu?”

“Nếu nói rằng Cồ-đàm có đủ trí Tha tâm, đó cũng là lời hư dối. Vì sao vậy? Nếu có đủ trí Tha tâm thì do nhân duyên gì lại không biết được tâm của chúng ta?”

“Thưa các vị! Thuở trước, tôi từng được nghe các bậc trí giả kỳ cựu nói rằng: Sau một trăm năm nữa, thế gian sẽ có một con yêu tinh huyền hoặc xuất hiện, chính là ông Cồ-đàm này đó. Nay yêu tinh huyền hoặc ấy đang ở rừng Sa-la này, không bao lâu nữa sẽ [tự hoại] diệt mất. Vậy các vị không nên sầu não.”

Bấy giờ, có một người thuộc phái Ni-kiền đáp lại: “Thưa các vị! Nay tôi sầu khổ không phải vì việc đệ tử cúng dường cho tôi, mà chỉ vì người thế gian ngu si tầm tối không có mắt nhìn, chẳng phân biệt được đâu là ruộng phước, nên từ bỏ những vị bà-la-môn kỳ cựu có trí mà chạy theo cúng dường những người tuổi trẻ. Vì thế nên tôi sầu khổ!”

“Sa-môn Cồ-đàm rất giỏi chú thuật. Nhờ sức chú thuật nên có thể làm cho một thân hóa làm vô số thân, lại làm cho vô số thân trở lại thành một thân; hoặc có thể tự thân hóa thành kẻ nam, người nữ, bò, dê, voi, ngựa... Sức tôi có thể diệt trừ chú thuật như vậy. Khi chú thuật của sa-môn Cồ-đàm bị diệt rồi, các vị sẽ được cúng dường trở lại rất nhiều, thọ hưởng sự an vui.”

Bấy giờ, lại có một vị bà-la-môn nói rằng: “Này các vị! Sa-môn Cồ-đàm thành tựu đầy đủ vô lượng công đức, vì thế các vị chớ nên tranh [hơn thua] với ông ấy.”

Đám đông ngoại đạo đáp rằng: “Kẻ ngu si kia! Sao ông lại nói rằng sa-môn Cồ-đàm có đầy đủ công đức lớn? Ông ấy sanh ra vừa được bảy ngày thì mất mẹ, đó có thể gọi là tướng phước đức hay sao?”

Vị bà-la-môn kia đáp: “Khi bị mắng chửi mà không tức giận, khi bị đánh đập mà không đánh trả, nên biết rằng đó chính là tướng phước đức lớn. Thân ông ấy có đủ ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp, vô lượng thần thông, cho nên biết rằng đó là tướng phước đức. Lòng không kiêu ngạo, thường tùy ý [người khác] mà hỏi han; lời nói ra nhẹ nhàng êm dịu, không thô tục; tuổi tác và chí khí đang lúc thanh xuân cường tráng cũng không hấp tấp, nóng nảy; [ở cương vị sẽ] làm vua trị nước có nhiều của cải nhưng không tham tiếc, buông bỏ tất cả như nhỏ bãi nước bọt ra đi xuất gia; cho nên tôi nói rằng sa-môn Cồ-đàm thành tựu đầy đủ vô lượng công đức.”

Chúng ngoại đạo đáp rằng: “Lành thay! Quả thật đúng như lời ông nói, sa-môn Cồ-đàm thành tựu vô lượng thần thông biến hóa. Chúng ta không so đo với ông ta việc ấy. Nhưng sa-môn Cồ-đàm sanh ra tánh tình nhu nhuyễn, không chịu nổi sự khổ hạnh; sanh trưởng trong cung cấm, không thấu rõ những việc ngoài đời. Ông ấy chỉ biết nói lời êm dịu mà thôi, không thông thạo các môn kỹ nghệ, sách sử, luận nghị... Hãy mời ông ấy cùng chúng ta tranh biện rõ ràng những điều cốt yếu trong chánh pháp. Nếu ông ấy thắng, chúng ta sẽ theo hầu hạ ông ấy; nếu chúng ta thắng, ông ấy sẽ phải phụng sự chúng ta.”

Bấy giờ có vô số ngoại đạo cùng họp nhau, đồng lòng đi đến chỗ vua A-xà-thế, nước Ma-già-đà. Nhìn thấy họ, nhà vua liền hỏi: “Này các vị! Các vị thấy đều tu tập Thánh đạo, là người xuất gia, lìa bỏ của cải cùng những việc gia đình. Nhân dân trong nước này đều cùng nhau cúng dường, cung kính chiêm ngưỡng các vị, không ai dám xúc phạm. Vì sao các vị lại đồng lòng họp nhau đến đây?”

“Này các vị! Các vị đều thọ nhận những pháp khác nhau, giữ giới khác nhau, xuất thân từ hoàn cảnh gia đình khác nhau, mỗi vị lại tùy theo giới luật và giáo pháp của riêng mình mà xuất gia tu đạo. Nay có nhân duyên thế tục chi mà các vị một lòng họp lại cùng nhau, như đám lá rụng bị cơn gió xoáy gom về một chỗ? Hãy nói ra nhân duyên gì mà các vị đến đây? Trẫm đây vẫn thường hết lòng ủng hộ những người xuất gia, chẳng tiếc thân mạng.”

Bấy giờ, tất cả ngoại đạo đồng tâm lên rằng: “Đại vương! Xin hãy nghe cho kỹ. Nay đại vương là cây cầu lớn của giáo pháp, là sự khuyến khích lớn của giáo pháp, là đòn cân lớn của giáo pháp, là nơi chứa đựng tất cả công đức, là tánh chân thật của tất cả công đức, là con đường của giáo pháp chân chánh. Ngài là ruộng tốt để gieo hạt giống, là căn bản của tất cả đất nước, là gương sáng của cả nước, là hình tượng của tất cả chư thiên, là bậc cha mẹ của tất cả nhân dân trong nước.

“Đại vương! Thân ngài là kho báu chứa tất cả công đức của thế gian. Vì sao gọi là kho chứa công đức? Đức vua phân xử việc nước không phân biệt kẻ oán người thân, giữ tâm bình đẳng [vô tư] như đất, nước, lửa, gió; vì thế nên tôn xưng vua là kho chứa công đức.

“Đại vương! Tuy hiện tại đời sống của chúng sanh là ngắn ngủi, nhưng công đức của vua lâu dài như những vị vua trước thọ an vui thuở xưa; lại cũng như các vua Đỉnh Sanh, Thiện Kiến, Nhân Nhục, Na-hầu-sa, Da-da-đế, Thi-tỳ, Nhất-xoa-cư... Những vị vua ấy đều có đầy đủ pháp lành, nay đại vương cũng [đầy đủ pháp lành] như họ.

“Đại vương! Nhờ có nhà vua mà đất nước được an vui, nhân dân giàu mạnh, cho nên tất cả người xuất gia đều ưa thích đất nước này, [cùng đến đây] giữ giới tinh cần, tu tập đạo chân chánh.

“Đại vương! Trong kinh chúng tôi có nói: ‘Nếu người xuất gia ở tại nước nào mà trì giới tinh tấn, chuyên cần tu tập đạo chân chánh, thì vua nước ấy cũng có phần [công đức] tu thiện.

“Đại Vương! Tất cả giặc cướp vua đều đã dẹp yên, những người xuất gia không còn phải sợ sệt. Nay chỉ còn duy nhất một kẻ đại ác là sa-môn Cồ-đàm. Vua chưa khảo xét người ấy, chúng tôi rất lo sợ. Người ấy ỷ mình [xuất thân] dòng tộc cao quý, có thân hình đẹp đẽ, lại nhờ phước báo bố thí đời trước nên được cúng dường nhiều, liền dựa vào những việc đó mà sanh ra hết sức kiêu mạn. Hoặc nhân ở chú thuật mà sanh kiêu mạn. Vì nhân duyên ấy nên không chịu khổ hạnh mà vẫn thọ lãnh, chứa trữ mọi thứ áo quần, mền gối mềm mại tốt đẹp. Vì thế, tất cả những kẻ xấu ác khắp thế gian, vì sự lợi dưỡng mà tụ họp đến chỗ ông ấy làm quyến thuộc, chẳng chịu tu hành khổ hạnh. Ông ấy dùng sức chú thuật mà điều phục Ca-diếp với bọn các ông Xá-lợi-phất, Mục-kiền-liên...

“Nay ông ấy lại đến chỗ của chúng tôi trong rừng Salla, lớn tiếng thuyết dạy rằng thân này là thường, lạc, ngã, tịnh để dụ dỗ đệ tử của chúng tôi.

“Đại Vương! Trước đây Cồ-đàm thuyết dạy về vô thường, vô lạc, vô ngã, vô tịnh, chúng tôi còn có thể nhìn được; nhưng nay ông ấy lớn tiếng thuyết dạy là thường, lạc, ngã, tịnh, chúng tôi thật không nhìn được nữa. Xin

đại vương cho phép chúng tôi cùng với ông Cồ-đàm kia mở cuộc tranh biện.”

Vua [A-xà-thế] liền đáp rằng: “Này các vị! Nay các ông đã nghe ai xúi giục mà trong lòng cuồng loạn chẳng yên, khác nào như nước nổi sóng, như lửa cuộn cuộn, như khói chuyên càn? Việc này thật đáng hổ thẹn. Người có trí nghe được ắt lấy làm thương xót, kẻ ngu si nghe được ắt phải chê cười. Những điều các ông nói đó, chẳng phải tướng trạng của người xuất gia. Nếu các ông mắc phải các bệnh thời khí hay ung nhọt, ta đều có thuốc để trị. Nếu các ông vương phải bệnh quỷ thần thì chú thuật Kỳ-bà nhà ta có thể trừ khử. Nhưng nay các ông lại muốn dùng móng tay mà cào cấu núi Tu-di, dùng răng trong miệng mà cắn nghiền kim cương, [thật không thể cứu chữa]!

“Này các vị! Ví như có người ngu si, thấy chúa sư tử lúc đói đang nằm ngủ lại toan đánh thức, hoặc như người lấy ngón tay đưa vào miệng rắn độc, lại như người muốn dùng tay chạm vào đồng tro che phủ than lửa. Nay các ông cũng [ngu si giống] như vậy!

“Này các vị! Ví như con chồn hoang [muốn] rống tiếng sư tử, như con muỗi đọ sức nhanh chậm với chim kim sí, như con thỏ [muốn] lội qua biển và đưa chân chạm đến đáy. Nay các ông cũng [điên cuồng] giống như vậy! Nếu như các ông có nằm mộng thấy mình thắng được sa-môn Cồ-đàm, thì giấc mộng ấy cũng chỉ là điên cuồng huyễn hoặc, không thể tin được.

“Này các ông! Nay các ông khởi lên ý định ấy, chẳng khác gì con thiêu thân lao vào đồng lửa lớn. Các ông nên nghe lời trầm, đừng nói thêm nữa. Tuy các ông ngại

khen trầm là bình đẳng như đòn cân, nhưng thật không nên để cho người ngoài nghe được lời ấy.”

Lúc ấy, bọn ngoại đạo lại tâu rằng: “Đại vương! Hẳn là huyền thuật của sa-môn Cồ-đàm đã đến được chỗ ngài rồi chẳng, nên mới khiến ngài sanh lòng hồ nghi, chẳng tin vào các vị thánh nhân. Đại vương không nên khinh miệt những vị đại sĩ ở đây.

“Đại vương! Mặt trăng khi tròn khi khuyết, nước trong biển cả đều mặn, núi Ma-la-diên kia, những sự vật ấy do ai làm ra? Há chẳng phải những vị bà-la-môn của chúng tôi đó sao? Đại vương lẽ nào không nghe việc tiên A-kiệt-đa ngăn dòng nước sông Hằng suốt mười hai năm trong lỗ tai [ông ấy] hay sao? Đại vương lẽ nào không nghe việc tiên Cồ-đàm hiện thân thông lớn, trong suốt mười hai năm tự biến mình thành thân Đế-thích, biến thân Đế-thích thành thân con dê đực, lại biến ra một ngàn cái nữ căn⁽⁴⁾ trên thân Đế-thích? Đại vương lẽ nào không nghe việc tiên Kỳ-nậu chỉ trong một ngày uống cạn nước bốn biển, khiến đất đai khô kiệt? Đại vương lẽ nào không nghe việc tiên Bà-tâu vì vị trời Tự tại mà tạo ra ba con mắt đó sao? Đại vương lẽ nào không nghe việc tiên A-la-la làm cho thành Ca-la-phú⁽⁵⁾ hóa ra vùng đất chai mặn đó sao?

“Đại vương! Trong đạo bà-la-môn có các vị tiên thần lực lớn lao như vậy, hiện có thể khảo xét, vì sao đại vương lại có lòng khinh miệt?”

Vua đáp: “Các vị! Nếu các vị không tin lời ta, cố ý muốn làm, thì đức Chánh giác Như Lai hiện đang ở trong rừng Sa-la gần đây. Các ông có thể đến để tùy ý chất vấn. Đức Như lai sẽ vì các ông mà phân biệt giải đáp, phù hợp với tâm ý của các ông.”

Bấy giờ, vua A-xà-thế với các người ngoại đạo và đồ chúng quyến thuộc của họ cùng đi đến chỗ Phật. Vua cúi đầu và mặt làm lễ sát dưới chân Phật, rồi đi quanh Phật ba vòng theo chiều bên phải. Lễ nghi cung kính vừa xong, vua lui lại đứng sang một bên, bạch Phật rằng: “Thế Tôn! Những ngoại đạo này muốn được tùy ý chất vấn, xin Như Lai tùy ý giải đáp.”

Phật dạy: “Được, xin đại vương cứ tạm chờ ở đó, ta tự biết lúc thích hợp [để giải đáp cho họ].

Lúc ấy, trong chúng hội có một bà-la-môn tên Xà-đề-thủ-na lên tiếng hỏi: “Cồ-đàm! Có phải ông nói rằng Niết-bàn là pháp thường còn?”

Phật đáp: “Đại bà-la-môn, quả đúng như vậy!”

Bà-la-môn ấy nói tiếp: “Cồ-đàm! Nếu nói rằng Niết-bàn là thường, nghĩa ấy không đúng. Vì sao vậy? Như pháp thế gian, từ hạt sanh quả, tiếp nối nhau chẳng dứt; như từ đất sét mà tạo ra bình, từ sợi chỉ mà [dệt] thành áo.

“Cồ-đàm thường nói: ‘Nhờ tu tập pháp quán tưởng vô thường mà đạt được Niết-bàn.’ Nhân là vô thường, quả làm sao là thường?

“Cồ-đàm lại nói: ‘Giải thoát khỏi lòng tham trong Dục giới tức là Niết-bàn. Giải thoát khỏi lòng tham trong Sắc giới và Vô sắc giới tức là Niết-bàn. Diệt trừ vô minh với tất cả phiền não tức là Niết-bàn.’ Từ dục cho tới vô minh, phiền não đều là vô thường. Nhân là vô thường thì [quả] Niết-bàn đạt được đó lẽ ra cũng phải là vô thường!

“Cồ-đàm lại nói: ‘Do nhân [đã tạo] mà được sanh lên cõi trời; do nhân [đã tạo] mà phải đọa xuống địa ngục;

do nhân [đã tạo] mà được giải thoát. Vì thế, các pháp đều do nhân mà sanh.’ Nếu do nhân sanh mà được giải thoát, thì giải thoát ấy sao có thể nói là thường?

“Cồ-đàm cũng nói: ‘Sắc do duyên sanh nên gọi là vô thường. Thọ, tưởng, hành, thức cũng đều như vậy.’ Như vậy, nếu giải thoát là sắc thì nên biết đó là vô thường. [Nếu là] thọ, tưởng, hành, thức thì cũng như vậy. Còn nếu liả cả năm ấm [sắc, thọ, tưởng, hành, thức] mà có giải thoát, thì nên biết giải thoát ấy tức là hư không. Nếu là hư không thì không thể nói là do nhân duyên sanh. Vì sao vậy? Vì hư không là thường còn, là duy nhất, là khắp cả mọi nơi.

“Cồ-đàm cũng nói: ‘Do nhân mà sanh tức là khổ.’ Nếu đã là khổ, vì sao lại nói giải thoát là [an] lạc?

“Cồ-đàm lại nói: ‘Vô thường tức khổ, khổ tức vô ngã. Nếu là vô thường, khổ, vô ngã, tức là bất tịnh. Tất cả các pháp do nhân sanh ra đều là vô thường, khổ, vô ngã, bất tịnh, vì sao lại nói Niết-bàn tức là thường, lạc, ngã, tịnh?’

“Nếu Cồ-đàm nói rằng [Niết-bàn] là thường, cũng là vô thường; là lạc, cũng là khổ; là ngã, cũng là vô ngã; là tịnh, cũng là bất tịnh; như vậy chẳng phải là nói hai lời đó sao? Tôi từng được nghe những vị trí giả kỳ cựu trước đây nói rằng: ‘Nếu Phật ra đời thì không nói hai lời.’ Nay [nếu là như vậy thì] Cồ-đàm đã nói hai lời.

“Cồ-đàm lại nói: ‘Phật chính là thân này của ta hiện nay.’ Nghĩa ấy thế nào?”

Phật dạy: “Bà-la-môn! Theo những gì ông vừa nói, nay ta sẽ hỏi ông, ông cứ tùy ý trả lời.”

Bà-la-môn đáp: “Lành thay! Cồ-đàm, [xin ông cứ hỏi]!

Phật hỏi: “Bà-la-môn! Tánh của ông là thường hay vô thường?”

Bà-la-môn đáp: “Tánh của tôi là thường.”

Phật hỏi: “Bà-la-môn! Tánh ấy có thể làm nhân cho tất cả các pháp trong [thân] và ngoài [thân] hay chăng?”

Đáp: “Đúng vậy, Cồ-đàm!”

Phật lại hỏi: “Bà-la-môn! Làm nhân như thế nào?”

Bà-la-môn đáp: “Cồ-đàm! Do nơi tánh sanh ra đại; do nơi đại sanh ra mạn, do nơi mạn sanh ra mười sáu pháp, đó là: địa, thủy, hỏa, phong, không, năm căn nhận biết [gồm mắt, tai, mũi, lưỡi, thân], năm căn tạo nghiệp [gồm tay, chân, miệng nói và hai căn nam, nữ] và căn tâm bình đẳng. Mười sáu pháp vừa kể do nơi năm pháp mà sanh, đó là hình sắc, âm thanh, mùi hương, vị nếm và xúc chạm. Cả hai mươi một pháp này có căn bản là ba pháp: nhiễm, thô và đen. Nhiễm gọi là ái; thô gọi là sân; đen gọi là vô minh.

“Cồ-đàm! Hai mươi lăm pháp này đều do nơi tánh sanh ra.”⁽⁶⁾

Đức Phật lại hỏi: “Bà-la-môn! Pháp đại và tất cả các pháp kia là thường hay vô thường?”

Vị bà-la-môn đáp: “Cồ-đàm! Theo pháp của chúng tôi thì tánh là thường, còn pháp đại và tất cả các pháp kia đều là vô thường.”

Phật dạy: “Bà-la-môn! Theo pháp của các ông [như vậy] thì nhân là thường, quả là vô thường. Vậy pháp của ta dạy nhân tuy vô thường nhưng quả lại thường có gì là sai?”

“Này bà-la-môn! Trong pháp của các ông có [phân biệt] hai loại nguyên nhân chăng?”

Đáp: “Thưa có.”

Phật hỏi: “Thế nào là có hai nguyên nhân?”

Bà-la-môn đáp: “Một là nguyên nhân sanh ra, hai là nguyên nhân soi rõ.”

Phật lại hỏi: “Thế nào là nhân sanh ra? Thế nào là nhân soi rõ?”

Bà-la-môn đáp: “Nguyên nhân sanh ra là như từ đất sét làm thành cái bình; nguyên nhân soi rõ là như ánh đèn soi rõ đồ vật.”

Đức Phật hỏi: “Hai loại nhân này vẫn cùng một tánh [là làm nhân cho pháp khác]. Nếu là một [tánh], vậy có thể lấy nhân sanh ra làm nhân soi rõ hoặc ngược lại hay chăng?”

Bà-la-môn đáp: “Không thể, Cồ-đàm!”

Phật lại hỏi: “Nếu nhân sanh ra không thể làm nhân soi rõ hoặc ngược lại, vậy có thể nói là có tướng trạng của nhân hay chăng?”

Bà-la-môn đáp: “Tuy không thể thay thế cho nhau, nhưng vẫn có tướng trạng của nhân.”

Phật lại hỏi: “Bà-la-môn! Đối tượng soi rõ của nhân soi rõ ấy có đồng nhất với tự thân nó chăng?”

Đáp: “Thưa Cồ-đàm, không!”

Phật dạy: “Trong giáo pháp của ta [cũng vậy], tuy từ nơi vô thường mà đạt được Niết-bàn, nhưng [Niết-bàn] chẳng phải vô thường, [không đồng nhất với vô thường.

“Bà-la-môn! Do nhân rõ biết mà đạt được, cho nên là thường, lạc, ngã, tịnh. Do nhân sanh ra mà có, cho nên là vô thường, khổ, vô ngã, bất tịnh. Vì thế, chỗ thuyết dạy của Như Lai tuy có phân thành hai [nghĩa], nhưng sự phân hai này không thật có hai [nghĩa], cho nên Như Lai không hề nói hai lời.

“Như lời ông vừa nói là đã từng nghe những bậc trí giả kỳ cựu trước đây nói rằng: ‘Nếu Phật ra đời thì không nói hai lời.’ Lời ấy đúng thay! Chỗ thuyết dạy của tất cả chư Phật ba đời trong mười phương đều không có sai biệt, cho nên nói rằng: ‘Phật không nói hai lời.’ Thế nào là không sai biệt? Nếu là có thì [tất cả chư Phật] đều nói là có; nếu là không thì [tất cả chư Phật] đều nói là không. Cho nên gọi là một nghĩa đồng nhất.

“Bà-la-môn! Đức Như Lai Thế Tôn tuy [có lúc] gọi tên [sự việc] dùng đến hai lời, nhưng đó đều là vì để làm rõ một lời. Thế nào là [dùng đến] hai lời để làm rõ một lời? Như [nói về] mắt và hình sắc là hai, [nói] sanh ra [nhãn] thức là một. Cho đến ý và các pháp [sanh ra các thức khác] cũng giống như vậy.”⁽⁷⁾

Bà-la-môn [Xà-đề-thủ-na] nói: “Cồ-đàm thật khéo phân biệt những ý nghĩa như vậy. Nhưng nay tôi còn chưa hiểu chỗ nói ra hai lời để làm rõ một lời.”

Bấy giờ, đức Thế Tôn liền vì bà-la-môn [Xà-đề-thủ-na] mà tuyên thuyết Bốn chân đế. Sau đó Phật dạy:

“Này bà-la-môn! Nói Khổ để đó, cũng là hai, cũng là một; cho đến Đạo để cũng là hai, cũng là một.”

Bà-la-môn [Xà-đề-thủ-na] liền nói: “Bạch Thế Tôn! Con đã hiểu rồi.”

Phật hỏi: “Thiện nam tử! Ông hiểu như thế nào rồi?”

Bà-la-môn [Xà-đề-thủ-na] thưa: “Bạch Thế Tôn! Khổ để đối với tất cả phàm phu là hai, đối với thánh nhân là một; cho đến Đạo đế cũng giống như vậy.”

Phật dạy: “Lành thay! Ông đã hiểu.”

Bà-la-môn [Xà-đề-thủ-na] thưa rằng: “Bạch Thế Tôn! Nay con được nghe Chánh pháp, đã được sự thấy biết chân chánh. Con xin quy y Tam bảo: Phật, Pháp, Tăng. Cúi xin đức Đại từ nhận cho con được xuất gia.”

Bấy giờ, đức Thế Tôn bảo Kiêu-trần-như: “Ông hãy vì Xà-đề-thủ-na mà cạo bỏ râu tóc, cho phép ông ấy xuất gia.”

Kiêu-trần-như vâng lời Phật dạy, liền cạo tóc cho Xà-đề-thủ-na. Ngay lúc vừa đưa dao cạo, cả râu tóc và phiền não đều đồng thời rơi rụng hết. Xà-đề-thủ-na ngay nơi chỗ ngồi [khi ấy] liền chứng đắc thánh quả A-la-hán.

Tiếp đó lại có một vị Phạm chí⁽⁸⁾ họ Bà-tư-trá lên tiếng hỏi rằng: “Cồ-đàm! Theo lời ông nói thì có phải Niết-bàn là thường chăng?”

Phật đáp: “Đúng vậy, Phạm chí!

Bà-tư-trá nói: “Cồ-đàm! Ông cũng nói rằng, không có phiền não là Niết-bàn?”

Phật đáp: “Đúng vậy, Phạm chí!”

Bà-tư-trá nói: “Trong thế gian có bốn trường hợp được gọi là không.

“Một là pháp chưa xuất hiện gọi là không, như cái bình khi còn là đất sét thì gọi là không có bình.

“Hai là pháp đã dứt mất gọi là không, như khi cái bình đã vỡ thì gọi là không có bình.

“Ba là tướng trạng khác biệt nên [đã là tướng này thì] không [là tướng kia], như trong [tướng] bò không có ngựa, trong [tướng] ngựa không có bò.

“Bốn là [những sự vật] hoàn toàn không có nên gọi là không, như lông rùa, sừng thỏ.

“Cồ-đàm! Nếu do diệt trừ hết phiền não mà gọi là Niết-bàn, thì Niết-bàn tức là không. Nếu [Niết-bàn đã] là không, sao lại nói rằng có thường, lạc, ngã, tịnh?”

Phật dạy: “Thiện nam tử! Niết-bàn như vậy chẳng phải trường hợp là không trước [khi xuất hiện], như cái bình lúc còn là đất sét; cũng chẳng phải trường hợp là không vì dứt mất, như cái bình [sau khi] đã vỡ; cũng chẳng phải là không vì hoàn toàn không có, như lông rùa, sừng thỏ. Niết-bàn rơi vào trường hợp là không vì tướng trạng khác biệt.

“Thiện nam tử! Theo lời ông vừa nói, tuy trong [tướng trạng của] bò không có ngựa, nhưng không thể nói bò cũng là không; tuy trong [tướng trạng của] ngựa không có bò, nhưng không thể nói ngựa cũng là không. Niết-bàn cũng thế. Trong phiền não không có Niết-bàn, trong Niết-bàn không có phiền não. Vậy nên gọi là tướng trạng khác biệt, nếu là tướng này thì không có tướng kia.”

Bà-tư-trá nói: “Cồ-đàm! Nếu nói rằng cái không vì [tướng trạng] khác biệt là Niết-bàn, thì cái không vì [tướng trạng] khác biệt đó không có thường, lạc, ngã, tịnh, vì sao Cồ-đàm nói rằng Niết-bàn là thường, lạc, ngã, tịnh?”

Phật dạy: “Thiện nam tử! Cứ theo lời ông nói thì trong cái không vì [tướng trạng] khác biệt đó có đủ ba trường hợp không. Bò, ngựa... đó trước kia vốn không, rồi sau

mới có, đó là trường hợp không trước [khi xuất hiện]; đã có rồi, về sau [diệt mất] trở lại thành không, đó là trường hợp không vì dứt mất. Còn trường hợp không vì tướng trạng khác biệt thì như ông vừa nói.

“Thiện nam tử! Ba trường hợp không ấy đều không có trong Niết-bàn. Cho nên Niết-bàn là thường, lạc, ngã, tịnh. Như bệnh ở thế gian, một là bệnh nhiệt, hai là bệnh thời khí, ba là bệnh hàn. Ba loại bệnh này có ba loại thuốc trị. Bơ [làm từ sữa] trị được bệnh nhiệt; dầu [gió] trị được bệnh thời khí; mật ngọt trị được bệnh hàn. Ba loại thuốc ấy có thể trị được ba loại bệnh hại [người].

“Thiện nam tử! Trong [bệnh] nhiệt không có bơ, trong bơ không có [bệnh] nhiệt. Trong [bệnh] phong không có dầu [gió], trong dầu [gió] không có [bệnh] phong. Cho đến trong mật ngọt không có [bệnh] hàn, trong [bệnh] hàn không có mật ngọt. Vì thế [nên các loại thuốc này] mới có thể trị bệnh.

“Tất cả chúng sanh cũng giống như vậy, có ba loại bệnh là tham, sân và si. Ba loại bệnh này có ba loại thuốc trị. Pháp quán bất tịnh là thuốc trị [bệnh] tham. Pháp quán từ bi là thuốc trị [bệnh] sân. Trí tuệ [khởi sanh từ] pháp quán nhân duyên là thuốc trị [bệnh] si.

“Thiện nam tử! Vì muốn trừ tham nên thực hành pháp quán không tham; vì muốn trừ sân nên thực hành pháp quán không sân; vì muốn trừ si nên thực hành pháp quán không si.

“Trong ba loại bệnh ấy không có ba thứ thuốc; trong ba thứ thuốc ấy không có ba loại bệnh.

“Thiện nam tử! Vì trong ba loại bệnh không có ba thứ thuốc, nên đó là vô thường, vô ngã, vô lạc, vô tịnh. Vì

trong ba thứ thuốc không có ba loại bệnh, nên có thể gọi là thường, lạc, ngã, tịnh.”

Bà-tư-trá liền thưa hỏi: “Thế Tôn! Như Lai vì tôi nói lẽ thường và vô thường. Thế nào là thường? Thế nào là vô thường?”

Phật dạy: “Thiện nam tử! Sắc là vô thường, giải thoát [ra khỏi] sắc là thường. Cho đến thức là vô thường, giải thoát [ra khỏi] thức là thường.⁽⁹⁾

“Thiện nam tử! Nếu thiện nam tử, thiện nữ nhân nào có thể quán xét từ sắc cho đến thức đều là vô thường, nên biết rằng người ấy đã đạt được pháp thường.”

Bà-tư-trá bạch rằng: “Thế Tôn! Nay con đã rõ biết về pháp thường và pháp vô thường.”

Phật hỏi: “Thiện nam tử! Ông rõ biết pháp thường và pháp vô thường như thế nào?”

Bà-tư-trá thưa: “Bạch Thế Tôn! Nay con biết rằng hình sắc của con đây là vô thường, đạt được sự giải thoát [ra khỏi sắc] là thường. [Từ sắc] cho đến thức cũng đều như vậy.”

Phật dạy: “Thiện nam tử! Lành thay! Nay ông đã trả được món nợ mang thân này!”⁽¹⁰⁾

Đức Phật quay sang bảo Kiều-trần-như: “Ông Bà-tư-trá đã chứng quả A-la-hán, hãy đưa cho ông ấy bộ y ba tấm và bình bát [khất thực].”

Bấy giờ, Kiều-trần-như vâng lời Phật dạy trao đủ y bát.

Thọ lãnh y bát rồi, Bà-tư-trá liền nói: “Đại đức Kiều-trần-như! Nay tôi nhân nơi cái thân xấu ác này mà đạt

được quả báo tốt lành. Cảm phiền đại đức thay tôi đến chỗ Thế Tôn thưa rõ tâm lòng tôi: ‘Trước đây tôi là kẻ xấu ác, xúc phạm Như Lai, dám gọi trống Phật bằng họ Cồ-đàm.’ Nguyện đại đức thay tôi sám hối tội ấy. Nay tôi không thể ở lâu trong thân độc hại này, sẽ vào Niết-bàn.”

Bấy giờ, Kiều-trần-như liền đến trước Phật, bạch rằng: “Thế Tôn! Tỳ-kheo Bà-tư-trá sanh lòng hổ thẹn, tự nói rằng mình đã ngu si dại dột xúc phạm Như Lai, dám gọi trống Phật bằng họ Cồ-đàm. Ông ấy không thể ở lâu trong thân độc hại nên muốn xả thân, nhờ con thay mặt sám hối.”

Phật dạy: “Kiều-trần-như! Tỳ-kheo Bà-tư-trá đã thành tựu căn lành trước vô lượng chư Phật quá khứ. Nay ông ấy vâng nhận lời ta, sống theo đúng pháp. Nhờ sống theo đúng pháp nên đạt được Chánh quả. Các ông nên cúng dường [nhục] thân vị ấy.”

Lúc ấy, nghe lời Phật dạy, Kiều-trần-như trở lại nơi [tỳ-kheo Bà-tư-trá] xả bỏ xác thân, thiết lễ cúng dường.

Bấy giờ, khi xác thân đang được hỏa thiêu, [tỳ-kheo] Bà-tư-trá liền hóa hiện đủ mọi phép thần thông.

Những kẻ ngoại đạo thấy việc ấy rồi liền lớn tiếng nói rằng: “Bà-tư-trá đã đạt được chú thuật của sa-môn Cồ-đàm. Không bao lâu nữa ông này sẽ thắng được sa-môn Cồ-đàm kia.”

Bấy giờ, trong chúng ngoại đạo có một Phạm chí tên là Tiên-ni⁽¹¹⁾ lên tiếng hỏi rằng: “Cồ-đàm! Thật có ngã chẳng?”

Đức Như Lai lặng thinh.

Phạm chí Tiên-ni lại hỏi: “Cồ-đàm! Thật không có ngã chẳng?”

Đức Như Lai vẫn lặng thinh.

Phạm chí Tiên-ni lại hỏi đến lần thứ nhì, thứ ba như vậy, đức Như Lai vẫn lặng thinh [không đáp].

Phạm chí Tiên-ni liền nói: “Cồ-đàm! Nếu tất cả chúng sanh đều có ngã, thì cái ngã ấy phải bao trùm khắp mọi nơi, là do một đấng sáng tạo làm ra, vì có gì Cồ-đàm [không nói như thế mà] lặng thinh chẳng đáp?”

Đức Phật hỏi: “Tiên-ni! Ông nói cái ngã ấy bao trùm khắp mọi nơi, có phải vậy chẳng?”

Phạm chí Tiên-ni đáp: “Cồ-đàm! Chẳng riêng gì tôi, tất cả những người có trí đều nói như vậy.”

Phật dạy: “Thiện nam tử! Nếu cái ngã ấy bao trùm khắp mọi nơi, thì lẽ ra phải cùng lúc thọ nhận quả báo trong năm cảnh giới.⁽¹²⁾ Nếu là cùng lúc thọ nhận quả báo trong năm cảnh giới, vì nhân duyên gì những Phạm chí các ông tránh không tạo ác để khỏi vào địa ngục và tu tập các pháp lành để được thân cõi trời?”

Tiên-ni nói: “Cồ-đàm! Trong pháp của chúng tôi có hai loại ngã, một là cái ngã trong thân tạo tác, hai là cái ngã trong thân thường tồn. Vì cái ngã trong thân tạo tác nên phải lìa xa pháp xấu ác để không vào địa ngục và tu các pháp lành để sanh lên cõi trời.”

Phật dạy: “Thiện nam tử! Theo như ông vừa nói thì cái ngã ấy bao trùm khắp mọi nơi. Như vậy, nếu nói cái ngã ấy ở trong thân tạo tác thì nên biết rằng nó là vô thường. Còn nếu nó không ở trong thân tạo tác thì sao có thể nói là bao trùm khắp?”

Tiên-ni nói: “Cồ-đàm! Theo lập luận về ngã của chúng tôi thì cái ngã ấy cũng ở trong thân tạo tác mà cũng là pháp thường.”

“Cồ-đàm! Ví như có người gây ra hỏa hoạn. Khi nhà cháy thì chủ nhà đã thoát ra khỏi. Vậy không thể nói rằng nhà bị cháy thì ông chủ cũng chết cháy. Giáo pháp [về ngã] của chúng tôi cũng vậy. Thân tạo tác này tuy là vô thường, nhưng khi vô thường xảy đến thì cái ngã [trong thân] đã thoát ra khỏi. Vì thế, cái ngã theo chúng tôi là bao trùm khắp, cũng là thường còn.”

Phật dạy: “Thiện nam tử! Như lời ông vừa nói, cái ngã là bao trùm khắp, cũng là thường còn, nghĩa ấy không đúng.

“Vì sao vậy? Sự trùm khắp có hai loại, hoặc là thường, hoặc là vô thường; lại có hai loại, hoặc là hình sắc, hoặc là không hình sắc. Cho nên, nếu nói đến tất cả mọi sự hiện hữu thì [trong đó] là thường, cũng là vô thường; là hình sắc, cũng là không hình sắc.

“Nếu nói chủ nhà đã thoát ra khỏi [căn nhà bị cháy] nên không gọi là vô thường, nghĩa ấy không đúng. Vì sao vậy? Nhà không phải chủ, chủ không phải nhà. Cái bị cháy và người ra khỏi [đám cháy] là hai thực thể khác nhau, cho nên mới [thoát ra] được như vậy. Về cái ngã thì không phải như thế. Vì sao vậy? Vì cái ngã [mà các ông nói đó] tức là hình sắc, hình sắc tức là ngã; ngã tức là không hình sắc, không hình sắc tức là ngã; sao lại nói rằng: ‘Trong khi hình sắc là vô thường thì cái ngã đã thoát ra khỏi?’

“Thiện nam tử! Nếu ông cho rằng tất cả chúng sanh đều cùng chung một cái ngã, như vậy là trái ngược với cả pháp thế gian và xuất thế gian. Vì sao vậy? Pháp thế gian có những tên gọi [phân biệt] như cha, mẹ, con trai, con gái... Nếu cái ngã là một, thì cha tức là con trai, con

trai tức là cha; mẹ tức là con gái, con gái tức là mẹ; kẻ oán tức là người thân, người thân tức là kẻ oán; cái này tức là cái kia, cái kia tức là cái này... [không còn có sự phân biệt]. Cho nên, nếu nói tất cả chúng sanh cùng chung một cái ngã tức là trái ngược với cả pháp thế gian và xuất thế gian.”

Tiên-ni liền nói: “Tôi không nói tất cả chúng sanh cùng chung một cái ngã, mà nói là mỗi người có riêng một cái ngã.”

Phật dạy: “Thiện nam tử! Nếu nói mỗi người có riêng một cái ngã, tức là có nhiều cái ngã, nghĩa ấy không đúng. Vì sao vậy? Như trước đây ông đã nói: ‘Cái ngã bao trùm khắp.’ Nếu cái ngã là bao trùm khắp thì cội gốc nghiệp quả của tất cả chúng sanh đáng lẽ phải đồng như nhau, khi chư thiên nhìn thấy [điều gì] thì Phật cũng thấy [như vậy]; khi chư thiên tạo tác [việc gì] thì Phật cũng tạo tác [như vậy]; khi chư thiên nghe được [điều gì] thì Phật cũng nghe được [như vậy]... Tất cả các pháp cũng đều như thế. Nếu chỗ chư thiên thấy không phải chỗ Phật thấy thì không nên nói rằng: ‘Cái ngã bao trùm khắp mọi nơi.’ Nếu [cái ngã] không bao trùm khắp thì đó là vô thường.”

Tiên-ni nói: “Cồ-đàm! Cái ngã của tất cả chúng sanh tuy bao trùm khắp mọi nơi, [nhưng] pháp và phi pháp không trùm khắp. Vì nghĩa ấy nên Phật tạo tác khác, chư thiên tạo tác khác. Do đó Cồ-đàm không nên nói rằng: ‘Khi Phật thấy [điều gì] thì chư thiên lẽ ra cũng thấy [như vậy]; khi Phật nghe [điều gì] thì chư thiên lẽ ra cũng nghe [như vậy].’”

Phật hỏi: “Thiện nam tử! Pháp và phi pháp, chẳng phải do nghiệp tạo thành đó sao?”

Tiên-ni đáp: “Cồ-đàm! Đúng là do nghiệp tạo thành.”

Phật dạy: “Thiện nam tử! Nếu pháp và phi pháp đều do nghiệp tạo thành, tức là đồng một pháp như nhau, sao lại nói là khác nhau? Vì sao vậy? Trong chỗ [đã thành] nghiệp của Phật có cái ngã [được làm] chư thiên; trong chỗ [đã thành] nghiệp của chư thiên, có cái ngã [được làm] Phật. Vì thế, khi Phật tạo tác [điều gì] thì chư thiên cũng tạo tác [như vậy]. Pháp và phi pháp lẽ ra cũng phải như vậy.

“Thiện nam tử! Cho nên đối với tất cả chúng sanh, nếu pháp và phi pháp là như vậy thì chỗ nhận lãnh quả báo lẽ ra không khác biệt nhau.

“Thiện nam tử! Từ nơi hạt giống mà sanh ra quả. Hạt giống ấy không hề suy xét phân biệt: ‘Ta sẽ tạo thành quả [cho hàng] bà-la-môn thôi, không tạo thành quả cho [những giai cấp] sát-lợi, tỳ-xá, thú-đà.’ Vì sao vậy? Từ nơi hạt giống mà sanh ra quả, không hề có ngăn ngại gì [bởi sự phân biệt] bốn giai cấp như thế. Pháp và phi pháp cũng giống như vậy, không thể phân biệt rằng: ‘Ta sẽ tạo thành quả [đối với] Phật mà thôi, không tạo thành quả [đối với] chư thiên; hoặc tạo thành quả [đối với] chư thiên mà thôi, không tạo thành quả [đối với] Phật.’ Vì sao vậy? Vì nghiệp [quả] là bình đẳng.”

Tiên-ni nói: “Cồ-đàm! Ví như trong một căn phòng có trăm ngàn ngọn đèn, tuy tim đèn khác nhau mà ánh sáng đều như nhau. Tim đèn khác nhau là ví như pháp và phi pháp; ánh sáng như nhau là ví như cái ngã của [tất cả] chúng sanh.”

Phật dạy: “Thiện nam tử! Ông dùng ánh sáng đèn để ví với cái ngã [của tất cả chúng sanh], nghĩa ấy không

đúng. Vì sao vậy? Căn phòng với ngọn đèn là [hai thực thể] khác nhau. Ánh sáng của đèn vừa là ở nơi tim đèn, mà cũng là chiếu khắp căn phòng. Cái ngã mà ông nói đó, nếu cũng giống như vậy thì ở cả hai bên pháp và phi pháp lẽ ra đều là có ngã; và trong cái ngã lẽ ra cũng có cả pháp và phi pháp. Nếu pháp và phi pháp không [cùng] có ngã thì không thể nói rằng bao trùm khắp mọi nơi. Còn nếu cả hai đều có ngã, làm sao có thể dùng tim đèn với ánh sáng [ngọn đèn] để làm ví dụ?

“Thiện nam tử! Nếu ý ông cho rằng tim đèn và ánh sáng quả thật khác nhau, vậy do nhân duyên gì khi tim đèn khô cao thì ánh sáng mạnh, khi tim đèn khô kiệt thì ánh sáng mất đi? Vì vậy, không nên đem pháp và phi pháp mà ví với đèn và tim đèn; [việc tim đèn có] ánh sáng như nhau mà ví với cái ngã [của tất cả chúng sanh]. Vì sao vậy? Pháp, phi pháp và ngã, cả ba thứ ấy chỉ là một thôi.”

Tiên-ni nói: “Cồ-đàm! Ngài dẫn ra ví dụ ngọn đèn, việc đó thật là không tốt. Vì sao vậy? Nếu ví dụ ngọn đèn là [ví dụ] hay thì [cũng là do] tôi đã dẫn ra trước rồi. Nếu là [ví dụ] không hay, sao ngài còn lặp lại?”

Phật dạy: “Thiện nam tử! Ta đưa ra ví dụ đó hoàn toàn không [lưu tâm đến việc nó là] hay hoặc không hay. Việc [ví dụ ấy là] hay hoặc không hay chỉ do nơi ý của ông nói ra đó thôi. Trong ví dụ ấy [ta] cũng nêu rõ rằng: ‘Có ánh sáng chiếu ra xa tim đèn nhưng cũng có ánh sáng ở ngay tại tim đèn.’ Vì tâm ông không bình đẳng nên mới nói rằng: ‘Đèn và tim đèn ví với pháp và phi pháp, ánh sáng ví với cái ngã.’ Vì thế ta mới vặn hỏi ông [về lẽ] ngay nơi tim đèn có ánh sáng, rời xa tim đèn cũng có ánh sáng. Pháp tức là ngã, ngã tức là pháp; phi

pháp tức là ngã, ngã tức là phi pháp [cũng như tim đèn với ánh sáng vốn không phải hai thực thể khác biệt]. Tại sao nay ông chỉ nhận biết một bên, không nhận một bên? [Vì thế,] ví dụ như vậy là không tốt đối với [lập luận phía] ông, nên nay ta mới quay lại dùng chính cái ví dụ ấy để dạy bảo ông.

“Thiện nam tử! Ví dụ [ông đưa ra] như vậy là không thành ví dụ. Vì không thành ví dụ nên đối với [lập luận phía] ta là tốt, mà đối với [lập luận phía] ông là không tốt.

“Thiện nam tử! Nếu ý ông cho rằng: ‘Đối với tôi không tốt, đối với ông cũng phải không tốt.’ Nghĩa ấy không đúng. Vì sao vậy? Hãy nhìn như việc của người thế gian, [có khi] tự dùng sức mình làm hại mình, [có khi] mình làm ra mà kẻ khác dùng lấy. Ví dụ mà ông đưa ra cũng giống như vậy; đối với ta là tốt mà đối với ông là không tốt.”

Tiên-ni nói: “Cồ-đàm! Ngài vừa trách tôi có tâm không bình đẳng, nay lời ngài nói ra cũng không bình đẳng. Vì sao vậy? Nay Cồ-đàm nhận lấy việc tốt về mình, việc không tốt về tôi. Từ đó suy ra, thật không bình đẳng.”

Phật dạy: “Thiện nam tử! Sự không bình đẳng của ta có thể phá trừ sự không bình đẳng của ông, [nhờ đó] nên ông được bình đẳng; vậy sự không bình đẳng của ta là tốt. Sự không bình đẳng của ta phá trừ sự không bình đẳng của ông, giúp ông được bình đẳng, [như vậy] cũng tức là ta bình đẳng. Vì sao vậy? Vì được sự bình đẳng không khác các bậc thánh nhân.”

Tiên-ni nói: “Cồ-đàm! Cái ngã thường còn [nên là] bình đẳng, sao ngài lại nói là phá trừ sự không bình đẳng của tôi? Tất cả chúng sanh đều có ngã bình đẳng như nhau, sao ngài lại nói là tôi không bình đẳng?”

Phật dạy: “Thiện nam tử! Ông cũng có nói việc sẽ thọ thân địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh; sẽ thọ thân cõi người, cõi trời. Nếu cái ngã trước đã là trùm khắp năm cảnh giới, vì sao lại nói là sẽ thọ thân trong các cảnh giới [khác nhau] ấy? Ông cũng nói rằng cha mẹ hợp nhau rồi mới sanh con. Nếu đứa con vốn đã có trước, sao lại nói rằng hợp nhau rồi mới có? Cho nên, một người có [thể thọ] thân ở [một trong] năm cảnh giới. Nếu ở năm cảnh giới ấy trước vốn đã có thân, vậy do nhân duyên gì phải vì [sự thọ] thân mà tạo nghiệp [lành, tránh nghiệp ác]? Cho nên [ta nói] là không bình đẳng.

“Thiện nam tử! Nếu ý ông cho rằng ngã là chủ thể tạo tác [các nghiệp], nghĩa ấy không đúng. Vì sao vậy? Nếu là ngã tạo tác, vì nhân duyên gì tự nó tạo tác sự khổ, [vốn là điều mà nó không ưa muốn]? Nhưng nay chúng sanh thật có chịu khổ, cho nên biết rằng ngã không phải là chủ thể tạo tác [các nghiệp].

“Nếu nói sự khổ này chẳng phải do ngã tạo tác, [vì sự khổ] không do nhân sanh ra, thì tất cả các pháp lẽ ra cũng đều như vậy, đều không do nhân sanh ra, vậy nhân duyên gì lại nói rằng [tất cả các pháp là] do ngã tạo tác?

“Thiện nam tử! Sự khổ, vui của chúng sanh quả thật là do nhân duyên [sanh ra]. Sự khổ, vui ấy có thể gây ra lo lắng hay vui mừng. Đang khi lo lắng không có vui mừng, đang khi vui mừng không có lo lắng. Khi thì lo, khi thì mừng, người có trí làm sao lại nói [như vậy] là thường?

“Thiện nam tử! Ông nói ngã là thường còn. Nếu nói là thường, vì sao nói rằng có mười thời kỳ [phát triển] khác nhau? Nếu ngã là pháp thường, lẽ ra không có từ

thời kỳ tượng hình trong bào thai cho tới thời kỳ già suy. Như hư không kia là pháp thường, dù là một thời kỳ cũng còn không có, huống chi lại có đến mười thời kỳ [phát triển khác nhau]?

“Thiện nam tử! Cái ngã đó không phải là thời kỳ tượng hình trong thai... cho đến cũng không phải là thời kỳ già suy, vì sao nói rằng có mười thời kỳ khác nhau?”

“Thiện nam tử! Nếu ngã là chủ thể tạo tác [các nghiệp], thì ngã ấy cũng có lúc thịnh lúc suy, [vì] chúng sanh cũng có lúc thịnh lúc suy. Nếu ngã là như vậy, sao lại là thường?”

“Thiện nam tử! Nếu ngã là chủ thể tạo tác [các nghiệp], vì sao một người có sự nhanh nhạy [với việc này], chậm lụt [với việc kia]?”

“Thiện nam tử! Nếu ngã là chủ thể tạo tác [các nghiệp], ngã ấy có thể tạo tác nghiệp của thân, nghiệp của miệng. Nếu nghiệp của thân và nghiệp của miệng là do ngã tạo tác, tại sao miệng lại nói rằng ‘Có ngã chẳng, không có ngã chẳng’? Vì sao tự [cái ngã ấy lại] sanh nghi ngờ [chính nó] là có hay không có?”

“Thiện nam tử! Nếu ý ông cho rằng lìa khỏi con mắt mà có sự thấy, nghĩa ấy không đúng. Vì sao vậy? Nếu lìa con mắt mà có sự thấy nào khác thì đâu cần đến con mắt này? Cho đến [sự xúc chạm] của thân cũng vậy.⁽¹³⁾

“Nếu ý ông cho rằng tuy cái ngã có thể thấy nhưng phải nhân nơi con mắt, nghĩa ấy cũng không đúng. Vì sao vậy? Như có người nói rằng hoa tu-man-na có thể đốt cháy xóm làng, [rồi giải thích rằng:] ‘Làm thế nào có thể đốt cháy? Là nhân nơi lửa mà có thể đốt cháy.’ Lập luận của ông về sự thấy của cái ngã cũng [vô lý] như vậy.”

Tiên-ni nói: “Cồ-đàm! Như người cầm liềm có thể cắt cỏ; cái ngã nhân nơi năm giác quan [là mắt, tai...] mà có thể thấy, nghe... cho tới xúc chạm, cũng giống như vậy.”

Phật dạy: “Thiện nam tử! Cái liềm với người [cầm liềm] là [hai thực thể] khác nhau, nên khi [người] cầm liềm thì có thể làm được việc [cắt cỏ]. Còn như lìa khỏi [các] căn thì hoàn toàn không riêng có cái ngã nào khác, vậy sao có thể nói rằng cái ngã nhân nơi các căn mà làm được [những việc thấy, nghe...]?”

“Thiện nam tử! Nếu ý ông cho rằng [nhờ] cầm liềm [mà] có thể cắt cỏ, cái ngã cũng giống như thế. Vậy cái ngã đó có tay hay là không tay? Nếu là có tay, sao chẳng tự cầm lấy? Nếu là không có tay, sao lại nói rằng ngã là chủ thể tạo tác [tất cả]?”

“Thiện nam tử! Công năng cắt được cỏ là ở nơi cái liềm, không ở nơi ngã, không ở nơi người [cắt]. Nếu cái ngã hay người [cắt] có thể cắt được cỏ, sao phải nhờ đến cái liềm?”

“Thiện nam tử! Người [cắt cỏ] có hai hành vi, một là vợ nắm lấy cỏ, hai là cầm liềm [cắt]. Cái liềm chỉ có duy nhất một công năng là cắt được mà thôi. Chúng sanh tiếp xúc với các pháp cũng giống như vậy. [Việc] con mắt có thể thấy được hình sắc là do sự hòa hợp [các điều kiện] mà sanh ra. Nếu là do nhân duyên hòa hợp mà có sự thấy, người có trí sao lại nói rằng [trong sự thấy đó] có ngã?”

“Thiện nam tử! Nếu ý ông cho rằng cái thân tạo tác, cái ngã thọ nhận, nghĩa ấy cũng không đúng. Vì sao vậy? Vì trong thế gian không thấy có việc chư thiên tạo nghiệp mà Phật thọ quả!”

“Nếu nói rằng chẳng phải do thân tạo tác, cái ngã cũng không do nhân [đã tạo] mà thọ [quả báo], vì sao [hàng Phạm chí] các ông lại do nơi nhân duyên để cầu sự giải thoát? [Như] thân này của ông [nếu] trước không do nhân duyên sanh ra, [thì sau] khi đạt được giải thoát rồi, lẽ ra cũng không do nhân duyên mà sanh thân. Giống như thân, tất cả phiền não lẽ ra cũng đều như vậy.”

Tiên-ni nói: “Cồ-đàm! Có hai loại ngã, một là cái ngã có nhận biết, hai là cái ngã không nhận biết. Cái ngã không nhận biết có thể nhận được thân, cái ngã có nhận biết có thể lìa bỏ thân. Cũng như cái bình [bằng đất sét] nặn ra chưa nung, sau khi nung rồi thì mất đi màu sắc trước đó, [màu sắc ấy] cũng chẳng bao giờ sanh ra trở lại. Phiền não của người trí cũng giống như vậy, đã dứt trừ rồi thì chẳng bao giờ sanh ra trở lại.”

Phật dạy: “Thiện nam tử! Ông nói về nhận biết đó, là trí nhận biết hay ngã nhận biết? Nếu trí có thể nhận biết, sao ông lại nói cái ngã nhận biết? Nếu cái ngã có thể nhận biết, sao rốt cùng lại phải cần dùng đến phương tiện là trí?”

“Nếu ý ông cho rằng cái ngã nhân ở trí mà nhận biết thì cũng [vô lý] như ví dụ hoa [tu-man-na đốt cháy xóm làng] đã bị bác bỏ.

“Thiện nam tử! Ví như cây gai nhọn, bản tánh của nó là có thể đâm, không thể nói là thân cây cầm gai đâm. Trí cũng giống như vậy, [bản tánh của] trí tự có thể nhận biết, sao lại nói rằng cái ngã sử dụng trí để biết?”

“Thiện nam tử! Theo giáo pháp của các ông, khi ngã đạt được giải thoát, đó là cái ngã không nhận biết được

giải thoát hay cái ngã có nhận biết được giải thoát? Nếu cái ngã không nhận biết được giải thoát thì nên biết rằng vẫn còn đầy đủ phiền não. Nếu là cái ngã có nhận biết được giải thoát thì nên biết rằng đã sẵn có năm tình thức và các căn. Vì sao vậy? Vì lìa ngoài các căn không riêng có sự biết nào khác nữa. Nếu có đủ các căn, sao có thể gọi là giải thoát? Còn nếu nói rằng tánh của cái ngã này là thanh tịnh, lìa khỏi năm căn, vì sao lại nói là [cái ngã] trùm khắp năm cảnh giới đều có? Lại do nhân duyên gì mà vì sự giải thoát nên tu tập các pháp lành?

“Thiện nam tử! Ví như có người muốn nhổ gai trong hư không, [thật là làm chuyện vô lý, vì làm gì có gai để nhổ?]. Ông cũng giống như vậy. Nếu cái ngã là thanh tịnh, vì sao lại nói [đến việc] dứt trừ phiền não? Nếu ý ông cho rằng không do nơi nhân duyên mà đạt được giải thoát, vậy sao tất cả chúng sanh không được giải thoát?”

Tiên-ni nói: “Cồ-đàm! Nếu là không có ngã thì [chủ thể nào] có thể nhớ lại [những chuyện đã qua]?”

Phật hỏi: “Tiên-ni! Nếu là có ngã, do duyên có gì [người ta] lại cũng [có lúc] quên đi [chuyện cũ]? Thiện nam tử! Nếu [khả năng] nhớ lại đó là ngã, vậy do nhân duyên gì [người ta] lại nhớ những điều xấu ác, [lại có khi] nhớ những việc không muốn nhớ, [có khi] không nhớ được những việc muốn nhớ?”

Tiên-ni lại nói: “Cồ-đàm! Nếu là không có ngã thì [chủ thể nào] nhìn thấy, nghe biết?”

Phật dạy: “Thiện nam tử! Trong có sáu căn, ngoài có sáu trần; trong ngoài hòa hợp sanh ra sáu loại thức. Sáu thức ấy do nhân duyên [của mỗi thức] mà có tên gọi [khác nhau].

“Thiện nam tử! Ví như lửa chỉ có một [loại], nhưng khi đốt củi gọi là lửa củi, khi đốt cỏ khô gọi là lửa cỏ khô, khi đốt trấu gọi là lửa trấu, khi đốt phân bò khô gọi là lửa phân bò. Ý thức của chúng sanh cũng vậy, nhân nơi [các yếu tố] con mắt, hình sắc, ánh sáng và ý muốn thấy nên gọi là nhãn thức.

“Thiện nam tử! Nhãn thức ấy không ở nơi con mắt, cho đến cũng không ở nơi ý muốn thấy. Do cả bốn yếu tố hòa hợp [nói trên] mới sanh ra nhãn thức. Cho đến ý thức lại cũng như vậy.⁽¹⁴⁾ Nếu là do nhân duyên hòa hợp sanh ra thì người trí không nên nói rằng ‘sự thấy là ngã’... cho đến ‘sự xúc chạm là ngã’.

“Thiện nam tử! Cho nên ta nói rằng từ nhãn thức cho đến ý thức, tất cả các pháp thấy đều như huyễn hóa. Vì sao là như huyễn hóa? Vì trước vốn không mà nay thành có, đã có rồi trở lại thành không.

“Thiện nam tử! Ví như dùng bơ, bột, đường, gừng, tiêu, tất-bạt, bồ đào, hồ đào, thạch lựu, tuy tử, các thứ ấy hòa hợp gọi là hoàn thuốc hoan hỷ. Lìa khỏi sự hòa hợp ấy không có hoàn thuốc hoan hỷ. Sáu căn bên trong [hòa hợp] với sáu trần bên ngoài, đó gọi là chúng sanh, là tự ngã, là người [khác], là thần thức...⁽¹⁵⁾ Lìa khỏi sáu căn bên trong và sáu trần bên ngoài thì không hề riêng có [những thực thể được gọi là] chúng sanh, tự ngã, người [khác], thần thức... đó.”

Tiên-ni nói: “Cồ-đàm! Nếu không có ngã, vì sao lại nói: tôi thấy, tôi nghe, tôi khổ, tôi vui, tôi lo, tôi mừng...?”

Phật dạy: “Thiện nam tử! Nếu [do những câu] nói: tôi thấy, tôi nghe... mà cho là có ngã, vậy duyên có gì người thế gian cũng nói: ‘Tội lỗi ông đã làm không phải chỗ thấy nghe của tôi?’⁽¹⁶⁾

“Thiện nam tử! Ví như bốn binh chủng⁽¹⁷⁾ hợp lại thành quân đội. Bốn binh chủng ấy tuy không phải một, nhưng cũng [gồm chung mà] nói rằng ‘quân ta mạnh mẽ’, ‘quân ta thắng địch’... Chỗ tạo thành [do sự hòa hợp] của sáu căn bên trong và sáu trần bên ngoài cũng giống như vậy. Tuy không phải là một [thể], nhưng cũng có thể rằng: tôi thấy, tôi nghe, tôi khổ, tôi vui, tôi lo, tôi mừng...”

Tiên-ni nói: “Cồ-đàm! Theo như ngài vừa nói, sáu căn bên trong hợp với sáu trần bên ngoài [gọi đó là ngã], vậy chủ thể nào phát ra âm thanh lời nói rằng: tôi làm, tôi chịu...?”

Phật dạy: “Tiên-ni! Do nhân duyên là vô minh, tham ái... sanh ra nghiệp; do nghiệp sanh ra sự hiện hữu; do sự hiện hữu mà sanh ra vô số các trạng thái của tâm, [tức là tâm sở]. Do các tâm sở sanh ra đủ mọi suy niệm vọng tưởng; do những suy niệm vọng tưởng này làm chuyển động luồng khí [trong người]; khí [chuyển động] tùy theo tâm mà xúc chạm đến cổ họng, lưỡi, răng, môi [tạo thành âm thanh tương ứng]. Do chúng sanh có tư tưởng điên đảo, [khi nghe] âm thanh phát ra liền nói rằng [đó là những tiếng]: tôi làm, tôi chịu, tôi thấy, tôi nghe...”

“Thiện nam tử! Như cái chuông nhỏ gắn trên đầu ngọn cờ, do nhân duyên là gió mà phát ra âm thanh. Khi gió mạnh thì âm thanh lớn, gió nhẹ thì âm thanh nhỏ, thật không có ai làm ra âm thanh ấy.

“Thiện nam tử! Ví như sắt đang nóng [đỏ] cho vào nước liền phát ra nhiều loại âm thanh. Các âm thanh ấy thật không có ai làm ra cả.

“Thiện nam tử! Phạm phu không thể suy xét phân biệt như vậy nên nói rằng có ‘ta’ và ‘vật của ta’, rằng có bản ngã tạo tác, có bản ngã nhận chịu...”

Tiên-ni liền thưa hỏi: “Nhu Cồ-đàm nói: Không có cái ta và vật của ta, vậy duyên có gì ngài lại nói [có] thường, lạc, ngã, tịnh?”

Phật dạy: “Thiện nam tử! Ta cũng không nói rằng sáu căn bên trong, sáu trần bên ngoài và sáu thức là thường, lạc, ngã, tịnh. Nhưng ta thuyết dạy rằng: Trừ dứt sáu thức do sáu căn trong hợp với sáu trần ngoài sanh ra, đó gọi là thường. Vì là thường, nên gọi là ngã. Có thường, có ngã, nên gọi là lạc. Vì là thường, ngã, lạc nên gọi là tịnh.

“Thiện nam tử! Chúng sanh chán bỏ sự khổ, dứt trừ nguyên nhân của sự khổ ấy, tùy ý lìa xa, đó gọi là vô ngã. Vì nhân duyên ấy, nay ta thuyết dạy sự chân thật về thường, lạc, ngã, tịnh.”

Tiên-ni nói: “Bạch Thế Tôn! Nguyên đức Đại từ vì con thuyết dạy. Nay con phải làm thế nào để đạt được những sự thường, lạc, ngã, tịnh như thế?”

Phật dạy: “Thiện nam tử! Tất cả người thế gian từ xưa vốn đã luôn có đủ sự kiêu mạn⁽¹⁸⁾ rất lớn, thường làm tăng trưởng sự kiêu mạn ấy, lại cũng tạo ra những nguyên nhân của kiêu mạn, những nghiệp kiêu mạn, vì thế mà ngày nay phải thọ nhận quả báo kiêu mạn, không thể lìa xa tất cả phiền não để đạt được thường, lạc, ngã, tịnh. [Cho nên,] chúng sanh muốn lìa xa tất cả phiền não thì trước hết phải thường lìa xa sự kiêu mạn.”

Tiên-ni bạch Phật: “Bạch Thế Tôn! Quả đúng vậy, đúng vậy! Lời Phật dạy không sai! Con trước đây thật có nhiều kiêu mạn. Do nhân duyên kiêu mạn nên mới dám gọi trống đức Như Lai bằng họ Cồ-đàm! Nay con đã lìa bỏ sự kiêu mạn rất lớn ấy nên mới thành tâm

thưa thỉnh cầu nghe Chánh pháp. [Nguyên đức Như Lai dạy bảo cho] phải làm thế nào để đạt được thường, lạc, ngã, tịnh?”

Phật dạy: “Thiện nam tử! Hãy lắng nghe cho kỹ, nghe cho kỹ! Ta sẽ vì ông mà phân biệt giảng nói.

“Thiện nam tử! Nếu có thể [nhận thức rằng tất cả pháp đều là] không phải ta, không phải người khác, không phải chúng sanh, liền lìa xa [tất cả các] pháp ấy.”

Tiên-ni thưa: “Bạch Thế Tôn! Con đã rõ biết, đạt được cách nhìn theo Chánh pháp.”

Phật hỏi: “Thiện nam tử! Vì sao ông nói là đã rõ biết, đạt được cách nhìn theo Chánh pháp?”

Tiên-ni thưa: “Bạch Thế Tôn! Cái gọi là sắc đó không phải ta, không phải người khác, không phải chúng sanh; cho đến thức cũng là như vậy.⁽¹⁹⁾ Con quán xét như vậy nên đạt được cách nhìn theo Chánh pháp.

“Bạch Thế Tôn! Nay con rất muốn xuất gia tu đạo, xin Phật chấp thuận.”

Phật dạy: “Lành thay đó, tỳ-kheo!”

[Lời Phật vừa dứt,] Tiên-ni tức thời được trọn đủ Phạm hạnh thanh tịnh, chứng được thánh quả A-la-hán.

Trong chúng ngoại đạo lại có một Phạm chí họ Ca-diếp lên tiếng hỏi rằng: “Cồ-đàm! Thân này tức là mạng sống, hay thân với mạng sống là khác nhau?”

Đức Như Lai lặng thinh. [Phạm chí] lại hỏi đến lần thứ hai, thứ ba, Phật vẫn lặng thinh.

Phạm chí Ca-diếp liền nói: “Cồ-đàm! Như khi một người đã bỏ thân [đời này], chưa được thân đời sau; trong

khoảng trung gian ấy chẳng phải thân và mạng sống là khác nhau hay sao? Nếu là khác nhau, vì sao Cồ-đàm [không nói là khác nhau mà] lặng thinh chẳng đáp?”

Phật nói: “Thiện nam tử! Ta có dạy rằng thân và mạng sống đều do nhân duyên, chẳng phải không do nhân duyên. Lại cũng giống như thân và mạng sống, tất cả các pháp đều [do nhân duyên] như vậy.”

Phạm chí lại nói: “Cồ-đàm! Tôi thấy ở thế gian có những pháp không do nhân duyên.”

Phật hỏi: “Phạm chí! Ông thấy như thế nào [mà nói rằng] thế gian có những pháp không do nhân duyên?”

Phạm chí đáp: “Tôi thấy lửa mạnh thiêu cháy cây cối, núi rừng; gió thổi những tàn lửa bay rơi xuống chỗ khác. Đó chẳng phải là không do nhân duyên sao?”

Phật dạy: “Thiện nam tử! Ta nói lửa ấy cũng do nhân mà sanh, chẳng phải không do nhân.”

Phạm chí nói: “Cồ-đàm! Những tàn lửa khi bay đi không do nơi than củi, sao lại nói rằng do nơi nhân duyên?”

Phật dạy: “Thiện nam tử! Tuy không có than củi, nhưng là nhân nơi gió mà bay đi. Do nhân duyên là gió nên tàn lửa [từ đám lửa] bay ra không dứt.”

Phạm chí hỏi: “Cồ-đàm! Như có một người đã bỏ thân [đời này], chưa được thân đời sau, vậy mạng sống của người này trong khoảng trung gian ấy lấy gì làm nhân duyên?”

Phật dạy: “Phạm chí! Vô minh và tham ái là nhân duyên. Do nhân duyên là vô minh và tham ái nên mạng sống được duy trì.

“Thiện nam tử! Có khi do nhân duyên nên thân tức là mạng sống, mạng sống tức là thân; có khi do nhân duyên nên thân khác với mạng sống. Người trí không nên chỉ nói một chiều rằng thân khác với mạng sống.”

Phạm chí bạch rằng: “Thế Tôn! Xin ngài vì tôi phân biệt giảng nói, khiến tôi thấu hiểu được rõ ràng về nhân quả.”

Phật dạy: “Phạm chí! Nhân tức là năm ấm, quả cũng là năm ấm. Nếu chúng sanh nào không đốt lửa thì sẽ không thể có khói.”

Phạm chí thưa: “Bạch Thế Tôn! Con đã nhận biết được rồi; con đã hiểu rõ được rồi.”

Phật hỏi: “Thiện nam tử! Ông nhận biết như thế nào? Ông hiểu rõ như thế nào?”

Phạm chí thưa: “Bạch Thế Tôn! Lửa đó là phiền não, có thể thiêu đốt trong các cõi địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh, cõi trời, cõi người. Khói đó là quả báo của phiền não. Vì là vô thường, bất tịnh, xấu xa, nhơ nhớp, đáng chán ghét nên gọi là khói. Nếu chúng sanh nào không gây tạo phiền não, những người ấy quyết sẽ không có quả báo của phiền não. Cho nên Như Lai nói: ‘Không đốt lửa sẽ không thể có khói.’

“Bạch Thế Tôn! Con đã đạt được sự thấy biết chân chánh, nguyện Phật từ bi thương xót cho phép con xuất gia.”

Bấy giờ, Thế Tôn bảo Kiêu-trần-như rằng: “Hãy nhận cho Phạm chí này xuất gia thọ giới.”

Kiều-trần-như vâng lời Phật dạy, liền hội họp chúng tăng để nhận cho Phạm chí họ Ca-diếp xuất gia, thọ giới cụ túc. Trải qua năm ngày, Phạm chí Ca-diếp liền chứng được thánh quả A-la-hán.

Trong chúng ngoại đạo lại có một Phạm chí tên Phú-na lên tiếng hỏi: “Cồ-đàm! Có phải ngài thấy thế gian là pháp thường tồn nên nói là thường chăng? Ý nghĩa như vậy là chân thật hay hư dối? Là thường hay vô thường? Hay cũng là thường cũng là vô thường? Hay chẳng phải thường cũng chẳng phải vô thường? Là có giới hạn hay không giới hạn? Hay vừa có giới hạn lại vừa không giới hạn? Hay chẳng có giới hạn cũng chẳng phải không giới hạn? Thân này tức là mạng sống hay thân và mạng sống là khác nhau? Sau khi Như Lai diệt độ rồi là như đi [mất] hay không như đi [mất]? Hay vừa như đi [mất] vừa không như đi [mất]? Hay là không phải như đi [mất] cũng không phải không như đi [mất]?”

Phật dạy: “Phú-na! Ta không nói [ý nghĩa] thế gian thường tồn [đó là] hư dối hay chân thật. [Ta cũng không nói thế gian là] vô thường, hay cũng là thường cũng là vô thường; là chẳng phải thường chẳng phải vô thường; là có giới hạn hay không giới hạn; là vừa có giới hạn vừa không có giới hạn; là chẳng phải có giới hạn cũng chẳng phải không giới hạn; hoặc thân này tức là mạng sống hay thân và mạng sống khác nhau; hoặc Như Lai diệt độ rồi như đi [mất] hay chẳng như đi [mất]; hoặc vừa như đi [mất] vừa không như đi [mất]; hoặc không phải như đi [mất] cũng chẳng phải không như đi [mất].”

Phú-na lại hỏi: “Cồ-đàm! Nay ngài thấy được những điểm sai trái tai hại nào mà không nói đến những điều như trên?”

Phật dạy: “Phú-na! Nếu có người nói rằng: ‘Thế gian là thường tồn’ rồi cho đó là điều duy nhất chân thật, còn ngoài ra đều là hư dối. Đó gọi là [định] kiến. [Do định kiến này nên] chỗ [mà người ấy] thấy biết gọi là

kiến hành,⁽²⁰⁾ gọi là chỗ thấy biết tạo nghiệp; gọi là chỗ thấy biết vướng mắc; gọi là chỗ thấy biết trói buộc; gọi là chỗ thấy biết [gây ra] sự khổ não; gọi là chỗ thấy biết chấp giữ; gọi là chỗ thấy biết [gây ra] sự sợ sệt; gọi là chỗ thấy biết nóng nảy; gọi là chỗ thấy biết buộc ràng chằng chịt.

“Này Phú-na! Kẻ phàm phu bị cái [định] kiến [như thế] buộc trói chằng chịt, không thể lìa xa sanh, già, bệnh, chết, trôi lăn trong sáu nẻo, chịu vô số khổ não.

“Cho đến [cái định kiến rằng ‘sau khi Như Lai diệt độ rồi] chẳng phải như đi [mất] cũng chẳng phải không như đi [mất],’ cũng là như vậy.⁽²¹⁾”

“Này Phú-na! Ta thấy [những định] kiến ấy có sự sai trái tai hại như thế nên không vướng mắc vào, cũng không thuyết dạy [những điều ấy] với người khác.”

Phú-na lại thưa hỏi: “Cồ-đàm! Nếu [ngài] đã thấy được những sai trái tai hại như vậy nên không vướng mắc vào, cũng không thuyết dạy [những điều ấy với người khác], vậy nay Cồ-đàm thấy biết những gì, vướng mắc những gì, thuyết dạy những gì?”

Phật dạy: “Thiện nam tử! Sự vướng mắc vào chỗ thấy biết là pháp sanh tử. Như Lai đã lìa khỏi pháp sanh tử nên không có vướng mắc.

“Thiện nam tử! Như Lai là bậc có thể thấy biết rõ ràng và có thể thuyết dạy, không có sự vướng mắc.

Phú-na lại thưa hỏi: “Cồ-đàm! Thế nào là có thể thấy biết rõ ràng? Thế nào là có thể thuyết dạy?”

Phật dạy: “Thiện nam tử! Ta có thể thấy rõ [các sự thật là] khổ, nguyên nhân của khổ, [tức là tập], sự dứt

trừ hoàn toàn các nguyên nhân của khổ, [tức là diệt] và con đường dẫn đến sự diệt khổ, [tức là đạo]; có thể phân biệt thuyết giảng về bốn chân lý ấy.

“Ta thấy rõ như vậy nên có thể liả xa hết thảy mọi kiến [chấp],⁽²²⁾ hết thảy mọi tham ái, hết thảy mọi sự lưu chuyển [trong sanh tử], hết thảy mọi sự kiêu mạn; vì thế ta có đủ Phạm hạnh thanh tịnh, sự vắng lặng an tĩnh không gì hơn được, và đạt được [Pháp] thân thường tồn. [Pháp] thân này cũng không thuộc về các [phương hướng] đông, tây, nam, bắc.”⁽²³⁾

Phú-na lại hỏi: “Thưa Cồ-đàm, do nhân duyên gì mà [Pháp] thân thường tồn đó không thuộc về [các phương hướng] đông, tây, nam, bắc?”

Phật dạy: “Thiện nam tử! Nay ta sẽ hỏi ông, cứ tùy ý mà trả lời. Nay thiện nam tử, ý ông nghĩ sao, nếu trước mặt ông đốt lên một đồng lửa lớn, đang khi lửa cháy ông có biết là cháy hay không?”

Phú-na đáp: “Thưa Cồ-đàm, có biết như vậy.”

Phật hỏi: “Khi lửa ấy tắt, ông có biết là tắt hay không?”

Phú-na đáp: “Thưa Cồ-đàm, có biết như vậy.”

Phật hỏi: “Nếu có người hỏi ông rằng, đồng lửa trước mặt ông đó, khi đốt lên thì lửa từ đâu đến, khi tắt rồi thì lửa đi về đâu, ông sẽ đáp thế nào?”

Phú-na đáp: “Thưa Cồ-đàm, tôi sẽ đáp rằng: Lửa ấy khi sanh ra là dựa vào các duyên [hòa hợp], khi các duyên trước đó đã hết, các duyên mới chưa đến thì lửa phải tắt.”

Phật nói: “Nếu lại hỏi sau khi tắt lửa đi về phương nào thì ông đáp thế nào?”

Phú-na đáp: “Thưa Cồ-đàm, tôi sẽ đáp rằng: Lửa ấy vì hết duyên nên phải tắt, chẳng đi đến phương nào cả.”

Phật dạy: “Thiện nam tử! Như Lai cũng thế. Nếu có sắc vô thường cho đến thức vô thường, đó là nhân nơi tham ái mà cháy. [Nói] ‘cháy’ đó tức là sự thọ thân trong hai mươi lăm cảnh giới hiện hữu. Vì thế nên khi đang cháy có thể nói rằng lửa ấy ở nơi phương đông, phương tây, phương nam hoặc phương bắc. Khi tham ái hiện tại dứt rồi, quả báo trong hai mươi lăm cảnh giới hiện hữu không còn cháy nữa. Vì lửa ấy không còn cháy nữa nên không thể nói là có các phương hướng đông, tây, nam, bắc.

“Thiện nam tử! Như Lai đã diệt trừ sắc vô thường cho đến thức vô thường, nên thân Như Lai là thường. Nếu thân Như Lai là thường thì không thể nói là có các phương hướng đông, tây, nam, bắc.”

Phú-na nói: “Bạch Thế Tôn! Nay con xin nói ra một thí dụ, mong được Thế Tôn nhận nghe.”

Phật dạy: “Lành thay, lành thay! Ông cứ tùy ý nói ra.”

Phú-na thưa: “Bạch Thế Tôn! Như phía ngoài thôn lớn kia có một khu rừng sa-la. Trong rừng ấy có một cây lớn sanh ra trước cả khu rừng, đã được trăm năm tuổi. Lúc ấy, người giữ rừng thường tưới nước cho cây và tùy theo thời tiết mà chăm sóc. Cây ấy [ngày càng] già đi, hư hoại dần, rồi vỏ cây, cành lá thảy đều rơi rụng, chỉ còn lại duy nhất phần [lõi cây] chân thật.

“Thế Tôn! Đức Như Lai cũng thế, những gì già cũ đều đã trừ sạch, chỉ còn duy nhất là pháp chân thật.

“Bạch Thế Tôn! Nay con rất muốn được xuất gia tu tập Chánh đạo.”

Đức Phật liền gọi: “Lành thay, hãy đến đây, tỳ-kheo!”

Lời Phật vừa dứt, Phú-na lập tức [trở thành người] xuất gia, dứt sạch mọi phiền não, chứng đắc quả A-la-hán.⁽²⁴⁾

Lại có một Phạm chí tên Thanh Tịnh lên tiếng hỏi rằng: “Cồ-đàm! Tất cả chúng sanh do không hiểu biết pháp nào mà thấy rằng thế gian là thường, hoặc thấy là vô thường, hoặc cũng là thường cũng là vô thường, hoặc chẳng phải thường chẳng phải vô thường... cho đến [thấy rằng Như Lai diệt độ rồi] chẳng phải như đi [mất] cũng chẳng phải không như đi [mất]?”⁽²⁵⁾

Phật dạy: “Thiện nam tử! [Tất cả chúng sanh] vì không hiểu biết về sắc... cho đến không hiểu biết về thức,⁽²⁶⁾ nên thấy rằng thế gian là thường... cho đến [thấy rằng Như Lai diệt độ rồi] chẳng phải như đi [mất] cũng chẳng phải không như đi [mất].”

Phạm chí lại hỏi: “Cồ-đàm! Chúng sanh nhờ hiểu biết pháp nào mà không thấy rằng thế gian là thường... cho đến [không thấy rằng Như Lai diệt độ rồi] chẳng phải như đi [mất] cũng chẳng phải không như đi [mất]?”

Phật dạy: “Thiện nam tử! Chúng sanh nhờ hiểu biết về sắc... cho đến hiểu biết về thức, nên không thấy rằng thế gian là thường... cho đến [không thấy rằng Như Lai diệt độ rồi] chẳng phải như đi [mất] cũng chẳng phải không như đi [mất].”

Phạm chí thưa: “Bạch Thế Tôn! Xin ngài vì con phân biệt giảng nói về sự thường và vô thường của thế gian.”

Phật dạy: “Thiện nam tử! Nếu người nào buông bỏ mọi nghiệp cũ, không tạo tác nghiệp mới, người ấy có thể rõ biết về thường và vô thường.”

Phạm chí [Thanh Tịnh] thưa: “Bạch Thế Tôn! Con đã nhận biết, con đã hiểu rõ.”

Phật hỏi: “Thiện nam tử! Ông nhận biết như thế nào? Hiểu rõ như thế nào?”

Phạm chí thưa: “Bạch Thế Tôn! Nói ‘cũ’ đó là vô minh và tham ái; nói ‘mới’ đó là [sự chấp] thủ và [hiện] hữu. Nếu người nào lìa xa vô minh và tham ái, không tạo tác [các nghiệp chấp] thủ và [hiện] hữu, người ấy rõ biết một cách chân thật về thường và vô thường.

“Bạch Thế Tôn! Nay con đã đạt được cách nhìn thanh tịnh đúng theo Chánh pháp, xin quy y Tam bảo, nguyện đức Như Lai cho phép con xuất gia.”

Phật bảo Kiều-trần-như: “Hãy cho vị Phạm chí này xuất gia thọ giới.”

Bấy giờ, Kiều-trần-như vâng lời Phật dạy, liền đưa Phạm chí Thanh Tịnh đến trước chư tăng, làm pháp kiết-ma cho vị này xuất gia. Mười lăm ngày sau đó, Phạm chí Thanh Tịnh dứt sạch phiền não, chứng đắc quả A-la-hán.

KINH ĐẠI BÁT NIẾT-BÀN

HẾT QUYỂN BA MƯƠI CHÍN

CHÚ GIẢI

1. Câu này nói tóm ý đề cập đến 11 trong số 12 nhân duyên, tức là từ vô minh, hành, thức... cho đến sanh; còn nhân duyên thứ 12 là lão tử (già chết).
2. Bốn sự điên đảo: do nhận thức sai lầm về thực tại nên vô thường mà cho là thường, khổ mà cho là vui, các pháp vô ngã mà cho là hữu ngã, các pháp bất tịnh mà cho là thanh tịnh. Bốn sự điên đảo này khiến chúng sanh không nhận thức được đúng về bản chất của đời sống.
3. Uất-đầu-lam-phất (Udrakarāmaputra) và A-la-la (Ārāḍakālāma) là những vị tiên nhân ngoại đạo mà đức Phật tìm đến trước tiên trên con đường học đạo. Sau khi thọ học với các vị này, ngài nhận ra là họ hoàn toàn không có khả năng đạt đến sự giải thoát rốt ráo, nên đã từ bỏ họ để ra đi.
4. Nữ căn: bộ phận sanh dục nữ.
5. Thành Ca-la-phú: phiên âm từ tên Phạn ngữ là Garāpu.
6. Những pháp do bà-la-môn này trình bày cho thấy có sự lẫn lộn với những điều có trong pháp Phật, có thể là do chịu ảnh hưởng chung từ những quan điểm truyền thống đã có từ trước. Tuy nhiên, các pháp ở đây được trình bày một cách không hợp lý, và ngay cả sự tính đếm cũng sai lệch. Từ đại cho đến ba pháp căn bản, vị này đã kể ra cả thảy 26 pháp. Nhưng trên đã nói mạn sanh ra 16 pháp, dưới lại nói 16 pháp này do 5 pháp sanh ra! Tuy nhiên, đức Phật đã hoàn toàn không lưu tâm đến những sai sót này mà chỉ nói thẳng vào điểm trọng yếu nhất để phá đổ lập luận này.
7. Câu này nói tóm ý từ mắt, tai... (sáu căn) và hình sắc, âm thanh... (sáu trần) tương ứng sanh ra sáu thức.
8. Phạm chí: người thuộc dòng bà-la-môn xuất gia tu tập, quyết chí cầu sanh lên cõi Phạm thiên nên gọi là Phạm chí. Tên Phạn ngữ là Brāhmaṇa.
9. Câu này nói tóm ý từ sắc cho đến thức, nghĩa là sắc, thọ, tưởng, hành và thức đều như vậy.
10. Trả được món nợ mang thân này: người tu hành luôn quán xét việc có được thân người như hiện nay là rất khó, rất quý, nếu không chuyên cần tu tập để sớm đạt được sự giải thoát thì xem như uổng phí một kiếp được làm người. Vì thế, ở đây Phật dạy rằng vị Phạm chí này sau khi nhận rõ được Chánh pháp xem như đã trả được món nợ mang thân người.
11. Tiên-ni, phiên âm từ Phạn ngữ là Seuika. Tên gọi của vị này dịch nghĩa là Hữu Quân hay Thắng Quân.

12. Năm cảnh giới (Ngũ đạo, có khi cũng gọi là Ngũ thú): chỉ năm cảnh giới mà các loài hữu tình tùy nghiệp lực thọ sanh đến (nên gọi là ngũ thú), xoay chuyển đến đi mãi không ra ngoài năm cảnh giới ấy (nên gọi là ngũ đạo), đó là cõi trời, cõi người, cõi địa ngục, ngạ quỷ và súc sanh. Khi nói lục đạo là thêm vào cảnh giới a-tu-la.
13. Câu này nói tóm ý cả mắt, tai, mũi, lưỡi và thân và các thức tương ứng đều là như vậy, không thể lìa khỏi các căn mà có.
14. Cho đến ý thức: câu này nói tóm ý từ nhãn thức cho đến ý thức, nghĩa là bao gồm nhãn thức, nhĩ thức, tỉ thức, thiệt thức, thân thức và ý thức.
15. Nguyên bản dùng chữ sĩ phu, được dịch từ tiếng Phạn là puruṣa, phiên âm là bồ-lô-sa (補盧沙), với nghĩa chỉ phần tinh thần bản thể của con người, hoàn toàn không liên quan đến nghĩa của chữ sĩ phu thường được hiểu trong chữ Hán (người có học, nho sĩ...). Có nơi cũng dịch chữ này là linh hồn.
16. Câu này phá vỡ lập luận của ông Tiên-ni rằng chỗ thấy, nghe đó là ngã; vì theo câu nói này thì chỗ thấy nghe và ngã là hai thực thể khác nhau.
17. Bốn binh chủng: ở đây chỉ quân đội ngày xưa gồm bốn binh chủng là: quân có voi, quân cưỡi ngựa, quân dùng xe, quân đánh bộ.
18. Kiêu mạn: thái độ và khuynh hướng ứng xử luôn tỏ ra kiêu căng, ngạo mạn, tự cho mình là tốt đẹp, tài giỏi hơn hẳn và xem thường mọi người khác.
19. Câu này nói tóm ý về cả năm ấm: sắc, thọ, tưởng, hành, thức, đều giống như vậy.
20. Kiến hành: chỉ chung các loại ngã kiến, tà kiến... khiến hành giả không thể nhận thức được chân lý, nên cũng gọi là kiến hoặc.
21. Câu này nói tóm ý tất cả những giả thuyết mà Phú-na đã nêu ra ở đoạn trên, tất cả đều là định kiến, hay nói cách khác cũng là những tà kiến, thấy biết sai lầm.
22. Kiến chấp: sự cố chấp và vướng mắc vào chỗ thấy biết hiện có của mình, cho đó là tuyệt đối và không chấp nhận mọi quan điểm khác.
23. Nói pháp thân thường tồn là vượt khỏi giới hạn của thời gian; nói không thuộc về các phương hướng đông, tây, nam, bắc là vượt khỏi giới hạn của không gian.
24. Theo Nam bản thì từ đây hết quyển 35, bắt đầu quyển 36, cũng là quyển cuối, phẩm Kiều-trần-như, phần sau (Kiều-trần-như phẩm hạ).
25. Câu hỏi này tóm ý các giả thuyết mà Phú-na đã nêu ra ở phần trước.
26. Câu này nói tóm ý từ sắc cho đến thức, tức là năm ấm: sắc, thọ, tưởng, hành và thức.

大般涅槃經

卷第四十

憍陳如品

第十三之二

犢子梵志復作是言。瞿曇。我今欲問能見聽不。

如來默然。第二第三亦復如是。

犢子復言。瞿曇。我久與汝共為親友。汝之與我義無有二。我欲諮問何故默然。

爾時世尊作是思惟。如是梵志其性儒雅純善寶直。常為知故而來諮啟不為惱亂。彼若問者當隨意答。

佛言。犢子。善哉善哉。隨所疑問吾當答之。

犢子言。瞿曇。世有善耶。

如是梵志。

有不善耶。

如是梵志。

瞿曇。願為我說令我得知善不善法。

佛言。善男子。我能分別廣說其義。今當為汝簡略說之。

ĐẠI BÁT NIẾT-BÀN KINH

QUYỂN ĐỆ TỨ THẬP

KIÊU-TRẦN-NHƯ PHẨM

ĐỆ THẬP TAM CHI NHỊ

Độc Tử Phạm chí, phục tác thị ngôn: Cồ-đàm! Ngã kim dục vấn, năng kiến thính phủ?

Như Lai mặc nhiên. Đệ nhị, đệ tam, diệc phục như thị.

Độc Tử phục ngôn: Cồ-đàm! Ngã cửu dĩ nữ, cộng vi thân hữu; nữ chi dĩ ngã, nghĩa vô hữu nhị. Ngã dục tư vấn, hà cố mặc nhiên?

Nhĩ thời, Thế Tôn tác thị tư duy: Như thị Phạm chí, kỳ tánh nho nhã, thuần thiện, bảo trực. Thường vị tri cố nhi lai tư khai; bất vị não loạn. Bĩ nhược vấn giả, đương tùy ý đáp.

Phật ngôn: Độc Tử! Thiện tai, thiện tai! Tùy sở nghi vấn, ngô đương đáp chi.

Độc Tử ngôn: Cồ-đàm! Thế hữu thiện da?

Như thị, Phạm chí!

Hữu bất thiện da?

Như thị, Phạm chí!

Cồ-đàm! Nguyên vị ngã thuyết, linh ngã đắc tri thiện, bất thiện pháp.

Phật ngôn: Thiện nam tử! Ngã năng phân biệt, quảng thuyết kỳ nghĩa. Kim đương vị nữ, giản lược thuyết chi.

善男子。欲名不善。解脫欲者名之為善。瞋恚愚癡亦復如是。

殺名不善不殺名善。乃至邪見亦復如是。

善男子。我今為汝已說三種善不善法。及說十種善不善法。若我弟子能作如是分別三種善不善法。乃至十種善不善法。當知是人能盡貪欲瞋恚愚癡一切諸漏斷一切有。

梵志言。瞿曇。是佛法中頗有一比丘能盡如是貪欲瞋癡一切諸漏一切有不。

佛言。善男子。是佛法中非一二三乃至五百。乃有無量諸比丘等。能盡如是貪欲恚癡一切諸漏一切諸有。

瞿曇。置一比丘。是佛法中頗有一比丘尼能盡如是貪欲瞋癡一切諸漏一切有不。

佛言。善男子。是佛法中非一二三乃至五百。乃有無量諸比丘尼。能斷如是貪欲。瞋癡一切諸漏一切諸有。

犢子言。瞿曇。置一比丘一比丘尼。是佛法中頗有一優婆塞持戒精勤，梵行清淨，度疑彼岸，斷於疑網不。

Thiện nam tử! Dục, danh bất thiện. Giải thoát dục giả, danh chi vi thiện. Sân khuể, ngu si, diệc phục như thị.

Sát, danh bất thiện; bất sát, danh thiện; nãi chí tà kiến, diệc phục như thị.

Thiện nam tử! Ngã kim vị nữ, dĩ thuyết: tam chủng thiện, bất thiện pháp; cập thuyết thập chủng thiện, bất thiện pháp. Nhược ngã đệ tử năng tác như thị phân biệt tam chủng thiện, bất thiện pháp, nãi chí thập chủng thiện, bất thiện pháp, đương tri thị nhân năng tận tham dục, sân khuể, ngu si, nhất thiết chư lậu; đoạn nhất thiết hữu.

Phạm chí ngôn: Cô-đàm! Thị Phật pháp trung, phả hữu nhất tỳ-kheo năng tận như thị tham dục, sân, si, nhất thiết chư lậu, nhất thiết hữu phủ?

Phật ngôn: Thiện nam tử! Thị Phật pháp trung, phi nhất, nhị, tam, nãi chí ngũ bá, nãi hữu vô lượng chư tỳ-kheo đẳng năng tận như thị tham dục, nhuế, si, nhất thiết chư lậu, nhất thiết chư hữu.

Cô-đàm! Trí nhất tỳ-kheo. Thị Phật pháp trung, phả hữu nhất tỳ-kheo ni năng tận như thị tham dục, sân, si, nhất thiết chư lậu, nhất thiết hữu phủ?

Phật ngôn: Thiện nam tử! Thị Phật pháp trung, phi nhất, nhị, tam nãi chí ngũ bá, nãi hữu vô lượng chư tỳ-kheo ni năng đoạn như thị tham dục, sân, si, nhất thiết chư lậu, nhất thiết chư hữu.

Độc Tử ngôn: Cô-đàm! Trí nhất tỳ-kheo, nhất tỳ-kheo ni. Thị Phật pháp trung, phả hữu ưu-bà-tắc trì giới tinh cần, Phạm hạnh thanh tịnh, độ nghi bỉ ngạn, đoạn ư nghi vông phủ?

佛言。善男子。我佛法中非一二三乃至五百。乃有無量諸優婆塞。持戒精勤梵行清淨斷五下結。得阿那含度疑彼岸斷於疑網。

犢子言。瞿曇。置一比丘一比丘尼一優婆塞。是佛法中頗有一優婆夷持戒精勤梵行清淨度疑彼岸斷疑網不。

佛言。善男子。我佛法中非一二三乃至五百。乃有無量諸優婆夷持戒精勤梵行清淨斷五下結。得阿那含度疑彼岸斷於疑網。

犢子言。瞿曇。置一比丘一比丘尼盡一切漏。一優婆塞一優婆夷持戒精勤梵行清淨斷於疑網。是佛法中頗有優婆塞受五欲樂心無疑網不。

佛言。善男子。是佛法中非一二三乃至五百。乃有無量諸優婆塞斷於三結得須陀洹。薄貪恚癡得斯陀含。如優婆塞優婆夷亦如是。

世尊。我於今者樂說譬喻。

佛言。善哉樂說便說。

世尊。譬如難陀婆難陀龍王等降大雨。如來法雨亦復如是。平等雨於優婆塞優婆夷。

世尊。若諸外道欲來出家不審如來幾月試之。

佛言。善男子。皆四月試不必一種。

Phật ngôn: Thiện nam tử! Thị Phật pháp trung, phi nhất, nhị, tam, nãi chí ngũ bá, nãi hữu vô lượng chư ưu-bà-tắc trì giới tinh cần, Phạm hạnh thanh tịnh, đoạn ngũ hạ kết, đắc A-na-hàm, độ nghi bỉ ngạn, đoạn ư nghi võng.

Độc Tử ngôn: Cồ-đàm! Trí nhất tỳ-kheo, nhất tỳ-kheo ni, nhất ưu-bà-tắc. Thị Phật pháp trung, phả hữu ưu-bà-di trì giới tinh cần, Phạm hạnh thanh tịnh, độ nghi bỉ ngạn, đoạn nghi võng phủ?

Phật ngôn: Thiện nam tử! Thị Phật pháp trung, phi nhất, nhị, tam, nãi chí ngũ bá, nãi hữu vô lượng chư ưu-bà-di trì giới tinh cần, Phạm hạnh thanh tịnh, đoạn ngũ hạ kết, đắc A-na-hàm, độ nghi bỉ ngạn, đoạn ư nghi võng.

Độc Tử ngôn: Cồ-đàm! Trí nhất tỳ-kheo, nhất tỳ-kheo ni, tận nhất thiết lậu; nhất ưu-bà-tắc, nhất ưu-bà-di trì giới tinh cần, Phạm hạnh thanh tịnh, đoạn ư nghi võng. Thị Phật pháp trung, phả hữu ưu-bà-tắc thọ ngũ dục lạc, tâm vô nghi võng phủ?

Phật ngôn: Thiện nam tử! Ngã Phật pháp trung, phi nhất, nhị, tam, nãi chí ngũ bá, nãi hữu vô lượng chư ưu-bà-tắc đoạn ư tam kết, đắc Tu-đà-hoàn; bạc tham, khuể, si, đắc Tư-đà-hàm. Như ưu-bà-tắc, ưu-bà-di diệc như thị.

Thế Tôn! Ngã ư kim giả nhạo thuyết thí dụ.

Phật ngôn: Thiện tai! Nhạo thuyết tiện thuyết!

Thế Tôn! Thí như Nan-đà, Bà-nan-đà long vương, đẳng giáng đại vũ. Như Lai pháp vũ, diệc phục như thị; bình đẳng vũ ư ưu-bà-tắc, ưu-bà-di.

Thế Tôn! Nhược chư ngoại đạo dục lai xuất gia, bất thẩm Như Lai kỷ nguyệt thí chi?

Phật ngôn: Thiện nam tử! Giai tứ nguyệt thí, bất tất nhất chủng.

世尊。若不一種唯願大慈聽我出家。

爾時世尊告憍陳如。聽是犢子出家受戒。

時憍陳如受佛敕已。立眾僧中為作羯磨。於出家後滿十五日得須陀洹果。

既得果已復作是念。若有智慧從學得者。我今已得堪任見佛。

即往佛所頭面作禮。修敬已畢卻住一面。白佛言。世尊。諸有智慧從學得者我今已得。唯願為我重分別說。令我獲得無學智慧。

佛言。善男子。汝勤精進修習二法。一奢摩他。二毘婆舍那。

善男子。若有比丘欲得須陀洹果。亦當勤修如是二法。若復欲得斯陀含果阿那含果阿羅漢果。亦當修習如是二法。

善男子。若有比丘欲得四禪四無量心。六神通，八背捨八勝處。無諍智頂智畢竟智四無礙智。金剛三昧盡智無生智。亦當修習如是二法。

善男子。若欲得十住地無生法忍無相法忍不可思議法忍。聖行梵行天行菩薩行。虛空三昧智印三昧。空無相無作三昧。地三昧不退三昧。首楞嚴三

Thế Tôn! Nhược bát nhất chủng, duy nguyện Đại từ thính ngã xuất gia.

Nhĩ thời, Thế Tôn cáo Kiều-trần-như: Thính thị Độc Tử xuất gia thọ giới.

Thời, Kiều-trần-như thọ Phật sắc dĩ, lập chúng tăng trung, vị tác kiết-ma. Ư xuất gia hậu, mãn thập ngũ nhật, đắc Tu-đà-hoàn quả.

Ký đắc quả dĩ, phục tác thị niệm: Nhược hữu trí tuệ từng học đắc giả, ngã kim dĩ đắc, kham nhiệm kiến Phật.

Túc vãng Phật sở, đầu diện tác lễ, tu kính dĩ tất, khước trụ nhất diện, bạch Phật ngôn: Thế Tôn! Chư hữu trí tuệ từng học đắc giả, ngã kim dĩ đắc. Duy nguyện vị ngã trùng phân biệt thuyết, linh ngã hoạch đắc vô học trí tuệ.

Phật ngôn: Thiện nam tử! Nhữ cần tinh tấn tu tập nhị pháp. Nhất xa-ma-tha, nhị tỳ-bà-xá-na.

Thiện nam tử! Nhược hữu tỳ-kheo dục đắc Tu-đà-hoàn quả, diệc đương cần tu như thị nhị Pháp. Nhược phục dục đắc Tư-đà-hàm quả, A-na-hàm quả, A-la-hán quả, diệc đương tu tập như thị nhị pháp.

Thiện nam tử! Nhược hữu tỳ-kheo dục đắc Tứ thiên, Tứ vô lượng tâm, Lục thần thông, Bát bội xả, Bát thắng xứ, Vô tranh trí, Đỉnh trí, Tất cánh trí, Tứ vô ngại trí, Kim cang Tam-muội, Tận trí, Vô sanh trí, diệc đương tu tập như thị nhị pháp.

Thiện nam tử! Nhược dục đắc Thập trụ địa, Vô sanh pháp nhẫn, Vô tướng pháp nhẫn, Bất khả tư nghị pháp nhẫn, Thánh hạnh, Phạm hạnh, Thiên hạnh, Bồ Tát hạnh, Hư không Tam-muội, Trí ấn Tam-muội, Không, Vô tướng, Vô tác Tam-muội, Địa Tam-muội, Bất thối Tam-muội, Thủ-lăng-nghiêm Tam-

昧金剛三昧。阿耨多羅三藐三菩提佛行。亦當修習如是二法。

犢子聞已禮拜而出。在娑羅林中修是二法。不久即得阿羅漢果。

是時復有無量比丘欲往佛所。犢子見已問言。大德。欲何所至。諸比丘言。欲往佛所。

犢子復言。諸大德。若至佛所願為宣啟。犢子梵志修二法已得無學智。今報佛恩入般涅槃。

時諸比丘至佛所已。白佛言。世尊。犢子比丘寄我等語。世尊。犢子梵志。修習二法得無學智。今報佛恩入於涅槃。

佛言。善男子。犢子梵志得阿羅漢果。汝等可往供養其身。

時諸比丘受佛敕已。還其屍所大設供養。

納衣梵志復作是言。瞿曇。如瞿曇所說無量世中作善不善。未來還得善不善身。是義不然。

何以故。如瞿曇說因煩惱故獲得是身。若因煩惱獲得身者。身為在先煩惱在先。若煩惱在先誰之所作住在何處。若身在先云何說言因煩惱得。是故若言煩惱在先是則不可。若身在先是亦不可。若言一時是亦不可。先後一時義皆不可。是故我說一切諸法皆有自性不從因緣。

muội, Kim cang Tam-muội, A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề Phật hạnh, diệc đương tu tập như thị nhị pháp.

Độc Tử văn dĩ, lễ bái nhi xuất. Tại sa-la lâm trung, tu thị nhị pháp, bất cửu tức đắc A-la-hán quả.

Thị thời, phục hữu vô lượng tỳ-kheo dục vãng Phật sở. Độc Tử kiến dĩ, vấn ngôn: Đại Đức, dục hà sở chí? Chư tỳ-kheo ngôn: Dục vãng Phật sở.

Độc Tử phục ngôn: Chư đại đức! Nhược chí Phật sở, nguyện vị tuyên khai: Độc Tử Phạm chí tu Nhị Pháp dĩ, đắc vô học trí. Kim báo Phật ân, nhập Bát Niết-bàn.

Thời chư tỳ-kheo, chí Phật sở dĩ, bạch Phật ngôn: Thế Tôn! Độc Tử tỳ-kheo ký ngã đẳng ngữ: Thế Tôn! Độc Tử Phạm chí tu tập nhị pháp, đắc vô học trí. Kim báo Phật ân, nhập ư Niết-bàn.

Phật ngôn: Thiện nam tử! Độc Tử Phạm chí đắc A-la-hán quả; nhữ đẳng khả vãng cúng dường kỳ thân.

Thời, chư tỳ-kheo thọ Phật sắc dĩ, hoàn kỳ thi sở, đại thiết cúng dường.

Nạp Y Phạm chí phục tác thị ngôn: Cô đàm! Như Cô-đàm sở thuyết, vô lượng thế trung, tác thiện, bất thiện, vị lai hoàn đắc thiện, bất thiện thân. Thị nghĩa bất nhiên.

Hà dĩ cố? Như Cô-đàm thuyết: Nhân phiền não cố, hoạch đắc thị thân. Nhược nhân phiền não, hoạch đắc thân giả, thân vị tại tiên, phiền não tại tiên? Nhược phiền não tại tiên, thù chi sở tác? Trụ tại hà xứ? Nhược thân tại tiên, vân hà thuyết ngôn: nhân phiền não đắc? Thị cố nhược ngôn phiền não tại tiên, thị tác bất khả, nhược thân tại tiên, thị diệc bất khả. Nhược ngôn nhất thời, thị diệc bất khả. Tiên, hậu nhất thời, nghĩa giai bất khả. Thị cố ngã thuyết: Nhất thiết chư pháp giai hữu tự tánh, bất tùng nhân duyên.

復次瞿曇。堅是地性濕是水性。熱是火性動是風性。無所罣礙是虛空性。是五大性非因緣有。若使世間有一法性非因緣有。一切法性亦應如是非因緣有。若有一法從於因緣。何因緣故五大之性不從因緣。

瞿曇。眾生善身及不善身獲得解脫。皆是自性不從因緣。是故我說一切諸法自性故有非因緣生。

復次瞿曇。世間之法有定用處。譬如工匠云如是木任作車輿。如是任作門板牀机。亦如金師所可造作。在額上者名之為鬘。在頸下者名之為瓔。在臂上者名之為釧。在指下者名之為環。用處定故名為定性。當知一切眾生亦復如是。有六道性故有地獄餓鬼畜生人天。若如是者云何說言從其因緣。

復次瞿曇。一切眾生其性各異。是故名為一切自性。

瞿曇。如龜陸生自能入水。犢子生已能自飲乳。魚見鉤餌自然吞食。毒蛇生已自然食土。如是等事誰有教者。如刺生已自然頭尖。飛鳥毛羽自然色別。

世間眾生亦復如是。有利有鈍有富有貧有好有醜。有得解脫有不得者。是故當知一切法中各有自性。

Phục thứ, Cồ-đàm! Kiên thị địa tánh; thấp thị thủy tánh; nhiệt thị hỏa tánh; động thị phong tánh; vô sở quải ngại, thị hư không tánh. Thị ngũ đại tánh, phi nhân duyên hữu. Nhược sử thể gian hữu nhất pháp tánh, phi nhân duyên hữu, nhất thiết pháp tánh diệc ưng như thị, phi nhân duyên hữu. Nhược hữu nhất pháp tùng ư nhân duyên, hà nhân duyên cố ngũ đại chi tánh bất tùng nhân duyên.

Cồ-đàm! Chúng sanh thiện thân cập bất thiện thân, hoạch đắc giải thoát, giai thị tự tánh, bất tùng nhân duyên. Thị cố ngã thuyết: Nhất thiết chư pháp, tự tánh cố hữu, phi nhân duyên sanh.

Phục thứ, Cồ-đàm! Thế gian chi pháp hữu định dụng xứ. Thí như công tượng vân: Như thị mộc, nhiệm tác xa dư. Như thị nhiệm tác môn bản, sàng, ngột. Diệc như kim sư, sở khả tạo tác tại ngạch thượng giả danh chi vi man; tại cảnh hạ giả, danh chi vi anh; tại tỷ thượng giả, danh chi vi xuyên; tại chỉ hạ giả, danh chi vi hoàn. Dụng xứ định cố, danh vi định tánh. Đương tri nhất thiết chúng sanh diệc phục như thị; hữu ngũ đạo tánh, cố hữu địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh, nhân, thiên. Nhược như thị giả, vân hà thuyết ngôn: tùng kỳ nhân duyên?

Phục thứ, Cồ-đàm! Nhất thiết chúng sanh, kỳ tánh các dị. Thị cố danh vi nhất thiết tự tánh.

Cồ-đàm! Như quy lục sanh, tự năng nhập thủy. Độc tử sanh dĩ, năng tự ẩm nhũ. Ngư kiến câu nhĩ, tự nhiên thôn thực. Độc xà sanh dĩ tự nhiên thực thổ. Như thị đẳng sự, thù hữu giáo giả? Như thích sanh dĩ, tự nhiên đầu tiêm. Phi điều mao vũ tự nhiên sắc biệt.

Thế gian chúng sanh diệc phục như thị; hữu lợi, hữu độn; hữu phú, hữu bản, hữu hảo, hữu xú; hữu đắc giải thoát, hữu bất đắc giả. Thị cố đương tri: Nhất thiết pháp trung, các hữu tự tánh.

復次瞿曇。如瞿曇說貪欲瞋癡從因緣生。如是三毒因緣五塵。是義不然。何以故。眾生睡時遠離五塵。亦復生於貪欲瞋癡。在胎亦爾。初出胎時未能分別五塵好醜。亦復生於貪欲瞋癡。諸仙賢聖處在寂處無有五塵。亦能生於貪欲瞋癡。亦復有人因於五塵生於不貪不瞋不癡。是故不必從於因緣生一切法。以自性故。

復次瞿曇。我見世人五根不具。多饒財寶得大自在。有根具足貧窮下賤。不得自在為人僕使。若有因緣何故如是。是故諸法各有自性不由因緣。

復次瞿曇。世間小兒亦復未能分別五塵。或笑或啼笑時知喜啼時知愁。是故當知一切諸法各有自性。

復次瞿曇。世法有二。一者有。二者無。有即虛空無即兔角。如是二法一是有故不從因緣。二是無故亦非因緣。是故諸法有自性故不從因緣。

佛言。善男子。如汝所言如五大性一切諸法亦應如是。是義不然。何以故。

善男子。如汝法中以五大是常。何因緣故一切諸法悉不是常。若世間物是無常者。是五大性何因緣故不是無常。若五大常世間之物亦應是常。是故

Phục thứ, Cồ-dàm! Như Cồ-dàm thuyết: Tham dục, sân, si, tùng nhân duyên sanh. Như thị tam độc, nhân duyên ngũ trần. Thị nghĩa bất nhiên. Hà dĩ cố? Chúng sanh thụ thời, viễn ly ngũ trần, diệc phục sanh ư tham dục, sân, si. Tại thai diệc nhĩ. Sơ xuất thai thời, vị năng phân biệt ngũ trần hảo xú, diệc phục sanh ư tham dục, sân, si. Chư tiên, hiền thánh xử tại tịch xú, vô hữu ngũ trần, diệc năng sanh ư tham dục, sân, si. Diệc phục hữu nhân, nhân ư ngũ trần, sanh ư bất tham, bất sân, bất si. Thị cố bất tất tùng ư nhân duyên sanh nhất thiết pháp; dĩ tự tánh cố.

Phục thứ, Cồ-dàm! Ngã kiến thế nhân, ngũ căn bất cụ, đa nhiều tài bảo, đắc đại tự tại. Hữu căn cụ túc bản cùng hạ tiện, bất đắc tự tại, vi nhân bộc sử. Nhược hữu nhân duyên, hà cố như thị? Thị cố chư pháp các hữu tự tánh, bất do nhân duyên.

Phục thứ, Cồ-dàm! Thế gian tiểu nhi diệc phục vị năng phân biệt ngũ trần, hoặc tiểu, hoặc đề. Tiểu thời tri hỷ; đề thời tri sầu. Thị cố đương tri: Nhất thiết chư pháp, các hữu tự tánh.

Phục thứ, Cồ-dàm! Thế pháp hữu nhị: Nhất giả hữu, nhị giả vô. Hữu, tức hư không; vô tức thổ giác. Như thị nhị pháp, nhất thị hữu cố, bất tùng nhân duyên; nhị thị vô cố, diệc phi nhân duyên. Thị cố chư pháp, hữu tự tánh cố, bất tùng nhân duyên.

Phật ngôn: Thiện nam tử! Như nữ sở ngôn: Như ngũ đại tánh nhất thiết chư pháp diệc ưng như thị. Thị nghĩa bất nhiên. Hà dĩ cố?

Thiện nam tử! Như nữ pháp trung, dĩ ngũ đại thị thường. Hà nhân duyên cố nhất thiết chư pháp, tất bất thị thường? Nhược thế gian vật thị vô thường giả, thị ngũ đại tánh, hà nhân duyên cố, bất thị vô thường? Nhược ngũ đại thường, thế gian chi vật diệc ưng thị thường. Thị cố nữ thuyết: ngũ đại

汝說五大之性有自性故不從因緣。令一切法同五大者無有是處。

善男子。汝言用處定故有自性者。是義不然。何以故。皆從因緣得名字故。若從因得名亦從因得義。云何名為從因得名。如在額上名之為鬢。在頸名瓔在臂名釧在車名輪。火在草木名草木火。

善男子。樹初生時無箭槩性。從因緣故工造為箭。從因緣故工造為槩。是故不應說一切法有自性也。

善男子。汝言如龜陸生性自入水。犢子生已性能飲乳。是義不然。何以故。若言入水非因緣者。俱非因緣何不入火。犢子生已性能嗽乳不從因緣。俱非因緣何不嗽角。

善男子。若言諸法悉有自性。不須教習無有增長。是義不然。何以故。今見有教緣教增長。是故當知無有自性。

善男子。若一切法有自性者。諸婆羅門一切不應為清淨身殺羊祠祀若為身祠。是故當知無有自性。

善男子。世間語法凡有三種。一者欲作。二者作時。三者作已。若一切法有自性者。何故世中有是三語。有三語故。故知一切無有自性。

chi tánh hữu tự tánh cố, bất tùng nhân duyên, linh nhất thiết pháp đồng ngữ đại giả, vô hữu thị xứ.

Thiện nam tử! Nhữ ngôn: Dụng xứ định cố, hữu tự tánh giả, thị nghĩa bất nhiên. Hà dĩ cố? Giai tùng nhân duyên, đắc danh tự cố. Nhược tùng nhân đắc danh, diệc tùng nhân đắc nghĩa. Vân hà danh vi tùng nhân đắc danh? Như tại ngạch thượng, danh chi vi man tại cảnh, danh anh; tại tý, danh xuyên; tại xa, danh luân; hỏa tại thảo mộc, danh thảo mộc hỏa.

Thiện nam tử! Thọ sơ sanh thời, vô tiền, sóc tánh. Tùng nhân duyên cố, công tạo vi tiền; tùng nhân duyên cố, công tạo vi sóc. Thị cố bất ứng thuyết: Nhất thiết pháp hữu tự tánh dã.

Thiện nam tử! Nhữ ngôn: Như quy lục sanh, tánh tự nhập thủy; độc tử sanh dĩ, tánh năng ẩm nhũ. Thị nghĩa bất nhiên. Hà dĩ cố? Nhược ngôn: Nhập thủy phi nhân duyên giả; câu phi nhân duyên, hà bất nhập hỏa? Độc tử sanh dĩ, tánh năng sóc nhũ, bất tùng nhân duyên; câu phi nhân duyên, hà bất sóc giác?

Thiện nam tử! Nhược ngôn: Chư pháp tất hữu tự tánh, bất tu giáo tập, vô hữu tăng trưởng. Thị nghĩa bất nhiên. Hà dĩ cố? Kim kiến hữu giáo, duyên giáo tăng trưởng. Thị cố đương tri vô hữu tự tánh.

Thiện nam tử! Nhược nhất thiết pháp hữu tự tánh giả, chư bà-la-môn, nhất thiết bất ứng vị thanh tịnh thân, sát dương tự từ. Nhược vi thân từ, thị cố đương tri vô hữu tự tánh.

Thiện nam tử! Thế gian ngữ pháp, phạm hữu tam chủng: Nhất giả dục tác, nhị giả tác thời, tam giả tác dĩ. Nhược nhất thiết pháp hữu tự tánh giả, hà cố thể trung, hữu thị tam ngữ? Hữu tam ngữ cố, cố tri nhất thiết vô hữu tự tánh.

善男子。若言諸法有自性者。當知諸法各有定性。若有定性甘蔗一物。何緣作漿作蜜石蜜酒苦酒等。若有一性何緣乃出如是等味。若一物中出如是等。當知諸法不得一定各有一性。

善男子。若一切法有定性者。聖人何故飲甘蔗漿石蜜黑蜜酒時不飲後為苦酒復還得飲。是故當知無有定性。若無定性云何不因因緣而有。

善男子。汝說一難切法有自性者云何說喻。若有喻者當知諸法無有自性。若有自性當知無喻。世間智者皆說譬喻。當知諸法無有自性無有一性。

善男子。汝言身為在先，煩惱在先者。是義不然。何以故。若我當說身在先者。汝可難言。汝亦同我身不在先。何因緣故而作是難。

善男子。一切眾生身及煩惱俱無先後一時而有。雖一時有要因煩惱而得有身。終不因身有煩惱也。

汝意若謂如人二眼一時而得。不相因待左不因右右不因左。煩惱及身亦如是者。是義不然。何以故。

善男子。世間眼見炷之與明。雖復一時明要因炷。終不因明而有炷也。

善男子。汝意若謂身不在先故知無因。是義不

Thiện nam tử! Nhược ngôn chư pháp hữu tự tánh giả, đương tri chư pháp các hữu định tánh. Nhược hữu định tánh, cam giá nhất vật, hà duyên tác tương, tác mật, thạch mật, tửu khổ, tửu đẳng? Nhược hữu nhất tánh, hà duyên nãi xuất như thị đẳng vị? Nhược nhất vật trung, xuất như thị đẳng, đương tri chư pháp bất đắc nhất định các hữu nhất tánh.

Thiện nam tử! Nhược nhất thiết pháp hữu định tánh giả, Thánh nhân hà cố ẩm cam giá tương, thạch mật, hắc mật; tửu thời, bất ẩm hậu vi khổ tửu, phục hoàn đắc ẩm? Thị cố đương tri vô hữu định tánh. Nhược vô định tánh, vân hà bất nhân nhân duyên nhi hữu?

Thiện nam tử! Nhữ thuyết nhất thiết pháp hữu tự tánh giả, vân hà thuyết dụ? Nhược hữu dụ giả, đương tri chư pháp vô hữu tự tánh. Nhược hữu tự tánh, đương tri vô dụ. Thế gian trí giả giai thuyết thí dụ. Đương tri chư pháp vô hữu tự tánh, vô hữu nhất tánh.

Thiện nam tử! Nhữ ngôn: thân vi tại tiên, phiền não tại tiên giả. Thị nghĩa bất nhiên. Hà dĩ cố? Nhược ngã đương thuyết: Thân tại tiên giả, nhữ khả nạn ngôn: Nhữ diệc đồng ngã, Thân bất tại tiên. Hà nhân duyên cố nhi tác thị nạn?

Thiện nam tử! Nhất thiết chúng sanh, thân cập phiền não, câu vô tiên hậu; nhất thời nhi hữu. Tuy nhất thời hữu, yếu nhân phiền não nhi đắc hữu thân; chung bất nhân thân, hữu phiền não dã.

Nhữ ý nhược vị: Như nhân nhị nhãn, nhất thời nhi đắc, bất tương nhân đái: Tả bất nhân hữu, hữu bất nhân tả. Phiền não cập thân diệc như thị giả. Thị nghĩa bất nhiên.

Hà dĩ cố? Thiện nam tử! Thế gian nhãn kiến chú chi dữ minh; tuy phục nhất thời, minh yếu nhân chú; chung bất nhân minh nhi hữu chú dã.

Thiện nam tử! Nhữ ý nhược vị: Thân bất tại tiên, cố tri vô nhân. Thị nghĩa bất nhiên Hà dĩ cố? Nhược vị thân tiên, vô

然。何以故。若謂身先無因緣故名為無者。汝不應說。一切諸法而有因緣。若言不見故不說者。今見瓶等從因緣出何故不說。如瓶，身先因緣亦復如是。

善男子。若見不見一切諸法。皆從因緣無有自性。

善男子。若言一切法悉有自性無因緣者。汝何因緣說於五大。是五大性即是因緣。

善男子。五大因緣雖復如是。亦不應說諸法皆同五大因緣。如世人說一切出家精勤持戒。旃陀羅等亦應如是精勤持戒。

善男子。汝言五大定堅性。我觀是性轉故不定。

善男子。酥蠟胡膠於汝法中名之為地。是地不定或同於水或同於地。故不得說自性故堅。

善男子。白鐵鉛錫銅鐵金銀。於汝法中名之為火。是火四性流時水性動時風性熱時火性堅時地性。云何說言定名火性。

善男子。水姓名流，若水凍時不名為地，故名火性。何因緣故。波動之時不名為風。若動不名風，凍時亦應不名為火。若是四性從因緣者。何故說言一切諸法不從因緣。

善男子。若言五根性能見聞覺知觸故。皆是自性不從因緣。是義不然。何以故。

nhân duyên cố, danh vi vô giả. Nhữ bát ưng thuyết: Nhất thiết chư pháp nhi hữu nhân duyên. Nhược ngôn bất kiến, cố bất thuyết giả, kim kiến bình đẳng, tùng nhân duyên xuất, hà cố bất thuyết như bình, thân tiên nhân duyên diệc phục như thị.

Thiện nam tử! Nhược kiến, bất kiến, nhất thiết chư pháp giai tùng nhân duyên, vô hữu tự tánh.

Thiện nam tử! Nhược ngôn: Nhất thiết pháp tất hữu tự tánh, vô nhân duyên giả. Nhữ hà nhân duyên thuyết ư ngũ đại? Thị ngũ đại tánh, tức thị nhân duyên.

Thiện nam tử! Ngũ đại nhân duyên tuy phục như thị, diệc bất ưng thuyết: Chư pháp giai đồng ngũ đại nhân duyên. Như thế nhân thuyết: Nhất thiết xuất gia, tinh cần trì giới. Chiên-đà-la đẳng, diệc ưng như thị tinh cần trì giới.

Thiện nam tử! Nhữ ngôn: Ngũ đại hữu định kiên tánh. Ngã quán thị tánh chuyển cố bất định.

Thiện nam tử! Tô, lạp, hồ, giao, ư nhữ pháp trung danh chi vị địa. Thị địa bất định: hoặc đồng ư thủy, hoặc đồng ư địa. Cố bất đắc thuyết: tự tánh cố kiên.

Thiện nam tử! Bạch lạp, diên, tích, đồng, thiết, kim, ngân, ư nhữ pháp trung, danh chi vi hỏa. Thị hỏa tứ tánh: lưu thời thủy tánh, động thời phong tánh, nhiệt thời hỏa tánh, kiên thời địa tánh vân hà thuyết ngôn: định danh hỏa tánh?

Thiện nam tử! Thủy tánh danh lưu. Nhược thủy đông thời, bất danh vị địa, cố danh hỏa tánh. Hà nhân duyên cố ba động chi thời, bất danh vi phong? Nhược động bất danh phong, đông thời diệc ưng bất danh vi hỏa! Nhược thị tứ tánh tùng nhân duyên giả, hà cố thuyết ngôn: Nhất thiết chư pháp bất tùng nhân duyên?

Thiện nam tử! Nhược ngôn: Ngũ căn, tánh năng kiến, văn, giác, tri, xúc cố, giai thị tự tánh, bất tùng nhân duyên. Thị nghĩa bất nhiên. Hà dĩ cố?

善男子。自性之性不可轉。若言眼性見者常應能見。不應有見有不見時。是故當知從因緣見非無因緣。

善男子。汝言非因五塵生貪解脫。是義不然。何以故。

善男子。生貪解脫雖復不因五塵因緣。惡覺觀故則生貪欲。善覺觀故則得解脫。

善男子。內因緣故生貪解脫。外因緣故則能增長。是故汝言一切諸法各有自性。不因五塵生貪解脫無有是處。

善男子。汝言具足諸根乏於財物不得自在。諸根殘缺多饒財寶得大自在。因此以明有自性。故不從因緣者。是義不然。何以故。

善男子。眾生從業而有果報。如是果報則有三種。一者現報。二者生報。三者後報。貧窮巨富根具不具是業各異。若有自性具諸根者應饒財寶饒財寶者應具諸根。今則不爾是故定知無有自性皆從因緣。

善男子。如汝所言世間小兒未能分別五塵因緣亦啼亦笑。是故一切有自性者。是義不然。何以故。若自性者。笑應常笑啼應常啼。不應一笑一

Thiện nam tử! Tự tánh chi tánh, tánh bất khả chuyển. Nhược ngôn: Nhãn tánh kiến giả, thường ứng năng kiến, bất ứng hữu kiến, hữu bất kiến thời. Thị cố đương tri: Tùng nhân duyên kiến, phi vô nhân duyên.

Thiện nam tử! Nhữ ngôn: Phi nhân ngũ trần, sanh tham... giải thoát. Thị nghĩa bất nhiên. Hà dĩ cố?

Thiện nam tử! Sanh tham... giải thoát, tuy phục bất nhân ngũ trần nhân duyên; ác giác quan cố, tác sanh tham dục; thiện giác quan cố, tác đắc giải thoát.

Thiện nam tử! Nội nhân duyên cố, sanh tham, giải thoát; ngoại nhân duyên cố, tác năng tăng trưởng. Thị cố nhữ ngôn: Nhất thiết chư pháp các hữu tự tánh; bất nhân ngũ trần, sanh tham, giải thoát. Vô hữu thị xứ.

Thiện nam tử! Nhữ ngôn: Cụ túc chư căn, phạp ư tài vật, bất đắc tự tại: Chư căn tàn khuyết, đa nhiều tài bảo, đắc đại tự tại. Nhân thử dĩ minh hữu tự tánh cố, bất tùng nhân duyên giả Thị nghĩa bất nhiên. Hà dĩ cố?

Thiện nam tử! Chúng sanh tùng nghiệp nhi hữu quả báo. Như thị quả báo tác hữu tam chủng: Nhất giả hiện báo, nhị giả sanh báo, tam giả hậu báo. Bản cùng, cự phú, căn cụ, bất cụ, thị nghiệp các dị. Nhược hữu tự tánh, cụ chư căn giả, ứng nhiều tài bảo; nhiều tài bảo giả, ứng cụ chư căn. Kim tác bất nhĩ. Thị cố định tri vô hữu tự tánh, giai tùng nhân duyên .

Thiện nam tử! Như nhữ sở ngôn: Thế gian tiểu nhi, vị năng phân biệt ngũ trần nhân duyên, diệc đề, diệc tiểu. Thị cố nhất thiết hữu tự tánh giả. Thị nghĩa bất nhiên. Hà dĩ cố? Nhược tự tánh giả, tiểu ứng thường tiểu, đề ứng thường đề, bất ứng nhất tiểu nhất đề. Nhược nhất tiểu, nhất đề, đương tri nhất thiết

啼。若一笑一啼當知一切悉從因緣。是故不應說一切法有自性故不從因緣。

梵志言。世尊。若一切法從因緣有。如是身者從何因緣。

佛言。善男子。是身因緣煩惱與業。

梵志言。世尊。如其是身從煩惱業。是煩惱業可斷不耶。

佛言。如是如是。

梵志復言。世尊。唯願為我分別解說。令我聞已不移是處悉得斷之。

佛言。善男子。若知二邊中間無礙。是人則能斷煩惱業。

世尊。我已知解得正法眼。

佛言。汝云何知。

世尊。二邊即色及色解脫。中間即是八正道也。受想行識亦復如是。

佛言。善哉善哉。善男子。善知二邊斷煩惱業。

世尊唯願聽我出家受戒。

佛言。善來比丘即時斷除三界煩惱得阿羅漢果。

tất tùng nhân duyên. Thị cố bất ưng thuyết: Nhất thiết pháp hữu tự tánh cố, bất tùng nhân duyên.

Phạm chí ngôn: Thế Tôn! Nhược nhất thiết pháp tùng nhân duyên hữu, như thị Thân giả tùng hà nhân duyên?

Phật ngôn: Thiện nam tử! Thị Thân nhân duyên: Phiền não dĩ nghiệp.

Phạm chí ngôn: Thế Tôn! Như kỳ thị thân tùng phiền não, nghiệp, thị phiền não, nghiệp khả đoạn phủ da?

Phật ngôn: Như thị, như thị.

Phạm chí phục ngôn: Thế Tôn! Duy nguyện vị ngã, phân biệt giải thuyết, linh ngã văn dĩ, bất di thị xứ, tất đắc đoạn chi.

Phật ngôn: Thiện nam tử! Nhược tri nhị biên, trung gian vô ngại, thị nhân tắc năng đoạn phiền não, nghiệp.

Thế Tôn! Ngã dĩ tri giải, đắc Chánh pháp nhãn.

Phật ngôn: Nhữ vân hà tri?

Thế Tôn! Nhị Biên, tức Sắc cập Sắc Giải thoát. Trung gian, tức thị Bát Chánh đạo dã. Thọ, Tưởng, Hành, Thức, diệc phục như thị.

Phật ngôn: Thiện tai! Thiện tai! Thiện nam tử! Thiện tri nhị biên, đoạn phiền não, nghiệp.

Thế Tôn! Duy nguyện thỉnh ngã xuất gia thọ giới.

Phật ngôn: Thiện lai, tỳ-kheo! Tức thời đoạn trừ Tam giới phiền não, đắc A-la-hán quả.

爾時復有一婆羅門名曰弘廣。復作是言。瞿曇。知我今所念不。

佛言。善男子。涅槃是常有為無常。曲即邪見直即聖道。

婆羅門言。瞿曇。何因緣故作如是說。

善男子。汝意每謂乞食是常別請無常。曲是戶鑰，直是帝幢。是故我說涅槃是常有為無常。曲謂邪見直謂八正。非如汝先所思惟也。

婆羅門言。瞿曇。實知我心。是八正道悉令眾生得盡滅不。

爾時世尊默然不答。

婆羅門言。瞿曇已知我心，我今所問，何故默然而不見答。

時憍陳如即作是言。大婆羅門。若有問世間有邊無邊。如來常爾默然不答。八聖是直涅槃是常。若修八聖即得滅盡。若不修習則不能得。

大婆羅門。譬如大城其城四壁都無孔竅唯有一門。其守門者聰明有智能善分別。可放則放可遮則遮。雖不能知出入多少。定知一切有入出者皆由此門。

善男子。如來亦爾。城喻涅槃門喻八正。守門之人喻於如來。

Nhĩ thời, phục hữu nhất bà-la-môn, danh viết Hoàng Quảng, phục tác thị ngôn: Cồ-đàm! Tri ngã kim sở niệm phủ?

Phật ngôn: Thiện nam tử! Niết-bàn thị thường, hữu vi vô thường. Khúc tức tà kiến, trực tức thánh đạo.

Bà-la-môn ngôn: Cồ-đàm! Hà nhân duyên cố, tác như thị thuyết?

Thiện nam tử! Nhữ ý mỗi vị: khát thực thị thường; biệt thỉnh vô thường. Khúc thị hộ thược, trực thị đế tràng. Thị cố ngã thuyết: Niết-bàn thị thường, hữu vi vô thường. Khúc vị tà kiến, trực vị Bát chánh. Phi như nhữ tiên sở tư duy dã?

Bà-la-môn ngôn: Cồ-đàm thật tri ngã tâm. Thị Bát Chánh đạo tất linh chúng sanh đắc tận diệt phủ?

Nhĩ thời, Thế Tôn mặc nhiên bất đáp.

Bà-la-môn ngôn: Cồ-đàm dĩ tri ngã tâm; ngã kim sở vấn, hà cố mặc nhiên nhi bất kiến đáp?

Thời, Kiều-trần-như tức tác thị ngôn: Đại bà-la-môn! Nhược hữu vấn: thế gian hữu biên, vô biên, Như Lai thường nhĩ, mặc nhiên bất đáp. Bát thánh thị trực, Niết-bàn thị thường. Nhược tu Bát thánh, tức đắc diệt tận; nhược bất tu tập, tác bất năng đắc.

Đại bà-la-môn! Thí như đại thành. Kỳ thành tứ bích đô vô khổng khiêu; duy hữu nhất môn. Kỳ thủ môn giả, thông minh hữu trí, năng thiện phân biệt: khả phóng tác phóng. khả già tác già. Tuy bất năng tri xuất nhập đa thiểu, định tri nhất thiết hữu nhập xuất giả giai do thủ môn.

Thiện nam tử! Như Lai diệc nhĩ. Thành dụ Niết-bàn, môn dụ Bát chánh. Thủ môn chi nhân, dụ ư Như Lai.

善男子。如來今者雖不答汝盡與不盡。其有盡者要當修習是八正道。

婆羅門言。善哉善哉。大德憍陳如。如來善能說微妙法。我今實欲知城知道自作守門。

憍陳如言。善哉善哉。汝婆羅門。能發無上廣大之心。

佛言。止止，憍陳如。是婆羅門非適今日發是心也。

憍陳如。乃往過去過無量劫有佛世尊。名普光明如來，應供，正遍知，明行足，善逝，世間解，無上士調御丈夫，天人師，佛世尊。是人先已於彼佛所發阿耨多羅三藐三菩提心。此賢劫中當得作佛。久已通達了知法相。為眾生故現處外道示無所知。以是因緣。汝憍陳如。不應讚言。善哉善哉。汝今能發如是大心。

爾時世尊知己即告憍陳如言。阿難比丘今為所在。

憍陳如言。世尊。阿難比丘在娑羅林外。去此大會十二由旬。而為六萬四千億魔之所擾亂。是諸魔眾悉自變身為如來像。或有宣說一切諸法從因緣生。或有說言一切諸法不從因生。或有說言一切因

Thiện nam tử! Như Lai kim giả tuy bất đáp nhữ tận dĩ bất tận, kỳ hữu tận giả, yếu đương tu tập thị bát Chánh đạo.

Bà-la-môn ngôn: Thiện tai! Thiện tai! Đại đức Kiều-trần-như! Như Lai thiện năng thuyết vi diệu pháp. Ngã kim thật dục tri thành, tri đạo, tự tác thủ môn.

Kiều-trần-như ngôn: Thiện tai! Thiện tai! Nhữ bà-la-môn! Năng phát vô thượng quảng đại chí tâm.

Phật ngôn: Chỉ, chỉ, Kiều-trần-như! Thị bà-la-môn phi thích kim nhật phát thị tâm dã.

Kiều-trần-như! Nãi vãng quá khứ, quá vô lượng kiếp, hữu Phật Thế Tôn, danh phổ Quang Minh, Như Lai, Ứng cúng, Chánh biến tri, Minh Hạnh túc, Thiện thế, thế gian giải, Vô thượng sĩ Điều ngự Trượng phu, Thiên nhân sư, Phật, Thế Tôn. Thị nhân tiên dĩ ư bỉ Phật sở phát A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề tâm. Thủ hiền kiếp trung, đương đắc tác Phật. Cử dĩ thông đạt liễu tri pháp tướng; vị chúng sanh cố, hiện xử ngoại đạo, thị vô sở tri. Dĩ thị nhân duyên, nhữ Kiều-trần-như bất ưng tán ngôn: Thiện tai! Thiện tai! Nhữ kim năng phát như thị đại tâm.

Nhĩ thời, Thế Tôn tri dĩ, túc cáo Kiều-trần-như ngôn: A-nan tỳ-kheo kim hà sở tại?

Kiều-trần-như ngôn: Thế Tôn! A-nan tỳ-kheo tại sa-la lâm ngoại, khứ thủ Đại hội thập nhị do tuần; nhi vị lục vạn tứ thiên ức ma chi sở nhiễu loạn. Thị chư Ma chúng tất tự biến thân vi Như Lai tượng. Hoặc hữu tuyên thuyết: Nhất thiết chư pháp, tùng nhân duyên sanh. Hoặc hữu thuyết ngôn: Nhất thiết chư pháp, bất tùng nhân sanh. Hoặc hữu thuyết ngôn: Nhất thiết nhân duyên giai thị thường pháp; tùng duyên sanh giả, tất thị vô thường. Hoặc hữu thuyết ngôn: Ngũ ấm thị thật. Hoặc thuyết: hư giả. Nhập, giới diệc nhĩ. Hoặc hữu thuyết ngôn:

緣皆是常法。從緣生者悉是無常。或有說言五陰是實。或說虛假入界亦爾。或有說言有十二因緣。或有說言正有四緣。或說諸法如幻如化如熱時焰。或有說言因聞得法。或有說言因思得法。或有說言因修得法。或復有說不淨觀法。或復有說出息入息。或復有說四念處觀。或復有說三種觀義七種方便。或復有說煖法頂法忍法世間第一法。學無學地菩薩初住乃至十住。或有說空無相無作。

或復有說修多羅祇夜毘伽羅那伽陀憂陀那尼陀那阿波陀那伊帝目多伽闍陀伽毘佛略阿浮陀達摩優波提舍。或說四念處四正勤四如意足五根五力七覺分八聖道。或說內空，外空，內外空，有為空，無為空，無始空，性空，遠離空，散空，自相空，無相空，陰空，入空，界空，善空，不善空，無記空，菩提空，道空，涅槃空，行空，得空，第一義空，空空，大空。或有示現神通變化身出水火。或身上出水身下出火身下出水身上出火。左脅在下右脅出水右脅在下左脅出水。一脅震雷一脅降雨。或有示現諸佛世界。或復示現菩薩初生行至七步。處在深宮受五欲時。初始出家修苦行時。往菩提樹坐三昧時。壞魔軍眾轉法輪時。示大神通入涅槃時。

Thập nhị nhân duyên. Hoặc hữu thuyết ngôn: Chánh hữu tứ duyên. Hoặc thuyết: Chư pháp như huyễn, như hóa, như nhiệt thời diệm. Hoặc hữu thuyết ngôn: Nhân văn đắc pháp. Hoặc hữu thuyết ngôn: Nhân tư đắc pháp. Hoặc hữu thuyết ngôn: Nhân tu đắc pháp. Hoặc phục hữu thuyết: Bát tịnh quán pháp. Hoặc phục hữu thuyết: Xuất tức nhập tức. Hoặc phục hữu thuyết: Tứ niệm xứ quán. Hoặc phục hữu thuyết: Tam chủng quán nghĩa, Thất chủng phương tiện. Hoặc phục hữu thuyết: Noãn pháp, Đỉnh pháp, Nhẫn pháp, Thế gian đệ nhất pháp, Học, Vô học địa, Bồ Tát Sơ trụ nãi chí Thập trụ. Hoặc hữu thuyết: Không, Vô tướng, Vô tác.

Hoặc phục hữu thuyết: Tu-đa-la, Kỳ-dạ, Tỳ-già-la-na, Già-đà, Ưu-dà-na, Ni-đà-na, A-ba-đà-na, Y-đế-mục-đa-già, Xà-đà-già, Tỳ-phật-lược, A-phù-đà-đạt-ma, Ưu-ba-đề-xá. Hoặc thuyết: Tứ niệm xứ, Tứ chánh cần, Tứ như ý túc, Ngũ căn, Ngũ lực, Thất giác phần, Bát thánh đạo. Hoặc thuyết: Nội không, Ngoại không, Nội ngoại không, Hữu vi không, Vô vi không, Vô thủy không, Tánh không, Viễn ly không, Tán không, Tự tướng không, Vô tướng không, Ấm không, Nhập không, Giới không, Thiện không, Bất thiện không, Vô ký không, Bồ-đề không, Đạo không, Niết-bàn không, Hành không, Đắc không, Đệ nhất nghĩa không, Không không, Đại không. Hoặc hữu thị hiện thân thông biến hóa: thân xuất thủy, hỏa; hoặc thân thượng xuất thủy, thân hạ xuất hỏa; thân hạ xuất thủy, thân thượng xuất hỏa; tả hiệp tại hạ, hữu hiệp xuất thủy; hữu hiệp tại hạ, tả hiệp xuất thủy; nhất hiệp chấn lôi, nhất hiệp giáng vũ. Hoặc hữu thị hiện chư Phật thế giới. Hoặc phục thị hiện Bồ Tát sở sanh, hành chí thất bộ; xử tại thâm cung, thọ Ngũ dục thời, sơ thủy xuất gia, tu Khổ hạnh thời; vãng Bồ-đề thọ, tọa Tam-muội thời; hoại Ma quân chúng, chuyển pháp luân thời; thị đại thân thông, nhập Niết-bàn thời.

世尊。阿難比丘見是事已作是念言。如是神變昔來未見誰之所作。將非世尊釋迦作耶。欲起欲語都不從意。

阿難比丘入魔胃故，復作是念。諸佛所說各各不同。我於今者當受誰語。

世尊。阿難今者極受大苦。雖念如來無能救者。以是因緣不來至此大眾之中。

爾時文殊師利菩薩摩訶薩白佛言。世尊。此大眾中有諸菩薩已於一生發阿耨多羅三藐三菩提心。至無量生發菩提心。已能供養無量諸佛其心堅固。具足修行檀波羅蜜乃至般若波羅蜜。成就功德久已親近無量諸佛。淨修梵行，得不退轉菩提之心。得不退忍，不退轉持。得如法忍首楞嚴等無量三昧如是等輩聞大乘經終不生疑。善能分別宣說三寶同一性相常住不變。聞不思議不生驚怪。聞種種空心不怖懼。了了通達一切法性。能持一切十二部經，廣解其義。亦能受持無量諸佛十二部經。何憂不能受持如是大涅槃典。何因緣故。問憍陳如阿難所在。

爾時世尊告文殊師利。諦聽諦聽。善男子。我成佛已過三十年住王舍城。爾時我告諸比丘言。諸比丘。今此眾中誰能為我受持如來十二部經。供給左右所須之事。亦使不失自身善利。

Thế Tôn! A-nan tỳ-kheo, kiến thị sự dĩ, tác thị niệm ngôn: Như thị thân biến, tích lai vị kiến. Thùy chi sở tác? Tương phi Thế Tôn Thích-ca tác da? Dục khởi, dục ngữ, đô bất tùng ý.

A-nan tỳ-kheo nhập ma quyền cố, phục tác thị niệm: Chư Phật sở thuyết, các các bất đồng. Ngã ư kim giả, đương thọ thùy ngữ?

Thế Tôn! A-nan kim giả, cực thọ đại khổ. Tuy niệm Như Lai, vô năng cứu giả. Dĩ thị nhân duyên, bất lai chí thủ Đại chúng chi trung.

Nhĩ thời, Văn-thù-sư-lợi Bồ Tát ma-ha-tát bạch Phật ngôn: Thế Tôn! Thủ Đại chúng trung, hữu chư Bồ Tát, dĩ ư nhất sanh phát A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề tâm, chí vô lượng sanh phát Bồ-đề tâm. Dĩ năng cúng dường vô lượng chư Phật, kỳ tâm kiên cố, cụ túc tu hành Đàn Ba-la-mật nãi chí Bát-nhã Ba-la-mật, thành tựu công đức, cứu dĩ thân cận vô lượng chư Phật, tịnh tu Phạm hạnh, đắc bất thối chuyển Bồ-đề chi tâm, đắc bất thối nhẫn, bất thối chuyển tri, đắc như pháp nhẫn, Thủ-lăng-nghiêm đẳng vô lượng Tam-muội. Như thị đẳng bối, văn Đại thừa kinh, chung bất sanh nghi; thiện năng phân biệt, tuyên thuyết: Tam bảo đồng nhất tánh tướng, thường trụ bất biến. Văn bát tư nghị, bất sanh kinh quái; văn chủng chủng không, tâm bất bố cụ, liễu liễu thông đạt nhất thiết pháp tánh. Năng trì nhất thiết thập nhị bộ kinh, quảng giải kỳ nghĩa; diệc năng thọ trì vô lượng chư Phật thập nhị bộ kinh. Hà ưu bất năng thọ trì như thị Đại Niết-bàn điển? Hà nhân duyên cố, văn Kiêu-trần-như A-nan sở tại?

Nhĩ thời, Thế Tôn cáo Văn-thù-sư-lợi: Đế thính! Đế thính! Thiện nam tử! Ngã thành Phật dĩ quá tam thập niên, trụ Vương Xá thành. Nhĩ thời, ngã cáo chư tỳ-kheo ngôn: Chư tỳ-kheo! Kim thủ chúng trung, thùy năng vị ngã, trợ trì Như Lai Thập nhị bộ kinh, cung cấp tả hữu sở tu chi sự, diệc sử bất thất tự thân thiện lợi?

時憍陳如在彼眾中來白我言。我能受持十二部經。供給左右不失所作自利益事。我言。憍陳如。汝已朽邁當須使人。云何方欲為我給使。

時舍利弗復作是言。我能受持佛一切語供給所須。不失所作自利益事。我言。舍利弗。汝已朽邁當須使人。云何方欲為我給使。乃至五百諸阿羅漢皆亦如是我悉不受。

爾時目連在大眾中作是思惟。如來今者不受五百比丘給使。佛意為欲令誰作耶。思惟是已即便入定。見如來心在阿難許。如日初出光照西壁。見是事已即從定起語憍陳如。大德。我觀如來欲令阿難給使左右。

爾時憍陳如與五百阿羅漢。往阿難所作如是言。阿難。汝今當為如來給使。請受是事。阿難言。諸大德。我實不堪給事如來。何以故。如來尊重如師子王如龍如火。我今穢弱云何能辦。

諸比丘言。阿難。汝受我語給事如來得大利益。第二第三亦復如是。阿難言。諸大德。我亦不求大利益事。實不堪任奉給左右。

時目犍連復作是言。阿難。汝今未知。阿難言。大德。唯願說之。目犍連言。如來先日僧中求

Thời, Kiều-trần-như tại bỉ chúng trung, lai bạch ngã ngôn: Ngã năng thọ trì thập nhị bộ Kinh, cung cấp tả hữu, bất thất sở tác tự lợi ích sự. Ngã ngôn: Kiều-trần-như! Nhữ dĩ hủ mại, đương tu sử nhân. Vân hà phương dục vi ngã cấp sử?

Thời, Xá-lợi-phất phục tác thị ngôn: Ngã năng thọ trì Phật nhất thiết ngữ, cung cấp sở tu, bất thất sở tác tự lợi ích sự. Ngã ngôn: Xá-lợi-phất! Nhữ dĩ hủ mại, đương tu sử nhân. Vân hà phương dục vi ngã cấp sử? Nãi chí ngữ bá chư A-la-hán, giai diệc như thị, ngã tất bất thọ.

Nhĩ thời, Mục-liên tại Đại chúng trung, tác thị tư duy: Như lai kim giả bất thọ ngữ bá tỳ-kheo cấp sử. Phật ý vi dục linh thù tác da? Tư duy thị dĩ, tức tiện nhập định, kiến Như Lai tâm tại A-nan hứa, như nhật sơ xuất, quang chiếu tây bích. Kiến thị sự dĩ, tức tùng định khởi, ngữ Kiều-trần-như: Đại đức, ngã quán Như Lai dục linh A-nan cấp sử tả hữu.

Nhĩ thời, Kiều-trần-như dĩ ngữ bá A-la-hán, vãng A-nan sở tác như thị ngôn: A-nan! Nhữ kim đương vi Như Lai cấp sử. Thỉnh thọ thị sự. A-nan ngôn: Chư Đại đức! Ngã thật bất kham cấp sự Như Lai. Hà dĩ cố? Như Lai tôn trọng như sư tử vương, như long, như hỏa. Ngã kim uế, nhược; vân hà năng biện?

Chư tỳ-kheo ngôn: A-nan! Nhữ thọ ngã ngữ, cấp sự Như Lai, đắc đại lợi ích. Đệ nhị, đệ tam diệc phục như thị. A-nan ngôn: Chư Đại đức! Ngã diệc bất cầu đại lợi ích sự: thật bất kham nhiệm phụng cấp tả hữu.

Thời, Mục-kiên-liên phục tác thị ngôn: A-nan! Nhữ kim vị tri. A-nan ngôn: Đại đức! Duy nguyện thuyết chi. Mục-kiên-liên ngôn: Như Lai tiên nhật, tăng trung cầu sử. Ngữ bá La-

使。五百羅漢皆求為之。如來不聽。我即入定見如來意欲令汝為。汝云何反更不受。

阿難聞已合掌長跪作如是言。諸大德。若有是事如來世尊與我三願。當順僧命給使左右。目犍連言。何等三願。

阿難言。一者如來設以故衣賜我聽我不受。

二者如來設受檀越別請聽我不往。

三者聽我出入無有時節。

如是三事佛若聽者。當順僧命奉給如來。

時憍陳如五百比丘。還來我所作如是言。我等已勸阿難比丘。唯求三願若佛聽者當順僧命。

文殊師利。我於爾時讚阿難言。善哉善哉。阿難比丘。具足智慧預見譏嫌。何以故。當有人言汝為衣食奉給如來。是故先求不受故衣不隨別請。

憍陳如。阿難比丘具足智慧。入出有時則不能得廣作利益四部之眾。是故求欲出入無時。

憍陳如。我為阿難開是三事隨其意願。

時目犍連還阿難所語阿難言。吾已為汝啟請三事。如來大慈皆已聽許。阿難言。大德。若佛聽者請往給侍。

hán giai cầu vị chi, Như Lai bất thính. Ngã tức nhập định, kiến Như Lai ý dục linh nhữ vi. Nhữ vân hà phản cánh bất thọ?

A-nan văn dĩ, hiệp chưởng trường quy, tác như thị ngôn: Chư Đại đức! Nhược hữu thị sự, Như Lai Thế Tôn dĩ ngã tam nguyện, đương thuận Tăng mạng cấp sử tả hữu. Mục-kiên-liên ngôn: Hà đẳng tam nguyện?

A-nan ngôn: Nhất giả, Như Lai thiết dĩ cố y tứ ngã, thính ngã bất thọ.

Nhị giả, Như Lai thiết thọ đàn-việt biệt thỉnh, thính ngã bất vãng.

Tam giả thính ngã xuất nhập, vô hữu thời tiết.

Như thị tam sự, Phật nhược thính giả, đương thuận Tăng mạng, phụng cấp Như Lai.

Thời, Kiều-trần-như, ngũ bá tỳ-kheo hoàn lai ngã sở, tác như thị ngôn: Ngã đẳng dĩ khuyến, A-nan tỳ-kheo duy cầu tam nguyện. Nhược Phật thính giả, đương thuận Tăng mạng.

Văn-thù-sư-lợi! Ngã ư nhĩ thời tán A-nan ngôn: Thiện tai! Thiện tai! A-nan tỳ-kheo cụ túc trí tuệ, dự kiến cơ hiêm. Hà dĩ cố? Đương hữu nhân ngôn: Nhữ vị y thực, phụng cấp Như Lai, thị cố tiên cầu: bất thọ cố y, bất tùy biệt thỉnh.

Kiều-trần-như! A-nan tỳ-kheo, cụ túc trí tuệ, xuất nhập hữu thời, tác bất năng đắc quảng tác lợi ích tứ bộ chi chúng. Thị cố cầu dục xuất nhập vô thời.

Kiều-trần-như! Ngã vị A-nan, khai thị tam sự, tùy kỳ ý nguyện.

Thời, Mục-kiên-liên hoàn A-nan sở, ngũ A-nan ngôn: Ngô dĩ vị nhữ, khái thỉnh tam sự. Như Lai Đại từ, giai dĩ thính hứa. A-nan ngôn: Đại đức! Nhược Phật thính giả, thỉnh vãng cấp thị.

文殊師利。阿難事我二十餘年。具足八種不可思議。何等為八。

一者事我已來二十餘年。初不隨我受別請食。

二者事我已來初不受我陳故衣服。

三者自事我來至我所時終不非時。

四者自事我來具足煩惱隨我入出諸王刹利豪貴大姓。見諸女人，及天龍女，不生欲心。

五者自事我來持我所說十二部經。一經於耳曾不再問。如寫瓶水置之一瓶。唯除一問。

善男子。琉璃太子殺諸釋氏壞迦毘羅城。阿難爾時心懷愁惱發聲大哭。來至我所作如是言。我與如來俱生此城同一釋種。云何如來光顏如常我則憔悴。我時答言。阿難。我修空定故不同汝。

過三年已還來問我。世尊。我往於彼迦毘羅城。曾聞如來修空三昧是事虛實。我言。阿難。如是如是如汝所說。

六者自事我來雖未獲得知他心智。常知如來所入諸定。

七者自事我來未得願智而能了知如是眾生到如來所。現在能得四沙門果。有後得者。有得人身有得天身。

Văn-thù-sư-lợi! A-nan sự ngã nhị thập dư niên, cụ túc bát chủng bát khả tư nghi. Hà đẳng vi bát?

Nhất giả, sự ngã dĩ lai nhị thập dư niên, sơ bát tùy ngã, thọ biệt thỉnh thực.

Nhị giả, sự ngã dĩ lai, sơ bát thọ ngã trần cố y phục.

Tam giả, tự sự ngã lai, chí ngã sở thời chung bát phi thời.

Tứ giả, tự sự ngã lai, cụ túc phiền não, tùy ngã nhập xuất chư vương Sát-lợi, hào quý đại tánh; kiến chư nữ nhân cập thiên long nữ, bất sanh dục tâm.

Ngũ giả, tự sự ngã lai, trì ngã sở thuyết Thập nhị bộ Kinh, nhất Kinh ư nhĩ, tàng bát tái vấn; như tả bình thủy, trí chi nhất bình. Duy trừ nhất vấn:

Thiện nam tử! Lưu Ly thái tử sát chư Thích thị, hoại Ca-tỳ-la thành. A-nan nhĩ thời, tâm hoài sầu não, phát thỉnh đại khốc, lai chí ngã sở, tác như thị ngôn: Ngã dĩ Như Lai, câu sanh thử thành, đồng nhất Thích chủng. Vân hà Như Lai quang nhan như thường, ngã tác tiêu tự? Ngã thời đáp ngôn: A-nan! Ngã tu Không định, cố bát đồng nhữ.

Quá tam niên dĩ hoàn lai vấn ngã: Thế Tôn! Ngã vãng ư bỉ Ca-tỳ-la thành, tàng văn Như Lai tu Không Tam-muội. Thị sự hư thật? Ngã ngôn: A-nan! Như thị! Như thị! Như nhữ sở thuyết.

Lục giả, tự sự ngã lai, tuy vị hoạch đắc Tri tha tâm trí, thường tri Như Lai sở nhập chư định.

Thất giả, tự sự ngã lai, vị đắc nguyện trí, nhi năng liễu tri như thị chúng sanh đáo Như Lai sở hiện tại năng đắc tứ sa-môn quả; hữu hậu đắc giả; hữu đắc nhân thân; hữu đắc thiên thân.

八者自事我來如來所有祕密之言悉能了知。

善男子。阿難比丘具足如是八不思議。是故我稱阿難比丘為多聞藏。

善男子。阿難比丘具足八法。能具足持十二部經。何等為八。一者信根堅固。二者其心質直。三者身無病苦。四者常勤精進。五者具足念心。六者心無憍慢。七者成就定意。八者具足從聞生智。

文殊師利。毘婆尸佛侍者弟子名阿叔迦。亦復具足如是八法。尸棄如來侍者弟子名差摩迦羅。毘舍浮佛侍者弟子名優波扇陀。迦羅鳩村大佛侍者弟子名曰跋提。迦那牟尼佛侍者弟子名曰蘇坻。迦葉佛侍者弟子名葉婆蜜多。皆亦具足如是八法。我今阿難亦復如是具足八法。是故我稱阿難比丘為多聞藏。

善男子。如汝所說此大眾中雖有無量無邊菩薩。是諸菩薩皆有重任。所謂大慈大悲。如是慈悲之因緣故。各各勿務調伏眷屬，莊嚴自身。以是因緣。我涅槃後不能宣通十二部經。若有菩薩或時能說人不信受。

文殊師利。阿難比丘是吾之弟。給事我來二十餘年。所可聞法具足受持。喻如寫水置之一器。是故我今顧問。阿難為何所在。欲令受持是涅槃經。

Bát giả tự sự ngã lai, Như Lai sở hữu bí mật chi ngôn, tất năng liễu tri.

Thiện nam tử! A-nan tỳ-kheo cụ túc như thị Bát bát tư nghị, thị cố ngã xưng A-nan tỳ-kheo vi đa văn tạng.

Thiện nam tử! A-nan tỳ-kheo cụ túc bát pháp, năng cụ túc trì Thập nhị bộ kinh. Hà đẳng vi bát? Nhất giả, tín căn kiên cố. Nhị giả, kỳ tâm chất trực. Tam giả, thân vô bệnh khổ. Tứ giả, thường cần tinh tấn. Ngũ giả, cụ túc niệm tâm. Lục giả, tâm vô kiêu mạn. Thất giả, thành tựu định ý. Bát giả, cụ túc tòng văn sanh trí.

Văn-thù-sư-lợi! Tỳ-bà-thi Phật, thị giả đệ tử danh A-thúc-ca, diệc phục cụ túc như thị Bát pháp. Thi-khí Như Lai, Thị giả đệ tử danh Sai-ma-ca-la, Tỳ-xá-phù Phật, thị giả đệ tử danh Ưu-ba-phiến-đa; Ca-la-cưu-thôn-đại Phật, thị giả đệ tử danh viết Bạt-đề, Ca-na Mâu-ni Phật, thị giả đệ tử danh viết Tô-trì. Ca-diếp Phật, thị giả đệ tử danh Diếp-bà-mật-đa, giai diệc cụ túc như thị Bát pháp. Ngã kim A-nan diệc phục như thị cụ túc bát pháp. Thị cố ngã xưng A-nan tỳ-kheo vi đa văn tạng.

Thiện nam tử! Như nữ sở thuyết, thủ Đại chúng trung, tuy hữu vô lượng vô biên Bồ Tát, thị chư Bồ Tát giai hữu trọng nhiệm sở vị đại từ đại bi. Như thị từ bi chi nhân duyên cố, các các hốt vụ điều phục quyến thuộc, trang nghiêm tự thân. Dĩ thị nhân duyên, ngã Niết-bàn hậu, bát năng tuyên thông Thập nhị bộ kinh. Nhược hữu Bồ Tát hoặc thời năng thuyết, nhân bất tín thọ.

Văn-thù-sư-lợi! A-nan tỳ-kheo thị ngô chi đệ; cấp sự ngã lai, nhị thập dư niên. Sở khả văn Pháp, cụ túc thọ trì, dụ như tả thủy, trí chi nhất khí. Thị cố ngã kim cố vấn A-nan vi hà sở tại; dục linh thọ trì thị Niết-bàn Kinh.

善男子。我涅槃後阿難比丘所未聞者。弘廣菩薩當能流布。阿難所聞自能宣通。

文殊師利。阿難比丘今在他處。去此會外十二由旬。而為六萬四千億魔之所惱亂。汝可往彼發大聲言。一切諸魔諦聽諦聽。如來今說大陀羅尼。一切天龍乾闥婆阿修羅迦樓羅緊那羅摩睺羅伽人與非人。山神樹神河神海神舍宅神等聞是持名。無不恭敬受持之者。是陀羅尼十恒河沙諸佛世尊所共宣說。能轉女身自識宿命若受五事。一者梵行。二者斷肉。三者斷酒。四者斷辛。五者樂在寂靜。受五事已至心信受。讀誦書寫是陀羅尼。當知是人即得超越七十七億弊惡之身。

爾時世尊即便說之。

阿摩隸，毘摩隸，涅槃隸，瞢伽隸，醯摩羅若竭婢，三曼那跋提隸，娑婆羅陀娑檀尼，波羅磨他娑檀尼，摩那斯，阿拙啼，毘羅祇，菴摩賴坵，婆嵐摩，莎隸富羅泥，富羅那，摩奴賴綈。

爾時文殊師利從佛受是陀羅尼已至阿難所。在魔眾中作如是言。諸魔眷屬諦聽。我說所從佛受陀羅尼咒。魔王聞是陀羅尼已。悉發阿耨多羅三藐三菩提心。捨於魔業即放阿難。

Thiện nam tử! Ngã Niết-bàn hậu, A-nan tỳ-kheo sở vị văn giả, Hoảng Quảng Bồ Tát đương năng lưu bố; A-nan sở văn, tự năng tuyên thông.

Văn-thù-sư-lợi! A-nan tỳ-kheo kim tại tha xứ, khứ thủ hội ngoại thập nhị do tuần, nhị vị lục vạn tứ thiên ức ma chi sở não loạn. Nhữ khả vãng bỉ, phát đại thanh ngôn: Nhất thiết chư ma! Đế thính! Đế thính! Như Lai kim thuyết Đại Đà-la-ni. Nhất thiết thiên, long, càn-thát-bà, a-tu-la, ca-lâu-la, khẩn-na-la, ma-hâu-la-già, nhân dữ phi nhân, sơn thần, thọ thần, hà thần, hải thần, xá trạch thần đẳng, văn thị trì danh, vô bất cung kính thọ trì chi giả. Thị Đà-la-ni, thập Hằng hà sa chư Phật Thế Tôn sở cộng tuyên thuyết; năng chuyển nữ thân, tự thức túc mạng. Nhược thọ ngũ sự: Nhất giả Phạm hạnh, nhị giả đoạn nhục, tam giả đoạn tửu, tứ giả đoạn tân, ngũ giả nhạo tại tịch tĩnh; thọ ngũ sự dĩ, chí tâm tín thọ, độc tụng, thơ tả thị Đà-la-ni, đương tri thị nhân tác đắc siêu việt thất thập thất ức tặc ác chi thân.

Nhĩ thời, Thế Tôn túc tiện thuyết chi:

A-ma-lê; Tỳ-ma-lê; Niết-ma-lê; Mông-già-lê; Hê-ma-la-nhã-kiệt-bê; Tam-mạn-na-bạt-đề-lê; Ta-bà-la-đà-ta-đàn-ni; Ba-la-ma-tha-ta-đàn-ni; Ma-na-tư; A-chuyết-đề; Tỳ-la-chi; Am-ma-lại-trì; Bà-lam-ma; Sa-lê-phú-la-nê; Phú-la-na; Ma-nô-lại-đề.

Nhĩ thời, Văn-thù-sư-lợi tụng Phật thọ thị Đà-la-ni dĩ, chí A-nan sở tại ma chúng trung, tác như thị ngôn: Chư ma quyền thuộc! Đế thính ngã thuyết sở tụng Phật thọ Đà-la-ni chú. Ma vương văn thị Đà-la-ni dĩ, tất phát A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề tâm, xả ư ma nghiệp, tức phóng A-nan.

文殊師利與阿難俱來至佛所。阿難見佛至心禮敬卻住一面佛告阿難。是娑羅林外有一梵志名須跋陀。其年極老已百二十。雖得五通未捨憍慢。獲得非想非非想定。生一切智起涅槃想。汝可往彼語須跋陀言。如來出世如優曇花。今於中夜當般涅槃。若有所作可及時作。莫於後日而生悔心。

阿難汝之所說彼定信受。何以故。汝曾往昔五百世中作須跋陀子。其人愛心習猶未盡。以是因緣信受汝語。

爾時阿難受佛敕已。往須跋陀所作如是言。仁者。當知如來出世如優曇花。於今中夜當般涅槃。欲有所作可及時作。莫於後日生悔心也。

須跋陀言。善哉阿難。我今當往至如來所。

爾時阿難與須跋陀還至佛所。時須跋陀到已問訊作如是言。瞿曇。我今欲問隨我意答。

佛言。須跋陀。今正是時隨汝所問。我當方便隨汝意答。

瞿曇。有諸沙門婆羅門等作如是言。一切眾生受苦樂報。皆隨往日本業因緣。是故若有持戒精進受身心苦能壞本業。本業既盡眾苦盡滅。眾苦盡滅即得涅槃。是義云何。

Văn-thù-sư-lợi dĩ A-nan câu lai chí Phật sở. A-nan kiến Phật, chí tâm lễ kính, khước trụ nhất diện. Phật cáo A-nan: Thị sa-la lâm ngoại, hữu nhất Phạm chí, danh Tu-bạt-đà. Kỳ niên cực lão, dĩ bách nhị thập. Tuy đắc ngũ thông, vị xả kiêu mạn. Hoạch đắc Phi tướng phi phi tướng định sanh Nhất thiết trí, khởi Niết-bàn tướng. Nhữ khả vãng bỉ, ngữ Tu-bạt-đà ngôn: Như Lai xuất thế, như ưu-đàm hoa. Kim ư trung dạ, đương bát Niết-bàn. Nhược hữu sở tác, khả cập thời tác. Mạc ư hậu nhật nhi sanh hối tâm.

A-nan! Nhữ chi sở thuyết, bỉ định tín thọ. Hà dĩ cố? Nhữ tàng vãng tích, ngũ bá thế trung, tác Tu-bạt-đà tử. Kỳ nhân ái tâm, tập du vị tận. Dĩ thị nhân duyên, tín thọ nhữ ngữ.

Nhĩ thời, A-nan thọ Phật sắc dĩ, vãng Tu-bạt-đà sở, tác như thị ngôn: Nhân giả đương tri: Như Lai xuất thế, như Ưu đàm hoa. Ư kim trung dạ, đương bát Niết-bàn. Dục hữu sở tác, khả cập thời tác. Mạc ư hậu nhật, sanh hối tâm dã.

Tu-bạt-đà ngôn: Thiện tai A-nan! Ngã kim đương vãng chí Như Lai sở.

Nhĩ thời, A-nan dĩ Tu-bạt-đà hoàn chí Phật sở. Thời, Tu-bạt-đà đáo dĩ, vấn tấn, tác như thị ngôn: Cô-đàm, ngã kim dục vấn, tùy ngã ý đáp.

Phật ngôn: Tu-bạt-đà! Kim chánh thị thời. Tùy nhữ sở vấn, ngã đương phương tiện tùy nhữ ý đáp.

Cô-đàm! Hữu chư sa-môn, bà-la-môn đẳng tác như thị ngôn: Nhất thiết chúng sanh thọ khổ lạc báo, giai tùy vãng nhật bản nghiệp nhân duyên. Thị cố nhược hữu trì giới tinh tấn, thọ thân tâm khổ, năng hoại bản nghiệp. Bản nghiệp ký tận, chúng khổ tận diệt. Chúng khổ tận diệt, tức đắc Niết-bàn. Thị nghĩa vân hà?

佛言。善男子。若有沙門婆羅門等作是說者。我為憐愍常當往至如是人所。既至彼已我當問之。仁者。實作如是說不。

彼若見答我如是說。何以故。瞿曇。我見眾生習行諸惡。多饒財寶身得自在。又見修善貧窮多乏不得自在。又見有人多役力用求不能得。又見不求自然得之。又見有人慈心不殺反更中天。又見喜殺終保年壽。又見有人淨修梵行精勤持戒。有得解脫有不得者。是故我說一切眾生受苦樂報。皆由往日本業因緣。

須跋陀。我復當問仁者。實見過去業不。若有是業為多少耶。現在苦行能破多少耶。能知是業已盡不盡耶。是業既盡一切盡耶。

彼若見答我實不知。

我便當為彼人引喻。譬如有人身被毒箭。其家眷屬為請醫師令拔是箭。既拔箭已身得安隱。其後十年是人猶憶了了分明。是醫為我拔出毒箭。以藥塗傳令我得瘥安隱受樂。仁既不知過去本業。云何能知現在苦行定能破壞過去業耶。

彼若復言。瞿曇。汝今亦有過去本業。何故獨責我過去業。瞿曇。經中亦作是說。若見有人豪富自在。當知是人先世好施。如是不名過去業耶。

Phật ngôn: Thiện nam tử! Nhược hữu sa-môn, bà-la-môn đẳng tác thị thuyết giả, ngã vị lân mẫn; thường đương vãng chí như thị nhân sở. Ký chí bỉ dĩ, ngã đương vấn chi: Nhân giả, thật tác như thị thuyết phủ?

Bỉ nhược kiến đáp: Ngã như thị thuyết. Hà dĩ cố? Cô-đàm! Ngã kiến chúng sanh, tập hành chư ác, đa nhiều tài bảo, thân đắc tự tại. Hựu kiến tu thiện, bản cùng đa pháp, bất đắc tự tại. Hựu kiến hữu nhân đa dịch lực dụng cầu bất năng đắc. Hựu kiến bất cầu, tự nhiên đắc chi. Hựu kiến hữu nhân, từ tâm bất sát, phản cánh trung yếu. Hựu kiến hỷ sát, chung bảo niên thọ. Hựu kiến hữu nhân tịnh tu Phạm hạnh, tinh cần trì giới; hữu đắc giải thoát; hữu bất đắc giả. Thị cố ngã thuyết: Nhất thiết chúng sanh thọ khổ lạc báo, giai do vãng nhật bốn nghiệp nhân duyên.

Tu-bạt-đà! Ngã phục đương vấn: Nhân giả thật kiến quá khứ nghiệp phủ? Nhược hữu thị nghiệp vi đa, thiểu da? Hiện tại khổ hạnh năng phá đa, thiểu da? Năng tri thị nghiệp dĩ tận, bất tận da? Thị nghiệp ký tận, nhất thiết tận da?

Bỉ nhược kiến đáp: Ngã thật bất tri.

Ngã tiện đương vị bỉ nhân dẫn dụ: Thí như hữu nhân, thân bị độc tiễn. Kỳ gia quyến thuộc vị thỉnh y sư, linh bạt thị tiễn. Kỳ bạt tiễn dĩ, thân đắc an ổn. Kỳ hậu thập niên, thị nhân du ức liễu liễu phân minh: thị y vị ngã bạt xuất độc tiễn, dĩ được đồ truyền linh ngã đắc sái, an ổn thọ lạc Nhân ký bất tri quá khứ bốn nghiệp, vân hà năng tri hiện tại khổ hạnh định năng phá hoại quá khứ nghiệp da?

Bỉ nhược phục ngôn: Cô-đàm! Nhữ kim diệc hữu quá khứ bốn nghiệp, hà cố độc trách ngã quá khứ nghiệp? Cô-đàm! Kinh trung diệc tác thị thuyết: Nhược kiến hữu nhân, hào phú tự tại đương tri thị nhân tiên thế hảo thí. Như thị bất danh quá khứ nghiệp da?

我復答言。仁者。如是知者。名為比知不名真知。我佛法中或有從因知果。或有從果知因。我佛法中有過去業有現在業。汝則不爾唯有過去業無現在業。汝法不從方便斷業。我法不爾從方便斷。汝業盡已則得苦盡。我則不爾煩惱盡已業苦則盡。是故我今責汝過去業。

彼人若言瞿曇我實不知。從師受之師作是說我實無咎。

我言。仁者。汝師是誰。

彼若見答是富蘭那。

我復語言。汝昔何不一一諮問。大師實知過去業不。汝師若言我不知者。汝復云何受是師語。若言我知復應問言。下苦因緣受中上苦不。中苦因緣受下上苦不。上苦因緣受中下苦不。若言不者。復應問言。師云何說苦樂之報唯過去業非現在耶。復應問言。是現在苦過去有不。若過去有過去之業悉已都盡。若都盡者云何復受今日之身。若過去無唯現在有。云何復言眾生苦樂皆過去業。

仁者。若知現在苦行能壞過去業。現在苦行復以何破。如其不破苦即是常。苦若是常云何說言得苦解脫。若更有行壞苦行者。過去已盡云何有苦。

Ngã phục đáp ngôn: Nhân giả! Như thị tri giả, danh vi tử tri, bất danh chân tri. Ngã Phật pháp trung, hoặc hữu tùng nhân tri quả; hoặc hữu tùng quả tri nhân. Ngã Phật pháp trung, hữu quá khứ nghiệp; hữu hiện tại nghiệp. Nhữ tác bất nhĩ. Duy hữu quá khứ nghiệp; vô hiện tại nghiệp. Nhữ pháp bất tùng phương tiện đoạn nghiệp. Ngã pháp bất nhĩ; tùng phương tiện đoạn. Nhữ nghiệp tận dĩ, tác đắc khổ tận. Ngã tác bất nhĩ; phiền não tận dĩ, nghiệp khổ tác tận. Thị cố ngã kim trách nhữ quá khứ nghiệp.

Bỉ nhân nhược ngôn: Cồ-dàm! Ngã thật bất tri. Tùng sư thọ chi. Sư tác thị thuyết, ngã thật vô cữu.

Ngã ngôn: Nhân giả! Nhữ sư thị thùy?

Bỉ nhược kiến đáp: Thị Phú-lan-na.

Ngã phục ngữ ngôn: Nhữ tích hà bất nhất nhất tư vấn? Đại sư thật tri quá khứ nghiệp phủ? Nhữ sư nhược ngôn: Ngã bất tri giả, nhữ phục vân hà thọ thị sư ngữ? Nhược ngôn: Ngã tri, phục ứng vấn ngôn: Hạ khổ nhân duyên, thọ trung, thượng khổ phủ? Trung khổ nhân duyên, thọ hạ, thượng khổ phủ? Thượng khổ nhân duyên, thọ trung, hạ khổ phủ? Nhược ngôn: Bất giả, phục ứng vấn ngôn: Sư vân hà thuyết khổ lạc chi báo duy quá khứ nghiệp, phi hiện tại da? Phục ứng vấn ngôn: Thị hiện tại khổ, quá khứ hữu phủ? Nhược quá khứ hữu, quá khứ chi nghiệp tất dĩ đô tận. Nhược đô tận giả, vân hà phục thọ kim nhật chi thân? Nhược quá khứ vô duy hiện tại hữu, vân hà phục ngôn chúng sanh khổ lạc giai quá khứ nghiệp?

Nhân giả! Nhược tri hiện tại khổ hạnh năng hoại quá khứ nghiệp, hiện tại khổ hạnh phục dĩ hà phá? Như kỳ bất phá, khổ tức thị thường. Khổ nhược thị thường, vân hà thuyết ngôn đắc khổ giải thoát? Nhược cánh hữu hành hoại khổ hạnh giả, quá khứ dĩ tận, vân hà hữu khổ?

仁者。如是苦行能令樂業受苦果不。復令苦業受樂果不。能令無苦無樂業作不受果不。能令現報作生報不。能令生報作現報不。令是二報作無報不。能令定報作無報不。能令無報作定報不。

彼若復言瞿曇不能。我復當言。仁者。如其不能何因緣故受是苦行。

仁者。當知定有過去業現在因緣。是故我言因煩惱生業因業受報。

仁者。當知一切眾生有過去業有現在因。眾生雖有過去壽業。要賴現在飲食因緣。

仁者。若說眾生受苦受樂。定由過去本業因緣。是事不然。何以故。

仁者。譬如有人為王除怨。以是因緣多得財寶。因是財寶受現在樂。如是之人現作樂因現受樂報。譬如有人殺王愛子。以是因緣喪失身命。如是之人現作苦因現受苦報。

仁者。一切眾生現在因於四大時節土地人民受苦受樂。是故我說一切眾生不必盡因過去本業受苦樂也。

仁者。若以斷業因緣力故得解脫者。一切聖人

Nhân giả! Như thị khổ hạnh năng linh lạc nghiệp thọ khổ quả phủ? Phục linh khổ nghiệp thọ lạc quả phủ? Năng linh vô khổ vô lạc nghiệp tác bất thọ quả phủ? Năng linh hiện báo tác sanh báo phủ? Năng linh sanh báo tác hiện báo phủ? Linh thị nhị báo tác vô báo phủ? Năng linh định báo tác vô báo phủ? Năng linh vô báo tác định báo phủ?

Bỉ nhược phục ngôn: Cồ-đàm! Bất năng. Ngã phục đương ngôn: Nhân giả! Như kỳ bất năng, hà nhân duyên cố thọ thị khổ hạnh?

Nhân giả đương tri: Định hữu quá khứ nghiệp, hiện tại nhân duyên. Thị cố ngã ngôn: Nhân phiền não, sanh nghiệp. Nhân nghiệp, thọ báo.

Nhân giả đương tri: Nhất thiết chúng sanh hữu quá khứ nghiệp, hữu hiện tại nhân. Chúng sanh tuy hữu quá khứ thọ nghiệp, yếu lại hiện tại ẩm thực nhân duyên.

Nhân giả! Nhược thuyết: Chúng sanh thọ khổ, thọ lạc, định do quá khứ bốn nghiệp nhân duyên, thị sự bất nhiên. Hà dĩ cố?

Nhân giả! Thí như hữu nhân, vị vương trừ oán. Dĩ thị nhân duyên, đa đắc tài bảo. Nhân thị tài bảo, thọ hiện tại lạc. Như thị chi nhân, hiện tác lạc nhân, hiện thọ lạc báo. Thí như hữu nhân, sát vương ái tử. Dĩ thị nhân duyên, táng thất thân mạng. Như thị chi nhân, hiện tác khổ nhân, hiện thọ khổ báo.

Nhân giả! Nhất thiết chúng sanh, hiện tại nhân ư tứ đại, thời tiết, thổ địa, nhân dân, thọ khổ, thọ lạc. Thị cố ngã thuyết: Nhất thiết chúng sanh bất tất tận nhân. Quá khứ bốn nghiệp, thọ khổ lạc dã.

Nhân giả! Nhược dĩ đoạn nghiệp nhân duyên lực cố, đắc giải thoát giả, nhất thiết thánh nhân bất đắc giải thoát. Hà dĩ

不得解脫。何以故。一切眾生過去本業無始終故。是故我說修聖道時是道能遮無始終業。

仁者。若受苦行便得道者。一切畜生悉應得道。是故先當調伏其心不調伏身。以是因緣我經中說。斫伐此林莫斫伐樹。何以故。從林生怖不從樹生。欲調伏身先當調心。心喻於林身喻於樹。

須跋陀言。世尊。我已先調伏心。

佛言。善男子。汝今云何能先調心。

須跋陀言。世尊。我先思惟欲是無常無樂無淨。觀色即是常樂我淨。作是觀已欲界結斷獲得色處。是故名為先調伏心。

次復觀色色是無常如癰如瘡如毒如箭。見無色常清淨寂靜。如是觀已色界結盡得無色處。是故名為先調伏心。

次復觀想即是無常癰瘡毒箭。如是觀已獲得非想非非想處。是非想非非想處即一切智寂靜清淨。無有墮墜常恒不變。是故我能調伏其心。

佛言。善男子。汝云何能調伏心耶。汝今所得非想非非想定，猶名為想。涅槃無想。汝云何言獲得涅槃。

善男子。汝已先能呵責麤想。今者云何愛著細

cố? Nhất thiết chúng sanh, quá khứ bốn nghiệp vô thủy chung cố. Thị cố ngã thuyết tu Thánh đạo thời, thị đạo năng già vô thủy chung nghiệp.

Nhân giả! Nhược thọ khổ hạnh tiện đắc đạo giả, nhất thiết súc sanh tất ưng đắc đạo. Thị cố tiên đương điều phục kỳ tâm, bất điều phục thân. Dĩ thị nhân duyên, ngã Kinh trung thuyết: Chúc phật tử lâm, mạc chúc phật thọ. Hà dĩ cố? Tùng lâm sanh bố, bất tùng thọ sanh. Dục điều phục thân, tiên đương điều tâm; tâm, dụ ư lâm; thân, dụ ư thọ.

Tu Bạt-Đà ngôn: Thế Tôn! Ngã dĩ tiên điều phục tâm.

Phật ngôn: Thiện nam tử! Nhữ kim vân hà năng tiên điều tâm?

Tu Bạt-Đà ngôn: Thế Tôn! Ngã tiên tư duy dục thị vô thường, vô lạc, vô tịnh. Quán sắc tức thị thường, lạc, ngã, tịnh. Tác thị quán dĩ, Dục giới kết đoạn; hoạch đắc Sắc xứ. Thị cố danh vi tiên điều phục tâm.

Thứ phục quán sắc. Sắc thị: vô thường, như ung, như sang, như độc, như tiền. Kiến vô sắc: thường, thanh tịnh, tịch tĩnh. Như thị quán dĩ, Sắc giới kết tận, đắc Vô sắc xứ. Thị cố danh vi tiên điều phục tâm.

Thứ phục quán tưởng, tức thị: vô thường, ung sang, độc, tiền. Như thị quán dĩ, hoạch đắc Phi tưởng phi phi tưởng xứ. Thị Phi tưởng phi phi tưởng, tức: Nhất thiết trí, tịch tĩnh, thanh tịnh, vô hữu đọa trụ thường hằng bất biến. Thị cố ngã năng điều phục kỳ tâm.

Phật ngôn: Thiện nam tử! Nhữ vân hà năng tiên điều phục tâm da? Nhữ kim sở đắc Phi tưởng phi phi tưởng định, do danh vi tưởng. Niết-bàn: vô tưởng. Nhữ vân hà ngôn: Hoạch đắc Niết-bàn?

Thiện nam tử! Nhữ dĩ tiên năng ha trách thô tưởng, kim giả vân hà ái trước tế tưởng. Bát tri ha trách như thị Phi tưởng

想。不知呵責如是非想非非想處，故名為想，如癰如瘡如毒如箭。

善男子。汝師鬱頭藍弗利根聰明。尚不能斷如是非想非非想處。受於惡身況其餘者。

世尊。云何能斷一切諸有。

佛言。善男子。若觀實相是人能斷一切諸有。

須跋陀言。世尊。云何名為實相。

善男子。無相之相名為實相。

世尊。云何名為無相之相。

善男子。一切法無自相，他相，及自他相。無無因相，無作相，無受相。無作者相，無受者相。無法，非法相。無男女相，無士夫相。無微塵相，無時節相。無為自相，無為他相，無為自他相。無有相，無無相，無生相，無生者相。無因相，無因因相。無果相，無果果相。無晝夜相，無明闇相。無見相，無見者相。無聞相，無聞者相。無覺知相，無覺知者相。無菩提相，無得菩提者相。無業相，無業主相。無煩惱相，無煩惱主相。

善男子。如是等相隨所滅處名真實相。

善男子。一切諸法皆是虛假。隨其滅處是名為

phi phi tưởng xứ, cố danh vi tưởng; như ung, như sang, như độc, như tiền.

Thiện nam tử! Nhữ sư Uất-đầu-lam-phát, lợi căn thông minh, thượng bát năng đoạn như thị Phi tưởng phi phi tưởng xứ, thọ ư ác thân, huống kỳ dư giả?

Thế Tôn! Vân hà năng đoạn nhất thiết chư hữu?

Phật ngôn: Thiện nam tử! Nhược quán thật tướng, thị nhân năng đoạn nhất thiết chư hữu.

Tu Bạt-Đà ngôn: Thế Tôn! Vân hà danh vi thật tướng?

Thiện nam tử! Vô tướng chi tướng, danh vi thật tướng.

Thế Tôn! Vân hà danh vi vô tướng chi tướng?

Thiện nam tử! Nhất thiết pháp vô tự tướng, tha tướng, cập tự tha tướng; vô vô nhân tướng, vô tác tướng, vô thọ tướng; vô tác giả tướng, vô thọ giả tướng; vô pháp phi pháp tướng; vô nam nữ tướng; vô sĩ phu tướng, vô vi trần tướng, vô thời tiết tướng; vô vi tự tướng, vô vi tha tướng, vô vi tự tha tướng; vô hữu tướng, vô vô tướng; vô sanh tướng, vô sanh giả tướng; vô nhân tướng, vô nhân nhân tướng; vô quả tướng, vô quả quả tướng; vô trú dạ tướng, vô minh ám tướng; vô kiến tướng, vô kiến giả tướng; vô văn tướng, vô văn giả tướng; vô giác tri tướng, vô giác tri giả tướng; vô Bồ-đề tướng, vô đác Bồ-đề giả tướng; vô nghiệp tướng, vô nghiệp chủ tướng; vô phiền não tướng, vô phiền não chủ tướng.

Thiện nam tử! Như thị đẳng tướng tùy sở diệt xứ, danh chân thật tướng.

Thiện nam tử! Nhất thiết chư pháp giai thị hư giả; tùy kỳ diệt xứ, thị danh vi thật; thị danh thật tướng; thị danh pháp

實是名實相。是名法界名畢竟智。名第一義諦名第一義空。

善男子。實相法界畢竟智。第一義諦第一義空。下智觀故得聲聞菩提。中智觀故得緣覺菩提。上智觀故得無上菩提。

說是法時十千菩薩得一生實相。萬五千菩薩得二生法界。二萬五千菩薩得畢竟智。三萬五千菩薩悟第一義諦。是第一義諦亦名第一義空。亦名首楞嚴三昧。四萬五千菩薩得虛空三昧。是虛空三昧亦名廣大三昧。亦名智印三昧。五萬五千菩薩得不退忍。是不退忍亦名如法忍，亦名如法界。六萬五千菩薩得陀羅尼。是陀羅尼亦名大念心。亦名無礙智。七萬五千菩薩得師子吼三昧。是師子吼三昧亦名金剛三昧。亦名五智印三昧。八萬五千菩提得平等三昧。是平等三昧亦名大慈大悲。無量恒河沙等眾生發阿耨多羅三藐三菩提心。無量恒河沙等眾生發緣覺心。無量恒河沙等眾生發聲聞心。人女天女二萬億人現轉女身得男子身。

須跋陀羅得阿羅漢果。

大般涅槃經卷第四十

終

giới, danh tất cánh trí, danh đệ nhất nghĩa đế, danh đệ nhất nghĩa không.

Thiện nam tử! Thật tướng, pháp giới, tất cánh trí, đệ nhất nghĩa đế, đệ nhất nghĩa không, hạ trí quán cố đặc Thịnh văn Bồ-đề; trung trí quán cố đặc Duyên giác Bồ-đề; thượng trí quán cố đặc vô thượng Bồ-đề.

Thuyết thị pháp thời, thập thiên Bồ Tát đắc nhất sanh thật tướng, vạn ngũ thiên Bồ Tát đắc nhị sanh Pháp giới, nhị vạn ngũ thiên Bồ Tát đắc tất cánh trí. Tam vạn ngũ thiên Bồ Tát ngộ đệ nhất nghĩa đế; thị đệ nhất nghĩa đế diệt danh đệ nhất nghĩa không; diệt danh Thủ Lăng Nghiêm Tam-muội, tứ vạn ngũ thiên Bồ Tát đắc Hư không Tam-muội, thị hư không Tam-muội diệt danh Quảng đại Tam-muội, diệt danh Trí ấn Tam-muội, ngũ vạn ngũ thiên Bồ Tát đắc bất thối nhẫn, thị bất thối nhẫn, diệt danh như pháp nhẫn, diệt danh như pháp giới, lục vạn ngũ thiên Bồ Tát đắc Đà-la-ni, thị Đà-la-ni diệt danh đại niệm tâm, diệt danh vô ngại trí, thất vạn ngũ thiên Bồ Tát đắc Sư tử hống Tam-muội; thị Sư tử hống Tam-muội diệt danh Kim cang Tam-muội, diệt danh Ngũ trí ấn Tam-muội, bát vạn ngũ thiên Bồ Tát đắc Bình đẳng Tam-muội, thị Bình đẳng Tam-muội diệt danh Đại từ Đại bi; vô lượng Hằng hà sa đẳng chúng sanh phát A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề Tâm; vô lượng Hằng hà sa đẳng chúng sanh phát Duyên giác tâm, vô lượng Hằng hà sa đẳng chúng sanh phát Thịnh văn tâm; nhân nữ, thiên nữ nhị vạn ức nhân hiện chuyển nữ thân, đắc nam tử thân.

Tu-bạt-đà-la đắc A-la-hán quả.

Đại Bát Niết-bàn Kinh quyển đệ tứ thập

Chung

KINH ĐẠI BÁT NIẾT-BÀN

QUYỂN BỐN MƯƠI

PHẨM KIỀU-TRẦN-NHƯ

Phẩm thứ mười ba - Phần hai

Khi ấy lại có vị Phạm chí tên Độc Tử đứng lên nói: “Cồ-đàm! Nay tôi muốn hỏi, ngài có cho phép chăng?”

Đức Như Lai lặng thinh. Độc Tử lại hỏi đến lần thứ nhì, rồi lần thứ ba, đức Như Lai vẫn lặng thinh [không đáp].

Độc Tử lại nói: “Cồ-đàm! Tôi với ngài là chỗ thân hữu đã lâu, ngài với tôi nghĩa tình như một; nay tôi muốn hỏi, tại sao ngài lặng thinh?”

Bấy giờ, đức Thế Tôn nghĩ rằng: “Vị Phạm chí này tánh tình nho nhã, hiền lành, thẳng thắn, thường vì sự hiểu biết mới đến thưa hỏi chứ không có ý quấy rối. Nếu ông ấy thưa hỏi, ta sẽ tùy ý đáp.”

Phật liền nói: “Lành thay, lành thay! Độc Tử, ông cứ tùy chỗ nghi ngờ mà hỏi, ta sẽ giải đáp.”

Độc Tử liền hỏi: “Cồ-đàm! Thế gian này có pháp thiện hay chăng?”

Phật đáp: “Phạm chí, có pháp thiện.”

Lại hỏi: “Có pháp bất thiện hay chăng?”

Phật đáp: “Phạm chí, có pháp bất thiện.”

Độc Tử liền nói: “Cồ-đàm! Xin ngài vì tôi giảng giải, giúp tôi hiểu biết được về các pháp thiện và bất thiện.”

Phật dạy: “Thiện nam tử! Về những nghĩa ấy ta có thể phân biệt giảng rộng, nhưng nay sẽ vì ông mà giảng giải sơ lược.

“Thiện nam tử! Tham dục là bất thiện, giải thoát khỏi tham dục là thiện. Sân khuể và ngu si cũng vậy, [đều là bất thiện, giải thoát khỏi hai pháp này là thiện].

“Giết hại là bất thiện, không giết hại là thiện... cho đến tà kiến cũng là như vậy.⁽¹⁾

“Thiện nam tử! Nay ta đã giảng với ông ba loại pháp thiện và bất thiện [là tham, sân, si], cũng đã giảng mười loại pháp thiện và bất thiện. Nếu trong các đệ tử của ta, ai có thể phân biệt được ba pháp thiện và bất thiện ấy, cho đến mười pháp thiện và bất thiện, nên biết rằng người ấy có thể dứt hết tham dục, sân khuể, ngu si, tất cả phiền não, dứt trừ [sự tái sanh trong] tất cả các cảnh giới hiện hữu.”

Phạm chí thưa rằng: “Cồ-đàm! Trong pháp Phật liệu có một tỳ-kheo nào có thể dứt hết tham dục, sân khuể, ngu si, tất cả phiền não, dứt trừ [sự tái sanh trong] tất cả các cảnh giới hiện hữu hay không?”

Phật dạy: “Thiện nam tử! Trong pháp Phật không chỉ có một, hai, ba... cho đến năm trăm, mà có đến vô số các vị tỳ-kheo có thể dứt hết tham dục, sân khuể, ngu si, tất cả phiền não, dứt trừ [sự tái sanh trong] tất cả các cảnh giới hiện hữu như vậy.”

Phạm chí nói: “Cồ-đàm! Hãy tạm gác lại chuyện một tỳ-kheo. Trong pháp Phật liệu có một tỳ-kheo ni nào

có thể dứt hết tham dục, sân khuể, ngu si, tất cả phiền não, dứt trừ [sự tái sinh trong] tất cả các cảnh giới hiện hữu hay không?

Đức Phật dạy: “Thiện nam tử! Trong pháp Phật không phải chỉ có một, hai, ba... cho đến năm trăm, mà có đến vô số các vị tỳ-kheo ni có thể dứt hết tham dục, sân khuể, ngu si, tất cả phiền não, dứt trừ [sự tái sinh trong] tất cả các cảnh giới hiện hữu như vậy.”

Độc Tử lại nói: “Cồ-đàm! Hãy tạm gác lại chuyện một tỳ-kheo, một tỳ-kheo ni. Trong pháp Phật liệu có một ưu-bà-tắc nào giữ giới tinh cần, thanh tịnh Phạm hạnh, vượt qua được sự ngờ vực, dứt sạch mọi mối nghi hay chẳng?”

Phật dạy: “Thiện nam tử! Trong pháp Phật không phải chỉ có một, hai, ba... cho đến năm trăm, mà có đến vô số ưu-bà-tắc giữ giới tinh cần, thanh tịnh Phạm hạnh, trừ được năm mối trói buộc,⁽²⁾ chúng đắc quả A-na-hàm, vượt qua được sự ngờ vực, dứt sạch mọi mối nghi.”

Độc Tử lại hỏi: “Cồ-đàm! Hãy tạm gác lại chuyện một tỳ-kheo, một tỳ-kheo ni, một ưu-bà-tắc. Trong pháp Phật liệu có một ưu-bà-di nào giữ giới tinh cần, thanh tịnh Phạm hạnh, vượt qua được sự ngờ vực, dứt sạch mọi mối nghi hay chẳng?”

Phật dạy: “Thiện nam tử! Trong pháp Phật không phải chỉ có một, hai, ba... cho đến năm trăm, mà có đến vô số ưu-bà-di giữ giới tinh cần, thanh tịnh Phạm hạnh, trừ được năm mối trói buộc, chúng đắc quả A-na-hàm, vượt qua được sự ngờ vực, dứt sạch mọi mối nghi.”

Độc Tử nói: “Cồ-đàm! Hãy tạm gác lại những chuyện một tỳ-kheo, một tỳ-kheo ni dứt hết phiền não, một

ưu-bà-tắc, một ưu-bà-di giữ giới tinh cần, thanh tịnh Phạm hạnh, dứt sạch mọi mối nghi. Trong pháp Phật liệu có một ưu-bà-tắc nào [đạt đến mức] thọ hưởng sự vui thích năm món dục mà lòng không có mối nghi nào hay chẳng?”

Phật dạy: “Thiện nam tử! Trong pháp Phật không phải chỉ có một, hai, ba... cho đến năm trăm, mà có đến vô số ưu-bà-tắc đã dứt trừ ba mối trói buộc,⁽³⁾ chúng đắc quả Tu-đà-hoàn; lại làm cho các tâm tham, sân và si chỉ còn rất yếu ớt, chúng đắc quả Tư-đà-hàm.

“Cũng giống như ưu-bà-tắc, [có vô số] ưu-bà-di [đạt được] như vậy.”

Độc Tử thưa rằng: “Bạch Thế Tôn! Nay con muốn nói ra một thí dụ.”

Phật dạy: “Lành thay! Ông đã muốn nói, vậy hãy nói đi!”

Độc Tử nói: “Bạch Thế Tôn! Ví như các vị long vương Nan-đà, Bà-nan-đà... đổ trận mưa lớn đều khắp; trận mưa Chánh pháp của Như Lai cũng giống như vậy, bình đẳng rưới xuống cho đến hàng ưu-bà-tắc, ưu-bà-di.

“Bạch Thế Tôn! Nếu những người ngoại đạo muốn đến đây xuất gia, không biết Như Lai sẽ thử thách họ trong mấy tháng?”

Phật nói: “Thiện nam tử! Thường thử thách trong bốn tháng, nhưng không nhất định chỉ có một hạng [như vậy].”

Độc Tử thưa: “Bạch Thế Tôn! Nếu không [nhất định] chỉ có một hạng [phải chịu thử thách trong bốn tháng], vậy nguyện đức Đại từ cho phép con xuất gia.”

Lúc ấy, đức Thế Tôn bảo Kiều-trần-như: “Hãy nhận cho Phạm chí Độc Tử xuất gia thọ giới.”

Kiều-trần-như vâng lời Phật dạy liền ở giữa chúng tăng làm pháp kiết-ma cho Độc Tử [xuất gia thọ giới]. Sau khi xuất gia được mười lăm ngày, Độc Tử chứng đắc quả Tu-đà-hoàn.

Chúng đắc quả Tu-đà-hoàn rồi, Độc Tử lại suy nghĩ rằng: “Nếu thật có trí tuệ do sự học hỏi mà đạt được thì nay ta đã đạt được [trí tuệ ấy] rồi, ta có thể đến gặp Phật.”

[Nghĩ như vậy rồi,] ông liền đi đến chỗ Phật, cúi đầu và mặt lễ kính, rồi lui xuống đứng sang một bên, bạch Phật rằng: “Bạch Thế Tôn! Nay con đã đạt được trí tuệ do sự học hỏi, nguyện đức Thế Tôn vì con mà phân biệt thuyết dạy một lần nữa, giúp con đạt đến trí tuệ của bậc vô học.”

Phật dạy: “Thiện nam tử! Ông nên chuyên cần tu tập hai pháp, một là pháp chỉ, hai là pháp quán.⁽⁴⁾

“Thiện nam tử! Nếu tỳ-kheo nào muốn chứng đắc quả Tu-đà-hoàn, cũng phải chuyên cần tu tập hai pháp ấy. Nếu ai muốn chứng đắc các quả Tư-đà-hàm, quả A-na-hàm, quả A-la-hán, cũng đều phải tu tập hai pháp ấy.

“Thiện nam tử! Nếu tỳ-kheo nào muốn đạt được Bốn mức thiền, Bốn tâm vô lượng, Sáu thần thông, Tám sự buông xả,⁽⁵⁾ Tám thắng xứ, Vô tranh trí, Đỉnh trí, Tất cánh trí, Tứ vô ngại trí, Tam-muội Kim cang, Tận trí, Vô sanh trí, cũng đều phải tu tập hai pháp ấy.

“Thiện nam tử! Nếu ai muốn đạt đến Thập trụ địa, Vô sanh pháp nhẫn, Vô tướng pháp nhẫn, Bất khả tư

ngộ pháp nhẫn, Thánh hạnh, Phạm hạnh, Thiên hạnh, Bồ Tát hạnh, Tam-muội Hư không, Tam-muội Trí ấn, các Tam-muội Không, Vô tướng, Vô tác; Tam-muội Địa, Tam-muội Bất thối, Tam-muội Thủ Lăng Nghiêm, Tam-muội Kim cang, A-nậu-đa-la Tam-miêu Tam-bồ-đề, Phật hạnh, cũng đều phải tu tập hai pháp ấy.”

Nghe Phật dạy rồi, tỳ-kheo Độc Tử liền lễ bái lui ra. Ngay trong rừng sa-la, ông [chuyên cần] tu tập hai pháp chỉ và quán, không bao lâu liền chứng đắc quả A-la-hán.

Bấy giờ, lại có vô số tỳ-kheo muốn đi đến chỗ Phật. Độc Tử nhìn thấy liền hỏi: “Chư đại đức! Quý thầy muốn đi đến đâu?” Các vị tỳ-kheo đáp: “Chúng tôi muốn đi đến chỗ đức Phật.”

Độc Tử liền nói: “Chư đại đức! Nếu quý thầy đi đến chỗ Phật, xin vì tôi trình lên đức Thế Tôn rằng: “Tỳ-kheo Độc Tử đã tu tập hai pháp chỉ và quán, đạt được trí tuệ vô học. Nay muốn báo ơn Phật nên sẽ [xả bỏ thân này mà] nhập Niết-bàn.”

Lúc ấy, các vị tỳ-kheo đi đến chỗ đức Phật rồi liền bạch rằng: “Bạch Thế Tôn! Tỳ-kheo Độc Tử nhờ chúng con trình lên đức Thế Tôn rằng: “Tỳ-kheo Độc Tử nhờ tu tập hai pháp chỉ và quán, đã đạt được trí tuệ vô học. Nay muốn báo ơn Phật nên sẽ [xả bỏ thân] nhập Niết-bàn.”

Phật dạy: “Thiện nam tử! Tỳ-kheo Độc Tử đã chứng đắc quả A-la-hán, các ông nên đến đó cúng dường nhục thân.”

Các vị tỳ-kheo vâng lời Phật dạy, trở lại chỗ tỳ-kheo Độc Tử [xả thân], tổ chức đại lễ cúng dường.

Bấy giờ lại có Phạm chí Nạp Y lên tiếng nói rằng: “Cồ-đàm! Ông nói rằng [người ta] trong vô số kiếp từng làm những việc thiện hay bất thiện, đến đời vị lai sẽ trở lại thọ lãnh các thân thiện và bất thiện [tương ứng với việc đã làm]. Nghĩa ấy là không đúng.

“Vì sao vậy? Như Cồ-đàm có nói: Nhân nơi phiền não mà có thân này. Nếu nhân nơi phiền não mà có thân, vậy thân có trước hay phiền não có trước? Nếu phiền não có trước, vậy ai tạo tác? [Khi chưa có thân thì] phiền não ấy ở nơi nào? Còn nếu thân có trước, sao lại nói rằng nhân nơi phiền não mà có thân?

“Cho nên, không thể nói là phiền não có trước thân, cũng không thể nói thân có trước phiền não. Cũng không thể nói hai thứ ấy có cùng một lúc. Như vậy, trước, sau hay cùng lúc đều không hợp nghĩa. Cho nên tôi nói rằng: ‘Tất cả các pháp đều có tự tánh, không do nhân duyên.’

“Lại nữa, Cồ-đàm! Tánh chất của đất là cứng chắc, tánh chất của nước là ẩm ướt, tánh chất của lửa là nóng ấm, tánh chất của gió là chuyển động, tánh chất của hư không là không ngăn ngại. Tánh chất của năm đại ấy không phải do nhân duyên mà có. Nếu như ở thế gian có tánh của một pháp [nào đó] không do nhân duyên mà có, thì tánh của tất cả pháp lẽ ra cũng vậy, không do nhân duyên mà có. Nếu có một pháp [nào đó] do nhân duyên, vậy do nhân duyên gì mà tánh của năm đại lại không do nhân duyên?

“Cồ-đàm! Những thân thiện và bất thiện của chúng sanh đạt được sự giải thoát đều là do tự tánh, không do nhân duyên. Cho nên tôi nói: ‘Tất cả các pháp do tự tánh mà có, chẳng phải do nhân duyên sanh ra.’

“Lại nữa, Cồ-đàm! Các pháp thế gian đều có chỗ dùng nhất định. Ví như người thợ mộc nói: ‘Loại gỗ này dùng làm xe, làm kiệu... loại gỗ này dùng làm cửa, làm giường, ghế...’ Lại như người thợ kim hoàn làm ra những vật trang sức, đội trên trán gọi là tràng [hoa], đeo nơi cổ gọi là vòng cổ, đeo nơi tay gọi là vòng xuyên, đeo ở ngón tay lại gọi là nhẫn...

“Vì chỗ dùng đã sẵn định, nên gọi là tánh cố định. Nên biết rằng tất cả chúng sanh cũng vậy, vì sẵn có tánh của năm cảnh giới nên mới có địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh, cõi người, cõi trời. Nếu là như vậy, sao lại nói rằng [sự thọ sanh là] do nhân duyên?

“Lại nữa, Cồ-đàm! Tánh của tất cả chúng sanh thảy đều khác nhau, cho nên nói là mỗi chúng sanh đều tự có tánh riêng.

“Cồ-đàm! Như con rùa sanh ở đất liền, nhưng tự nó có khả năng sống dưới nước. Con bê con vữa sanh ra tự có thể bú vú mẹ. Con cá thấy mồi ở lưỡi câu tự nhiên đớp ăn. Con rắn độc lúc sanh ra tự nhiên ăn đất... Những việc như vậy, có ai dạy chúng nó chẳng? Như mũi gai khi sanh ra tự nhiên có đầu nhọn. Như loài chim tự nhiên bộ lông có những màu sắc khác nhau...

“Chúng sanh ở thế gian cũng vậy, có người lanh lợi, có kẻ ngu độn, có người giàu, kẻ nghèo; người đẹp, kẻ xấu, có người được giải thoát, có kẻ không được... Cho nên biết rằng: ‘Trong tất cả các pháp, mỗi pháp đều sẵn có tự tánh’.

“Lại nữa, Cồ-đàm! Như ông có nói: tham dục, sân khúe và si mê đều do nhân duyên sanh ra; ba độc này có nhân duyên là năm trần cảnh: [hình sắc, âm thanh,

mùi hương, vị nếm và sự xúc chạm]. Nghĩa ấy thật không đúng!

“Vì sao vậy? Chúng sanh trong lúc ngủ là lìa xa năm trần cảnh, nhưng vẫn sanh tham, sân, si. Lúc còn trong bào thai cũng vậy. Khi vừa mới ra khỏi bào thai, chưa thể phân biệt được sự tốt xấu của năm trần cảnh, nhưng vẫn sanh tham, sân, si. Các vị tiên, các bậc thánh hiền dù ở nơi vắng vẻ yên tĩnh, không hề có năm trần cảnh, cũng có thể sanh tham, sân, si. Lại có những người dù nhân ở năm trần cảnh mà không hề sanh ra tham, sân, si. Cho nên, không nhất thiết phải do nhân duyên sanh ra tất cả các pháp, đó đều là do tánh [của các pháp] tự sẵn có.

“Lại nữa, Cồ-đàm! Tôi thấy ở đời có những kẻ không đủ năm giác quan nhưng có nhiều tài sản, vật báu, được sống rất tự do; lại có những người tuy đầy đủ các giác quan nhưng nghèo túng, hèn hạ, không được sống tự do, phải làm tôi tớ hầu hạ người khác. Nếu có nhân duyên, vì sao lại như vậy? Cho nên các pháp thấy đều sẵn có tự tánh, không do nhân duyên.

“Lại nữa, Cồ-đàm! Những trẻ thơ ở thế gian chưa biết phân biệt năm trần cảnh, lúc khóc lúc cười. Khi thấy trẻ cười liền biết chúng vui; khi thấy khóc liền biết chúng buồn. Cho nên biết rằng: Trong tất cả các pháp, thấy đều sẵn có tự tánh.

“Lại nữa, Cồ-đàm! Pháp thế gian có hai loại, một là pháp có, hai là pháp không. Pháp có là như hư không..., pháp không là như sừng thỏ... Trong hai pháp ấy, pháp thứ nhất vì là có nên không do nhân duyên; pháp thứ hai vì là không nên cũng không do nhân duyên. Cho nên, các pháp đều sẵn có tự tánh mà không do nhân duyên.”

Phật dạy: “Thiện nam tử! Như ông vừa nói: ‘Tánh của tất cả các pháp lẽ ra cũng giống như tánh của năm đại.’ Nghĩa ấy không đúng.

“Vì sao vậy? Thiện nam tử! Như trong pháp của các ông cho rằng năm đại là thường. Vậy do nhân duyên gì mà tất cả các pháp đều vô thường? Nếu sự vật thế gian thật là vô thường, vậy do nhân duyên gì mà tánh của năm đại không phải vô thường? Nếu năm đại là thường thì sự vật thế gian lẽ ra cũng phải là thường! Cho nên, lời ông nói rằng: ‘Năm đại sẵn có tự tánh không do nhân duyên’, lại cho rằng ‘tất cả các pháp cũng đồng như năm đại’, thật là vô lý!

“Thiện nam tử! Ông nói rằng: ‘Vì [sự vật đều] có chỗ dùng nhất định nên [biết là] sẵn có tự tánh.’ Nghĩa ấy cũng không đúng. Vì sao vậy? Tất cả đều do nơi nhân duyên nên mới có tên gọi. Nếu do nhân mà có tên, thì cũng do nhân mà có nghĩa. Sao gọi là do nhân mà có tên? Như [đều là] những cái vòng tròn, [nhưng] đội trên trán gọi là tràng hoa, đeo nơi cổ gọi là vòng cổ, đeo ở tay gọi là vòng xuyên, dùng trong xe lại gọi là bánh xe...; [lại như] lửa do cỏ khô, củi... đốt lên thì gọi là lửa cỏ khô, lửa củi...

“Thiện nam tử! Cái cây mới mọc lên không hề có tánh chất của mũi tên hay ngọn giáo. Do nhân duyên, người thợ làm thành những mũi tên; cũng do nhân duyên, người thợ làm thành những ngọn giáo... Vì thế, không nên nói rằng: ‘Tất cả các pháp đều sẵn có tự tánh.’

“Thiện nam tử! Ông nói rằng: ‘Con rùa sanh ở đất liền, tánh của nó là tự đi xuống nước; con bê con vựa sanh ra, tánh của nó là có thể bú vú mẹ.’ Nghĩa ấy cũng không đúng.

“Vì sao vậy? Nếu nói con rùa đi xuống nước không do nhân duyên, vậy cũng là không do nhân duyên, sao rùa chẳng đi vào trong lửa? [Nếu nói] con bê sanh ra rồi, tánh tự nhiên của nó là có thể bú vú mẹ chứ không do nhân duyên, vậy cũng là không do nhân duyên, sao con bê lại chẳng bú cái sừng?”

“Thiện nam tử! Nếu nói các pháp thấy đều sẵn có tự tánh, không cần có sự giáo hóa học tập, không có sự tăng trưởng. Nghĩa ấy cũng không đúng.

“Vì sao vậy? Hiện nay trước mắt thấy rõ có sự giáo hóa, và nhờ giáo hóa nên được tăng trưởng. Vì vậy, phải biết rằng [các pháp thật] không có tự tánh [nhất định].

“Thiện nam tử! Nếu hết thấy các pháp đều sẵn có tự tánh [nhất định], thì tất cả các vị bà-la-môn không nên giết dê tế thần để làm trong sạch cái thân. Nếu còn vì [muốn làm trong sạch] thân thể mà tế thần, vậy nên biết rằng không hề sẵn có tự tánh [nhất định].

“Thiện nam tử! Trong ngũ pháp của thế gian có phân ra ba cách [diễn đạt sự việc], một là [nói về việc] muốn làm, hai là [nói về việc] đang làm, ba là [nói về việc] đã làm xong.⁽⁶⁾ Nếu tất cả các pháp đều sẵn có tự tánh [nhất định], vì sao trong thế gian lại có ba cách diễn đạt [khác nhau] ấy? Vì có ba cách diễn đạt [thay đổi khác nhau], nên biết rằng tất cả các pháp không hề sẵn có tự tánh [nhất định].

“Thiện nam tử! Nếu nói rằng các pháp sẵn có tự tánh [nhất định], thì nên biết rằng mỗi pháp đều phải có tánh chất cố định. Nếu có tính chất cố định, vậy do duyên có gì mà từ cây mía lại có thể làm ra [các thứ khác nhau như] nước ngọt, đường, đường phèn, rượu,

rượu thuốc...? Nếu chỉ có một tánh [cố định], vậy do duyên có gì [từ một sự vật mà] tạo ra được nhiều mùi vị khác nhau? Nếu từ một vật [có thể] làm ra nhiều loại như vậy, nên biết rằng trong các pháp không thể mỗi pháp đều có tính chất cố định.

“Thiện nam tử! Nếu tất cả pháp đều có tính chất cố định, tại sao bậc thánh nhân uống nước ngọt của mía, ăn các loại đường phèn, đường tán... nhưng khi mía làm ra rượu thì các vị không uống, sau đó chế thành rượu thuốc thì lại uống được? Cho nên phải biết rằng [các pháp đều] không có tính chất cố định. Nếu không có tính chất cố định, vì sao lại [nói là] không do nhân duyên mà có?

“Thiện nam tử! Ông nói các pháp [đều sẵn] có tự tánh, vậy vì sao [khi giảng] nói [có thể dùng] thí dụ?⁽⁷⁾ Nếu có các thí dụ, nên biết rằng các pháp là không có tự tánh [cố định]. Nếu [các pháp đều] có tự tánh [cố định], nên biết rằng không thể có thí dụ. Nhưng người có trí ở thế gian đều nói thí dụ, nên biết rằng các pháp không hề có tự tánh, không hề có một tánh cố định.

“Thiện nam tử! Ông có hỏi: ‘Thân có trước hay phiền não có trước?’ Câu hỏi ấy không hợp nghĩa. Vì sao vậy? Nếu ta nói rằng thân có trước, hẳn ông có thể vặn lại rằng: ‘Ngài cũng đồng như tôi.’⁽⁸⁾ [Còn nếu ta nói] thân không có trước thì do nhân duyên gì ông lại vặn hỏi như thế?⁽⁹⁾

“Thiện nam tử! Thân và phiền não của tất cả chúng sanh đều không có trước sau, đồng thời hiện hữu. Tuy đồng thời hiện hữu nhưng phải nhân nơi phiền não mà có thân, chứ không thể nhân nơi thân mà có phiền não.

“Nhưng nếu ông có ý cho rằng thân và phiền não cũng giống như hai con mắt người cùng lúc mà có, không nương chờ nhau; mắt trái không phụ thuộc mắt phải, mắt phải cũng không phụ thuộc mắt trái, thì nghĩa ấy không đúng.

“Vì sao vậy? Thiện nam tử! Như ở thế gian, mắt tuy cùng lúc nhìn thấy tim đèn và ánh sáng, nhưng ánh sáng phải nhân nơi tim đèn [mà có], tuyệt đối không thể nhân nơi ánh sáng mà có tim đèn!

“Thiện nam tử! Nếu ý ông cho rằng vì thân trước đó không có [nhân duyên]⁽¹⁰⁾ nên biết rằng [thân ấy] không do nhân [mà có], nghĩa ấy cũng không đúng. Vì sao vậy? Nếu nói vì thân có trước nên không có nhân duyên, do đó gọi là không [nhân duyên] thì ông càng không nên nói [như vậy].

“Tất cả các pháp đều có nhân duyên. Nếu nói rằng vì không thấy nên không nói, thì hiện nay thật có nhìn thấy những vật [trước mắt] như cái bình.v.v... đều do nhân duyên mà có, vì sao không thể nói rằng những nhân duyên trước đó của thân cũng giống như [trường hợp] cái bình...?

“Thiện nam tử! Cho dù nhìn thấy hay không nhìn thấy, tất cả các pháp đều do nhân duyên, không sẵn có tự tánh.

“Thiện nam tử! Nếu nói rằng tất cả các pháp đều có tự tánh, không do nhân duyên, vậy vì sao ông nói về năm đại? Tánh của năm đại ấy chính là nhân duyên.

“Thiện nam tử! Tuy rằng năm đại là nhân duyên, nhưng cũng không thể nói rằng các pháp đều có cùng nhân duyên là năm đại. Cũng như người đời nói rằng:

‘Tất cả những người xuất gia nên tinh cần giữ giới.’ Nhưng [thật ra đến cả] hạng chiên-đà-la cũng nên tinh cần giữ giới như vậy.

“Thiện nam tử! Ông nói rằng năm đại có tánh cố định là cứng chắc, [ảm ứ] v.v... Ta quán xét thấy những tánh chất ấy là biến chuyển chứ không cố định.

“Thiện nam tử! Trong pháp của các ông gọi các thứ bơ, sáp ong, hồ, keo... là thuộc chất đất. Chất đất ấy không [có tính chất] nhất định, hoặc đồng với nước, hoặc đồng với đất, cho nên không thể nói rằng tánh của nó [cố định] là cứng chắc.

“Thiện nam tử! Trong pháp của các ông gọi các loại như hợp kim chì pha thiếc,⁽¹¹⁾ chì, thiếc, đồng, sắt, vàng, bạc... là thuộc chất lửa. Chất lửa ấy lại có đủ bốn tánh chất là: khi chảy là tánh nước, khi động là tánh gió, khi nóng là tánh lửa, khi cứng là tánh đất.⁽¹²⁾ Sao có thể nói rằng tánh lửa là cố định?

“Thiện nam tử! Tánh của nước là tuôn chảy. Khi nước đông đặc, người ta không gọi là đất, nên gọi là tánh lửa, vậy do nhân duyên gì mà khi sóng nước động chẳng gọi là gió?⁽¹³⁾ Nếu khi nước động chẳng gọi là gió, thì khi nước đông đặc lẽ ra cũng không thể gọi là lửa! Nếu bốn tánh ấy đều do nhân duyên, vì sao lại nói rằng: ‘Tất cả các pháp không do nhân duyên?’

“Thiện nam tử! Nếu nói tánh của năm giác quan là có thể thấy, nghe, rõ biết, xúc chạm, đều là tự tánh sẵn có chứ không do nhân duyên. Nghĩa ấy cũng không đúng.

“Vì sao vậy? Thiện nam tử! Tự tánh là tánh chất không thể thay đổi. Nếu nói [tự] tánh của mắt là thấy, lẽ ra mắt phải thường thấy, không thể có lúc thấy lúc không.

[Nhưng thật ra không phải vậy,] nên phải biết là do nhân duyên mà thấy, chứ không phải không có nhân duyên.

“Thiện nam tử! Ông nói rằng không phải nhân nơi năm trần cảnh: [hình sắc, âm thanh, mùi hương, vị nếm và sự xúc chạm] mà sanh ra tham, [sân, si... cho đến được] giải thoát. Nghĩa ấy cũng không đúng.

“Vì sao vậy? Thiện nam tử! Tuy việc sanh tham, [sân, si... cho đến được] giải thoát không do nhân duyên là năm trần cảnh, nhưng do các suy niệm vọng tưởng xấu ác nên mới sanh tham dục...; và nhờ các suy tưởng tốt lành nên mới được giải thoát.”⁽¹⁴⁾

“Thiện nam tử! Do các nhân duyên bên trong mà khởi sanh tham, [sân, si... cho đến được] giải thoát; do các nhân duyên bên ngoài mà tăng trưởng tham, [sân, si... cho đến được] giải thoát. Cho nên lời ông nói rằng: ‘Tất cả các pháp đều riêng có tự tánh, không do năm trần mà sanh tham, [sân, si... cho đến được] giải thoát,’ đó là không hợp lý.

“Thiện nam tử! Ông nói rằng: ‘Có những kẻ năm giác quan chẳng đủ, nhưng có nhiều tài sản, vật báu, được sống rất tự do; lại có những người tuy đầy đủ các giác quan nhưng nghèo túng, không được sống tự do. Do đó biết rằng họ sẵn có tự tánh, không do nhân duyên.’ Nghĩa ấy cũng không đúng.

“Vì sao vậy? Thiện nam tử! Chúng sanh do nghiệp mà có quả báo. Quả báo ấy có ba loại, một là quả báo ngay trong đời hiện tại, hai là quả báo vào đời kế tiếp, ba là quả báo vào những đời sau nữa. Sự nghèo túng, giàu sang hoặc đầy đủ hay không đầy đủ các giác quan đều là những nghiệp khác nhau. Nếu là có tự tánh thì

những người đầy đủ các căn lẽ ra cũng phải giàu có sung túc; những kẻ giàu có lẽ ra cũng phải đầy đủ các căn [vì là tự tánh tốt đẹp]. Nhưng thực tế trước mắt không phải như thế, nên biết chắc rằng không sẵn có tự tánh, thấy đều do nhân duyên.

“Thiện nam tử! Như lời ông nói: ‘Những trẻ con ở thế gian chưa biết phân biệt nhân duyên năm trần cảnh, nhưng chúng cũng khóc, cũng cười, cho nên tất cả đều sẵn có tự tánh.’ Nghĩa ấy cũng không đúng.

“Vì sao vậy? Nếu chúng sẵn có tự tánh thì nếu cười ắt phải cười luôn, nếu khóc thì phải khóc mãi, không thể có lúc cười lúc khóc. Nếu đã có lúc cười lúc khóc, nên biết rằng tất cả đều do nhân duyên. Vì vậy, không nên nói rằng: ‘Tất cả các pháp đều sẵn có tự tánh, không do nhân duyên.’”

Phạm chí Nạp Y lại hỏi: “Bạch Thế Tôn! Nếu tất cả các pháp đều do nhân duyên mà có, vậy cái thân này do nhân duyên gì?”

Phật dạy: “Thiện nam tử! Nhân duyên của thân này là phiền não và nghiệp.”

Phạm chí [Nạp Y] hỏi: “Thế Tôn! Như thân này là do phiền não và nghiệp, vậy phiền não và nghiệp ấy có thể dứt trừ chăng?”

Phật dạy: “Đúng vậy, đúng vậy! Thật có thể dứt trừ.”

Phạm chí [Nạp Y] thưa: “Bạch Thế Tôn! Xin ngài vì con phân biệt giảng thuyết, khiến con được nghe rồi có thể ngay tại nơi đây mà dứt trừ phiền não và nghiệp.”

Phật dạy: “Thiện nam tử! Nếu ai rõ biết hoàn toàn thông suốt về hai bên và khoảng giữa, người ấy sẽ dứt trừ được phiền não và nghiệp.”

Phạm chí [Nạp Y] thưa: “Bạch Thế Tôn! Con đã rõ biết, đạt được cách nhìn theo đúng Chánh pháp.”

Phật hỏi: “Ông rõ biết như thế nào?”

Phạm chí [Nạp Y] thưa: “Bạch Thế Tôn! Hai bên đó là sắc và giải thoát khỏi sắc; khoảng giữa tức là Tám Chánh đạo. Đối với thọ, tưởng, hành, thức cũng đều như vậy.”

Phật dạy: “Lành thay, lành thay! Thiện nam tử, ông đã rõ biết về hai bên, dứt trừ được phiền não và nghiệp.”

Phạm chí [Nạp Y] lại thưa: “Bạch Thế Tôn! Xin cho phép con xuất gia thọ giới.”

Đức Phật liền gọi: “Lành thay, hãy đến đây, tỳ-kheo!”

Lời Phật vừa dứt, Phạm chí Nạp Y liền ngay khi ấy dứt trừ hết bảy phiền não trong Ba cõi, chứng đắc quả A-la-hán.

Lúc ấy, lại có một bà-la-môn tên là Hoàng Quảng lên tiếng hỏi rằng: “Cồ-đàm! Ngài có biết được ý nghĩ của tôi hiện giờ hay chăng?”

Phật nói: “Thiện nam tử! Niết-bàn là thường, các pháp hữu vi là vô thường, sự cong vạy là tà kiến, chánh trực là Thánh đạo.”

Bà-la-môn Hoàng Quảng hỏi: “Cồ-đàm! Do nhân duyên gì ngài nói ra như vậy?”

Phật dạy: “Thiện nam tử! Ý ông thường cho rằng [việc người xuất gia] nhất thực là thường, nhận cúng dường riêng tại nhà gia chủ là vô thường; sự cong vạy là ổ khoá cửa vào nhà, chánh trực là ngọn cờ của vua trời Đế Thích. Cho nên ta [nương theo đó mà] nói: ‘Niết-bàn

là thường, các pháp hữu vi là vô thường, cong vạy là tà kiến, chánh trực là Tám chánh đạo. Như vậy chẳng phải đúng như chỗ suy nghĩ của ông trước đó hay sao?”

Bà-la-môn nói: “Quả thật Cồ-đàm biết được trong tâm tôi. Thưa Cồ-đàm! Tám Chánh đạo ấy có thể khiến cho chúng sanh được dứt trừ tất cả [phiền não và nghiệp] hay chăng?”

Lúc ấy, đức Thế Tôn lặng thinh không đáp.

Bà-la-môn [Hoàng Quảng] nói: “Cồ-đàm đã biết được trong tâm tôi, nay đối với câu hỏi của tôi vì sao lại lặng thinh không đáp?”

Bấy giờ, ngài Kiều-trần-như liền nói: “Đại bà-la-môn! Nếu có ai hỏi thế gian là giới hạn hay không giới hạn, thì đức Như Lai thường lặng thinh chẳng đáp. Tám Thánh đạo là con đường chánh trực, Niết-bàn là thường. Nếu ai tu tập Tám Thánh đạo liền được dứt trừ tất cả [phiền não và nghiệp]; nếu không tu tập Tám Thánh đạo, thì không thể được diệt trừ tất cả [phiền não và nghiệp].

“Đại bà-la-môn! Ví như có một thành lớn, tường thành bao quanh đều không có chỗ trống, chỉ có một cửa vào thành mà thôi. Người giữ cửa thành rất thông minh trí tuệ, biết phân biệt những ai nên cho qua thì cho qua, những ai nên ngăn lại thì ngăn lại. Tuy người ấy không thể biết được số người vào ra là nhiều hay ít, nhưng biết chắc rằng tất cả những ai muốn vào hay ra đều phải qua cửa ấy.

“Thiện nam tử! Đức Như Lai cũng thế. Thành lớn là ví với Niết-bàn, cửa thành ví với Tám Thánh đạo, người giữ cửa thành ví với Như Lai.

“Thiện nam tử! Nay tuy Như Lai không đáp với ông là dứt trừ hết hay không dứt trừ hết tất cả [phiền não và nghiệp], nhưng ai muốn được dứt trừ hết tất cả [phiền não và nghiệp] đều cần phải tu tập Tám Thánh đạo ấy.”

Bà-la-môn [Hoàng Quang] nói: “Lành thay, lành thay! Đại đức Kiều-trần-như! Như Lai khéo giảng Chánh pháp vi diệu. Nay tôi thật lòng muốn rõ biết thành lớn Niết-bàn ấy, muốn rõ biết Tám thánh đạo để tự mình làm người giữ cửa thành.”

Kiều-trần-như nói: “Lành thay, lành thay! Bà-la-môn, nay ông có thể phát tâm Vô thượng rộng lớn thay!”

Phật dạy: “Thôi đi, Kiều-trần-như, ông không nên nói ra lời ấy! Vì chẳng phải đến hôm nay vị bà-la-môn này mới phát tâm như vậy.

“Kiều-trần-như! Vào thuở quá khứ, cách nay vô lượng kiếp, có một đức Phật Thế Tôn hiệu là Phổ Quang Minh, Như Lai, Ứng cúng, Chánh biến tri, Minh hạnh túc, Thiện thế, Thế gian giải, Vô thượng sĩ Điều ngự trượng phu, Thiên nhân sư, Phật, Thế Tôn. Vị bà-la-môn này đã từng đối trước đức Phật ấy phát tâm A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề. Trong Hiền kiếp này, ông ấy sẽ thành Phật. Ông ấy từ lâu đã thông đạt, hiểu rành tướng trạng của các pháp, nhưng vì chúng sanh nên thị hiện vào trong chúng ngoại đạo, chỉ dạy cho họ những điều chưa biết.

“Kiều-trần-như! Vì nhân duyên ấy, ông không nên nói [với vị bà-la-môn này] rằng: ‘Nay ông có thể phát tâm lớn lao như vậy.’”

Lúc ấy, tuy đức Thế Tôn đã biết nhưng [phương tiện] hỏi Kiều-trần-như rằng: “Tỳ-kheo A-nan hiện đang ở đâu?”

Kiều-trần-như đáp: “Bạch Thế Tôn! Tỳ-kheo A-nan hiện ở ngoài rừng Sa-la, cách đại hội này mười hai do-tuần, nhưng đang bị sáu mươi bốn ngàn ức chúng ma nhiễu loạn. Chúng ma ấy thấy đều tự biến thân thành hình tượng Như Lai, một số nói rằng: ‘Tất cả các pháp đều do nhân duyên sanh ra’; một số khác lại nói: ‘Tất cả các pháp đều không do nhân duyên sanh ra’; lại một số khác nữa nói: ‘Tất cả nhân duyên đều là pháp thường, những pháp do duyên sanh đều là vô thường’; lại có một số khác nói: ‘Năm ấm là chân thật’; hoặc nói: ‘Năm ấm là hư dối’; lại nói về các nhập, các giới cũng [mâu thuẫn] như vậy; hoặc có một số nói Mười hai nhân duyên, một số khác nói: ‘Thật ra chỉ có bốn duyên’; lại có một số khác nói: ‘Các pháp dường như huyễn hóa, như những gợn sóng lung linh sanh ra dưới trời nắng nóng’; lại có một số khác nói: ‘Nhân sự nghe mà đạt được Chánh pháp’; lại có một số khác nói: ‘Nhân sự suy xét mà đạt được Chánh pháp’; lại có một số khác nói: ‘Nhân sự tu tập mà đạt được Chánh pháp’; lại có một số khác dạy pháp quán bất tịnh; lại có một số khác dạy thở ra thở vào; lại có một số khác dạy pháp quán Tứ niệm xứ; lại có một số khác dạy ba cách quán xét nghĩa lý, bảy cách phương tiện; lại có một số khác dạy về Noãn pháp, Đỉnh pháp, Nhẫn pháp, Thế gian đệ nhất pháp, các địa vị Hữu học, Vô học, Bồ Tát Sơ trụ cho đến Thập trụ; hoặc có một số khác dạy về Không, Vô tướng, Vô tác; lại có một số khác dạy [các kinh] Tu-đa-la, Kỳ-dạ, Tỳ-già-la-na, Già-dà, Ưu-dà-na, Ni-dà-na, A-ba-dà-na, Y-đế-mục-đa-già, Xà-dà-già, Tỳ-phật-lược, A-phù-dà-đạt-ma, Ưu-ba-đề-xá; hoặc có một số khác dạy về Tứ niệm xứ, Tứ chánh cần, Tứ như ý túc, Ngũ căn, Ngũ lực, Thất giác [chi], Bát Thánh đạo; hoặc lại dạy về Nội không, Ngoại

không, Nội ngoại không, Hữu vi không, Vô vi không, Vô thủy không, Tánh không, Viễn ly không, Tán không, Tự tướng không, Vô tướng không, Âm không, Nhập không, Giới không, Thiện không, Bất thiện không, Vô ký không, Bồ-đề không, Đạo không, Niết-bàn không, Hành không, Đắc không, Đệ nhất nghĩa không, Không không, Đại không.

“Hoặc có một số ma thị hiện thân thông biến hóa, từ thân mình tuôn ra nước, lửa; hoặc phía trên thân tuôn ra nước, phía dưới thân phóng ra lửa; phía dưới thân tuôn ra nước, phía trên thân phóng ra lửa; hoặc [nằm nghiêng,] hông trái ở dưới, hông mặt phun nước [lên trên]; hoặc hông mặt ở dưới, hông trái phun nước [lên trên]; hoặc một hông phóng ra sấm sét, một hông tuôn mưa; hoặc có một số khác thị hiện các cảnh giới của chư Phật; một số khác lại thị hiện Bồ Tát sơ sanh, đi tới bảy bước, rồi ở trong cung vua hưởng thụ năm dục lạc; cho đến bắt đầu xuất gia, trải tu khổ hạnh, đến cây bồ-đề ngồi nhập Tam-muội, phá hoại quân ma, chuyển bánh xe Chánh pháp, hiện đại thần thông, nhập cảnh giới Niết-bàn.

“Bạch Thế Tôn! Tỳ-kheo A-nan thấy những việc như vậy rồi, tự suy xét rằng: “Từ trước đến nay ta chưa từng thấy những thần thông biến hóa như vậy. Ai đã làm ra như thế? Lẽ nào không phải đức Thế Tôn Thích-ca làm ra đó sao?” [Tỳ-kheo A-nan] muốn đứng dậy, muốn mở miệng nói, nhưng không thể [làm được] theo ý muốn.

“Tỳ-kheo A-nan đã sa vào lưới ma, lại suy nghĩ rằng: ‘Chỗ thuyết dạy của chư Phật [này], mỗi vị đều khác nhau. Nay ta biết tin nhận vị nào?’

“Bạch Thế Tôn! Hiện nay A-nan chịu khổ não rất lớn. Tuy ông ấy nhớ tưởng đến Như Lai nhưng không ai có

thể cứu được. Vì nhân duyên ấy nên A-nan không đến nơi đại chúng này.”⁽¹⁵⁾

Lúc ấy, Đại Bồ Tát Văn-thù-sư-lợi bạch Phật: “Thế Tôn! Trong đại chúng này có đủ chư Bồ Tát, từ những vị đã phát tâm A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề một đời, cho đến những vị đã từng phát tâm Bồ-đề trong vô lượng đời; thấy đều đã từng thường xuyên cúng dường vô lượng chư Phật, lòng dạ kiên cố, tu hành đầy đủ từ Bồ thí Ba-la-mật cho đến Bát-nhã Ba-la-mật; thành tựu công đức, từ lâu đã được gần gũi vô lượng chư Phật, tu hành Phạm hạnh thanh tịnh, đạt được tâm Bồ-đề không thối chuyển, được pháp nhẫn không thối chuyển, pháp nắm giữ không thối chuyển, pháp nhẫn đứng như Chánh pháp, vô số tam-muội như tam-muội Thủ Lăng Nghiêm... Những bậc [Bồ Tát] như vậy, nếu được nghe kinh Đại thừa thì không hề sanh lòng nghi ngờ, khéo biết phân biệt, tuyên thuyết ý nghĩa Tam bảo cùng một tánh tướng, thường trụ không biến đổi; [các vị này] khi nghe những việc không thể nghĩ bàn không sanh lòng kinh quái; khi nghe mọi lẽ [chân thật] không sanh lòng sợ sệt; thông đạt rõ biết hết thảy tánh pháp; các vị có thể thọ trì hết thảy Mười hai bộ kinh, giảng rộng nghĩa lý; cũng có thể thọ trì Mười hai bộ kinh của vô lượng chư Phật.

“[Bạch Thế Tôn! Trong pháp hội này có đủ các vị Bồ Tát như vậy,] lo gì không có người thọ trì kinh điển Đại Niết-bàn này? Vậy do nhân duyên gì [Thế Tôn lại] hỏi Kiều-trần-như [về việc] A-nan hiện đang ở đâu?”

Lúc ấy, đức Thế Tôn bảo Văn-thù-sư-lợi rằng: “Thiện nam tử! Hãy lắng nghe cho kỹ! [Lúc trước,] sau khi ta thành Phật được hơn ba mươi năm, trụ tại thành Vương

Xá. Bấy giờ ta có hỏi các vị tỳ-kheo rằng: ‘Chư tỳ-kheo! Hiện nay, trong đại chúng này ai có thể vì ta thọ trì Mười hai bộ kinh của Như Lai, làm kẻ cận kề cung cấp mọi sự cần dùng cho ta mà không để mất phần lợi ích của tự thân?’⁽¹⁶⁾

“Bấy giờ, Kiều-trần-như ở trong đại chúng, thưa rằng: ‘Bạch Thế Tôn! Con có thể thọ trì Mười hai bộ kinh, làm kẻ cận kề phụng sự Thế Tôn mà không để mất phần lợi ích của tự thân.’ Ta nói: ‘Kiều-trần-như! Ông đã già yếu, cũng cần có người để sai khiến, sao lại muốn làm kẻ phụng sự cho ta?’

“Khi ấy, Xá-lợi-phất lại thưa rằng: ‘Bạch Thế Tôn! Con có thể thọ trì tất cả lời Phật dạy, cung cấp mọi sự cần dùng cho Thế Tôn mà không để mất phần lợi ích của tự thân.’

“Ta nói: ‘Xá-lợi-phất! Ông đã già yếu, cũng cần có người để sai khiến, sao lại muốn làm kẻ phụng sự cho ta?’ Cho đến năm trăm vị A-la-hán [lần lượt thưa thỉnh] cũng đều như vậy, ta không chấp nhận một người nào.

“Bấy giờ, Mục-kiền-liên ở trong đại chúng có suy nghĩ rằng: ‘Như Lai hôm nay trong số năm trăm tỳ-kheo [A-la-hán] không nhận người nào làm thị giả, [không biết] ý Phật muốn ai làm công việc này?’

“Suy nghĩ như vậy rồi, Mục-kiền-liên liền nhập định, thấy được tâm Như Lai hướng về A-nan, [chấp nhận A-nan làm thị giả, rõ ràng] như mặt trời vừa mọc lên chiếu ánh sáng về bức tường phía tây. Thấy rõ như vậy rồi, Mục-kiền-liên liền xuất định, nói với Kiều-trần-như: ‘Đại đức! Tôi [nhập định] quán xét thấy Như Lai muốn A-nan làm thị giả cho ngài.’

“Bấy giờ, Kiều-trần-như và năm trăm vị A-la-hán cùng đi đến chỗ A-nan, nói rằng: ‘A-nan! Nay ông nên làm thị giả cho Như Lai, mong ông chấp nhận việc ấy.’

“A-nan nói: ‘Các vị đại đức! Tôi thật không làm nổi việc phụng sự Như Lai. Vì sao vậy? Như Lai là đáng tôn trọng như chúa sư tử, như rồng, như lửa; nay tôi nhỏ nhóp, yếu đuối, sao có thể lo liệu nổi việc ấy?’

“Chư tỳ-kheo liền bảo: ‘A-nan! Như ông nhận lời chúng tôi phụng sự Như Lai, ông sẽ được lợi ích lớn.’

“Thỉnh cầu như vậy đến lần thứ nhì, lần thứ ba, A-nan liền nói: ‘Các vị đại đức! Tôi cũng không dám cầu được sự lợi ích lớn, vì thật tôi không đủ sức cận kề phụng sự Như Lai.’

“Bấy giờ, Mục-kiền-liên liền nói: ‘A-nan! Ông còn có điều chưa biết.’

“A-nan nói: ‘Đại đức! Xin ông nói ra.’

“Mục-kiền-liên nói: ‘Hôm qua, Như Lai muốn chọn người làm thị giả trong chúng tăng. Năm trăm vị A-la-hán đều [lần lượt] xin làm việc ấy, nhưng Như Lai không chấp thuận ai. Tôi liền nhập định, quán xét biết ý Như Lai muốn ông làm việc ấy. Sao ông lại [trái ý] không nhận?’

“A-nan nghe vậy rồi liền chấp tay, quỳ xuống nói rằng: ‘Các vị đại đức! Nếu có việc ấy, xin Như Lai Thế Tôn chấp thuận ba lời thỉnh nguyện của tôi, tôi sẽ vâng theo ý chúng tăng mà làm người cận kề phụng sự Như Lai.’

“Mục-kiền-liên hỏi: ‘Ba lời thỉnh nguyện như thế nào?’

“A-nan thưa: ‘Một là, nếu Như Lai dùng áo cũ của ngài mà ban cho tôi, xin cho phép tôi không nhận; hai

là, nếu Như Lai nhận lời thọ thỉnh cúng dường riêng tại nhà đàn-việt,⁽¹⁷⁾ xin cho phép tôi không đi cùng; ba là, xin cho tôi được vào ra [chỗ của Như Lai] bất kỳ lúc nào. Nếu Phật chấp thuận ba lời thỉnh nguyện ấy, tôi sẽ vâng lời chúng tăng mà làm người cận kề phụng sự Như Lai.’

“Bấy giờ, Kiều-trần-như và năm trăm vị tỳ-kheo trở lại trước Phật bạch rằng: ‘Chúng con đã khuyên tỳ-kheo A-nan [nhận làm thị giả], ông ấy có thỉnh cầu ba điều, nếu được Phật chấp thuận thì sẽ vâng theo ý chúng tăng mà làm người cận kề phụng sự Như Lai.’

“Này Văn-thù-sư-lợi! Lúc bấy giờ ta đã khen ngợi A-nan rằng: ‘Lành thay, lành thay! Tỳ-kheo A-nan có đủ trí tuệ, nhìn thấy trước [để tránh được] sự ghen ghét. Vì sao vậy? Vì sẽ có kẻ cho rằng ông ấy vì cơm ăn, áo mặc mà phụng sự Như Lai, nên xin trước việc không nhận áo cũ của Như Lai, không theo hầu Như Lai những khi thọ thỉnh cúng dường riêng tại nhà đàn-việt.

“Kiều-trần-như! Tỳ-kheo A-nan có đủ trí tuệ [nên biết rằng] nếu vào ra có giờ giấc ắt không thể rộng làm lợi ích cho Bốn bộ chúng, nên mới xin được vào ra [chỗ của Như Lai] bất kỳ lúc nào.

“Kiều-trần-như! Ta vì A-nan mà cho phép ba việc theo đúng ý nguyện của ông ấy.’

“Bấy giờ, Mục-kiền-liên trở lại bảo A-nan rằng: ‘Tôi đã vì ông thưa thỉnh ba việc. Đức Như Lai Đại từ đã chấp thuận cả rồi.’

“A-nan nói: ‘Đại đức! Nếu Phật đã chấp thuận, tôi xin đến làm người cận kề phụng sự.’

“Này Văn-thù-sư-lợi! A-nan theo phụng sự ta trên hai mươi năm, thường có đủ tám điều không thể nghĩ bàn. Những gì là tám điều?

“Một là, từ khi bắt đầu phụng sự ta cho đến nay đã trên hai mươi năm, ông ấy không hề đi cùng ta mỗi khi ta thọ thỉnh cúng dường riêng tại nhà đàn-việt.

“Hai là, từ khi bắt đầu theo phụng sự ta đến nay, ông ấy chẳng hề thọ nhận y phục cũ của ta.

“Ba là, từ khi bắt đầu theo phụng sự ta đến nay, ông ấy chưa bao giờ đến gặp ta không phải lúc.

“Bốn là, từ khi bắt đầu theo phụng sự ta đến nay, mặc dù ông ấy vẫn còn chưa dứt sạch phiền não, nhưng khi theo ta vào ra nơi cung vua hay các nhà sang trọng quý tộc, nhìn thấy các mỹ nhân cùng thiên nữ, long nữ... ông ấy cũng không hề khởi sanh tham dục.

“Năm là, từ khi bắt đầu theo phụng sự ta đến nay, ông ấy thọ trì Mười hai bộ kinh do ta thuyết giảng, mỗi khi được nghe thì không [bao giờ quên sót phải] hỏi lại, ví như người ta rót nước từ bình này sang bình khác [không chút hao hụt]. Trừ ra chỉ có một lần duy nhất ông ấy hỏi lại ta mà thôi. Thiện nam tử! Khi thái tử Lưu Ly tàn sát những người thuộc dòng họ Thích-ca, phá hoại thành Ca-tỳ-la, A-nan ôm lòng sầu não, cất tiếng khóc to, đi đến chỗ ta hỏi rằng: ‘Như Lai và con đều sanh ở thành ấy, đều là dòng họ Thích-ca, tại sao [gặp việc thảm thiết này mà] nhan sắc Như Lai vẫn chói sáng như thường, còn con thì [dung nhan] tiêu tụy?’ Khi ấy ta đáp rằng: ‘A-nan! Ta có tu Không định nên không giống như ông.’ Qua ba năm sau, A-nan có hỏi lại ta: ‘Bạch Thế Tôn! Khi con đến thành Ca-tỳ-la từng được

nghe rằng Như Lai có tu Không định, việc ấy có thật hay chẳng?’ Ta đáp: ‘A-nan! Đúng vậy, đúng vậy! Quả như lời ông nói.’

“Sáu là, từ khi bắt đầu theo phụng sự ta đến nay, tuy chưa đạt được Tha tâm trí [để thấu hiểu tâm người khác], nhưng ông ấy thường biết được các chỗ nhập định của Như Lai.

“Bảy là, từ khi bắt đầu theo phụng sự ta đến nay, tuy ông ấy chưa đạt được Nguyên trí⁽¹⁸⁾ nhưng có thể rõ biết về những chúng sanh tìm đến với Như Lai, như có người trong đời hiện tại đạt được bốn quả sa-môn, có người qua đời sau mới đạt được, lại có người [đời sau] sẽ được thân người, có người sẽ được thân chư thiên.

“Tám là, từ khi bắt đầu theo phụng sự ta đến nay, tất cả những lời dạy sâu kín của Như Lai ông ấy đều có thể hiểu rõ.

“Thiện nam tử! Vì tỳ-kheo A-nan có đủ tám điều không thể nghĩ bàn như thế, nên ta gọi ông ấy là Kho chứa Kinh điển.⁽¹⁹⁾

“Thiện nam tử! Tỳ-kheo A-nan có đủ tám pháp để có thể thọ trì một cách trọn vẹn Mười hai bộ kinh. Những gì là tám? Một là cội gốc lòng tin kiên cố; hai là lòng dạ chân chất ngay thẳng; ba là thân không có bệnh khổ; bốn là thường chuyên cần tinh tấn; năm là có đầy đủ trí nhớ; sáu là lòng không kiêu mạn; bảy là thành tựu tâm an định; tám là có đủ trí tuệ sanh ra từ sự nghe nhận [Chánh pháp].

“Này Văn-thù-sư-lợi! Vào đời Phật Tỳ-bà-thi, đệ tử thị giả là A-thúc-ca cũng có đủ tám pháp ấy; đến đời đức Như Lai Thi-khí, đệ tử thị giả là Sai-ma-ca-la; qua

đời Phật Tỳ-xá-phù, đệ tử thị giả là Ưu-ba-phiến-đà; đời Phật Ca-la-cưu-thôn-đại, đệ tử thị giả là Bạt-đê; đời Phật Ca-na Mâu-ni, đệ tử thị giả là Tô-trì; đời Phật Ca-diếp, đệ tử thị giả là Diếp-bà-mật-đa; tất cả đều là những vị thị giả có đủ tám pháp ấy. Nay thị giả của ta là A-nan cũng có đủ tám pháp ấy. Cho nên ta gọi tỳ-kheo A-nan là Kho chứa Kinh điển.

“Thiện nam tử! Như lời ông nói, trong đại chúng này có vô lượng vô biên Bồ Tát, nhưng các vị Bồ Tát này đều gánh vác trách nhiệm nặng nề là [tu tập] đại từ đại bi. Do nhân duyên từ bi ấy, ai nấy đều gấp rút lo việc [giáo hóa] điều phục những thân quyến chung quanh họ và tự [tu chỉnh] trang nghiêm bản thân. Vì lẽ ấy, sau khi ta nhập Niết-bàn, những vị Bồ Tát này đều không thể tuyên thuyết thông suốt Mười hai bộ kinh, hoặc nếu Bồ Tát nào có lúc tuyên thuyết thì lại không được người ta tin nhận.

“Văn-thù-sư-lợi! Tỳ-kheo A-nan vốn là em trai ta, đã theo phụng sự ta hơn hai mươi năm, những giáo pháp đã được nghe, ông ấy đều thọ nhận giữ gìn trọn vẹn, như người ta rót nước vào bình chứa. Vì thế, nay ta nhớ lại mà hỏi A-nan hiện thời ở đâu là [có ý] muốn cho ông ấy thọ trì kinh [Đại Bát] Niết-bàn này.

“Thiện nam tử! Sau khi ta nhập Niết-bàn, nếu có những điều gì mà tỳ-kheo A-nan chưa được nghe thì Bồ Tát Hoàng Quảng có thể rộng truyền, còn những điều mà A-nan đã nghe thì tự ông ấy có thể tuyên thuyết thông suốt.

“Này Văn-thù-sư-lợi! Tỳ-kheo A-nan hiện ở nơi khác, cách đại hội này mười hai do-tuần, bị nhiễu loạn bởi sáu

mười bốn ngàn ức chúng ma. Ông nên đến đó, dùng âm thanh lớn tiếng phát ra lời này:

“Hỡi tất cả chúng ma! Hãy lắng nghe cho kỹ, hãy nghe cho kỹ! Nay đức Như Lai [sắp] tuyên thuyết Đại Đà-la-ni, tất cả hàng chư thiên, rồng, càn-thát-bà, a-tu-la, ca-lâu-la, khẩn-na-la, ma-hầu-la-già, người và loài chẳng phải người, thần núi, thần cây, thần sông, thần biển, thần nhà cửa... nghe đến danh hiệu của Đà-la-ni này thấy đều cung kính thọ trì. Chư Phật Thế Tôn nhiều như số cát mười con sông Hằng đã cùng tuyên thuyết Đà-la-ni này, [khiến người thọ trì] có thể chuyển đổi thân nữ [thành thân nam], tự rõ biết những việc đời trước. Nếu có người thực hành đủ năm việc: Một là giữ gìn Phạm hạnh,⁽²⁰⁾ hai là không ăn thịt cá, ba là không uống rượu, bốn là không ăn các món cay nồng, năm là thường thích ở nơi vắng lặng yên tĩnh; rồi hết lòng tin nhận, đọc tụng, sao chép Đà-la-ni này, nên biết rằng người ấy sẽ vượt qua khỏi bảy mươi bảy ức kiếp mang thân kém cõi, xấu ác.”

[Ngay khi ấy,] đức Thế Tôn tuyên thuyết Đà-la-ni [gồm 16 phần] như sau:⁽²¹⁾

“A-ma-lê. Tỳ-ma-lê. Niết-ma-lê. Mông-già-lê. Hê-ma-la-nhã-kiệt-bê. Tam-mạn-na-bạt-đê-lê. Ta-bà-la-đà-ta-đàn-ni. Ba-la-ma-tha-ta-đàn-ni. Ma-na-tư. A-chuyết-đê. Tỳ-la-chi. Am-ma-lại-trì. Bà-lam-ma. Sa-lê-phú-la-nê. Phú-la-na. Ma-nô-lại-đê.”

Lúc ấy, ngài Văn-thù-sư-lợi thọ nhận Đà-la-ni do Phật tuyên thuyết rồi liền đến chỗ A-nan, ở giữa chúng ma lên tiếng nói rằng: “Này các quyến thuộc ma! Hãy nghe ta nói chú Đà-la-ni đã thọ nhận từ đức Phật.”

Ma vương nghe được Đà-la-ni ấy rồi, thấy đều phát tâm A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề, lìa bỏ nghiệp ma, lập tức buông tha A-nan.

Văn-thù-sư-lợi và A-nan cùng trở lại chỗ Phật. A-nan gặp Phật liền chí tâm lễ kính rồi lui xuống đứng sang một bên.

Phật bảo A-nan: “Phía ngoài rừng sa-la này có một Phạm chí tên Tu-bạt-đà,⁽²²⁾ đã già đến một trăm hai mươi tuổi. Tuy ông ấy đã đạt được năm thần thông [của ngoại đạo], nhưng chưa trừ bỏ được tánh kiêu mạn. Ông ấy đạt được phép định Phi tướng phi phi tướng, ngỡ rằng đã đạt được Nhất thiết trí, chúng đắc Niết-bàn. Nay ông nên đến đó, nói với Tu-bạt-đà rằng: ‘Đức Như Lai ra đời [rất hiếm gặp] như hoa ưu-đàm. Hôm nay, vào lúc nửa đêm ngài sẽ buông bỏ tất cả mà nhập Niết-bàn. Nếu ông có việc phải làm hãy làm cho kịp lúc, đừng để ngày sau phải sanh lòng hối hận.’”

“Này A-nan! Lời ông nói ra chắc chắn ông ấy sẽ tin nhận. Vì sao vậy? Vì thuở trước trong suốt năm trăm đời ông đã từng làm con trai của Tu-bạt-đà. Lòng thương yêu của ông ấy [đối với ông tích tập lâu ngày] đến nay vẫn chưa dứt hết, vì nhân duyên ấy nên sẽ tin nhận lời ông.”

Lúc ấy, A-nan vâng lời Phật dạy đến chỗ Tu-bạt-đà, bảo rằng: “Thưa ông! Ông nên biết rằng đức Như Lai ra đời [hiếm gặp] như hoa ưu-đàm. Hôm nay, vào lúc nửa đêm ngài sẽ ngài sẽ buông bỏ tất cả mà nhập Niết-bàn. Nếu ông có việc phải làm hãy làm cho kịp lúc, đừng để ngày sau phải sanh lòng hối hận.”

Tu-bạt-đà nói: “Lành thay, A-nan! Hôm nay tôi sẽ đến chỗ Như Lai.”

Lúc ấy, A-nan đưa Tu-bạt-đà trở về chỗ Phật. Đến nơi, Tu-bạt-đà kính lạy và thưa an đức Phật và thưa rằng: “Cồ-đàm! Nay tôi muốn thưa hỏi, xin ngài theo ý [câu hỏi của] tôi mà đáp.”

Phật dạy: “Tu-bạt-đà! Nay thật đúng lúc thích hợp. Tùy chỗ ông hỏi, ta sẽ dùng phương tiện mà đáp theo ý ông.”

Tu-bạt-đà liền nói: “Cồ-đàm! Có những sa-môn, bà-la-môn nói rằng: ‘Tất cả chúng sanh thọ quả báo khổ hay vui, thủy đều do nhân duyên là gốc nghiệp ngày trước. Cho nên, nếu có người giữ giới tinh tấn, chịu khổ thân tâm, có thể phá trừ gốc nghiệp. Gốc nghiệp đã dứt, các khổ sẽ dứt hết. Các khổ đã dứt hết, ắt sẽ đạt được Niết-bàn. Nghĩa ấy là thế nào?’”

Phật dạy: “Thiện nam tử! Nếu có sa-môn hay bà-la-môn nói thuyết như thế, ta sẽ lấy làm thương xót, thường đến chỗ người ấy và hỏi rằng: ‘Này ông! Có thật ông nói ra thuyết như thế hay chăng?’”

“Nếu như người ấy lại đáp rằng: ‘Tôi có nói thuyết như thế. Vì sao vậy? Cồ-đàm! Tôi nhìn thấy có những chúng sanh quen làm việc ác mà có nhiều của cải và vật quý, được sống tự do; tôi lại thấy có những người tu thiện nhưng nghèo túng thiếu thốn, không được tự do. Tôi lại thấy có những kẻ ra sức nhọc nhằn nhưng không đạt được chỗ mong cầu, lại thấy có những người chẳng có lòng mong cầu mà tự nhiên đạt được. Tôi lại thấy có những kẻ có lòng từ không giết hại nhưng phải bị chết yểu, lại thấy những kẻ ưa thích việc giết hại nhưng được thọ mạng lâu dài. Tôi lại thấy có những người tu Phạm hạnh thanh tịnh, tinh cần giữ giới, nhưng trong số đó có người được giải thoát, có kẻ lại không được. Cho nên

tôi nói rằng: ‘Tất cả chúng sanh thọ quả báo khổ hay vui thủy đều do nhân duyên là gốc nghiệp từ ngày trước.’”

“Này Tu-bạt-đà! Ta lại sẽ hỏi người ấy rằng: ‘Này ông! Quả thật ông có thấy được nghiệp quá khứ hay chăng? Nếu có, nghiệp ấy là nhiều hay ít? Khổ hạnh đời hiện tại có thể phá trừ nghiệp ấy nhiều hay ít? Ông có thể biết được nghiệp ấy đã dứt hay chưa dứt chăng? Như nghiệp ấy dứt rồi, có dứt hết tất cả chăng?’”

“Nếu người ấy đáp rằng: ‘Tôi thật không biết.’ Khi ấy, ta sẽ vì người ấy nói thí dụ rằng: ‘Ví như có người thân trúng tên độc, những người thân trong nhà liền rước thầy thuốc đến nhổ mũi tên. Khi mũi tên đã nhổ ra rồi, thân người được an ổn. Mười năm sau, người ấy vẫn còn nhớ rõ: Ông thầy này đã nhổ mũi tên độc cho tôi, dùng thuốc bôi lên giúp tôi khỏi bệnh, yên vui. Các ông nay đã không thể rõ biết gốc nghiệp quá khứ [như người trúng tên độc này], làm sao có thể biết rằng khổ hạnh hiện tại nhất định có thể phá trừ được nghiệp quá khứ?’”

“Nếu người ấy lại nói: ‘Cồ-đàm! Nay ông cũng có gốc nghiệp quá khứ, vì sao lại chỉ trích riêng nghiệp quá khứ của chúng tôi? Cồ-đàm! Trong kinh [của ông thuyết] cũng có nói: Nếu thấy người giàu sang như ý, nên biết rằng đời trước từng ưa làm việc bố thí. Như vậy chẳng gọi là nghiệp quá khứ đó sao?’”

“Ta lại đáp rằng: ‘Này ông! Sự hiểu biết như vậy là nhờ so sánh mà biết chứ chưa phải sự rõ biết chân xác. Trong pháp Phật, có khi dựa theo nhân mà biết quả, có khi dựa theo quả mà biết nhân.’”

“Trong pháp Phật có nghiệp quá khứ, có nghiệp hiện tại; còn trong giáo pháp của các ông thì khác, chỉ có nghiệp quá khứ, không có nghiệp hiện tại.”

“Giáo pháp của các ông không do nơi phương tiện mà dứt trừ nghiệp; pháp Phật thì khác, do nơi phương tiện mà dứt trừ nghiệp.

“Các ông cho rằng khi nghiệp dứt hết thì khổ cũng dứt. Pháp Phật không nói như vậy, mà dạy rằng phiền não dứt rồi, nghiệp và khổ đều phải dứt. Vì thế nay ta mới chỉ trích [thuyết sai lầm về] nghiệp quá khứ của các ông.’

“Nếu người ấy nói: ‘Cồ-đàm! Tôi thật không biết. Tôi đã theo thầy mà thọ nhận như vậy. Chẳng qua thầy tôi nói thuyết ấy, chứ thật không phải lỗi nơi tôi.’

“Ta sẽ hỏi: ‘Này ông! Thầy của ông là ai?’

“Nếu người ấy đáp là Phú-lan-na,⁽²³⁾ ta lại hỏi rằng: ‘Vì sao ngày trước ông không hỏi rõ từng việc: Đại sư có thật rõ biết nghiệp quá khứ chăng? Nếu thầy ông nói: Ta không biết; thì tại sao ông lại thọ nhận lời của ông ấy? Nếu nói: Ta biết; lẽ ra ông nên hỏi thêm rằng: Do nhân duyên khổ mức thấp có phải chịu khổ mức vừa, mức cao hay chăng? Do nhân duyên khổ mức vừa có phải chịu khổ mức thấp, mức cao chăng? Do nhân duyên khổ mức cao có phải chịu khổ mức vừa, mức thấp hay chăng? Nếu đáp rằng: Không phải chịu; ông lại nên hỏi rằng: Vì sao thầy nói thọ quả báo khổ hay vui chỉ do nghiệp quá khứ, chẳng do nghiệp hiện tại? Lại nên hỏi rằng: Cái khổ hiện tại [này] có trong quá khứ hay chăng? Nếu là có trong quá khứ, thì nghiệp quá khứ đã dứt cả rồi; nếu nghiệp ấy đã dứt cả rồi, vì sao ngày nay còn thọ thân [này]? Còn nếu quá khứ không có khổ, chỉ có ở hiện tại mà thôi, vì sao lại nói rằng: Khổ hay vui của chúng sanh, thấy đều do nghiệp quá khứ?’

“Này ông! Nếu ông biết rằng sự khổ hạnh trong hiện tại có thể phá trừ nghiệp quá khứ, vậy biết lấy gì để phá trừ khổ hạnh hiện tại? Nếu khổ hạnh ấy không bị phá trừ, thì khổ tức là thường? Nếu khổ là thường, tại sao ông nói rằng được giải thoát khổ? Nếu lại có hành vi phá trừ khổ hạnh [thì khổ là vô thường], vậy quá khứ đã dứt, làm sao có khổ?

“Này ông! Khổ hạnh ấy có thể khiến nghiệp vui sẽ chịu quả khổ hay chăng? Lại có thể khiến nghiệp khổ sẽ chịu quả vui hay chăng? Có thể khiến nghiệp không khổ không vui chẳng phải thọ quả hay chăng? Có thể khiến quả báo hiện tại thành quả báo đời kế tiếp hay chăng? Có thể khiến quả báo đời kế tiếp thành quả báo đời hiện tại hay chăng? Có thể khiến hai loại quả báo đó thành không có quả báo hay chăng? Có thể khiến quả báo nhất định phải chịu trở thành không có quả báo hay chăng? Có thể khiến [trường hợp] không có quả báo thành quả báo nhất định phải chịu hay chăng?

“Nếu người ấy lại nói: ‘Cồ-đàm! Không thể.’ Ta sẽ hỏi tiếp rằng: ‘Nhân giả! Nếu là không thể, vậy do nhân duyên gì ông nhận chịu sự khổ hạnh ấy?’

“Này ông! Nên biết rằng nhất định có nghiệp quá khứ, có nhân duyên hiện tại. Cho nên ta nói: ‘Nhân phiền não sanh nghiệp, nhân nghiệp phải chịu quả báo.’

“Này ông! Nên biết rằng tất cả chúng sanh đều có nghiệp quá khứ, có nhân hiện tại. Tuy chúng sanh có thọ mạng do nghiệp quá khứ, nhưng phải nhờ nhân duyên ăn uống trong hiện tại [mới duy trì được thọ mạng đó].

“Này ông! Nếu ông nói: Chúng sanh chịu khổ hay vui nhất định là do nhân duyên gốc nghiệp trong quá khứ, việc đó không đúng.

“Vì sao vậy? Nay ông! Ví như có một người, diệt trừ được kẻ oán thù cho nhà vua. Do nhân duyên ấy nhận được nhiều của cải, vật quý, được thọ hưởng khoái lạc trong hiện tại. Như người ấy là ngay trong đời hiện tại tạo nhân của sự vui, được hưởng quả báo vui. Ví như có người giết chết vị hoàng tử mà vua thương yêu. Do nhân duyên ấy phải chịu tội tử hình. Như người ấy là ngay trong đời hiện tại tạo nhân của sự khổ, phải chịu quả báo khổ.

“Nay ông! Tất cả chúng sanh, hiện tại nhân nơi bốn đại, điều kiện môi trường, đất đai, nhân dân... mà nhận chịu những sự khổ, sự vui. Cho nên ta nói: ‘Tất cả chúng sanh không phải chỉ nhân ở gốc nghiệp đời quá khứ mà chịu khổ hay được vui.

“Nay ông! Nếu nhờ ở sức nhân duyên dứt trừ nghiệp [quá khứ] mà được giải thoát, thì tất cả thánh nhân đều không được giải thoát. Vì sao vậy? Vì gốc nghiệp quá khứ của tất cả chúng sanh là không có khởi đầu, không có kết thúc. Cho nên ta nói: Trong khi tu tập Thánh đạo, nhờ đó có thể che ngăn nghiệp vô thủy vô chung.

“Nay ông! Nếu chịu khổ hạnh mà đạt được đạo, thì tất cả súc sanh lẽ ra cũng đạt được đạo, [vì chúng đều chịu khổ]! Cho nên, trước hết phải điều phục tâm chứ không phải điều phục thân. Vì nhân duyên ấy, ta có nói trong kinh rằng: ‘Hãy đốn phá rừng, đừng chỉ đốn cây. Vì sao vậy? Do có rừng mới sanh ra lo sợ, chẳng phải do cây.’ Muốn điều phục thân, trước phải điều phục tâm. Tâm ví với rừng, thân ví với cây.”

Tu-bạt-đà nói: “Bạch Thế Tôn! Tôi đã có điều phục tâm trước rồi.”

Phật hỏi: “Thiện nam tử! Ông làm thế nào có thể điều phục tâm trước?”

Tu-bạt-đà đáp: “Bạch Thế Tôn! Trước hết tôi suy xét: Dục là vô thường, vô lạc, vô tịnh. Kế tôi quán sắc tức là thường, lạc, ngã, tịnh. Tôi quán như vậy rồi, những phiền não trói buộc trong Dục giới bị dứt sạch, [thần thức] tôi đạt đến Sắc giới. Cho nên tôi nói là đã điều phục tâm trước rồi.

“Kế đó, tôi lại quán xét về sắc, [thấy rằng] sắc là vô thường, như ung nhọt, ghẻ lở, như chất độc, như mũi tên [gây hại]. Tôi thấy vô sắc là thường còn, thanh tịnh, vắng lặng an tĩnh. Tôi quán xét như vậy rồi, những phiền não trói buộc trong Sắc giới liền dứt sạch, [thần thức] tôi đạt đến Vô sắc giới. Cho nên tôi nói là đã điều phục tâm trước rồi.

“Tiếp theo, tôi quán xét về tưởng, [thấy rằng] tưởng là vô thường, như ung nhọt, ghẻ lở, như chất độc, mũi tên [gây hại]. Quán xét như vậy rồi, [thần thức] tôi đạt đến cảnh giới Phi tưởng phi phi tưởng. Cảnh giới Phi tưởng phi phi tưởng ấy là Nhất thiết trí, vắng lặng an tĩnh, thanh tịnh, không có sự sa đọa [xuống cảnh giới thấp hơn], thường còn không biến đổi. Cho nên tôi đã có thể điều phục tâm mình rồi.”

Phật hỏi: “Thiện nam tử! Ông [như vậy mà] có thể điều phục tâm sao? Chỗ đạt được của ông hiện nay là mức định Phi tưởng phi phi tưởng, vẫn còn gọi là tưởng. Niết-bàn là vô tưởng, làm sao ông nói rằng đã đạt được Niết-bàn?”

“Thiện nam tử! Trước ông đã chê trách cái tưởng thô kệch, nay sao lại vương mắc ưa thích cái tưởng tinh

tế? Vì không biết chê trách cảnh giới Phi tướng phi phi tướng nên vẫn gọi là tướng, [vẫn là] như ung nhọt, ghẻ lở, như chất độc, như mũi tên [gây hại].

“Thiện nam tử! Thầy của ông là Uất-đâu-lam-phát, ⁽²⁴⁾ lợi căn thông minh, còn không thể dứt trừ cảnh giới Phi tướng phi phi tướng ấy, [rốt cùng còn] phải thọ thân xấu ác, hướng chi là những người khác?”

Tu-bạt-đà thưa hỏi: “Bạch Thế Tôn! Vậy phải làm thế nào để dứt trừ được tất cả các cảnh giới hiện hữu?”

Phật dạy: “Thiện nam tử! Nếu ai quán xét được tướng chân thật, người ấy có thể dứt trừ được tất cả các cảnh giới hiện hữu.”

Tu-bạt-đà thưa rằng: “Bạch Thế Tôn! Thế nào gọi là tướng chân thật?”

Phật dạy: “Thiện nam tử! Tướng của vô tướng gọi là tướng chân thật.”

Lại hỏi: “Bạch Thế Tôn! Thế nào gọi là tướng của vô tướng?”

Phật dạy: “Thiện nam tử! Tất cả các pháp [vốn] không có tướng của riêng mình, không có tướng từ bên ngoài, cũng không có tướng của riêng mình và bên ngoài; không có tướng không do nhân [mà có], không có tướng tạo tác, không có tướng thọ nhận; không có tướng chủ thể tạo tác, không có tướng chủ thể thọ nhận; không có tướng pháp và chẳng phải pháp; không có tướng nam nữ; không có tướng thân thức; không có tướng vi trần, không có tướng thời tiết; không là tướng của riêng mình, không là tướng của pháp khác, [cũng] không là tướng của riêng mình và pháp khác; không có tướng hiện hữu,

không có tướng không [hiện hữu]; không có tướng sanh ra, không có tướng chủ thể sanh ra; không có tướng nguyên nhân, không có tướng nhân của nguyên nhân; không có tướng kết quả, không có tướng quả của kết quả; không có tướng ngày đêm, không có tướng sáng tối; không có tướng nhìn thấy, không có tướng chủ thể nhìn thấy; không có tướng nghe, không có tướng chủ thể nghe; không có tướng nhận biết, không có tướng chủ thể nhận biết; không có tướng Bồ-đề, không có tướng chủ thể chứng đắc Bồ-đề; không có tướng nghiệp, không có tướng chủ thể của nghiệp; không có tướng phiền não, không có tướng chủ thể của phiền não.

“Thiện nam tử! Tùy theo chỗ diệt mất [tất cả] các tướng như vậy mà gọi là tướng chân thật.

“Thiện nam tử! Tất cả các pháp đều là hư dối; tùy chỗ diệt mất của chúng mà gọi đó là thật, gọi là tướng chân thật, gọi là cảnh giới của pháp, gọi là trí tuệ rốt ráo, gọi là nghĩa lý chân thật đệ nhất, gọi là nghĩa không đệ nhất.

“Thiện nam tử! [Đối với] tướng chân thật, cảnh giới của pháp, trí tuệ rốt ráo, nghĩa lý chân thật đệ nhất, nghĩa không đệ nhất này, nếu biết quán xét thì những ai có trí tuệ bậc thấp sẽ đạt được quả Bồ-đề của hàng Thanh văn, những ai có trí tuệ bậc vừa sẽ đạt được quả Bồ-đề của hàng Duyên giác, những ai có trí tuệ bậc cao sẽ đạt được quả Vô thượng Bồ-đề.”

[Sau khi nghe] Phật thuyết pháp như vậy, có mười ngàn vị Bồ Tát đạt được tướng chân thật ngay trong một đời, mười lăm ngàn vị Bồ Tát đạt được cảnh giới của pháp trong hai đời, hai mươi lăm ngàn vị Bồ Tát đạt được trí tuệ rốt ráo, ba mươi lăm ngàn vị Bồ Tát chứng

ngộ nghĩa lý chân thật đệ nhất, cũng gọi là nghĩa không đệ nhất, cũng gọi là Tam-muội Thủ Lăng Nghiêm. [Lại có] bốn mươi lăm ngàn vị Bồ Tát đạt được phép Tam-muội Hư không, cũng gọi là Tam-muội Quảng đại, cũng gọi là Tam-muội Trí ấn. [Lại có] năm mươi lăm ngàn vị Bồ Tát đạt được đức nhẫn không thối chuyển, cũng gọi là đức nhẫn theo đúng pháp, cũng gọi là đức nhẫn đúng cảnh giới của pháp. [Lại có] sáu mươi lăm ngàn vị Bồ Tát đạt được phép Đà-la-ni, cũng gọi là tâm niệm lớn lao, cũng gọi là trí tuệ không ngăn ngại. [Lại có] bảy mươi lăm ngàn vị Bồ Tát đạt được phép Tam-muội Sư tử hống, cũng gọi là Tam-muội Kim cang, cũng gọi là Tam-muội Ngũ trí ấn. [Lại có] tám mươi lăm ngàn vị Bồ Tát đạt được phép Tam-muội Bình đẳng, cũng gọi là Đại từ Đại bi. [Lại có] vô lượng chúng sanh nhiều như số cát sông Hằng phát tâm A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề, vô lượng chúng sanh nhiều như số cát sông Hằng phát tâm Duyên giác, vô lượng chúng sanh nhiều như số cát sông Hằng phát tâm Thanh văn. [Lại có] hai mươi ngàn ức chúng sanh hai cõi trời, người ngay trong đời hiện tại được chuyển từ thân nữ thành thân nam.

Ông Tu-bạt-đà⁽²⁵⁾ [ngay khi ấy] chứng đắc quả A-la-hán.⁽²⁶⁾

KINH ĐẠI BÁT NIẾT-BÀN

HẾT QUYỂN BỐN MƯỜI

CHÚ GIẢI

1. Giết hại... cho đến tà kiến: là nói tóm lược về cả Mười pháp bất thiện, bao gồm: giết hại, trộm cắp, tà dâm, nói dối, nói thêu dệt, nói hai lưỡi, nói ác khẩu, tham lam, sân khuể và tà kiến. Không làm những điều này là Mười pháp thiện.
2. Năm mối trói buộc: chỉ ngũ hạ kết, cũng gọi là ngũ độn sử, là năm mối trói buộc của chúng sanh Dục giới, gồm những trói buộc vì quan điểm sai lầm, vì sự nghi ngờ, vì giữ theo tà giới, vì tham lam và vì sân hận.
3. Ba mối trói buộc: chỉ tam kết sử, nằm trong ngũ hạ kết vừa nói trên, bao gồm sự trói buộc do quan điểm sai lầm, trói buộc vì sự nghi ngờ và trói buộc vì giữ theo tà giới.
4. Hai pháp chỉ và quán: nguyên bản Hán văn dùng xa-ma-tha và tỳ-bà-xá-na, được phiên âm từ các Phạn ngữ *samatha* và *vipāśyanā*, theo truyền thống luôn được dịch là chỉ và quán. Chỉ nghĩa là “dùng lại”, có ý nghĩa tu tập sự định tâm, dứt mọi vọng niệm; quán nghĩa là “quán xét”, có ý nghĩa tu tập nhận thức đúng thật, sáng suốt về thực tại. Vì thế, xét về kết quả tu tập thì hai pháp tu chỉ và quán cũng được gọi là định và tuệ, vì “chỉ” giúp đạt được định và “quán” giúp đạt được tuệ. Kinh điển Đại thừa thường đề cập đến định và tuệ nhiều hơn.
5. Tám sự buông xả (Bát bội xả), theo các nhà Tân dịch thì đây là Bát giải thoát (Tám giải thoát).
6. Đây nói về sự biến dạng của động từ trong câu để diễn đạt các ý nghĩa tương lai, hiện tại hay quá khứ. Không riêng gì ngữ pháp trong Phạn ngữ, ngay cả Anh ngữ, Pháp ngữ cũng có những quy tắc này.
7. Vì sử dụng thí dụ có nghĩa là đem sự vật này so với sự vật khác để làm rõ một ý nghĩa nào đó, cho nên phải chấp nhận là các pháp không có tự tánh cố định.
8. “Ngài cũng đồng như tôi”: Ở đây Phật nêu trước lập luận phản bác của Phạm chí Nạp Y, vì biết ông ta sẽ căn cứ vào câu này để vặn hỏi lại: “Nếu thân có trước tức là không do nhân phiền não sanh ra, vậy cũng đồng với thuyết sẵn có tự tánh của tôi đã nói.”
9. Theo Niết-bàn kinh sơ giải thì câu này có ý chỉ đến sự căn vặn của Phạm chí Nạp Y rằng “thân không do nhân sanh ra, đó là sẵn có tự tánh”.

10. Nguyên bản Hán văn là: “Nhữ ý nhược vị thân bất tại tiên cố tri vô nhân”. Nhưng đoạn tiếp theo lại đưa ra lập luận là: “nhược dĩ thân tiên vô nhân”, có vẻ như không hợp nhau. Chúng tôi tham khảo Niết-bàn kinh sơ giải thấy giải thích câu trước đó là: “Thử ngôn lược thiểu, nhược cụ ứng ngôn: Nhữ ý nhược vị thân bất tại tiên hữu nhân duyên cố tri vô nhân.” (Câu này nói lược, nếu nói đủ phải là: Nếu ý ông cho rằng thân trước đó không có nhân duyên nên biết là không do nhân [mà có].) Cách giải thích này có vẻ như rất hợp lý, vì hiểu như vậy thì câu lập luận tiếp theo đó mới phù hợp. Chúng tôi xin nêu ra để độc giả suy xét.
11. Nguyên bản dùng “bạch lập”, chỉ loại hợp kim pha lẫn giữa chì và thiếc, dễ nóng chảy, dùng trong việc hàn các kim loại khác.
12. Ở đây đức Phật dựa trên chính lập luận của những ngoại đạo này đã từng đưa ra khi giải thích về năm đại.
13. Những lập luận đức Phật đưa ra ở đây là dựa vào chính những điều được dạy trong giáo pháp của ngoại đạo.
14. Trong câu này nguyên bản Hán văn dùng chữ giác quán (覺觀), là cách dịch cũ của tâm tứ (尋伺), chỉ chung tất cả các tư tưởng thô (tâm) và vi tế (tứ). Những bản trước đây có khi dịch thành giác quan, có khi để nguyên từ giác quán, đều không làm rõ ý. Chính do các tư tưởng (thô và tế) xấu ác mà khởi sanh tham, sân, si...; và cũng nhờ các tư tưởng (thô và tế) tốt lành mà có sự khởi đầu tu tập hướng đến giải thoát.
15. Theo nội dung ở đây thì ngài A-nan đã vắng mặt hoàn toàn từ đầu kinh cho đến lúc này, không tự mình được nghe tất cả những sự thuyết giảng đã qua của Phật.
16. Theo đoạn này có thể thấy rõ là trong hơn 30 năm đức Phật hoàng hóa sau khi thành Chánh giác, ngài A-nan vẫn chưa giữ vai trò thị giả kề cận bên Phật.
17. Đàn-việt, phiên âm từ Phạn ngữ *dāna-pati*, dịch nghĩa là thí chủ, tức là người có tín tâm cúng dường Tam bảo.
18. Nguyên trí, tên Phạn ngữ là *prañidhi-jḍāna*, chỉ trí tuệ do nguyện lực dẫn sanh, tùy nguyện mà rõ biết.
19. Nguyên bản dùng Đa văn tạng, dịch sát nghĩa là kho chứa [những điều] nghe nhiều; nhưng ở đây không chỉ chung tất cả những điều được nghe, mà chỉ đến những kinh điển A-nan đã nghe Phật thuyết giảng, vì thế chúng tôi dịch là Kho chứa Kinh điển để rõ ý hơn.
20. Đây có nghĩa là dứt hẳn sự dâm dục.
21. Nguyên bản Hán văn trong bản chữ Vạn có khắc những chữ nhỏ đánh dấu từng phần, cả thấy là 16 phần. Chúng tôi đã ngắt câu theo sự đánh dấu này.
22. Tu-bạt-đà: phiên âm từ Phạn ngữ Subhadra, là vị Phạm chí ngoại đạo được Phật thu nhận làm đệ tử cuối cùng trước khi ngài nhập Niết-bàn.
23. Phú-lan-na, tức Phú-lan-na Ca-diếp, phiên âm từ Phạn ngữ *Pūraṇa-kāśyapa*, là một trong sáu vị thầy ngoại đạo vào thời đức Phật, thường gọi chung là Lục sư ngoại đạo.

24. Uất-đầu-lam-phất, phiên âm từ Phạn ngữ *Udrakarāmaputra*, đại sư ngoại đạo nổi tiếng vào thời đức Phật. Khi Phật vừa mới xuất gia tầm đạo đã đến hỏi đạo nơi vị này. Tên gọi của ông còn được phiên âm theo nhiều cách khác như Uất-đà-già, Ưu-đà-la-ma tử, Uất-đà-la-ma tử, Ốt-đạt-lạc-ca, Uất-đà-la-già... đều xuất phát từ một tên Phạn ngữ.
25. Nguyên bản Hán văn dùng Tu-bạt-đà-la, là cách phiên âm khác của Subhadra, nên cũng chính là ông Tu-bạt-đà đang nói ở trên. Từ đây về sau chúng tôi vẫn dùng tên gọi Tu-bạt-đà để độc giả tiện theo dõi.
26. Theo Nam bản thì đến đây là cuối quyển 36, chấm dứt trọn bộ kinh. Bản dịch của ngài Đàm-vô-sấm cũng đến đây là hết. Theo các tư liệu còn lưu lại đến nay thì ngài Đàm-vô-sấm đã mất trong khi đang trên đường trở về Ấn Độ để thỉnh phần cuối kinh này sang dịch tiếp. Do đó, phần tiếp theo của kinh này, tức 2 quyển cuối cùng (Niết-bàn kinh hậu phần) phải đợi đến đời Đường mới được các ngài Nhã-na-bạt-đà-la và Hội Ninh dịch tiếp và hoàn tất.

大般涅槃經後分

大唐南沙門若那跋陀羅與沙門會寧等譯

卷第四十一

憍陳如品

第十三之三

爾時須跋陀羅。從佛聞說大般涅槃甚深妙法。而得法眼見法清淨。愛護正法已捨邪見。於佛法中深信堅固。即從如來欲求出家。

佛言。善哉善哉。須跋陀羅，善來比丘。悅可聖心善入佛道。

於是須跋陀羅。歡喜踊躍忻慶無量。即時鬚髮自落而作沙門。法性智水灌注心源。無復縛著。漏盡意解得羅漢果。

須跋陀羅既證果已。即前佛所瞻仰尊顏頭面禮足。偏袒右肩右膝著地長跪合掌。悲喜交流深自悔責在昔罪咎。而白佛言。世尊。恨我毒身久劫已來常相欺惑。令我長沒無明邪見。淪溺三界，外道法中。痛哉。苦哉。為害滋甚。今大喜慶，蒙如來恩

ĐẠI BÁT NIẾT-BÀN KINH HẬU PHẦN

ĐẠI ĐƯỜNG NAM SA-MÔN NHÃ-NA-BẠT-ĐÀ-LA DŨ SA-MÔN HỘI NINH ĐĂNG DỊCH

QUYỂN ĐỆ TƯ THẬP NHẤT

KIÊU-TRẦN-NHƯ PHẨM

ĐỆ THẬP TAM CHI TAM

Nhĩ thời, Tu-bạt-đà-la tùng Phật văn thuyết Đại Bát Niết-bàn, thậm thâm diệu pháp, nhi đắc pháp nhãn, kiến pháp thanh tịnh, ái hộ Chánh pháp, dĩ xả tà kiến, ư Phật pháp trung, thâm tín kiên cố, tức tùng Như Lai, dục cầu xuất gia.

Phật ngôn: Thiện tai, thiện tai! Tu-bạt-đà-la! Thiện lai tỳ-kheo! Duyệt khả thánh tâm, thiện nhập Phật đạo.

Ư thị, Tu-bạt-đà-la, hoan hỷ đồng dục, hân khánh vô lượng. Tức thời tu phát tự lạc, nhi tác sa-môn, pháp tánh trí thủy quán chú tâm nguyên; vô phục phược trước, lậu tận ý giải, đắc La-hán quả.

Tu-bạt-đà-la, ký chứng quả dĩ, tức tiên Phật sở, chiêm ngưỡng tôn nhan, đầu diện lễ túc, thiên đản hữu kiên, hữu tất trước địa, trường quy hiệp chưởng, bi hỷ giao lưu, thâm tự hối trách tại tích tội cũu nhi bạch Phật ngôn: Thế Tôn! Hận ngã độc thân, cửu kiếp dĩ lai, thường tương khi hoặc, linh ngã trường một vô minh, tà kiến, luân nịch Tam giới, ngoại đạo pháp trung. Thống tai! Khổ tai! Vi hại tư thậm. Kim đại hỷ khánh, mông Như Lai ân, đắc nhập Chánh pháp. Thế Tôn trí

得入正法。世尊智慧大海，慈愍無量。竊自惟忖。累劫碎軀未能報此須臾之恩。

須跋陀羅說是語已。悲泣流淚不能自裁。復白佛言。世尊。我年老邁餘命無幾。未脫眾苦行苦還逼。唯願世尊。少住教誡哀愍救護莫般涅槃。

爾時世尊默然不許。須跋陀羅不果所請。愁憂熱惱高聲唱曰。苦哉苦哉。世間空虛。世間空虛。如何於今大怖即至熱惱流行。哀哉哀哉。眾生福盡，正慧眼滅。復更流淚悲號哽咽。遍體血現發聲大哭。於如來前舉身投地。慌亂濁心昏迷悶絕。

久乃蘇醒涕淚哽咽。而白佛言。世尊。我今不忍見於如來入般涅槃。中心痛切難任裁抑。我自何能與此坏器毒身共住。今前寧可先自速滅。唯願世尊。後當涅槃。

爾時須跋陀羅。說是語已悲戀哽咽。於是時頃即入涅槃。

爾時不可說不可說無數億恒河沙諸大菩薩比丘比丘尼。一切世間天人阿修羅等。同聲唱言。苦哉。苦哉。如何正覺一旦捨離。無主無歸無依無趣。追思戀慕悲感號泣。互相執手，搥胸悶絕，迷失諸方。哀慟三千大千世界。

tuệ đại hải, từ mẫn vô lượng thiết tự duy thốn, lữ kiếp toái khu, vị năng báo thử tu du chi ân.

Tu-bạt-đà-la thuyết thị thử dĩ, bi khắp lưu lệ, bất năng tự tài, phục bạch Phật ngôn: Thế Tôn! Ngã niên lão mại, dư mạn vô kỷ, vị thoát chúng khổ, hành khổ hoàn bức. Duy nguyện Thế Tôn thiếu trụ giáo giới, ai mẫn cứu hộ, mạc Bát Niết-bàn.

Nhĩ thời, Thế Tôn mặc nhiên bất hứa. Tu-bạt-đà-la, bất quả sở thỉnh, sầu ưu nhiệt não, cao thỉnh xướng viết: Khổ tai! Khổ tai! Thế gian không hư! Thế gian không hư! Như hà ư kim, đại bố tức chí, nhiệt não lưu hành? Ai tai! Ai tai! Chúng sanh phước tận, chánh tuệ nhân diệt.

Phục cánh lưu lệ, bi hào ngạnh yết, biến thể huyết hiện, phát thỉnh đại khóc. Ư Như Lai tiền, cử thân đầu địa, hoang loạn trước tâm, hôn mê muộn tuyệt.

Cửu nãi tô tỉnh, thế lệ ngạnh yết, nhi bạch Phật ngôn: Thế Tôn! Ngã kim bất nhẫn kiến ư Như Lai nhập Bát Niết-bàn. Trung tâm thống thiết, nan nhiệm tài ức. Ngã tự hà năng dữ thử phôi khí độc thân cộng trụ? Kim tiền ninh khả tiên tự tốc diệt. Duy nguyện Thế Tôn hậu đương Niết-bàn.

Nhĩ thời, Tu-bạt-đà-la thuyết thị ngũ dĩ, bi luyến ngạnh yết. Ư thị thời khoảnh, tức nhập Niết-bàn.

Nhĩ thời, bất khả thuyết bất khả thuyết vô số ức Hàng hà sa chư Đại Bồ Tát, tỳ-kheo, tỳ-kheo ni, nhất thiết thế gian thiên, nhân, a-tu-la đấng, đồng thỉnh xướng ngôn: Khổ tai! Khổ tai! Như hà Thánh giác nhất đán xả ly? Vô chủ, vô quy, vô y, vô thú! Truy tư luyến mộ, bi cảm hào khắp, hổ tương chấp thủ, chùy hung muộn tuyệt, mê thất chư phương, ai động Tam thiên đại thiên thế giới.

爾時世尊。出八種聲普告大眾。莫大號哭猶如嬰兒。各相裁抑，勿自亂心。汝等於此行苦生死大海。勤修淨心莫失念慧。疾求正智速出諸有。三界受身苦輪無際。無明郎主，恩愛魔王。役使身心，策為僮僕。遍緣境界造生死業。貪恚狂癡念念傷害。無量劫來常受苦惱。何有智者不反斯源。

汝等當知。我曠劫來已入大寂。無陰界入永斷諸有。金剛寶藏常樂我淨。我今於此顯難思議現方便力。入大涅槃，示同世法。欲令眾生知身如電，生戀慕心。生死瀑河漂流速疾。諸行輪轉法應如是。如來涅槃甚深甚深不可思議。乃是諸佛菩薩境界。非諸聲聞緣覺所知。

佛復告諸大眾。是須跋陀羅。已曾供養恒河沙佛。於諸佛所深種善根。以本願力常在尼乾外道法中。出家修行。以方便慧誘進邪見失道眾生令入正智。須跋陀羅乘本願力。今得遇我最後涅槃得聞正法。既聞正法得羅漢果。既得果已復入涅槃。

自我得道度阿若憍陳如。最後涅槃度須跋陀羅。吾事究竟，無復施為。設我久住無異今也。

爾時世尊說是語已。即噓長歎唱言。善哉，善哉。須跋陀羅為報佛恩。汝等大眾。應當供養其屍安立塔廟。

Nhĩ thời, Thế Tôn xuất bát chủng thanh, phổ cáo Đại chúng: Mạc đại hào khóc, do như anh nhi. Các tướng tài ức, vật tự loạn tâm. Nhũ đẳng ư thủ hành khổ, sanh tử đại hải, cần tu tịnh tâm, mạc thất niệm tuệ, tạt câu chánh trí, tốc xuất chư hữu. Tam giới thọ thân, khổ luân vô tế; vô minh lang chủ, ân ái Ma vương, dịch sử thân tâm, sách vi đồng bộc, biên duyên cảnh giới, tạo sanh tử nghiệp. Tham, nhuế, cuồng si, niệm niệm thương hại; vô lượng kiếp lai, thường thọ khổ não. Hà hữu trí giả bất phản tư nguyên?

Nhũ đẳng đương tri: ngã khoáng kiếp lai, dĩ nhập đại tịch, vô âm, giới, nhập, vĩnh đoạn chư hữu; Kim cang bảo tạng, thường, lạc, ngã, tịnh. Ngã kim ư thủ, hiển nan tư nghị, hiện phương tiện lực, nhập Đại Niết-bàn; thị đồng thể pháp, dục linh chúng sanh tri thân như điện, sanh luyến mộ tâm; sanh tử bạo hà, phiêu lưu tốc tạt, chư hành luân chuyển, pháp ưng như thị. Như Lai Niết-bàn thậm thâm, thậm thâm, bất khả tư nghị; nãi thị chư Phật, Bồ Tát cảnh giới, phi chư Thanh văn, Duyên giác sở tri.

Phật phục cáo chư Đại chúng: Thị Tu-bạt-đà-la dĩ tăng cúng dường Hằng hà sa Phật; ư chư Phật sở, thâm chủng thiện căn. Dĩ đại nguyện lực, thường tại Ni-kiền ngoại đạo pháp trung, xuất gia tu hành. Dĩ phương tiện tuệ, dụ tán tà kiến thất đạo chúng sanh, linh nhập Chánh trí. Tu-bạt-đà-la, thừa bốn nguyện lực, kim đắc ngộ ngã tối hậu Niết-bàn, đắc văn Chánh pháp. Ký văn Chánh pháp, đắc A-la-hán quả. Ký đắc quả dĩ, phục nhập Niết-bàn.

Tự ngã đắc đạo, độ A-nhĩ Kiều-trần-như; tối hậu Niết-bàn, độ Tu-bạt-đà-la. Ngô sự cứu cánh, vô phục thi vi. Thiết ngã cửu trụ, vô dị kim dã.

Nhĩ thời, Thế Tôn thuyết thị ngữ dĩ, tức hư trường thán, xướng ngôn: Thiện tai! Thiện tai! Tu-bạt-đà-la vi báo Phật ân. Nhũ đẳng đại chúng ưng đương cúng dường kỳ thi, an lập tháp miếu.

爾時大眾。惆悵慘結掩淚裁抑。即依佛教以香木蘇油茶毘其屍。須跋陀羅當焚屍時。即於火中放大光明現十八變。身上出水身下出火。右脅出火左脅出水。小復現大大復現小滿虛空中。

爾時無量大眾。及諸外道邪見眾生。發菩提心得入正見。須跋陀羅現神變已還復火中茶毘已訖。是時大眾悲感傷悼。收取舍利起塔供養。

遺教品

第一

爾時佛告阿難普及大眾。吾滅度後汝等四眾。當勤護持我大涅槃。我於無量萬億阿僧祇劫。修此難得大涅槃法。今已顯說。汝等當知。此大涅槃乃是十方三世一切諸佛金剛寶藏。常樂我淨周圓無缺。一切諸佛於此涅槃而般涅槃。最後究竟理極無遺。諸佛於此放捨身命。故名涅槃。汝等。欲得決定真報佛恩。疾得菩提諸佛摩頂。世世所生不失正念。十方諸佛常現其前。晝夜守護令一切眾得出世法。當勤修習此涅槃典。

佛復告阿難。吾未成佛示入鬱頭藍弗外道法

Nhĩ thời, Đại chúng trừ trưởng phẩm kết, yểm lệ tài ức tức y Phật giáo, dĩ hương mộc, tô, du, trà-tỳ kỳ thi. Tu-bạt-đà-la, đương phần thi thời, tức ư hỏa trung, phóng đại quang minh, hiện thập bát biến: thân thượng xuất thủy; thân hạ xuất hỏa; hữu hiệp xuất hỏa; tả hiệp xuất thủy, tiểu phục hiện đại, đại phục hiện tiểu, mãn hư không trung.

Nhĩ thời, vô lượng Đại chúng cập chư ngoại đạo tà kiến chúng sanh, phát Bồ-đề tâm, đắc nhập Chánh kiến. Tu-bạt-đà-la, hiện thần biến dĩ, hoàn phục hỏa trung, trà-tỳ dĩ ngột. Thị thời, Đại chúng bi cảm thương diệu, thâm thủ xá-lợi, khởi tháp cúng dường.

DI GIÁO PHẨM

ĐỆ NHẤT

Nhĩ thời, Phật cáo A-nan, phổ cập Đại chúng: Ngô diệt độ hậu, nhĩ đẳng tứ chúng đương cần hộ trì ngã Đại Niết-bàn. Ngã ư vô lượng vạn ức A-tăng-kỳ kiếp, tu thủ nan đắc Đại Niết-bàn Pháp. Kim dĩ hiển thuyết. Nhĩ đẳng đương tri: thủ Đại Niết-bàn nãi thị Thập phương tam thế nhất thiết chư Phật Kim cang Bảo tạng; thường, lạc, ngã, tịnh, châu viên vô khuyết. Nhất thiết chư Phật, ư thủ Niết-bàn, nhi Bát Niết-bàn; tối hậu cứu cánh, lý cực vô di. Chư Phật ư thủ, phóng xả thân mạng, cố danh Niết-bàn. Nhĩ đẳng dục đắc quyết định chân báo Phật ân, tật đắc Bồ-đề, chư Phật ma đĩnh; thế thế sở sanh, bất thất Chánh niệm; Thập phương chư Phật thường hiện kỳ tiền, trú dạ thủ hộ, linh nhất thiết chúng đắc xuất thế pháp, đương cần tu tập thủ Niết-bàn điển.

Phật phục cáo A-nan: Ngô vị thành Phật, thị nhập Uất-dầu-lam-phát ngoại đạo Pháp trung, tu học Tứ thiên, Bát

中。修學四禪八定受行其教。吾成佛來毀訾其法漸
漸誘進。最後須跋陀羅皆入佛道。如來以大智炬燒
邪見幢。如乾草葉投大火焰。

阿難。今我親戚諸釋種子吾甚憂念。我涅槃後
汝當精勤。以善教誡我諸眷屬。授與妙法深心誨
誘。勿得調戲放逸散心。入諸境界受行邪法。

未脫三界世間痛苦，早求出離。於此五濁愛欲之
中。應生憂畏無救護想。一失人身難可追復。畢此
一形常須警察。無常大鬼情求難脫。

憐愍眾生，莫相殺害。乃至蠢動，應施無畏。身
業清淨常生妙土。口業清淨離諸過惡。莫食肉莫飲
酒。調伏心蛇令入道果。深思行業善惡之報。如影
隨形。三世因果循環不失。此生空過後悔無追。涅
槃時至示教如是。

爾時阿難聞佛語已。身心顫動，情識忙然。悲哽
啞咽深沒憂海。舉體迷悶昏亂濁心。投如來前猶
如死人。

爾時阿泥樓豆安慰阿難。輕其愁心而語之言。
咄哉。何為愁苦。如來涅槃時至。今日雖有明旦則
無。汝依我語諮啟如來如是四問。

định, thọ hành kỳ giáo. Ngô thành Phật lai, hủy tử kỳ pháp;
tiệm tiệm dụ tấn, tối hậu Tu-bạt-đà-la, giai nhập Phật đạo.
Như Lai dĩ đại trí cự, thiêu tà kiến tràng, như càn thảo diệp,
đầu đại hỏa diệm.

A-nan! Kim ngã thân thích, chư Thích chủng tử, ngô thậm
ưu niệm. Ngã Niết-bàn hậu, nhữ đương tinh cần, dĩ thiện giáo
giới ngã chư quyến thuộc, thọ dĩ diệu pháp, thâm tâm hối dụ:
vật đắc điều hỷ, phóng dật tán tâm, nhập chư cảnh giới, thọ
hành tà Pháp.

Vị thoát Tam giới thế gian thống khổ, tảo cầu xuất ly. Ư thử
ngũ trước ái dục chi trung, ứng sanh ưu úy vô cứu hộ tướng.
Nhất thất nhân thân, nan khả truy phục. Tất thử nhất hình,
thường tu cảnh sát. Vô thường đại quý, tình cầu nan thoát.

Lân mẫn chúng sanh, mạc tương sát hại; nãi chí xuẩn động,
ưng thí vô úy. Thân nghiệp thanh tịnh, thường sanh diệu độ.
Khẩu nghiệp thanh tịnh, ly chư quá ác, mạc thực nhục, mạc
ẩm tửu. Điều phục tâm xà, linh nhập đạo quả. Thâm tư hạnh
nghiệp, thiện ác chi báo, như ảnh tùy hình; tam thế nhân quả,
tuần hoàn bất thất. Thử sanh không quá, hậu hối vô truy.
Niết-bàn thời chí, thị giáo như thị.

Nhĩ thời, A-nan văn Phật ngữ dĩ, thân tâm chiến động,
tình thúc mang nhiên, bi ngạnh âm yết, thâm một ưu hải, cử
thể mê muội, hôn loạn trước tâm, đầu Như Lai tiên, do như
tử nhân.

Nhĩ thời, A-nê-lâu-đậu an ủy A-nan, khinh kỳ sầu tâm,
nhĩ ngữ chi ngôn: Đột tai! Hà vi sầu khổ? Như Lai Niết-bàn
thời chí, kim nhật tuy hữu, minh đán tắc vô. Nhữ y ngã ngữ,
tư khả Như Lai, như thị tứ vấn:

佛涅槃後六群比丘行污他家，惡性車匿。云何共住而得示教。

如來在世以佛為師。世尊滅後以何為師。

若佛在世依佛而住。如來既滅住何而住。

如來滅後結集法藏。一切經初安何等語。

爾時阿難如從夢中聞阿泥樓逗。安慰其心令致四問。漸得醒悟哀不自勝。具陳上問而以白佛。

佛告阿難。何為憂苦悲哀乃爾。諸佛化周，施為已訖，法歸是處。

善哉善哉。阿難。汝致四問為最後問。大能利益一切世間。汝等諦聽。善思念之。

唯然世尊。願樂欲聞。

佛告阿難。如汝所問。佛涅槃後六群比丘惡性車匿行污他家。云何共住而得示教。阿難。車匿比丘其性鄙惡。我涅槃後漸當調伏。其心柔和捨本惡性。

阿難。我弟難陀。具極重欲其性鄙惡。如來以善方便示教利喜。知其根性，以般若慧，為說十二因緣。所謂無明緣行。行緣識。乃至老死憂悲苦惱。皆是無明憎愛叢林。一切行苦彌滿三界遍流六道。大苦根本無明所起。以般若慧示以性淨諦觀根本。即斷諸有過患。無明根本滅故無明滅。無明滅則行

Phật Niết-bàn hậu, lục quần tỳ-kheo, hành ô tha gia, ác tánh Xa-nặc, vân hà cộng trụ nhi đắc thị giáo?

Như Lai tại thế, dĩ Phật vi sư. Thế Tôn diệt hậu, dĩ hà vi sư?

Nhược Phật tại thế, y Phật nhi trụ. Như Lai ký diệt, trụ hà nhi trụ?

Như Lai diệt hậu, kết tập Pháp tạng, nhất thiết kinh sơ, an hà đẳng ngữ?

Nhĩ thời, A-nan như tùng mộng trung, văn A-nê-lâu-đâu an ủy kỳ tâm, linh trí tứ vấn, tiệm đắc tỉnh ngộ, ai bất tự thắng, cụ trần thượng vấn, nhi dĩ bạch Phật.

Phật cáo A-nan: Hà vi ưu khổ, bi ai nãi nhĩ? Chư Phật hóa châu, thi vi dĩ ngật. pháp quy thị xứ.

Thiện tai! Thiện tai! A-nan! Nhữ trí tứ vấn, vi tối hậu vấn. Đại năng lợi ích nhất thiết thế gian. Nhữ đẳng đế thính, thiện tư niệm chi.

Duy nhiên, Thế Tôn! Nguyện nhạo dục văn.

Phật cáo A-nan: Như nhữ sở vấn: Phật Niết-bàn hậu, lục quần tỳ-kheo, ác tánh Xa-nặc, hành ô tha gia, vân hà cộng trụ nhi đắc thị giáo? A-nan! Xa-nặc tỳ-kheo, kỳ tánh bỉ ác, ngã Niết-bàn hậu, tiệm đương điều phục; kỳ tâm nhu hòa, xả bản ác tánh.

A-nan! Ngã đệ Nan-đà, cụ cực trọng dục, kỳ tánh bỉ ác. Như Lai dĩ thiện phương tiện, thị giáo lợi hỷ. Tri kỳ căn tánh, dĩ Bát-nhã tuệ vị thuyết Thập nhị nhân duyên, sở vị: vô minh: duyên hành, hành: duyên thức... nãi chí lão, tử, ưu bi, khổ não, giai thị vô minh tạng ái tông lâm. Nhất thiết hành khổ di mãn tam giới, biến lưu lục đạo; đại khổ căn bản, vô minh sở khởi. Dĩ Bát-nhã tuệ, thị dĩ tánh tịnh đế quán căn bản, tức đoạn chư hữu quá hoạn. Vô minh căn bản diệt, cố vô minh diệt; vô minh diệt, tác hành diệt,...nãi chí lão, tử, ưu bi, khổ não giai diệt.

滅。乃至老死憂悲苦惱皆滅。得此觀時攝心定住即入三昧。以三昧力得入初禪。漸漸次第入第四禪。繼心正念如是修習。然後自當得證上果離三界苦。

阿難。爾時難陀比丘。深生信心依我教法勤心修習。不久即得阿羅漢果。

阿難。我涅槃後汝當依我教法正觀。教示六群車匿比丘。深心依此清淨正法。不久自當得證上果。

阿難。當知皆因無明。增長三界生死大樹。飄沒愛河眾苦長夜。黑闇崖下遶生死柱。六識為枝妄念為本。無明波浪心識策使。遊戲六塵種苦惱芽。無能制者。自在如王。是故我言無明郎主念念傷害。眾生不覺輪轉生死。

阿難。一切眾生為此無明起諸愛結。我見覆蔽八萬四千。煩惱郎主役使其身。身心破裂不得自在。

阿難。無明若滅三界都盡。以是因緣名出世人。

阿難。若能諦觀十二因緣。究竟無我深入本淨。即能遠離三界大火。

阿難。如來是真語者說誠實言。最後付囑汝當修行。

阿難。如汝所問。佛去世後以何為師者。阿難。尸波羅蜜戒是汝大師。依之修行能得出世甚深定慧。

Đắc thủ quán thời, nhiếp tâm định trụ, tức nhập tam-muội. Dĩ tam-muội lực, đắc nhập sơ thiên; tiệm tiệm thứ đệ, nhập đệ tứ thiên. Kế tâm Chánh niệm như thị tu tập, nhiên hậu tự đương đắc chứng thượng quả, ly Tam giới khổ.

A-nan! Nhĩ thời, Nan-đà tỳ-kheo, thâm sanh tín tâm, y ngã giáo pháp, cần tâm tu tập. Bất cứu tức đắc A-la-hán quả.

A-nan! Ngã Niết-bàn hậu, nhữ đương y ngã giáo pháp chánh quán, giáo thị lục quần; Xa-nặc tỳ-kheo, thâm tâm y thủ thanh tịnh Chánh pháp, bất cứu tự đương đắc chứng thượng quả.

A-nan đương tri: giai nhân vô minh tăng trưởng Tam giới sanh tử đại thọ; phiêu một ái hà; chúng khổ trường dạ hắc ám nhai hạ, nhiều sanh tử trụ. Lục thức vi chi, vọng niệm vi bản. Vô minh ba lãng, tâm thức sách sử, du hý lục trần, chủng khổ não nha, vô năng chế giả, tự tại như vương. Thị cố ngã ngôn: Vô minh: lang chủ, niệm niệm thương hại; chúng sanh bất giác, luân chuyển sanh tử.

A-nan! Nhất thiết chúng sanh, vị thủ vô minh, khởi chư ái kết. Ngã kiến phú tế; bát vạn tứ thiên phiến não lang chủ dịch sử kỳ thân; thân tâm phá liệt, bất đắc tự tại.

A-nan! Vô minh nhược diệt, Tam giới đô tận. Dĩ thị nhân duyên, danh xuất thế nhân.

A-nan! Nhược năng đế quán Thập nhị nhân duyên, cứu cánh vô ngã, thâm nhập bản tịnh, tức năng viễn ly Tam giới đại hỏa.

A-nan! Như Lai thị chân ngữ giả, thuyết thành thật ngôn, tối hậu phó chúc; nhữ đương tu hành.

A-nan! Như nhữ sở vấn: Phật khứ thế hậu, dĩ hà vi sư giả? A-nan! Thi Ba-la-mật giới thị nhữ đại sư. Y chi tu hành, năng đắc xuất thế thậm thâm định, tuệ.

阿難。如汝所問。佛涅槃後依何住者。阿難。依四念處嚴心而住。觀身性相同於虛空。名身念處。觀受不在內外不住中間。名受念處。觀心但有名字名字性離。名心念處。觀法不得善法不得不善法。名法念處。阿難。一切行者。應當依此四念處住。

阿難。如汝所問。如來滅後結集法藏。一切經初安何等語者。阿難。如來滅後結集法藏。一切經初。當安如是我聞一時佛住某方某處與諸四眾而說是經。

爾時阿難復白佛言。若佛在世，若涅槃後。有信心檀越，以金銀七寶，一切樂具，奉施如來，云何舉置。

佛告阿難。若佛現在所施佛物。僧眾應知。若佛滅後一切信心所施佛物。應用造佛形像。及造佛衣七寶幡蓋。買諸香油寶花以供養佛。除供養佛。餘不得用。用者即犯盜佛物罪。

阿難復白佛言。若佛現在若復有人以金銀七寶房舍殿堂妻子奴婢衣服飲食一切樂具。深心恭敬禮拜供養如來。佛涅槃後。若復有人。以金銀七寶妻妾奴婢衣服飲食一切樂具。供養如來形像深心恭敬禮拜供養。世尊。如是二人深心供養。所得福德何者為多。

佛告阿難。如是二人。皆以深心供養。所得福德其福無異。何以故。雖佛滅後。法身常存。是以深心供養其福正等。

A-nan! Như nữ sở vấn: Phật Niết-bàn hậu, y hà trụ giả? A-nan! Y tứ niệm xứ, nghiêm tâm nhi trụ. Quán thân tánh tướng, đồng y hư không; danh thân niệm xứ. Quán thọ bất tại nội, ngoại; bất trụ trung gian; danh thọ niệm xứ. Quán tâm dẫn hữu danh tự; danh tự tánh ly; danh tâm niệm xứ. Quán pháp bất đắc thiện pháp, bất đắc bất thiện pháp; danh pháp niệm xứ. A-nan! Nhất thiết hành giả, ưng đương y thủ Tứ niệm xứ trụ.

A-nan! Như nữ sở vấn: Như Lai diệt hậu, kết tập Pháp tạng, nhất thiết kinh sơ, an hà đẳng ngữ giả? A-nan! Như Lai diệt hậu, kết tập Pháp tạng, nhất thiết kinh sơ, đương an: Như thị ngã văn: Nhất thời, Phật trụ mõ phương, mõ xứ, dĩ chư tứ chúng, nhi thuyết thị kinh.

Nhĩ thời, A-nan phục bạch Phật ngôn: Nhược Phật tại thế, nhược Niết-bàn hậu, hữu tín tâm đàn-việt dĩ kim ngân thất bảo, nhất thiết nhạo cụ, phụng thí Như Lai, vân hà cử trí?

Phật cáo A-nan: Nhược Phật hiện tại, sở thí Phật vật, Tăng chúng ưng tri. Nhược Phật diệt hậu, nhất thiết tín tâm sở thí Phật vật, ưng dụng tạo Phật hình tượng, cập tạo Phật y, thất bảo, phan, cái, mễ chư hương, du, bảo hoa, dĩ cúng dường Phật. Trừ cúng dường Phật, dư bất đắc dụng. Dụng giả tắc phạm đạo Phật vật tội.

A-nan phục bạch ngôn: Nhược Phật hiện tại, nhược phục hữu nhân dĩ kim ngân thất bảo, phòng xá điện đường, thê tử nô tỳ, y phục ẩm thực, nhất thiết nhạo cụ, thâm tâm cung kính lễ bái cúng dường Như Lai. Phật Niết-bàn hậu, nhược phục hữu nhân dĩ kim ngân thất bảo, thê thiếp nô tỳ, y phục ẩm thực, nhất thiết lạo cụ, cúng dường Như Lai hình tượng, thâm tâm cung kính lễ bái cúng dường. Thế Tôn! Như thị nhị nhân, thâm tâm cúng dường, sở đắc phước đức, hà giả vi đa?

Phật cáo A-nan: Như thị nhị nhân giai dĩ thâm tâm cúng dường, sở đắc phước đức, kỳ phước vô dị. Hà dĩ cố? Tuy Phật diệt hậu, Pháp thân thường tồn. Thị dĩ thâm tâm cúng dường, kỳ phước chánh đẳng.

阿難復白佛言。若佛現在。若復有人。還以深
心如上供養恭敬如來。佛涅槃後。若復有人。還以
深心如上供養恭敬全身舍利。世尊。如是二人所得
福德何者為多。

佛告阿難。如是二人得福正等。功德廣大無量
無邊。乃至畢苦其福不盡。

阿難復白佛言。若佛現在。若復有人。如上深
心一切供養恭敬如來。佛涅槃後。若復有人。如上
深心供養恭敬半身舍利。世尊。如是二人所得福德
何者為多。

佛告阿難。如是二人深心供養得福無異。所得
福德無量無邊。

阿難。若佛滅後。若復有人。深心供養如來舍
利四分之一。八分之一。十六分之一。百分之一。
千分之一。萬分之一。恒河沙分之一。乃至如芥子
許。皆以深心供養恭敬尊重讚歎。若佛現在。若復
有人。深心供養恭敬如來。如是二人所得福德皆悉
無異。其福無量不可稱計。

阿難當知。若佛現在。若涅槃後。若復有人深
心恭敬供養禮拜尊重讚歎。如是二人所得福德無二
無別。

A-nan phục bạch Phật ngôn: Nhược Phật hiện tại, nhược
phục hữu nhân hoàn dĩ thâm tâm, như thượng cúng dường
cung kính Như Lai. Phật Niết-bàn hậu, nhược phục hữu nhân
hoàn dĩ thâm tâm, như thượng cúng dường cung kính toàn
thân xá-lợi. Thế Tôn! Như thị nhị nhân, sở đắc phước đức, hà
giả vi đa?

Phật cáo A-nan: Như thị nhị nhân đắc phước chánh đẳng;
công đức quảng đại, vô lượng vô biên; nãi chí tất khổ, kỳ phước
bất tận.

A-nan phục bạch Phật ngôn: Nhược Phật hiện tại, nhược
phục hữu nhân, như thượng thâm tâm, nhất thiết cúng dường
cung kính Như Lai. Phật Niết-bàn hậu, nhược phục hữu nhân,
như thượng thâm tâm, cúng dường cung kính bán thân xá-lợi.
Thế Tôn! Như thị nhị nhân, sở đắc phước đức, hà giả vi đa?

Phật cáo A-nan: Như thị nhị nhân, thâm tâm cúng dường,
đắc phước vô dị. Sở đắc phước đức, vô lượng vô biên.

A-nan! Nhược Phật diệt hậu, nhược phục hữu nhân, thâm
tâm cúng dường Như Lai xá-lợi, tứ phần chi nhất, bát phần chi
nhất, thập lục phần chi nhất, bá phần chi nhất, thiên phần chi
nhất, vạn phần chi nhất, Hằng hà sa phần chi nhất, nãi chí như
giới tử húa; giai dĩ thâm tâm, cúng dường cung kính, tôn trọng
tán thán. Nhược Phật hiện tại, nhược phục hữu nhân, thâm
tâm cúng dường, cung kính Như Lai. Như thị nhị nhân, sở đắc
phước đức, giai tất vô dị. Kỳ phước vô lượng, bất khả xưng kể.

A-nan đương tri: nhược Phật hiện tại, nhược Niết-bàn hậu,
nhược phục hữu nhân, thâm tâm cung kính, cúng dường lễ
bái, tôn trọng tán thán. Như thị nhị nhân, sở đắc phước đức,
vô nhị vô biệt.

佛告阿難及諸大眾。我涅槃後。天上人間一切眾生。得我舍利悲喜交流哀感欣慶。恭敬禮拜深心供養。得無量無邊功德。

阿難。若見如來舍利即是見佛。見佛即是見法。見法即是見僧。見僧即是見涅槃。

阿難。當知以是因緣。三寶常住無有變易。能為眾生作歸依處。

阿難復白佛言。佛涅槃後。一切大眾依何法則荼毘如來而得舍利深心供養。

佛告阿難。我般涅槃。汝等大眾當依轉輪聖王荼毘方法。

阿難復白。轉輪聖王荼毘法則其事云何。

佛告阿難。轉輪聖王命終之後。經停七日乃入金棺。既入棺已即以微妙香油注滿棺中。閉棺令密。復經七日。從棺中出以諸香水灌洗沐浴。既灌洗已燒眾名香而以供養。以兜羅綿遍體襯身。然後即以無價上妙白氈千張。次第相重遍纏王身。既已纏訖以眾香油滿金棺中。聖王之身爾乃入棺。密閉棺已。載以香木七寶車上。其車四面垂諸瓔珞。一切寶鉸莊嚴其車。無數花幡七寶幢蓋。一切妙香一切天樂圍繞供養。爾乃純以眾妙香木表裏文飾。微妙香油荼毘轉輪聖王之身。荼毘已訖收取舍利。於

Phật cáo A-nan cập chư đại chúng: Ngã Niết-bàn hậu, thiên thượng, nhân gian, nhất thiết chúng sanh, đắc ngã xá-lợi, bi hỷ giao lưu, ai cảm hân khánh, cung kính lễ bái, thâm tâm cúng dường, đắc vô lượng vô biên công đức.

A-nan! Nhược kiến Như Lai xá-lợi, tức thị kiến Phật. Kiến Phật, tức thị kiến Pháp. Kiến Pháp, tức thị kiến Tăng. Kiến Tăng, tức thị kiến Niết-bàn.

A-nan đương tri: dĩ thị nhân duyên, Tam bảo thường trụ, vô hữu biến dịch, năng vị chúng sanh, tác quy y xứ.

A-nan phục bạch Phật ngôn: Phật Niết-bàn hậu, nhất thiết Đại chúng y hà pháp tác, trà-tỳ Như Lai nhi đắc xá-lợi, thâm tâm cúng dường?

Phật cáo A-nan: Ngã bát Niết-bàn, nhữ đẳng đại chúng đương y Chuyển luân Thánh vương trà-tỳ phương pháp.

A-nan phục bạch: Chuyển Luân Thánh vương trà-tỳ pháp tác, kỳ sự vân hà?

Phật cáo A-nan: Chuyển Luân Thánh vương, mạng chung chi hậu, kinh đình thất nhật nãi nhập kim quan. Ký nhập quan dĩ, tức dĩ vi diệu hương du, chú mẫn quan trung, bệ quan linh mật. Phục kinh thất nhật, tòng quan trung xuất; dĩ chư hương thủy, quán tẩy mộc dục. Ký quán tẩy dĩ, thiêu chúng danh hương nhi dĩ cúng dường. Dĩ đầu-la-miên, biến thể sấn thân. Nhiên hậu tức dĩ vô giá thượng diệu bạch điệp thiên trương, thứ đệ tương trùng, biến triển vương thân. Ký dĩ thiên ngột, dĩ chúng hương du, mẫn kim quan trung. Thánh vương chi thân, nhĩ nãi nhập quan. Mật bệ quan dĩ, tẩy dĩ hương mộc thất bảo xa thượng. Ký xa tứ diện, thùy chư anh lạc; nhất thiết bảo giáo trang nghiêm kỳ xa. Vô số hoa phan, thất bảo tràng, cái, nhất thiết diệu hương, nhất thiết thiên nhạc vi nhiều cúng dường. Nhĩ nãi thuần dĩ chúng diệu hương mộc, biểu lý văn súc, vi diệu hương du, trà-tỳ Chuyển Luân Thánh vương chi

都城內四衢道中起七寶塔。塔開四門安置舍利。一切世間所共瞻仰。

阿難。其轉輪王以少福德紹此王位。未脫諸有具足五欲。妻妾婬女惡見三毒。一切煩惱諸結使等未斷一毫。命終之後世間猶乃如是法則。起塔供養一切瞻仰。

阿難。何況如來已於無量無邊無數阿僧祇劫。永捨五欲妻妾婬女。於世間法已作霜電。難勤能勤。難行能行。一切菩薩出世苦行勤苦修習。十方三世一切諸佛所行之道甚深微妙清淨戒定慧解脫解脫知見六波羅蜜。無不具足。修習如來十力大悲四無所畏。三解脫門十八大空。六通五眼。三十七品十八不共法。三十二相八十種好。一切諸佛壽命。一切淨佛國土。一切成就眾生。一切難行苦行。一切攝善法戒。一切攝眾生戒。一切攝律儀戒。一切功德。一切智慧。一切莊嚴。一切大願。一切方便。如是等不可思議福德智慧。皆已成就無不具足。斷除一切不善。斷除一切煩惱。斷除一切煩惱餘習。通達四諦十二因緣。於菩提樹降伏四魔成就種智。如是妙法悉修習已。爾乃一切諸佛唱言。善哉善哉。同以法性智水灌法身頂。乃成阿耨多羅三藐三菩提。以是因緣。我今號天人師十方種覺至極

thân. Trà-tỳ dĩ ngật, thân thủ xá-lợi. Ư đô thành nội, tứ cù đạo trung, khởi thất bảo tháp. Tháp khai tứ môn, an trí xá-lợi; nhất thiết thế gian sở cộng chiêm ngưỡng.

A-nan! Kỳ Chuyển Luân vương, dĩ thiểu phước đức, thiệu thủ vương vị; vị thoát chư hữu, cụ túc ngũ dục, mê thiếp thể nữ; ác kiến tam độc, nhất thiết phiền não, chư kết sử đẳng, vị đoạn nhất hào. Mạng chung chi hậu, thế gian du nãi như thị Pháp tắc, khởi tháp cúng dường, nhất thiết chiêm ngưỡng.

A-nan! Hà hướng Như Lai dĩ ư vô lượng vô biên vô số a-tăng-kỳ kiếp, vĩnh xả ngũ dục, mê thiếp thể nữ? Ư thế gian pháp, dĩ tác sương bạc; nan cần năng cần, nan hành năng hành. Nhất thiết Bồ Tát xuất thế khổ hạnh, cần khổ tu tập. Thập phương tam thế nhất thiết chư Phật sở hành chi đạo, thậm thâm vi diệu thanh tịnh giới, định, tuệ, giải thoát, giải thoát tri kiến, lục Ba-la-mật, vô bất cụ túc. Tu tập Như Lai thập lực, Đại bi, Tứ vô sở úy, Tam giải thoát môn, Thập bát đại không, Lục thông, Ngũ nhãn, Tam thập thất phẩm, Thập bát bát cộng pháp, Tam thập nhị tướng, Bát thập chủng hảo. Nhất thiết chư Phật thọ mạng, nhất thiết tịnh Phật quốc độ, nhất thiết thành tựu chúng sanh, nhất thiết nan thành khổ hạnh, nhất thiết nhiếp thiện pháp giới, nhất thiết nhiếp chúng sanh giới, nhất thiết nhiếp luật nghi giới, nhất thiết công đức, nhất thiết trí tuệ, nhất thiết trang nghiêm, nhất thiết đại nguyện, nhất thiết phương tiện, như thị đẳng bất khả tư nghị phước đức, trí tuệ, giới dĩ thành tựu, vô bất cụ túc. Đoạn trừ nhất thiết bất thiện, đoạn trừ nhất thiết phiền não, đoạn trừ nhất thiết phiền não dư tập. Thông đạt Tứ đế, Thập nhị nhân duyên. Ư Bồ-đề thọ, hàng phục Tứ ma, thành tựu chủng trí. Như thị diệu pháp, tất tu tập dĩ. Nhĩ nãi nhất thiết chư Phật xướng ngôn: Thiệt tai! Thiệt tai! Đồng dĩ Pháp tánh trí thủy, quán pháp thân đỉnh; nãi thành A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề. Dĩ thị nhân duyên, ngã kim hiệu Thiên nhân sư, thập lực chủng giác, chí cực Thế Tôn. Thiên thượng, nhân gian, vô

世尊。天上人間無與等者。等視眾生如羅睺羅。故名如來應供正遍知明行足善逝世間解無上士調御丈夫天人師佛世尊。憐愍世間化緣周畢。為眾生故今入涅槃。隨世間法如轉輪王。為令眾生普得供養。

阿難。我入涅槃如轉輪王。經停七日乃入金棺。以妙香油注滿棺中密蓋棺門。其棺四面應以七寶間雜莊嚴。一切寶幢香花供養。經七日已復出金棺。既出棺已應以一切眾妙香水。灌洗沐浴如來之身。既灌洗已以上妙兜羅綿遍體纏身。次以微妙無價白氎千張。復於綿上纏如來身又入金棺。復以微妙香油盛滿棺中閉棺令密。爾乃純以微妙牛頭栴檀沈水一切香木盛七寶車。一切眾寶以為莊嚴。載以寶棺至荼毘所。無數寶幢。無數寶蓋。無數寶衣。無數天樂。無數香花。周遍虛空悲哀供養。一切天人無數大眾。應各以栴檀沈水微妙香油荼毘如來。哀號戀慕荼毘已訖。天人四眾收取舍利盛七寶瓶。於都城內四衢道中。起七寶塔供養舍利。能令眾生得大功德。離三有苦至涅槃樂。

阿難當知。一切四眾起佛舍利七寶塔已。應當更起三塔供養。所謂辟支佛塔。阿羅漢塔。轉輪王塔。為令世間知歸依故。

dữ đẳng giả. Đẳng thị chúng sanh, như La-hầu-la. Cố danh: Như Lai, Ứng cúng, Chánh biến tri, Minh hạnh túc, Thiện thế, Thế gian giải, Vô thượng sĩ, Điều ngự Trượng phu, Thiên nhân sư, Phật, Thế Tôn. Lân mẫn thế gian, hóa duyên châu tất; vị chúng sanh cố, kim nhập Niết-bàn, tùy thế gian Pháp, như Chuyển Luân vương, vị linh chúng sanh phổ đắc cúng dường.

A-nan! Ngã nhập Niết-bàn, như Chuyển Luân vương: kinh đình thất nhật, nãi nhập kim quan. Dĩ diệu hương du, chú mãn quan trung, mật cái quan môn. Kỳ quan tứ diện, ứng dĩ thất bảo, gián tạp trang nghiêm. Nhất thiết bảo tràng, hương, hoa cúng dường. Kinh thất nhật dĩ, phục xuất kim quan. Kỳ xuất quan dĩ, ứng dĩ nhất thiết chúng diệu hương thủy, quán tẩy mộc dục Như Lai chi thân. Kỳ quán tẩy dĩ, dĩ thượng diệu đầu-la miên, biến thể thiên thân. Thứ dĩ vi diệu vô giá bạch điệp thiên trang, phục ư miên thượng, thiên Như Lai thân. Hựu nhập kim quan. Phục dĩ vi diệu hương du, thanh mãn quan trung; bế quan linh mật. Nhĩ nãi thuần dĩ vi diệu ngư đầu chiên-đàn, trầm thủy, nhất thiết hương mộc, thành thất bảo xa. Nhất thiết chúng bảo, dĩ vi trang nghiêm. Tải dĩ bảo quan chí trà-tỳ sở. Vô số bảo tràng, vô số bảo cái, vô số bảo y, vô số Thiên nhạc, vô số hoa hương, châu biến hư không, bi ai cúng dường. Nhất thiết thiên nhân, vô số Đại chúng, ứng các dĩ chiên-đàn, trầm thủy, vi diệu hương du, trà-tỳ Như Lai, ai hào luyến mộ. Trà-tỳ dĩ ngật, Thiên, nhân, tứ chúng thân thủ xá-lợi, thành thất bảo bình. Ư kỳ thành nội, tứ cù đạo trung, khởi thất bảo Tháp, cúng dường xá-lợi, năng linh chúng sanh đắc đại công đức, ly tam hữu khổ, chí Niết-bàn lạc.

A-nan đương tri: nhất thiết Tứ chúng, khởi xá-lợi thất bảo tháp dĩ, ứng đương cánh khởi tam tháp cúng dường. Sở vị: Bích-chi Phật Tháp, A-la-hán Tháp, Chuyển Luân vương Tháp; vị linh thế gian tri quy y cố.

阿難復白佛言。如來出世悲愍眾生。顯示十力大悲四無所畏。十二因緣四諦之法三解脫門。八種梵音雷震三界。五色慈光遍照六道。隨順眾生心業所轉。或得四果三乘所行。或證無漏無為緣覺之道。或入無滅無生菩薩之地。或得無量諸陀羅尼。或得五眼。或得六通。或脫三惡。或出八難。或離人天三界之苦。如來慈力清淨。如來解脫法門不可思議。乃至涅槃一切世間人天四眾起七寶塔。供養舍利得大功德。能令眾生脫三界苦入正解脫。以是因緣。佛般涅槃。一切世間人天大眾。報佛甚深無量慈恩。起七寶塔供養舍利。理應如是。

世尊。其餘三塔於諸眾生得何等利。而令起立恭敬供養。

佛告阿難。其辟支佛。悟法因緣入深法性。已脫諸有一切過患。能為人天而作福田。以是因緣起塔供養。所得福德次於如來。能令眾生皆得妙果。

阿難。其阿羅漢。於三界中生分已盡。不受後有梵行已立。能為世間而作福田。是故應當起塔供養。所得福德次辟支佛。亦令眾生皆得解脫。

阿難。其轉輪王。雖未解脫三界煩惱。福德力故治四天下。而以十善化育群生。是諸眾生之所尊敬。以是四眾起塔供養。所得福德亦復無量。

A-nan phục bạch Phật ngôn: Như Lai xuất thế, bi mẫn chúng sanh, hiển thị Thập lực, Đại bi, Tứ vô sở úy, Thập nhị nhân duyên, Tứ đế chi pháp, Tam giải thoát môn. Bát chủng Phạm-âm, lôi chấn tam giới. Ngũ sắc từ quang biến chiếu lục đạo. Tùy thuận chúng sanh tâm nghiệp sở chuyển, hoặc đắc tứ quả, Nhị thừa sở hành. Hoặc chứng vô lậu vô vi Duyên giác chi đạo. Hoặc nhập vô diệt vô sanh Bồ Tát chi địa. Hoặc đắc vô lượng chư Đà-la-ni, hoặc đắc ngũ nhãn; hoặc đắc lục thông; hoặc thoát tam ác; hoặc xuất bát nạn; hoặc ly nhân, thiên, Tam giới chi khổ. Như Lai từ lực thanh tịnh, Như Lai giải thoát pháp môn, bất khả tư nghị. Nãi chí Niết-bàn, nhất thiết thế gian: nhân, thiên, tứ chúng, khởi thất bảo tháp, cúng dường xá-lợi, đắc đại công đức, năng linh chúng sanh thoát tam giới khổ, nhập chánh giải thoát. Dĩ thị nhân duyên, Phật Bát Niết-bàn, nhất thiết thế gian: Nhân, Thiên, Đại chúng, báo Phật thậm thâm vô lượng từ ân, khởi thất bảo Tháp, cúng dường xá-lợi. Lý ứng như thị.

Thế Tôn! Kỳ dư tam tháp, ư chư chúng sanh, đắc hà đẳng lợi nhi linh khởi lập, cung kính cúng dường?

Phật cáo A-nan: Kỳ Bích-chi Phật, ngộ pháp nhân duyên, nhập thâm Pháp tánh, dĩ thoát chư hữu nhất thiết quá hoạn; năng vị nhân thiên nhi tác phước điền. Dĩ thị nhân duyên, khởi tháp cúng dường, sở đắc phước đức, thứ ư Như Lai; năng linh chúng sanh giai đắc diệu quả.

A-nan! Kỳ A-la-hán, ư Tam giới trung, sanh phận dĩ tận, bất thọ hậu hữu, Phạm hạnh dĩ lập; năng vị thế gian nhi tác phước điền. Thị cố ưng đương khởi Tháp cúng dường; sở đắc phước đức, thứ Bích-chi Phật; diệt linh chúng sanh giai đắc giải thoát.

A-nan! Kỳ Chuyển Luân vương, tuy vị giải thoát Tam giới phiền não, phước đức lực cố, trị tứ thiên hạ, nhi dĩ thập thiện, hóa dục quần sanh; thị chư chúng sanh chi sở tôn kính. Dĩ thị, tứ chúng khởi tháp cúng dường; sở đắc phước đức, diệc phục vô lượng.

阿難白佛言。佛般涅槃。一切四眾。當於何所茶毘如來得收舍利。唯願示教。

佛告阿難。佛般涅槃。一切四眾。若於拘尸城內茶毘如來。其城中人皆紹王位。則相討伐，爭訟無量。亦令一切得福階差。阿難。一切四眾可於城外茶毘如來。為令世間得福等故。

阿難白佛言。佛入涅槃茶毘已訖。一切四眾收舍利安置寶瓶。當於何所起七寶塔。一切皆得深心供養。唯願示教。

佛告阿難。佛般涅槃茶毘既訖。一切四眾收取舍利置七寶瓶。當於拘尸那伽城內四衢道中起七寶塔。高十三層。上有相輪。一切妙寶間雜莊嚴。一切世間眾妙花幡而嚴飾之。四邊欄楯七寶合成。一切裝鉸靡不周遍。其塔四面開一門。層層間次窗牖相當。安置寶瓶如來舍利。天人四眾瞻仰供養。

阿難。其辟支佛塔應十一層。亦以眾寶而嚴飾之。

阿難。其阿羅漢塔成以四層。亦以眾寶而嚴飾之。

阿難。其轉輪王塔。亦七寶成。無復層級。何以故。未脫三界諸有苦故。

爾時阿泥樓逗白佛言。佛涅槃後茶毘已訖。一切天人四部大眾。如何分布如來舍利而得供養。

A-nan phục bạch Phật ngôn: Phật Bát Niết-bàn, nhất thiết tứ chúng, đương ư hà sở, trà-tỳ Như Lai, đắc thân Xá-lợi? Duy nguyện thị giáo.

Phật cáo A-nan: Phật Bát Niết-bàn, nhất thiết tứ chúng, nhược ư Câu-thi thành nội, trà-tỳ Như Lai, kỳ thành trung nhân, giai thiệu vương vị, tắc tương thảo phạt, tranh tụng vô lượng, diệc linh nhất thiết đắc phước giai sai. A-nan! Nhất thiết tứ chúng khả ư thành ngoại, trà-tỳ Như Lai, vị linh thế gian đắc phước đẳng cố.

A-nan bạch Phật ngôn: Phật nhập Niết-bàn, trà-tỳ dĩ ngật, nhất thiết tứ chúng thân thủ xá-lợi, an trí bảo bình. Đương ư hà sở khởi thất bảo tháp, nhất thiết giai đắc thâm tâm cúng dường? Duy nguyện thị giáo.

Phật cáo A-nan: Phật Bát Niết-bàn, trà-tỳ ký ngật, nhất thiết tứ chúng thân thủ xá-lợi, trí thất bảo bình. Đương ư Câu-thi-na-già thành nội, tứ cù đạo trung, khởi thất bảo tháp, cao thập tam tầng. Thượng hữu tướng luân. Nhất thiết diệc bảo gián tạp trang nghiêm; nhất thiết thế gian chúng diệp hoa, phan, nhi nghiêm sức chi. Tứ biên lan thuẫn, thất bảo hiệp thành; nhất thiết trang giảo, my bất châu biến. Kỳ tháp tứ diện, diện khai nhất môn. Tầng tầng gian thứ, song dĩ tương đương. An trí bảo bình Như Lai xá-lợi, thiên, nhân tứ chúng chiêm ngưỡng cúng dường.

A-nan! Kỳ Bích-chi Phật tháp, ung thập nhất tầng; diệc dĩ chúng bảo nhi nghiêm sức chi.

A-nan! A-la-hán tháp, thành dĩ tứ tầng; diệc dĩ chúng bảo nhi nghiêm sức chi.

A-nan! Kỳ Chuyển Luân vương tháp diệc thất bảo thành, vô phục tầng cấp. Hà dĩ cố? Vị thoát tam giới chư hữu khổ cố.

Nhĩ thời, A-nê-lâu-đậu bạch Phật ngôn: Phật Niết-bàn hậu, trà-tỳ dĩ ngật, nhất thiết thiên, nhân, tứ bộ đại chúng như hà phân bố Như Lai xá-lợi nhi đắc cúng dường?

爾時佛告阿泥樓逗。我般涅槃汝等天人取佛舍利。以平等心分布三界一切六道世間供養。

爾時釋提桓因白佛。我今從佛敬請如來半身舍利。而我深心願供養故。

佛告天帝。如來等視眾生如羅睺羅。汝不應請半身舍利。何以故。平等利祐諸眾生故。

佛告天帝。我今與汝右邊上領一牙舍利。可於天上起塔供養。能令汝得福德無盡。

爾時天人一切大眾。悲哀流淚不能自裁。

爾時世尊普告四眾。佛般涅槃。汝等天人莫大愁惱。何以故。佛雖涅槃而有舍利常存供養。復有無上法寶。修多羅藏。毘那耶藏。摩達磨藏。以是因緣。三寶四諦常住於世。能令眾生深心歸依。何以故。供養舍利即是佛寶。見佛即見法身。見法身即見賢聖。見賢聖故即見四諦。見四諦故即見涅槃。是故當知三寶常住無有變易。能為世間作歸依故。

佛復告諸大眾。汝等莫大愁苦。我今於此垂欲涅槃。若戒若歸若常無常。三寶四諦六波羅蜜十二因緣。有所疑者當速發問為究竟問。佛涅槃後無復疑悔。三迴告眾。

Nhĩ thời, Phật cáo A-nê-lâu-đậu: Ngã Bát Niết-bàn nữ đẳng thiên, nhân thủ Phật xá-lợi, dĩ bình đẳng tâm, phân bố tam giới, nhất thiết lục đạo thế gian cúng dường.

Nhĩ thời, Thích-đề-hoàn-nhân bạch Phật: Ngã kim tùng Phật kính thỉnh Như Lai bán thân xá-lợi, nhi ngã thâm tâm nguyện cúng dường cố.

Phật cáo Thiên đế: Như Lai đẳng thị chúng sanh, như La-hầu-la. Nhữ bất ưng thỉnh bán thân xá-lợi. Hà dĩ cố? Bình đẳng lợi hữu chư chúng sanh cố.

Phật cáo Thiên đế: Ngã kim dĩ nữ hữu biên thượng hàm nhất nha xá-lợi; khả ư thiên thượng, khởi tháp cúng dường, năng linh nữ đắc phước đức vô tận.

Nhĩ thời, thiên, nhân, nhất thiết Đại chúng bi ai lưu lệ, bất năng tự tài.

Nhĩ thời, Thế Tôn phổ cáo tứ chúng: Phật Bát Niết-bàn, nữ đẳng thiên, nhân mạc đại sầu não. Hà dĩ cố? Phật tuy Niết-bàn, nhi hữu xá-lợi thường tồn cúng dường. Phục hữu vô thượng Pháp bảo: Tu-đa-la tạng, Tỳ-na-da tạng, Ma-đạt-ma tạng. Dĩ thị nhân duyên, Tam bảo, Tứ đế thường trụ ư thế, năng linh chúng sanh thâm tâm quy y. Hà dĩ cố? Cúng dường xá-lợi tức thị Phật bảo. Kiến Phật, tức kiến Pháp thân. Kiến Pháp thân, tức kiến hiền thánh. Kiến hiền thánh cố, tức kiến Tứ đế. Kiến Tứ đế cố, tức kiến Niết-bàn. Thị cố đương tri: Tam bảo thường trụ, vô hữu biến dịch; năng vị thế gian, tác quy y cố.

Phật phục cáo chư Đại chúng: Nhữ đẳng mạc đại sầu khổ. Ngã kim ư thủ, tùy dực Niết-bàn. Nhược giới, nhược quy, nhược thường, vô thường, Tam bảo, Tứ đế, Lục Ba-la-mật, Thập nhị nhân duyên, hữu sở nghi giả, đương tốc phát vấn, vi cứu cánh vấn. Phật Niết-bàn hậu, vô phục nghi hối. Tam hồi cáo chúng.

爾時四眾憂悲苦惱哽咽流淚。痛切中心追思戀慕愁毒悶絕。佛神力故掩淚寂然無發問者。何以故。一切四眾已於戒歸三寶四諦。通達曉了無有疑故。

爾時世尊知諸四眾無復餘疑歎言。善哉善哉。汝等四眾。已能通達三寶四諦無有疑也。猶如淨水洗蕩身垢。汝等當勤精進早得出離。莫生愁惱迷悶亂心。

爾時世尊於師子座。以真金手卻身所著僧伽梨衣。顯出紫磨黃金師子胸臆。普示大眾告言。汝等一切天人大眾。應當深心看我紫磨黃金色身。

爾時四眾一切瞻仰大覺世尊真金色身。目不暫捨悉皆快樂。譬如比丘入第三禪難生是中。

爾時世尊以黃金身示大眾已。即放無量無邊百千萬億大涅槃光。普照十方一切世界。日月所照無復光明。

於是光已復告大眾。當知如來為汝等故。累劫勤苦截身手足。盡修一切難行苦行。大悲本願於此五濁成阿耨多羅三藐三菩提。得此金剛不壞紫磨色身。具足三十二相八十種好。無量光明普照一切。見形遇光無不解脫。

佛復告諸大眾。佛出世難如優曇花希有難見。汝等大眾。最後遇我。為於此身不生空過。我以本

Nhĩ thời, Tứ chúng ưu bi khổ não, ngạnh yết lưu lệ, thống thiết trung tâm, truy tứ luyến mộ, sâu độc muộn tuyệt. Phật thần lực cố, yểm lệ tịch nhiên, vô phát vấn giả. Hà dĩ cố? Nhất thiết Tứ chúng, dĩ ư giới, quy, Tam bảo, Tứ đế, thông đạt hiểu liễu, vô hữu nghi cố.

Nhĩ thời, Thế Tôn tri chư Tứ chúng, vô phục dư nghi, thán ngôn: Thiện tai! Thiện tai! Nhữ đẳng Tứ chúng dĩ năng thông đạt Tam bảo, Tứ đế, vô hữu nghi dã; do như tịnh thủy, tẩy dăng thân cấu. Nhữ đẳng đương cần tinh tấn, tẩy đác xuất ly; mạc sanh sầu não, mê muộn loạn tâm.

Nhĩ thời, Thế Tôn, ư sư tử tọa, dĩ chân kim thủ, khước thân sở trước tăng-già-lê y, hiển xuất tử ma hoàn kim sư tử hung úc; phổ thị Đại chúng, cáo ngôn: Nhữ đẳng nhất thiết thiên, nhân, Đại chúng, ưng đương thâm tâm khán ngã tử ma hoàng kim sắc thân.

Nhĩ thời, Tứ chúng nhất thiết chiêm ngưỡng đại giác Thế Tôn chân kim sắc thân, mục bất tạm xả, tất giai khoái lạc, thí như tỳ-kheo nhập đệ tam thiên, nan sanh thị trung.

Nhĩ thời, Thế Tôn dĩ hoàng kim thân thị Đại chúng dĩ, tức phóng vô lượng vô biên bá thiên vạn úc Đại Niết-bàn quang, phổ chiếu thập phương nhất thiết thế giới. Nhật, nguyệt sở chiếu, vô phục quang minh.

Phóng thị quang dĩ, phục cáo đại chúng: Đương tri Như Lai, vị nhữ đẳng cố, lũy kiếp cần khổ, tiết thân thủ túc; tận tu nhất thiết nan hành khổ hạnh. Đại bi bốn nguyện, ư thủ ngũ trước, thành A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bô-đề; đác thủ kim cang bất hoại tử ma sắc thân: cụ túc tam thập nhị tướng, bát thập chủng hảo, vô lượng quang minh phổ chiếu nhất thiết. Kiến hình ngộ quang, vô bất giải thoát.

Phật phục cáo chư đại chúng: Phật xuất thế nan; như ưu-đàm hoa, hy hữu nan kiến. Nhữ đẳng Đại chúng, tối hậu ngộ ngã; vị ư thủ thân, bất sanh không quá. Ngã dĩ bốn thệ nguyện

誓願力生此穢土。化緣周畢今欲涅槃。汝等以至誠心看我紫磨黃金色身。汝當修習如是清淨之業。於未來世得此果報。

爾時世尊如是三反慇懃三告。以真金身示諸大眾。即從七寶師子大床。上昇處空高一多羅樹一反告言。我欲涅槃。汝等大眾。看我紫磨黃金色身。如是展轉高七多羅樹七反告言。我欲涅槃。汝等大眾。應當深心看我紫磨黃金色身。

從空中下坐師子床。復告大眾。我欲涅槃。汝等深心看我紫磨黃金色身。

爾時世尊從師子床復昇虛空高一多羅樹。復告大眾。我欲涅槃。汝等深心看我紫磨黃金色身。如是展轉高七多羅樹七反告言。我欲涅槃。汝等大眾。看我紫磨黃金色身。

從空中下坐師子床。復告大眾。我欲涅槃。汝等深心看我紫磨黃金色身。

爾時世尊從師子床復昇虛空高一多羅樹。復告大眾。我欲涅槃。汝等深心看我紫磨黃金色身。如是展轉高七多羅樹七反告言。我欲涅槃。汝等深心看我紫磨黃金色身。

從空中下坐師子床。復告大眾。我欲涅槃。汝等深心看我紫磨黃金色身。

lục, sanh tử uế độ; hóa duyên châu tất, kim dục Niết-bàn. Nhữ đẳng dĩ chí thành tâm, khán ngã tử ma hoàng kim sắc thân. Nhữ đẳng tu tập như thị thanh tịnh chi nghiệp; ư vị lai thế, đắc thủ quả báo.

Nhĩ thời, Thế Tôn như thị tam phản, ân cần tam cáo, dĩ chân kim thân, thị chư Đại chúng. Tức tùng thất bảo sư tử đại sàng, thượng thăng hư không, cao nhất đa-la thọ, nhất phản cáo ngôn: Ngã dục Niết-bàn. Nhữ đẳng Đại chúng, khán ngã tử ma hoàng kim sắc thân. Như thị triển chuyển, cao thất đa-la thọ; thất phản cáo ngôn: Ngã dục Niết-bàn. Nhữ đẳng đại chúng, ưng đương thâm tâm, khán ngã tử ma hoàng kim sắc thân.

Tùng không trung hạ, tọa sư tử sàng, phục cáo Đại chúng: Ngã dục Niết-bàn. Nhữ đẳng thâm tâm, khán ngã tử ma hoàng kim sắc thân.

Nhĩ thời, Thế Tôn tùng sư tử sàng, phục thăng hư không, cao nhất Đa-la thọ, phục cáo Đại chúng: Ngã dục Niết-bàn. Nhữ đẳng thâm tâm, khán ngã tử ma hoàng kim sắc thân. Như thị triển chuyển, cao thất Đa-la thọ; thất phản cáo ngôn: Ngã dục Niết-bàn. Nhữ đẳng Đại chúng khán ngã tử ma hoàng kim sắc thân.

Tùng không trung hạ, tọa sư tử sàng, phục cáo Đại chúng: Ngã dục Niết-bàn. Nhữ đẳng thâm tâm, khán ngã tử ma hoàng kim sắc thân.

Nhĩ thời, Thế Tôn tùng sư tử sàng phục thăng hư không cao nhất đa-la thọ, phục cáo Đại chúng: Ngã dục Niết-bàn. Nhữ đẳng thâm tâm, khán ngã tử ma hoàng kim sắc thân. Như thị triển chuyển, cao thất Đa-la thọ; thất phản cáo ngôn: Ngã dục Niết-bàn. Nhữ đẳng Đại chúng khán ngã tử ma hoàng kim sắc thân.

Tùng không trung hạ, tọa sư tử sàng, phục cáo Đại chúng: Ngã dục Niết-bàn. Nhữ đẳng thâm tâm, khán ngã tử ma hoàng kim sắc thân.

爾時世尊顯出如來紫磨黃金色身。普示大眾。如是三反上昇虛空高七多羅樹。三反從空中下坐師子床。如是慇懃二十四反告諸大眾。我欲涅槃。汝等深心看我金剛堅固不壞紫磨黃金無畏色身。如優曇花難可值遇。汝等當知。我欲涅槃。汝等應當以至誠心看我紫磨黃金色身。如熱渴人遇清冷水。飲之令飽無復餘念。汝等大眾。亦復如是。我欲涅槃。汝等大眾。應當深心瞻仰為是最後見於如來。自此見已無復再睹。汝等大眾。瞻仰令足無復後悔。

佛復告諸大眾。我涅槃後。汝諸大眾。應廣修行早出三有。勿復懈怠散心放逸。

爾時一切世界天人四眾。遇涅槃光瞻仰佛者。一切三塗八難世間人天所有煩惱。四重五逆極惡罪咎。永滅無餘皆得解脫。

爾時世尊顯出紫磨黃金色身。慇懃相告示大眾已。還舉僧伽梨衣如常所披。

Nhĩ thời, Thế Tôn hiển xuất Như Lai tử ma hoàng kim sắc thân, phổ thị Đại chúng. Như thị tam phản thượng thăng hư không, cao thất đa-la thọ, tam phản tùng không trung hạ, tọa sư tử sàng. Như thị ân cần nhị thập tứ phản, cáo chư Đại chúng: Ngã dục Niết-bàn. Nhữ đẳng thâm tâm, khán ngã kim cang kiên cố bất hoại tử ma hoàng kim vô úy sắc thân; như ưu-đàm hoa, nan khả trị ngộ. Nhữ đẳng đương tri: Ngã dục Niết-bàn. Nhữ đẳng ưng đương dĩ chí thành tâm, khán ngã tử ma hoàng kim sắc thân. Như nhiệt khát nhân, ngộ thanh lãnh thủy, ẩm chi linh bảo, vô phục dư niệm. Nhữ đẳng Đại chúng diệc phục như thị. Ngã dục Niết-bàn, nhữ đẳng Đại chúng ưng đương thâm tâm chiêm ngưỡng; vi thị tối hậu kiến ư Như Lai. Tự thử kiến dĩ, vô phục tái đố. Nhữ đẳng Đại chúng chiêm ngưỡng linh túc, vô phục hậu hối.

Phật phục cáo chư Đại chúng: Ngã Niết-bàn hậu, nhữ chư Đại chúng ưng quảng tu hành, tảo xuất tam hữu; vật phục giải đãi, tán tâm phóng dật.

Nhĩ thời, nhất thiết thế giới, thiên, nhân, tứ chúng, ngộ Niết-bàn quang, chiêm ngưỡng Phật giả, nhất thiết tam đồ, bát nạn, thế gian nhân thiên sở hữu phiền não, tứ trọng, ngũ nghịch, cực ác tội cữu, vĩnh diệt vô dư; giai đắc giải thoát.

Nhĩ thời, Thế Tôn hiển xuất tử ma hoàng kim sắc thân, ân cần tương cáo, thị Đại chúng dĩ, hoàn cử Tăng-già-lê y, như thường sở phi.

應盡還源品

第二

佛復告諸大眾。我今時至舉身疼痛。說是語已即入初禪。以涅槃光遍觀世界入寂滅定。

爾時世尊所言未訖即入初禪。從初禪出入第二禪。從二禪出入第三禪。從三禪出入第四禪。從四禪出入虛空處。從空處出入無邊識處。從識處出入不用處。從不用出入非想非非想處。從非非想處出入滅盡定。

從滅盡定出還入非想非非想處。從非非想出入不用處。從不用出入無邊識處。從無邊識處出入虛空處。從空處出入第四禪。從四禪出入第三禪。從三禪出入第二禪。從二禪出入第一禪。

爾時世尊。如是逆順入諸禪已。普告大眾。我以甚深波若。遍觀三界一切六道。諸山大海大地含生。如是三界根本性離。畢竟寂滅同虛空相。無名無識永斷諸有。本來平等無高下想。無見無聞無覺無知。不可繫縛不可解脫。無眾生無壽命。不生不起不盡不滅。非世間非非世間。涅槃生死皆不可得。二際平等諸法故。閑居靜住無所施為。究竟

ỨNG TẬN HOÀN NGUYÊN PHẨM

ĐỆ NHỊ

Phật phục cáo chư Đại chúng: Ngã kim thời chí, cử thân đông thông. Thuyết thị ngũ dĩ, tức nhập sơ thiên; dĩ Niết-bàn quang, biến quán thế giới, nhập tịch diệt định.

Nhĩ thời, Thế Tôn sở ngôn vị ngữ, tức nhập sơ thiên. Tùng sơ thiên xuất, nhập đệ nhị thiên. Tùng nhị thiên xuất, nhập đệ tam thiên. Tùng tam thiên xuất, nhập đệ tứ thiên. Tùng tứ thiên xuất, nhập hư không xứ. Tùng không xứ xuất, nhập vô biên thức xứ. Tùng thức xứ xuất, nhập bất dụng xứ. Tùng bất dụng xuất, nhập phi tướng phi phi tướng xứ. Tùng phi phi tướng xứ xuất, nhập diệt tận định.

Tùng diệt tận định xuất, hoàn nhập phi tướng phi phi tướng xứ. Tùng phi phi tướng xuất, nhập bất dụng xứ. Tùng bất dụng xuất, nhập vô biên thức xứ. Tùng vô biên thức xứ xuất, nhập hư không xứ. Tùng Không xứ xuất, nhập Đệ tứ thiên. Tùng tứ thiên xuất, nhập đệ tam thiên. Tùng tam thiên xuất, nhập đệ nhị thiên. Tùng nhị thiên xuất, nhập đệ nhất thiên.

Nhĩ thời, Thế Tôn như thị nghịch, thuận, nhập chư thiên dĩ, phổ cáo Đại chúng: Ngã dĩ thậm thâm Bát-nhã, biến quán Tam giới: nhất thiết lục đạo, chư sơn, đại hải, đại địa hàm sanh. Như thị Tam giới, căn bản tánh ly, tất cánh tịch diệt, đồng hư không tướng, vô danh, vô thức, vĩnh đoạn chư hữu, bản lai bình đẳng, vô cao hạ tướng, vô kiến vô văn, vô giác, vô tri, bất khả hệ phục, bất khả giải thoát, vô chúng sanh, vô thọ mạng, bất sanh, bất khởi, bất tận, bất diệt; phi thế gian, phi phi thế gian; Niết-bàn, sanh tử giai bất khả đắc; nhị tế bình đẳng, đẳng chư pháp cố. Nhân cư tĩnh trụ, vô sở thi vi. Cứu cánh an trí, tất bất

安置必不可得。從無住法法性施為。斷一切相一無所有。法相如是。其知是者名出世人。是事不知名生死始。汝等大眾。應斷無明滅生死始。

爾時世尊說是語已復入超禪。從初禪出入第三禪。從三禪出入虛空處。從虛空出入無所有處。從無所有出入滅盡想定。

從滅盡定出次第還入。至非想非非想處。從非非想出入無邊識處。從識處出入第四禪。從四禪出入第二禪。從二禪出入於初禪。

如是逆順入超禪已。復告大眾。我以摩訶般若。遍觀三界有情無情。一切人法悉皆究竟。無繫縛者。無解脫者。無主無依，不可攝持。不出三界。不入諸有。本來清淨無垢無煩惱。與虛空等。不平等非不平等。盡諸動念思想心息。如是法相名大涅槃。真見此法名為解脫。凡夫不知名曰無明。

作是語已復入超禪。從初禪出乃至入滅盡定。從滅盡定出乃至入初禪。

如是逆順入超禪已。復告大眾。我以佛眼遍觀三界一切諸法，無明本際性本解脫。於十方求了不能得。根本無故。所因枝葉皆悉解脫。無明解脫

khả đắc. Tùng vô trụ Pháp, Pháp tánh thi vi, đoạn nhất thiết tướng, nhất vô sở hữu. Pháp tướng như thị. Kỳ tri thị giả, danh xuất thế nhân; thị sự bất tri, danh sanh tử thủy. Nhữ đẳng đại chúng ưng đoạn vô minh, diệt sanh tử thủy.

Nhĩ thời, Thế Tôn thuyết thị ngũ dĩ, phục nhập siêu thiên. Tùng sơ thiên xuất, nhập đệ tam thiên. Tùng tam thiên xuất, nhập hư không xứ. Tùng hư không xuất, nhập vô sở hữu xứ. Tùng vô sở hữu xuất, nhập diệt tận tướng định.

Tùng diệt tận định xuất, thứ đệ hoàn nhập chí phi tướng phi phi tướng xứ. Tùng phi phi tướng xuất, nhập vô biên thức xứ. Tùng thức xứ xuất, nhập đệ tứ thiên. Tùng tứ thiên xuất, nhập đệ nhị thiên. Tùng nhị thiên xuất, nhập ư Sơ thiên.

Như thị nghịch, thuận nhập siêu thiên dĩ, phục cáo Đại chúng: Ngã dĩ Ma-ha Bát-nhã, biến quán tam giới: hữu tình, vô tình, nhất thiết nhân, pháp, tất giai cứu cánh vô hệ phục giả, vô giải thoát giả, vô chủ, vô y, bất khả nhiếp trì, bất xuất tam giới, bất nhập chư hữu, bản lai thanh tịnh, vô cấu, vô phiền não, dữ hư không đẳng. Bất bình đẳng, phi bất bình đẳng. Tận chư động niệm, tư tưởng, tâm tức. Như thị pháp tướng, danh Đại Niết-bàn. Chân kiến thủ pháp, danh vi giải thoát. Phạm phu bất tri, danh viết vô minh.

Tác thị ngũ dĩ, phục nhập siêu thiên. Tùng Sơ thiên xuất, nãi chí nhập Diệt tận định. Tùng Diệt tận định xuất, nãi chí nhập Sơ thiên.

Như thị nghịch, thuận, nhập Siêu thiên dĩ, phục cáo Đại chúng: Ngã dĩ Phật nhãn, biến quán tam giới: nhất thiết chư pháp, vô minh bản tế. Tánh bản giải thoát; ư thập phương cầu, liễu bất năng đắc; căn bản vô cố, sở nhân chi diệt, giai tất giải

故。乃至老死皆得解脫。以是因緣。我今安住常寂滅光名大涅槃。

爾時阿難。無極悲哀憂愁痛苦。心狂慌亂情識昏迷。如重醉人都無知覺。不見四眾。不知如來已入涅槃為未涅槃。

爾時世尊。如是三反從超入諸禪定遍觀法界。普為大眾三反說法。如來如是展轉二十七反入諸禪定。阿難。以不知故佛入一禪即致一問。如是二十七反問阿泥樓逗。佛已涅槃為未涅槃。

阿泥樓逗深知如來入諸禪定。二十七反皆答阿難。佛未涅槃。

爾時一切大眾皆悉慌亂都不覺知。如來涅槃為未涅槃。

爾時世尊。三反入諸禪定。三反示誨眾已。於七寶床右脅而臥。頭枕北方足指南方。面向西方後背東方。其七寶床微妙瓔珞以為莊嚴。娑羅樹林四雙八隻。西方一雙在如來前。東方一雙在如來後。北方一雙在佛之首。南方一雙在佛之足。

爾時世尊。娑羅林下寢臥寶床。於其中夜入第四禪寂然無聲。於是時頃便般涅槃。

thoát. Vô minh giải thoát cố, nãi chí lão tử, giai đắc giải thoát. Dĩ thị nhân duyên, ngã kim an trụ thường tịch diệt quang, danh Đại Niết-bàn.

Nhĩ thời, A-nan vô cực bi ai, ưu sâu thống khổ, tâm cuồng hoảng loạn, tình thức hôn mê, như trọng túy nhân, đô vô tri giác; bất kiến tứ chúng, bất tri Như Lai dĩ nhập Niết-bàn, vi vị Niết-bàn.

Nhĩ thời, Thế Tôn như thị tam phản, từng siêu, nhập chư thiên định; biến quán pháp giới, phổ vị Đại chúng, tam phản thuyết pháp. Như Lai như thị triển chuyển nhị thập thất phản, nhập chư thiên định. A-nan dĩ bất tri cố, Phật nhập nhất thiên, tức trí nhất vấn. Như thị nhị thập thất phản, vấn A-nê-lâu-đậu: Phật dĩ Niết-bàn, vi vị Niết-bàn?

A-nê-lâu-đậu, thâm tri Như Lai nhập chư thiên định, nhị thập thất phản, giai đáp A-nan: Phật vị Niết-bàn.

Nhĩ thời, nhất thiết Đại chúng giai tất hoảng loạn, đô bất giác tri Như Lai Niết-bàn, vi vị Niết-bàn.

Nhĩ thời, Thế Tôn tam phản nhập chư thiên định, tam phản thị hồi chúng dĩ, ư thất bảo sàng, hữu hiệp nhi ngọa, đầu chảm bắc phương, túc chỉ nam phương, diện hướng tây phương, hậu bối đông phương. Kỳ thất bảo sàng, vi diệu anh lạc dĩ vi trang nghiêm. Sa-la thọ lâm, tứ song bát chích: tây phương nhất song, tại Như Lai tiền; đông phương nhất song, tại Như Lai hậu; bắc phương nhất song, tại Phật chi thủ; nam phương nhất song, tại Phật chi túc.

Nhĩ thời, Thế Tôn, sa-la lâm hạ, tẩm ngọa bảo sàng. Ư kỳ trung dạ, nhập Đệ tứ thiên, tịch nhiên vô thính. Ư thị thời khoảnh, tiện bát Niết-bàn.

大覺世尊入涅槃已。其娑羅林東西二雙合為一樹。南北二雙合為一樹。垂覆寶床蓋於如來。其樹即時慘然變白猶如白鶴。枝葉花果皮幹悉皆爆裂墮落。漸漸枯悴摧折無餘。

爾時十方無量萬億恒河沙普佛世界。一切大地皆大震動。出種種音唱言。苦哉苦哉。世界空虛。演出無常苦空哀歎之聲。

爾時十方世界一切諸山。目真鄰陀山。摩訶目真鄰陀山。鐵圍山。大鐵圍山。諸須彌山香山寶山。金山黑山。一切大地所有諸山。一時震裂悉皆崩倒。出大音聲震吼世界唱言。苦哉苦哉。如何一旦世間孤露。慧日滅沒大涅槃山。一切眾生喪真慈父。失所敬天，無瞻仰者。

爾時十方世界一切大海。皆悉混濁沸湧濤波。出種種音唱言。苦哉苦哉。正覺已滅眾生罪苦。長夜久流生死大海。迷失正路何由解脫。

爾時一切江河溪澗溝壑。川流泉源渠井浴池。悉皆傾覆水盡枯涸。

爾時十方世界大地虛空寂然大闇。日月精光悉無復照。黑闇愁惱彌布世界。於是時間忽然黑風鼓怒驚振。吹扇塵沙彌闇世界。

Đại giác Thế Tôn nhập Niết-bàn dĩ, kỳ sa-la lâm, đông tây nhị song hiệp vi nhất thọ, nam bắc nhị song hiệp vi nhất thọ, thùy phú bảo sàng, cái ư Như Lai. Kỳ thọ tức thời thảm nhiên biến bạch, do như bạch hạc; chi, diệp, hoa, quả, bì, cán, tất giai bộc liệt, đọa lạc; tiệm tiệm khô tụy, tồi chiết vô dư.

Nhĩ thời, thập phương vô lượng vạn ức Hằng hà sa phổ Phật thế giới, nhất thiết đại địa giai đại chấn động, xuất chủng chủng âm, xướng ngôn: Khổ tai! Khổ tai! Thế giới hư không. Diễn xuất vô thường, khổ, không, ai thán chi thanh.

Nhĩ thời, thập phương thế giới, nhất thiết chư sơn: Mục-chân-lân-đà sơn, Ma-ha Mục-chân-lân-đà sơn, Thiết vi sơn, Đại thiết vi sơn, chư Tu-di sơn, Bảo sơn, Hương sơn, Kim sơn, Hắc sơn, nhất thiết đại địa sở hữu chư sơn, nhất thời chấn liệt, tất giai băng đảo; xuất đại âm thanh, chấn hống thế giới, xướng ngôn: Khổ tai! Khổ tai! Như hà nhất đán, thế gian cô lộ? Tuệ nhật diệt một Đại Niết-bàn sơn; nhất thiết chúng sanh táng chân từ phụ, thất sở kính thiên, vô chiêm ngưỡng giả!

Nhĩ thời, thập phương thế giới, nhất thiết đại hải, giai tất hỗn trước, phí dũng đào ba, xuất chủng chủng âm, xướng ngôn: Khổ tai! Khổ tai! Chánh giác dĩ diệt; chúng sanh tội khổ trường dạ cứu lưu sanh tử đại hải, mê thất chánh lộ, hà do giải thoát?

Nhĩ thời, nhất thiết giang hà, khô giản câu hác, xuyên lưu tuyên nguyên, cừ tỉnh dục trì, tất giai khuynh phúc, thủy tận khô hạc.

Nhĩ thời, thập phương thế giới, đại địa hư không, tịch nhiên đại ám; nhật nguyệt tinh quang, tất vô phục chiếu. Hắc ám sâu nã di bố thế giới. Ứ thị thời gian, hốt nhiên hắc phong cổ nộ kinh chấn, xuy phiến trần sa, di ám thế giới.

爾時大地一切卉木藥草諸樹，花果枝葉，悉皆摧折碎落無遺。

於是時頃十方世界一切諸天。遍滿虛空哀號悲歎。震動三千大千世界。雨無數百千種種上妙天香，天花。遍滿三千大千世界積高須彌供養如來。

於上空中復雨無數天幢，天幡，天瓔珞，天軒蓋，天寶珠。遍滿虛空變成寶臺。四面珠瓔七寶鉸絡。光明華彩供養如來。

於上空中復奏無數微妙天樂。鼓吹絃歌出種種音唱言。苦哉苦哉。佛已涅槃。世界空虛。群生眼滅。煩惱羅剎大欲流行。行苦相續痛輪不息。

爾時阿難。心慌迷悶都不覺知。不識如來已入涅槃未入涅槃。唯見非恒境界。復問樓豆。佛涅槃耶。

樓逗答言。大覺世尊已入涅槃。

爾時阿難聞是語已。悶絕躄地猶如死人。寂無氣息冥冥不曉。

爾時樓逗。以清冷水灑阿難面扶之令起。以善方便而慰喻之語阿難言。哀哉哀哉。痛苦。奈何奈何。莫大愁毒熱惱亂心。如來化緣周畢。一切人天無能留者。苦哉苦哉。奈何奈何。何期今日人天之師為事究竟。無能留者。奈何我與汝等且共裁抑。

Nhĩ thời, đại địa nhất thiết hủy mộc dược thảo chư thọ, hoa quả chi diệp, tất giai tồ chiết, toái lạc vô di.

Ư thị thời khoảnh, thập phương thế giới, nhất thiết chư thiên biến mãn hư không, ai hào bi thán, chấn động Tam thiên đại thiên thế giới, vũ vô số bá thiên chủng chủng thượng diệu thiên hương, thiên hoa, biến mãn Tam thiên đại thiên thế giới, tích cao Tu-di, cúng dường Như Lai.

Ư thượng không trung, phục vũ vô số thiên tràng, thiên phan, thiên anh lạc, thiên hiện cái, thiên bảo châu, biến mãn hư không, biến thành bảo đài, tứ diện châu anh, thất bảo giáo lạc, quang minh hoa thái, cúng dường Như Lai.

Ư thượng không trung, phục tấu vô số vi diệu thiên nhạc, cổ xúy huyền ca, xuất chủng chủng âm, xướng ngôn: Khổ tai! Khổ tai! Phật dĩ Niết-bàn. Thế giới không hư. Quân sanh nhân diệt; phiền não la-sát, đại dục lưu hành; hành khổ tương tục, thống luân bất túc.

Nhĩ thời, A-nan tâm khổ mê muội, đo bất giác tri, bất thức Như Lai dĩ nhập Niết-bàn, vị nhập Niết-bàn. Duy kiến phi hằng cảnh giới. Phục vấn Lâu-đậu: Phật Niết-bàn da?

Lâu-đậu đáp ngôn: Đại giác Thế Tôn dĩ nhập Niết-bàn.

Nhĩ thời, A-nan văn thị ngữ dĩ, muội tuyệt tịch địa, do như tử nhân, tịch vô khí tức, minh minh bất hiểu.

Nhĩ thời, Lâu-đậu dĩ thanh lãnh thủy, sái A-nan diện, phò chi linh khởi, dĩ thiện phương tiện nhi ủy dụ chi, ngứ A-nan ngôn: Ai tai, ai tai! Thống khổ! Nại hà! Nại hà! Mạc đại sâu độc, nhiệt não loạn tâm. Như Lai hóa duyên châu tất, nhất thiết nhân, thiên, vô năng lưu giả. Khổ tai! Khổ tai! Nại hà? Nại hà? Hà kỳ kim nhật nhân thiên chi sư, vi sự cứu cánh, vô năng lưu giả? Nại hà? Ngã dữ nhữ đẳng thả cộng tài ức.

復慰喻言。阿難。佛雖涅槃而有舍利無上法寶。常住於世。能為眾生而作歸依。我與汝等當勤精進。以佛法寶授與眾生。令脫眾苦報如來恩。

爾時阿難。聞慰喻已漸得醒悟。哽咽流淚悲不自勝。其拘尸那城娑羅林間縱廣十二由旬。天人大眾皆悉遍滿。尖頭針鋒受無量眾。間無空缺不相障蔽。

爾時無數億菩薩一切大眾。悉皆迷悶昏亂濁心。都不覺知如來涅槃及未涅槃。唯見非恆變動。一時同問樓逗。佛涅槃耶。

爾時樓逗告諸大眾一切天人。大覺世尊已入涅槃。

爾時無數一切大眾聞是語已。一時昏迷悶絕蹙地。苦毒入心隘聲不出。其中或有隨佛滅者。或失心者。或身心戰掉者。或互相執手哽咽流淚者。或常捶胸大叫者。或舉手拍頭自拔髮者。或有唱言痛哉痛哉荼毒苦哉。或有唱言如來涅槃一何疾哉。或有唱言失我所敬天者。或有歎言世界空虛眾生眼滅者。或有歎言煩惱大鬼已流行者。或有歎言眾生善芽種子滅者。或有歎言魔王欣慶解甲冑者。或有呵責身心無常觀者。或有正觀得解脫者。或有傷歎無歸依者。中有遍體血現流灑地者。如是異類殊音。一切大眾哀聲普震一切世界。

Phục ủy dụ ngôn: A-nan! Phật tuy Niết-bàn, nhi hữu xá-lợi, vô thượng Pháp bảo, thường trụ ư thế; năng vị chúng sanh nhi tác quy y. Ngã dĩ nhữ đẳng, đương cần tinh tấn, dĩ Phật Pháp bảo, thọ dĩ chúng sanh, linh thoát chúng khổ, báo Như Lai ân.

Nhĩ thời, A-nan văn ủy dụ dĩ, tiêm đắc tỉnh ngộ, ngạnh yết lưu lệ, bi bất tự thắng. Kỳ Câu-thi-na thành, sa-la lâm gian, túng quảng thập nhị do tuần, thiên, nhân đại chúng giai tất biến mãn; tiêm đầu châm phong, thọ vô lượng chúng, gian vô không khuyết, bất tương chướng tế.

Nhĩ thời, vô số ức Bồ Tát, nhất thiết đại chúng, tất giai mê muội, hôn loạn trước tâm; đô bất giác tri Như Lai Niết-bàn cập vị Niết-bàn. Duy kiến phi hằng biến động; nhất thời đồng vấn Lâu-đậu: Phật Niết-bàn da?

Nhĩ thời, Lâu-đậu cáo chư đại chúng, nhất thiết thiên, nhân: Đại giác Thế Tôn dĩ nhập Niết-bàn.

Nhĩ thời, vô số nhất thiết đại chúng, văn thị ngữ dĩ, nhất thời hôn mê, muội tuyệt tịch địa; khổ độc nhập tâm, ải thịnh bất xuất. Kỳ trung hoặc hữu tùy Phật diệt giả; hoặc thất tâm giả; hoặc thân tâm chiến trạo giả; hoặc hồ tương chấp thủ, ngạnh yết lưu lệ giả; hoặc thường chùy hung đại khiêu giả; hoặc cử thủ phách đầu, tự bạt phát giả. Hoặc hữu xướng ngôn: Thống tai! Thống tai! Đồ độc khổ tai! Hoặc hữu xướng ngôn: Như Lai Niết-bàn, nhất hà tật giả? Hoặc hữu xướng ngôn: Thất ngã sở kính thiên giả! Hoặc hữu thán ngôn: Thế giới không hư, chúng sanh nhân diệt giả! Hoặc hữu thán ngôn: Chúng sanh thiện nha chủng tử diệt giả! Hoặc hữu thán ngôn: Ma vương hân khánh, giải giáp trụ giả! Hoặc hữu ha trách thân tâm, vô thường quán giả. Hoặc hữu chánh quán, đắc giải thoát giả. Hoặc hữu thương thán: Vô quy y giả. Trung hữu biến thể huyết hiện, lưu sái địa giả. Như thị dị loại thù âm, nhất thiết đại chúng ai thịnh phổ chấn nhất thiết thế giới.

爾時娑婆世界主尸棄大梵天王。知佛已入涅槃。與諸天眾即從初禪飛空而下。舉聲大哭流淚悲咽。投如來前悶絕躄地。久乃蘇醒哀不自勝。即於佛前以偈悲歎。

世尊往昔本誓願
為我等故居忍土
乃隱無量自在力
貧所樂法度眾生
方便逐宜隨應說
眾生無不受安樂
誘進令出三有苦
究竟皆至涅槃道
如來慈母育眾生
普飲眾生大悲乳
何期一旦忽捨離
人天孤露無所依
痛哉眾生善種芽
無天甘露令增長
善芽漸漸衰滅已
罪業相牽墮惡道

Nhĩ thời, Ta-bà thế giới chủ, Thi-khí Đại Phạm Thiên vương, tri Phật dĩ nhập Niết-bàn, dĩ chư thiên chúng, tức tùng Sơ thiên, phi không nhi há, cử thanh đại khóc, lưu lệ bi yết, đầu Như Lai tiên, muộn tuyệt tịch địa, cửu nãi tô tỉnh, ai bất tự thắng. Tức ư Phật tiên, dĩ kệ bi thán:

Thế Tôn vãng tích bốn thế nguyện,
Vị ngã đấng cố cư nhẫn độ;
Nãi ẩn vô lượng tự tại lực,
Bần sở lạc pháp độ chúng sanh.
Phương tiện trực nghi tùy ứng thuyết,
Chúng sanh vô bất thọ an lạc;
Ủy tấn linh xuất tam hữu khổ,
Cứu cánh giai chí Niết-bàn đạo.
Như Lai từ mẫu dục chúng sanh,
Phổ ảm chúng sanh đại bi nhũ;
Hà kỳ nhất đán hốt xả ly,
Nhân, thiên cô lộ vô sở y?
Thống tai chúng sanh thiện chủng nha!
Vô thiên cam lộ linh tăng trưởng;
Thiện nha tiệm tiệm suy diệt dĩ,
Tội nghiệp tương khiên đọa ác đạo.

奈何世界悉空虛
眾生正慧眼已滅
既行無明黑闇中
墮落三有淪溺苦

奈何眾生罪無救
願依舍利得解脫
勸請如來大悲力
救護令我脫苦地

何其痛哉此惡世
如來棄我入涅槃。

爾時釋提桓因。與諸大眾從空而下唱言。苦哉苦哉。發聲大哭悲泣流淚。投如來前悶絕躄地。久乃蘇醒悲哀哽咽。胡跪佛前。說偈哀歎。

如來歷劫行苦行
普為我等群生故
得成無上正覺道
等育眾生如一子
施法藥中為上藥
療病醫中為勝醫

Nại hà thế giới tất không hư?
Chúng sanh chánh tuệ nhãn dĩ diệt;
Kỷ hành vô minh hắc ám trung,
Đọa lạc tam hữu luân nịch khổ.

Nại hà chúng sanh tội vô cứu?
Nguyện y xá-lợi đắc giải thoát;
Khuyến thỉnh Như Lai đại bi lực,
Cứu hộ linh ngã thoát khổ địa.

Hà kỳ thống tai thử ác thế?
Như Lai khí ngã nhập Niết-bàn!

Nhĩ thời, Thích-đề-hoàn-nhân dĩ chư đại chúng, tùng không nhi há, xướng ngôn: Khổ tai! Khổ tai! Phát thính đại khóc, bi khắp lưu lệ, đầu Như Lai tiên, muộn tuyệt tịch địa, cửu nãi tô tỉnh, bi ai ngạnh yết, hồ quy Phật tiên, thuyết kệ ai thán:

Như Lai lịch kiếp hành khổ hạnh,
Phổ vị ngã đẳng quần sanh cố;
Đắc thành Vô thượng Chánh giác đạo,
Đẳng dục chúng sanh như nhất tử.
Thí pháp dục trung vi thượng dục,
Liệu bệnh y trung vi thắng y;

大慈悲雲蔭眾生
甘露慧雨雨一切

慧日光照無明闇
無明眾生見聖道
聖月慈光照六趣
三有蒙光脫眾苦

何期於今捨大悲
已入涅槃眾不見
本誓大悲今何在
棄捨眾生如涕唾

我等一切諸眾生
如犢失母必當死
四眾互相執手哭
搥胸大哀動三界

苦哉苦哉諸有人
如何一旦盡孤露
我等福盡苦何甚
善芽焦燃無復潤

唯願法寶舍利光
照我令脫三有苦

Đại từ bi vân âm chúng sanh,
Cam lộ tuệ vũ vũ nhất thiết.

Tuệ nhật quang chiếu vô minh ám,
Vô minh chúng sanh kiến Thánh đạo;
Thánh nguyệt từ quang chiếu lục thú,
Tam hữu môn quang thoát chúng khổ.

Hà kỳ ư kim xả đại bi,
Dĩ nhập Niết-bàn chúng bất kiến?
Bổn thệ đại bi kim hà tại,
Khí xả chúng sanh như thế thóa?

Ngã đẳng nhất thiết chư chúng sanh,
Như độc thất mẫu tất đương tử;
Tứ chúng hỗ tương chấp thủ khóc,
Chùy hung đại ai động Tam giới.

Khổ tai! Khổ tai! Chư hữu nhân,
Như hà nhất đán tận cô lộ?
Ngã đẳng phước tận khổ hà thậm?
Thiện nha tiêu nhiên vô phục nhuận.

Duy nguyện Pháp bảo, xá-lợi quang,
Chiếu ngã linh thoát tam hữu khổ.

哀哉痛哉我等眾
幾何重得見如來

爾時樓逗。悲哀號泣傷悼無量。胡跪佛前。以
偈悲歎。

正覺法王育我等
飲我法乳長法身
眾生法身未成立
又復慧命少資糧
應以八音常演暢
令眾聞已悉悟道
常放大慈五色光
令眾蒙光皆解脫
如何今已永涅槃
行苦眾生何依趣
苦哉世尊捨大悲
我等孤窮必當死
雖知世尊現方便
我等無能不悲哀
四眾迷悶昏失心
哀動天地震三界

Ai tai! Thống tai! Ngã đấng chúng,
Kỷ hà trùng đắc kiến Như Lai?

Nhĩ thời, Lâu-đậu bi ai hào khắp, thương diệu vô lượng, hồ
quy Phật tiên, dĩ kệ bi thán:

Chánh giác Pháp vương dục ngã đấng,
Ẩm ngã Pháp nhũ trưởng Pháp thân.
Chúng sanh Pháp thân vị thành lập,
Hựu phục tuệ mạng thiếu tư lương,
Ứng dĩ bát âm thường diễn xướng,
Linh chúng văn dĩ tất ngộ đạo;
Thường phóng đại từ ngũ sắc quang,
Linh chúng mộng quang giai giải thoát
Như hà kim dĩ vĩnh Niết-bàn?
Hành khổ chúng sanh hà y thú?
Khổ tai! Thế Tôn xả đại bi,
Ngã đấng cô cùng tất đương tử.
Tuy tri Thế Tôn hiện phương tiện,
Ngã đấng vô năng bát bi ai;
Tứ chúng mê muộn hôn thất tâm,
Ai động thiên địa, chấn Tam giới.

世尊獨處大安樂
 眾生大苦欲何之
 世尊往昔為我等
 眾劫捨頭截手足
 得成無上正覺道
 不久住世即涅槃
 我及四眾處無明
 魔王欣慶捨甲冑
 哀哉世尊願大悲
 舍利慈光攝我等
 伏請世尊愍四眾
 法寶流潤願不窮
 我等不能即殞滅
 苟存餘命能幾何
 苦哉痛切難堪忍
 重見世尊無復期

爾時阿難。悶絕漸醒舉手拍頭。搥胸哽咽悲泣
 流淚。哀不自勝。長跪佛前。以偈悲歎。

我昔與佛誓願力
 幸共同生釋種中

Thế Tôn độc xử đại an lạc,
 Chúng sanh đại khổ, dục hà chi?
 Thế Tôn vãng tích vị ngã đẳng,
 Chúng kiếp xả đầu, tiệt thủ túc;
 Đắc thành vô thượng chánh giác đạo,
 Bất cử trụ thế, tức Niết-bàn.
 Ngã cập tứ chúng xử vô minh,
 Ma vương hân khánh xả giáp trụ;
 Ai tai! Thế Tôn! Nguyên Đại bi
 Xả-lợi từ quang nhiếp ngã đẳng.
 Phục thỉnh Thế Tôn mẫn tứ chúng,
 Pháp bảo lưu nhuận nguyện bất cùng.
 Ngã đẳng bất năng, tức vẫn diệt;
 Cầu tồn, dư mạng năng kỷ hà?
 Khổ tai! Thống thiết nan kham nhẫn!
 Trùng kiến Thế Tôn, vô phục kỳ.

Nhĩ thời, A-nan muộn tuyệt tiệm tỉnh, cử thủ phách đầu, chùy hung ngạnh yết, bi khấp lưu lệ, ai bất tự thắng; trường quy Phật tiên, dĩ kệ bi thán:

Ngã tích dĩ Phật thệ nguyện lực,
 Hạnh cộng đồng sanh Thích chủng trung;

如來得成正覺道
我為侍者二十載
深心敬養情不足
一旦見棄入涅槃
哀哉哀哉荼毒苦
無極長夜痛切心
我身未脫諸有網
無明之殼未出離
世尊慧觜未啄破
如何見捨疾涅槃
我如初生之嬰兒
失母不久必當死
世尊如何見放捨
獨出三界受安樂
我今懺悔於世尊
侍佛已來二十年
四威儀中多懈墮
不能悅可大聖心
願正覺尊大慈悲
施我甘露令安樂
我願窮盡未來際
常覲世尊為侍者

Như Lai đắc thành chánh giác đạo,
Ngã vi thị giả nhị thập tải.
Thâm tâm kính dưỡng tình bất túc,
Nhất đán kiến khí nhập Niết-bàn;
Ai tai! Ai tai! Đồ độc khổ!
Vô cực trường dạ thống thiết tâm.
Ngã thân vị thoát chư hữu vông,
Vô minh chi xác vị xuất ly;
Thế Tôn tuệ truy vị trác phá,
Như hà kiến xả, tặc Niết-bàn?
Ngã như sơ sanh chi anh nhi,
Thất mẫu, bất cứu tất đương tử;
Thế Tôn như hà kiến phóng xả,
Độc xuất Tam giới, thọ an lạc?
Ngã kim sám hối ư Thế Tôn,
Thị Phật dĩ lai nhị thập niên;
Tứ oai nghi trung đa giải nọa,
Bất năng duyệt khả Đại thánh tâm.
Nguyện Chánh giác tôn đại từ bi
Thí ngã cam lộ linh an lạc;
Ngã nguyện cùng tận vị lai tế,
Thường cận Thế Tôn vi thị giả.

唯願世尊大慈光
一切世界攝受我
痛哉痛哉不可說
嗚咽何能陳聖恩

爾時無數億恒河沙菩薩。一切世間天人大眾。互相執手悲泣流淚。哀不自勝各相裁抑。即皆自辦無數微妙香花。曼陀羅花，摩訶曼陀羅花，曼殊沙花，摩訶曼殊沙花，無數天上人間海岸栴檀沈水。百千萬種和香。無數香泥香水。寶蓋寶幢寶幡真珠瓔珞。遍滿虛空。投如來前。悲哀供養。

爾時拘尸城內男女大小一切人眾悲哀流淚。各辦無數微妙香花幡蓋等倍勝於前。投如來所悲哀供養。

爾時四天王。與諸天眾悲哀流淚。各辦無數香花一切供養等三倍於前。悲泣流淚來詣佛所。投如來前，悲哀供養。

五天如是倍勝於前。

色界無色界諸天亦如是倍勝供養。

大般涅槃經卷第四十一

終

Duy nguyện Thế Tôn đại từ quang,
Nhất thiết thế giới, nhiếp thọ ngã.
Thống tai! Thống tai! Bất khả thuyết!
Minh yết hà năng trần Thánh ân.

Nhĩ thời, vô số ức Hằng hà sa Bồ Tát, nhất thiết thế gian thiên nhân đại chúng, hỗ tương chấp thủ, bi khắp lưu lệ, ai bất tự thắng. Các tướng tài ức, tức giai tự biện vô số vi diệu hương hoa: mạn-đà-la hoa, ma-ha mạn-đà-la hoa, mạn-thù-sa hoa, ma-ha mạn-thù-sa hoa; vô số thiên thượng nhân gian hải ngạn chiêm-đàn, trầm thủy, bá thiên vạn chủng hòa hương, vô số hương nê, hương thủy; bảo cái, bảo tràng, bảo phan, chân châu anh lạc, biến mãn hư không; dầu Như Lai tiên, bi ai cúng dường.

Nhĩ thời, Câu-thi thành nội, nam, nữ, đại, tiểu, nhất thiết đại chúng, bi ai lưu lệ, các biện vô số vi diệu hương hoa, phan, cái đảnh, bội thắng ư tiên; dầu Như Lai sở, bi ai cúng dường.

Nhĩ thời, Tứ thiên vương dĩ chư thiên chúng, bi ai lưu lệ, các biện vô số hương hoa, nhất thiết cúng dường đảnh, tam bội ư tiên, bi khắp lưu lệ, lai nghệ Phật sở; dầu Như Lai tiên, bi ai cúng dường.

Ngũ thiên như thị, bội thắng ư tiên.

Sắc giới, Vô sắc giới chư thiên diệc phục như thị, bội thắng cúng dường.

Đại Bát Niết-bàn Kinh quyển đệ tứ thập nhất

Chung

KINH ĐẠI BÁT NIẾT-BÀN QUYỂN BỐN MƯƠI MỐT PHẨM KIỀU-TRẦN-NHƯ

Phẩm thứ mười ba - Phần ba

Lúc ấy, ông Tu-bạt-đà nghe Phật thuyết giảng giáo pháp Đại Bát Niết-bàn thâm sâu mầu nhiệm, liền đạt được con mắt Chánh pháp, nhìn thấy pháp thanh tịnh, [sinh tâm] ưa thích bảo vệ Chánh pháp, dẹp bỏ những tà kiến [trước đây]; khởi sinh lòng tin sâu vững kiên cố đối với pháp Phật, liền thỉnh cầu đức Như Lai nhận cho ông được xuất gia.

Phật dạy: “Lành thay, lành thay! Hãy đến đây, tỳ-kheo Tu-bạt-đà! Ta thật vui thay khi ông khéo vào được trong đạo Phật.”

Lời Phật vừa dứt, Tu-bạt-đà [liền cảm thấy trong lòng] hoan hỷ phấn chấn, hết sức hoan mừng rỡ, ngay khi đó râu tóc tự nhiên rụng sạch, trở thành một vị sa-môn. [Nhờ] nước trí tuệ tánh pháp rưới xuống nguồn tâm [nên] không còn trói buộc vướng mắc nữa, phiền não dứt sạch, tâm ý khai mở, [lập tức] chứng đắc quả A-la-hán.

Tu-bạt-đà sau khi chứng đắc thánh quả liền đến trước Phật chiêm ngưỡng tôn nhan, cúi đầu và mặt sát dưới chân Phật lễ kính, rồi vén trần vai áo bên phải, ^(*) quì gối phải sát đất, hai tay chấp lại cung kính, buồn vui lẫn lộn, tự hồi trách một cách sâu xa những tội lỗi [sai lầm]

của mình ngày trước, bạch Phật rằng: “Thế Tôn! Đáng giận thay cái thân độc hại này của con, từ nhiều kiếp đến nay thường dối gạt mê hoặc con, khiến con chìm mãi trong vô minh, tà kiến, trôi dắm trong Ba cõi, trong pháp của ngoại đạo. Thật đau đớn thay! Thật khổ sở thay! Gây hại lớn thay! Nay con hết sức vui mừng, nhờ ơn Như Lai được vào Chánh pháp. Đức Thế Tôn trí tuệ như biển cả, lòng từ bi thương xót [chúng sanh] không kể xiết. Riêng con tự suy xét, dầu trải qua nhiều kiếp nát thân để báo đáp ân đức của Phật trong phút chốc này cũng còn chưa đủ!”

Ông Tu-bạt-đà nói lời ấy rồi buồn khóc rơi lệ, không sao tự kiềm chế. Rồi ông lại bạch Phật: “Thế Tôn! Con nay đã già yếu, không còn sống được bao lâu nữa, nhưng chưa thoát được mọi nỗi khổ, e vẫn còn bị sự khổ vô thường biến đổi quay lại bức bách. Nguyện cầu đức Thế Tôn nán lại ít lâu để dạy bảo, thương xót cứu giúp con, đừng nhập Niết-bàn.”

Bấy giờ, đức Thế Tôn lặng thinh không chấp nhận. Tu-bạt-đà thỉnh cầu không được toại nguyện, lấy làm buồn rầu bứt rứt, lớn tiếng than rằng: “Khổ thay, khổ thay! Thế gian [này sắp] trống rỗng! Thế gian [này sắp] trống rỗng! Tại sao hôm nay nỗi lo sợ lớn lao lại xảy đến, phiền não thiêu đốt khắp nơi? Than ôi, than ôi! Phước đức của chúng sanh không còn nữa, con mất trí tuệ chân chánh không còn nữa!”

Tu-bạt-đà than rồi rơi lệ, bi thảm nghẹn ngào nức không thành tiếng, rướm máu khắp toàn thân, cất tiếng khóc lớn. Liền đó ông gieo mình xuống đất trước mặt Như Lai, tâm thần hoang mang rối loạn, hôn mê bất tỉnh.

Hồi lâu ông tỉnh lại, nước mắt tràn trề, nghẹn ngào bạch Phật: “Thế Tôn! Nay con không sao chịu được việc nhìn thấy Như Lai buông bỏ tất cả mà nhập Niết-bàn. Trong lòng con đau đớn buồn khổ không sao ngăn được. Làm sao con có thể tự mình ở lại với cái thân giả tạm độc hại này? Nên con thà mau chóng tự diệt [thân] trước. Ngưỡng mong đức Thế Tôn sau đó hãy nhập Niết-bàn.”

Bấy giờ, Tu-bạt-đà nói ra những lời ấy rồi lại không ngớt bi lụy nghẹn ngào, ngay trong chốc lát liền nhập Niết-bàn.

Bấy giờ có vô số ức chư Đại Bồ Tát, tỳ-kheo, tỳ-kheo ni, tất cả thế gian, trời, người, a-tu-la nhiều như số cát sông Hằng, không thể tính đếm, đồng thời cất tiếng kêu than rằng: “Khổ thay, khổ thay! Vì sao đáng Chánh giác chỉ trong một ngày buông bỏ tất cả, [khiến chúng con] không còn ai làm chủ, không còn chỗ quay về, không còn nơi nương dựa, không còn chỗ noi theo!”

[Rồi tiếp nối dòng] suy tưởng nhớ nhưng, luyến mộ bi thương, [mọi người cùng] nắm tay nhau đấm ngực than khóc, buồn đau thất vọng, mê muội quên cả phương hướng, nổi bi ai thấu khắp cả thế giới Tam thiên đại thiên.

Lúc ấy, đức Thế Tôn [cùng lúc] phát ra tám loại âm thanh,⁽²⁾ bảo khắp đại chúng rằng: “[Đại chúng] đừng lớn tiếng kêu khóc như trẻ con, mỗi người hãy tự kiềm chế, đừng tự làm cho tâm mình rối loạn. Các người ở trong chốn biển lớn sanh tử của khổ não vô thường biến dị này, hãy chuyên cần tu tập tâm thanh tịnh, đừng để mất niệm và tuệ, mau cầu cho được trí tuệ chân chánh để gấp rút ra khỏi các cảnh giới hiện hữu.

“[Này đại chúng! Nếu còn] thọ thân trong Ba cõi thì vòng xoay khổ não không có giới hạn. [Trong đó,] vô minh là ông chủ, sự ân ái là Ma vương, [cùng] sai khiến thân tâm trở thành tội lỗi, chạy theo khắp các cảnh giới, tạo nghiệp sanh tử; [khởi sanh] tham lam, sân khuê, cuồng si, mỗi một niệm tưởng nối tiếp nhau đều gây sự tổn hại, [nên] từ vô lượng kiếp đến nay thường chịu khổ não. Có kẻ trí nào lại không đi ngược lại nguồn cội ấy?

“Các người nên biết, ta từ thuở rất xa xưa đến nay đã nhập phép định Đại tịch, không có các ấm, giới, nhập; dứt trừ mãi mãi mọi cảnh giới hiện hữu, [đã đạt được] kho báu Kim cang [là Đại Niết-bàn] thường, lạc, ngã, tịnh. Nay ta ở trong [đại định] này mà hiển bày việc khó nghĩ bàn, hiện sức phương tiện, nhập Đại Niết-bàn, thị hiện [sự hoại diệt] giống như pháp thế gian, vì muốn cho chúng sanh biết rằng thân [xác thật] này [thoáng qua] như điện chớp mà chỉ sanh lòng ưa thích [việc tu] tâm; sanh tử là dòng nước xiết, chảy nhanh cuốn mạnh, hết thảy các pháp vô thường biến dịch luân chuyển, đúng lẽ như vậy.

“Niết-bàn của Như Lai là rất sâu xa, không thể nghĩ bàn. Đó là cảnh giới của chư Phật, Bồ Tát, không phải chỗ hàng Thanh văn, Duyên giác có thể biết được.”

Đức Phật lại bảo đại chúng: “Ông Tu-bạt-đà đã từng cúng dường chư Phật nhiều như số cát sông Hằng, ở nơi các đức Phật ấy trông sâu căn lành. Vì nguyện lực lớn lao nên ông ấy thường [thị hiện] xuất gia tu hành trong giáo pháp của ngoại đạo Ni-kiền, dùng trí tuệ phương tiện để dẫn dụ những chúng sanh tà kiến, lạc mất Chánh đạo, khiến họ đạt được trí tuệ chân chánh. Tu-bạt-đà nương

theo nguyện lực từ trước nên nay được gặp ta vào lúc sắp nhập Niết-bàn, được nghe Chánh pháp, chứng đắc quả A-la-hán, sau đó liền nhập Niết-bàn.

“Từ khi ta [vừa] thành đạo hóa độ [nhóm ông] A-nhã Kiều-trần-như; đến nay sắp nhập Niết-bàn hóa độ ông Tu-bạt-đà. Những việc [cần] làm của ta không còn gì nữa, dù ta có trụ lại thế gian lâu hơn cũng không có gì khác hơn so với hôm nay.”

Nói xong lời ấy, đức Thế Tôn thở dài rồi lên tiếng ngợi khen rằng: “Lành thay, lành thay! Tu-bạt-đà đã báo đáp được ơn Phật. Đại chúng nên cúng dường di thể, lập tháp phụng thờ.”

Bấy giờ, đại chúng đều buồn bã bi thảm, cố nén lệ sầu, vâng lời Phật dạy, dùng các thứ gỗ thơm, bơ, dầu để làm lễ hỏa táng di thể Tu-bạt-đà. Đang khi hỏa táng, Tu-bạt-đà từ trong lửa đỏ phóng ra hào quang chói sáng, thị hiện mười tám cách biến hóa: trên thân tuôn nước, dưới thân tuôn lửa; từ hông mặt tuôn lửa, từ hông trái tuôn nước; từ nhỏ hiện thành lớn, từ lớn hiện thành nhỏ; [biến hóa như vậy] đầy khắp hư không.

Lúc ấy, vô số [người trong] đại chúng và những chúng sanh ngoại đạo tà kiến đều phát tâm Bồ-đề, thể nhập vào sự thấy biết chân chánh.

Tu-bạt-đà thị hiện thân thông biến hóa như vậy rồi lại hiện trở vào trong lửa. Lễ hỏa táng vừa xong, tất cả đại chúng đều bi thương cảm động, thu nhặt xá-lợi, xây tháp cúng dường.

LỜI DẠY CUỐI CÙNG

Phẩm thứ nhất⁽³⁾

Lúc ấy, đức Phật dạy A-nan và đại chúng: “Sau khi ta diệt độ, hàng đệ tử xuất gia và tại gia đều nên chuyên cần gìn giữ bảo vệ kinh Đại Niết-bàn này. Trong vô lượng vạn ức a-tăng-kỳ kiếp, ta đã tu tập pháp Đại Niết-bàn rất khó được này. Nay ta đã giảng thuyết rõ [cho đại chúng] rồi.

“Đại chúng nên biết, kinh Đại Niết-bàn này chính là kho báu Kim cang của tất cả mười phương chư Phật ba đời, là thường, lạc, ngã, tịnh, tròn đầy trọn vẹn không khiếm khuyết. Tất cả chư Phật đều từ nơi kinh Niết-bàn này mà nhập Niết-bàn. Kinh này là chỗ cứu cánh rốt ráo, nghĩa lý thấu đáo đến cùng cực không sai sót. Chư Phật từ nơi kinh này mà buông xả thân mạng, nên gọi là Niết-bàn.

“Nếu các ông muốn quyết lòng báo đáp ơn Phật một cách chân thật, sớm đạt được [quả vị] Bồ-đề, được chư Phật xoa đầu [thọ ký], đời đời sanh ra không mất Chánh niệm, thường được chư Phật mười phương hiện ra trước mặt, ngày đêm gìn giữ bảo vệ, khiến cho tất cả đều đạt được pháp xuất thế, vậy phải chuyên cần tu tập kinh Niết-bàn này.”

Phật lại bảo A-nan: “Khi chưa thành Phật, ta có thị hiện vào pháp ngoại đạo của Uất-đầu-lam-phát, tu học Bốn thiên, Tám định,⁽⁴⁾ thọ nhận và thực hành giáo pháp của ông ấy. Từ khi thành Phật đến nay, ta chê trách pháp của ông ấy; dần dần khuyến khích, dắt dẫn

cho mọi người đều được vào đạo Phật, mà Tu-bạt-đà là người sau chót. Như Lai dùng ngọn đuốc trí tuệ lớn để đốt cháy ngọn cỏ tà kiến như lá cỏ khô bị ném vào giữa ngọn lửa lớn.

“Này A-nan! Nay ta cũng nghĩ nhiều đến những thân thích trong dòng họ Thích-ca. Sau khi ta nhập Niết-bàn, ông nên chuyên cần tinh tấn, đem những điều lành mà khuyên răn dạy dỗ, trao truyền Chánh pháp nhiệm mầu cho họ, hết lòng dạy bảo, dẫn dắt họ; đừng để cho họ mê đắm chuyện ăn chơi, buông thả lười nhác, để tâm tán loạn chạy theo [trần] cảnh, thọ nhận và thực hành các pháp tà vạy.

“Những ai còn chưa thoát khỏi sự thống khổ của thế gian trong Ba cõi, hãy sớm cầu sự giải thoát. Trong chốn ái dục có năm sự uế trước này,⁽⁵⁾ nên sanh tư tưởng lo âu sợ sệt, [rằng] không có ai cứu vớt che chở [được cho mình]. Một khi đã mất thân người rất khó lòng được lại, nên suốt một đời này phải thường luôn tỉnh táo giữ gìn suy xét. Con quý lớn vô thường không thể dùng [xúc] tình mà cầu thoát khỏi.

“Hãy thương xót chúng sanh, đừng giết hại lẫn nhau, cho đến loài sâu bọ nhỏ nhoi cũng nên mang đến cho chúng sự [bình an] không lo sợ. Nghiệp của thân được thanh tịnh sẽ thường được sanh nơi cảnh giới tốt đẹp; nghiệp của miệng được thanh tịnh sẽ tránh được mọi tội lỗi xấu ác. Không ăn thịt, không uống rượu! Điều phục con rắn độc là tâm mình, khiến nó được theo vào Chánh đạo. Phải suy xét sâu xa những chỗ tạo nghiệp: Quả báo lành, dữ như bóng theo hình; nhân quả trong ba đời xoay vần chẳng [bao giờ] mất.

“[Nếu để] một đời này luống qua, sau dù có hối cũng không còn kịp. Đã đến lúc ta nhập Niết-bàn [nên có mấy lời] dặn dò các ông như vậy.”

Bấy giờ, A-nan nghe qua những lời Phật dạy rồi thì thân tâm đều rung động, tinh thần hoang mang mê muội, buồn khổ nghẹn ngào, chìm sâu trong biển sầu đau, thân thể mê man, lòng dạ rối loạn hôn ám, ngã xuống trước mặt đức Như Lai, [bất động] như người đã chết.

Khi ấy, ngài A-na-luật⁽⁶⁾ liền đến an ủi khuyên giải để giúp A-nan giảm bớt cơn sầu khổ. Ngài nói rằng: “Than ôi! Sầu khổ có ích gì? Đã đến lúc Như Lai [sắp] nhập Niết-bàn, nay tuy thấy đó, mai đã không còn! [Vì thế] ông nên theo lời tôi, thưa thỉnh Như Lai về bốn việc này.

“Một là, sau khi Phật nhập Niết-bàn rồi, nhóm sáu thầy tỳ-kheo xấu⁽⁷⁾ làm những việc nhơ nhớp hoen ố người khác, [tỳ-kheo] Ác tánh Xa-nặc⁽⁸⁾ [tánh tình xấu ác], làm sao có thể sống chung với họ để chỉ bày, dạy bảo?

“Hai là, khi Như Lai tại thế, Phật là thầy của tất cả chúng ta; sau khi đức Thế Tôn diệt độ, chúng ta biết lấy ai làm thầy?

“Ba là, khi Phật tại thế, chúng ta đều y theo Phật mà an trụ; khi Như Lai diệt độ rồi, chúng ta sẽ dựa theo đâu mà an trụ?

“Bốn là, sau khi Như Lai diệt độ, lúc kết tập kho tàng giáo pháp, nên ghi như thế nào ở phần mở đầu tất cả các kinh?”

Bấy giờ, ngài A-nan như vừa ra khỏi giấc mộng, nghe ngài A-na-luật an ủi, nhắc nhở việc thưa hỏi Phật bốn vấn đề trên, liền dần dần tỉnh ngộ, [dù vẫn] không tự

kiềm được nổi bi ai [nhưng cũng gắng] thưa hỏi Phật đủ bốn việc như trên.

Đức Phật bảo A-nan: “Sao ông lại sầu khổ đau thương đến thế? Chư Phật giáo hóa khi đã trọn vẹn, mọi việc làm đã xong, theo đúng pháp đều nhập Niết-bàn.

“Lành thay, lành thay! A-nan! Bốn việc ông hỏi đó là những câu hỏi cuối cùng [trước khi ta nhập diệt], có lợi ích lớn đối với tất cả thế gian. Đại chúng hãy lắng nghe và hãy khéo suy xét kỹ.”

A-nan bạch Phật: “Bạch Thế Tôn! Chúng con nguyện hết sức lắng nghe.”

Phật dạy: “A-nan! Như lời ông vừa hỏi: ‘Phật vào Niết-bàn rồi, nhóm sáu thầy tỳ-kheo [xấu] với [tỳ-kheo] Ác tánh Xa-nặc làm những việc nhơ nhớp hoen ố người khác, làm sao sống chung với họ để chỉ dạy?’ A-nan! [Riêng về] tỳ-kheo Xa-nặc, tánh tình xấu ác, nhưng sau khi ta nhập Niết-bàn sẽ dần dần được điều phục, lòng dạ sẽ trở nên nhu hòa, từ bỏ tánh xấu ác.

“Này A-nan! Như em trai ta là Nan-đà vốn có đủ những sự tham dục nặng nề, tánh tình lại xấu ác. Như Lai dùng phương tiện khéo léo chỉ dạy cho ông ấy được sự lợi ích, vui vẻ. Như Lai rõ biết căn tánh của ông ấy nên dùng trí tuệ Bát-nhã giảng thuyết Mười hai nhân duyên, rằng vô minh là duyên của hành; hành là duyên của thức... cho đến già chết, lo buồn, khổ não... hết thảy là một khu rừng [những điều] tham muốn, ghét bỏ, đều do vô minh mà có. Tất cả những khổ não do vô thường biến đổi tràn đầy trong Ba cõi, luân chuyển khắp sáu đường; cội gốc của những sự khổ lớn đều sanh khởi từ vô minh. Như Lai dùng trí tuệ Bát-nhã chỉ bày rằng,

dùng tánh thanh tịnh quán xét kỹ cội gốc [vô minh] liền dứt trừ được mọi lỗi lầm tai hại trong các cảnh giới hiện hữu. Vì cội gốc của vô minh đã diệt nên vô minh phải diệt; vô minh đã diệt ắt hành phải diệt... cho đến già chết, lo buồn, khổ não... thảy đều diệt hết. Khi đạt được phép quán này, giữ tâm an định, liền nhập tam-muội. Nhờ sức tam-muội được vào Sơ thiên, dần dần tiến lên theo trình tự, vào đến Đệ tứ thiên. Tiếp tục duy trì tâm Chánh niệm tu tập như vậy, sau đó tự nhiên sẽ chứng đắc được thánh quả cao thượng, lìa hết mọi sự khổ trong Ba cõi.

“A-nan! Lúc ấy tỳ-kheo Nan-đà sanh khởi lòng tin sâu xa, y theo giáo pháp Phật dạy, chuyên cần tu tập, không bao lâu chứng đắc quả A-la-hán.

“A-nan! Sau khi ta nhập Niết-bàn, các người nên y theo pháp quán chân chánh ta đã dạy [như trên] mà chỉ bày dạy bảo cho nhóm sáu thầy tỳ-kheo xấu và tỳ-kheo Xa-nặc; hết lòng nương theo giáo pháp chân chánh thanh tịnh này thì không bao lâu sẽ tự nhiên chứng đắc được thánh quả cao thượng.

“Này A-nan! Nên biết rằng cội cây sanh tử to lớn trong Ba cõi tăng trưởng được đều do nơi vô minh; [khiến chúng sanh] trôi giạt chìm đắm giữa dòng sông tham ái, trong đêm dài khổ não, dưới vực sâu tăm tối, [mãi mãi] quấn quanh cây cột sanh tử.

“Sáu thức chỉ là cành nhánh, vọng niệm mới là cội gốc. Vô minh như sóng nước xô đẩy tâm thức rong chơi theo sáu trần,⁽⁹⁾ gieo nhân khổ não, không gì chế ngự được nên tự do [gây hại] như vị [bạo] chúa [trong một nước]. Cho nên ta nói: ‘Vô minh là ông chủ [xấu ác], mỗi

phút mỗi giây đều gây hại.’ Chúng sanh không rõ biết [điều đó], phải luân chuyển trong sanh tử.

“Này A-nan! Tất cả chúng sanh đều nhân nơi vô minh mà sanh khởi những tham ái trói buộc; do quan điểm chấp ngã⁽¹⁰⁾ che lấp nên để cho tám mươi bốn ngàn loại phiền não trở thành ông chủ sai khiến mình, [làm cho] thân tâm rã rời, không có được sự tự do tự tại.

“Này A-nan! Nếu phá trừ vô minh thì Ba cõi đều không còn nữa. Vì nhân duyên ấy nên [những ai phá trừ được vô minh] gọi là người xuất thế.

“A-nan! Nếu có thể quán xét kỹ Mười hai nhân duyên, [thấy được rằng] hoàn toàn không hề có bản ngã, thể nhập sâu vào cội nguồn thanh tịnh thì có thể lìa xa nạn lửa lớn là Ba cõi.

“Này A-nan! Như Lai là bậc nói lời chân chánh, [nay] thành thật có lời căn dặn cuối cùng, đại chúng nên [theo đó mà] tu hành.

“A-nan! Lại như lời ông hỏi: ‘Sau khi Phật diệt độ, lấy ai làm thầy?’ Này A-nan! Giới luật [Phật đã chế định sẽ] là bậc thầy lớn nhất của các ông, y theo đó mà tu hành có thể đạt được định và tuệ rất thâm sâu, thoát khỏi thế tục.

“A-nan! Lại như lời ông hỏi: ‘Sau khi Phật nhập Niết-bàn, sẽ y theo đâu mà an trụ?’ Này A-nan, hãy y theo Bốn niệm xứ, giữ tâm nghiêm cẩn mà an trụ. [Bốn niệm xứ đó là:] Quán xét thể tánh và hình tướng của thân đồng với hư không, gọi là thân niệm xứ; quán xét mọi cảm thọ không ở bên trong, không ở bên ngoài, không ở khoảng giữa, gọi là thọ niệm xứ; quán xét tâm này chỉ là tên gọi, tính chất của tên gọi là lìa khỏi [thực thể],⁽¹¹⁾

gọi là tâm niệm xứ; quán xét các pháp không [rơi vào] pháp thiện, không [rơi vào] pháp bất thiện, gọi là pháp niệm xứ.⁽¹²⁾

“A-nan! Tất cả những người tu hành nên y theo Bốn niệm xứ ấy mà an trụ.

“A-nan! Lại như lời ông hỏi: ‘Sau khi Như Lai diệt độ, lúc kết tập kho tàng giáo pháp, nên ghi như thế nào ở phần mở đầu tất cả các kinh?’ Này A-nan, sau khi Như Lai diệt độ, lúc kết tập kho tàng giáo pháp, ở phần mở đầu tất cả các kinh nên ghi rằng: ‘Tôi được nghe đúng như thế này, vào lúc Phật đang ở tại... vì bốn chúng đệ tử mà thuyết kinh này.’⁽¹³⁾

Lúc ấy, ngài A-nan lại bạch hỏi Phật: “Thế Tôn! Trong lúc Phật còn tại thế hay khi Phật đã nhập Niết-bàn, nếu có người đàn-việt có đức tin đem vàng bạc, bầy món báu, đủ các món ưa thích mà dâng cúng Như Lai thì nên sắp đặt thế nào?”

Phật dạy A-nan: “Lúc Phật còn tại thế, những vật dâng cúng Phật thì chúng tăng nên được biết. Sau khi Phật diệt độ, tất cả những vật mà người ta do lòng tin dâng cúng lên Phật thì nên dùng để tạo hình tượng Phật, áo Phật, phướn, lọng bằng bảy báu, hoặc mua các loại hương, dầu, hoa quý mà dâng cúng Phật. Trừ việc dâng cúng Phật, ngoài ra không ai được dùng. Người nào dùng [những phẩm vật ấy] tức là phạm tội ăn cắp tài vật của Phật.”⁽¹⁴⁾

A-nan lại bạch Phật: “Thế Tôn! Trong khi Phật còn tại thế, ví như có người dùng vàng bạc châu báu, phòng xá, điện đường... y phục, thức ăn uống, đủ các món ưa thích... đem hết lòng cung kính lễ bái cúng dường Như Lai; rồi sau khi Phật nhập Niết-bàn, cũng có người dùng

vàng bạc châu báu... áo quần, thức ăn uống, đủ các món ưa thích mà dâng cúng lên hình tượng Như Lai, đem hết lòng cung kính lễ bái cúng dường.

“Bạch Thế Tôn! Trong hai người hết lòng cúng dường ấy, ai được phước đức nhiều hơn?”

Đức Phật dạy A-nan: “Hai người ấy đều đem hết lòng [thành kính] để cúng dường, [nên] chỗ được phước đức của họ không khác gì nhau. Vì sao vậy? Tuy Phật đã diệt độ, nhưng Pháp thân thường còn. Vì cả hai đều đem hết lòng [thành kính] để cúng dường nên phước đức quả thật đều như nhau.”

A-nan lại bạch Phật: “Thế Tôn! Trong khi Phật còn tại thế, ví như có người đem hết lòng [thành kính] cúng dường Như Lai cũng giống như trên; sau khi Phật nhập Niết-bàn lại có người đem hết lòng [thành kính] cúng dường cung kính xá-lợi toàn thân [của Phật]. Bạch Thế Tôn! Trong hai người ấy, ai được phước đức nhiều hơn?”

Phật bảo A-nan: “Hai người ấy được phước đức như nhau, công đức của họ là rộng lớn vô lượng vô biên [không thể cùng tận], cho dù biển khổ cạn hết, phước đức của họ cũng không hết.”

A-nan lại bạch Phật: “Thế Tôn! Trong khi Phật còn tại thế, ví như có người hết lòng [thành kính] cúng dường Như Lai cũng giống như trên; sau khi Phật nhập Niết-bàn lại có người cũng hết lòng [thành kính] cúng dường như trên đối với xá-lợi một nửa thân Phật. Bạch Thế Tôn! Trong hai người ấy, ai được phước đức nhiều hơn?”

Phật bảo A-nan: “Hai người ấy đều hết lòng [thành kính] cúng dường, nên chỗ được phước đức không khác gì nhau, đều là vô lượng vô biên.

“A-nan! Sau khi Phật diệt độ, ví như có người hết lòng [thành kính] cúng dường xá-lợi Như Lai, dù chỉ là một phần tư, một phần tám, một phần mười sáu, một phần trăm, một phần ngàn, một phần mười ngàn, hoặc một phần trong vô số phần nhiều như số cát sông Hằng, cho đến một phần nhỏ như hạt cải, nhưng cũng đều hết lòng [thành kính] mà cúng dường, cung kính, tôn trọng, tán thán. [Nếu so với] khi Phật còn tại thế có người hết lòng [thành kính] cúng dường cung kính Như Lai, thì chỗ được phước đức của cả hai người đều không khác gì nhau. Phước đức của họ là vô lượng, không thể đo lường, không thể nói hết.

“A-nan! Nên biết rằng, dù khi Phật còn tại thế hay sau khi Phật đã nhập Niết-bàn, nếu có người hết lòng cung kính cúng dường, lễ bái, tôn trọng, tán thán [Như Lai], chỗ được phước đức [trong cả hai trường hợp] đều không khác gì nhau.”

Đức Phật dạy A-nan và đại chúng: “Sau khi ta nhập Niết-bàn, tất cả những chúng sanh nào ở các cõi trời, người, khi nhận được xá-lợi của ta, buồn vui lẫn lộn, vừa thương cảm vừa hân hoan, liền hết lòng cung kính, lễ bái, cúng dường, sẽ được vô lượng vô biên công đức.

“Này A-nan! Nhìn thấy xá-lợi của Như Lai tức là thấy Phật; thấy Phật là thấy Pháp; thấy Pháp là thấy Tăng; thấy Tăng là thấy được Niết-bàn.

“A-nan! Nên biết rằng, vì nhân duyên ấy nên Tam bảo là thường trụ, không hề biến đổi, có thể làm chỗ quy y cho tất cả chúng sanh.”

A-nan lại bạch Phật: “Thế Tôn! Sau khi Phật nhập Niết-bàn, tất cả đại chúng nên y theo phép tắc nào để

trà-tỳ⁽¹⁵⁾ [nhục thân] Như Lai rồi thu lấy xá-lợi và hết lòng [thành kính] cúng dường?”

Phật dạy A-nan: “Sau khi ta nhập Niết-bàn, đại chúng nên y theo phương pháp trà-tỳ [như đối với vị Chuyển luân Thánh vương.]”

A-nan lại hỏi: “Phương pháp trà-tỳ [đối với vị] Chuyển luân Thánh vương là như thế nào?”

Phật bảo A-nan: “Sau khi vị Chuyển luân Thánh vương băng hà, [di thể được] giữ lại bảy ngày rồi mới cho vào một cỗ kim quan. Sau đó dùng loại dầu thơm tốt nhất để rót đầy vào quan tài rồi đóng kín lại. Trải qua bảy ngày sau mới đưa di thể ra khỏi kim quan, dùng các thứ nước thơm mà tắm gội, rồi đốt các loại danh hương để cúng dường. Sau đó dùng hoa đầu-la⁽¹⁶⁾ bọc lót khắp quanh di thể. Kế đó, dùng ngàn tấm lụa trắng loại quý nhất để quấn quanh khắp di thể thành nhiều lớp, lớp này bọc lên lớp kia. Tiếp đó lại dùng các thứ dầu thơm rót đầy vào kim quan, sau đó mới đặt di thể [trở lại] vào trong đó và đậy kín lại.

“Bấy giờ mới dùng loại xe quý bằng gỗ thơm và bảy món báu để đưa kim quan đi. Bốn phía xe đều treo các loại chuỗi ngọc, lại dùng tất cả các món trang sức quý báu để trang hoàng. Bao quanh xe là vô số phướn hoa, cờ lọng bằng bảy món báu, [lại đốt lên] tất cả các loại hương thơm vi diệu, dùng tất cả các loại âm nhạc [như ở cõi trời] vây quanh [xe chở kim quan] để cúng dường. Bấy giờ mới dùng toàn những thanh gỗ thơm loại tốt, có trang trí ở cả bên trong và bên ngoài, cùng với loại dầu thơm tốt nhất để trà-tỳ nhục thân của vị Chuyển luân Thánh vương.

“Trà-tỳ xong, thu nhặt xá-lợi, dựng một tháp báu nơi ngã tư giữa đô thành để đặt xá-lợi vào. Tháp ấy có bốn cửa vào, để tất cả nhân dân đều được cùng nhau chiêm ngưỡng xá-lợi ấy.

“Này A-nan! Vị Chuyển luân Thánh vương ấy chỉ nhờ chút ít phước đức, được nối ngôi vua, thật chưa thoát khỏi các cảnh giới hiện hữu, [vẫn còn thụ hưởng] đủ năm món dục, thê thiếp, thể nữ, ba độc [tham, sân, si] và các quan niệm xấu ác, [cho đến] tất cả phiền não và những thứ trói buộc sai khiến, chưa trừ bỏ được mảy may nào. [Vậy mà] sau khi băng hà người đời còn dùng những phép tắc [trang nghiêm] như vậy [để trà-tỳ], xây tháp cúng dường [xá-lợi], ai nấy đều chiêm ngưỡng.

“A-nan! Huống chi Như Lai đã trải vô lượng vô biên vô số a-tăng-kỳ kiếp, vĩnh viễn buông bỏ năm món dục, thê thiếp, thể nữ? Đối với các pháp thế gian, Như Lai có thể [phá bỏ tất cả] như cơn mưa đá [phá hoại cây cỏ]; việc khó chuyên cần có thể chuyên cần; việc khó thực hành có thể thực hành; hết thấy những sự khổ hạnh của hàng Bồ Tát xuất thế [Như Lai] đều [đã từng] chuyên cần khó nhọc tu tập. Tất cả những sự hành đạo của chư Phật ba đời trong khắp mười phương, những pháp hết sức thâm sâu nhiệm mầu thanh tịnh như giới, định, tuệ, giải thoát, giải thoát tri kiến, sáu Ba-la-mật, Như Lai đều có đủ. Ngài đã tu tập đủ Mười sức, tâm đại bi, Bốn đức chẳng sợ, Ba môn giải thoát, Mười tám pháp không, Sáu thần thông, Năm loại mắt, Ba mươi bảy phẩm [trợ đạo], Mười tám pháp chẳng chung cùng [với Hai thừa], Ba mươi hai tướng tốt, Tám mươi vẻ đẹp.

“Như Lai đã thành tựu thọ mạng như tất cả chư Phật, thế giới thanh tịnh như tất cả chư Phật, cùng tất cả

những pháp thành tựu cho chúng sanh, tất cả những sự khổ hạnh khó tu tập, tất cả những giới luật thâm nhiếp các pháp lành, tất cả những giới luật thâm nhiếp chúng sanh, tất cả những giới luật thâm nhiếp oai nghi, tất cả công đức, tất cả trí tuệ, tất cả sự trang nghiêm, tất cả các nguyện lớn, tất cả các phương tiện. Hết thấy những giới hạnh, phước đức và trí tuệ không thể nghĩ bàn như vậy Như Lai đều đã thành tựu đầy đủ không thiếu sót.

“Như Lai đã dứt trừ tất cả pháp bất thiện, dứt trừ tất cả phiền não, dứt trừ tất cả tập khí phiền não còn sót lại. Như Lai thông đạt Bốn chân đế, Mười hai nhân duyên, nơi cội cây Bồ-đề đã hàng phục Bốn thứ ma, thành tựu [Nhất thiết] chủng trí. [Hết thấy những] pháp nhiệm mầu như vậy ngài đều đã tu tập đầy đủ, nên tất cả chư Phật mới xưng lên lời ngợi khen rằng: ‘Lành thay, lành thay!’ Chư Phật đồng lấy nước trí tuệ pháp tánh mà rưới nơi đỉnh Pháp thân; ngài mới đắc thành A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề. Do nhân duyên ấy được tôn xưng là Thiên nhân sư, Thập lực chủng giác, Chí cực Thế Tôn. Khắp cõi trời, người không ai sánh bằng Như Lai.

“Như Lai đối với tất cả chúng sanh đều bình đẳng [thương yêu] như [con trai là] La-hầu-la. Cho nên được tôn xưng là: Như Lai, Ứng cúng, Chánh biến tri, Minh hạnh túc, Thiện thế, Thế gian giải, Vô thượng sĩ Điều ngự trượng phu, Thiên nhân sư, Phật, Thế Tôn.

“Như Lai thương xót thế gian, tùy duyên giáo hóa thấy đều trọn vẹn; [lại cũng] vì chúng sanh mà nay [thị hiện] nhập Niết-bàn, [sẽ] tùy theo pháp thế gian [mà cho làm lễ trà-tỳ] như vị Chuyển luân Thánh vương, là muốn cho chúng sanh đều được [có cơ hội] cúng dường [xá-lợi Phật].

“A-nan! [Sau khi] ta nhập Niết-bàn rồi, cũng như Chuyển luân Thánh vương, hãy giữ thánh thể lại qua bảy ngày rồi mới đặt vào kim quan. Sau đó dùng dầu thơm loại tốt nhất rót đầy vào quan, rồi đóng nắp lại. Ở bốn phía quan tài nên dùng bảy món báu xen lẫn để trang nghiêm, dùng các loại cờ báu, hương hoa mà cúng dường.

“Trải qua bảy ngày, lại đưa thánh thể ra khỏi kim quan, dùng tất cả những thứ nước thơm tốt nhất mà tắm gội thân Như Lai. Sau đó dùng loại hoa đầu-la mềm mịn nhất mà bọc lót khắp quanh thánh thể. Kế đó, dùng ngàn tấm lụa trắng vô cùng quý giá mà quấn quanh phía ngoài hoa đầu-la, che kín thân Như Lai, rồi đặt trở lại vào kim quan. Tiếp theo lại rót đầy dầu thơm loại tốt nhất vào trong kim quan và đóng kín nắp lại.

“Sau đó dùng toàn những loại gỗ quý như chiêm-đàn Ngư Đầu,⁽¹⁷⁾ trầm thủy,⁽¹⁸⁾ và các loại gỗ thơm để làm thành một cỗ xe có bảy món báu, lại trang nghiêm cỗ xe ấy bằng tất cả những vật quý báu, rồi dùng xe ấy đưa kim quan đến chỗ trà-tỳ.

“Khi ấy lại dùng vô số cờ quý, lọng quý, vải quý, cùng với âm nhạc cõi trời, vô số hương hoa, đầy khắp hư không, bi thương đau xót dâng lên cúng dường. Tất cả hàng trời, người và vô số đại chúng, mỗi người đều nên dùng các thứ chiêm-đàn, trầm thủy, dầu thơm vi diệu để trà-tỳ nhục thân Như Lai, lưu luyến ngưỡng mộ mà cất lên những tiếng than khóc bi ai.

“Sau khi lễ trà-tỳ đã xong, hàng trời, người và Bốn chúng đệ tử cùng nhau thu nhặt lấy xá-lợi Phật, dựng trong bình bằng bảy món báu. Sau đó xây tháp bằng bảy món báu tại ngã tư đường giữa thành lớn, thiết

lễ cúng dường xá-lợi Phật, khiến cho chúng sanh được công đức lớn, lìa xa khổ não trong Ba cõi, [có thể] đạt đến cõi Niết-bàn an vui.

“A-nan, nên biết rằng sau khi tất cả Bốn chúng đã xây tháp bảy báu thờ xá-lợi Phật rồi, [cũng nên biết việc] xây ba loại tháp khác mà cúng dường. Đó là tháp Phật Bích-chi, tháp A-la-hán và tháp Chuyển luân Thánh vương. [Cúng dường như vậy] là để khiến cho người thế gian biết chỗ quy y.”

A-nan bạch Phật: “Thế Tôn! Như Lai ra đời, thương xót chúng sanh, khiến họ được thấy rõ Mười sức, Đại bi, Bốn đức chẳng sợ, Mười hai nhân duyên, Bốn chân đế, Ba môn giải thoát, phát ra âm thanh đủ tám giọng Phạm âm chấn động Ba cõi như sấm rền, hào quang từ bi năm sắc chiếu khắp sáu nẻo, tùy thuận tâm nghiệp của chúng sanh mà chuyển hóa, có người chứng đắc Bốn thánh quả, tu hành theo pháp của Hai thừa, có người chứng đạo Duyên giác vô vi, dứt sạch phiền não, có người đạt được địa vị Bồ Tát không còn sanh diệt, có người đạt được vô lượng các môn Đà-la-ni, có người chứng đắc Năm thứ mắt, hoặc được Sáu thần thông, hoặc ra khỏi Ba đường ác, hoặc thoát được Tám nạn, hoặc dứt được khổ não cõi người, cõi trời hoặc trong cả Ba cõi. Uy lực từ bi thanh tịnh của Như Lai, pháp môn giải thoát của Như Lai đều là không thể nghĩ bàn, nên sau khi ngài nhập Niết-bàn, tất cả thế gian, người và chư thiên, Bốn chúng đệ tử xây tháp bảy báu cúng dường xá-lợi, ắt được công đức lớn, có thể khiến chúng sanh thoát khỏi khổ não trong Ba cõi, được vào giải thoát chân chánh.

“Do nhân duyên ấy, sau khi Phật nhập Niết-bàn, tất cả thế gian, người và chư thiên, đại chúng, vì muốn báo đáp ân điển từ bi sâu xa vô lượng của Phật mà xây tháp bảy báu, cúng dường xá-lợi Phật. Điều đó là hợp lý.

“Thế Tôn! Còn như ba loại tháp kia, có những lợi ích gì đối với chúng sanh mà Phật dạy phải xây cất, cung kính cúng dường?”

Phật bảo A-nan: “Vị Phật Bích-chi đã chứng ngộ được nhân duyên các pháp, thể nhập sâu vào tánh của các pháp, đã thoát khỏi tất cả những lỗi lầm tai hại của các cảnh giới hiện hữu, có thể làm bậc phước điền cho hàng trời, người. Vì nhân duyên ấy, xây tháp cúng dường [vị Phật Bích-chi] được phước đức chỉ kém hơn phước đức cúng dường tháp Như Lai, có thể khiến cho chúng sanh đều đạt được quả vị [giải thoát] mầu nhiệm.

“Này A-nan! Vị A-la-hán đã dứt hẳn sự tái sanh trong Ba cõi, không còn phải thọ thân sau nữa, Phạm hạnh đã thành tựu, có thể làm bậc phước điền cho thế gian. Vậy nên xây tháp cúng dường [vị A-la-hán] sẽ được phước đức kém hơn phước đức cúng dường tháp Phật Bích-chi, cũng khiến cho chúng sanh đều đạt được giải thoát.

“A-nan! Vị Chuyển luân Thánh vương tuy chưa giải thoát phiền não trong Ba cõi, nhưng nhờ sức phước đức mà được cai trị Bốn thiên hạ, dùng Mười điều thiện để giáo hóa và che chở chăm sóc chúng sanh. [Vì thế nên] được chúng sanh tôn kính. Do đó, Bốn chúng xây tháp cúng dường [Chuyển luân Thánh vương] cũng sẽ được phước đức vô lượng.”

A-nan lại bạch Phật: “Sau khi Như Lai nhập Niết-bàn, tất cả Bốn chúng nên trà-tỳ [nhục thân] Như Lai ở nơi nào để thu nhặt xá-lợi? Xin Phật chỉ dạy.”

Phật dạy A-nan: “Sau khi Như Lai nhập Niết-bàn, nếu tất cả Bốn chúng trà-tỳ [nhục thân] Như Lai trong thành Câu-thi-na,⁽¹⁹⁾ [về sau] nhân dân trong thành ấy thấy đều [vì việc] tranh nối ngôi vua, ắt phải đánh dẹp lẫn nhau, tranh chấp không ngừng, sẽ khiến cho phước đức của mỗi người đều sai khác.

“A-nan! Tất cả Bốn chúng nên trà-tỳ [nhục thân] Như Lai ở bên ngoài thành, để khiến cho tất cả thế gian đều được phước đức bình đẳng như nhau.”

A-nan bạch Phật: “Sau khi Như Lai nhập Niết-bàn, lễ trà-tỳ xong, tất cả Bốn chúng đã thu nhận xá-lợi đặt yên trong bình quý, nên xây dựng tháp bằng bảy báu ở đâu để tất cả đều được cúng dường với lòng thành kính sâu xa nhất? Xin Phật chỉ dạy.”

Phật dạy A-nan: “Sau khi Như Lai nhập Niết-bàn, lễ trà-tỳ xong, tất cả Bốn chúng đã thu nhận xá-lợi đặt yên trong bình quý bằng bảy món báu, nên xây dựng tháp bằng bảy món báu, cao mười ba tầng trong thành Câu-thi-na, ngay nơi ngã tư đường. Trên tháp có tướng [pháp] luân, dùng tất cả các vật quý báu tốt đẹp đặt xen lẫn nhau để trang nghiêm, lại dùng tất cả các thứ hoa đẹp, cờ xí nghiêm lệ để trang sức thêm; bốn phía quanh tháp đều có lan can, làm bằng bảy món báu; tất cả các món trang trí [như thế] không đâu là không đầy đủ. Ở bốn phía tháp đều có cửa mở ra. Mỗi tầng tháp nối tiếp đều có cửa sổ mở đối xứng nhau.

“Bình quý đựng xá-lợi Phật được đặt yên [trong tháp ấy], tất cả hàng trời, người và Bốn chúng đệ tử cùng chiêm ngưỡng cúng dường.

“A-nan! Tháp của vị Phật Bích-chi nên xây cao mười một tầng, cũng dùng đủ các món vật báu để trang nghiêm.

“A-nan! Tháp của vị A-la-hán nên xây cao bốn tầng, cũng dùng đủ các món vật báu để trang nghiêm.

“A-nan! Tháp của vị Chuyển luân Thánh vương cũng xây bằng bảy món báu, nhưng không cao lên tầng nào cả. Vì sao vậy? Vì chưa thoát khỏi các nỗi khổ hiện hữu trong Ba cõi, [vẫn còn trong sanh tử].”

Bấy giờ, ngài A-na-luật bạch Phật: “Sau khi Như Lai nhập Niết-bàn, lễ trà-tỳ xong, tất cả hàng trời, người và Bốn bộ đại chúng nên phân chia xá-lợi Phật như thế nào để cúng dường?”

Phật dạy A-na-luật: “Sau khi Như Lai nhập Niết-bàn, hàng trời người và tất cả đại chúng nên dùng tâm bình đẳng để phân chia xá-lợi Phật trong khắp Ba cõi, Sáu đường, khiến cho tất cả thế gian đều được cúng dường.”

Lúc ấy, Thích-đề-hoàn-nhân⁽²⁰⁾ bạch Phật: “Nay con thưa trước Phật, xin được cung kính thỉnh về một nửa phần xá-lợi toàn thân Như Lai để cúng dường với lòng thành kính sâu xa nhất.”

Phật bảo Thiên Đế: “Như Lai xem tất cả chúng sanh bình đẳng như nhau, [đều yêu thương] như La-hầu-la [con trai ta]. Ông không nên thỉnh về nửa phần xá-lợi toàn thân Như Lai. Vì sao vậy? Vì để giúp cho chúng sanh được sự lợi ích bình đẳng.

“Này Thiên Đế! Nay ta cho ông phần xá-lợi của một cái răng hàm trên bên phải, nên mang về cõi trời xây tháp cúng dường, có thể giúp cho ông được phước đức vô tận.”

Lúc ấy, khắp hàng trời, người và tất cả đại chúng đều bi ai rơi lệ, không sao ngăn được.

Bấy giờ, đức Thế Tôn bảo Bốn chúng đệ tử rằng: “Nay Phật nhập Niết-bàn, khắp hàng trời, người và tất cả các người đừng quá sâu não. Vì sao vậy? Tuy Phật nhập Niết-bàn, nhưng [lưu lại] xá-lợi thường còn để cúng dường; lại có Pháp bảo cao quý nhất là Kinh tạng, Luật tạng và Luận tạng. Vì nhân duyên ấy, Tam bảo và Bốn chân đế là thường trụ thế gian, có thể khiến chúng sanh đem lòng thành kính sâu xa nhất mà quay về nương theo. Vì sao vậy? Cúng dường xá-lợi Phật tức là Phật bảo, nhìn thấy [xá-lợi] Phật tức là thấy được Pháp thân, thấy được Pháp thân tức là thấy chư hiền thánh, thấy chư hiền thánh tức là thấy Bốn chân đế, thấy Bốn chân đế tức là thấy Niết-bàn.

“Cho nên phải biết rằng, Tam bảo là thường trụ, không hề biến đổi, có thể làm chỗ quy y cho tất cả thế gian.”

Đức Phật lại dạy hết thảy đại chúng: “Các người đừng quá sâu khổ. Nay ta sắp nhập Niết-bàn tại nơi này. Trong các người nếu ai còn có chỗ hoài nghi chưa rõ về giới luật, về sự quy y, về lẽ thường hoặc vô thường, về Tam bảo, Bốn chân đế, Sáu Ba-la-mật, Mười hai nhân duyên... hãy mau mau thưa hỏi, vì đây là cơ hội cuối cùng. [Đừng để] sau khi Phật nhập Niết-bàn lại sanh lòng nghi ngờ, hối tiếc.”

Đức Phật nhắc nhở khắp đại chúng ba lần như vậy.

Lúc ấy, Bốn chúng đệ tử đều bi thương khổ não, nghẹn ngào tuôn lệ, trong lòng đau đớn khôn xiết, suy tưởng miên man, ngưỡng mộ lưu luyến, sâu đau đến mức như chết được. Nhưng rồi nhờ oai lực của Phật nên ai nấy đều ngăn được lệ sâu. Tất cả đều an nhiên đứng lặng không thưa hỏi. Vì sao vậy? Vì tất cả Bốn chúng đều đã

thông đạt, hiểu rõ về giới luật, về sự quy y, về Tam bảo, Bốn chân đế... không ai có điều gì nghi hoặc cả.

Lúc ấy, đức Phật biết rằng trong Bốn chúng không còn ai nghi hoặc gì nữa, liền ngợi khen rằng: “Lành thay, lành thay! Tất cả Bốn chúng đều đã thông đạt về Tam bảo, Bốn chân đế, không còn ai nghi ngờ gì nữa, khác nào như [đã dùng] nước sạch tẩy rửa được hết mọi chất dơ bẩn trên thân hình.

“Đại chúng! Các người nên chuyên cần tinh tấn để sớm được ra khỏi [sanh tử], đừng sanh lòng sâu não, mê muội rối loạn.”

Bấy giờ, đức Thế Tôn ngồi trên tòa sư tử, đưa cánh tay có màu sáng như vàng ròng vén tấm y tăng-già-lê đang đắp trên người, để lộ bộ ngực sư tử chói sáng màu vàng ròng có sắc tía,⁽²¹⁾ rồi bảo tất cả đại chúng rằng: “Khắp hàng trời, người và đại chúng các người nên đem hết lòng thành kính sâu xa nhất mà chiêm ngưỡng sắc thân chói sáng màu vàng ròng có sắc tía của Như Lai.”

Lúc ấy, tất cả Bốn chúng đều hết lòng chiêm ngưỡng sắc thân chói sáng màu vàng ròng của đấng Đại Giác Thế Tôn, mắt không chớp nghỉ. Hết thảy đều cảm thấy vô cùng sảng khoái an vui, dù cho vị tỳ-kheo thể nhập cảnh giới thiên định thứ ba cũng khó mà phát sanh được sự sảng khoái an vui như thế.

Bấy giờ, đức Thế Tôn sau khi đã hiện sắc thân màu vàng ròng cho đại chúng chiêm ngưỡng rồi, liền phóng ra vô lượng vô biên trăm ngàn muôn ức đạo hào quang Đại Niết-bàn chói lợi, soi chiếu khắp tất cả thế giới trong mười phương, khiến cho ánh sáng của mặt trời, mặt trăng như không còn sáng nữa.

Phóng quang như vậy rồi, Phật lại bảo khắp đại chúng rằng: “Các người nên biết, vì tất cả chúng sanh mà Như Lai đã trải qua bao kiếp chuyên cần khổ nhọc, cho đến chịu cắt xẻo thân thể, chân tay; đã tu tập tất cả những pháp khổ hạnh khó thực hành; vì bốn nguyện đại bi nên [thị hiện] trong cõi đời có năm sự ướ trước này mà thành tựu A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề; được sắc thân chói sáng màu vàng ròng có sắc tía này, [kiên cố] như kim cương không hư hoại, đủ ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp, vô lượng hào quang chói sáng chiếu khắp mọi nơi. [Nếu được] nhìn thấy sắc thân Như Lai, gặp hào quang Như Lai, thì không ai là không được giải thoát.”

Tiếp đó Phật dạy: “Đại chúng! Phật ra đời rất khó gặp, cũng như hoa ưu-đàm⁽²²⁾ rất hiếm khi được thấy. Đại chúng các người được gặp ta vào giờ phút cuối cùng, xem như đã không uổng phí sanh ra trong đời này. Ta dùng sức thệ nguyện từ thuở trước mà [thị hiện] sanh ra trong cõi ướ trước này; cơ duyên giáo hóa đã trọn vẹn, nay sắp vào Niết-bàn; các người đã đem lòng chí thành chiêm ngưỡng sắc thân chói sáng màu vàng ròng có sắc tía của Như Lai; đã tu tập được nghiệp lành thanh tịnh như thế, trong đời vị lai sẽ được quả báo [tốt đẹp] như thế.”

Lúc ấy, đức Thế Tôn ân cần lặp lại những lời như trên ba lần, rồi hiển bày cho đại chúng [đều được thấy rõ] sắc thân Như Lai màu vàng ròng chói sáng. Từ nơi giường thất bảo, Phật hiện thân bay lên hư không, cao khoảng ngang tầm một cây đa-la,⁽²³⁾ cất tiếng bảo khắp đại chúng lần thứ nhất rằng: “Ta sắp nhập Niết-bàn. Đại chúng các người hãy chiêm ngưỡng sắc thân chói sáng màu vàng ròng có sắc tía của Như Lai.”

Tiếp đó, đức Thế Tôn lần lượt hiện thân bay lên hư không cao khoảng hai cây đa-la, rồi ba cây đa-la... cho

đến lượt thứ bảy thì cao đến khoảng bảy cây đa-la, mỗi lượt đều nhắc lại với đại chúng rằng: “Ta sắp nhập Niết-bàn. Đại chúng các người hãy đem lòng thành kính sâu xa nhất mà chiêm ngưỡng sắc thân chói sáng màu vàng ròng có sắc tía của Như Lai.”

Rồi từ trên không trung, đức Phật hạ xuống ngồi trên giường sư tử, lại cất tiếng nhắc lại với đại chúng rằng: “Ta sắp nhập Niết-bàn. Đại chúng các người hãy đem lòng thành kính sâu xa nhất mà chiêm ngưỡng sắc thân chói sáng màu vàng ròng có sắc tía của Như Lai.”

Sau đó, đức Thế Tôn lần thứ hai lại từ nơi giường sư tử hiện thân bay lên hư không, cao khoảng một cây đa-la, lại bảo với đại chúng rằng: “Ta sắp nhập Niết-bàn. Đại chúng các người hãy đem lòng thành kính sâu xa nhất mà chiêm ngưỡng sắc thân chói sáng màu vàng ròng có sắc tía của Như Lai.”

Rồi Phật hiện thân bay lên hư không cao khoảng hai cây đa-la, rồi ba cây đa-la... cho đến cao đến khoảng bảy cây đa-la, mỗi lượt đều nhắc lại với đại chúng rằng: “Ta sắp nhập Niết-bàn. Đại chúng các người hãy đem lòng thành kính sâu xa nhất mà chiêm ngưỡng sắc thân chói sáng màu vàng ròng có sắc tía của Như Lai.”

Bấy giờ, từ trên không trung, đức Phật lại hạ xuống ngồi trên giường sư tử, cất tiếng nhắc lại với đại chúng rằng: “Ta sắp nhập Niết-bàn. Đại chúng các người hãy đem lòng thành kính sâu xa nhất mà chiêm ngưỡng sắc thân chói sáng màu vàng ròng có sắc tía của Như Lai.”

Sau đó, đức Thế Tôn lần thứ ba lại từ nơi giường sư tử hiện thân bay lên hư không, cao khoảng một cây đa-la, nhắc lại với đại chúng rằng: “Ta sắp nhập Niết-bàn. Đại

chúng các người hãy đem lòng thành kính sâu xa nhất mà chiêm ngưỡng sắc thân chói sáng màu vàng ròng có sắc tía của Như Lai.”

Rồi Phật lại hiện thân bay lên hư không cao khoảng hai cây đa-la, rồi ba cây đa-la... cho đến cao đến khoảng bảy cây đa-la, mỗi lượt đều nhắc lại với đại chúng rằng: “Ta sắp nhập Niết-bàn. Đại chúng các người hãy đem lòng thành kính sâu xa nhất mà chiêm ngưỡng sắc thân chói sáng màu vàng ròng có sắc tía của Như Lai.”

Sau đó, từ trên không trung, đức Phật hạ xuống ngồi trên giường sư tử, cất tiếng nhắc lại với đại chúng rằng: “Ta sắp nhập Niết-bàn. Đại chúng các người hãy đem lòng thành kính sâu xa nhất mà chiêm ngưỡng sắc thân chói sáng màu vàng ròng có sắc tía của Như Lai.”

Bấy giờ, đức Thế Tôn đã hiển bày sắc thân chói sáng màu vàng ròng có sắc tía của Như Lai cho tất cả đại chúng đều được chiêm ngưỡng. Ngài đã lặp lại ba lần hiện thân bay lên hư không, mỗi lần bảy lượt từ chiều cao một cây đa-la lên đến khoảng bảy cây đa-la; và cũng lặp lại ba lần từ trên không trung hạ xuống ngồi trên giường sư tử.

Như vậy cả thầy đã hai mươi bốn lần ngài đều ân cần nhắc nhở đại chúng rằng: “Ta sắp nhập Niết-bàn. Đại chúng các người nên đem hết lòng thành kính sâu xa nhất mà chiêm ngưỡng sắc thân Như Lai chói sáng màu vàng ròng có sắc tía, [là thân] không có sự sợ sệt, là thân kim cang bền chắc không hư hoại. Sắc thân Như Lai như hoa ưu-đàm, rất khó được gặp.

“Đại chúng nên biết rằng, ta sắp vào Niết-bàn, các người nên hết lòng chí thành chiêm ngưỡng sắc thân

chói sáng màu vàng ròng có sắc tía của Như Lai. Ví như kẻ nóng khát, khi gặp nước trong mát liền uống thỏa thuê, không còn muốn gì khác nữa. Đại chúng các người cũng vậy. Nay ta sắp vào Niết-bàn, các người nên đem hết lòng thành kính sâu xa nhất mà chiêm ngưỡng, vì đây là lần cuối cùng còn được nhìn thấy Như Lai. Từ sau lần này, các người sẽ không bao giờ còn được nhìn thấy nữa. Đại chúng các người hãy chiêm ngưỡng cho thỏa mãn, đừng để về sau phải hối tiếc.”

Tiếp đó, Phật dạy khắp đại chúng rằng: “Sau khi ta nhập Niết-bàn, đại chúng các người phải rộng tu [các pháp môn], để sớm thoát ra khỏi [cảnh khổ] hiện hữu trong Ba cõi, không được trì trệ lười nhác, buông thả phóng túng để tâm tán loạn.”

Lúc ấy, tất cả [chúng sanh trong khắp các] thế giới, hàng trời, người và Bốn chúng đệ tử Phật, sau khi được hào quang Niết-bàn soi chiếu, được chiêm ngưỡng [sắc thân] Phật rồi thì tất cả Ba đường ác, Tám nạn khổ, cùng những phiền não trong thế gian cõi trời, cõi người; những tội lỗi nặng nề nhất như Bốn tội trọng, Năm tội nghịch, hết thảy đều được vĩnh viễn diệt sạch không sót lại gì cả. Tất cả đều được giải thoát.

Bấy giờ, đức Thế Tôn sau khi đã hiển lộ sắc thân chói sáng màu vàng ròng có sắc tía cho tất cả đại chúng chiêm ngưỡng và ân cần nhắc nhở nhiều lần rồi, liền kéo tấm y Tăng-già-lê che thân trở lại như lúc bình thường.

DUYÊN DỨT VỀ NGUỒN

Phẩm thứ nhì

Phật lại bảo đại chúng: “Nay thời khắc đã đến, toàn thân ta đều đau nhức.”

Bấy giờ, đức Thế Tôn vừa nói dứt lời liền nhập Sơ thiên, phóng hào quang Niết-bàn, quán xét khắp thế giới, nhập Tịch diệt định.⁽²⁴⁾

Đức Thế Tôn nhập Sơ thiên rồi,⁽²⁵⁾ ra khỏi Sơ thiên lại nhập Đệ nhị thiên; ra khỏi Nhị thiên lại nhập Đệ tam thiên; ra khỏi Tam thiên lại nhập Đệ tứ thiên; ra khỏi Tứ thiên lại nhập Hư không xứ; ra khỏi Không xứ lại nhập Vô biên thức xứ; ra khỏi Vô biên thức xứ lại nhập Vô sở hữu xứ,⁽²⁶⁾ ra khỏi Vô sở hữu xứ lại nhập Phi tướng phi tướng xứ; ra khỏi Phi tướng phi tướng xứ lại nhập Diệt tận định.

Sau đó, Như Lai ra khỏi Diệt tận định liền quay trở lại nhập Phi tướng phi tướng xứ; ra khỏi Phi tướng phi tướng xứ liền quay trở lại nhập Vô sở hữu xứ; ra khỏi Vô sở hữu xứ liền quay trở lại nhập Vô biên thức xứ; ra khỏi Vô biên thức xứ liền quay trở lại nhập Hư không xứ; ra khỏi Hư không xứ liền quay trở lại nhập Đệ tứ thiên; ra khỏi Đệ tứ thiên liền quay trở lại nhập Đệ tam thiên; ra khỏi Đệ tam thiên liền quay trở lại nhập Đệ nhị thiên; ra khỏi Đệ nhị thiên liền quay trở lại nhập Sơ thiên.

Lúc ấy, Đức Thế Tôn sau khi đã [thị hiện] nhập tất cả các cảnh giới thiên định theo hai chiều thuận nghịch như vậy rồi, liền bảo khắp đại chúng rằng: “Ta dùng

trí Bát-nhã hết sức thâm sâu để quán xét khắp trong Ba cõi:⁽²⁷⁾ trong khắp Sáu nẻo [luân hồi],⁽²⁸⁾ hết thủy núi non, biển cả, đất đai và tất cả các loài sanh sống trong đó. [Ta thấy rõ ràng trong] Ba cõi này, tính chất căn bản [chung] là lìa khỏi [thực thể], [quán xét đến chỗ] rốt ráo đều vắng lặng diệt mất, đồng với tướng trạng của hư không; không có tên gọi, không có nhận biết, vĩnh viễn dứt trừ mọi sự hiện hữu.

“[Các pháp trong Ba cõi này] vốn xưa nay bình đẳng, không [tự có] niệm tướng là cao hay thấp, không thấy, không nghe, không biết, không hiểu; không thể bị trời buộc, không thể được giải thoát; không có chúng sanh, không có mạng sống [của chúng sanh], không sanh không khởi, không dứt không mất; chẳng phải thế gian cũng chẳng phải không là thế gian; Niết-bàn và sanh tử đều không thể đạt đến, hai bờ mé ấy bình đẳng như nhau, vì cùng bình đẳng với tất cả các pháp. [Thấy được như vậy rồi thì tự mình] trụ yên trong an nhàn tĩnh lặng, không có việc gì phải làm; chỗ rốt ráo an bày đều không thể đạt được; nương theo pháp và pháp tánh vô trụ mà hành xử, dứt trừ tất cả các tướng, không một tướng nào còn hiện hữu.

“Tướng của pháp là như vậy. Ai rõ biết như vậy gọi là người xuất thế; [ai] không rõ biết những điều này là [không thoát khỏi] cội nguồn sanh tử. Đại chúng các người nên phá tan vô minh, diệt trừ cội nguồn sanh tử.”

Đức Thế Tôn sau khi thuyết dạy như trên lại [thị hiện] nhập siêu thiên;⁽²⁹⁾ sau khi ra khỏi Sơ thiên liền nhập Đệ tam thiên; ra khỏi Tam thiên liền nhập Hư không xứ; ra khỏi Hư không xứ liền nhập Vô sở hữu xứ; ra khỏi Vô sở hữu xứ liền nhập Diệt tận định.

Sau khi ra khỏi Diệt tận định, Thế Tôn liền nhập Phi tưởng phi phi tưởng xứ; ra khỏi Phi tưởng phi phi tưởng xứ liền nhập Vô biên thức xứ; ra khỏi Vô biên thức xứ liền nhập Đệ tứ thiên; ra khỏi Đệ tứ thiên liền nhập Đệ nhị thiên; ra khỏi Nhị thiên liền nhập Sơ thiên.

Sau khi đã [thị hiện] siêu thiên [qua các cảnh giới thiên định] bằng cách thuận và nghịch như vậy, đức Thế Tôn lại bảo khắp đại chúng rằng: “Ta dùng trí tuệ Đại Bát-nhã để quán xét khắp trong Ba cõi: các loài có tình thức, không có tình thức, kẻ nghe pháp và người thuyết pháp, hết thảy [đến chỗ rốt ráo] đều không có người bị trói buộc, không có người được giải thoát; không có chủ thể, không có [đối tượng] nương theo; không thể nắm giữ, không ra khỏi Ba cõi, không đi vào các cảnh giới hiện hữu; xưa nay vốn là thanh tịnh, không có nhớ bản, không có phiền não, đồng như hư không; không bình đẳng, chẳng phải không bình đẳng; dứt hết mọi động niệm, tư tưởng, tâm thức.

“Tướng của pháp như vậy gọi là Đại Niết-bàn. Chân thật thấy được pháp này gọi là giải thoát; những kẻ phàm phu không rõ biết như vậy gọi là vô minh.”

Đức Thế Tôn sau khi thuyết dạy như vậy rồi lại [thị hiện] nhập siêu thiên, sau khi ra khỏi Sơ thiên [lại lần lượt nhập và xuất các cảnh giới thiên định,] cho đến nhập Diệt tận định. Sau khi ra khỏi Diệt tận định, [lần lượt quay ngược lại nhập và xuất các cảnh giới thiên định,] cho đến nhập Sơ thiên.

Sau khi đã [thị hiện] siêu thiên [qua các cảnh giới thiên định] bằng cách thuận và nghịch như vậy, đức Thế Tôn lại dạy Đại chúng rằng: “Ta dùng con mắt [trí

tuệ của] Phật để quán xét khắp trong Ba cõi: Tất cả các pháp [đều có] nguồn gốc ban đầu từ vô minh; tánh [của vô minh] vốn là giải thoát, nếu tìm kiếm [giải thoát] trong khắp mười phương, rốt cùng cũng không thể được; vì cội gốc [vô minh] là không, nên hết thảy cành nhánh đều được giải thoát. Vì vô minh được giải thoát, cho nên lần lượt đến già chết⁽³⁰⁾ cũng đều được giải thoát. Vì nhân duyên ấy, nay ta trụ yên trong hào quang thường tịch diệt, gọi là Đại Niết-bàn.”

Lúc ấy, ngài A-nan hết sức bi ai, buồn đau khổ não, lòng dạ rối loạn, tình thức hôn mê như người quá say không còn nhận biết gì nữa, không nhìn thấy Bốn chúng, cũng không biết đức Như Lai đã nhập Niết-bàn hay chưa.

Đức Thế Tôn khi ấy đã [thị hiện] siêu thiên, nhập và xuất các cảnh giới thiên định ba lần, quán xét khắp pháp giới, lại vì khắp đại chúng mà thuyết pháp ba lần như vậy; cộng cả thảy Như Lai đã hai mươi bảy lượt xuất và nhập các cảnh giới thiên định.⁽³¹⁾

Vì ngài A-nan không [còn tỉnh táo nhận] biết, nên mỗi khi Phật nhập một cảnh giới thiên định đều theo hỏi ngài A-na-luật rằng: “Phật đã nhập Niết-bàn hay chưa?” Cả thảy là hai mươi bảy lần hỏi. [Mỗi lần như vậy,] ngài A-na-luật vì rõ biết sâu xa rằng đức Như Lai chỉ nhập các cảnh giới thiên định nên đều trả lời: “Phật chưa nhập Niết-bàn.”

Lúc ấy, tất cả đại chúng cũng đều hoảng loạn, không biết được Như Lai đã vào Niết-bàn hay chưa!

Bấy giờ, sau khi đã ba lần nhập và xuất các cảnh giới thiên định cũng như ba lần chỉ dạy cho đại chúng

rồi, đức Thế Tôn bèn nằm duỗi người trên giường thất bảo, nghiêng hông bên phải xuống dưới, đầu hướng về phương bắc, mặt hướng về phương tây; có những chuỗi ngọc xinh đẹp nhiệm màu trang nghiêm quanh giường thất bảo. Trong rừng cây sa-la khi ấy có tám cây mọc sòng đôi thành bốn cặp, một cặp phía tây, trước mặt Như Lai; một cặp phía đông, sau lưng Như Lai; một cặp phía bắc, trên đầu Như Lai; một cặp phía nam, dưới chân Như Lai.

Lúc ấy, đức Thế Tôn nằm trên giường báu dưới rừng cây sa-la. Đến khoảng nửa đêm, Phật nhập Định tứ thiên, vắng lặng an nhiên không một tiếng động; trong khoảnh khắc ấy Phật nhập Niết-bàn.

Đấng Đại giác Thế Tôn nhập Niết-bàn rồi, trong rừng sa-la ấy, hai cặp cây đứng phía đông và phía tây Phật liền hợp [tán cây] thành một, hai cặp cây sòng đôi đứng phía nam và phía bắc Phật cũng hợp [tán cây] thành một, tạo thành một cái lọng lớn che kín phía bên trên giường báu Phật nằm. Trong chốc lát, những cây ấy đều đau buồn chuyển thành màu trắng muốt như [lông] con hạc trắng; cành lá, hoa trái, [cho đến] vỏ cây, thân cây đều nứt nẻ, rơi rụng, dần dần khô héo, gãy rụng, không còn gì cả...

Lúc ấy, từ vô lượng muôn ức thế giới nhiều như số cát sông Hằng của chư Phật mười phương, tất cả những cõi đất đều chấn động mạnh, phát ra đủ mọi thứ âm thanh, [nghe như] tiếng than thở rằng: “Khổ thay, khổ thay! Thế gian [đã trở thành] trống rỗng!”

[Những âm thanh ấy] lại tạo thành những tiếng diển đạt lẽ vô thường, khổ, không và sự buồn đau ai oán.

Bấy giờ, tất cả núi non trong các thế giới mười phương, như núi Mục-chân-lân-đà, núi Ma-ha Mục-chân-lân-đà, núi Thiết vi, núi Đại Thiết vi, núi Tu-di, Bảo sơn, Hương sơn, Kim sơn, Hắc sơn... tất cả núi non trên khắp các cõi đất đều cùng lúc rung động, sụp lở, phát ra những âm thanh vang dội khắp thế giới, [nghe như] tiếng than thở rằng: “Khổ thay, khổ thay! Vì sao chỉ trong chốc lát thế gian đã trở thành không nơi nương tựa? Mặt trời trí tuệ đã lặn khuất sau núi Đại Niết-bàn! Tất cả chúng sanh mất đi Đấng cha lành chân thật, mất đi bậc trời [xứng đáng cho tất cả mọi người] cung kính, [từ nay] không còn nơi chiêm ngưỡng!”

Lúc ấy, tất cả biển cả trong các thế giới mười phương đều ngẫu đục, cuộn cuộn nổi sóng, phát ra đủ mọi âm thanh, [nghe như] tiếng than thở rằng: “Khổ thay, khổ thay! Đấng Chánh giác đã ra đi! Chúng sanh tội lỗi khổ não, trôi giạt mãi trong biển cả sanh tử như đêm dài tăm tối, mê lạc mất con đường chân chánh, biết nhờ đâu mà được giải thoát?”

Tất cả sông ngòi, kênh rạch, suối khe, ao hồ, giếng nước... [bỗng nhiên] đều nghiêng đổ khô cạn.

Bấy giờ, mặt đất và hư không trong khắp các thế giới mười phương đều vắng lặng u ám, mặt trời, mặt trăng không còn chiếu sáng. Sự tối tăm, sâu não lan khắp thế giới. Ngay trong lúc ấy, bỗng nhiên nổi lên cuồng phong mù mịt, chấn động kinh hồn, thổi tung bụi cát như che lấp cả thế giới.

Trên mặt đất, tất cả các loại cỏ, cây, cỏ thuốc, cây lớn [bỗng nhiên] hoa, trái, cành lá thảy đều khô gãy, rơi rụng, không còn gì cả.

Ngay trong lúc ấy, tất cả chư thiên [hiện ra] đầy khắp hư không trong mười phương thế giới, than khóc bi ai, chấn động cả thế giới Tam thiên đại thiên, rải xuống như mưa vô số trăm ngàn các loại hương, hoa tốt đẹp nhất cõi trời, đầy khắp cõi Tam thiên đại thiên thế giới, chất lại thành đống cao như núi Tu-di để cúng dường Như Lai.

Từ trên không trung lại đổ xuống như mưa vô số cờ phướn, chuỗi ngọc, lọng báu, ngọc như ý, đều là những vật báu của cõi trời, đầy khắp hư không, biến thành một đài báu bốn mặt có châu ngọc, bảy món báu đan xen vây quanh, chói sáng rực rỡ để cúng dường Như Lai.

Từ trên không trung lại trỗi lên vô số giai điệu âm nhạc cõi trời rất màu nhiệm như tiếng trống, tiếng sáo, tiếng đàn hát... đủ mọi thứ âm thanh, [nghe như] tiếng than thở rằng: “Khổ thay, khổ thay! Phật đã nhập Niết-bàn, thế gian [bây giờ] trống rỗng, tất cả chúng sanh phải mù lòa, quở la-sát tham cầu phiền não tràn lan khắp nơi, sự khổ não vô thường biến dị tiếp nối không dứt, bánh xe đau đớn chẳng ngừng quay!”

Lúc ấy, ngài A-nan buồn khổ mê muội không còn nhận biết gì nữa, không biết Như Lai đã nhập Niết-bàn hay chưa, trước mắt chỉ thấy toàn những cảnh tượng khác thường, liền quay sang hỏi lại ngài A-na-luật: “Phật đã nhập Niết-bàn rồi phải không?”

Ngài A-na-luật đáp rằng: “Đại giác Thế Tôn đã nhập Niết-bàn!”

Ngài A-nan vừa nghe qua câu này thì buồn đau cực độ, ngã nhào xuống đất như người đã chết, hơi thở đứt hẳn, tâm thức mờ mịt không còn biết gì nữa cả.

Lúc ấy, ngài A-na-luật dùng nước trong mát tưới lên mặt A-nan [cho tỉnh lại], đỡ dậy, rồi dùng phương tiện khéo léo mà an ủi rằng: “Buồn khổ thay! Đau đớn thay! Nhưng biết làm sao được? Thôi ông cũng đừng buồn đau sâu não thái quá mà rối loạn tâm. Nhân duyên giáo hóa của Như Lai đã dứt, hết thảy chư thiên và loài người không ai có thể lưu giữ ngài lại được. Khổ thay, khổ thay! Nhưng biết làm sao được? Ngờ đâu hôm nay bậc thầy của chư thiên và nhân loại, khi việc cần làm đã làm xong, không ai có thể lưu giữ được. Biết làm sao được! Nay ông và tôi, chúng ta phải cùng nhau tìm nén nỗi đau này!”

Ngài A-na-luật lại an ủi thêm: “A-nan! Tuy Phật nhập Niết-bàn nhưng vẫn còn lưu lại xá-lợi và Pháp bảo cao quý nhất, thường trụ ở thế gian, có thể làm chỗ quay về nương theo cho tất cả chúng sanh. Nay ông và tôi, chúng ta nên chuyên cần tinh tấn đem Pháp bảo ấy truyền trao cho chúng sanh, khiến họ được thoát khỏi các nỗi khổ, [như vậy mới] báo đáp được ân đức của Như Lai.”

Lúc ấy, ngài A-nan nghe lời an ủi khuyên nhủ rồi, dần dần tỉnh ngộ, [nhưng vẫn còn] nghẹn ngào rơi lệ, không tìm nỗi sự bi ai.

Bấy giờ, trong phạm vi vương vực mười hai do-tuần ở rừng sa-la thuộc thành Ca-thi-na, đại chúng và chư thiên, loài người tụ tập đầy kín; mỗi khoảnh đất chỉ bằng mũi nhọn một cây kim cũng chứa được đến vô lượng người, [nhưng phạm vi này vẫn] không còn một khoảnh trống nào. [Dù vậy, tất cả đại chúng đều] không hề chen chúc che chướng lẫn nhau.

Lúc ấy, vô số ức Bồ Tát và tất cả đại chúng đều mê muội, hoang mang rối loạn, không thể biết được là đức

Như Lai đã nhập Niết-bàn hay chưa, chỉ thấy trước mắt toàn những cảnh khác thường biến động. Các vị liền đồng thanh cất tiếng hỏi ngài A-na-luật: “Phật đã nhập Niết-bàn rồi phải không?”

Lúc ấy, ngài A-na-luật nói với đại chúng, tất cả chư thiên và nhân loại rằng: “Đại giác Thế Tôn đã nhập Niết-bàn!”

Nghe qua lời ấy rồi, có vô số người trong đại chúng đồng thời cảm thấy sầu khổ choáng ngợp trong lòng, nghẹn ngào không nói được gì, thảy đều ngã nhào xuống đất, mê man bất tỉnh. Lại có những người [ngay khi ấy] nhập diệt theo Phật. Lại có những người lòng dạ rối bời tán loạn. Lại có những người thân tâm đều rung động, run rẩy. Lại có những người nắm chặt tay nghẹn ngào rơi lệ. Lại có những người luôn tay đấm ngực, than khóc lớn tiếng. Lại có những người [không nén được đau thương,] vò đầu bứt tóc.

Lại có những người kêu thét lên: “Đau đớn thay, đau đớn thay! Cay đắng khổ não thay!”

Lại có những người than tiếc: “Sao Như Lai vội nhập Niết-bàn quá sớm như vậy!”

Lại có những người than thở rằng: “Than ôi! Chúng ta đã mất đi một vị trời đáng tôn kính.”

Lại có những người kêu than: “Ôi! Thế gian [đã trở thành] trống rỗng! Chúng sanh [từ nay phải chịu] mù lòa!”

Lại có những người than thở: “Con quỷ lớn phiền não từ nay sẽ lan tràn khắp chốn!”

Lại có những người than rằng: “Than ôi! Hạt giống

lành của chúng sanh đã dứt, không còn nảy sanh mầm chồi được nữa!”

Lại có những người ta thán: “Ôi! Ma vương từ nay vui sướng, cởi bỏ áo giáp [vì chẳng còn ai đối trị]!”

Lại có những người tự chê trách thân tâm, quán xét lý vô thường; lại có những người thực hành pháp quán chân chánh, liền được giải thoát.

Lại có những người đau xót than rằng: “Nay chúng ta không còn chỗ để quay về nương theo.”

Trong [số đại chúng] lại có những người [quá đau đớn nên] toàn thân rướm máu, rỉ chảy xuống mặt đất.

[Tất cả đại chúng] như vậy, thuộc các loài khác nhau, tiếng nói khác nhau, thảy đều cất tiếng bi ai, chấn động khắp các thế giới.

Lúc ấy, Đại Phạm Thiên vương Thi-khí là vị đứng đầu thế giới Ta-bà, biết rằng Phật đã nhập Niết-bàn, liền cùng chư thiên từ cảnh trời Sơ thiên vượt qua hư không mà đáp xuống, cất tiếng khóc lớn, nghẹn ngào tuôn lệ, phủ phục trước thân Như Lai, rồi ngã lăn ra đất mê man, hồi lâu mới tỉnh lại. Không tự chế được sự bi thương, ngài đứng trước thân Phật đọc kệ than rằng:

*Thế Tôn xưa từng có thệ nguyện,
Vì chúng con thị hiện Ta-bà;
Che giấu sức tự tại vô lượng,
Dùng pháp thích hợp độ chúng sanh.*

*Phương tiện giảng thuyết tùy người nghe,
Ai ai cũng đều được an lạc;
Khuyến khích dẫn dụ cho thoát khổ,
Niết-bàn nẻo cuối cùng hướng đến.*

*Như Lai như mẹ hiền thương con,
Dòng sữa đại bi thường nuôi dưỡng;
Ngờ đâu một sớm dứt ra đi,
Trời, người bơ vơ không chỗ dựa!*

*Đau đớn thay! Mầm thiện chúng sanh,
Không còn cam lộ giúp tăng trưởng;
Từ nay mầm thiện phải suy diệt,
Nghệp ác kéo lôi vào nẻo ác.*

*Thế gian trống rỗng, biết làm sao!
Mất tuệ chánh chân diệt mất rồi!
Chúng sanh lạc vào đêm tăm tối,
Chìm trong Ba cõi, khổ vẫn xoay!*

*Tội lỗi chúng sanh, ai cứu giúp?
Nương xá-lợi Phật được giải thoát;
Nguyện cầu sức đại bi Như Lai,
Che chở cứu giúp con thoát khổ.*

*Ngờ đâu đau đớn giữa cõi này,
Như Lai buông bỏ, nhập Niết-bàn!*

Lúc ấy, Thích-đề-hoàn-nhân cùng đại chúng [chư thiên] từ trên hư không hạ xuống kêu than rằng: “Khổ thay, khổ thay!”

Thiên Đế lớn tiếng than khóc, đau thương tuôn lệ, phủ phục trước thân Như Lai, rồi ngã lăn ra đất mê man, hồi lâu mới tỉnh lại, đau đớn nghẹn ngào quỳ mọp trước thân Phật đọc kệ than rằng:

*Như Lai bao kiếp tu hạnh khổ,
Đều vì thương xót mọi chúng sanh.
Thành tựu đạo Vô thượng Chánh giác,
Nuôi dưỡng chúng sanh đồng như con.*

*Pháp lành ban ra là thuốc quý,
Trị bệnh vượt hơn mọi thầy hay;
Mây đại từ bi che mát chúng,
Mưa tuệ cam lộ tưới khắp cả.*

*Mặt trời trí tuệ phá vô minh,
Chúng sanh mê mờ gặp Thánh đạo;
Trăng sáng ánh từ soi sáu nẻo,
Ba cõi nhờ ơn được thoát khổ.*

*Ngờ đâu nay dứt lòng đại bi,
Nhập cảnh Niết-bàn, không ai thấy!
Nay biết nơi đâu, nguyện đại bi?
Nỡ bỏ chúng sanh không luyến tiếc!*

*Chúng con muôn loài trong Ba cõi,
Như bê con mất mẹ sắp chết;
Bốn chúng nắm tay nhau than khóc,
Đau thương đấm ngực động Ba cõi.*

*Khổ thay, khổ thay! Hỡi người đời,
Cớ sao một sớm thành cô cút?
Chúng con dứt phước, khổ biết bao!
Mầm thiện úa tàn, không xanh lại.*

*Cầu mong Pháp bảo, xá-lợi Phật,
Chiếu sáng giúp ta thoát cõi khổ!
Buồn thay! Đau đớn thay! Chúng ta,
Biết bao giờ gặp lại Như Lai?*

Bấy giờ, ngài A-na-luật bi thương than khóc, đau xót khôn lường, rồi quỳ mọp xuống trước thân Phật đọc kệ than tiếc rằng:

*Chánh giác Pháp vương nuôi chúng con,
Nhờ dòng sữa pháp, lớn Pháp thân;
Pháp thân chúng sanh nay chưa thành,
Hành trang trí tuệ còn ít ỏi!*

*Ước chi Pháp âm thường giảng thuyết,
Khiến chúng sanh nghe đều ngộ Đạo;
Thêm ánh đại từ năm sắc chiếu,
Giúp chúng sanh đều được giải thoát.*

*Cớ sao sớm dứt, nhập Niết-bàn!
Chúng sanh khổ biết nương về đâu?
Đại bi Thế Tôn nay không còn,
Chúng con bơ vơ ắt phải chết!*

*Tuy rõ biết Thế Tôn phương tiện,
Chúng con không thể không bi thương!
Bốn chúng mê muội, tâm tán loạn,
Buồn đau chấn động khắp Ba cõi!*

*Thế Tôn riêng vào chốn an vui,
Chúng sanh quá khổ, còn mong gì?*

*Thuở xưa Thế Tôn vì chúng con,
Nhiều kiếp đầu rơi, tay chân đứt;
Nay thành đạo Vô thượng Chánh giác,
Sao chẳng ở lâu, sớm nhập diệt?*

*Chúng con Bốn chúng giữa vô minh,
Ma vương vui mừng cởi áo giáp!*

*Thương thay! Nguyên Thế Tôn đại bi,
Ánh từ xá-lợi soi khắp chúng.
Lại mong Thế Tôn thương Bốn chúng,
Gia hộ Pháp bảo truyền không dứt!*

*Hận sao không thể chết theo được,
Dẫu chút sống thừa có là bao?
Khổ thay! Đau đớn khôn nhẫn chịu!
Chẳng còn cơ hội gặp Như Lai!*

Lúc ấy, ngài A-nan đã ngất đi hồi lâu, dần dần tỉnh lại, đưa tay vò đầu, đấm ngực, nghẹn ngào tuôn lệ, không kìm nổi đau thương, quỳ mọp xuống trước thân Phật đọc kệ than rằng:

*Con nhờ sức nguyện của Thế Tôn,
May được cùng sanh trong dòng Thích;
Kể từ Như Lai thành Chánh giác,
Đã hai mươi năm theo kề cận.*

*Hết lòng kính dưỡng, tình chưa trọn,
Một sớm nữ dứt vào Niết-bàn.
Thương thay! Cay đắng, buồn khổ thay!
Đêm dài vô tận lòng xiết đau!*

*Thân con chưa thoát mọi nghi tình,
Vỏ bọc vô minh còn kiên cố.
Thế Tôn chưa giúp con phá vỡ,
Sao nữ sớm dứt nhập Niết-bàn?*

*Con như trẻ sơ sanh non nớt,
Mất mẹ, không lâu ắt phải chết;
Sao Thế Tôn nữ đành dứt bỏ,
Riêng ngoài Ba cõi hưởng an vui?*

*Nay con sám hối trước Thế Tôn,
Hầu Phật hai mươi năm đã tròn;
Đi, đứng, nằm, ngồi nhiều biếng trễ,
Chưa đủ vui lòng đức Thế Tôn.*

*Nguyện đức Chánh giác đại từ bi,
Ban cho cam lộ, được an vui.
Con nguyện mai sau vô số kiếp,
Luôn được cận kề hầu Thế Tôn.*

*Ngưỡng nguyện Thế Tôn phóng từ quang,
Chiếu khắp thế gian, cứu độ con.
Đau đớn thay! Tỏ bày khôn xiết!
Nghẹn lời không kể hết Phật ân!*

Lúc ấy, vô số ức các vị Bồ Tát nhiều như số cát sông Hằng cùng hết thảy đại chúng cõi trời và cõi người đều nắm tay nhau bi thương than khóc, nước mắt tuôn tràn, không ai ngăn được lòng đau xót. Rồi tất cả bảo nhau cùng nén lệ sâu, bày biện vô số hương hoa tươi đẹp như hoa mạn-đà-la, hoa ma-ha mạn-đà-la, hoa mạn-thù-sa, hoa ma-ha mạn-thù-sa, vô số các loại chiên-đàn, trầm thủy [quý giá được lấy từ những vùng] ven biển xa xôi, cõi trời và cõi người, trăm ngàn muôn thứ hương thơm hòa trộn, vô số loại hương bột, hương nước, cùng những lọng báu, cờ phướn quý giá, chuỗi ngọc trai quý... đây khắp cả hư không, rồi đưa đến trước thân Như Lai, bi thương đau xót [dâng lên] cúng dường.

Bảy giờ, hết thảy đại chúng và nhân dân nam, nữ, già, trẻ trong thành Câu-thi-na đều bi thương, đau xót rơi lệ, mỗi người đều bày biện vô số hương hoa tươi đẹp cùng những phướn, lọng... các thứ, còn nhiều hơn cả

những phẩm vật đã nói trên, cùng đưa đến trước thân Như Lai, bi thương đau xót [dâng lên] cúng dường.

Lúc ấy, Bốn vị thiên vương cùng với đại chúng chư thiên đều bi thương, đau xót rơi lệ, mỗi người cũng đều bày biện vô số hương hoa, đủ các loại phẩm vật cúng dường, nhiều gấp ba lần những phẩm vật đã nói trên, nước mắt ràn rụa cùng nhau đến chỗ Như Lai, cũng đưa tất cả phẩm vật đến trước thân Như Lai, bi thương đau xót [dâng lên] cúng dường.

[Các vị Thiên vương và đại chúng chư thiên ở] năm cõi trời [còn lại]⁽³²⁾ cũng giống như vậy, [đều bày biện phẩm vật cúng dường] nhiều hơn đã nói trên [để dâng lên cúng dường đức Như Lai].

Chư thiên ở Sắc giới và Vô sắc giới lại cũng như vậy, [đều bày biện phẩm vật cúng dường] nhiều hơn đã nói ở trên, mang đến [dâng lên] cúng dường đức Như Lai.

KINH ĐẠI BÁT NIẾT-BÀN

HẾT QUYỂN BỐN MƯƠI MỐT

CHÚ GIẢI

1. Vén trần vai áo bên phải: cử chỉ để bày tỏ lòng tôn kính. Tập tục này vốn có từ thời cổ đại Ấn Độ, thường được các tỳ-kheo sử dụng để bày tỏ lòng tôn kính Phật trước khi thưa hỏi điều gì.
2. Tám loại âm thanh (Bát chủng thanh): chỉ thân lực của Phật khi phát ra âm thanh lời nói có tám tính chất tốt đẹp, có thể khiến tất cả các loài chúng sanh đều tùy theo ngôn ngữ của mình mà hiểu rõ.
3. Các bản Hán văn đều gọi từ đây là phẩm thứ nhất, tức là tính theo bản Hậu phần, nên phần nối tiếp của phẩm Kiều-trần-như được gọi là “Kiều-trần-như phẩm dư” hoặc “Kiều-trần-như phẩm chi mạt”. Chúng tôi vẫn tính tiếp theo phần trước nên gọi là “phẩm thứ 13 phần thứ tư” để quý độc giả tiện theo dõi.
4. Bốn thiền, tám định: các mức độ trình tự chứng đắc của người tu tập thiền định. Bốn thiền gồm có Sơ thiền, Nhị thiền, Tam thiền và Tứ thiền, đều còn thuộc trong phạm vi Sắc giới. Tám định bao gồm cả bốn mức định thuộc Sắc giới của Bốn thiền, cộng với bốn mức định thuộc Vô sắc giới là: Không vô biên xứ, Thức vô biên xứ, Vô sở hữu xứ, Phi tưởng phi phi tưởng xứ.
5. Chỉ thế giới Ta-bà, vì có đủ năm sự uest trước (ngũ trước), là những tính chất xấu xa, ô nhiễm bao gồm kiếp trước, kiến trước, phiền não trước, chúng sanh trước và mạng trước.
6. A-na-luật (阿那律), phiên âm từ Phạn ngữ *Aniruddha*, nguyên bản Hán văn dùng A-nê-lâu-đậu (阿泥樓豆), cũng chính là vị này. Ngoài ra còn có rất nhiều cách phiên âm khác như A-ni-lâu-đà, A-nê-luật-đà, A-nê-lâu-đà, A-nô-luật-đà, A-na-luật-đê... Danh xưng này được dịch nghĩa là Vô Diệt, Như Ý, Vô Tham, Vô Chướng, Thiện Ý... Đây là một trong Thập đại đệ tử của Phật, được Phật ngợi khen là Thiên nhân đệ nhất. Ông cũng là một trong các vương tử xuất gia cùng lúc với ngài A-nan. Chúng tôi không dùng tên gọi A-nê-lâu-đậu theo nguyên bản mà chọn dùng tên gọi A-na-luật vì thấy có sự quen thuộc hơn với nhiều người, do tên gọi này thường xuất hiện trong nhiều kinh luận khác hơn.
7. Sáu tỳ-kheo xấu: tức Lục quần tỳ-kheo, là nhóm tỳ-kheo xấu tánh, ngay trong khi Phật còn tại thế vẫn thường làm nhiều việc phạm vào giới luật, khiến chúng tăng phải mang tai tiếng. Vì thế nên ngài A-na-luật mới nêu vấn đề này ra để hỏi trước khi Phật nhập Niết-bàn.
8. Xa-nặc, phiên âm từ Phạn ngữ *Chandaka*, là một tỳ-kheo tính tình kiêu mạn, xấu ác; cũng là một trong nhóm Lục quần tỳ-kheo. Xa-nặc chính là người hầu cận và đánh xe cho thái tử Tất-đạt-đa khi còn ở vương cung, sau khi Phật thành đạo xin xuất gia tu học, ý mình có xuất thân gần gũi với Phật năm xưa nên khinh thị các

tỳ-kheo khác, thường làm nhiều việc xấu, ác khẩu, vì thế thường có tên gọi là Ác khẩu Xa-nặc hay Ác tánh Xa-nặc. Sau khi Phật nhập diệt, ông có lần bị chúng tăng trừng trị bằng phép mặc trần; cuối cùng theo ngài A-nan được dạy bảo đến khi chứng quả A-la-hán.

9. Sáu trần (lục trần): tức các đối tượng nhận biết của các giác quan, gồm hình sắc, âm thanh, mùi hương, vị nếm, sự xúc chạm và các pháp.
10. Quan điểm chấp ngã (ngã kiến hay ngã chấp): quan điểm cho rằng có một bản ngã thực sự tồn tại độc lập so với các đối tượng bên ngoài nó, gọi là ngoại cảnh. Nhận thức này là sai lầm, không đúng thật với thực tại vốn hiện hữu do sự kết hợp của nhân duyên, kể cả cái gọi là bản ngã đó cũng không ngoại lệ.
11. Tính chất của tên gọi là lìa khỏi thực thể (danh tự tánh ly): tên gọi là do con người đặt ra để phân biệt sự vật, nhưng một khi tên gọi được hình thành thì con người lại xem tên gọi đó chính là sự vật, nên nếu chỉ trói buộc vào tên gọi thì không còn nhận biết được thực thể của sự vật ấy. Như nói “me chua” (tên gọi) để chỉ trái me (sự vật), nhưng thực thể của trái me không chỉ là chua, càng không chỉ có sự giới hạn trong tên gọi đó. Vì thế nên nói tính chất của tên gọi là lìa khỏi thực thể.
12. Sự tu tập Bốn niệm xứ được trình bày ở đây có sự khác biệt với trong các kinh điển Tiểu thừa, theo đó hành giả tu tập quán thân bất tịnh, quán thọ thị khổ, quán tâm vô thường và quán pháp vô ngã.
13. Những điều được Phật dặn dò ghi lại ở phần mở đầu tất cả các kinh có ý nghĩa xác tín, khẳng định tính chân thật và lợi ích của kinh điển. Thứ nhất, vì người ghi chép quả thật đã có nghe biết đúng như vậy (như thị ngã văn). Thứ hai, vì những gì kể lại trong kinh có sự xác định rõ ràng về thời gian, không gian (nhất thời Phật tại...). Thứ ba, vì đối tượng của những điều thuyết dạy trong kinh là bốn chúng đệ tử Phật, nên chắc chắn là những điều rất thiết thực, cần thiết cho sự tu tập giải thoát.
14. Đức Phật từ bi để lại lời dặn dò này hẳn đã lường trước được những người đời sau sẽ vì việc thọ nhận và thụ hưởng những phẩm vật cúng dường Tam bảo mà xao nhãng chuyện tu tập. Vì thế, nếu ai còn biết nhớ đến và vâng theo sự dặn dò này thì không thể buông thả chạy theo sự hưởng thụ những phẩm vật dâng cúng của thí chủ, mà phải luôn nghĩ nhớ đến việc chuyên tâm tu tập hành trì.
15. Trà-tỳ: danh từ xuất phát từ Phạn ngữ *jhāpita*, cũng đọc là xà-duy (闍維), chỉ nghi thức hỏa thiêu nhục thân của một vị Phật hay cao tăng Phật giáo. Trong Hán ngữ dịch chữ này là phần thiêu (焚燒).
16. Hoa đầu-la, tên Phạn ngữ là *tūla*, cũng được đọc là đố-la hay đố-la... là một loài hoa có màu trắng và rất mềm mại, mịn màng; dịch nghĩa là miền hoa hay tế miền hoa. Nguyên bản Hán văn dùng đầu-la miền là thừa vì kết hợp cả dịch âm và dịch nghĩa.
17. Chiên-đàn Ngưu Đầu, Phạn ngữ là *Gośīrṣaka-candana*, là một loại chiên-đàn cực quý, chỉ có ở núi Ngưu Đầu, nên gọi là chiên-đàn Ngưu Đầu. Ngọn núi này

- cao vút, đỉnh có hình giống đầu trâu nên gọi là núi Ngưu Đầu. (Theo sách Danh nghĩa tập - 名義集, quyển 3) Theo Trí độ luận quyển 18 thì ngoài ngọn núi này ra không còn nơi nào khác có thể tìm được loại gỗ thơm chiền-đàn này.
18. Trâm thủy, cũng gọi là trâm hương, Phạn ngữ là agaru, là một loại gỗ quý thơm, thả vào nước thì chìm nên gọi là “trâm thủy”. Trâm hương là một phần đặc biệt trong lõi cây, loại có màu đen rất thơm, rất quý, gọi là “hắc trâm thủy”. (Theo Bản thảo chú - 本草註)
19. Câu-thi-na: tên thành này phiên âm từ Phạn ngữ Kuśinagara, bản Hán văn đôi khi dùng Câu-thi hay Câu-thi-na-già đều là xuất phát từ một tên này. Chúng tôi vẫn chuyển dịch bằng một tên để độc giả tiện theo dõi.
20. Thích-đề-hoàn-nhân (Śakrodevānām Indrah): tên gọi của vị Thiên Đế-thích, tức vị vua ở cõi trời Đao-lợi, còn gọi là cõi trời Ba mươi ba (Tam thập tam thiên).
21. Vàng ròng có sắc tía (tử ma kim hay tử ma hoàng kim): loại vàng ròng tinh luyện được xem là quý nhất, màu chói sáng có ứng sắc đỏ tía.
22. Ưu-đàm: tên hoa được phiên âm từ Phạn ngữ Udumbara, nên còn đọc là ưu-đàm-bát-la, ưu-đàm-bà-la, ô-đàm-bạt-la... đều chỉ một loại hoa này; Hán dịch nghĩa là linh thụ, tức là hoa báo điềm lành. Pháp Hoa văn cú quyển 4, phẩm thượng, nói rằng hoa này đến ba ngàn năm mới nở một lần, khi hoa nở ắt có Chuyển luân Thánh vương ra đời. Kinh Phật nói chung thường dùng hình ảnh hoa ưu-đàm để so sánh với chuyện hiếm có, nhất là việc Phật ra đời.
23. Đa-la: tên cây phiên âm từ Phạn ngữ là tāla, tên khoa học là borassus flabelliformis, mọc phổ biến ở Ấn Độ, Myanma, Sri Lanka và một số vùng nhiệt đới thuộc châu Phi. Cây cao to, mọc thẳng, hoa trắng lớn, trái chín màu đỏ, ăn được. Lá cây có phiến lớn, rộng, xua dùng để viết chữ lên và lưu giữ được, gọi là lá bối-đa-la, hay lá bối, đặc biệt là giai đoạn đầu tiên của việc ghi chép kinh điển chủ yếu dùng loại lá bối này, nên gọi là bối điệp kinh. Chiều cao cây trung bình khoảng bảy, tám mươi thước cổ (mỗi thước cổ khoảng 0,33 mét), nhưng trong Tuệ uyển âm nghĩa nói rằng người xưa ước lệ chiều cao cây này là 10 trượng (tức 100 thước cổ) để làm đơn vị đo chiều cao. Nếu vậy thì ngang tầm một cây đa-la tức là khoảng hơn 30 mét.
24. Tịch diệt định hay Đại tịch diệt định: một trong Thất chủng vô thượng của đức Như Lai, tức Trụ vô thượng, nghĩa là đức Như Lai tuy thị hiện trong khắp các cõi phàm thánh, trời người, nhưng vốn thường an trụ trong Tịch diệt định. Đây là điều mà ngoài Phật ra không ai có thể hơn được, nên gọi là Trụ vô thượng. Nay đức Như Lai sắp thị hiện Niết-bàn nên trước hết thị hiện cho Đại chúng thấy ngài nhập Tịch diệt định, nhưng thật ra ngài vẫn thường an trú trong phép định này. Đoạn tiếp theo Phật thị hiện nhập và xuất tất cả các cảnh giới thiền định theo từng thứ bậc, nhưng vẫn không hề ra khỏi Tịch diệt định này.
25. Nguyên bản Hán văn có một đoạn lặp lại ý câu trước đó, chúng tôi ngờ là do lỗi khi khắc bản, vì trong bản chữ Vạn thì hai phần này nằm ở hai trang khác nhau. Khi chuyển dịch, chúng tôi chỉ ghi lại đủ ý, không ghi đoạn mang ý trùng lặp.

26. Vô sở hữu xứ: nguyên bản Hán văn dùng Bất dụng xứ, là tên gọi khác của Vô sở hữu xứ. Chúng tôi chọn dùng tên gọi Vô sở hữu xứ vì đã xuất hiện nhiều lần trong kinh này cũng như quen thuộc hơn với nhiều người.
27. Ba cõi: tức Dục giới, Sắc giới và Vô sắc giới. Tất cả chúng sanh hữu tình đều không ra ngoài Ba cõi này.
28. Sáu nẻo luân hồi: cõi trời, cõi người, cõi a-tu-la, địa ngục, ngạ quỷ và súc sanh. Hết thủy chúng sanh trong vòng luân hồi đều rơi vào một trong sáu nẻo này, tùy theo nghiệp lực.
29. Siêu thiên hay siêu việt thiên, thường gặp hơn là danh xưng siêu việt tam-muội, chỉ cách xuất nhập thiền định tự tại của Phật và các vị Bồ Tát, không theo trình tự thông thường như hàng Thanh văn, như từ Sơ thiên lên Nhị thiên, Tam thiên... Với siêu việt tam-muội, hành giả có thể trực nhập bất cứ cảnh giới thiền định nào tùy ý, không cần phải theo trình tự. Vì thế cũng gọi là Tự tại định.
30. Lần lượt đến già chết: câu này nói tóm ý cả 12 nhân duyên, từ vô minh cho đến già chết (lão tử).
31. Từ Sơ thiên lên đến Diệt tận định là 9 cảnh giới thiền định, cả thảy ba lần là 27 lượt.
32. Trong sáu cõi trời thuộc Dục giới (Lục dục thiên) thì ngoài cõi trời của Tứ thiên vương (Tứ vương thiên) còn năm cõi trời khác là Đao-lợi thiên, Dạ-ma thiên, Đâu-suất thiên, Hóa lạc thiên và Tha hóa tự tại thiên. Mỗi cõi trời đều có một vị Thiên vương đứng đầu chư thiên chúng.

大般涅槃經後分

大唐南沙門若那跋陀羅與沙門會寧等譯

卷第四十二

機感茶毘品

第三

爾時拘尸城內一切男女悲泣流淚。不知茶毘法則云何。問阿難言。如來涅槃如何法則可以茶毘。

爾時帝釋具陳上事而以告言。如佛所說依輪王法。

爾時拘尸城內一切人民。悲泣流淚總入城中。即作金棺七寶莊嚴。即辦微妙無價白氎千張。無數細軟妙兜羅綿。辦無數微妙栴檀沈水。百千萬種和香香泥香水。一切繒蓋幡花香等。如雲遍滿在於空中積高須彌。既辦已訖悲哀流淚。將至佛所投如來前。悲咽不勝而伸供養。

爾時拘尸城內一切人民及諸大眾。重復悲哀哽咽流淚。復持無量香花幡蓋一切供具。如雲遍滿空中。互相執手搥胸哽咽。涕泣盈目哀震大千。投如來前悲哀供養。

ĐẠI BÁT NIẾT-BÀN KINH HẬU PHẦN

ĐẠI ĐƯỜNG NAM SA-MÔN NHÃ-NA-BẠT-ĐÀ-LA DỮ SA-MÔN HỘI NINH ĐĂNG DỊCH

QUYỂN ĐỆ TƯ THẬP NHỊ

CƠ CẢM TRÀ-TỖ PHẨM

ĐỆ TAM

Nhĩ thời, Câu-thi thành nội, nhất thiết nam nữ bi khắp lưu lệ, bất tri trà-tỳ pháp tắc vân hà, vấn A-nan ngôn: Như Lai Niết-bàn, như hà pháp tắc, khả dĩ trà-tỳ?

Nhĩ thời, Đế-thích cụ trần thượng sự, nhi dĩ cáo ngôn: Như Phật sở thuyết: y Luân vương pháp.

Nhĩ thời, Câu-thi thành nội, nhất thiết nhân dân bi khắp lưu lệ; tổng nhập thành trung, tức tác kim quan, thất bảo trang nghiêm. Tức biện vi diệu vô giá bạch điệp thiên trương, vô số tế nhuyễn diệu đầu-la-miên. Biện vô số vi diệu chiêm-dàn trầm thủy, bá thiên vạn chủng hòa hương, hương nê, hương thủy, nhất thiết tăng cái, phan, hoa, hương đẳng; như vân biến mãn tại ư không trung, tích cao Tu-di. Kỳ biện dĩ ngật, bi ai lưu lệ, tương chí Phật sở, đầu Như Lai tiên, bi yết bất thắng, nhi thân cúng dường.

Nhĩ thời, Câu-thi thành nội, nhất thiết nhân dân cập chư Đại chúng trùng phục bi ai, ngạnh yết lưu lệ. Phục trì vô lượng hương hoa, phan, cái. Nhất thiết cúng cụ, như vân biến mãn không trung. Hồ tương chấp thủ, chùy hung, ngạnh yết, thế khắp doanh mục, ai chấn đại thiên; đầu Như Lai tiên, bi ai cúng dường.

爾時大眾悲哽嗚咽深重敬心。各以細妙白氎障手。扶於如來入金棺中。注滿香油棺門即閉。

爾時拘尸城內一切士女貪福善心總欲攝取如來功德。不令天人一切大眾同舉佛棺。即共詳議遣四力士壯大無雙。脫其所著瓔珞衣服期心請舉如來聖棺欲入城內。自伸供養盡其神力都不能勝。

爾時城內復遣八大力士。至聖棺所脫所著衣共擎佛棺。皆盡神力都亦不得。

拘尸城內復遣十六極大力士。來至棺所脫所著衣。共舉佛棺亦不能勝。

爾時樓逗語力士言。縱使盡城內人男女大小。舉如來棺欲入城內亦不能得。何況汝等而能勝耶。汝等當請大眾及諸天力助汝舉棺乃得入城。

樓逗所言未訖。爾時帝釋即持微妙大七寶蓋無數香花幡蓋音樂。與諸天眾悲泣流淚。垂在空中供養聖棺。至第六天及色界天。皆如帝釋供養聖棺。

爾時世尊大悲普覆。令諸世間得平等心得福無異。於娑羅林即自舉棺。昇虛空中高一多羅樹。拘尸城內一切人民及諸世間人天大眾等，共不得舉佛聖棺。

爾時帝釋及諸天眾。即持七寶大蓋四柱寶臺四面莊嚴。七寶瓔珞垂虛空中覆佛聖棺。無數香花幢

Nhĩ thời, Đại chúng bi ngạnh minh yết, thâm trọng kính tâm, các dĩ tế diệu bạch điệp chướng thủ, phò ư Như Lai, nhập kim quan trung, chú mãn hương du; quan môn tức bế.

Nhĩ thời, Câu-thi thành nội, nhất thiết sĩ nữ tham phước thiện tâm, tổng dục nhiếp thủ Như Lai công đức; bất linh thiên, nhân, nhất thiết đại chúng đồng cử Phật quan; tức cộng tường nghị, khiển tứ lực sĩ tráng đại vô song, thoát kỳ sở trước anh lạc, y phục, kỳ tâm thỉnh cử Như Lai thánh quan; dục nhập thành nội, tự thân cúng dường. Tận kỳ thần lực, đô bất năng thắng.

Nhĩ thời, thành nội phục khiển bát đại lực sĩ chí thánh quan sở; thoát sở trước y, cộng kính Phật quan. Giai tận thân lực, đô diệt bất đắc.

Câu-thi thành nội, phục khiển thập lực cực đại lực sĩ lai chí quan sở; thoát sở trước y, cộng cử Phật quan; diệt bất năng thắng.

Nhĩ thời, Lâu-đậu ngữ lực sĩ ngôn: Túng sử tận thành nội nhân, nam nữ đại tiểu, cử Như Lai quan, dục nhập thành nội, diệt bất năng đắc. Hà huống nhữ đẳng nhi năng thắng da? Nhữ đẳng đương thỉnh đại chúng cập chư thiên lực, trợ nhữ cử quan, nãi đắc nhập thành.

Lâu-đậu sở ngôn vị ngật, nhĩ thời Đế thích tức trì vi diệu đại thất bảo cái, vô số hương, hoa, phan, cái, âm nhạc, dĩ chư thiên chúng, bi khắp lưu lệ, thù tại không trung, cúng dường thánh quan. Chí đệ lục thiên, cập Sắc giới thiên, giai như Đế thích, cúng dường thánh quan.

Nhĩ thời, Thế Tôn đại bi phổ phú, linh chư thế gian đắc bình đẳng tâm, đắc phước vô dị; ư sa-la lâm, tức tự cử quan, thắng hư không trung, cao nhất đa-la thọ. Câu-thi thành nội, nhất thiết nhân dân cập chư thế gian nhân thiên đại chúng đẳng, cộng bất đắc cử Phật thánh quan.

Nhĩ thời Đế thích cập chư thiên chúng tức trì thất bảo đại cái, tứ trụ bảo đài, tứ diện trang nghiêm thất bảo anh lạc, thù hư không trung, phú Phật thánh quan. Vô số hương, hoa,

幡瓔珞。音樂微妙雜綵空中供養。至第六天色界諸天。倍前帝釋覆佛聖棺及所供養。

爾時拘尸城內一切人民。見佛聖棺昇在空中。搥胸大哭悲咽懊惱。

爾時一切天人於大聖尊寶棺前路。遍散七寶真珠香花瓔珞微妙雜綵繽紛如雲。地及虛空悉皆遍滿。哀泣流淚供養如來七寶靈棺。同聲唱言。苦哉苦哉。我等無福。舉佛聖棺遂不能得。我等孤露何有善根。

爾時世尊大聖金棺。於娑羅林虛空之中。徐徐乘空從拘尸城西門而入。

爾時拘尸城內一切士女。無數菩薩聲聞天人大眾。地及虛空悉皆遍滿。隨從如來大聖靈棺。互相執手號聲大哭。搥胸叫喚啞咽流淚。各持無數香花寶幢幡蓋。地及虛空悉皆遍滿。悲號哀歎供養靈棺。

其拘尸那城一面縱廣四十八由旬。爾時如來七寶金棺。徐徐乘空從拘尸城東門而出。乘空右繞入城南門。漸漸空行從北門出。乘空左繞還從拘尸西門而入。如是展轉遶三匝已。

乘空徐徐還入西門。乘空而行從東門出。空行左繞入城北門。漸漸空行從南門出。乘空右繞還入西門。如是展轉遶經四匝。如是左右繞拘尸城經于七匝。

tràng, phan, anh lạc, âm nhạc, vi diệu tạp thái, không trung cúng dường. Chí đệ lục thiên, sắc giới chư thiên, bội tiền Đế Thích, phú Phật thánh quan cập sở cúng dường.

Nhĩ thời, Câu-thi thành nội, nhất thiết nhân dân kiến Phật thánh quan thăng tại không trung, chùy hung đại khóc, bi yết áo não.

Nhĩ thời, nhất thiết thiên, nhân, ư Đại thánh tôn bảo quan tiền lộ, biến tán thất bảo chân châu, hương hoa, anh lạc; vi diệu tạp thái tân phân như vân; địa cập hư không tất giai biến mãn. Ai khắp lưu lệ, cúng dường Như Lai thất bảo linh quan, đồng thanh xưng ngôn: Khổ tai! Khổ tai! Ngã đẳng vô phước, cử Phật thánh quan, toại bất năng đắc. Ngã đẳng cô lộ, hà hữu thiện căn?

Nhĩ thời, Thế Tôn Đại thánh kim quan, ư sa-la lâm hư không chi trung, từ từ thừa không, tùng Câu-thi thành tây môn nhi nhập.

Nhĩ thời, Câu-thi thành nội, nhất thiết sĩ nữ, vô số Bồ Tát, Thanh văn, thiên, nhân Đại chúng, địa cập hư không, tất giai biến mãn; tùy tùng Như Lai Đại thánh linh quan; hồ tương chấp thủ, hào thỉnh đại khóc, chùy hung khiêu hoán, ẩm yết lưu lệ. Các trì vô số hương hoa, bảo tràng, phan, cái; địa cập hư không, tất giai biến mãn; bi hào ai thán, cúng dường linh quan.

Kỳ Câu-thi-na thành, nhất diện tủng quảng tứ thập bát do tuần. Nhĩ thời, Như Lai thất bảo kim quan từ từ thừa không, tùng Câu-thi thành đông môn nhi xuất. Thừa không hữu nhiều, nhập thành nam môn. Tiệm tiệm không hành, tùng bắc môn xuất. Thừa không tả nhiều, hoàn tùng Câu-thi tây môn nhi nhập. Như thị triển chuyển, nhiều tam táp dĩ.

Thừa không từ từ hoàn nhập Tây môn. Thừa không nhi hành, tùng Đông môn xuất. Không hành tả nhiều, nhập thành Bắc môn. Tiệm tiệm không hành, tùng nam môn xuất. Thừa không hữu nhiều, hoàn nhập Tây môn. Như thị triển chuyển, nhiều kinh tứ táp. Như thị tả, hữu, nhiều Câu-thi thành, kinh vu thất táp.

爾時七寶聖棺當入城時。一切大眾悲號哽咽。各持無數微妙香木。栴檀沈水一切寶香。文理香潔普熏世界。復持無數寶幢幡蓋香花瓔珞。至茶毘所悲哀供養。

爾時四天王及諸天眾悲泣流淚。各持天上上妙栴檀沈水。表裏香潔芬馥周遍。各五百根大如車輪。復持一切寶香寶幢寶蓋妙花瓔珞。至茶毘所悲哀供養。第二天各一千根。第三天各二千。第四天各三千。第五天各四千。第六天各五千。及幡花至茶毘所悲哀供養。

爾時色界無色諸天惟有香花。至茶毘所悲哀供養。

爾時一切世間大眾。各持微妙栴檀沈水香花幢蓋。至茶毘所悲哀供養。

爾時樓逗。涕泣盈目哀悼無極。從諸天人乞妙香木栴檀沈水。足六千根。文理香潔芬馥周遍。至茶毘所悲哀供養。

阿耨達池四面縱廣二百由旬出四大河。佛初成道恒河北岸。一樹栴檀隨佛而生。大如車輪高七多羅樹。香氣普熏供養如來。其香樹神與樹俱生。常取此香供養於佛。佛入涅槃此一檀樹即隨佛滅。枝葉俱落神亦隨死。有諸異神取此香樹。送茶毘所悲哀供養。

Nhĩ thời, thất bảo Thánh quan đương nhập thành thời, nhất thiết Đại chúng bi hào ngạnh yết, các trì vô số vi diệu hương, mộc, chiêm đàn, trầm thủy, nhất thiết bảo hương, văn lý hương khiết, phổ huân thế giới. Phục trì vô số bảo tràng, phan, cái, hương hoa anh lạc, chí trà-tỳ sở, bi ai cúng dường.

Nhĩ thời, Tứ Thiên vương cập chư thiên chúng, bi khắp lưu lệ, các trì thiên thượng, thượng diệu chiêm đàn trầm thủy, biểu lý hương khiết, phân phúc châu biến, các ngũ bá căn, đại như xa luân. Phục trì nhất thiết bảo hương, bảo tràng, bảo cái, diệu hoa anh lạc, chí trà-tỳ sở, bi ai cúng dường. Đệ nhị thiên, các nhất thiên căn; đệ tam thiên, các nhị thiên; đệ tứ thiên, các tam thiên; đệ ngũ thiên, các tứ thiên; đệ lục thiên, các ngũ thiên; cập phan hoa, chí trà-tỳ sở, bi ai cúng dường.

Nhĩ thời, sắc giới, vô sắc chư thiên, duy hữu hương, hoa, chí trà-tỳ sở, bi ai cúng dường.

Nhĩ thời, nhất thiết thế gian Đại chúng, các trì vi diệu chiêm đàn trầm thủy, hương, hoa, tràng, cái, chí trà-tỳ sở, bi ai cúng dường.

Nhĩ thời, Lâu-đậu, thế khắp doanh mục, ai diệu vô cực; tòng chư thiên, nhân, khát diệu hương mộc, chiêm đàn trầm thủy, túc lục thiên căn, văn lý hương khiết, phân phúc châu biến; chí trà-tỳ sở, bi ai cúng dường.

A-nậu-đạt trì, tứ diện tóng quảng nhị bá do-tuần, xuất tứ đại hà. Phật sơ thành đạo, Hằng hà bắc ngạn, nhất thọ chiêm đàn, tùy Phật nhi sanh; đại như xa luân, cao thất đa-la thọ, hương khí phổ huân, cúng dường Như Lai. Kỳ hương thọ thân dữ thọ câu sanh, thường thủ thủ hương, cúng dường ư Phật. Phật nhập Niết-bàn, thủ nhất đàn thọ túc tùy Phật diệt, chi diệp câu lạc, thân diệp tùy tử. Hữu chư dị thần thủ thủ hương thọ, tống trà-tỳ sở, bi ai cúng dường.

其地乃是三世諸佛荼毘之處。大覺世尊乘本願力亦於是處荼毘。是處有諸往古諸佛無量寶塔。金剛不壞堅固之處。

爾時如來大聖寶棺。漸漸空行至荼毘所。徐徐乘空下安七寶床。其床一切眾妙瓔珞無價雜綵以為莊嚴。於是時頃復經七日。

爾時拘尸城內一切士女。無數菩薩聲聞三十三天一切大眾。悲哀哽咽持諸幡蓋寶幢香花。隨從佛棺經於七日。以佛神力一切天人無飢渴想一無思食。唯見哀泣戀慕如來。既滿七日大聖如來將欲出棺。

爾時拘尸城內一切士女無數大眾。復大哀泣震動世界。復持香花無數幢蓋微妙天樂。投佛棺前哀咽供養。

是時大眾悲哽流淚。各以細微白氎自障其手深重敬心。從寶棺中扶於如來紫磨黃金三十二相八十種好堅固不壞金剛之身。安祥而出置七寶床。

爾時大眾重大悲哀。聲震十方普佛世界。復持一切香花繒蓋音樂深心供養。悶絕哽咽投如來前。

是時大眾復更悲咽盈目流淚。各持無數香水香泥。深重敬心從頭至足。灌洗如來三十二相八十種好無量福德智慧莊嚴。金剛堅固紫磨黃金不壞色

Kỳ địa nãi thị tam thế chư Phật trà-tỳ chi xứ. Đại giác Thế Tôn thừa bản nguyện lực, diệc ư thị xứ trà-tỳ. Thị xứ, hữu chư vãng cổ chư Phật vô lượng bảo tháp; kim cang bất hoại kiên cố chi xứ.

Nhĩ thời, Như Lai Đại Thánh bảo quan tiệm tiệm không hành, chí trà-tỳ sở; từ từ thừa không hạ, an thất bảo sàng. Kỳ sàng, nhất thiết chúng diệu anh lạc, vô giá tạp thái, dĩ vi trang nghiêm. Ư thị thời khoảnh, phục kinh thất nhật.

Nhĩ thời, Câu-thi thành nội, nhất thiết sĩ nữ, vô số Bồ Tát, Thanh văn, Tam thập Tam thiên, nhất thiết Đại chúng, bi ai ngạnh yết, trì chư phan, cái, bảo tràng, hương, hoa, tùy tùng Phật quan, kinh ư thất nhật. Dĩ Phật thần lực, nhất thiết thiên, nhân, vô cơ khát tưởng; nhất vô tư thực; duy kiến ai khắp, luyến mộ Như Lai. Kỳ mãn thất nhật, Đại Thánh Như Lai tương dục xuất quan.

Nhĩ thời, Câu-thi thành nội, nhất thiết sĩ nữ, vô số đại chúng phục đại ai khắp, chấn động thế giới. Phục trì hương, hoa, vô số, tràng, phan, vi diệu thiên nhạc, đầu Phật quan tiền, ai yết cúng dường.

Thị thời, đại chúng bi ngạnh lưu lệ, các dĩ tế vi bạch điệp, tự chướng kỳ thủ; thâm trọng kính tâm, tùng bảo quan trung, phò ư Như Lai tử ma hoàng kim Tam thập nhị tướng, bát thập chủng hảo, kiên cố bất hoại kim cang chi thân; an tường nhi xuất, trí thất bảo sàng.

Nhĩ thời, đại chúng trùng đại bi ai, thanh chấn thập phương, phổ Phật thế giới. Phục trì nhất thiết hương, hoa, tăng cái, âm nhạc, thâm tâm cúng dường; muộn tuyệt ngạnh yết, đầu Như Lai tiền.

Thị thời, đại chúng phục cánh bi yết, doanh mục lưu lệ, các trì vô số hương thủy, hương nê, thâm trọng kính tâm; tùng đầu chí túc, quán tấy Như Lai Tam thập nhị tướng, bát thập chủng hảo, vô lượng phước đức trí tuệ trang nghiêm kim cang kiên

身。復洗寶棺微妙清淨。既灌洗已。是時大眾復大號哭悲哀哽咽。燒微妙寶香散七寶花。無數寶幡幢蓋地及虛空悉皆遍滿。悲哀號泣供養如來。

是時大眾銜哀啞咽。即持無數妙兜羅綿。從頭至足纏裹如來金剛色身。既纏身已。復以上妙無價白氎千張。於兜羅上次第相重纏如來身。纏身已訖。是時大眾重大悲哀號哭悶絕。復持香花幡蓋寶幢音樂哽咽供養。

是時大眾哀泣流淚深重敬心。各以白氎障手啞咽悲哽。共扶如來入寶棺中。注滿香油棺門尋閉。

爾時大眾重大悲哀聲震世界。復持香花幡蓋音樂。號悼悲泣供養寶棺。

爾時一切大眾所集微妙香木積高須彌。芬馥香氣普薰世界。相重密次成大香樓。四面七寶莊嚴。幢蓋幡花瓔珞雜綵。遍空如雲以為莊嚴。人天音樂悲哀供養。

是時天人大眾。將欲舉棺置香樓上。復大悲哀搥胸大叫聲震大千。復持幢蓋香花音樂悲哀供養。

是時大眾哀悼悲結深重敬心。各以白氎障手。共舉如來大聖寶棺。置於莊嚴妙香樓上。復大號泣

cố tử ma hoàng kim bất hoại sắc thân. Phục tẩy bảo quan, vi diệu thanh tịnh. Ký quán tẩy dĩ thị thời Đại chúng phục đại hào khóc, bi ai ngạnh yết; thiêu vi diệu bảo hương, tán thất bảo hoa. Vô số bảo phan, tràng, cái, địa cập hư không, tất giai biến mãn. Bi ai hào khắp, cúng dường Như Lai.

Thị thời, Đại chúng, nhai ai ám yết, tức trì vô số diệu châu-la-miên; tòng đầu chí túc, triền lý Như Lai kim cang sắc thân. Ký triền thân dĩ, phục dĩ thượng diệu vô giá bạch điệp thiên trường, ư châu-la thượng, thứ đệ tương trùng, triền Như Lai thân. Triền thân dĩ ngật, thị thời Đại chúng trùng đại bi ai, hào khóc muộn tuyệt. Phục trì hương, hoa, phan, cái, bảo tràng, âm nhạc, ngạnh yết cúng dường.

Thị thời, Đại chúng, ai khắp lưu lệ, thâm trọng kính tâm, các dĩ bạch điệp chướng thủ; ám yết bi ngạnh, cộng phò Như Lai nhập bảo quan trung; chú mãn hương du, quan môn tâm bế.

Nhĩ thời, đại chúng trùng đại bi ai, thỉnh chấn thế giới. Phục trì hương, hoa, phan, cái, âm nhạc, hào diệu bi khắp, cúng dường bảo quan.

Nhĩ thời, nhất thiết Đại chúng, sở tập vi diệu hương mộc, tích cao Tu-di, phân phức hương khí, phổ huân thế giới, tương trùng mật thứ, thành đại hương lâu. Tứ diện thất bảo trang nghiêm; tràng, cái, phan, hoa, anh lạc tạp thái, biến không như vân, dĩ vi trang nghiêm. Nhân, thiên âm nhạc, bi ai cúng dường.

Thị thời, Thiên, nhân Đại chúng, tương dục cử quan, trí hương lâu thượng, phục đại bi ai, chùy hung đại khiêu, thỉnh chấn Đại thiên. Phục trì tràng, cái, hương, hoa, âm nhạc, bi ai cúng dường.

Thị thời, Đại chúng ai diệu bi kết, thâm trọng kính tâm, các dĩ bạch điệp chướng thủ, cộng cử Như Lai Đại Thánh bảo quan, trí ư trang nghiêm diệu hương lâu thượng. Phục đại

絕而復甦唱言。苦哉苦哉。何期孤露無有依恃。悲咽流淚。復散香花寶幢幡蓋音樂雜綵。一切盡心悲哀供養。

爾時如來大聖寶棺。既上微妙寶香樓已。將欲舉火荼毘如來。是時大眾復大號哭驚震大千。復更深重悲哀供養大聖寶棺及妙香樓。

爾時一切大眾哀泣盈目。各持七寶香炬大如車輪。艷彩光明遍照世界。一時大哭荼毘香樓。哀震大千一切世界。復以香花遍滿供養。

是時寶炬至香樓所自然殄滅。是時一切大眾復持無上七寶大炬焰光普照。悲哀流淚投香樓所皆悉殄滅。

爾時一切海神。持海中火七寶大炬無數光焰。投香樓所亦皆殄滅。是時大眾。長時號哭一切供養。不知如來何緣未畢。投火香樓荼毘不燃。

爾時世尊大悲普潤。待迦葉眾來至乃燃。時大迦葉。與五百弟子在耆闍崛山。去拘尸城五十由旬。身心寂然入于三昧。於正受中倏爾心驚。舉身顫慄從定中出。見諸山地皆大震動。即知如來已入涅槃。告諸弟子。我佛大師入般涅槃。時經七日已入棺中。苦哉苦哉。應當疾往至如來所。恐已荼毘不得見佛三十二相八十種好真淨色身。

hào khắp, tuyệt nhi phục tô, xướng ngôn: Khổ tai! Khổ tai! Hà kỳ cô lộ, vô hữu y thị? Bi yết lưu lệ, phục tán hương hoa; bảo tràng, phan, cái, âm nhạc, tạp thái, nhất thiết tận tâm, bi ai cúng dường.

Nhĩ thời, Như Lai Đại Thánh bảo quan, ký thượng vi diệu bảo hương lâu dĩ, tương dục cử hỏa, trà-tỳ Như Lai. Thị thời, Đại chúng phục đại hào khóc, kinh chấn Đại thiên; phục cánh thâm trọng bi ai cúng dường Đại Thánh bảo quan cập diệu hương lâu.

Nhĩ thời, nhất thiết Đại chúng, ai khắp doanh mục, các trì thất bảo hương cự, đại như xa luân, diệm thể quang minh, biến chiếu thế giới; nhất thời đại khóc, trà-tỳ hương lâu; ai chấn đại thiên, nhất thiết thế giới. Phục dĩ hương, hoa, biến mãn cúng dường.

Thị thời, bảo cự, chí hương lâu sở, tự nhiên diễn diệt. Thị thời, nhất thiết đại chúng phục trì vô thượng thất bảo đại cự, diệm quan phổ chiếu; bi ai lưu lệ, đầu hương lâu sở, giai tất diễn diệt.

Nhĩ thời, nhất thiết Hải thân, trì hải trung hỏa, thất bảo đại cự, vô số quang diệm, đầu hương lâu sở, diệc giai diễn diệt. Thị thời, Đại chúng, trường thời hào khóc, nhất thiết cúng dường, bất tri Như Lai hà duyên vị tất, đầu hỏa hương lâu, trà-tỳ bất nhiên.

Nhĩ thời, Thế Tôn đại bi phổ nhuận, đãi Ca-diếp chúng, lai chí nãi nhiên. Thời, Đại Ca-diếp dữ ngũ bá đệ tử, tại Kỳ-xà-quật sơn, khứ Câu-thi thành ngũ thập do tuần, thân tâm tịch nhiên, nhập vu Tam-muội. Ư chánh thọ trung, thúc nhĩ tâm kinh, cử thân chiến lật. Tùng định trung xuất, kiến chư sơn địa, giai đại chấn động; tức tri Như Lai dĩ nhập Niết-bàn. Cáo chư đệ tử: Ngã Phật Đại sư nhập Bát Niết-bàn, thời kinh thất nhật, dĩ nhập quan trung. Khổ tai! Khổ tai! Ứng đương tạt vãng, chí Như Lai sở. Khủng dĩ trà-tỳ, bất đắc kiến Phật, tam thập nhị tướng, bát thập chủng hảo, chân tịnh sắc thân.

迦葉。以敬佛故不敢飛空往如來所。即將弟子尋路疾行。悲哀速往正滿七日。至拘尸城城東路首。迦葉。遇見一婆羅門執一天花隨路而來。迦葉問言。仁者何來。

答曰。佛般涅槃我於荼毘所來。

復問。此是何花。

答言。於荼毘所得此天花。

迦葉就乞。答言。不得。我期將歸擬示六親家中供養。

迦葉。就借著其頂上便即悶絕。昏迷躄地啞咽悲哽。良久乃甦即自惟忖。於此號泣不見如來八十種好紫磨色身。無所追益。即與弟子疾共前進。至拘尸城北門而入。於其城中入一僧坊。見諸比丘叢聚一處。語迦葉言。汝等遠來深勞苦耶。安坐待食。

迦葉答言。我之大師已入涅槃。我有何情安此待食。

諸比丘言。汝師是誰。

答言。汝不知耶。哀哉痛苦。大覺世尊今已涅槃。

比丘聞已各大歡喜而作是言。快哉快哉。如來在世禁制我等戒律嚴峻。我等甚不堪忍不能依行。今已涅槃嚴峻禁戒已應放捨。汝且待食。有何急耶。

Ca-diếp dĩ kính Phật cố, bất cảm phi không, vãng Như Lai sở; tức tương đệ tử, tâm lộ tạt hành, bi ai tốc vãng. Chánh mãn thất nhật, chí Câu-thi thành. Thành đông lộ thủ, Ca-diếp ngộ kiến nhất bà-la-môn, chấp nhất thiên hoa, tùy lộ nhi lai. Ca-diếp vấn ngôn: Nhân giả hà lai?

Đáp viết: Phật Bát Niết-bàn. Ngã ư trà-tỳ sở lai.

Phục vấn: Thủ thị hà hoa?

Đáp ngôn: Ứ trà-tỳ sở, đắc thủ thiên hoa.

Ca-diếp tỵ khát. Đáp ngôn: Bất đắc. Ngã kỳ tương quy, nghi thị lục thân, gia trung cúng dường.

Ca-diếp tỵ tá, trước kỳ đỉnh thượng. Tiện tức muộn tuyệt, hôn mê tịch địa; ám yết bi ngạn, lương cứu nãi tô. Tức tỵ duy thốn: Ứ thủ hào khắp, bất kiến Như Lai bát thập chủng hảo, tử ma sắc thân, vô sở truy ích. Tức dĩ đệ tử, tạt cộng tiền tẩn; chí Câu-thi thành, bắc môn nhi nhập. Ứ kỳ thành trung, nhập nhất tăng phòng, kiến chư tỳ-kheo, tông tụ nhất xứ, ngữ Ca-diếp ngôn: Nhữ đẳng viễn lai, thâm lao khổ da? An tọa đãi thực.

Ca-diếp đáp ngôn: Ngã chi đại sư dĩ nhập Niết-bàn. Ngã hữu hà tình, an thủ đãi thực?

Chư tỳ-kheo ngôn: Nhữ sư thị thùy?

Đáp ngôn: Nhữ bát tri da? Ai tai thống khổ! Đại giác Thế Tôn, kim dĩ Niết-bàn!

Tỳ-kheo văn dĩ, các đại hoan hỷ, nhi tác thị ngôn: Khoái tai! Khoái tai! Như Lai tại thế, cấm chế ngã đẳng. Giới luật nghiêm tuấn, ngã đẳng thậm bất kham nhẫn; bất năng y hành. Kim dĩ Niết-bàn, nghiêm tuấn cấm giới, dĩ ưng phóng xả. Nhữ thả đãi thực, hữu hà cấp da?

佛神力故掩諸天耳。及大迦葉諸弟子等皆悉不聞惡比丘語。唯有迦葉獨自聞之。於是迦葉。即將弟子悲泣流淚疾往佛所。

是時迦葉與諸弟子竊共思念。我等如何得諸供物。將至佛所供養如來。迦葉復言。我自生長在此城中。乞供養物亦應可得。將諸弟子即就城內次第告乞。得妙白氈足滿千張。復得無數妙兜羅綿。復得無量寶花香泥香水香油。寶幢幡蓋音樂弦歌瓔珞雜綵悉皆具足。迦葉與諸弟子悲哀流淚。即持疾往出城西門。

爾時迦葉即聞茶毘之所一切大眾悲咽號哭。共問帝釋已供養訖。如何得火然此香樓茶毘如來。

帝釋答言。大眾且待。摩訶迦葉即時而至。釋言未訖一切大眾正於哀中即見迦葉。與諸弟子尋路悲來。眾即停哀便為開路。迦葉前進遙見佛棺。將諸弟子一時禮拜。號哭哽咽悶絕躄地。昏濁亂心良久乃醒，流淚不勝。漸漸前行問大眾言。如何得開大聖金棺。

大眾答言。佛入涅槃已經二七。恐有損壞。如何得開。

迦葉答言。如來之身金剛堅固。常樂我淨不可

Phật thân lực cố, yểm chư thiên nhĩ, cập đại Ca-diếp chư đệ tử đẳng, giai tất bất văn ác tỳ-kheo ngữ. Duy hữu Ca-diếp, độc tự văn chi. Ư thị, Ca-diếp tức tương đệ tử, bi khắp lưu lệ, tạt vãng Phật sở.

Thị thời, Ca-diếp dữ chư đệ tử, thiết cộng tư niệm: Ngã đẳng như hà đắc chư cúng vật, tương chí Phật sở, cúng dường Như Lai? Ca-diếp phục ngôn: Ngã tự sanh trưởng tại thủ thành trung; khát cúng dường vật, diệc ưng khả đắc. Tương chư đệ tử, tức tự thành nội, thứ đệ cáo khát, đắc diệu bạch điệp, tức mãn thiên trưng. Phục đắc vô số diệu châu-la miên. Phục đắc vô lượng bảo hoa, hương nê, hương thủy, hương du, bảo tràng, phan, cái, âm nhạc huyền ca, anh lạc, tạp thái, tất giai cụ túc. Ca-diếp dữ chư đệ tử, bi ai lưu lệ, tức trì tạt vãng, xuất thành Tây môn.

Nhĩ thời, Ca-diếp tức văn trà-tỳ chi sở, nhất thiết đại chúng bi yết hào khóc, cộng vấn Đế-thích: Dĩ cúng dường ngật, như hà đắc hỏa, nhiên thủ hương lâu, trà-tỳ Như Lai?

Đế-thích đáp ngôn: Đại chúng thả đãi. Ma-ha Ca-diếp tức thời nhi chí. Thích ngôn vị ngật, nhất thiết Đại chúng, chánh ư ai trung, tức kiến Ca-diếp dữ chư đệ tử, tầm lộ bi lai. Chúng tức đình ai, tiện vị khai lộ. Ca-diếp tiên tấn, dao kiến Phật quan, tương chư đệ tử, nhất thời lễ bái, hào khóc ngạnh yết, muộn tuyệt tịch địa, hôn trước loạn tâm, lương cứu nãi tỉnh, lưu lệ bất thắng. Tiệm tiệm tiền hành, vấn đại chúng ngôn: Như hà đắc khai Đại Thánh kim quan?

Đại chúng đáp ngôn: Phật nhập Niết-bàn, dĩ kinh nhị thất. Khủng hữu tổn hoại, như hà đắc khai?

Ca-diếp đáp ngôn: Như Lai chi thân, kim cang kiên cố, thường, lạc, ngã, tịnh, bất khả trở hoại; đức hương phân phúc,

沮壞。德香芬馥若梅檀山。作是語已涕泗交流至佛棺所。

爾時如來大悲平等。為迦葉故棺自然開。白氈千張及兜羅綿皆即解散。顯出三十二相八十種好真金紫磨堅固色身。

迦葉與諸弟子見已。悶絕躄地喑咽哀哽。良久乃甦涕泣盈目。與諸弟子徐上香樓近佛棺邊。復更喑咽號哭悲哽。即以所得香花幡蓋寶幢瓔珞。音樂弦歌哀號供養。即以香泥香水灌洗如來金色之身。燒香散花哀泣供養。灌洗已訖。迦葉與諸弟子。持其所得妙兜羅綿纏於如來紫磨色身。次以舊綿纏新綿上。兜羅纏已。復以所得白氈千張。次第相重於兜羅上纏如來身。纏白氈已復持舊氈。著新氈上次第相纏。總纏已訖。棺門即閉。復以七寶瓔珞一切莊嚴。

爾時迦葉復重悲哀。與諸弟子右繞七匝。盈目流淚長跪合掌。說偈哀歎。

苦哉苦哉大聖尊
我今荼毒苦切心
世尊滅度一何速
大悲不能留待我

nhược chiêm-đàn sơn. Tác thị ngữ dĩ, thế, tứ giao lưu, chí Phật quan sở.

Nhĩ thời, Như Lai đại bi bình đẳng, vị Ca-diếp cố, quan tự nhiên khai. Bạch điệp thiên trương cập đầu-la-miên giai tức giải tán; hiển xuất tam thập nhị tướng, bát thập chủng hảo, chân kim tử ma kiên cố sắc thân.

Ca-diếp dĩ chư đệ tử kiến dĩ, muộn tuyệt tịch địa, ám yết ai ngạnh; lương cửu nãi tô, thế khắp doanh mục. Dĩ chư đệ tử, từ thượng hương lâu, cận Phật quan biên. Phục cánh ẩm yết, hào khóc bi ngạnh. Tức dĩ sở đắc hương, hoa, phan, cái, bảo tràng, anh lạc, âm nhạc huyền ca, ai hào cúng dường. Tức dĩ hương nê, hương thủy, quán tẩy Như Lai kim sắc chi thân; thiêu hương, tán hoa, ai khắp cúng dường. Quán tẩy dĩ ngật, Ca-diếp dĩ chư đệ tử, trì kỳ sở đắc diệu đầu-la miên, triển ư Như Lai tử ma sắc thân. Thứ dĩ cụ miên, triển tân miên thượng. Đầu-la triển dĩ, phục dĩ sở đắc bạch điệp thiên trương, thứ đệ tương trùng ư đầu-la thượng, triển Như Lai thân. Triển bạch điệp dĩ, phục trì cụ điệp, trước tân điệp thượng, thứ đệ tương triển. Tổng triển dĩ ngật, quan môn tức bế. Phục dĩ thất bảo anh lạc, nhất thiết trang nghiêm.

Nhĩ thời, Ca-diếp phục trùng bi ai, dĩ chư đệ tử, hữu nhiều thất táp, doanh mục lưu lệ, trường quy hiệp chưởng, thuyết kệ ai thán:

Khổ tai! Khổ tai! Đại Thánh Tôn!
Ngã kim đồ độc khổ thiết tâm;
Thế Tôn diệt độ nhất hà tốc?
Đại bi bất năng lưu đãi ngã.

我於崛山禪定中
遍觀如來悉不見
又觀見佛已涅槃
倏爾心顫大震驚

忽見闇雲遍世間
復睹山地大震動
即知如來已涅槃
故我疾來已不見

世尊大悲不普我
令我不見佛涅槃
不蒙一言相教告
我今孤露何所依

世尊我今大痛苦
情亂迷悶昏濁心
我今為禮世尊頂
為復哀禮如來胸

為復敬禮大聖手
為復悲禮如來腰
為復敬禮如來臍
為復深心禮佛足

Ngã ư Quạt sơn thiên định trung,
Biến quán, Như Lai tất bất kiến;
Hựu quán kiến Phật dĩ Niết-bàn,
Thúc nhĩ tâm chiến đại chấn kinh.

Hốt kiến ám vân biến thế gian,
Phục đở sơn địa đại chấn động;
Tức tri Như Lai dĩ Niết-bàn,
Cố ngã tật lai dĩ bất kiến.

Thế Tôn đại bi bất phổ ngã,
Linh ngã bất kiến Phật Niết-bàn;
Bất môn nhất ngôn tương giáo cáo,
Ngã kim cô lộ hà sở y?

Thế Tôn! Ngã kim đại thống khổ,
Tình loạn mê muội hôn trược tâm;
Ngã kim vi lễ Thế Tôn đỉnh,
Vi phục ai lễ Như Lai hung.

Vi phục kính lễ Đại Thánh thủ,
Vi phục bi lễ Như Lai yêu;
Vi phục kính lễ Như Lai tế,
Vi phục thâm tâm lễ Phật túc.

何苦不見佛涅槃
惟願示我敬禮處
如來在世眾安樂
今入涅槃皆大苦

哀哉哀哉深大苦
大悲示教所禮處

爾時迦葉。哽咽悲哀說是偈已。世尊大悲即現二足千輻輪相。出於棺外迴示迦葉。從千輻輪放千光明。遍照十方一切世界。

爾時迦葉與諸弟子。見佛足已。一時禮拜千輻輪相。即更悶絕昏迷躄地。良久乃醒。與諸弟子哀號哽咽右遶七匝。遶七匝已復禮佛足。悲哀哭泣聲震世界。復更說偈哀歎佛足。

如來究竟大悲心
平等慈光無二照
眾生有感無不應
示我二足千輻輪

我今深心歸命禮
千輻輪相二足尊
千輻輪中放千光
遍照十方普佛刹

Hà khổ bất kiến Phật Niết-bàn?
Duy nguyện thị ngã kính lễ xứ;
Như Lai tại thế chúng an lạc,
Kim nhập Niết-bàn, giai đại khổ.

Ai tai! Ai tai! Thâm đại khổ!
Đại bi thị giáo sở lễ xứ.

Nhĩ thời, Ca-diếp ngạnh yết bi ai, thuyết thị kệ dĩ, Thế Tôn đại bi, tức hiện nhị túc, thiên phúc luân tướng, xuất ư quan ngoại, hồi thị Ca-diếp. Tùng thiên phúc luân, phóng thiên quang minh biến chiếu thập phương nhất thiết thế giới.

Nhĩ thời, Ca-diếp dĩ chư đệ tử, kiến Phật túc dĩ nhất thời lễ bái thiên phúc luân tướng; tức cánh muộn tuyệt, hôn mê tịch địa, lương cứu nãi tỉnh; dĩ chư đệ tử, ai hào ngạnh yết, hữu nhiều thất táp. Nhiều thất táp dĩ, phục lễ Phật túc, bi ai khóc khắp, thỉnh chân thế giới. Phục cánh thuyết kệ, ai thân Phật túc:

Như Lai cứu cánh đại bi tâm,
Bình đẳng từ quang vô nhị chiếu;
Chúng sanh hữu cảm, vô bất ứng,
Thị ngã nhị túc thiên phúc luân.

Ngã kim thâm tâm quy mạng lễ:
Thiên phúc luân tướng, nhị túc tôn;
Thiên phúc luân trung, phóng thiên quang,
Biến chiếu thập phương, phổ Phật sát.

我今歸依頭面禮
千輻輪相長光照
眾生遇光皆解脫
三塗八難皆離苦

我復歸依頭面禮
輪光普救諸惡趣
世尊往昔無數劫
為我等故修苦行

今證得此金剛體
足下由放千光明
悲哀稽首歸命禮
安於眾生千輻輪

佛修眾德為一切
修道樹日降四魔
四魔降已伏外道
眾生因此得正見

稽首歸依頭面禮
眾生正見光明足
佛為一切真慈父
足光平等度眾生

Ngã kim quy y, đầu diện lễ
Thiên phúc luân tương, trường quang chiếu;
Chúng sanh ngộ quang, giai giải thoát
Tam đồ, bát nạn, giai ly khổ.

Ngã phục quy y, đầu diện lễ,
Luân quang phổ cứu chư ác thú.
Thế Tôn vãng tích, vô số kiếp,
Vị ngã đẳng cố, tu khổ hạnh;

Kim chúng đắc thủ kim cang thể,
Túc hạ, do phóng thiên quang minh.
Bi ai khể thủ quy mạng lễ,
An ư chúng sanh, thiên phúc luân.

Phật tu chúng đức, vị nhất thiết,
Tu đạo thọ nhật, hàng tứ ma;
Tứ ma hàng dĩ, phục ngoại đạo,
Chúng sanh nhân thủ đắc Chánh kiến.

Khể thủ quy y, đầu diện lễ
Chúng sanh Chánh kiến quang minh túc;
Phật vi nhất thiết chân từ phụ,
Túc quang bình đẳng độ chúng sanh.

我復歸依頭面禮
平等離苦輪足光
我遇千輻光明足
悲喜交流哀切心

我復悲哀頭面禮
有感千輻輪光相
稽首歸依輪足光
乘究竟乘出三界

敬禮天人歸依足
輪光普照三有苦
眾生未得脫苦門
皆悉歸命輪光足

我等輪迴未出離
如何輪足見放捨
哀哉哀哉諸眾生
長夜莫睹輪足光

悔過世尊大慈悲
示敬千輻輪光足
哀哉今遇輪光相
自此當何復再睹

Ngã phục quy y, đầu diện lễ
Bình đẳng ly khổ: luân túc quang;
Ngã ngộ thiên phúc quang minh túc,
Bi, hỷ giao lưu ai thiết tâm.

Ngã phục bi ai, đầu diện lễ
Hữu cảm thiên phúc luân quang tướng;
Khể thủ quy y, luân túc quang,
Thừa cứu cánh thặng, xuất tam giới.

Kính lễ thiên nhân quy y túc,
Luân quang phổ chiếu tam hữu khổ
Chúng sanh vị đắc thoát khổ môn
Giai tất quy mạng luân quang túc

Ngã đẳng luân hồi vị xuất ly
Như hà luân túc kiến phóng xả
Ai tai! Ai tai! Chư chúng sanh
Trường dạ mạc đồ luân túc quang.

Hối quá Thế Tôn Đại từ bi,
Thị kính Thiên phúc luân quang túc;
Ai tai kim ngộ luân quang tướng,
Tự thủ đương hà phục tái đồ?

爾時迦葉與諸弟子說是偈已。復重悶絕昏迷甓地。良久漸醒。悲哀哽咽不能自裁。大覺世尊千輻輪相金剛雙足。還自入棺封閉如故。

爾時城內一切士女天人大眾。見大迦葉復重號哭。搥胸大叫哀震大千無量世界。各將所持悲哽供養

爾時拘尸城內有四力士。瓔珞嚴身持七寶炬。大如車輪焰光普照。以焚香樓茶毘如來。炬投香樓自然殄滅。迦葉告言。大聖寶棺三界之火所不能燒。何況汝力而能焚耶。

城內復有八大力士。更持七寶大炬光焰。一切將投棺所亦皆殄滅。城內復有十六極大力士。各持七寶大炬來投香樓亦悉殄滅。城內復有三十六極大。力士各持七寶大炬來投亦皆殄滅

爾時迦葉告諸力士一切大眾。汝等當知縱使一切天人所有炬火。不能茶毘如來寶棺。汝等不煩勞苦彊欲為作。

爾時城內士女天人大眾復重悲哀。各以所持號泣供養。一時禮拜右繞七匝。悲號大哭聲震三千。

爾時如來以大悲力。從心胸中火踊棺外。漸漸茶毘經于七日。焚妙香樓爾乃方盡。

Nhĩ thời, Ca-diếp dĩ chư đệ tử thuyết thị kệ dĩ, phục trùng muộn tuyết, hôn mê tịch địa, lương cửu tiệm tỉnh; bi ai ngạnh yết, bất năng tự tài. Đại giác Thế Tôn thiên phúc luân tướng, kim cang song túc hoàn tự nhập quan, phong bế như cố.

Nhĩ thời, thành nội nhất thiết sĩ, nữ, thiên, nhân đại chúng, kiến Đại Ca-diếp phục trùng hào khóc, chùy hung đại khiếu, ai chán đại thiên vô lượng thế giới, các tương sở trì, bi ngạnh cúng dường.

Nhĩ thời, Câu-thi thành nội, hữu tứ lực sĩ, anh lạc nghiêm thân, trì thất bảo cự, đại như xa-luân, diệm quang phổ chiếu, dĩ phân hương lâu, trà-tỳ Như Lai. Cự đầu hương lâu, tự nhiên điển diệt. Ca-diếp cáo ngôn: Đại Thánh bảo quan, tam giới chi hỏa, sở bất năng thiêu. Hà hướng nhữ lực nhi năng phân da?

Thành nội, phục hữu bát đại lực sĩ, cánh trì thất bảo đại cự quang diệm. Nhất thiết tương đầu quan sở; diệc giai điển diệt. Thành nội, phục hữu thập lục cự đại lực sĩ, các trì thất bảo đại cự, lai đầu hương lâu; diệc tất điển diệt. Thành nội, phục hữu tam thập lục cự đại Lực sĩ, các trì thất bảo đại cự, lai đầu; diệc giai điển diệt.

Nhĩ thời, Ca-diếp cáo chư lực sĩ, nhất thiết đại chúng: Nhữ đẳng đương tri: tủng sử nhất thiết thiên, nhân sở hữu cự hỏa, bất năng trà-tỳ Như Lai bảo quan. Nhữ đẳng bất phiền lao khổ, cưỡng dục vi tác.

Nhĩ thời, thành nội sĩ nữ, thiên, nhân Đại chúng phục trùng bi ai, các dĩ sở trì, hào khắp cúng dường; nhất thời lễ bái, hữu nhiều thất tấp, bi hào đại khóc, thỉnh chán tam thiên.

Nhĩ thời, Như Lai dĩ đại bi lực, tùng tâm hung trung, hỏa đồng quan ngoại, tiệm tiệm trà-tỳ. Kinh vu thất nhật, phân diệm hương lâu nhĩ nãi phương tận.

爾時城內士女天人大眾。於七日間悲號哭泣哀聲不斷。各以所持供養不歇。

爾時四天王各作是念。我以香水注火令滅。急收舍利天上供養。作是念已即持七寶金瓶盛滿香水。復將須彌四埵四大香潔出甘乳樹。樹各千圍高百由旬。隨四天王同時而下至茶毘所。樹流甘乳王寫香瓶一時注火。注已火勢轉高都無滅也。

爾時海神，沙伽羅龍王及江神，河神。見火不滅各作是念。我取香水注火令滅。急收舍利住處供養。作是念已。各持寶瓶盛取無量香水。至茶毘所一時注火。注已火勢如故，都亦不滅。

爾時樓逗語四天王及海神等。汝注香水令火滅者。可不欲取舍利還本所居而供養耶。

答言。實爾。

樓逗語四天王言。汝大貪心。汝居天上舍利隨汝。若在天宮。地居之人如何得往而供養耶。

復語海神。汝等住在大海江河。如來舍利汝收取者。地居之人如何得往而供養耶。

爾時四天王即皆懺悔。悔已各還天宮。

爾時大海江河神等。皆亦懺悔誠如聖言。悔已各還。

Nhĩ thời, thành nội sĩ, nữ, thiên, nhân đại chúng, ư thất nhật gian, bi hào khốc khắp, ai thỉnh bất đoạn; các dĩ sở trì, cúng dường bất yết.

Nhĩ thời, Tứ thiên vương các tác thị niệm: Ngã dĩ hương thủy, chú hỏa linh diệt; cấp thâu xá-lợi, thiên thượng cúng dường. Tác thị niệm dĩ, túc trì thất bảo kim bình, thành mãn hương thủy. Phục tương Tu-di tứ đóa, tứ đại hương khiết, xuất cam nhũ thọ. Thọ các thiên vi, cao bá do tuần, tùy tứ Thiên vương, đồng thời nhi há. Chí trà-tỳ sở, thọ lưu cam nhũ, vương tả hương bình, nhất thời chú hỏa. Chú dĩ, hỏa thế chuyển cao, đô vô diệt dã.

Nhĩ thời, hải thần, Sa-già-la Long vương cập giang thần, hà thần, kiến hỏa bất diệt, các tác thị niệm: Ngã thủ hương thủy, chú hỏa linh diệt; cấp thâu xá-lợi, trụ xứ cúng dường. Tác thị niệm dĩ, các trì bảo bình, thành thủ vô lượng hương thủy. Chí trà-tỳ sở, nhất thời chú hỏa. Chú dĩ, hỏa thế như cố, đô diệt bất diệt.

Nhĩ thời, Lâu-đậu ngũ Tứ thiên vương cập Hải thần đẳng: Nhũ chú hương thủy, linh hỏa diệt giả, khả bất dục thủ xá-lợi, hoàn bản sở cư nhi cúng dường da?

Đáp ngôn: Thật nhĩ.

Lâu-đậu ngũ Tứ Thiên vương ngôn: Nhũ đại tham tâm. Nhũ cư thiên thượng; xá-lợi tùy nhũ nhược tại thiên cung, địa cư chi nhân như hà đắc vãng nhi cúng dường da?

Phục ngũ Hải thần: Nhũ đẳng trụ tại đại hải, giang, hà, Như Lai xá-lợi, nhũ thâu thủ giả, địa cư chi nhân nhi hà đắc vãng nhi cúng dường da?

Nhĩ thời, Tứ Thiên vương túc giai sám hối. Hối dĩ, các hoàn Thiên cung.

Nhĩ thời, đại hải, giang, hà thần đẳng, giai diệt sám hối: Thành như thánh ngôn. Hối dĩ, các hoàn.

聖軀廓潤品

第四

爾時帝釋。持七寶瓶及供養具至茶毘所。其火一時自然滅盡。帝釋即開如來寶棺欲請佛牙。樓逗即問。汝何為耶。

答言。欲請佛牙還天供養。

樓逗言。莫輒自取。可待大眾爾乃共分。

釋言。佛先與我一牙舍利。是以我來火即自滅。帝釋說是語已即開寶棺。於佛口中右畔上領取牙舍利。即還天上起塔供養。

爾時有二捷疾羅刹。隱身隨帝釋後。眾皆不見。盜取一雙佛牙舍利。

爾時城內一切士女一切大眾。即一時來欲爭舍利。樓逗告言。大眾當知且待安詳。如佛所說。應當如法共分供養。

爾時城內士女一切大眾。不聞樓逗所言。乃各執持矛槊弓箭刀劍胃索一切戰具。各自莊嚴欲取舍利。

爾時城內人眾即開佛棺。兜羅白氈宛然不燒。大眾見已復大號哭流淚盈目。各將所持悲哀供養。深心禮拜流淚長跪。同說偈讚。

THÁNH KHU KHUẾCH NHUẬN PHẨM

ĐỆ TỨ

Nhĩ thời, Đế thích trì thất bảo bình cập cúng dường cụ, chí trà-tỳ sở. Kỳ hỏa nhất thời tự nhiên diệt tận. Đế thích tức khai Như Lai bảo quan, dục thỉnh Phật nha. Lâu-đậu tức vấn: Nhữ hà vi da?

Đáp ngôn: Dục thỉnh Phật nha, hoàn Thiên cúng dường.

Lâu-đậu ngôn: Mạc triếp tự thủ. Khả đãi Đại chúng, nhĩ nãi cộng phân.

Thích ngôn: Phật tiên dĩ ngã nhất nha xá-lợi. Thị dĩ ngã lai, hỏa tức tự diệt. Đế thích thuyết thị ngữ dĩ, tức khai bảo quan. Ư Phật khẩu trung, hữu bán thượng hàm, thủ nha xá-lợi; tức hoàn Thiên thượng, khởi tháp cúng dường.

Nhĩ thời, hữu nhị tiếp tạt La-sát, ẩn thân tùy Đế thích hậu, chúng giai bất kiến, đạo thủ nhất song Phật nha xá-lợi.

Nhĩ thời, thành nội, nhất thiết sĩ, nữ, nhất thiết Đại chúng, tức nhất thời lai, dục tranh xá-lợi. Lâu-đậu cáo ngôn: Đại chúng đương tri: thả đãi an tường. Như Phật sở thuyết, ưng đương như pháp, cộng phân cúng dường.

Nhĩ thời, thành nội sĩ, nữ, nhất thiết đại chúng bất văn Lâu-đậu sở ngôn; nãi các chấp trì mâu sóc, cung tiến, đao kiếm, quyển sách, nhất thiết chiến cụ, các tự trang nghiêm, dục thủ xá-lợi.

Nhĩ thời, thành nội nhân chúng tức khai Phật quan; đầu-la, bạch điệp uyển nhiên bất thiêu. Đại chúng kiến dĩ, phục đại hào khóc, lưu lệ, doanh mục. Các tướng sở trì, bi ai cúng dường, thâm tâm lễ bái, lưu lệ, trường quy, đồng thuyết kệ tán:

如來以大自在力
於一切世得自在
大悲本願處斯土
周旋苦海度眾生
無量智慧神通力
出沒生死無罣礙
能以一身為多身
多身一身為無量
神變普應咸皆見
無緣即現入涅槃
我等福盡無應緣
故乃如來見放捨
佛於娑羅寶棺中
大力士舉皆不起
大悲之力自輕舉
昇空高一多羅樹
乘虛徐遶拘尸城
七日大聖遶七帀
遶已自臨荼毘所
不共神力所施為

Như Lai dĩ đại tự tại lực,
Ư nhất thiết thế đắc tự tại;
Đại bi bản nguyện, xử tư độ,
Châu thiên khổ hải độ chúng sanh.
Vô lượng trí tuệ, thần thông lực,
Xuất một sanh tử vô quái ngại;
Năng dĩ nhất thân vi đa thân,
Đa thân, nhất thân, vi vô lượng.
Thần biến phổ ứng hàm giai kiến,
Vô duyên tức hiện nhập Niết-bàn.
Ngã đẳng phúc tận, vô ứng duyên,
Cố nãi Như Lai kiến phóng xả.
Phật ư sa-la, bảo quan trung,
Đại lực sĩ cử, giai bất khởi;
Đại bi chi lực, tự khinh cử,
Thăng không, cao nhất đa-la thọ.
Thừa không, từ nhiều Câu-thi thành,
Thất nhật, Đại Thánh nhiều thất táp.
Nhiều dĩ, tự lâm trà-tỳ sở,
Bát cộng thần lực, sở thi vi.

一切天人莫能測
佛於大般涅槃中
金剛不壞力自在
一切荼毘火不然

自於心中出慈火
焚燒七日示現盡
天人不能滅此火
如來大悲示應力
帝釋來至火便滅
妙兜羅綿纏佛身
大火焚燒都不燃
白氎隨佛寶棺內
火中儼然而不燒

方知如來自在力
於法自在為法王
敬禮大悲三界尊
敬禮聖中無畏者
敬禮普覆大慈力
敬禮神變自在者

我等從今離世尊
沒苦無能見救護

Nhất thiết thiên, nhân, mặc năng trác,
Phật ư Đại Bát Niết-bàn trung,
Kim cang bất hoại, lực tự tại,
Nhất thiết trà-tỳ hỏa bất nhiên.

Tự ư tâm trung xuất từ hỏa,
Phân thiêu thất nhật, thị hiện tận;
Thiên, nhân, bất năng diệt thử hỏa,
Như Lai Đại bi thị ứng lực,
Đế thích lai chí, hỏa tiện diệt.
Diệu Đâu-la miên, triền Phật thân;
Đại hỏa phân thiêu đô bất nhiên.
Bạch điệp tùy Phật bảo quan nội,
Hỏa trung nghiêm nhiên nhi bất thiêu.

Phương tri Như Lai tự tại lực,
Ư pháp tự tại, vi Pháp vương.
Kính lễ Đại bi tam giới tôn,
Kính lễ Thánh trung, vô úy giả,
Kính lễ phổ phú Đại từ lực,
Kính lễ thân biến tự tại giả.

Ngã đấng tòng kim ly Thế Tôn,
Một khổ, vô năng kiến cứu hộ.

哀哉哀哉大聖尊
方今長別何由見

爾時大眾說是偈已。重復悲泣各以所持盡哀供養。

爾時樓逗普為天人一切大眾。與城內人共於棺所。徐舉白氎及兜羅綿。其迦葉等白氎千張火全不燒。其城內人白氎千張。除外一重餘者灰燼。其兜羅綿宛然如故。

爾時樓逗取此白氎及兜羅綿細破分之。與諸大眾令起寶塔而供養之。樓逗復取氎灰亦細分眾。令起寶塔而供養之。其餘燼灰無復得分。眾各自取起塔供養。

其城內人先已遣匠。造八金墀八師子座。各以七寶而為莊嚴。其七寶墀各受一斛。各置七寶師子座上。其八師子七寶之座。座別各有三十二力士。各嚴七寶瓔珞雜綵纏身。共舉七寶八師子座。座上復各有八婁女。身嚴七寶瓔珞雜綵持七寶墀。座上復各有八婁女。嚴身瓔珞執七寶蓋覆金墀上。座上復各有八婁女。身嚴瓔珞持七寶劍衛七寶墀。座上復各有八婁女。身嚴瓔珞執雉毛纛豎墀四面。座別各有無量人眾。持妙音樂幢幡寶蓋花香瓔珞圍遶供

Ai tai! Ai tai! Đại Thánh Tôn!

Phương kim trường biệt, hà do kiến?

Nhĩ thời, Đại chúng thuyết thị kệ dĩ, trùng phục bi khắp, các dĩ sở trì, tận ai cúng dường.

Nhĩ thời, Lâu-đậu phổ vị thiên, nhân, nhất thiết đại chúng, dĩ thành nội nhân, cộng ư quan sở, từ cử bạch điệp cập Đâu-la-miên. Kỳ Ca-diếp đẳng bạch điệp thiên trường, hỏa toàn bất thiêu. Kỳ thành nội nhân, bạch điệp thiên trường, trừ ngoại nhất trùng, dư giả hôi tận; kỳ đầu-la miên, uyển nhiên như cố.

Nhĩ thời, Lâu-đậu thủ thủ bạch điệp cập Đâu-la-miên, tế phá phân chi, dĩ chư Đại chúng, linh khởi bảo tháp nhi cúng dường chi. Lâu-đậu phục thủ điệp hôi, diệt tế phân chúng, linh khởi bảo tháp nhi cúng dường chi. Kỳ dư tận hôi, vô phục đắc phân, chúng các tự thủ, khởi tháp cúng dường.

Kỳ thành nội nhân, tiên dĩ khiển tượng, tạo bát kim đàn, bát sư tử tòa, các dĩ thất bảo nhi vi trang nghiêm. Kỳ thất bảo đàn, các thọ nhất học, các trí thất bảo sư tử tòa thượng. Kỳ bát sư tử thất bảo chi tòa, tòa biệt các hữu tam thập nhị lực sĩ, các nghiêm thất bảo anh lạc, tạp thái triền thân; cộng cử thất bảo bát sư tử tòa. Tòa thượng, phục các hữu bát thể nữ, thân nghiêm thất bảo anh lạc, tạp thái, trì thất bảo đàn. Tòa thượng, phục các hữu bát thể nữ, nghiêm thân anh lạc, chấp thất bảo cái, phú kim đàn thượng. Tòa thượng, phục các hữu bát thể nữ, nghiêm thân anh lạc, trì thất bảo kiếm, vệ thất bảo đàn. Tòa thượng, phục các hữu bát thể nữ, thân nghiêm anh lạc, chấp trí mao đạo, thọ đàn tứ diện. Tòa biệt các hữu vô lượng nhân chúng, trì diệu âm nhạc, tràng, phan, bảo cái, hoa, hương, anh lạc, vi nhiều cúng dường. Tòa các phục hữu

養。座各復有無量人眾。各持弓箭矛槊胃索長鉤一切戰具而圍遶之。從拘尸城前後圍遶向荼毘所。

其八師子七寶之座出城去後。城內人眾即持無數香泥香水。尋力士後平治塗地作香泥路。廣博嚴事向荼毘所。其路兩邊無數寶幢幡蓋香花。真珠瓔珞眾妙雜綵。音樂弦歌嚴飾路邊。儼然奉待大聖世尊舍利而還。其諸力士持八師子七寶之座。圍遶至荼毘所。即大哀泣號哭哽咽聲震大千。各以所持深心供養。

爾時世尊大悲力故。碎金剛體成末舍利。惟留四牙不可沮壞。

爾時大眾既見舍利復重悲哀。以其所持流淚供養。

爾時樓逗。與城內人涕泣盈目收取舍利。著師子座七寶壇中。滿八金壇舍利便盡。

爾時一切天人大眾。見佛舍利入金壇中。重更悲哭涕泣流淚。各將所持深心供養。

爾時城內諸大力士及諸士女。將欲持佛舍利金壇向拘尸城。

爾時大眾復重悲哀。各將所持流淚供養。

爾時城內諸大力士及圍遶眾并城內人悲咽流淚。舉八師子七寶之座。隨香泥路迴向拘尸。

vô lượng nhân chúng, các trì cung tiến, mâu sóc, quyển sách, trường câu, nhất thiết chiến cụ, nhi vi nhiều chi. Tùng Câu-thi thành, tiên hậu vi nhiều, hướng trà-tỳ sở.

Kỳ bát sư tử thất bảo chi tòa, xuất thành khứ hậu, thành nội nhân chúng tức trì vô số hương nê, hương thủy, tầm Lục sĩ hậu, bình trì, đồ địa, tác hương nê lộ, quảng bác nghiêm sự, hướng trà-tỳ sở. Kỳ lộ lưỡng biên, vô số bảo tràng, phan, cái, hương, hoa, chân châu anh lạc, chúng diệu tạp thái, âm nhạc huyền ca, nghiêm súc lộ biên, nghiêm nhiên phụng đái Đại Thánh Thế Tôn xá-lợi nhi hoàn. Kỳ chư lực sĩ trì bát sư tử thất bảo chi tòa, vi nhiều chí trà-tỳ sở; tức đại ai khắp, hào khóc ngạnh yết, thỉnh chấn Đại thiên, các dĩ sở trì, thâm tâm cúng dường.

Nhĩ thời, Thế Tôn đại bi lực cố, toái kim cang thể, thành mặt xá-lợi; duy lưu tứ nha, bất khả tư hoại.

Nhĩ thời, Đại chúng ký kiến xá-lợi, phục trùng bi ai, dĩ kỳ sở trì, lưu lệ, cúng dường.

Nhĩ thời, Lâu-đậu dữ thành nội nhân, thế khắp doanh mục, thâm thủ xá-lợi, trước sư tử tòa, thất bảo đàm trung; mãn bát kim đàm, xá-lợi tiệt tận.

Nhĩ thời, nhất thiết thiên, nhân đại chúng, kiến Phật xá-lợi nhập kim đàm trung, trùng cánh bi khóc; thế khắp lưu lệ, các tướng sở trì, thâm tâm cúng dường.

Nhĩ thời, thành nội, chư đại lực sĩ cập chư sĩ, nữ tương dục trì Phật xá-lợi kim đàm, hướng Câu-thi thành.

Nhĩ thời, Đại chúng phục trùng bi ai, các tướng sở trì, lưu lệ, cúng dường.

Nhĩ thời, thành nội, chư đại lực sĩ cập vi nhiều chúng, tình thành nội nhân, bi yết lưu lệ, cử bát sư tử thất bảo chi tòa, tùy hương nê lộ, hồi hướng Câu-thi.

爾時一切人天大眾。復大悲哀聲震世界。各將所持隨從舍利哀號供養。如來舍利至城內已置四衢道中。

爾時拘尸城人。即嚴四兵無數軍眾。身著甲鎧各執戰具。遶拘尸城四面周帀。無數重兵儼然而住。擬防外人來抄掠取。雖為儀式無戰爭心。復有五百大咒術師。守城四門。為遮難故。復有無數寶幢幡蓋。微妙莊嚴大雉毛纛。於城四維儼然供養。為標式故。

爾時城內一切士女天人大眾。復大悲哀。各將所持深心供養。其舍利壘置師子座經于七日。於七日中一切大眾。日夜悲號哀聲不斷。盡以所持深心供養。其八師子七寶之座。各有五百大咒術師各共持之。遮有天龍夜叉神鬼來欺奪故。

經七日間。爾時如來本生眷屬。迦毘羅國王諸釋種等。佛神力故都不覺知佛入涅槃。佛涅槃後經三七日爾乃方知。時彼國王諸釋種等。悲哭號泣即共疾來至拘尸城。見諸兵眾無數千人圍繞城外。復見寶幢幡蓋列城四維映蔽¹國界。復見大咒術師守城四門。王及釋等問咒師言。佛涅槃耶。

答云。佛涅槃來過四七日。荼毘已竟將分舍利。

¹ Trong bản chữ Vạn là chữ 發 (phát), không hợp nghĩa bằng chữ 蔽 (tế) ở đây.

Nhĩ thời, nhất thiết nhân, thiên đại chúng phục đại bi ai, thỉnh chân thể giới; các tướng sở trì, tùy tùng xá-lợi, ai hào cúng dường. Như Lai xá-lợi chí thành nội dĩ, trí tứ cù đạo trung.

Nhĩ thời, Câu-thi thành nhân tức nghiêm tứ binh, vô số quân chúng, thân trước giáp khải, các chấp chiến cụ, nhiều Câu-thi thành. Tứ diện châu tấp, vô số trùng binh, nghiêm nhiên nhi trụ, nghĩ phòng ngoại nhân lai sao lược thủ. Tuy vi nghi thức, vô chiến tranh tâm. Phục hữu ngũ bá đại chú thuật sư, thủ thành tứ môn, vị già nạn cố. Phục hữu vô số bảo tràng, phan, cái, vi diệu trang nghiêm; đại trĩ mao đạo, ư thành tứ duy, nghiêm nhiên cúng dường, vị tiêu thức cố.

Nhĩ thời, thành nội, nhất thiết sĩ, nữ, thiên, nhân đại chúng phục đại bi ai, các tướng sở trì, thâm tâm cúng dường. Kỳ xá-lợi đàm, trí sư tử tòa, kinh vu thất nhật. Ư thất nhật trung, nhất thiết Đại chúng, nhật dạ bi hào, ai thỉnh bất đoạn, tận dĩ sở trì, thâm tâm cúng dường. Kỳ bát sư tử thất bảo chi tòa, các hữu ngũ bá đại chú thuật sư, các cộng trì chi, già hữu thiên, long, dạ-xoa, thần, quỷ lai khi đoạt cố.

Kinh thất nhật gian, nhĩ thời, Như Lai bốn sanh quyền thuộc, Ca-tỳ-la quốc vương, chư Thích chủng đẳng, Phật thân lực cố, đô bát giác tri Phật nhập Niết-bàn. Phật Niết-bàn hậu, kinh tam thất nhật, nhĩ nãi phương tri. Thời, bỉ quốc vương, chư Thích chủng đẳng, bi khóc hào khắp; tức cộng tậ lai. Chí Câu-thi thành, kiến chư binh chúng, vô số thiên, nhân, vi nhiều thành ngoại. Phục kiến bảo tràng, phan, cái, liệt thành tứ duy, ánh tế quốc giới. Phục kiến đại chú thuật sư, thủ thành tứ môn. Vương cập Thích đẳng vấn chú sư ngôn: Phật Niết-bàn da?

Đáp vân: Phật Niết-bàn lai, quá tứ thất nhật, trà-tỳ dĩ cánh, tương phân xá-lợi.

王言。我等是佛所生眷屬。佛神力故令我不知如來涅槃。我今欲見如來舍利。卿可開路令我得入。

咒師兵眾聞是語已即聽入城。王及釋種得入城已。見佛舍利在師子座。悲號哽咽涕淚交流右遶七帀。遶七帀已收⁽²⁾淚而言。我今欲請如來舍利一分將還供養。

大眾答言。雖知汝是釋種眷屬。然佛世尊先已有言。分布舍利未見及汝。各有請主。汝如何得汝可還耶。

爾時王及釋種不果所請。號哭悲哀悶絕躄地。良久乃醒。悲不自勝。語眾人言。如來世尊是我釋種。愍汝等故於此涅槃。汝等如何見有欺忽。乃不分我一分舍利。作是語訖。各禮舍利。右遶七帀悲泣流淚。心生忿恨慨悼還家。

爾時摩迦⁽³⁾陀主阿闍世王。害父王已。深生悔恨身生惡瘡。既遇世尊月愛光觸身瘡漸愈。來詣佛所求哀懺悔。世尊大悲。即以甘露微妙法藥洗蕩身瘡。極重罪滅即還本宮。都不覺知如來涅槃。於涅槃夜夢見月落日從地出。星宿雲雨繽紛而隕。復有

² Chúng tôi theo bản Đại chánh tạng. Bản chữ Vạn dùng chữ 拄 (vẫn), không hợp nghĩa bằng chữ 收 (thâu) trong bản Đại chánh tạng.

³ Có bản khác chép là 伽 (già), phù hợp với cách phiên âm tên nước này hơn là 迦 (ca).

Vương ngôn: Ngã đẳng thị Phật sở sanh quyến thuộc. Phật thần lực cố, linh ngã bát tri Như Lai Niết-bàn. Ngã kim dục kiến Như Lai xá-lợi, khanh khả khai lộ, linh ngã đắc nhập.

Chú sư, binh chúng, văn thị ngữ dĩ, tức thính nhập thành. Vương cập Thích chủng, đắc nhập thành dĩ kiến Phật xá-lợi tại sư tử tòa, bi hào ngạnh yết, thế lệ giao lưu, hữu nhiều thất táp. Nhiều thất táp dĩ, thâu lệ nhi ngôn: Ngã kim dục thỉnh Như Lai xá-lợi nhất phần, tương hoàn cúng dường.

Đại chúng đáp ngôn: Tuy tri nữ thị Thích chủng quyến thuộc, nhiên Phật Thế Tôn, tiên dĩ hữu ngôn, phân bố xá-lợi, vị kiến cập nữ. Các hữu thỉnh chủ, nữ như hà đắc? Nữ khả hoàn da!

Nhĩ thời, vương cập Thích chủng, bất quả sở thỉnh, hào khóc bi ai, muộn tuyệt tịch địa. Lương cứu nãi tỉnh, bi bất tự thăng; ngữ chúng nhân ngôn: Như Lai Thế Tôn thị ngã Thích chủng; mẫn nữ đẳng cố, ư thủ Niết-bàn. Nữ đẳng như hà kiến hữu khi hốt nãi bát phân ngã nhất phần xá-lợi? Tác thị ngữ ngật, các lễ xá-lợi, hữu nhiều thất táp, bi khắp lưu lệ, tâm sanh phần hận, khái điệu hoàn gia.

Nhĩ thời, Ma-ca-dà chủ, A-xà-thế vương, hại phụ vương dĩ, thâm sanh hối hận; thân sanh ác sang. Ký ngộ Thế Tôn nguyệt ái quang xúc, thân sang tiện dĩ; lai nghệ Phật sở, cầu ai sám hối. Thế Tôn đại bi, tức dĩ cam lộ vi diệu pháp dược, tẩy đăng thân sang. Cực trọng tội diệt, tức hoàn bổn cung, đô bát giác tri Như Lai Niết-bàn.

Ư Niết-bàn dạ, mộng kiến nguyệt lạc; nhật tùng địa xuất; tinh tú vân vũ, tân phân nhi vẫn. Phục hữu yên khí, tùng địa nhi xuất; kiến thất tuệ tinh hiện ư thiên thượng. Phục mộng:

煙氣從地而出。見七彗星現於天上。復夢天上有大火聚遍空熾然一時墮地。夢已尋覺心大驚顫。即召諸臣。具陳斯夢。此何祥耶。

臣答王言。是佛涅槃不祥之相。佛滅度後。三界眾生六道有識。煩惱橫起。故現大火從天落地。

佛入滅度月愛慈光慧雲普潤。悉皆滅沒即夢月落。星落地者。佛涅槃後。八萬律儀一切戒法。眾生違反不依佛教。乃行邪法墮於地獄。

日出地者。佛涅槃後三塗惡道苦聚日光出現世間。故感斯夢。

王聞是語。將諸臣從夜半即來至拘尸城。見諸無數四兵之眾。防衛拘尸無量重數。復見城門有咒術師防止外難。王見是已即問咒師。佛涅槃耶。

咒師答言。佛涅槃來已經四七。當今大眾將分舍利。

王言。佛入涅槃我都不知。我於夜夢見不祥事。以問諸臣。方知如來入大涅槃。我欲入城禮拜如來金剛舍利。汝為通路。

咒師聞已即聽前入。王至城內四衢道中。見師子座舍利金壇。復睹大眾悲哀供養。王與從眾一時禮拜悲泣流淚。右遶七帀哀慘供養。

thiên thượng, hữu đại hỏa tụ, biến không xí nhiên, nhất thời đọa địa. Mộng dĩ, tâm giác; tâm đại kinh chiến. Tức triệu chư thần, cụ trần tư mộng: Thủ hà tường da?

Thần đáp vương ngôn: Thị Phật Niết-bàn bất tường chi tướng. Phật diệt độ hậu, Tam giới chúng sanh, Lục đạo hữu thức, phiền não hoạnh khởi, cố hiện đại hỏa, từng thiên lạc địa.

Phật nhập diệt độ, Nguyệt ái từ quang, tuệ vân phổ nhuận, tất giai diệt một; tức mộng nguyệt lạc, tinh lạc địa giả. Phật Niết-bàn hậu, bát vạn luật nghi, nhất thiết giới pháp, chúng sanh vi phạm, bất y Phật giáo, nãi hành tà pháp, đọa ư địa ngục.

Nhật xuất địa giả, Phật Niết-bàn hậu Tam đồ ác đạo, khổ tụ nhật quang xuất hiện thế gian, cố cảm tư mộng.

Vương văn thị ngữ, tương chư thần từng, dạ bán tức lai. Chí Câu-thi thành, kiến chư vô số tứ binh chi chúng, phòng vệ Câu-thi, vô lượng trùng số. Phục kiến thành môn, hữu chú thuật sư, phòng chỉ ngoại nạn. Vương kiến thị dĩ, tức vấn chú sư: Phật Niết-bàn da?

Chú sư đáp ngôn: Phật Niết-bàn lai, dĩ kinh tứ thất. Đương kim Đại chúng tương phân xá-lợi.

Vương ngôn: Phật nhập Niết-bàn, ngã đô bất tri. Ngã ư dạ mộng, kiến bất tường sự; dĩ vấn chư thần, phương tri Như Lai nhập Đại Niết-bàn. Ngã dực nhập thành, lễ bái Như Lai kim cang xá-lợi, nhữ vị thông lộ.

Chú sư văn dĩ, tức thỉnh tiên nhập. Vương chí thành nội, tứ cù đạo trung, kiến sư tử tòa, xá-lợi kim đàn. Phục đở Đại chúng bi ai cúng dường. Vương dĩ từng chúng, nhất thời lễ bái, bi khắp lưu lệ, hữu nhiều thất táp, ai thảm cúng dường.

爾時王就大眾。請求如來一分舍利還國供養。

大眾答言。何晚至耶。佛已先說分布方法。舍利皆已各有所請。無有仁分。仁可還宮。

阿闍世王不果所請。愁憂不樂即禮舍利，惆悵而還。

爾時毘離外道名王。佛涅槃後經三七已爾乃方知。即將臣從疾往拘尸。既至拘尸即見無數四兵之眾。防衛拘尸遶無量重。

爾時阿勒伽羅阿勒遮王。佛涅槃後經三七已爾乃方知。即將臣從疾往拘尸。既至拘尸即見無數四兵之眾。防衛拘尸遶無量重。

爾時毗耨國不畏王。佛入涅槃經三七已爾乃方知。

爾時遮羅迦羅國王。佛入涅槃經三七已爾乃方知。

爾時師伽那王。佛入涅槃經三七已爾乃方知。

爾時波肩羅外道名王。佛入涅槃經三七已爾乃方知。即將臣從疾往拘尸。既至拘尸即見無數四兵之眾。防衛拘尸遶無量重。復見城門有大咒師防止外難。王問咒師。佛涅槃耶。

答言。佛涅槃來已經四七。當今大眾將分舍利。

王語咒師。佛入涅槃我都不知。故今晚至。我欲入城禮拜供養如來舍利。汝可開路。

Nhĩ thời, vương tỵ Đại chúng, thỉnh cầu Như Lai nhất phần xá-lợi, hoàn quốc cúng dường.

Đại chúng đáp ngôn: Hà vãn chí da? Phật dĩ tiên thuyết, phân bố phương pháp, xá-lợi giai dĩ các hữu sở thỉnh; vô hữu nhân phần. Nhân khả hoàn cung.

A-xà-thế vương, bất quả sở thỉnh, sầu ưu bất lạc; tức lễ xá-lợi, trừ trưởng nhi hoàn.

Nhĩ thời, Tỳ-ly ngoại đạo danh vương, Phật Niết-bàn hậu, kinh tam thất dĩ, nhĩ nãi phương tri. Tức tương thần tỳng, tậ vãng Câu-thi. Ký chí Câu-thi, tức kiến vô số tứ binh chi chúng, phòng vệ Câu-thi, nhiều vô lượng trùng.

Nhĩ thời, A-lặc-già-la vương, Phật Niết-bàn hậu, kinh tam thất dĩ, nhĩ nãi phương tri. Tức tương thần tỳng, tậ vãng Câu-thi. Ký chí Câu-thi, tức kiến vô số tứ binh chi chúng, phòng vệ Câu-thi, nhiều vô lượng trùng.

Nhĩ thời, Tỳ-nậu quốc, Bát Úy vương, Phật nhập Niết-bàn, kinh tam thất dĩ, nhĩ nãi phương tri.

Nhĩ thời, Già-la-ca-la quốc vương, Phật nhập Niết-bàn, kinh tam thất dĩ, nhĩ nãi phương tri.

Nhĩ thời, Sư-già-na vương, Phật nhập Niết-bàn, kinh tam thất dĩ, nhĩ nãi phương tri.

Nhĩ thời, Ba-kiên-la ngoại đạo danh vương, Phật nhập Niết-bàn, kinh tam thất dĩ, nhĩ nãi phương tri. Tức tương thần tỳng, tậ vãng Câu-thi. Ký chí Câu-thi, tức kiến vô số tứ binh chi chúng, phòng vệ Câu-thi, nhiều vô lượng trùng. Phục kiến thành môn, hữu đại chú sư, phòng chỉ ngoại nạn. Vương vấn chú sư: Phật Niết-bàn da?

Đáp ngôn: Phật Niết-bàn lai, dĩ kinh tứ thất. Đương kim Đại chúng tương phân xá-lợi.

Wương ngữ chú sư: Phật nhập Niết-bàn, ngã đô bất tri; cố kim vãn chí. Ngã dục nhập thành, lễ bái cúng dường Như Lai xá-lợi. Nhũ khả khai lộ.

咒師聞已即聽前入。至四衢道見師子座七寶莊嚴。安置舍利七寶金壇。復見大眾悲哀供養。王將徒眾一時禮拜悲哀流淚。右遶七帀各齋所持悽慘供養。王語眾言。佛入涅槃我都不知。一何苦哉。不得見佛。請眾與我一分舍利還國供養。

眾言。汝何來晚。佛已先說分布法軌。舍利皆已各有所請。無有仁分。仁可還宮。

王及臣眾不果所請。愁憂不樂。即禮舍利悲戀而還。

爾時迦毗羅等七國王臣不果所願心懷悲憤慨戀而還。各至本邑咸遣使臣同詣拘尸再求舍利。城人報曰世尊慈父既於我界而般涅槃。全身舍利應畱永劫於此供養。終不分與外邑諸人。

諸國答曰。若分者善。若不與者我等當以彊力奪取。

城人告曰。徒事鬪爭終不可得。

闍王復使兩行大臣馳兵請分告城人曰。若與者善。若不見分我加兵力彊奪將去。

答言。任意。

爾時拘尸城中所有壯士男女竝閉弓射即便總出。嚴整四兵欲與諸邑交兵合戰。

Chú sư văn dĩ, tức thính tiền nhập. Chí tứ cù đạo, kiến sư tử tòa, thất bảo trang nghiêm, an trí xá-lợi, thất bảo kim đàm. Phục kiến Đại chúng, bi ai cúng dường. Vương tương đồ chúng, nhất thời lễ bái, bi ai lưu lệ, hữu nhiều thất tấp, các tề sở trì, thê thảm cúng dường. Vương ngữ chúng ngôn: Phật nhập Niết-bàn, ngã đô bát tri. Nhất hà khổ tai! Bát đắc kiến Phật. Thỉnh chúng dữ ngã nhất phần xá-lợi, hoàn quốc cúng dường.

Chúng ngôn: Nhữ hà lai vãn? Phật dĩ tiên thuyết, phân bố Pháp quỹ. Xá-lợi giai dĩ các hữu sở thỉnh; vô hữu nhân phân. Nhân khả hoàn cung.

Wương cập thân chúng, bát quả sở thỉnh, sâu ưu bất lạc, tức lễ xá-lợi, bi luyến nhi hoàn.

Nhĩ thời, Ca-tỳ-la đẵng, thất quốc vương thân, bát quả sở nguyện, tâm hoài bi phẫn, khái luyến nhi hoàn. Các chí bốn áp, hàm khiên sứ thân, đồng nghê Câu-thi, tái cầu xá-lợi. Thành nhân báo viết: Thế Tôn từ phụ ký ư ngã giới, nhi Bát Niết-bàn. Toàn thân xá-lợi, ưng lưu vĩnh kiếp, ư thủ cúng dường. Chung bát phân dữ ngoại áp chư nhân.

Chư quốc đáp viết: Nhược phân giả thiện; nhược bát dữ giả, ngã đẵng đương dĩ cường lực đoạt thủ.

Thành nhân cáo viết: Đồ sự đấu tranh, chung bát khả đắc.

Xà vương phục sử Võ Hành đại thân, trì binh thỉnh phân, cáo thành nhân viết: Nhược dữ giả thiện; nhược bát kiến phân, ngã gia binh lực, cường đoạt tương khứ.

Đáp ngôn: Nhiệm ý.

Nhĩ thời, Câu-thi thành trung, sở hữu tráng sĩ, nam, nữ, tịch nhàn cung xạ, tức tiện tổng xuất, nghiêm chỉnh tứ binh, dục dữ chư áp, giao binh hiệp chiến.

爾時毗離國諸梨車種遂集四兵往拘尸城在一面住。

阿勒國諸刹帝利亦集四兵在一面住。

毗耨國諸婆羅門亦集四兵在一面住。

遮羅迦羅國諸釋子亦集四兵在一面住。

師伽國拘樓羅亦集四兵在一面住。

波肩羅國力士亦集四兵往拘尸城在一面住。

爾時拘尸那城七軍圍遶為舍利故各欲奪取。

爾時大眾中有一婆羅門姓煙在八軍中高聲大唱。拘尸城諸力士主聽。佛無量劫積善修忍。諸君亦常聞讚忍法。今日何可於佛滅後為舍利故起兵相奪。諸君當知此非敬事舍利。現在但當分作八分。

諸力士言。敬如來議。

爾時姓煙婆羅門即分舍利以為八分。作八分竟高聲大唱。汝諸力士主聽。盛舍利瓶請以見與。欲還頭那羅聚落起瓶塔華香幡蓋伎樂供養。

諸力士答言。敬從來請。

爾時必波延那婆羅門居士復以高聲大唱。拘尸城中諸力士主聽。燒佛處灰與我欲還本國起灰塔華香伎樂供養。

諸力士答婆羅門言。敬從來請。

爾時拘尸城諸力士得第一分舍利即於國中起塔華香伎樂種種供養。

Nhĩ thời, Tỳ-ly quốc, chư Lê-xa chủng, toại tập tứ binh, vãng Câu-thi thành, tại nhất diện trụ.

A-lặc quốc, chư Sát-đế-lợi diệc tập tứ binh, tại nhất diện trụ.

Tỳ-nậu quốc, chư bà-la-môn diệc tập tứ binh, tại nhất diện trụ.

Già-la-ca-la quốc, chư Thích tử diệc tập tứ binh, tại nhất diện trụ.

Sư-già quốc, Câu-lâu-la diệc tập tứ binh, tại nhất diện trụ.

Ba-kiên-la quốc, Lục sĩ diệc tập tứ binh, vãng Câu-thi thành, tại nhất diện trụ.

Nhĩ thời, Câu-thi-na thành, thất quân vi nhiều, vị xá-lợi cố, các dục đoạt thủ.

Nhĩ thời, đại chúng trung, hữu nhất bà-la-môn, Tánh Yên, tại bát quân trung, cao thỉnh đại xướng: Câu-thi thành, chư lục sĩ chủ thỉnh! Phật vô lượng kiếp, tích thiện tu nhân. Chư quân diệc thường văn tán nhân pháp. Kim nhật hà khả ư Phật diệt hậu, vị xá-lợi cố, khởi binh tương đoạt? Chư quân đương tri: thủ phi kính sự xá-lợi. Hiện tại đãn đương phân tác bát phần.

Chư lục sĩ ngôn: Kính như lai nghị.

Nhĩ thời, Tánh Yên bà-la-môn túc phân xá-lợi, dĩ vi bát phần; tác bát phần cánh, cao thỉnh đại xướng: Nhĩ chư lục sĩ chủ thỉnh! Thạnh xá-lợi bình, thỉnh dĩ kiến dĩ, dục hoàn Đầu-na-la tụ lạc khởi bình tháp; hoa, hương, phan, cái, kỹ nhạc cúng dường.

Chư lục sĩ đáp ngôn: Kính tòng lai thỉnh.

Nhĩ thời, Tất-ba-diên-na bà-la-môn cư sĩ phục dĩ cao thỉnh đại xướng: Câu-thi thành trung, chư lục sĩ chủ thỉnh! Thiêu Phật xử hôi, dĩ ngã; dục hoàn bốn quốc, khởi hôi tháp; hoa, hương, kỹ nhạc cúng dường.

Chư lục sĩ đáp bà-la-môn ngôn: Kính tòng lai thỉnh.

Nhĩ thời, Câu-thi thành, chư lục sĩ đắc đệ nhất phần xá-lợi; túc ư quốc trung, khởi tháp; hoa, hương, kỹ nhạc, chủng cúng dường.

波肩羅婆國力士得第二分舍利還歸起塔種種供養。

師伽那婆國拘樓羅衆得第三分舍利還歸起塔種種供養。

阿勒遮國諸刹帝利得第四分舍利還國起塔供養。

毗耨國諸婆羅門得第五分舍利還國起塔種種供養。

毗離國諸梨車得第六分舍利還國起塔種種供養。

遮羅迦羅國諸釋子得第七分舍利還國起塔華香供養。

摩伽陀主阿闍世王得第八分舍利還王舍城起塔華香伎樂種種供養。

姓煙婆羅門得盛舍利瓶還頭那羅聚落起塔華香供養。

必波羅延那婆羅門居士得灰還國起塔供養。

爾時閻浮提中八舍利塔第九瓶塔第十灰塔如是分布舍利事已。

時諸菩薩及聲聞衆。天人龍鬼國王長者大臣人民。一切大眾悲號涕泣搥胸大哭。五體投地作禮而去。

大般涅槃經卷第四十二

終

Ba-kiên-la-bà quốc lực sĩ đắc đệ nhị phần xá-lợi; hoàn quy khởi tháp, chủng chủng cúng dường.

Sư-già-na-bà quốc, Câu-lâu-la chúng đắc đệ tam phần xá-lợi, hoàn quy khởi tháp, chủng chủng cúng dường.

A-lặc-già quốc, chư Sát-đế-lợi đắc đệ tứ phần xá-lợi; hoàn quốc khởi tháp, cúng dường.

Tỳ-nậu quốc, chư bà-la-môn đắc đệ ngũ phần xá-lợi; hoàn quốc khởi tháp, chủng chủng cúng dường.

Tỳ-ly quốc, chư Lê-xa đắc đệ lục phần xá-lợi; hoàn quốc khởi tháp, chủng chủng cúng dường.

Già-la-ca-la quốc, chư Thích-tử đắc đệ thất phần xá-lợi; hoàn quốc khởi tháp, hoa, hương cúng dường.

Ma-già-đa chủ, A-xà-thế vương đắc đệ bát phần xá-lợi; hoàn Vương Xá thành, khởi tháp, hoa, hương, kỹ nhạc, chủng chủng cúng dường.

Tánh-yên bà-la-môn đắc thanh xá-lợi bình; hoàn Đầu-na-la tụ lạc, khởi tháp; hoa, hương cúng dường.

Tất-ba-la-diên-na bà-la-môn cư sĩ đắc hôi; hoàn quốc; khởi tháp cúng dường.

Nhĩ thời, Diêm-phù-đề trung, bát xá-lợi tháp, đệ cửu bình tháp, đệ thập hôi tháp, như thị phân bố xá-lợi sự dĩ.

Thời, chư Bồ Tát cập Thanh văn chúng, thiên, nhân, long, quỷ, quốc vương, trưởng giả, đại thân, nhân dân, nhất thiết đại chúng, bi hào thế khắp, chùy hung đại khóc, ngũ thể đầu địa, tác lễ nhi khứ.

Đại Bát Niết-bàn Kinh quyển đệ tứ thập nhị

Chung

KINH ĐẠI BÁT NIẾT-BÀN

QUYỂN BỐN MƯỜI HAI

PHẨM LINH ỨNG KHI TRÀ-TỶ

Phẩm thứ ba

Bấy giờ, tất cả nam nữ trong thành Câu-thi-na đều rơi lệ khóc thương, không biết phép tắc trà-tỳ [thân Như Lai] như thế nào, liền hỏi ngài A-nan: “Như Lai đã nhập Niết-bàn, vậy nên theo phép tắc như thế nào để trà-tỳ thân Phật?”

Lúc ấy, Đệ Thích liền thuật lại đầy đủ [những lời Phật] đã dạy trước đó, bảo mọi người rằng: “Cứ theo lời Phật dạy thì hãy theo phép trà-tỳ [như đối với] Chuyển luân Thánh vương.”

Bấy giờ, nhân dân trong thành Câu-thi-na đều than khóc thảm thiết, suốt lệ tuôn tràn, kéo nhau vào trong thành làm ngay một kim quan trang nghiêm bằng bảy món báu, lại chuẩn bị một ngàn tấm lụa trắng đẹp quý giá nhất cùng vô số hoa đâu-la loại mềm mịn tốt đẹp nhất. Ngoài ra còn có vô số chiên-đàn, trầm thủy loại tốt nhất, trăm ngàn muôn thứ hương thơm hòa trộn, các loại hương bột, hương nước, đủ các thứ lọng che bằng lụa, cờ phướn, hoa, hương... Những phẩm vật ấy nhiều như mây trôi choán đầy bầu trời, chất cao [thành đống] như núi Tu-di.

Chuẩn bị đầy đủ như vậy rồi, mọi người đều bi thương rơi lệ, cùng nhau đi đến chỗ Phật, [bày biện phẩm vật]

trước thân Như Lai, rồi không kìm nén được sự đau thương nghẹn ngào, cùng cung kính dâng lên cúng dường.

Lúc ấy, tất cả nhân dân và đại chúng trong thành Câu-thi-na càng thêm đau thương, nghẹn ngào rơi lệ, lại mang vô số hương, hoa, phướn, lọng và đủ loại phẩm vật cúng dường nhiều như mây choán đầy bầu trời, cùng nắm tay nhau, đấm ngực khóc than, nghẹn ngào rơi lệ, nỗi đau thương chấn động cả [thế giới] đại thiên, họ cùng đưa [các phẩm vật] đến trước thân Như Lai, bi thương đau xót [dâng lên] cúng dường.

Bấy giờ, đại chúng nghẹn ngào không nói được thành lời, thấy đều đem hết lòng cung kính sâu xa, [mỗi người đều] dùng lụa trắng mịn bao quanh tay rồi đưa [thánh thể] Như Lai nhập kim quan, rót đầy dầu thơm vào. Nắp quan tức thời [tự nhiên] đóng kín lại.

Lúc ấy, nhân dân nam nữ trong thành Câu-thi-na đều có lòng tham phước lành, muốn giành hết công đức [cúng dường] Như Lai nên không để cho chư thiên, đại chúng và tất cả những người khác cùng đưa kim quan của Phật đi. Họ bàn nhau cử ra bốn vị lực sĩ tráng kiện, sức mạnh vô song, cởi bỏ hết [những đồ trang sức như] chuỗi ngọc, áo ngoài... rồi quyết lòng tự đưa thánh quan Như Lai vào trong thành để cúng dường.

Nhưng dù họ đem hết sức bình sanh cũng không nhắc nổi thánh quan lên!

Lúc ấy, người trong thành lại cử ra tám đại lực sĩ cùng đến chỗ thánh quan, cởi bỏ áo ngoài, tận lực cùng nhau khiêng Phật quan. Nhưng dù họ đem hết sức bình sanh cũng không nhắc lên nổi!

Người trong thành Câu-thi-na lại cử ra mười sáu vị đại lực sĩ cùng đến chỗ thánh quan, cởi bỏ áo ngoài, tận

lực cùng nhau khiêng Phật quan, nhưng cũng không sao nhắc lên nổi!

Bấy giờ, ngài A-na-luật bảo các lực sĩ rằng: “Cho dù tất cả nhân dân nam nữ lớn bé trong thành [đều hợp sức] cùng nhau khiêng thánh quan Như Lai để đưa vào thành, cũng không thể nhắc lên nổi, huống chi các ông lại có thể nhắc lên được sao? Các ông nên nhờ đến sức của đại chúng và chư thiên, cùng trợ giúp các ông nhắc thánh quan lên, thì mới có thể đưa thánh quan vào thành.”

Ngài A-na-luật còn chưa dứt lời, Đế Thích đã cầm lòng lớn rất đẹp bằng bảy báu, vô số hương, hoa, phướn, lọng, âm nhạc, cùng với chư thiên đều buồn khóc rơi lệ, từ trên không trung cúng dường thánh quan.

Lần lượt [chư thiên sáu cõi trời thuộc Dục giới], cao nhất là chư thiên cõi trời Tha hóa tự tại, và các vị chư thiên thuộc Sắc giới đều cúng dường thánh quan giống như Đế Thích.

Lúc ấy, lòng đại bi của đức Thế Tôn bao trùm khắp cả, [vì muốn cho mọi người trong] thế gian đều được tâm bình đẳng, được phước báu chẳng khác gì nhau, liền tự nhắc thánh quan từ giữa rừng sa-la bay lên hư không, cao ngang tâm một cây đa-la. [Vì thế,] tất cả nhân dân trong thành Câu-thi-na và chư thiên, đại chúng cùng mọi người trong thế gian đều không ai được khiêng thánh quan của Phật.

Bấy giờ, Đế Thích cùng đại chúng chư thiên liền cầm lòng lớn bằng bảy báu, đài báu có bốn trụ, bốn mặt trang nghiêm bằng chuỗi ngọc bảy báu, từ trên không trung [bay theo] che thánh quan Phật; lại dùng vô số hương, hoa, cờ, phướn, chuỗi ngọc, âm nhạc, đủ các màu sắc rực rỡ xen lẫn, để cúng dường từ trên không trung.

Lần lượt [chư thiên sáu cõi trời thuộc Dục giới], cao nhất là chư thiên cõi trời Tha hóa tự tại, và các vị chư thiên thuộc các cõi trời Sắc giới đều cúng dường thánh quan, còn nhiều hơn cả Đế Thích. Tất cả đều [bay theo] che thánh quan của Phật và rải xuống những phẩm vật cúng dường.

Lúc ấy, tất cả nhân dân trong thành Câu-thi-na nhìn thấy thánh quan của Phật bay lơ lửng trên hư không thì đăm ngực kêu khóc lớn, nghẹn ngào sâu não.

Bấy giờ, tất cả chư thiên và người ta cùng tung rải rất nhiều các thứ ngọc trai quý, bảy món báu, cùng với hương, hoa, chuỗi ngọc xinh đẹp và đủ màu xen lẫn nhau, nhiều như mây bay choán đầy khắp mặt đất và hư không; tất cả đều khóc thương thảm thiết, tuôn lệ như mưa, cùng cúng dường linh quan thất bảo của Như Lai, đồng thanh khóc than rằng: “Khổ thay, khổ thay! Chúng con vô phước, muốn khiêng thánh quan của Phật mà rốt cùng chẳng được. Nay chúng con bơ vơ [không còn có Phật], nào có chút căn lành gì?”

Lúc ấy, kim quan của Đại Thánh Thế Tôn lơ lửng trên không trung, từ giữa rừng sa-la chậm chậm bay vào thành Câu-thi-na theo cửa thành phía tây.

Trong thành Câu-thi-na, tất cả nhân dân nam nữ cùng vô số Bồ Tát, thanh văn, trời, người và đại chúng đông đảo choán đầy khắp cả mặt đất và không trung, cùng đi theo linh quan của Đại Thánh Như Lai, nắm tay nhau kêu gào khóc lóc, đăm ngực than thở, nghẹn ngào rơi lệ. Tất cả đều mang theo vô số hương, hoa, cờ báu, phướn, lọng, choán đầy khắp mặt đất và hư không; khóc thương thảm thiết, than thở bi ai, cung kính dâng lên cúng dường linh quan Như Lai.

Thành Câu-thi-na này mỗi phía đều rộng ngang dọc bốn mươi tám do tuần. Lúc ấy kim quan thất bảo của Như Lai từ từ bay trên không trung, [sau khi vào cửa thành phía tây lại] theo cửa thành phía đông mà ra. Tiếp đó vẫn bay trên không trung, quanh về bên phải để theo cửa thành phía nam mà vào, sau đó tiếp tục bay trên không trung đến cửa thành phía bắc mà ra. Tiếp đó vẫn bay trên không trung, quanh về bên trái để theo cửa thành phía tây mà vào.

Lần lượt như vậy, thánh quan Như Lai bay quanh khắp thành đủ ba vòng.

Sau đó, kim quan từ từ bay trên không trung, lại vào nơi cửa thành phía tây, bay tiếp đến cửa thành phía đông mà ra. Từ đó quanh về bên trái để vào cửa thành phía bắc, rồi dần dần bay đến cửa thành phía nam mà ra. Lại quanh về bên phải để vào nơi cửa thành phía tây.

Lần lượt như vậy, thánh quan Như Lai bay quanh khắp thành đủ bốn vòng.

Như vậy, sau khi đã bay quanh thành Câu-thi-na theo cả hai chiều quanh về bên trái và bên phải, thánh quan Như Lai đã bay quanh khắp thành đủ bảy vòng.

Lúc ấy, đang khi thánh quan thất bảo của Như Lai bay vào thành, tất cả đại chúng đều bi thương than khóc nghẹn ngào, mang đến vô số những gỗ thơm quý loại tốt nhất, cùng với chiên-đàn, trầm thủy, tất cả các loại hương thơm đẹp để thanh khiết, xông khắp thế giới. Lại mang vô số cò quý, phướn, lọng, hương, hoa, chuỗi ngọc đến chỗ trà-tỳ, bi thương đau xót dâng lên cúng dường.

Bảy giờ, Bốn vị thiên vương và chư thiên chúng đều khóc thương thảm thiết, mắt lệ đầm đìa, mang đến

những chiên-đàn, trầm thủy quý giá nhất ở cõi trời, cả hai mặt trong ngoài đều thơm tho tinh khiết, tỏa ra khắp nơi, mỗi vị đều đủ năm trăm khối lớn như bánh xe. Các vị mang tất cả hương quý, cò báu, lọng quý, chuỗi ngọc hoa đẹp đến chỗ trà-tỳ, bi thương đau xót dâng lên cúng dường.

Chư thiên ở cõi trời Dao-lợi mang đến mỗi vị một ngàn khối chiên-đàn; chư thiên ở cõi trời Dạ-ma mang đến mỗi vị hai ngàn khối; chư thiên ở cõi trời Đâu-suất mang đến mỗi vị ba ngàn khối; chư thiên ở cõi trời Hóa Lạc mang đến mỗi vị bốn ngàn khối; chư thiên ở cõi trời Tha hóa tự tại mang đến mỗi vị năm ngàn khối; tất cả đều kèm theo với các thứ phướn, hoa... đều mang đến chỗ trà-tỳ, bi thương đau xót dâng lên cúng dường.

Lúc ấy, chư thiên ở các cõi trời thuộc Sắc giới và Vô sắc giới chỉ đem theo hoa, hương đến chỗ trà-tỳ, bi thương đau xót dâng lên cúng dường.

Bảy giờ, đại chúng trong khắp thế gian đều đem theo chiên-đàn, trầm thủy, các loại hương, hoa, cò, lọng tốt đẹp đến chỗ trà-tỳ, bi thương đau xót dâng lên cúng dường.

Lúc ấy, ngài A-na-luật nước mắt ràn rụa, đau xót khôn cùng, đi theo chư thiên và những người [đến dự lễ] mà xin các thứ hương thơm, chiên-đàn, trầm thủy... được đủ số sáu ngàn khối, thơm tho tinh khiết, tỏa hương ngào ngạt; liền mang đến chỗ trà-tỳ, bi thương đau xót dâng lên cúng dường.

[Thuở ấy có] hồ A-nậu-đạt [rất lớn], bốn mặt đều rộng ngang dọc đến hai trăm do-tuần, từ đó phát nguyên bốn con sông lớn, [trong đó có sông Hằng.] Khi Phật vừa thành đạo, ven bờ phía bắc sông Hằng có một cây chiên-đàn

cũng nhân dịp ấy mà sanh ra. Thân cây to lớn như bánh xe, cao ngang tầm bảy cây đa-la, hương thơm thường tỏa khắp nơi cúng dường Như Lai. Vị thân cây gỗ thơm ấy cũng sanh ra cùng lúc với cây, thường mang hương thơm của cây đến cúng dường Phật. Phật vừa nhập Niết-bàn, cây chiên-đàn ấy cũng theo Phật mà diệt mất, cành lá khô rụng, vị thân cây cũng chết theo. Bảy giờ, những vị thần khác liền mang cây gỗ thơm ấy đến chỗ trà-tỳ, bị thương đau xót dâng lên cúng dường Như Lai.

Vùng đất này chính là nơi trà-tỳ chư Phật trong ba đời. Đức Đại Giác Thế Tôn nương sức bốn nguyện nên cũng trà-tỳ tại đây. Nơi này có vô số tháp báu của chư Phật trong quá khứ, là vùng đất kiên cố như kim cang, không thể hư hoại.

Lúc ấy, kim quan của đức Đại Thánh Như Lai chậm chậm bay trên không trung, hướng đến nơi trà-tỳ, rồi từ trên không trung dần dần hạ xuống trên giường thất bảo. Giường ấy đã được trang nghiêm bởi mọi thứ chuỗi ngọc tốt đẹp, quý giá vô cùng, rực rỡ đủ màu.

Cho đến lúc này, tính ra đã trải qua bảy ngày [kể từ lúc Phật nhập Niết-bàn]. Tất cả nhân dân nam nữ trong thành Câu-thi-na, vô số Bồ Tát, Thanh văn và chư thiên cõi trời Đao-lợi, cùng với tất cả đại chúng đều bị thương nghẹn ngào, cầm các thứ phướn, lọng, cờ báu, hương, hoa... đi theo thánh quan Phật trong suốt bảy ngày ấy. Nhờ oai lực của Phật, tất cả chư thiên và mọi người không một ai cảm thấy đói khát, không một ai nhớ nghĩ đến việc ăn uống, chỉ một lòng bị thương lưu luyến, ngưỡng mộ Như Lai mà thôi.

Bảy ngày đã trôi qua, [theo phép tắc đã định thì di thể] Đại Thánh Như Lai sẽ được đưa ra khỏi thánh quan.

Lúc ấy, tất cả nhân dân nam nữ trong thành Câu-thi-na cùng vô số đại chúng lại lớn tiếng than khóc, chấn động cả thế giới, cùng nhau mang vô số hương, hoa, cờ phướn, [trỗi lên] âm nhạc cõi trời vi diệu... đến trước thánh quan đức Phật, nghẹn ngào thắp thiết dâng lên cúng dường.

Bảy giờ, đại chúng bị thương đau đớn, nghẹn ngào rơi lệ, [mỗi người đều] dùng lụa trắng mịn bọc kín quanh tay, rồi với lòng tôn kính sâu xa nhất, họ đưa tay vào kim quan nhẹ nâng di thể Như Lai [vẫn còn] chói sáng màu vàng ròng có sắc tía, đủ ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp, kiên cố như kim cang không thể hư hoại, đưa thánh thể Như Lai ra bên ngoài kim quan, đặt yên ổn trên giường thất bảo.

Lúc ấy, đại chúng càng thêm bi thiết, tiếng than khóc chấn động khắp các thế giới Phật trong mười phương. Tất cả đều mang hương, hoa, lọng che bằng lụa... [và trỗi lên] âm nhạc, hết lòng cúng dường; nghẹn ngào đau đớn, nhiều người ngã xuống hôn mê trước thân Như Lai.

Đại chúng lúc này càng đau đớn thống thiết hơn nữa, ai nấy nước mắt ràn rụa, mang đến vô số các loại nước thơm, hương bột nhão, hết lòng cung kính sâu xa mà cùng nhau tắm gội thân Như Lai từ đầu đến chân. Thân sắc Như Lai đến lúc này vẫn hiện bày đủ ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp, chói sáng màu vàng ròng có sắc tía, kiên cố như kim cang không thể hư hoại, được trang nghiêm bởi vô lượng phước đức và trí tuệ.

Sau đó, mọi người lại dùng nước thơm rửa thật sạch kim quan. Mọi việc đã xong, đại chúng lại lớn tiếng than khóc, bị thương nghẹn ngào, cùng nhau đốt lên những loại hương thơm quý giá, tốt đẹp nhất; rồi rải hoa thất

bảo cùng vô số cờ phướn, lọng che quý báu đầy khắp cả mặt đất và không trung, bi thương đau xót dâng lên cúng dường Như Lai.

Lúc ấy, đại chúng chưa hết bi thương nghẹn ngào, nén lòng dùng vô số hoa đầu-la mềm mịn đặt khắp quanh thân kim cương của Phật, từ đầu đến chân. Sau đó, người ta dùng một ngàn tấm lụa trắng tốt nhất, quý giá vô cùng, quấn nhiều vòng quanh thân Như Lai, bên ngoài lớp hoa đầu-la. Lúc bọc kín thân Phật như vậy rồi, đại chúng càng thêm bi thương than khóc, nhiều người ngất xỉu. Rồi tất cả lại cùng nhau mang hương, hoa, phướn, lọng, cờ báu... [trỗi lên các thứ] âm nhạc, nghẹn ngào đau xót dâng lên cúng dường Như Lai.

Đại chúng buồn thương khôn dứt, mắt lệ hoen mờ, lại đem hết lòng cung kính sâu xa nhất mà dùng lụa trắng quấn quanh tay rồi đau đớn nâng nhẹ thân Như Lai đưa lại vào kim quan. Sau đó, mọi người chế đầy dầu thơm vào trong kim quan. Nắp quan liền [tự nhiên] đóng kín lại.

Lúc ấy, đại chúng càng thêm bi thiết, tiếng than khóc chấn động khắp thế giới. Tất cả lại mang hương, hoa, phướn lọng... [và trỗi lên] âm nhạc, đau đớn than khóc, nghẹn ngào dâng lên cúng dường kim quan Như Lai.

Bấy giờ, đại chúng gom hết các loại gỗ thơm tốt đẹp [do chư thiên và mọi người mang đến], chất cao thành đống như núi Tu-di, hương thơm [từ đó] tỏa lan ra khắp thế giới. Những gỗ thơm ấy được xếp kín chất chồng lên nhau, thành một lầu cao rất lớn toàn bằng gỗ thơm. Bốn mặt lầu ấy được trang nghiêm bằng bảy món báu và cờ, lọng, phướn, chuỗi ngọc đủ màu xen lẫn, đầy kín trong không trung như mây cuộn, làm cho cảnh lầu càng thêm

rực rỡ. Âm nhạc của cõi người và cõi trời lại cùng lúc trỗi lên, bi thương đau xót cúng dường Như Lai.

Lúc ấy, đại chúng gồm chư thiên và loài người sắp sửa nhắc kim quan để đặt lên lầu hương, lại sanh lòng bi thương thống thiết, đấm ngực than khóc, chấn động [cả thế giới] đại thiên. Rồi tất cả lại mang cờ, lọng, hương, hoa, [trỗi lên] âm nhạc cõi trời... bi thương đau xót cúng dường Như Lai.

Đại chúng khi ấy [cố nén] bi thương đau đớn, đem lòng tôn kính sâu xa nhất mà dùng lụa trắng quấn quanh tay rồi cùng nhau nâng kim quan Đại Thánh Như Lai đặt lên trên lầu gỗ thơm trang nghiêm. Tất cả lại than khóc lớn tiếng, mê ngất đi từng chập, rồi cùng nhau than thở rằng: “Khổ thay, khổ thay! Cớ sao chúng ta [giờ đây] phải bơ vơ không nơi nương tựa?” Bi thương thảm thiết, lệ rơi chan hòa, tất cả lại cùng nhau tung rải các loại hương, hoa; rồi cầm cờ báu, phướn lọng rực rỡ đủ màu, [trỗi lên các thứ] âm nhạc... bi thương đau xót dâng lên cúng dường Như Lai.

Lúc ấy, kim quan của Như Lai Đại Thánh đã được đặt lên trên lầu cao bằng gỗ thơm, đại chúng sắp sửa nổi lửa trà-tỳ di thể Như Lai. Bấy giờ, tiếng than khóc trong đại chúng lại càng lớn hơn, kinh động cả thế giới Đại thiên. Mọi người càng đem lòng kính trọng sâu xa và bi thương thống thiết cúng dường [trước] kim quan Đại Thánh và lầu cao bằng gỗ thơm ấy.

Bấy giờ, tất cả đại chúng đều buồn thương thảm thiết, mắt lệ tuôn tràn, mỗi người cầm một ngọn đuốc thơm thất bảo, lớn như bánh xe, ánh sáng rực rỡ chiếu khắp thế giới, cùng lúc khóc rống lên rất lớn và châm lửa đốt

lầu gỗ thơm; tiếng khóc than bi thương chấn động khắp cả thế giới Đại thiên. Rồi lại mang hương, hoa... dâng lên đầy khắp mọi chỗ để cúng dường.

Khi ấy, những ngọn đuốc quý vừa chạm đến chỗ lầu gỗ thơm bỗng dưng tắt hết. Bấy giờ, tất cả đại chúng lại mang đến những ngọn đuốc thất bảo lớn nhất, ánh sáng chiếu khắp nơi, rồi họ bi thương rơi lệ cùng châm những đuốc ấy vào lầu gỗ thơm. Nhưng tất cả những ngọn đuốc cũng đều tắt cả!

Lúc ấy, tất cả các vị thần biển liền mang đến thứ lửa trong biển của họ, [đốt thành] những ngọn đuốc lớn thất bảo, chiếu ra vô số ánh sáng, đến châm vào lầu gỗ thơm, nhưng cũng đều tắt cả!

Bấy giờ, đại chúng [chỉ còn biết] than khóc hồi lâu, quay sang lo việc cúng dường, vì không ai hiểu được do nhân duyên nào chưa dứt khiến cho khi châm lửa vào lầu gỗ thơm để trà-tỳ Như Lai, lửa lại không thể cháy!

[Thật ra, đó là do] lòng đại bi của đức Thế Tôn trải khắp, nên đợi cho chúng tăng cùng đi với ngài Đại Ca-diếp⁽¹⁾ về đến nơi mới cho lửa cháy.

Lúc ấy, Đại Ca-diếp cùng năm trăm [tỳ-kheo] đệ tử đang ở tại núi Kỳ-xà-quật, cách thành Câu-thi-na năm mươi do-tuần. Thân tâm vắng lặng an nhiên, ngài nhập chánh định. Trong chánh định, thành linh ngài bỗng thấy trong tâm kinh động, toàn thân run rẩy. Ngài liền xuất định, nhìn thấy núi non, đất đai đều chấn động, biết rằng đức Như Lai đã nhập Niết-bàn. Ngài liền bảo các đệ tử: “Đức Đại sư Thế Tôn của chúng ta nhập Niết-bàn đã trải qua bảy ngày, hiện [thánh thể] đưa vào kim quan rồi. Khổ thay, khổ thay! Chúng ta phải mau mau đến

chỗ Như Lai, e rằng nếu để lễ trà-tỳ đã xong thì không còn được nhìn thấy sắc thân chân thật thanh tịnh với ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp của Phật.”

Vì lòng tôn kính Phật, ngài Ca-diếp không dám [dùng thần thông] bay trên hư không để đến chỗ Như Lai. Ngài liền dẫn các đệ tử gấp rút theo đường bộ đi thật nhanh, trong lòng hết sức bi thương thống thiết. Đi suốt bảy ngày mới đến thành Câu-thi-na.

Nơi đầu đường phía đông của thành, ngài gặp được một thầy bà-la-môn đang đi đến, tay cầm một cành hoa trời. Ngài Ca-diếp liền hỏi: “Ông từ đâu đến đây?”

Người ấy đáp: “Đức Phật đã nhập Niết-bàn, tôi từ chỗ trà-tỳ đi lại đây.”

Ngài Ca-diếp lại hỏi: “Đó là hoa gì vậy?”

Đáp: “Đây là hoa cõi trời, tôi nhặt được ở chỗ trà-tỳ.”

Ngài Ca-diếp hỏi xin [cành hoa], nhưng người kia từ chối: “Không được, tôi định mang hoa này về cho những người thân trong nhà xem, rồi cúng dường trong nhà.”

Ngài Ca-diếp liền hỏi mượn tạm cành hoa [ở chỗ trà-tỳ] ấy, đặt lên trên đầu, [tưởng nhớ đến Như Lai]. Ngay khi ấy ngài liền ngất xỉu, ngã xuống đất hôn mê, hồi lâu mới tỉnh dậy, nghẹn ngào không nói ra được lời nào. Rồi ngài tự nghĩ: “Nay ta ở nơi đây mà đau thương khóc lóc cũng chẳng ích gì, không thể được nhìn thấy sắc thân Như Lai chói sáng màu vàng ròng có sắc tía với [ba mươi hai tướng tốt,] tám mươi vẻ đẹp.”

Ngài liền cùng các đệ tử nhanh chân tiến bước, thẳng vào thành Câu-thi-na theo cửa thành phía bắc. Vào thành rồi, ngài liền ghé vào một Tăng phùng,⁽²⁾ thấy có

một số tỳ-kheo đang tụ tập. Họ bảo ngài Ca-diếp: “Các ông từ xa đến đây, chắc là mệt nhọc lắm. Xin ngồi nghỉ trong chốc lát chờ ăn uống.”

Ngài Ca-diếp đáp: “Bậc đại sư của tôi đã nhập Niết-bàn, tôi còn lòng dạ nào ngồi đây chờ ăn uống?”

Các tỳ-kheo liền hỏi: “Thầy của ông là ai?”

Ngài Ca-diếp đáp: “Các ông chẳng biết gì sao? Thật bi thương đau đớn thay! Đấng Đại giác Thế Tôn nay đã nhập Niết-bàn!”

Những tỳ-kheo kia nghe như vậy rồi đều tỏ vẻ mừng vui, nói rằng: “Thật vui sướng thay! Khi Như Lai còn tại thế thường ngăn cấm chúng ta [đủ điều], giới luật quá nghiêm khắc, chúng ta thật không chịu đựng nổi, không thể làm theo. Nay ông ấy đã nhập Niết-bàn, những giới luật nghiêm khắc kia ắt sẽ phải bỏ đi thôi. Các ông hãy thư thả chờ ăn uống, có chi phải vội?”

Do oai lực của Phật nên chư thiên và các đệ tử của ngài Ca-diếp đều không nghe được những lời [đáng xấu hổ] của các tỳ-kheo xấu ác ấy, chỉ riêng ngài Ca-diếp nghe rõ mà thôi.⁽³⁾ Ngài Ca-diếp rơi lệ thảm thương, liền [lập tức] dẫn các đệ tử của mình vội vàng đi đến chỗ [trà-tỳ thân] Phật.

Lúc ấy, ngài Ca-diếp với các đệ tử cùng suy nghĩ rằng: “Chúng ta phải làm sao có những phẩm vật cúng dường để mang đến chỗ [trà-tỳ thân] Phật mà cúng dường Như Lai?”

Ngài Ca-diếp lại nghĩ: “Ta vốn sanh trưởng tại thành này, nếu đi xin các phẩm vật cúng dường chắc là có thể được.” Ngài liền cùng các đệ tử vào trong thành, tuần

tự đi xin khắp các nhà, được đủ một ngàn tấm lụa trắng tốt, vô số hoa đầu-la mềm mịn, vô số các loại hoa quý, hương bột nhão, hương nước, hương dầu, cò báu, phướn lọng, chuỗi ngọc đủ màu rực rỡ... mọi thứ đều đầy đủ.

Sau đó, ngài Ca-diếp và các đệ tử cùng bi thương đau xót mang tất cả những phẩm vật ấy nhanh chân đi ra khỏi thành theo cửa phía tây.

Bấy giờ, ngài Ca-diếp nghe được tiếng khóc than bi thảm của tất cả đại chúng từ nơi làm lễ trà-tỳ, lại nghe họ cùng nhau hỏi Đế Thích rằng: “Cúng dường đã xong, làm sao có thể nổi lửa đốt lều gỗ thom này để trà-tỳ Như Lai?”

Đế Thích đáp: “Đại chúng hãy đợi trong chốc lát. Tôn giả Ma-ha Ca-diếp sắp đến đây rồi.”

Đế Thích chưa dứt lời thì tất cả đại chúng đang trong cơn bi thương ấy liền nhìn thấy ngài Ca-diếp cùng với các đệ tử trên đường bước đến, dáng vẻ bi thảm. Đại chúng liền nén sự bi thương, rẽ đường cho ngài Ca-diếp và các đệ tử [đi vào].

Vừa bước tới trước, trông thấy thánh quan của Phật từ xa, ngài Ca-diếp liền cùng các vị đệ tử đồng thời lễ bái, than khóc nghẹn ngào, rồi ngã lăn xuống đất mê man bất tỉnh, tinh thần tối tăm rối loạn, hồi lâu mới tỉnh, lệ tuôn không dứt.

Ngài Ca-diếp khi ấy chậm chậm tiến [về phía thánh quan của Phật], hỏi đại chúng rằng: “Làm sao để có thể mở nắp kim quan của Đại Thánh?”

Đại chúng đáp: “Phật nhập Niết-bàn đã hai tuần rồi, e rằng [thánh thể] đã hư hoại, làm sao có thể mở ra?”

Ngài Ca-diếp nói: “Thân Như Lai kiên cố như kim cương, là thường, lạc, ngã, tịnh, không thể hư hoại; hương thơm giới đức của ngài lan tỏa khắp nơi như núi chiên-đàn [thơm ngát, làm sao có thể hư hoại?]”

Ngài Ca-diếp nói xong lời ấy thì nước mắt ràn rụa, tiến bước đến chỗ thánh quan của Phật.

Bấy giờ, lòng đại bi của Như Lai bình đẳng [đối với tất cả chúng sanh], liền vì ngài Ca-diếp mà tự nhiên mở nắp thánh quan, cả ngàn tám lưa trắng và hoa đầu-la [quanh thân Phật] cũng tức thời tháo mở, hiển bày sắc thân chân thật kiên cố chói sáng màu vàng ròng có sắc tía, với đủ ba mươi hai tướng tốt và tám mươi vẻ đẹp.

Ngài Ca-diếp cùng các đệ tử nhìn thấy như vậy rồi thì bi thương đau đớn, ngã xuống đất hôn mê, hồi lâu mới tỉnh lại, nghẹn ngào không nói được thành lời, nước mắt ràn rụa. Rồi ngài cùng với các đệ tử chậm chậm tiến lên lâu gõ thơm, đến sát bên thánh quan của Phật, lại nghẹn ngào tức tưởi than khóc bi thảm, mang ra tất cả những phẩm vật đã xin được như hương, hoa, phướn, lọng, cờ báu, chuỗi ngọc... rồi khóc than đau đớn mà dâng lên cúng dường.

Sau đó, ngài Ca-diếp cùng các đệ tử lại dùng các loại hương bột nhão, nước thơm... để tắm gội sắc thân chói sáng màu vàng ròng của Như Lai; rồi đốt hương thơm, rải hoa, bi thương than khóc dâng lên cúng dường.

Tắm gội [sắc thân Như Lai] rồi, ngài Ca-diếp cùng với các đệ tử liền mang ra số hoa đầu-la mềm mịn nhất đã xin được, đặt quanh sắc thân màu vàng ròng có sắc tía của Như Lai. Sau đó lại dùng những hoa đầu-la cũ đắp thêm quanh số hoa đầu-la mới, sau đó dùng một

ngàn tám lưa trắng đã xin được tuần tự quấn thành nhiều lớp bên ngoài, khắp quanh thân Như Lai. Quấn như vậy rồi, lại dùng số lưa cũ để tuần tự quấn thêm nhiều lớp bên ngoài các lớp lưa mới. Việc quấn lưa như thế vừa xong, nắp thánh quan liền [tự nhiên] đóng kín lại. Mọi người lại dùng những chuỗi ngọc bằng thất bảo để trang nghiêm bên ngoài.

Lúc ấy, ngài Ca-diếp càng thêm bi thương đau xót, cùng các đệ tử đi nhiều [quanh thánh quan đức Phật] theo chiều bên phải bảy vòng, rồi mắt lệ rưng rưng, ngài quỳ mọp xuống chấp tay đọc kệ than thở rằng:

*Đón đau thay! Đại Thánh Chí Tôn!
Con nay khổ não, đắng cay lòng!
Thế Tôn sao vội sớm nhập diệt,
Chẳng rủ lòng từ nán đợi con?*

*Con nhập thiên định trong núi Quật,⁽⁴⁾
Quán khắp mọi nơi không Như Lai!
Rồi lại thấy Phật đã Niết-bàn,
Hốt nhiên tâm thần con rúng động.*

*Bỗng thấy mây đen phủ thế gian,
Đất đai, núi non đồng chấn động;
Con biết Như Lai đã Niết-bàn,
Vội đến vẫn không kịp gặp Phật!*

*Thế Tôn đại từ nữ quên sao,
Khiến con chẳng thấy Phật Niết-bàn;
Chẳng được nghe lời vàng dạy bảo,
Bơ vơ còn biết dựa vào đâu?*

*Thế Tôn ôi! Con quá đón đau!
Tâm tình rối loạn, như mê muội!*

Nay con kính lễ đầu Thế Tôn,
 Và kính lễ đến ngực Như Lai.
 Lại kính lễ cả tay Đại Thánh,
 Đau thương cúi lễ lưng Như Lai,
 Và kính lễ đến rốn Như Lai,
 Chí thành kính lễ đến chân Phật.

Khổ sao không thấy Phật Niết-bàn!
 Nguyên Phật hiển bày nơi con lễ!
 Như Lai ở đời, thấy thấy vui,
 Nay nhập Niết-bàn người người khổ!

Đón đau thay! Khổ não lớn thay!
 Xin Đại bi hiện nơi con lễ!

Sau khi ngài Ca-diếp bị thương nghẹn ngào đọc kệ như vậy rồi, đức Thế Tôn vì lòng đại bi liền hiển bày hai chân, mỗi bàn chân có tướng bánh xe đủ ngàn nan hoa, ⁽⁵⁾ [tự nhiên] đưa ra khỏi thánh quan, hướng về phía ngài Ca-diếp. Từ nơi tướng bánh xe ngàn nan hoa ấy phóng ra ngàn đạo hào quang, chiếu sáng khắp tất cả thế giới trong mười phương.

Lúc ấy, ngài Ca-diếp và các đệ tử nhìn thấy chân Phật, đồng thời lễ bái tướng bánh xe ngàn nan hoa, rồi ngay khi ấy liền ngã lặn xuống đất hôn mê, hồi lâu mới tỉnh lại. Rồi ngài và các đệ tử cùng nhau than khóc nghẹn ngào, bị thương đau xót đi quanh [thánh quan] bảy vòng theo chiều bên tay phải. Đi quanh bảy vòng rồi, lại cúi lễ chân Phật, than khóc bị ai, chấn động cả thế giới. Sau đó, vẫn không nén được sự đau thương, ngài nghẹn ngào đọc kệ tán thán chân Phật:

Như Lai tâm đại bi rốt ráo,
 Ánh từ soi khắp không phân biệt;
 Chúng sanh chí thành tất ứng hiện:
 Cho con được thấy tướng hai chân.

Nay con hết lòng cung kính lễ:
 Hai chân Phật với tướng bánh xe.
 Từ bánh xe ấy phóng hào quang,
 Soi khắp mười phương các cõi Phật.

Nay con quy y, cúi đầu lễ:
 Tướng bánh xe quý, chiếu hào quang;
 Chúng sanh thấy hào quang, thoát khổ,
 Ba ác, Tám nạn, đều lìa xa!

Con lại quy y, cúi đầu lễ,
 Hào quang cứu độ các đường ác.
 Thế Tôn vô số kiếp thuở xưa,
 Vì chúng con tu mọi khổ hạnh;

Nay đã thành tựu thân kim cang,
 Từ bàn chân phóng ngàn tia sáng.
 Buồn thương, cung kính xin cúi lễ:
 Tướng bánh xe quý, đời được yên.

Phật tu công đức vì chúng sanh,
 Dưới cội Bồ-đề, trị Bốn ma;
 Trị Bốn ma rồi, thu ngoại đạo,
 Nhờ đó chúng sanh được Chánh kiến.

Cung kính quy y, cúi đầu lễ:
 Hào quang chân Phật soi Chánh kiến;
 Phật là cha lành khắp tất cả,
 Chân phóng hào quang, độ chúng sanh.

*Con lại quy y, cúi đầu lễ,
Bình đẳng thoát khổ, chân phóng quang;
Con được hào quang chân Phật chiếu,
Buồn vui lẫn lộn, thương cảm thay!*

*Con lại bi thương cúi đầu lễ:
Cảm thay, tướng quý bánh xe sáng!
Cúi đầu quy y hào quang chân,
Giáo pháp rốt ráo, thoát Ba cõi.*

*Kính lễ chân Phật, trời, người nường,
Hào quang chiếu khắp Ba cõi khổ;
Chúng sanh chưa bước ra cửa khổ,
Thấy đều nường theo hào quang chân.*

*Chúng con chưa ra khỏi luân hồi,
Làm sao chân Phật nở buông bỏ?
Đau đớn thay! Tất cả chúng sanh,
Đêm dài không thấy hào quang chân.*

*Sám hối với Thế Tôn từ bi.
Hiện bày chân quý tỏa hào quang;
Thương thay! Nay gặp hào quang này,
Biết đến bao giờ được thấy nữa?*

Lúc ấy, ngài Ca-diếp cùng các đệ tử đọc kệ ấy rồi, lại ngã xuống đất hôn mê lần nữa, hồi lâu mới dần dần tỉnh lại, đau đớn nghẹn ngào không sao tự chế. Khi ấy, hai chân kim cang có tướng bánh xe ngàn nan hoa của đấng Đại giác Thế Tôn tự nhiên rút trở vào thánh quan, [tất cả lại] đóng kín như cũ.

Bấy giờ, nhân dân nam nữ trong thành và chư thiên, mọi người cùng đại chúng nhìn thấy ngài Đại Ca-diếp nhiều lần than khóc, đấm ngực kêu la, bi thương chấn

động vô số thế giới đại thiên, tất cả đều cùng nhau mang các phẩm vật đến, bi thương nghẹn ngào dâng lên cúng dường.

Lúc ấy, trong thành Câu-thi-na có bốn vị lực sĩ thân đeo chuỗi ngọc trang nghiêm, tay cầm đuốc thất bảo lớn như bánh xe, chiếu sáng khắp nơi, định châm lửa vào lều gỗ thơm để trà-tỳ thân Như Lai. Đuốc ấy vừa chạm đến lều gỗ thơm bỗng nhiên tắt mất. Ngài Ca-diếp liền nói: “Bảo quan của Đại Thánh, [dù là tất cả] lửa trong Ba cõi còn không thể thiêu cháy, huống chi sức các ông lại có thể đốt được sao?”

Trong thành lại có tám đại lực sĩ tay cầm đuốc lớn thất bảo cháy sáng, cùng nhau đến châm lửa đốt thánh quan, nhưng tất cả đuốc cũng đều tắt cả.

Lại có mười sáu lực sĩ khỏe nhất trong thành, mỗi người đều cầm đuốc lớn thất bảo mang đến châm vào lều gỗ thơm, nhưng đuốc cũng đều tắt hết.

Trong thành lại có ba mươi sáu lực sĩ khỏe nhất, tất cả đều cầm đuốc lớn thất bảo đến châm đuốc vào lều gỗ thơm, nhưng tất cả đuốc cũng đều tắt cả.

Lúc ấy, ngài Ca-diếp bảo các lực sĩ và tất cả đại chúng rằng: “Các vị nên biết rằng, dù cho dùng đến tất cả lửa đuốc của chư thiên và loài người cũng không thể trà-tỳ bảo quan Như Lai. Các vị không cần phải phí công khổ nhọc cố làm việc ấy!”

Bấy giờ, hết thấy nhân dân nam nữ trong thành cùng với chư thiên, mọi người và đại chúng càng thêm bi thương, cùng nhau mang thêm phẩm vật đến, than khóc đau xót dâng lên cúng dường, cùng nhau lễ bái [thánh quan], đi nhiễu quanh bảy vòng theo về bên mặt,

lớn tiếng than khóc, chấn động khắp cõi Tam thiên [đại thiên thế giới].

Lúc ấy, đức Như Lai dùng sức đại bi [khiến cho] từ nơi quả tim trong lồng ngực của ngài bùng lên ngọn lửa rất mạnh tỏa ra bên ngoài thánh quan, chầm chậm trà-tỳ [sắc thân Như Lai]. Ngọn lửa thiêu cháy lâu gỗ thơm, trải qua đủ bảy ngày mới tàn.

Bấy giờ, hết thầy nhân dân nam nữ trong thành cùng với chư thiên, mọi người và đại chúng cùng trải qua bảy ngày than khóc bi thảm, tiếng đau thương không chút lắng dịu; tất cả cùng nhau mang thêm phẩm vật đến cúng dường không ngớt.

Lúc ấy, cả bốn vị thiên vương đều có ý nghĩ giống nhau rằng: “Ta sẽ dùng nước thơm dập tắt lửa để mau chóng tiêu diệt lấy xá-lợi mang về cõi trời cúng dường.”

Nghĩ như vậy rồi, mỗi vị liền lấy bình vàng thất bảo đựng đầy nước thơm; lại mang theo bốn cây đại thọ ở bốn núi Tu-di, là loại cây đặc biệt thơm tho, tinh khiết, chảy ra chất nước như sữa ngọt. Mỗi cây này đều to lớn đến ngàn vòng ôm, cao cả trăm do-tuần, bay theo bốn vị thiên vương rồi từ trên không trung đồng thời hạ xuống chỗ trà-tỳ. Khi ấy, từ những cây này tuôn chảy chất nước như sữa ngọt, các thiên vương thì nghiêng bình vàng chứa nước thơm, cùng lúc tưới cả vào lửa. [Không ngờ] tưới xong thì lửa càng mạnh hơn, không giảm bớt chút nào.

Bấy giờ, các vị thần biển, Long vương Sa-già-la⁽⁶⁾ cùng với các vị thần sông thấy lửa không tắt thì mỗi vị đều nghĩ giống nhau rằng: “Ta sẽ dùng nước thơm tưới cho tắt lửa để mau chóng tiêu diệt lấy xá-lợi về chỗ ta ở mà cúng dường.”

Nghĩ như vậy rồi, mỗi vị đều mang bình báu chứa vô lượng nước thơm đến chỗ trà-tỳ, cùng lúc tưới vào lửa. Sau khi tưới xong lửa vẫn như trước, không giảm bớt chút nào.

Lúc ấy, ngài A-na-luật bảo bốn vị thiên vương và các thần biển rằng: “Các vị dùng nước thơm muốn tưới cho lửa tắt, há chẳng phải là muốn tiêu lấy xá-lợi đem về cúng dường đó sao?”

Tất cả cùng đáp: “Quả đúng như vậy.”

Ngài A-na-luật liền bảo bốn vị thiên vương: “Các vị thật là tham lam quá! Các vị ở trên cõi trời, nếu xá-lợi theo quý vị lên cõi trời thì người ở trần gian làm sao lên đến đó được mà cúng dường?”

Rồi ngài A-na-luật bảo các vị thần biển: “Các vị đều ở những nơi biển lớn, sông sâu, nếu quý vị tiêu lấy xá-lợi của Như Lai, làm sao người ở trần gian đến được chỗ cung điện của các vị mà cúng dường?”

Khi ấy, bốn vị thiên vương liền ngỏ lời sám hối, rồi ai nấy cùng trở về thiên cung. Các vị thần biển, thần sông cũng đều xin sám hối và nói: “Quả đúng như lời dạy của thánh tăng.” Sám hối rồi, các vị đều trở về chỗ ở của mình.

PHẨM PHÂN CHIA XÁ-LỢI

Phẩm thứ tư

Bấy giờ, Đế Thích cầm bình thất bảo và phẩm vật cúng dường hiện đến chỗ trà-tỳ. Ngay lúc đó thì lửa ở chỗ ấy tự nhiên tắt hết. Đế Thích định mở nắp thánh quan Như Lai để thỉnh [xá-lợi của] một cái răng Phật. Ngài A-na-luật thấy vậy liền hỏi: “Ông định làm gì đó?”

Đế Thích đáp: “Tôi muốn thỉnh [xá-lợi của] một chiếc răng Phật đem về cõi trời cúng dường.”

Ngài A-na-luật nói: “Xin ông đừng vội tự ý lấy. Hãy đợi đại chúng cùng phân chia.”

Đế Thích liền nói: “Trước đây đức Phật đã có hứa ban cho tôi [phần xá-lợi của] một chiếc răng. Vì vậy nên tôi vừa đến thì lửa tự nhiên tắt.”

Đế Thích nói rồi liền mở nắp thánh quan, nhặt lấy xá-lợi của một chiếc răng trong miệng Phật ở hàm trên, bên phải. Sau đó trở về thiên cung xây tháp cúng dường.

Lúc ấy, có hai quỷ dạ-xoa và la-sát⁽⁷⁾ ẩn mình theo sau Đế Thích, không ai nhìn thấy, liền trộm lấy xá-lợi hai chiếc răng của Phật.

Bấy giờ, tất cả nhân dân nam nữ trong thành và đại chúng liền cùng lúc kéo đến, định tranh nhau lấy xá-lợi Phật. Ngài A-na-luật bảo họ: “Đại chúng nên bình tâm thả một chút để mọi việc được an lành. Phật đã có dạy, nên theo đúng phép tắc mà phân chia xá-lợi để cùng nhau cúng dường.”

Nhưng lúc ấy tất cả nhân dân nam nữ trong thành và đại chúng đều chẳng nghe lời ngài A-na-luật. Mỗi người đều mang theo giáo mác, cung tên, đao kiếm... tất cả các loại vũ khí. Ai nấy đều tự trang bị đầy đủ, muốn tranh đoạt lấy xá-lợi.

Bấy giờ, mọi người trong thành liền mở thánh quan của Phật ra, thấy tất cả hoa dâu-la và lụa trắng [đặt quanh thân Phật] vẫn còn nguyên không cháy. Thấy vậy rồi, đại chúng lại lớn tiếng kêu khóc, nước mắt tuôn tràn. Họ mang thêm phẩm vật đến, bị thương đau xót dâng lên cúng dường, đem hết lòng thành kính sâu xa lễ bái [trước thánh quan], rồi quỳ mọp xuống, cùng nhau rơi lệ mà đọc kệ xưng tán rằng:

*Như Lai dùng sức đại tự tại,
Trong cả ba đời luôn tự tại;
Vì nguyện đại bi đến cõi này,
Hiện khắp biển khổ độ chúng sanh.*

*Thần thông, trí tuệ, khôn kể xiết,
Vào ra sanh tử, không chướng ngại;
Thường hóa một thân làm nhiều thân,
Nhiều thân, một thân thành vô số.*

*Thần biến hiện khắp, ai cũng thấy,
Vì không duyên nên hiện Niết-bàn;
Chúng con hết phước, không duyên ứng,
Nên Như Lai mới đành buông bỏ.*

*Thánh quan Phật trong rừng sa-la,
Dù đại lực sĩ không nhấc nổi;
Do sức đại bi tự bay lên,
Cao đến ngang tâm cây đa-la.*

*Bay chậm quanh thành Câu-thi-na,
Bảy ngày, bay quanh đủ bảy vòng;
Sau đó tự đến chỗ trà-tỳ,
Chỉ có sức Phật làm được vậy.*

*Khắp cả trời người khôn xét lường,
Như Lai thị hiện Đại Niết-bàn.
Kim cang chẳng hoại, sức tự tại,
Trà-tỳ, lửa thế gian chẳng cháy.*

*Phải nhờ lửa từ bi tâm Phật,
Tự thiêu sắc thân suốt bảy ngày;
Trời, người không thể tắt lửa ấy,
Sức đại bi Như Lai ứng hiện,
Đế Thích vừa đến, lửa liền tắt.*

*Hoa đầu-la mịn quanh thân Phật,
Dù lửa thiêu đốt vẫn không cháy.
Lụa quấn thân Phật trong bảo quan,
Mặc cho lửa đốt vẫn không cháy.*

*Mới biết sức Như Lai tự tại,
Tự tại muôn pháp, xưng Pháp vương.
Kính lễ Đại bi thầy Ba cõi,
Kính lễ bậc thánh Không run sợ,*

*Kính lễ Đại từ che chở khắp,
Kính lễ bậc thần biến tự tại.
Chúng con từ nay lìa Thế Tôn,
Chìm trong biển khổ, không người cứu.*

*Thương thay! Hỡi ôi, Đại Thánh Tôn!
Vĩnh biệt từ nay, đến bao giờ?*

Bấy giờ, đại chúng đọc kệ như vậy rồi lại bi thương khóc kể, ai nấy cùng mang thêm phẩm vật đến, hết lòng đau xót dâng lên cúng dường.

Lúc ấy, ngài A-na-luật vì khắp hàng trời, người và tất cả đại chúng, nhân dân trong thành đang cùng nhau [tụ tập] quanh thánh quan của Phật, liền từ từ tháo mở từng lớp lụa trắng và hoa đầu-la. Một ngàn tấm lụa trắng của ngài Ca-diếp và các đệ tử vẫn còn nguyên không cháy; một ngàn tấm lụa trắng của nhân dân trong thành chỉ trừ một lớp quấn ngoài cùng, còn lại bao nhiêu đều cháy thành tro; riêng hoa đầu-la thì vẫn còn nguyên không cháy.

Bấy giờ, ngài A-na-luật liền lấy số lụa trắng và hoa đầu-la [không cháy] ấy phân thành từng miếng nhỏ, chia đều cho đại chúng, dạy họ xây bảo tháp mà cúng dường.

Ngài A-na-luật lại lấy số tro của lụa đã cháy, cũng phân ra từng phần nhỏ mà chia cho đại chúng, dạy họ xây bảo tháp mà cúng dường.

Ngoài ra, các loại tro khác [ở nơi trà-tỳ] không cần phân chia, mỗi người đều tùy ý lấy về để xây tháp cúng dường.

Trước đó, nhân dân trong thành đã thuê thợ khéo làm ra tám cái bình vàng và tám tòa sư tử, đều trang trí bằng bảy món báu. Mỗi cái bình quý ấy đều chứa được một học, được đặt trên tòa sư tử làm bằng bảy báu. Mỗi tòa sư tử quý ấy đều có ba mươi hai vị lực sĩ, trang sức bằng những chuỗi ngọc bảy báu, màu sắc rực rỡ xen lẫn trên thân, cùng nhắc bổng các tòa sư tử ấy lên. Trên mỗi tòa sư tử lại có tám cô thể nữ trang sức

bằng các chuỗi ngọc thất bảo, nhiều màu rực rỡ xen lẫn, cùng nâng bình quý; lại có tám cô thể nữ trang sức bằng chuỗi ngọc, cầm lọng bằng bảy báu che trên bình quý; lại có tám cô thể nữ trang sức bằng các chuỗi ngọc, tay cầm gương bằng bảy báu đứng bảo vệ bình quý; lại có tám cô thể nữ trang sức bằng chuỗi ngọc, cầm cờ lông trĩ cắm ở bốn phía bình quý.

Mỗi tòa sư tử quý ấy đều có vô số người cầm các loại nhạc khí vi diệu, cờ phướn, lọng quý, hoa, hương, chuỗi ngọc vây quanh cúng dường; lại có vô số người cầm cung tên, giáo mác, dây trói, lưới câu dài... và mọi thứ chiến cụ vây quanh.

Từ trong thành Câu-thi-na, họ vây quanh các tòa sư tử với bình báu ấy, cùng tiến về nơi trà-tỳ [thân Như Lai].

Khi tám tòa sư tử bằng bảy báu ấy đã ra khỏi thành rồi, những người trong thành liền mang theo vô số hương bột nhão, hương nước, đi sau các lực sĩ mà dọn dẹp, san lấp đất đai, làm cho đường đi trở nên mềm ướt, mát mẻ, thơm tho, rộng rãi, nghiêm trang, kéo dài cho đến tận nơi trà-tỳ. Hai bên đường lại có vô số cờ quý, phướn lọng, hương, hoa, chuỗi ngọc trai quý, đủ các màu sắc rực rỡ xen lẫn, [lại trỗi lên các loại] âm nhạc huyền ca, tô điểm cho đường xá, chờ rước xá-lợi của Đại Thánh Thế Tôn về qua đó. Mọi người cũng vây quanh các lực sĩ khiêng tám tòa sư tử thất bảo mà đến nơi trà-tỳ.

Đến nơi, họ khóc lóc rất thảm thiết, kêu la khản tiếng, chấn động cả cõi [thế giới] đại thiên. Họ lại mang theo các phẩm vật, hết lòng chí thành dâng lên cúng dường [xá-lợi Như Lai].

Bấy giờ, do sức đại bi của Thế Tôn nên thân kim cang của Phật tự nhiên tan nát thành [vô số] hạt xá-lợi rất nhỏ, chỉ còn lại [nguyên vẹn xá-lợi của] bốn chiếc răng không thể hư hoại.

Lúc ấy, đại chúng được nhìn thấy xá-lợi [Như Lai] rồi càng bi thương đau đớn, liền mang thêm phẩm vật đến, rơi lệ chua xót dâng lên cúng dường.

Khi ấy, ngài A-na-luật và mọi người trong thành, nước mắt lưng tròng, cùng nhau thâu nhặt xá-lợi [Phật] cho vào tám cái bình quý làm bằng bảy báu trên tòa sư tử. Khi nhặt hết xá-lợi thì vừa đầy tám bình quý ấy.

Bấy giờ, tất cả đại chúng, chư thiên và mọi người nhìn thấy xá-lợi Phật được đưa hết vào trong bình quý rồi, lại càng thêm bi thương đau đớn; họ rơi lệ, lại dùng phẩm vật đã mang theo chí thành dâng lên cúng dường [xá-lợi Như Lai].

Lúc ấy, các lực sĩ và nhân dân nam nữ trong thành Câu-thi-na sắp sửa mang các bình quý chứa xá-lợi Phật vào thành. Đại chúng càng thêm bi thương, ai nấy đều dùng những phẩm vật đã mang theo dâng lên cúng dường.

Bấy giờ, các đại lực sĩ có dân trong thành vây quanh, thấy đều bi thương đau xót, nghẹn ngào rơi lệ, cùng nhau khiêng tám tòa sư tử bằng bảy báu theo con đường rười rượi thơm đã được sửa dọn sạch sẽ để về thành Câu-thi-na.

Lúc ấy, tất cả đại chúng, chư thiên và mọi người càng thêm bi ai đau đớn, [kêu khóc] chấn động thế giới; họ mang các phẩm vật theo sau xá-lợi [Phật], khóc than thảm thiết mà cúng dường. Khi xá-lợi của Như Lai đã

đưa vào trong thành rồi, mọi người liền đặt yên tại một ngã tư đường.

Bấy giờ, nhân dân trong thành Câu-thi-na liền bố trí đủ bốn đạo binh,⁽⁸⁾ vô số quân lính, thân mang áo giáp, tay cầm vũ khí, đi tuần quanh thành Câu-thi-na. Khắp bốn phía thành và chung quanh thành đều có vô số quân binh xếp thành nhiều vòng, phòng bị nghiêm mật, vì e có những người từ nơi khác kéo đến cướp đoạt [xá-lợi Phật]. Tuy chuẩn bị đầy đủ hình thức phòng bị như vậy, nhưng họ thật không có lòng muốn gây chiến.

Lại có năm trăm vị thầy chú thuật rất giỏi trấn giữ ở bốn cửa thành để ngăn ngừa tai ách. Lại dùng vô số cờ báu, phướn lọng trang nghiêm vi diệu, cờ lớn bằng lông chim trĩ, cắm ở bốn góc thành, nghiêm trang cúng dường, vì muốn phù hợp với nghi thức.

Khi ấy, tất cả nhân dân nam nữ trong thành cùng với đại chúng, chư thiên và mọi người khác càng thêm bi thương ai oán, cùng nhau mang thêm các phẩm vật đến rồi hết lòng chí thành dâng lên cúng dường [xá-lợi Phật].

Các bình quý đựng xá-lợi [Phật] đặt trên tòa sư tử trải qua được bảy ngày. Trong bảy ngày ấy, tất cả đại chúng đều than khóc ngày đêm, tiếng bi thương không ngớt. Mọi người đều dùng những phẩm vật đã mang đến để hết lòng thành kính dâng lên cúng dường [xá-lợi Phật].

Tám tòa sư tử làm bằng bảy báu ấy đều có năm trăm vị thầy chú thuật rất giỏi [thường xuyên] canh giữ, đề phòng có những hạng trời, rồng, dạ-xoa, thần, quỷ lén đến lấy [xá-lợi Phật].

Trải qua bảy ngày ấy rồi, quyền thuộc trong dòng họ Phật sanh ra, [tức là] quốc vương thành Ca-tỳ-la và những người trong họ Thích-ca, mới biết là Phật đã nhập Niết-bàn. Do oai lực của Phật nên trước đó dù Phật đã nhập Niết-bàn đến ba tuần lễ họ vẫn không hề hay biết.

Bấy giờ, quốc vương Ca-tỳ-la cùng với những người họ Thích-ca đều than khóc bi thảm, cùng nhau đi thật nhanh đến thành Câu-thi-na. Đến nơi, họ thấy vô số binh lính đang bao quanh canh gác ngoài thành. Họ lại nhìn thấy [khắp nơi đây] những cờ báu, phướn lọng giăng bày, khắp bốn góc thành, che khuất cả cõi nước; lại có những vị thầy chú thuật giỏi canh giữ bốn cửa thành.

Quốc vương [Ca-tỳ-la] và những người dòng họ Thích-ca liền hỏi các thầy chú thuật: “Phật đã nhập Niết-bàn rồi sao?”

Các thầy ấy đáp: “Phật nhập Niết-bàn đến nay đã bốn tuần rồi.⁽⁹⁾ Lễ trà-tỳ đã xong, bây giờ sắp sửa phân chia xá-lợi.”

Quốc vương [Ca-tỳ-la] nói: “Chúng tôi đều là quyền thuộc trong dòng họ Phật đản sanh. Oai lực của Phật khiến cho chúng tôi [trong suốt ba tuần] không hay biết rằng Như Lai đã vào Niết-bàn. Nay chúng tôi muốn được thấy xá-lợi của Như Lai, vậy các ông hãy mở đường cho chúng tôi vào.”

Nghe vậy rồi, các thầy chú thuật và binh lính [canh gác] liền để cho quốc vương [Ca-tỳ-la] và những người họ Thích-ca vào thành. Khi vào thành rồi, vua và những người họ Thích-ca nhìn thấy xá-lợi Phật trên những tòa sư tử thì đau đớn nghẹn ngào, nước mắt ràn rụa, cùng

nhau đi nhiều quanh [các tòa sư tử] bảy vòng theo chiều bên phải. Nhiều quanh bảy vòng rồi, họ cùng nhau nuốt lệ, nói rằng: “Chúng tôi muốn thỉnh một phần xá-lợi Như Lai đem về cúng dường.”

Đại chúng đáp rằng: “Tuy chúng tôi biết các vị là quyến thuộc dòng họ Thích-ca, nhưng Phật Thế Tôn trước đã có dạy việc phân chia xá-lợi, không hề có dạy chia phần cho các vị. Xá-lợi ở đây đều đã có người thỉnh, các vị làm sao có được? Xin hãy về đi thôi!”

Bấy giờ, quốc vương [Ca-tỳ-la] và những người họ Thích-ca thỉnh cầu không được, tất cả đều buồn khổ than khóc bi thương, rồi ngã xuống đất hôn mê, hồi lâu mới tỉnh lại. Họ không nén được lòng đau thương, liền nói với người trong thành rằng: “Như Lai Thế Tôn thuộc dòng họ Thích-ca của chúng tôi, vì thương xót các ông nên mới nhập Niết-bàn tại đây. Vì sao các ông lại khinh thường, không chịu chia cho chúng tôi một phần xá-lợi?”

Nói như vậy rồi, tất cả cùng nhau lễ bái xá-lợi, đi nhiều quanh bảy vòng về bên phải, khóc lóc thảm thiết, nước mắt ràn rụa, sanh lòng tức giận và đau xót ra về.

Bấy giờ, [nhắc lại chuyện trước đây,] vua nước Ma-kiệt-đà⁽¹⁰⁾ là A-xà-thế sau khi đã giết hại cha [là vua Tần-bà-sa-la], sanh lòng hối hận vô cùng, trên người phát sanh ghẻ độc [đau đớn cùng cực]. Nhờ đức Thế Tôn [từ bi nhập tam-muội] Nguyệt ái phóng hào quang chiếu lên thân ông, bệnh ghẻ độc nơi thân liền khỏi hẳn.⁽¹¹⁾ Vua liền tìm đến chỗ Phật, bi thương khẩn thiết cầu xin sám hối. Đức Thế Tôn đại bi liền dùng nước thuốc cam lộ nhiệm mầu là Chánh pháp để rửa sạch ghẻ độc [tội lỗi trong tâm vua].⁽¹²⁾ Tội lỗi rất nặng của vua liền được

dứt trừ, vua trở về cung, không hề hay biết việc Như Lai [sắp] nhập Niết-bàn.

Ngay trong đêm Phật nhập Niết-bàn, vua A-xà-thế nằm mộng thấy mặt trăng rơi xuống; mặt trời từ dưới đất mọc lên, tinh tú mây mưa rơi rớt tán loạn; lại thấy hơi khói dưới đất xông lên, rồi thấy bảy ngôi sao chổi hiện trên trời. Vua lại mộng thấy trên trời có đám lửa lớn, ửng đỏ khắp hư không, rồi cùng một lúc rơi xuống đất. Ngay khi vừa tỉnh mộng, vua cảm thấy trong lòng hết sức kinh sợ, run rẩy; liền triệu tập quần thần, kể lại giấc mộng ấy và hỏi: “Đó là điềm gì vậy?”

Các quan tâu rằng: “Đó là điềm chẳng lành, Phật đã nhập Niết-bàn. Sau khi Phật diệt độ, phiền não sẽ khởi sanh mạnh mẽ trong chúng sanh Ba cõi, Sáu đường, cho nên bệ hạ thấy lửa lớn hiện ra, từ trên không trung rơi xuống đất.

“Phật diệt độ rồi, hào quang từ bi [của tam-muội] Nguyệt ái và mây lành trí tuệ che khắp [chúng sanh] thấy đều dứt mất, nên vua mộng thấy mặt trăng rớt xuống, tinh tú rụng rơi. [Đó là điềm báo] sau khi Phật nhập Niết-bàn, tám mươi ngàn điều luật nghi cùng tất cả phép tắc giới hạnh đều sẽ bị chúng sanh phạm vào; vì họ không y theo lời Phật dạy, chỉ làm theo tà pháp nên phải đọa xuống địa ngục.

“Mặt trời từ dưới đất mọc lên, đó là điềm sau khi Phật nhập Niết-bàn các sự khổ não trong ba đường ác tích tụ [rất nhiều, giống như] ánh mặt trời xuất hiện ở thế gian.

“[Vì những việc trên] nên vua cảm ứng thấy giấc mộng như vậy.”

Vua nghe lời tâu như vậy rồi, ngay giữa đêm ấy liền cùng các quan lên đường hướng đến thành Câu-thi-na. Đến nơi, vua nhìn thấy vô số binh lính đang phòng vệ quanh thành Câu-thi-na. Vua lại thấy ở cửa thành có những thầy chú thuật giỏi để phòng ngừa tai biến đến từ bên ngoài. Thấy như vậy rồi, vua liền hỏi các thầy chú thuật: “Phật đã nhập Niết-bàn rồi sao?”

Các thầy chú thuật đáp: “Phật nhập Niết-bàn đến nay đã trải qua bốn tuần. Hiện giờ đại chúng sắp phân chia xá-lợi Phật.”

Vua nói: “Phật nhập Niết-bàn tôi không hay biết chi cả. Đến khi tôi nằm mộng thấy sự chẳng lành liền đem ra hỏi các quan, mới biết rằng Như Lai đã nhập Đại Niết-bàn. Nay tôi muốn vào thành lễ bái xá-lợi kim cang của Như Lai, xin các vị hãy mở đường cho chúng tôi vào.”

Các thầy chú thuật liền để cho vua vào. Vua vào trong thành, đến tại ngã tư đường, nhìn thấy những bình quý đựng xá-lợi [Như Lai] đặt trên các tòa sư tử, lại thấy đại chúng đang bị thương đau xót cúng dường. Vua liền cùng các quan tùy tùng đồng thời lễ bái, đau đớn khóc lóc, nước mắt ràn rụa, cùng đi nhiễu quanh [xá-lợi Phật] bảy vòng về phía bên phải, bị thương thảm thiết [dâng phẩm vật] cúng dường.

Sau đó, vua thưa với đại chúng xin thỉnh một phần xá-lợi Như Lai để đem về nước mình [xây tháp] cúng dường.

Đại chúng đáp rằng: “Sao ngài đến muộn thế? Phật trước đây có dạy cách phân chia xá-lợi, tất cả đều đã có người thỉnh rồi, không có phần của ngài. Vậy ngài nên trở về đi thôi!”

Thỉnh cầu không được toại nguyện, vua A-xà-thế sầu khổ không vui, liền lễ bái xá-lợi [lần nữa] rồi buồn bực ra về.

Lúc ấy, Phật nhập Niết-bàn đã ba tuần, vị vua nổi tiếng của nước ngoại đạo Tỳ-ly⁽¹³⁾ mới hay biết, liền dẫn theo các quan vội vã đi nhanh đến thành Câu-thi-na. Đến nơi, vua nhìn thấy vô số binh lính của bốn đạo binh phòng vệ thành Câu-thi-na, vây quanh rất nhiều vòng.

Bấy giờ, Phật nhập Niết-bàn đã ba tuần, vua xứ A-lặc-già-la mới hay biết, liền dẫn theo các quan vội vã đến thành Câu-thi-na. Đến nơi, vua nhìn thấy vô số binh lính của bốn đạo binh phòng vệ thành Câu-thi-na, vây quanh rất nhiều vòng.

Lúc ấy, Phật nhập Niết-bàn đã ba tuần, vua Bất Úy nước Tỳ-nậu mới hay biết.

Lại có vua nước Già-la-ca-la, Phật nhập Niết-bàn đã ba tuần mới hay biết.

Lại có vua nước Sư-già-na, Phật nhập Niết-bàn đã ba tuần mới hay biết.

Bấy giờ, Phật nhập Niết-bàn đã ba tuần, vị vua nổi tiếng của nước ngoại đạo Ba-kiên-la mới hay biết, liền dẫn theo các quan, vội vã đến thành Câu-thi-na. Đến nơi, vua nhìn thấy vô số binh lính của bốn đạo binh phòng vệ thành Câu-thi-na, vây quanh rất nhiều vòng. Vua lại thấy ở cửa thành có những thầy chú thuật rất giỏi, để phòng ngừa tai biến đến từ bên ngoài. Vua liền hỏi các thầy chú thuật rằng: “Phật đã nhập Niết-bàn rồi sao?”

Các thầy chú thuật đáp: “Phật nhập Niết-bàn đến nay đã bốn tuần rồi, hiện giờ đại chúng sắp phân chia xá-lợi.”

Vua liền bảo các thầy chú thuật: “Phật đã nhập Niết-bàn nhưng tôi không hay biết gì cả nên mới đến muộn. Nay tôi muốn vào thành lễ bái, cúng dường xá-lợi Như Lai, xin các ông mở đường cho.”

Các thầy chú thuật nghe vậy rồi liền để cho vua vào. Đi tới ngã tư đường, vua nhìn thấy những tòa sư tử trang nghiêm bằng bảy món báu, trên có đặt xá-lợi Phật dựng trong những bình quý làm bằng bảy báu. Vua lại thấy đại chúng đang bị thương đau xót cúng dường. Vua cùng với các quan tùy tùng liền đồng thời lễ bái, bị thương đau đớn rơi lệ, đi quanh [xá-lợi Phật] bảy vòng theo chiều bên phải, ai nấy đều dâng lễ vật, bị thương thảm thiết cúng dường.

Vua lại bảo đại chúng rằng: “Phật nhập Niết-bàn nhưng tôi không hay biết. Đau đớn thay! Tôi chẳng được nhìn thấy Phật [lần cuối]. Xin đại chúng chia cho tôi một phần xá-lợi để mang về nước cúng dường.”

Đại chúng đáp rằng: “Sao ngài đến muộn thế? Phật trước đây có dạy cách phân chia xá-lợi, tất cả đều đã có người thỉnh rồi, không có phần của ngài. Vậy ngài nên trở về đi thôi.”

Thỉnh cầu không được, vua và các quan đều lấy làm buồn rầu, lễ bái xá-lợi [lần nữa] rồi bị thương luyến tiếc quay về.

Bấy giờ, vua và quần thần của bảy nước như Ca-tỳ-la, [Ma-kiệt-đà, A-lặc-già-la]... vì thỉnh cầu không được toại nguyện nên sanh lòng bi thương, giận dữ, bực tức quay về mà lòng chưa yên. [Vì thế,] khi về nước rồi mỗi vị đều sai sứ thần đến thành Câu-thi-na để thỉnh cầu xá-lợi một lần nữa. Người trong thành Câu-thi-na trả

lời rằng: “Đức Từ phụ Thế Tôn đã nhập Niết-bàn tại đất nước chúng tôi, toàn thân xá-lợi của ngài phải được lưu giữ muôn đời tại đây để cúng dường. Chúng tôi sẽ không bao giờ phân chia cho người ngoài nước.”

[Vua] các nước liền nói rằng: “Nếu chịu phân chia thì tốt, bằng như không chịu phân chia, chúng tôi sẽ dùng sức mạnh mà đoạt lấy.”

Người trong thành đáp lại: “Nếu [các ngài] chỉ dùng sự đánh nhau [để giành lấy] thì sẽ không bao giờ có được [xá-lợi Phật].”

Vua A-xà-thế lại sai đại thần là Vũ Hành⁽¹⁴⁾ đem binh đến thỉnh một phần [xá-lợi], bảo người trong thành Câu-thi-na rằng: “Nếu chịu phân chia [xá-lợi] thì tốt, bằng không chịu phân chia, chúng tôi sẽ tăng thêm binh lực, quyết dùng sức mạnh mà đoạt lấy cho bằng được.”

Người trong thành đáp: “Xin cứ tùy ý mà làm.”

Liền đó, trong thành Câu-thi-na có bao nhiêu những tráng sĩ, [cho đến] nhân dân nam nữ, thấy đều phòng vệ bằng cung tên, tất cả cùng kéo ra [ngoài thành], bốn binh tề chỉnh, chuẩn bị giao chiến với quân các nước khác.

Khi ấy, nước Tỳ-ly, những người họ Lê-xa, chiêu tập đủ bốn đạo binh, kéo đến [ngoài] thành Câu-thi-na, đóng giữ một phía.

Nước A-lặc-già-la, những người dòng Sát-đế-lợi, cũng tập trung đủ bốn đạo binh, kéo đến [ngoài thành Câu-thi-na], đóng giữ một phía.

Nước Tỳ-nậu, những người dòng bà-la-môn, cũng tập trung đủ bốn đạo binh, kéo đến [ngoài thành Câu-thi-na], đóng giữ một phía.

Nước Già-la-ca-la, những người dòng họ Thích-ca, cũng tập trung đủ bốn đạo binh, kéo đến [ngoài thành Câu-thi-na], đóng giữ một phía.

Nước Sư-già-na, những người Câu-lâu-la, cũng tập trung đủ bốn đạo binh, kéo đến [ngoài thành Câu-thi-na], đóng giữ một phía.

Nước Ba-kiên-la, những người lực sĩ, cũng tập trung đủ bốn đạo binh, kéo đến [ngoài thành Câu-thi-na], đóng giữ một phía.⁽¹⁵⁾

Lúc ấy, thành Câu-thi-na bị quân bảy nước vây quanh, tất cả đều sắp sửa [tiến vào thành để] đoạt lấy xá-lợi Phật.

Bấy giờ, trong đại chúng có vị bà-la-môn là Tánh Yên⁽¹⁶⁾ ở giữa quân binh các nước mà cất tiếng nói lớn rằng: “Các vị đứng đầu những lực sĩ trong thành Câu-thi-na, xin hãy nghe đây! Trong vô số kiếp, đức Phật đã tích chứa điều lành, tu hạnh nhẫn nhục. Các vị cũng thường được nghe [Thế Tôn] ngợi khen pháp nhẫn nhục. Nay có lẽ nào ngay sau khi Phật vừa diệt độ, các vị chỉ vì xá-lợi Phật mà khởi binh tranh đoạt? Các vị nên biết, đó không phải là kính thờ xá-lợi! Nay [tôi đề nghị] chỉ nên chia đều xá-lợi thành tám phần, [không nên tranh giành nhau].”

Các lực sĩ [trong thành Câu-thi-na] đều nói: “Chúng tôi xin cung kính vâng theo lời ngài.”

Lúc ấy, Bà-la-môn Tánh Yên liền phân chia xá-lợi làm tám phần [bằng nhau] rồi nói rằng: “Thưa tất cả các vị! Những bình rỗng này đã từng chứa xá-lợi, xin cho tôi được nhận. Tôi sẽ mang về xứ Đâu-na-la xây Tháp Bình và dâng hoa, hương, phướn, lọng, âm nhạc để cúng dường.”

Mọi người đáp rằng: “Chúng tôi chấp thuận thỉnh cầu của ngài.”

Bấy giờ, có vị cư sĩ bà-la-môn tên là Tất-ba-diên-na lớn tiếng thưa rằng: “Các vị đứng đầu những lực sĩ thành Câu-thi-na, xin hãy nghe đây! [Tất cả] tro tàn ở nơi trà-tỳ Phật, xin cho tôi được nhận. Tôi sẽ đem về nước xây Tháp Tro, cúng dường bằng hoa, hương, âm nhạc.”

Mọi người đáp rằng: “Chúng tôi chấp thuận thỉnh cầu của ngài.”

Lúc ấy, người trong thành Câu-thi-na được nhận phần xá-lợi Phật thứ nhất, liền xây tháp trong nước, dùng hoa, hương, âm nhạc các thứ để cúng dường.

Người nước Ba-kiên-la được nhận phần xá-lợi Phật thứ nhì, mang về nước xây tháp, dùng mọi thứ [phẩm vật] để cúng dường.

Những người Câu-lâu-la của nước Sư-già-na được nhận phần xá-lợi Phật thứ ba, liền trở về xây tháp, dâng mọi thứ [phẩm vật] để cúng dường.

Những người Sát-đế-lợi của nước A-lặc-già-la được nhận phần xá-lợi Phật thứ tư, liền trở về nước xây tháp cúng dường.

Những người Bà-la-môn nước Tỳ-nậu được nhận phần xá-lợi Phật thứ năm, liền trở về nước xây tháp, dùng mọi thứ [phẩm vật] để cúng dường.

Những người Lê-xa nước Tỳ-ly được nhận phần xá-lợi Phật thứ sáu, trở về nước xây tháp, cúng dường bằng mọi thứ [phẩm vật].

Những người họ Thích-ca⁽¹⁷⁾ nước Già-la-ca-la được nhận phần xá-lợi Phật thứ bảy, trở về nước xây tháp, dâng hoa, hương cúng dường.

Vua A-xà-thế của nước Ma-kiệt-đà được nhận phần xá-lợi Phật thứ tám, trở về thành Vương Xá xây tháp, dâng hoa, hương, âm nhạc mọi thứ cúng dường.

Bà-la-môn Tánh Yên được nhận những bình đã dùng đựng xá-lợi Phật, trở về xứ Đâu-na-la xây tháp, dâng hoa, hương cúng dường.

Vị cư sĩ bà-la-môn Tất-ba-diên-na được nhận [tất cả] tro tàn [còn lại ở nơi trà-tỳ Như Lai], liền mang tro ấy về nước mình xây tháp cúng dường.

[Như vậy, vào] lúc ấy trong khắp cõi Diêm-phù-đề có tám tháp thờ xá-lợi Phật, tháp thứ chín thờ bình [đựng xá-lợi], tháp thứ mười thờ tro tàn [ở nơi trà-tỳ Như Lai].⁽¹⁸⁾ Việc phân chia xá-lợi như vậy là hoàn tất.

Lúc ấy, các vị Bồ Tát và chúng Thanh văn, chư thiên, loài người, loài rồng, loài quỷ, các vị quốc vương, trưởng giả, đại thần, nhân dân [cho đến] tất cả đại chúng đều bị thương đau đớn, đấm ngực than khóc lớn tiếng rồi ngã lăn ra đất. Sau đó, tất cả đều lễ bái [xá-lợi Phật] rồi ra về.

KINH ĐẠI BÁT NIẾT-BÀN

HẾT QUYỂN BỐN MƯƠI HAI

CHÚ GIẢI

1. Đại Ca-diếp (*Mahā-kāśyapa*): là một trong Thập đại đệ tử của Phật. Vị này khác với Bồ Tát Ca-diếp đã thưa hỏi Phật trong phẩm Bồ Tát Ca-diếp cũng như ở các nơi khác trong kinh này.
2. Tăng phường: nơi trú ngụ, chỗ ở của chư tăng, ni.
3. Đức Phật từ bi không để chư thiên nghe được những lời này, vì biết rằng các vị vì bảo hộ Chánh pháp sẽ trừng trị các tỳ-kheo này; lại không để các đệ tử của ngài Ca-diếp nghe được vì e rằng tín tâm và trí tuệ của họ chưa đủ vững vàng sẽ có thể sẽ bị ảnh hưởng xấu.
4. Núi Quạt: tức núi Kỳ-xà-quật, tên Phạn ngữ là *Gr̥dhrakūṭa*.
5. Tướng bánh xe đủ ngàn nan hoa: một trong các tướng tốt của Phật, là giữa lòng bàn chân có các đường vân xoáy hình bánh xe có đủ ngàn cây nan hoa, nên gọi là tướng Thiên phúc luân.
6. Long vương Sa-già-la, phiên âm từ Phạn ngữ *Sāgara*.
7. Dạ-xoa và la-sát, phiên âm từ Phạn ngữ là *yakṣa* và *rakṣasa*. Nguyên bản Hán văn dùng tiếp tậ, la-sát (捷疾羅刹); tiếp tậ là cách dịch cũ (Cựu dịch) theo nghĩa của dạ-xoa, còn la-sát dịch nghĩa là bạo ác quỷ (暴惡鬼).
8. Bốn đạo binh: gồm binh dùng voi, binh dùng ngựa, binh dùng xe và binh đi bộ. Quân đội thời ấy thường có đủ bốn đạo binh này.
9. Đoạn này không thấy nói rõ, nhưng có thể hiểu là những người dòng họ Thích-ca đã phải đi mất một tuần mới đến được thành Câu-thi-na. Vì sau ba tuần thì họ biết tin và khi đến nơi thì đã bốn tuần.
10. Nước Ma-kiệt-đà (*摩竭陀*), phiên âm từ Phạn ngữ *Magadha*, là tên nước do vua Tần-bà-sa-la cai trị, sau bị con trai là A-xà-thế giết chết để cướp ngôi. Nguyên bản Hán văn dùng Ma-già-đà, cũng là một cách phiên âm khác nhưng không quen thuộc lắm với nhiều người. Tên nước này còn được phiên âm là Ma-ha-đà (*摩訶訶*), Ma-kiệt-đê (*摩竭提*)...
11. Xem lại chi tiết chuyện này ở quyển 19.
12. Nguyên bản Hán văn viết: “dĩ cam lộ pháp được tẩy dăng thân sang” chắc là nhầm, vì không đúng với chi tiết đã kể rõ trong quyển 19. Chúng tôi ngờ chữ thân (身) ở đây phải là chữ tâm (心) mới hợp nghĩa.
13. Nước Tỳ-ly, phiên âm từ Phạn ngữ *Vr̥ji*, cũng thường đọc là Tỳ-ly-tử, là một trong mười sáu nước lớn vào thời đức Phật, còn có rất nhiều cách phiên âm khác như Bạt-kỳ, Bạt-xà, Tỳ-lê-kỳ, Việt-kỳ, Phất-lật-thị... Thời Phật tại thế, vua A-xà-thế có lần muốn mang quân đánh nước này, sai đại thần là Vũ Xá (*Varṣakāra*) đến thỉnh ý Phật. Phật đưa ra bảy điều để khuyên vua không nên đánh. Vua A-xà-thế nghe

lời bãi binh. Theo Đại Đường Tây vực ký, quyển 7, thì nước này có chu vi hơn bốn ngàn dặm, nằm ở vị trí cao, đất đai cây cối xanh tốt, khí hậu rất lạnh, người dân đa phần tin theo ngoại đạo, ít người tin Phật pháp, chư tăng ở đây theo học cả Đại thừa lẫn Tiểu thừa. Trong kinh này gọi đây là nước ngoại đạo, chứng tỏ vào thời đức Phật thì dân nước này cũng đã tin theo ngoại đạo nhiều hơn theo Phật.

14. Vũ Hành, dịch từ Phạn ngữ là *Varṣakāra*, phiên âm là Bà-lợi-ca hoặc Bà-lợi-sa-ca-la, cũng dịch nghĩa là Vũ Xá, Vũ Thế, Hành Vũ... chính là người trước đây cùng Đề-bà-đạt-đa xúi giục vua làm chuyện ác hại cha. Sau khi vua A-xà-thế lên ngôi, Vũ Hành trở thành đại thần nắm giữ binh quyền, được vua tin cậy.
15. Đoạn này nguyên bản Hán văn có nhiều sự nhầm lẫn, chẳng hạn như những người họ Thích-ca (*Śākya*) là thuộc nước Ca-duy-la-vệ (Kapilavastu) mà trên đây đã gọi là Ca-tỳ-la, chứ không thuộc nước Già-la-ca-la. Chúng tôi tham khảo thêm kinh Du hành trong Trường A-hàm, quyển 4 (Đại chánh tạng quyển 1, kinh số 01), xin dẫn ra các nước đến cầu xá-lợi Phật để độc giả tiện tham khảo: 1. Nước Già-la-ba (*Amalākapa*), dân tộc Bạt-la (*Bulaya*); 2. Nước La-ma-ca (*Rāmagrāma*), dân tộc Câu-lợi (*Kaulya*); 3. Nước Tỳ-lưu-đề (*Vethādīpa*), người dòng Bà-la-môn; 4. Nước Ca-duy-la-vệ (*Kapilavastu*), dòng họ Thích-ca (*Śākya*); 5. Nước Tỳ-xá-ly (*Vaiśālī*), dòng họ Ly-xa (*Licchavī*); 6. Nước Ma-kiệt-đà (*Magadha*) của vua A-xà-thế (*Ajātasatru*). 7. Nước Tỳ-ly (*Vrjī*) hay Tỳ-ly-tử; tất cả cùng tranh chấp với người trong thành Câu-thi-na (*Kuśinagara*). Có một chi tiết cũng được nêu ra trong Trường A-hàm là những người của nước Già-la-ca-la (hay Già-la-phả-la) viện cớ rằng đức Thế Tôn xưa thuộc dòng Sát-đế-lợi (kinh này gọi là Võ sĩ tộc), cũng giống như họ, nên họ có quyền được thỉnh một phần xá-lợi Phật. Phải chăng do chi tiết này mà có sự nhầm lẫn là họ Thích-ca thuộc nước Già-la-ca-la?
16. Tánh Yên: tên vị này dịch từ Phạn ngữ là *Dhūma*, các bản trước đây đều dịch là “Bà-la-môn họ Yên”. Tham khảo Trường A-hàm quyển 4 (Đại chánh tạng quyển 1, kinh số 01), kinh Du hành, trong đoạn kể lại sự việc giống như ở đây thì vị này là Bà-la-môn Hương Tánh, đã vâng sắc chỉ của vua A-xà-thế đến thành Câu-thi-na đòi chia xá-lợi Phật, nhưng người trong thành không chịu nghe theo. Sau đó cũng chính vị này đứng ra giảng hòa sự xung đột này. Tánh Yên và Hương Tánh đều là dịch từ Phạn ngữ *Dhūma*, vì từ này có nghĩa là hương, khói... nên đây chỉ là một người mà thôi. Như vậy, rõ ràng hai chữ “Tánh Yên” được dùng để chuyển dịch tên của vị này chứ không phải chỉ họ Yên. Kinh Đại Bát Niết-bàn thuộc Trường A-hàm do ngài Pháp Hiển dịch (Đại chánh tạng quyển 1, kinh số 07) cũng có nhắc đến vị bà-la-môn này với tên phiên âm là Đồ-lô-na (徒盧那) và kể lại sự việc giảng hòa tương tự, nhưng lại nói rằng vị này là người trong thành Câu-thi-na.
17. Theo kinh Du hành thuộc Trường A-hàm thì đây phải là dân tộc Bạt-la (*Bulaya*) chứ không phải họ Thích-ca.
18. Trong Trường A-hàm còn kể thêm tháp thứ mười một thờ tóc của Phật lúc còn tại thế.

MỤC LỤC

PHÂN HÁN VĂN & CHÚ ÂM

卷第三十七	
迦葉菩薩品-第十二之五	6-7
卷第三十八	
迦葉菩薩品-第十二之六	90-91
卷第三十九	
憍陳如品-第十三之一	162-163
卷第四十	
憍陳如品-第十三之二	272-273
卷第四十一	
憍陳如品-第十三之三	370-371
遺教品-第一	376-377
應盡還源品-第二	406-407
卷第四十二	
機感荼毘品-第三	481-482
聖軀廓潤品-第四	512-513

PHÂN DỊCH NGHĨA

QUYỂN BA MƯƠI BẢY	
BỔ TÁT CA-DIỆP	
Phẩm thứ mười hai - Phần năm	54
QUYỂN BA MƯƠI TÁM	
BỔ TÁT CA-DIỆP	
Phẩm thứ mười hai - Phần sáu	134
QUYỂN BA MƯƠI CHÍN	
KIỀU-TRẦN-NHƯ	
Phẩm thứ mười ba - Phần một	226
QUYỂN BỐN MƯƠI	
KIỀU-TRẦN-NHƯ	
Phẩm thứ mười ba - Phần hai	328
QUYỂN BỐN MƯƠI MỐT	
KIỀU-TRẦN-NHƯ	
Phẩm thứ mười ba - Phần ba	432
LỜI DẠY CUỐI CÙNG - Phẩm thứ nhất	437
DUYÊN DỨT VỀ NGUỒN - Phẩm thứ nhì	460
QUYỂN BỐN MƯƠI HAI	
LINH ỨNG KHI TRÀ-TỈ - Phẩm thứ ba	536
PHÂN CHIA XÁ-LỢI - Phẩm thứ tư	558